

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIÀN

PHAN ĐĂNG NHẬT (chủ biên)

LUẬT TỤC CHĂM
&
LUẬT TỤC RAGLAI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

LUẬT TỤC CHĂM
VÀ
LUẬT TỤC RAGLAI

Nhóm biên soạn :

Thạc sĩ Tô Đông Hải

GS.TSKH. Phan Đăng Nhật

Cử nhân Sakaya

Chamaliaq Riya Tiêng

Cử nhân Trần Vũ

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIÀN

PHAN ĐĂNG NHẬT (chủ biên)

LUẬT TỤC CHĂM
VÀ
LUẬT TỤC RAGLAI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2003

LỜI GIỚI THIỆU

Từ năm 1995 tới nay, trong khuôn khổ dự án điều tra, sưu tầm di sản văn hóa dân gian các tộc người ở Việt Nam, nhóm nghiên cứu Hương ước và luật tục của Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian đã phối hợp với các địa phương tiến hành điều tra, sưu tầm, hệ thống và biên dịch nhiều bộ luật tục của các dân tộc thiểu số và Hương ước của làng xã người Việt.

Chương trình nghiên cứu này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn. Trước nhất luật tục và hương ước là nguồn tư liệu quý giá để qua đó tìm hiểu xã hội Việt Nam, nhất là ở nông thôn trong quá khứ và hiện tại; là vốn tri thức dân gian của các tộc người về quản lý cộng đồng, về sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên của cha ông để lại mà ngày nay nhiều điều chúng ta cần học hỏi, kế thừa và phát triển; là di sản văn hóa mà trong đó chứa đựng các giá trị nhân văn, giá trị văn hóa nghệ thuật... Việc học tập, kế thừa Hương ước, Luật tục cổ truyền để xây dựng quy ước buôn làng mới đã và đang là phong trào quần chúng ở nhiều địa phương, được Đảng và Nhà nước ủng hộ và chỉ đạo thực hiện. Ngày 19 tháng 6 năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị số 24-1998/CPTTg "Về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, buôn, thôn, ấp, cụm dân cư"

Sau khi xuất bản bộ "Luật tục Êđê" (1996), "Luật tục Mnông" (1998), "Luật tục Thái ở Việt Nam" (1999), "Luật tục Jarai" (1999), "Hương ước Quảng Ngãi" (1996), "Hương ước Hà Tĩnh" (1996), "Hương ước Nghệ An" (1998), "Hương ước Thanh Hóa" (2000), "Hương ước Thái Bình" (2000), nay cuốn "Luật tục Chăm và Luật tục Raglai" mà các bạn đang có trong tay là

nằm trong chương trình sưu tầm, hệ thống và nghiên cứu kể trên. Hy vọng trong thời gian tới, chúng tôi sẽ cho xuất bản các công trình tiếp theo, như "Hương ước Hà Tây", "Hương ước Hưng Yên", "Luật tục các tộc người nam Tây Nguyên"...

Cuốn "Luật tục Chăm và Luật tục Raglai" xuất bản lần này là kết quả của sự hợp tác sưu tầm và nghiên cứu giữa cán bộ Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian và các nhà nghiên cứu địa phương ở Ninh Thuận và Khánh Hòa, dưới sự chỉ đạo của GS.TSKH Phan Đăng Nhật. Cuốn sách gồm hai phần, luật tục Chăm và luật tục Raglai, là hai tộc người mà trong lịch sử cũng như hiện tại có quan hệ khá gần gũi và nhiều nét tương đồng. Các tác giả của công trình không chỉ sưu tầm, hệ thống và biên dịch các điều luật tục cổ truyền, mà còn cùng với các cấp chính quyền địa phương nghiên cứu, kế thừa luật tục truyền thống xây dựng các quy ước buôn làng mới, đó là làng Bình Nghĩa của người Chăm ở Ninh Thuận và thôn Bá Cùm Bắc của người Raglai ở Khánh Sơn, Khánh Hòa, coi đó như là sự thể nghiệm việc ứng dụng luật tục trong việc quản lý cộng đồng. Đặc biệt các văn bản luật tục cũ và quy ước mới đều được các tác giả thể hiện bằng song ngữ Chăm-Việt và Raglai-Việt. Những bản quy ước mới này đã được cấp chính quyền địa phương thông qua và cho phép thực hiện.

Đây là cố gắng bước đầu của các nhà sưu tầm, biên soạn, do vậy chắc còn có những thiếu sót và khiếm khuyết, chúng tôi hy vọng các nhà nghiên cứu và bạn đọc, nhất là nhân dân các dân tộc Chăm và Raglai quan tâm và bổ sung để công trình được hoàn chỉnh và chính xác hơn. Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý Ford tại Việt Nam đã tài trợ cho việc nghiên cứu và xuất bản cuốn sách này.

Chúng tôi vui mừng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách "Luật tục Chăm và luật tục Raglai", coi đó như là nỗ lực mới trong việc bảo tồn và phát huy vốn di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc.

GS.TS Ngô Đức Thịnh

Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Văn hóa Dân gian

Chủ nhiệm dự án

LỜI NHÓM BIÊN SOẠN

1. Việc biên soạn *Luật tục Chăm và luật tục Raglai* rất khó khăn vì:

- Người nhớ về **lời luật tục** phần lớn đã già yếu hoặc đã qua đời, việc sưu tầm điền dã gặp rất nhiều trở ngại.

- Không có tài liệu sách vở về luật tục để tham khảo, kế thừa, kể cả tài liệu bằng chữ quốc ngữ, chữ Chăm và tiếng nước ngoài.

Tuy nhiên, chúng tôi đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân, các cấp chính quyền, các già làng, trí thức ở Ninh Thuận (trước hết là Bình Nghĩa); ở Khánh Hoà (trước hết là Ba cụm Bắc và Sơn Trung 1).

Sở Văn hoá Thông tin Khánh Hoà và Sở Văn Hoá Thông tin Ninh Thuận đã tận tình giúp đỡ chúng tôi trong công tác điền dã và đặc biệt đã phối hợp ứng dụng luật tục để xây dựng quy ước văn hoá các paley người Chăm và người Raglai.

Nhờ vậy đến nay sách đã được hoàn thành.

Xin quý vị và quý cơ quan nhận ở chúng tôi lời cảm ơn chân thành.

2. Về vấn đề chữ dân tộc

Phần chữ Chăm chúng tôi viết theo từ điển của Moussay, G.Moussay: Dictionnaire Cam-Vietnamien-Francais, Phanrang, 1971.

Phần chữ Raglai chúng tôi viết theo bộ chữ Raglai – Khánh Hoà do Nguyễn Thế Sang, Trần Vũ, Chamaliaq Riya Tiếng -(Tiến) xây dựng.

3. Công việc có nhiều khó khăn chủ quan và khách quan nên khó tránh khỏi thiếu sót. Xin coi đây mới là bước đầu để làm nền cho việc nghiên cứu sưu tầm luật tục Chăm và Raglai lâu dài về sau.

T.M. Nhóm biên soạn

GS.TSKH. Phan Đăng Nhật

LUẬT TỤC CHĂM VÀ LUẬT TỤC RAGLAI MỞ ĐẦU

1. Thuật ngữ, khái niệm

Luật tục là một thuật ngữ chuyển dịch từ *droit coutumier* (tiếng Pháp) và *customary law* (tiếng Anh). Luật tục còn được gọi là *folk law* (luật dân gian). Cách cấu tạo từ của các từ này bao hàm một ý nghĩa chung: đây là một loại luật được nhân dân sử dụng, lưu truyền trong dân gian, bắt nguồn từ phong tục và gắn liền với phong tục, khu biệt với luật nhà nước mà tiếng Anh là *statutory law* (*state* là nhà nước), tiếng Pháp là *droit écrit* (luật thành văn).

Khi tìm hiểu luật tục và sử dụng các thuật ngữ này, các nhà khoa học hiểu biết thực tế, hết sức lưu ý chúng ta không nên phạm sai lầm là chịu ảnh hưởng của các quan niệm luật pháp phương Tây để xem xét và đánh giá luật tục. Tiến sỹ J. Dournes, người Pháp đã sống một phần tư thế kỷ với người Tây Nguyên đã viết về luật tục Jrai như sau: "Ở đây không phải là *luật* theo nghĩa thuật ngữ này của luật pháp phương Tây. Người Jrai không có tòa án, không có

nhà tù và không có lực lượng trừng phạt chính quy"⁽¹⁾

Khái niệm *luật tục* rộng hơn khái niệm *luật* phương Tây. Ngoài phong tục, luật còn bao gồm cả đạo đức, phép ứng xử... Nhiều học giả nêu đặc điểm của *adat* (luật tục Indonesia) là gắn liền với đạo đức. Họ cho rằng không giống như luật phương Tây, *adat* không tách rời đạo đức luân lý và tính cách tốt. *Adat* là luật, đạo đức, luân lý, tính cách, thái độ tốt, tất cả các điều này được gộp thành một thể thống nhất không tách rời.

Abdulah nói về luật tục *adat* của người Indonesia như sau: "Luật tục *adat* là toàn bộ hệ thống cấu trúc của xã hội mà trong đó các phong tục của địa phương chỉ là một bộ phận cấu thành. Theo cách hiểu này, luật tục *adat* đã thiết lập nên toàn bộ giá trị, nền tảng cho các phán xét về đạo đức và về pháp luật cũng như nguồn gốc của các dự đoán xã hội. Nói tóm lại, luật tục *adat* là đại diện cho *kiểu mẫu lý tưởng về quy tắc ứng xử*"⁽²⁾

Hiroko Goda có nhận xét tương tự: "Adat của họ (người Thái Bình Dương Châu Á) là biểu tượng về kiểu mẫu ứng xử và kiểu mẫu về cuộc sống của họ... Luật tục là phương thức điều hoà về trồng trọt, bảo vệ rừng, bảo

⁽¹⁾ J. Dournes: *Thần luật pháp, trình bày lần đầu từ liệu luật tục của người Jrai ở Đông Dương*, Dân tộc học Đông Nam Á. (tiếng Anh), Nxb Anthony R. Walker, 1988, tr. 13.

⁽²⁾ Taufik, Abdulah: *Adat và đạo Hồi, nghiên cứu sự xung đột ở Minang kabau*, trong Indonesia, 1996 (tiếng Anh), tr.1.

vệ đất, cũng như nhiều lĩnh vực khác của cuộc sống"⁽¹⁾

J.Ambler cũng nhấn mạnh, adat không "có nghĩa" như luật phương Tây: "Adat không có nghĩa là luật như cách hiểu theo từ này của phương Tây... Adat còn bao gồm các vấn đề rộng hơn nhiều. Nó không chỉ tính đến những gì được phép và bị cấm làm mà còn tính đến cả môi trường đạo đức, nơi diễn ra các hành vi và các mối quan hệ"⁽²⁾

Tuy gắn liền với đạo đức, phép ứng xử, nhưng luật tục khác với những lời khuyên, các bài dạy về luân lý, các bài gia huấn ca ở chỗ nó có hình thức thưởng phạt. Joseph Minattur viết rõ điều này: "Luật tục là một chuẩn mực xã hội, là một cách ứng xử có tính phong tục. Nó là cách nhân dân trong một xã hội nhất định mong muốn những thành viên của họ thực hiện, không chỉ vì phép ứng xử đó có tính thông dụng mà vì chúng được coi là tốt. Những người tuân thủ chuẩn mực được các thành viên xã hội khen ngợi với sự tán thưởng, trọng thị và yêu mến. Đây là thái độ biểu thị tích cực của xã hội. Những người không tuân thủ các chuẩn mực sẽ bị phạt (tức là những biểu thị tiêu cực). Đối với họ, mọi người dùng các hình thức phê phán như chê cười, từ chối tiếp xúc và mức cực điểm là khai trừ khỏi cộng

⁽¹⁾ Hiroko Goda: *So sánh luật tục về hưởng dụng đất trong các dân tộc Thái Bình Dương - châu Á, từ góc nhìn của vấn đề môi trường*. Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc tế lần thứ II về Văn hóa và ngôn ngữ Raglai, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

⁽²⁾ John S.Ambler: *Luật tục adat ở Indonesia: khái quát về chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đa dạng về pháp luật và sự biến đổi*. (Tài liệu chuẩn bị cho đoàn Viện Nghiên cứu văn hóa dân gian đến Indonesia ngày 23-5-1998)

đồng. Mọi người còn trừng phạt người không tuân thủ luật tục về kinh tế và chính trị (như tước quyền bầu cử và ứng cử). Những sự trừng phạt trên của luật tục có sức mạnh là do được thi hành bởi một quyền lực được cộng đồng thừa nhận".⁽¹⁾

Từ cuối thế kỉ XIX, nghiên cứu các xã hội thị tộc Âu Mỹ, Engels đã đưa ra những kết luận về quyền lực của luật tục, nêu lên ưu thế đặc biệt về mặt quản lý xã hội của các xã hội trên, so với tình trạng tổ chức chuyên chính phức tạp, nặng nề, mà kém hiệu quả của xã hội tư sản.

Ông viết: "Với tất cả tính ngây thơ và giản dị của nó, chế độ thị tộc đó quả là một tổ chức tốt đẹp biết bao! Không có quân đội, hiến binh và cảnh sát, không có quý tộc, vua chúa, tổng đốc, chưởng quan và quan tòa, không có nhà tù, không có những vụ xử án, thế mà mọi việc đều trôi chảy. Mọi sự xích mích và mọi tranh chấp đều được giải quyết bởi tập thể những người có liên quan tức là thị tộc hoặc bộ lạc"⁽²⁾... "Thế nhưng, người ta vẫn không hề cần đến bộ máy công kênh và phức tạp của chúng ta. Mọi việc đều do những người hữu quan tự giải quyết lấy và trong đa số trường hợp, một tập quán lâu đời đã giải quyết trước tất cả mọi việc rồi"⁽³⁾

"Một tập quán lâu đời đã giải quyết trước tất cả mọi

⁽¹⁾ Joseph Minattur: *Bản chất của luật tục Mã Lai*, Tạp chí luật Mã Lai, số 6-1964, tr. 540.

⁽²⁾ Các Mác và Ph. Ăng ghen: *Toán tập*, tập thứ 21, Nxb Chính trị quốc gia, H, 1995, tr.147-148.

⁽³⁾ Các Mác và Ph. Ăng ghen, sách đã dẫn.

việc rồi", đó chính là luật tục (còn được gọi là tập quán pháp) mà các dân tộc thường nói "do ông bà để lại cho", "xưa sao nay vậy".

Engels còn nói rõ, hiệu lực tác động vào việc thi hành luật tục là dư luận cộng đồng: "Ngoài dư luận công chúng ra, nó (xã hội tiền giai cấp) không có một phương tiện cưỡng chế nào".⁽¹⁾

Những kết luận và nhận xét trên được công bố cách đây 117 năm, trong sách *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và Nhà nước*, xuất bản lần đầu năm 1884. Thế mà những nhận xét đó khá phù hợp với luật tục Raiglai và Chăm.

Tóm lại theo ý kiến của các học giả đáng tin cậy của nhiều nước, luật tục có những điểm đáng chú ý sau đây:

1. Về thực chất, luật tục không giống như luật phương Tây, nó có phạm vi rộng hơn, bao gồm cả luân lý, đạo đức, phép ứng xử. Nó không đi kèm theo với các công cụ đàn áp như nhà tù, trại giam, cảnh sát, quan tòa.

Tuy nhiên, đây không chỉ là những lời khuyên bảo về đạo đức. Nó có cơ chế tổ chức, có hội đồng để thực hiện việc khen ngợi hoặc trách phạt, nhằm bảo đảm việc thi hành những chuẩn mực xã hội do luật tục đề ra. Tổ chức và hình thức thưởng phạt trên đủ sức mạnh để mọi người tuân theo, dựa trên một quyền lực được mọi người thừa nhận. Quyền lực này gồm sức mạnh của dư luận tập thể, trên cơ sở của một xã hội có tính cộng đồng cao;

⁽¹⁾ Các Mác và Ph. Ăng ghen, sách đã dẫn, tr. 251.

và phía trên đó là sức mạnh của tâm linh (tín ngưỡng dân gian hoặc tôn giáo).

2. Nội dung của các điều luật của luật tục do toàn thể cộng đồng xây dựng nên và được truyền lại từ đời này qua đời khác. Hội đồng thi hành luật tục do nhân dân trực tiếp cử lên và cũng chính cộng đồng trực tiếp kiểm soát việc thi hành luật tục, ngăn ngừa những sai phạm và khuyến khích việc ứng xử tốt.

Luật tục thường không thành văn, được truyền miệng và với hình thức văn vần. Phương pháp nghệ thuật hóa của văn học dân gian, đặc biệt là các phép mỹ từ (rhétoric) được vận dụng triệt để. Điều này làm cho luật tục có tính hấp dẫn, nhưng quan trọng hơn là tăng cường tính thuyết phục do trong phép mỹ từ của văn học dân gian, người ta thường lấy những hiện tượng có tính quy luật hiển nhiên trong thiên nhiên đối chiếu với các hiện tượng xã hội, khiến cho các hiện tượng này cũng trở thành hiển nhiên.

3. Luật tục có nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nghĩa hẹp chỉ luật lệ ra đời từ xã hội tiền giai cấp, thời kỳ chưa có Nhà nước và tồn tại chủ yếu trong xã hội này. Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam chủ yếu thuộc thời kỳ này.

Còn có quan niệm rộng hơn cho rằng luật tục có nguồn gốc từ thời kỳ xã hội thị tộc quá khứ nhưng vẫn tồn tại trong xã hội công nghiệp hiện đại. Và dầu có luật Nhà nước thì luật tục vẫn còn tồn tại và có vai trò lâu dài. Do đó cần phải có chính sách *đa dạng luật pháp*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ J. Ambler: *Luật tục ở Indonesia, khái quát về chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đa dạng luật pháp*. Tài liệu đã dẫn.

2. Lịch sử vấn đề

Việc nghiên cứu luật tục ở Việt Nam đã được tiến hành từ lâu. Tài liệu sớm nhất về luật tục các dân tộc Việt Nam, theo tôi được biết là sách *Ghi chép ngắn trên cơ sở luật tục người dân tộc thiểu số Tây Nguyên, ở Thượng Đồng Nai, cao nguyên người Ma*, của Cunhac, năm 1921. Tiếp đó cuốn sách nổi tiếng là *Ruôm hra kley due*, của Leopold Sabatier, về luật tục Êđê, xuất bản ở Hà Nội, IDEO, năm 1927.

Nếu kể cả những tài liệu ghi chép có liên quan đến luật tục thì phải nói đến sách của Guerlach, năm 1884. Guilleminet viết: "Vào năm 1884, cha Guerlach cũng đã mô tả việc thủ tội kiểu này trong tác phẩm *Les missions catholiques*, tập XVI, năm 1884, trang 453 và một số trang sau"⁽¹⁾

Cho đến nay, không ít luật tục các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã được công bố như sau:

- Luật tục phạt kđi hay bi duê, của người Êđê,
- Luật tục thổi diuat hay thổi phian của người Jrai,
- Phạt kđuôi của người Mnông,
- Dây toron kđi hay hlabar khôy của người Bana,
- Luật tục nri của người Srê,
- Luật tục ndri của người Ma...

Thế nhưng, đối với người Raglai và người Chăm, mặc dầu khá nhiều sách viết về họ, ngoài nhóm nghiên cứu của

⁽¹⁾ Guilleminet: *Luật tục của bộ tộc Bana, Xêđăng và Jrai ở tỉnh Kontum*, Trường Viễn đông bác cổ, H, 1952, tập 1, tr. 34.

chúng tôi, chưa thấy nói đến luật tục hai dân tộc này.

Về luật tục người Chăm, trong sách *Mẫu hệ Chăm*, của Nguyễn Khắc Ngữ, (trình bày xuất bản, Sài Gòn, 1967), ở phần Phụ lục, có công bố *Nguyên bản dự thảo bộ luật Chăm* của cụ Dương Tấn Phát nguyên tri huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận. Nhưng đó không phải là luật tục (customary law) mà là luật pháp Nhà nước (statutory law), soạn phỏng theo *Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật*. Tác giả Nguyễn Khắc Ngữ đã nêu rõ tính phỏng theo đó: "Sự phân phối chương mục của dự thảo luật này phỏng theo Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật... Cách hành văn trong Bộ luật Chăm này chịu ảnh hưởng rất nhiều của Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật"⁽¹⁾

Bộ luật được hoàn thành biên soạn vào ngày 20 tháng 6 năm 1950. Không hiểu tại sao trong đó không thấy nhắc đến luật tục Chăm. Có thể do soạn giả là nhà làm pháp luật chuyên nghiệp (cụ Dương Tấn Phát, dân tộc Chăm, tri huyện, chánh án tòa sơ thẩm, "một quan tòa lâu năm trong nghề đã có nhiều kinh nghiệm về luật pháp"⁽²⁾) nên không quan tâm đến luật tục (?).

Về luật tục người Raglai, chỉ thấy nói đến vai trò của "tập tục cổ truyền" đối với việc "vận hành của palay qua hàng thế kỷ" trong sách *Văn hóa xã hội người Raglai ở Việt Nam*, của nhiều tác giả do Phan Xuân Biên chủ biên, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1998: "Nền tảng luật

⁽¹⁾ Nguyễn Khắc Ngữ: *Mẫu hệ Chăm*, Trình bày xuất bản, Sài Gòn. 1967, tr. 177 và 178.

⁽²⁾ *Mẫu hệ Chăm*. sách vừa dẫn, tr. 176.

pháp để thực hiện các nhiệm vụ của bộ máy quản lý palay là các tập tục cổ truyền của dân tộc được biểu hiện dưới các hình thức làm lễ cúng cho thần linh, bồi thường cho cộng đồng và cá nhân bị xúc phạm. Có lẽ nhờ vậy mà với một bộ máy quản lý có vẻ rời rạc, lu mờ, vẫn có thể điều khiển được sự vận hành của palay qua hàng thế kỷ".⁽¹⁾

Các tác giả đi trước chúng tôi đã có nhiều công lao nghiên cứu về hai dân tộc Raglai và Chăm nhưng chưa bàn đến luật tục, có thể vì họ không quan tâm, cũng có thể không thống nhất quan niệm về luật tục. Chúng tôi bàn về mối quan hệ giữa luật tục hai dân tộc trên, (với quan niệm về luật tục như đã trình bày ở mục 1. *Thuật ngữ, khái niệm*) tức là mặc nhiên khẳng định họ có luật tục, một vấn đề chưa được người trước chúng minh.

3. Lý do chọn đề tài

Sở dĩ chúng tôi chọn để đối chiếu luật tục Chăm và Raglai vì hai dân tộc này có mối quan hệ rõ rệt.

3.1. Mọi người quan tâm đến dân tộc Chăm và dân tộc Raglai đều cho rằng hai dân tộc này có quan hệ gần gũi. Câu tục ngữ vốn được lưu truyền rộng rãi trong cả hai dân tộc, thường được nhắc đến:

"*Chấp saai, raglai adoi*"

(*Chăm chị, Raglai em*)

"*Chăm Saai, Raglai adoi*"

(*Chăm Chị, Raglai em*)

⁽¹⁾ Phan Xuân Biên (chủ biên): *Văn hóa xã hội người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1998, tr. 148.

Tất cả đều xác định Chăm và Raglai là anh em, với sự giải thích là theo phong tục của hai dân tộc quy định em gái út là người giữ đồ thờ cúng ông bà (chiết atâu). Người Raglai thường giữ y trang của các vị thần linh Chăm và cứ mỗi lần hội lễ lớn họ lại rước y trang đó về các đền tháp Chăm làm lễ. Lễ tất họ lại rước về cất giữ (phong tục này sẽ được giới thiệu kỹ ở phần sau).

Từ quan niệm trên, quan hệ chị em Chăm - Raglai cũng được nêu rõ trong bài cúng các vị thần Chăm do thầy Kadhar hát:

Em đi vùng núi đã lâu, nhớ hái rau rừng đem về cho anh.

Em đi vùng núi đã lâu, nhớ chặt ống hút rượu cần cho anh.⁽¹⁾

Bàn về quan hệ Chăm Raglai, các nhà nghiên cứu viện dẫn một khối lượng tư liệu khá phong phú thuộc nhiều lĩnh vực:

3.2. Nếu về quan hệ gần gũi giữa Chăm và Raglai, ý kiến của các nhà nghiên cứu khá thống nhất, thì về mức độ, tính chất và nguyên nhân của sự gần gũi đó có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí có ý kiến đối lập.

Trong sách *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)*, các tác giả đã nhận định: "Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, đến nay dân tộc Chăm... một bộ phận đã sinh sống ở Campuchia, một bộ phận đã trở

⁽¹⁾ Văn Môn: *Góp phần xác định mối quan hệ giữa người Raglai và người Chăm qua một số dấu ấn văn hóa*. Tham luận hội thảo khoa học quốc tế lần thứ II về văn hóa và ngôn ngữ Raglai, tr.4.

thành một cộng đồng người riêng, như Raglai, Churu..."⁽¹⁾

Cũng ở sách trên, tại trang 59 ghi: "Những nhóm cư trú kề cận người Chăm, giáp với đồng bằng như người Churu, Raglai mang nhiều yếu tố sâu sắc của văn hóa Chăm, gợi mở một mối nghi ngờ: họ là một bộ phận của người Chăm, mới tách ra và chuyển lên miền núi".

Nguyễn Tuấn Triết không đồng ý với ý kiến trên: "Về vấn đề quan hệ giữa người Raglai với người Chăm, các nhà nghiên cứu trước đây (Viện dân tộc học) thường cho rằng: người Raglai vốn là một bộ phận người Chăm mới tách ra, lên miền núi rừng sinh sống rồi trở thành một tộc người riêng như ngày nay. Song so sánh những tài liệu thư tịch kết hợp với tài liệu điền dã dân tộc học thời gian qua, chúng tôi có một nhận định khác trước. Nhận định ấy là: Người Raglai là một tộc người Malayo - Polynesien độc lập chứ không phải là một bộ phận của người Chăm tách ra"⁽²⁾

Để chứng minh cho luận điểm "không phải một bộ phận của người Chăm mới tách ra", Nguyễn Tuấn Triết đưa ra những luận cứ:

- Người Chăm cổ có bộ lạc Cau, người Raglai có họ Cau, mà trong người Chăm hiện nay không thấy có dấu vết của họ Cau.

- Người Chăm tiếp thu ảnh hưởng của tôn giáo Ấn Độ mà người Raglai cho đến nay không thấy dấu vết của ảnh hưởng này.

⁽¹⁾ Viện dân tộc học, sách đã dẫn, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 35.

⁽²⁾ Nguyễn Tuấn Triết: *Người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 28.

- Người Chăm đã phát triển nghề nông, trồng lúa nước và nghề thủ công dệt vải từ rất sớm: mà nghề thủ công truyền thống của người Raglai rất ít và không có nghề dệt vải, mới phát triển trồng lúa nước mấy năm gần đây, cây lương thực chính là cây ngô.

- Người Chăm từ lâu đời đã sáng tạo ra nhiều loại trang phục. Nhưng người Raglai, cho đến giữa thế kỷ này, nhiều người còn phải mặc khố, váy làm bằng vỏ cây rừng.

- Người Chăm chưa phát hiện được nhạc cụ bằng đá; trong lúc đó vùng người Raglai đã phát hiện được nhiều đàn đá, nhiều nhà nghiên cứu đã xác định, người Raglai là chủ nhân thừa kế lâu đời của những nhạc cụ bằng đá đó.

- ...⁽¹⁾

Từ những cứ liệu trên, tác giả kết luận: "Như vậy, do cùng nhóm ngôn ngữ Malayo - polynesien và do cư trú cùng nhau lâu đời, nên người Ralai và người Chăm có nhiều quan hệ với nhau. Nhưng người Raglai cũng như người Chăm, là tộc người riêng biệt đã xuất hiện ở miền Nam Trung Bộ nước ta từ lâu đời chứ không phải người Raglai chỉ là một nhóm của người Chăm mới được tách ra như những tài liệu trước đây thường đề cập"⁽²⁾

Tóm lại, Nguyễn Tuấn Triết cho rằng Chăm và Raglai là những tộc người riêng biệt, không có cội nguồn chung cũng không phải mới được tách ra. Sở dĩ họ có nhiều quan

⁽¹⁾ Nguyễn Tuấn Triết, sách đã dẫn, tr. 29,30.

⁽²⁾ Nguyễn Tuấn Triết, sách đã dẫn, tr. 32.

hệ với nhau vì cùng nhóm ngôn ngữ Malayo Polynésien và cùng cư trú với nhau lâu đời.

Ở những mức độ khác nhau, một số tác giả không đồng ý với Nguyễn Tuấn Triết.

Nguyễn Xuân Nghĩa cho rằng việc người Raglai giữ bảo vật của người Chăm có nguyên nhân ở niềm tin về một nguồn gốc chung của hai dân tộc này: "Chính do cùng tin tưởng về một nguồn gốc chung, do những tương đồng về mặt ngôn ngữ và tổ chức xã hội, đồng bào dân tộc miền Tây Thuận Hải, đặc biệt là hai tộc người cùng ngữ hệ Malayo Polynedi (Churu và Raglai), rất được đồng bào Chăm tin cậy, giao phó gìn giữ những bảo vật của vương quốc Chăm pa cổ"⁽¹⁾

Tác giả còn cho rằng mối quan hệ này được hình thành trên một cơ sở chung là nền văn hóa từ thời cổ đại: "Mối quan hệ văn hóa Chăm, Raglai và các dân tộc miền núi không phải là một thứ quan hệ một chiều của một dân tộc có tổ chức xã hội và trình độ phát triển cao đối với các dân tộc ít người cận cư. Dĩ nhiên ảnh hưởng văn hóa Chăm là rõ ràng, trên nhiều lĩnh vực, mà quan trọng nhất là kỹ thuật làm ruộng nước. Mối quan hệ văn hóa đó còn được hình thành do các tác động qua lại trên một cơ sở chung là nền văn hóa lâu đời từ thời cổ đại của các cư dân ở Đông Nam Á, được biểu hiện qua những tương đồng, trong các lễ hội nông nghiệp, trong các tín ngưỡng dân gian (saman

⁽¹⁾ Nguyễn Xuân Nghĩa: *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận Hải xuất bản, 1989, tr. 232.

giáo...), trong các tư liệu folklor (nhạc cụ...)"⁽¹⁾

Trong sách *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam* Phan Xuân Biên và các tác giả đặt vấn đề: "Phải chăng người Raglai là một tộc người trong thành phần cư dân của quốc gia Chămpa cổ đại trước thời trung thế kỷ? Hay họ đã là một tộc người độc lập từ thuở xa xưa và chỉ có quan hệ láng giềng với người Chăm?"⁽²⁾

Sau khi chứng minh đầy đủ, tác giả kết luận: "Rõ ràng là đã có một thời người Raglai ở trong phạm vi của lãnh thổ Chămpa cổ đại, dù rằng lãnh thổ ấy không được xác định rõ ràng bởi những ranh giới cụ thể mang tính pháp lý như thời cận hiện đại"⁽³⁾ và Phan Xuân Biên đã xác định rõ lãnh thổ đó là: "dải đất miền trung Việt Nam tiếp giáp với biển Đông bằng một độ dài đáng kể. Trên bờ biển đó, người Chăm đã cư trú và sinh sống lâu đời, đã tiếp nối và phát triển cuộc sống của những người Sa Huỳnh, của thị tộc Dừa và thị tộc Cau là tổ tiên xưa của họ"⁽⁴⁾

Dựa vào các tư liệu truyền miệng, một lần nữa Phan Xuân Biên khẳng định mối quan hệ nguồn gốc chung giữa người Chăm và người Raglai "Rõ ràng niềm tin về một nguồn gốc chung giữa người Raglai và người Chăm vẫn còn được lưu giữ trong một bộ phận người Raglai"⁽⁵⁾

(1) Nguyễn Xuân Nghĩa, sách vừa dẫn, tr. 255.

(2) Phan Xuân Biên và... *Văn hóa và xã hội người Raglai Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, 1998, tr. 15.

(3) Phan Xuân Biên: sách vừa dẫn, tr. 17.

(4) Phan Xuân Biên và...: *Văn hóa Chăm*, Nxb Khoa học xã hội, 1991, tr. 376.

(5) Phan Xuân Biên: sách vừa dẫn, tr.18.

Tác giả người Chăm, Văn Món, trong tham luận khoa học quốc tế lần II, *Góp phần xác định mối quan hệ giữa người Raglai và người Chăm qua một số dấu ấn văn hóa*, qua những cứ liệu về các mặt như ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng, truyện cổ dân gian; đã kết luận: "Qua một số dấu ấn văn hóa của tộc người Raglai và Chăm được bóc tách, so sánh, đối chiếu như trên, chúng ta thấy giữa người Raglai và Chăm có mối quan hệ về nguồn gốc với nhau. Quan hệ ấy được biểu hiện sâu sắc trên mọi bình diện, không chỉ có ở ngôn ngữ, phong tục, lối sống, cách tổ chức xã hội, cộng đồng làng paley, nghi lễ cưới xin, hội hè; mà còn thể hiện trên từng nội dung, tính cách nhân vật trong truyện dân gian. Mặc dù những dấu ấn ấy được biểu hiện ở mức độ đậm nhạt khác nhau, nhưng đó chính là cốt lõi văn hóa, cái đặc trưng tộc người được cộng đồng tộc người ấy tích tụ, cô đúc, tôi luyện và bọc chứa nó trong dòng chảy của văn hoá dân gian mà trường tồn với lịch sử cho đến ngày nay"⁽¹⁾

Tóm lại, có hai luận điểm chính:

1. Người Raglai và người Chăm có quan hệ cội nguồn chung từ thời Chăm pa cổ đại.

2. Họ có quan hệ chặt chẽ nhưng là những dân tộc độc lập, "phát triển riêng", nguyên nhân của mối quan hệ trên là cùng một ngữ hệ và cùng là láng giềng lâu đời.

Hy vọng rằng qua luật tục, chúng tôi có thể góp được

⁽¹⁾ Văn Món: *Góp phần xác định mối quan hệ giữa người Raglai và Chăm qua một số dấu ấn văn hoá*, Tham luận khoa học quốc tế lần thứ II "Văn hóa và ngôn ngữ Raglai", tr. 10.

phần nhỏ và việc lý giải vấn đề vừa nêu. Để tiện cho sự theo dõi, chúng tôi sẽ trình bày tiếp theo về mối quan hệ giữa luật tục hai dân tộc qua các mục chính như:

- tên gọi,
- cơ chế vận hành,
- thủ tội,
- nội dung luật tục⁽¹⁾

1. Tên gọi

Cả hai dân tộc đều gọi luật tục của mình là *adat*

Người Raglai có một số từ liên quan với nhau như: *gadi* = *sự vụ*, *gadhar* = *sự việc*, *cha panūaiq* = *phong tục tập quán*, *adāt* = *luật tục*. Vụ xét xử gọi là *charana gadha*, người được làng cử ra để xét xử *pô charana*, kẻ phạm tội là *pô gadha*, hai bên kiện cáo nhau đều gọi là *pô gadha*, người phạm tội nặng là *pawă gadha*.

Người Chăm cũng gọi luật tục là *adat*. Khi dùng cụm từ *adat cabat* thì *adat* có nghĩa rộng là quy tắc. Nếu từ *adat* có nghĩa luật tục, tương đương với *customary law* hoặc *droit coutumier*, thì *hakum* có tính chất luật pháp, tương đương với *statutory law* hoặc *droit écrit*. Điều luật tôn giáo Chăm được gọi là *hakum*.

Điều đáng lưu ý là người Indonesia và người Malaysia

⁽¹⁾ Bài viết này dựa trên tư liệu của nhóm chúng tôi biên soạn gồm:

- Phan Đăng Nhật (chủ biên), Tô Đông Hải, Nguyễn Thế Sang, Chamaleh Tiến, Trần Vũ: *Luật tục Raglai* (chưa xuất bản).

- Phan Đăng Nhật (chủ biên). Trương Văn Môn: *Luật tục Chăm* (chưa xuất bản).

cũng giống như người Raglai và người Chăm đều gọi luật tục là *adat*.

2. Cơ chế vận hành

1.2. Cơ chế xã hội

Người Raglai trong một số trường hợp có quy định bắt buộc phải xét xử ở ngoài trời, không tiến hành trong nhà.

Trước khi xét việc, mọi người được mời ăn thật no. Người Raglai có câu nói:

Bâk trei, kalei katuăi

Lumă bruăi, kadlai gadha

Ăn cho no, (để) đi đào tổ mối

Ăn cho đầy, (để) đi xử kiện

Người chủ trì buổi xử là pô charana. Nếu không có pô charana thì pô paley (chủ làng) chủ trì. Khi vụ việc liên quan đến đất đai, núi rừng, dân làng mời thêm pô chu (chủ núi) tham gia xét xử.

Sau khi pô charana nói mấy lời mở đầu, bên nguyên trình bày vụ việc, tiếp đó bên bị trình bày. Mỗi bên có một ra buă tuha là người già khôn ngoan, có tài ăn nói, biết đối đáp, làm đại diện, đứng ra trình bày. Sau từng đợt tranh luận, rabuă tuha thường quay lại phía dòng họ mình ngồi để trao đổi ý kiến, tìm những chứng cứ, lý lẽ xác đáng.

Khi tranh luận, các rabua tuha vận dụng những lời nói vắn (dóp pacăp gadha).

Cuộc tranh luận thường kéo dài, có khi đến ba ngày.

Kết thúc, pô charana kết luận bên đúng bên sai. Bên

sai phải nộ phạt, cúng tạ thần linh ông bà và đền bù cho người bị thiệt hại. Mọi người tham dự uống rượu, ăn thịt (vật phẩm dâng cúng). Nếu người bị phạt không có khả năng kinh tế, bà con họ hàng giúp đỡ.

Nộ phạt và liên hoan xong, mọi việc đều vui vẻ bỏ qua chuyện cũ, không ai được nhắc lại nữa:

Kể từ nay ăn ở tốt lành với nhau

Xóm anh làng em

Xóm em làng chị

Xóm trên làng dưới

Không để trách móc trong lòng dạ

Việc buồn tháo gỡ

Việc xấu bỏ qua

Người Chăm có ba cấp xét xử. Khi một người vi phạm, trước hết được đưa ra cuộc họp gia đình. Người cậu (cey), anh hoặc em mẹ, lúc này thường đã lấy vợ ở xa, được mời về làm chủ buổi họp mặt gia đình. Ông cậu dựa vào luật tục khuyên giải cháu, hoặc hòa giải giữa các cháu nếu có sự mâu thuẫn giữa hai thành viên của gia đình. Vụ việc kết thúc, cha mẹ thay mặt người vi phạm làm lễ cúng tạ thần linh, ông bà. Nếu nặng thì phạt roi.

Nếu gia đình không xử được hoặc vụ việc liên quan đến hai gia đình trong một họ thì vụ việc được xét xử ở cấp gia tộc. Người chủ trì buổi xử là trưởng họ (akuak guáp). Nơi họp là trong nhà, nhà của thủ quỹ họ (tabur). Trưởng họ dâng lễ vật và cúng vái tổ tiên, nói vài lời mở đầu, hai bên trình bày rồi tranh luận. Tộc trưởng dựa vào nội dung và

lời vãn, (lời nói vãn = panước) để phân xử. Kết thúc buổi phân xử, tộc trưởng kết luận về người sai phạm và mức độ phạt. Mọi người chung vui và mọi việc cũ đều bỏ qua.

Những vụ việc vượt quyền hạn của gia tộc sẽ được xét xử ở cấp palēy. Địa điểm xét xử là nhà làng (sang paley). Chủ trì buổi xử là chủ làng (pô paley). Tham gia xét xử có già làng (ôn taha), các thầy lễ và tu sỹ (paseh, mư duôn, char...). Các bước tiến hành tương tự như ở buổi xử các cấp dưới.

2.2. Cơ chế tâm linh

Hầu hết các luật tục, bên cạnh cơ chế xã hội còn có cơ chế tâm linh. Một số dân tộc đó là tín ngưỡng dân gian, một số khác là tôn giáo. Các vị thần linh trong tín ngưỡng dân gian hoặc tôn giáo có vai trò rất quan trọng về nhiều mặt trong luật tục. Họ là lực lượng nắm giữ "mối dây liên kết chặt chẽ giữa người, súc vật cây cối và thần linh". "Các mối quan hệ trên được coi như là một sợi dây bền chặt. Người nào làm đứt mối quan hệ hài hòa này, cuộc sống sẽ bị đe dọa"⁽¹⁾. Phân xử là do thần linh bất bình và để cho thần linh hài lòng phải xét xử ổn thỏa, mọi người hòa hợp, mối dây liên kết được nối lại như xưa. Thần linh cũng là lực lượng chứng kiến hoạt động xét xử, làm chứng cho lời thề của đôi bên, hơn nữa còn tác động cho chân lý được bảo vệ (trong các cuộc thử tội, sẽ nói ở phần sau).

Ở người Raglai, các thần được mời đến các buổi xét

⁽¹⁾ J. Dourmes: *The Spirit of Laws, a First Presentation of Data on the Customary Law of the Indochinese Jorai people*. Southeast asian Ethnography. No 7. October 1988.

xứ là thần của tín ngưỡng dân gian như ông bà tổ tiên, thần mặt trời, mặt trăng, sấm sét, thần núi, thần sông suối... Các thần được nhắc tên cụ thể như ở Ba Cùm Bắc là thần Núi Tre, thần Núi Suối Ngọt, Thần Núi Xoài; ở Sơn Trung là thần núi Ya Dục, Chama; ở Tô Hạp là thần núi Cha Yung, Cha Gram.

Ở người Chăm, hệ thống thần đa dạng và phong phú. Cụ thể như ở làng Bình Nghĩa các vị thần được mời gồm: vua thần Chế Bồng Nga, hoàng hậu Bia Chuôi, thần Mẹ xứ sở Hamu Kút, thần Siva, thần Nhà, Pô Nugar, vua thần Klong Garai, Pô Bia Binun, Pô Rômê, Pô Sa Inư, Pô Klong Chan, Pô Klong Sat, Pô Cễy Thun, thần Sóng Biển, thần Tứ Phương, Pô Nugar - thần Mẹ Xứ Sở - của các vùng gần xưa như: thần Mẹ Đất Nước, thần mẹ Nha Trang, thần Mẹ Phan Rí, thần Mẹ Hữu Đức, thần Mẹ Mưrau (vùng Raglai), thần Mẹ Murom (vùng Raglai)...

Nhật xét: Qua cơ chế xét xử trên đây chúng ta có thể rút ra mấy nhận xét:

- Điểm chung về cơ chế vận hành luật tục của hai dân tộc là việc thảo luận tranh luận dân chủ, công khai, toàn cộng đồng trên cơ sở các quy định tất cả nhằm đến sự hòa hợp của cộng đồng, giữ gìn và củng cố mối dây liên kết giữa người với người, thiên nhiên với người, dưới sự chi phối của ông bà tổ tiên và thần linh.

- Người chủ trì các buổi xét xử có khác nhau. Ở Raglai là pô charana, pô paley và pô chú. (ông núi) Đó là ba thành phần: đại diện cho công lý, đại diện cho cộng đồng và thần linh. Ở Chăm cơ bản cũng có ba thành phần trên.

Già làng đại diện cho công lý, vẫn có pô paley, đại diện cho thần linh là thầy lễ và tu sỹ. Như vậy ở Chăm thầy lễ và tu sỹ thay chỗ cho pôchư. Điều đó là kết quả của sự chuyển tiếp từ tín ngưỡng dân gian bản địa đến tôn giáo ngoại nhập.

- Ở Raglai chủng loại thần ít hơn, chủ yếu là thần thiên nhiên và tổ tiên ông bà, địa bàn cư ngụ của thần gần gũi hơn. Ở Chăm số lượng thần phong phú, chủng loại thần đa dạng, ngoài thần thiên nhiên còn có thần anh hùng lịch sử, vua thần. Người Chăm đặc biệt quan tâm đến thần đất nước, không phải trong phạm vi hẹp mà kể cả thần cư ngụ ở nhiều vùng của đất nước. Những điều trên đây ghi dấu sự phát triển của xã hội, tư duy và ý thức mạnh mẽ về quê hương đất nước của người Chăm. Cần lưu ý, trong số những vị thần xứ sở của người Chăm có cả thần vùng Raglai (thần mẹ Mưâu, thần mẹ Mưôm).

- Trong luật tục, người Raglai rất coi trọng ông bà tổ tiên. Khi chuyển sang giai đoạn lịch sử đã du nhập tôn giáo ngoại lai, người Chăm cũng giống như người anh em cùng cội nguồn của họ, vẫn bảo lưu vai trò của tổ tiên. Họ quan niệm rằng tộc trưởng là người thay mặt tổ tiên nắm giữ, truyền lại và thi hành luật tục.

3. Thử tội và phạt vạ

Trong cuộc phân xử nhiều khi không rõ đúng sai. Ở người Tây Nguyên chúng tôi tập hợp được nhiều cách thử tội như: nhúng cành cây vào nước, ngụp xuống nước, giết gà bỏ xuống suối, đổ chì vào bàn tay, nhúng tay vào nước sôi, bóp trứng gà, uống gạc nai, chặt nổi đất, nhai gạo, đo

sải tay, đo gang tay...

Ở người Raglai và người Chăm hiện chúng tôi khảo sát thấy cách thử tội không nhiều như vậy.

Người Raglai thử tội bằng ba cách:

- Lặn nước. Không giống như người Tây Nguyên là lặn chìm toàn thân xuống sông suối, người Raglai phổ biến là nhúng đầu vào chum nước to. Người nào nhúng được lâu người đó thắng, nghĩa là người vô tội. Người ta nói rằng, người có tội khi nhúng đầu vào nước sẽ thấy ở dưới nước hiện lên nhiều rắn rết (do thần linh sai khiến), nên sợ hãi mà phải nhô đầu lên.

- Thử chì. Hai bên ngồi hai phía của một chiếc chảo đặt ngay ngắn trên bếp. Người đại diện của mỗi bên đọc lời thề thốt và cầu khẩn thần linh tổ tiên. Trên mặt chảo, để một thanh chì mài bằng dưới đáy và dựng đứng như một cây nến. Dưới chảo đốt lửa. Thanh chì bị bóng chảy ở phía dưới chân, đổ về phía nào, bên đó thua, là bên có tội. Có nơi đặt thanh chì vào chén đồng có nước.

- Nhúng tay vào nước sôi. Đun một nồi nước cho sôi thật già, bỏ vào hai chiếc kim khâu. Đại diện mỗi bên ôm một con gà trắng, thề thốt, khẩn tổ tiên, thần linh phù hộ và chúng giám. Sau đó họ thả gà ra. Con gà của bên đứng khỏe mạnh, gà bên sai ốm yếu hoặc chết. Tiếp theo hai người thò tay vào nước sôi lấy chiếc kim ra. Người đứng không bỏng, người sai bị bỏng.

Ở người Chăm, hiện chúng tôi chỉ thấy truyền lại có hai cách thử tội:

- Lặn nước. Giống như ở người Raglai, người lặn nước

nhúng đầu vào chum. Người đứng sẽ thấy vàng bạc châu báu, người sai thấy rắn rết ma quỷ. Người chủ trì buổi lặn nước là thầy lễ kadhar và bà bóng muk payău. Hiện nay ở người Chăm không thấy thực hiện việc lặn nước, mà chỉ thấy nhắc lại trong các buổi phân xử để răn đe. Một nhân chứng duy nhất đã từng qua lặn nước (cách đây 40 năm) mà chúng tôi tìm được là ở thôn Lương Tri, Ninh Sơn, Ninh Thuận.

- Xem bói. Thầy lễ khấn thần linh, giở sách bói ra và phán bảo kẻ sai, người đúng theo lời phán bảo của thần linh được linh ứng trong trang sách. Đây là biện pháp không thấy có ở người Raglai và các dân tộc Tây Nguyên.

Ở người Raglai và người Chăm đều có hình thức phạt bằng roi.

Ở người Raglai, nói chung rất ít dùng roi, chỉ có trọng tội, cụ thể là tội loạn luân bị pô paley hoặc pô charana đánh. Người ta đánh cả đôi trai gái, con trai bị đánh nhiều hơn con gái, ví dụ con trai 10 roi thì con gái 5.

Ở người Chăm, hình phạt roi được dùng với các trường hợp hỗn láo với người trên, chữa hoang, ăn cắp..., thường được thi hành ở cấp xét xử gia đình, người thi hành việc đánh là ông cậu, đại diện cho dòng họ (bên mẹ).

4. Nội dung luật tục

Luật tục Raglai có những nội dung chính như sau:

- Những quy định chung.
- Sở hữu đất đai, rừng núi.
- Bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

- Bảo vệ thú rừng.
- Bảo vệ rừng, bảo vệ đất.
- Tội trộm cắp.
- Tội lừa gạt, chiếm đoạt tài sản.
- Bảo vệ trâu bò và gia súc.
- Quản lý trâu bò và gia súc.
- Hôn nhân, nhiệm vụ đối với gia đình.
- Tội về tình dục.
- Tội loạn luân.
- Về quan hệ cha mẹ con cái.
- Quan hệ vợ chồng.

Luật tục Chăm có những nội dung chính sau đây:

- Những quy định chung, cách thức phân xử và phạt vạ.
- Quy định các loại tài sản.
- Khai hoang đất, quyền sử dụng và thừa kế ruộng đất.
- Quy định về đập nước và phân phối nước.
- Trách nhiệm và quyền lợi của cai đập, cai mương và ông xeo.
- Quản lý và bảo vệ trâu bò và gia súc.
- Tội ăn cắp và gây rối.
- Tội xúc phạm đến thầy lễ và tu sĩ.
- Việc chọn bầu cả sư, trưởng làng và trưởng tộc.
- Nghĩa vụ đối với cả sư, trưởng làng và trưởng tộc.
- Nguyên tắc chung về hôn nhân.
- Trường hợp kết hôn trái với luật tục.

- Trường hợp kết hôn trái với luật tục.
- Trường hợp đa thê.
- Ly hôn.
- Tội loạn luân.
- Các tội về tình dục.
- Trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái.
- Nghĩa vụ con cái đối với cha mẹ.
- Tội hỗn láo với cha mẹ và người trên.

Ngoài ra người Chăm còn có luật về Hội đồng tôn giáo, được gọi là hakum, (hakum ngawom agama) không gọi là adat, nghĩa là không hoàn toàn là luật tục dân giã. Thực ra đây cũng chưa phải luật pháp hiện đại, mà là một hình thức trung gian. Luật về Hội đồng tôn giáo quy định mối quan hệ giữa nhân dân và chức sắc tu sỹ, quan hệ giữa hai tôn giáo Bà la môn và Bà ni, quy định các hoạt động của Hội đồng tôn giáo.

Nhận xét

1. Những nội dung chung của luật tục hai dân tộc:

- Các mối quan hệ xã hội, trong đó quan hệ gia đình, hôn nhân rất được quan tâm. Luật tục kịch liệt phản đối và nghiêm khắc với tội lừa đảo, ăn cắp. Luật tục bày tỏ sự sợ hãi với tội loạn luân. Người ta tin rằng nếu trong cộng đồng có người phạm tội loạn luân thì thần linh căm giận gây ra thiên tai, dịch bệnh, chết chóc (đối với người Chăm). Người phạm tội loạn luân bị trừng phạt nặng nề, bắt sống như súc vật, đôi trai gái phải trần truồng, hoặc gàn như trần truồng, chui vào chuồng, vục mồm ăn vào

máng như lợn. Hiện tượng này rất hiếm xảy ra. Chúng tôi chỉ tiếp xúc được với một nhân chứng đã từng tham gia trừng phạt tội loạn luân cách đây 35 năm ở Ba Cùm Bắc (Raglai).

- Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, bao gồm quan hệ với cây rừng, đất đai, sông suối, cây trồng, vật nuôi... Đã từ lâu đời các dân tộc thâm thúy sâu sắc vai trò của thiên nhiên rừng núi với đời sống con người, coi mối quan hệ quan trọng đến mức thiêng liêng. Cho đến bây giờ môi trường sinh thái đã bị nền công nghiệp cũ tàn phá nặng nề thì chúng ta mới hô hào bảo vệ nó. Trong lúc ấy các dân tộc miền núi trong đó có người Raglai và người Chăm đã có những luật tục bảo vệ môi trường khá nghiêm khắc và từ lâu đời.

2. Những điểm khác nhau là người Chăm đã có riêng luật của Hội đồng tôn giáo các điều luật (tục) về gia đình ở đây đã có nhiều chi tiết và thú lớp. Điều này phản ánh sự phát triển cao hơn về gia đình xã hội ở người Chăm và sự có mặt lâu đời của hai tôn giáo Bà la môn và Bà ni. Và luật Hội đồng tôn giáo ra đời khi hai tôn giáo đã đi vào thế hòa hợp, sau thời gian chống đối nhau quyết liệt.

KẾT LUẬN

1. Các ý kiến bàn về mối quan hệ văn hóa và tộc người giữa Raglai và Chăm khá nhiều. Tựu trung có hai ý kiến chính:

- Người Raglai và người Chăm có mối quan hệ gần gũi, cùng nhóm ngữ hệ, nhưng phát triển độc lập với nhau⁽¹⁾.

- Người Raglai và người Chăm có mối quan hệ gần gũi nhất, gần bó hữu cơ, lâu dài, toàn diện, ở vị trí tiếp nối và có quan hệ hai chiều. Người Raglai là một tộc người trong thành phần cư dân của Chămpa cổ đại (như thế có nghĩa không phải xu hướng chủ yếu là người Raglai mới bị tách ra do bị đẩy lên núi sau này). Để chứng minh luận điểm của mình, các tác giả theo ý kiến này đã đưa một khối lượng các tư liệu về nhiều lĩnh vực như: tục ngữ, thơ ca, lễ hội, phong tục, ngôn ngữ, nông nghiệp, thủy lợi, chăn nuôi...⁽²⁾

2. Qua việc khảo sát luật tục Raglai và Chăm,

⁽¹⁾ Nguyễn Tuấn Triết: *Người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1991, tr. 28, 29, 30, 37.

⁽²⁾ Phan Xuân Biên và...: *Văn hóa và xã hội người Raglai ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1998, tr. 5, 14, 15.

Nguyễn Xuân Nghĩa: *Một số tư liệu về quan hệ văn hóa Chăm, Raglai và các dân tộc miền núi Nam Tây Nguyên*, trong sách *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hóa Thông tin Thuận hải xb, 1989, tr. 224, 252, 255, 256.

chúng tôi cũng nhận thấy luật tục của hai dân tộc có quan hệ gần gũi, chặt chẽ. Hơn nữa có những dấu vết của sự chuyển tiếp từ luật tục Raglai qua luật tục Chăm, mà luật tục Raglai có nhiều yếu tố cổ sơ hơn, biểu hiện rõ nhất ở lĩnh vực tôn giáo tín ngưỡng và tổ chức gia đình, dòng họ. Ở luật tục Raglai chưa có ảnh hưởng của sự du nhập của tôn giáo ngoại lai, trong lúc đó luật tục Chăm đã có đầy đủ ảnh hưởng của tôn giáo Bà la môn và Bà ni, và vào giai đoạn sau của sự du nhập này. Luật tục Raglai phản ánh một cơ chế gia đình dòng họ giản đơn, trong lúc đó luật tục Chăm phản ánh một cơ chế gia đình dòng họ phức hợp và có quyền uy.

Qua luật tục, chúng tôi nhận thấy: - giữa luật tục Raglai và luật tục Chăm có mối quan hệ rất gần gũi, đến mức độ anh em và thấy rõ sự chuyển hóa tiếp nối giữa chúng; - đây không phải là hai luật tục riêng biệt, có quan hệ gần gũi do cùng một hệ ngôn ngữ và cùng chung sống lâu đời; - ngoài hai nguyên nhân trên, chúng còn gần gũi nhau do có cội nguồn chung từ thời cổ đại và đây là nguyên nhân rất cơ bản.

3. J. Dournes, nhà khoa học người Pháp, đã từng sống với người Tây Nguyên 1/4 thế kỷ, tuyên bố nghiên cứu Tây Nguyên là để hiểu người Pháp hơn: "Người Tây Nguyên hôm nay là người Gôloa (người Pháp cổ sơ) được đưa về thời kỳ hiện đại. Quan sát họ hiện nay là chính để biết

những gì đã xảy ra, với chúng ta, những thế kỷ trước"⁽¹⁾. Với những đặc điểm về mối quan hệ Raglai - Chăm như đã trình bày trên, chúng ta hoàn toàn có thể ứng dụng phương pháp trên đây đối với người Raglai và người Chăm. Qua người Chăm để tìm hiểu người Raglai và ngược lại qua người Raglai để hiểu người Chăm. Bằng phương pháp này chúng ta có thể lý giải tình hình luật tục Chăm hiện tại và tìm hiểu "những gì đã xảy ra" vào thời cội nguồn.

Tại sao sách báo cận hiện đại không nhắc đến luật tục Chăm (còn tư liệu cổ có lẽ chưa tìm thấy)? Phải chăng người Chăm không có luật tục? Không phải như vậy. Cho đến nay đồng bào Chăm vẫn sinh hoạt xét xử, mà họ gọi là *adat*, với đầy đủ quy trình như: thủ tội bằng bói ở sách, vài ba thập kỷ trước đây có thủ bằng lặn nước: thủ tội hình thức vẫn xuôi xen lẫn vào văn *panước*; kết thúc có công bố và thi hành phạt vạ.

Sự so sánh luật tục Raglai - Chăm trên đây với kết luận cùng cội nguồn cho phép chúng tôi tin rằng, ở *thời cội nguồn chung* đó, người Chăm vẫn có luật tục với hình thức văn vần trọn vẹn như ở người Raglai. Chúng tôi nghĩ việc tìm kiếm văn bản văn vần trọn vẹn vẫn nên tiếp tục ở bi ký và sách cổ. Còn hiện nay, hơn 200 trang luật tục Chăm mà độc giả có

⁽¹⁾ J. Dournes (Dam Bo): *Les population des montagnardes du Sud-Indochinois* // France Asie, 49-50. Sài Gòn. 1950.

trong tay đã phản ánh đầy đủ thực tế hiện có của luật tục Chăm.

Để kế thừa luật tục truyền thống, chúng tôi đã vận dụng phương pháp luận trên, dựa vào nhân dân, xây dựng quy ước làng văn hóa với toàn bộ lời văn vắn. Quy ước được đưa ra xin ý kiến đóng góp của già làng và nhân dân, đã được bà con nhiệt liệt tiếp nhận và đóng góp như chính đó là tài sản hoàn chỉnh của mình. Và nhờ vậy công việc sưu tầm nghiên cứu luật tục Chăm - Raglai đã hoàn thiện nhiệm vụ của mình: *trả lại cho nhân dân kho tàng luật tục của họ như nó vốn có.*

P. Đ. N.

LUẬT TỤC CHĂM ADAT CHĂM

Đề từ:

Hakum saung adat
Krun bitanat nau
Jalan ita

*Luật đạo, luật đời
Để được nên người
Học kĩ, hiểu sâu*

PHẦN THỨ NHẤT

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI CHĂM

VÀ VĂN HOÁ CHĂM

I. VÀI NÉT VỀ NGƯỜI CHĂM:

Theo nhiều nguồn sử liệu, người Chăm là một dân tộc có một quá trình hình thành và phát triển lâu đời. Với sự phát hiện bi kí Võ Cạnh (Khánh Hoà) - một tấm bia khắc bằng chữ phạn (sanskrit) có niên đại khoảng cuối thế kỷ II sau công nguyên cho biết một vị vua tên là Sri-Mara đã sáng lập ra vương triều Champa⁽¹⁾. Trên cơ sở đó các nhà khoa học đã đi đến nhận định: Vương quốc Champa đã xuất hiện trong lịch sử Việt Nam vào thế kỷ II sau công nguyên⁽²⁾.

⁽¹⁾ R.C.Majumdar, Võ Cạnh Rock Inscriptions, Champa history and culture of an Indian Colonial Kingdom In the Far East 2ND-16 TH Century A.D, Book III, p 01...

⁽²⁾ G.Maspero, Le Royaume de Champa, Bruxelles, Paris-1928. p 84. (Bản dịch của Lê Tư Lành - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Người Chăm thuộc chủng tộc Nam Á, tiếng nói của họ rất gần gũi với các dân tộc Raglai, Churu, Jarai, Êđê, thuộc ngôn ngữ Austronesien (nhóm ngôn ngữ Malayo-Polinesien)⁽¹⁾. Họ có chữ viết riêng dựa trên chữ phạn (sanskrit) Ấn Độ mà ta còn thấy được trên các bi kí, và đến nay đã biến thành chữ Chăm thông dụng mà người Chăm gọi là akhar thrah. Người Chăm sinh sống chủ yếu ở dọc dải đất miền Trung. Họ sống tựa lưng vào dãy Trường Sơn và hướng mặt ra biển đông với hoạt động kinh tế cả nông nghiệp và nghề đi biển. Nông nghiệp trồng lúa nước người Chăm khá phát triển. Chính nơi đây đã xuất hiện giống lúa chín sớm 100 ngày và đến thế kỉ XIII được truyền qua Trung Hoa, tạo nên sự đột biến ở vùng Hoa Nam⁽²⁾.

Người Chăm gồm có hai thị tộc lớn: Thị tộc dừa (Li-u Narikela Vams) và thị tộc Cau (Pinang - Kramukha Vams). Dòng Cau làm bá chủ phía nam (Pânduranga) và dòng Dừa là chủ phía bắc (Amavati). Trong quá trình phát triển của mình, Vương quốc Champa hình thành bốn trung tâm lớn là: vùng Amavati ở phía bắc từ vùng Bình - Trị Thiên đến Quảng Nam - Đà Nẵng; vùng Vijaya thuộc phạm vi tỉnh Nghĩa Bình, Bình Định ngày nay; vùng Khâuthara thuộc Phú Khánh và vùng Pânduranga thuộc Ninh-Bình Thuận ngày nay⁽³⁾.

⁽¹⁾ Collins, Chamic. Malay, acehnese. The Malay World and the Malayic Languages, trong Le Champa et Monde Malais, Paris-1991, P101-108.

⁽²⁾ Trần Kỳ Phương, Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng, Nxb Ngoại văn, Hà Nội - 1987, tr37.

⁽³⁾ Trần Kỳ Phương. Sđd. tr37.

Trải qua quá trình phát triển lịch sử, trên mỗi vùng đất sinh sống, người Chăm đã để lại nhiều dấu ấn văn hóa đậm nhạt khác nhau. Trong đó có các đền tháp, lăng tẩm, bi kí, làng mạc, bến cảng, những câu ca, điệu múa, lễ nghi, tôn giáo, tín ngưỡng mang bản sắc văn hóa riêng của một tộc người. Đó chính là bằng chứng về vật chất, về tư tưởng của người Chăm một thời phát triển.

II. NGƯỜI CHĂM VÀ VĂN HÓA CHĂM Ở NINH THUẬN

Hiện nay người Chăm ở Việt Nam có số dân trên 132.873 người, sinh sống rải rác khắp các tỉnh như Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Long Khánh, Châu Đốc, An Giang, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Trong số đó, người Chăm ở Ninh Thuận có số dân đông nhất (trên 57.137 người), chiếm gần 50% người Chăm ở Việt Nam. Người Chăm Ninh Thuận sống tập trung ở 22 làng paley và hiện nay họ vẫn còn bảo lưu đậm nét nhiều tập tục truyền thống như nghi lễ, hội hè, tục cúng tế đền tháp, tục cưới gả, tang ma, tín ngưỡng, tôn giáo, luật tục, văn chương và còn có hai làng nghề truyền thống là nghề dệt và nghề gốm.

1. Làng paley Chăm:

Người Chăm ở Ninh Thuận sinh sống ở 22 làng paley⁽¹⁾ thuộc 13 xã và 4 huyện thị (Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh

⁽¹⁾ Kể từ đây, những từ Chăm, chúng tôi phiên chữ theo Từ điển Chăm - Pháp - Việt của G.Moussay. Trung tâm văn hóa Chăm Phan Rang - 1971. Tuy nhiên vì điều kiện in ấn khó khăn chúng tôi có lược bớt một số dấu âm mà xét thấy không ảnh hưởng đến nghĩa của từ.

Sơn, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm). Trong đó được phân chia ra thành hai cộng đồng tôn giáo: Chăm Bàlamôn và Chăm Hồi giáo. Mỗi cộng đồng tôn giáo lại sinh sống thành từng paley riêng biệt. Trong tổng số 22 làng paley thì có 15 làng Chăm Bàlamôn và 7 làng Chăm Hồi giáo. Mặc dù hai cộng đồng đồng tôn giáo, sống tách biệt nhau nhưng làng paley Chăm vẫn cùng mang một đặc trưng chung.

Paley Chăm thường định cư trên những vùng đất cao, xung quanh là ruộng lúa và nương rẫy. Mỗi paley có khoảng từ 300 - 400 hộ gia đình, bao gồm bởi nhiều tộc họ sinh sống với nhau. Các khuôn viên nhà ở được bố trí theo hướng bắc - nam. Trong mỗi paley Chăm đều có một đền thờ thần (sang pô yang) và ở đầu làng có nhà làng (sang paley). Cách paley không xa thường có một nghĩa địa (kút, ghô). Mỗi paley Chăm đều có đơn vị quản lí hành chính thôn, Đoàn thanh niên, Hội nông dân... Bên cạnh đó còn có Hội đồng phong tục (Hội đồng già làng) chăm lo cúng tế và cùng với chính quyền tham gia giải quyết những vụ bất đồng của các thành viên trong làng liên quan đến phong tục tập quán. Paley có luật riêng gọi là adat.

Nếu như Paley Chăm là đơn vị cư trú cổ truyền mang tàn dư của công xã nông thôn thì gia đình lại là bộ phận hình thành nên đặc trưng ấy. Gia đình trong paley Chăm được tổ chức theo hình thái gia đình mẫu hệ, bao gồm gia đình lớn (munga wôm praung) và gia đình nhỏ (munga wôm sít). Thành viên cơ bản trong gia đình được tính theo huyết thống bên mẹ. Trong mỗi gia đình có đàn bà lớn tuổi

đứng đầu gọi là "pô sang" (chủ nhà). Các tiểu gia đình có cùng chung một mẹ sinh ra thường bố trí chung nhà cửa trong một khuôn viên. Tương tự như vậy, các gia đình lớn cùng chung một dòng họ phía mẹ thường bố trí nhà cửa cùng dãy với nhau. Mỗi dòng họ có một tộc trưởng đứng đầu gọi là "akuak guăp". Ngày xưa trưởng tộc là đàn bà, ngày nay được thay thế bởi đàn ông. Nhiệm vụ của trưởng tộc là quản lý các thành viên, giải quyết những vấn đề thắc mắc giữa các thành viên và chăm lo, tổ chức cúng tế những lễ nghi tín ngưỡng liên quan đến tộc họ. Mỗi dòng họ trong làng được phân biệt với nhau bằng nghĩa địa của dòng họ mẹ (kút, ghôr). Mỗi dòng họ có một vật thờ tổ gọi là "chiết atâu".

Đơn vị cơ cấu căn bản của hệ thống thân tộc của người Chăm là mẫu hệ gia tộc. Những mối quan hệ bên mẹ là quan hệ thân thuộc và quan trọng nhất. Tổ tiên được thờ phượng là tổ tiên bên mẹ. Quyền thừa kế tài sản thuộc về con gái út. Phụ nữ Chăm nắm quyền quyết định trong gia đình. Vai trò cậu (cey) được đề cao và vẫn còn chi phối mạnh mẽ trong gia đình người Chăm hiện nay. Nói chung sinh hoạt làng (paley), gia đình (ngawôm), tộc họ (guăp tian) của người Chăm phản ánh đậm nét chế độ mẫu hệ thể hiện trên các mặt: sự phân hóa xã hội, quan hệ về gia đình và hình thức hôn nhân; hình thái tín ngưỡng; phương thức sản xuất và quyền sở hữu tài sản... Vì vậy cơ chế xã hội truyền thống người Chăm gắn bó chặt chẽ với nhau và được vận hành bằng luật tục (adat). Họ sống trên cơ sở bình đẳng, đoàn kết thương yêu lẫn nhau, cùng nhau

bảo vệ, lưu giữ thuần phong mỹ tục, những giá trị văn hóa của tổ tiên. Có thể nói làng paley, gia đình người Chăm là mắt xích quan trọng, gắn liền chặt chẽ với nhau, tạo nên một cơ cấu xã hội cổ truyền bền vững, trở thành cái nôi bảo tồn và lưu giữ văn hóa Chăm trong suốt những tháng năm thăng trầm của lịch sử dân tộc.

2. Đời sống kinh tế:

Người Chăm định cư trên dải đất miền Trung với đặc điểm địa hình là miền đất hẹp, kéo dài và được cấu tạo bởi ba vùng: Núi - Đồng bằng - Biển cả. Khí hậu nơi đây khắc nghiệt, khô ẩm, nhiều nắng, ít mưa. Điều kiện tự nhiên, địa lí môi sinh đó đã hình thành nên nền kinh tế của người Chăm.

Trong nền kinh tế truyền thống của mình, người Chăm có một nền nông nghiệp phát triển khá sớm. Từ lâu đời họ đã biết đắp đập khai mương để trồng lúa nước mà đến nay vẫn còn các dấu vết các công trình thủy lợi trên dải đất miền Trung như: đập Do Linh (Quảng Trị), đập Nha Trinh và đập Marên (Ninh Thuận). Họ còn có kĩ thuật canh tác ruộng nước khá cao. Tùy theo loại ruộng như ruộng gò (hamu tanu), ruộng cát (hamu chuah), ruộng sâu (hamu dhong) mà họ có kĩ thuật canh tác và sử dụng các loại giống lúa khác nhau. Người Chăm làm ruộng đã biết sử dụng nhiều giống lúa ngắn ngày, cho năng suất cao như loại giống lúa chiêm, lúa mùa (padai bidiên, padai halim, paday ia ok, padai kuprok...). Do đó không phải ngẫu nhiên mà người Trung Quốc và người Kinh điều du nhập giống "lúa chiêm" của người Chăm.

Bên cạnh làm ruộng, người Chăm còn là những người làm vườn giỏi. Họ trồng nhiều hoa màu và cây ăn trái như ngô, khoai lang, đậu xanh, đậu nành, chuối, dứa, hồ tiêu... Nhờ đó mà dân cư có hoa quả và ăn rau xanh 4 mùa⁽¹⁾. Bên cạnh nghề nông, người Chăm còn biết khai thác những khu rừng lớn như các loại gỗ mun, trầm hương, vỏ cây làm thuốc nhuộm... rất được ưa thích trên thị trường. Họ cũng biết khai thác tài nguyên khoáng sản ở xứ họ để đem bán ở xa. Người Chăm còn làm nghề biển, họ là những thủy thủ can trường, là những người buôn bán giỏi. Những chiếc thuyền buôn của họ thường vượt biển khơi đi đến hải cảng Trung Quốc và có mối quan hệ với các nước Java trong thời cổ trung đại⁽²⁾.

Nói chung kinh tế truyền thống của người Chăm bao gồm cả nghề nông, nghề đi biển và khai thác rừng. Ba hình thái kinh tế đó đã góp phần làm cho đời sống kinh tế Chăm phát triển phồn thịnh. Tuy nhiên ngày nay, một số ngành kinh tế truyền thống đã bị mất đi. Hiện nay người Chăm không còn làm nghề biển. Tuy một số làng Chăm ở Ninh Thuận như Bình Nghĩa, Tuấn Tú vẫn còn sống gần biển nhưng họ không làm nghề biển mà lại quay lưng với biển. Đa số (khoảng 95%) người Chăm Ninh Thuận ngày này chỉ sống bằng nghề nông, và một số ít làm nghề chăn nuôi và khai thác rừng. Đến nay họ vẫn còn phát huy truyền thống làm lúa nước và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Hoạt động

⁽¹⁾ G.Maspero, sđd, tr6.

⁽²⁾ G.Maspero, sđd, tr29.

nông nghiệp vẫn là chủ đạo trong đời sống kinh tế của người Chăm hiện nay.

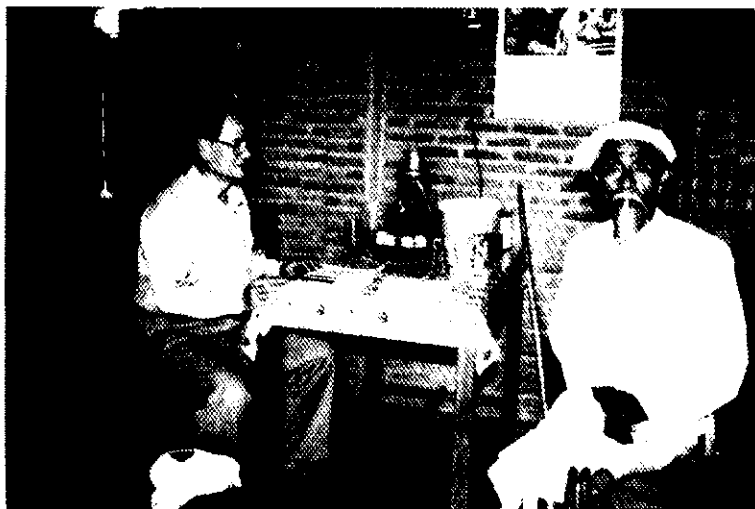
3. Nghề thủ công truyền thống:

Người Chăm có nghề thủ công truyền thống phong phú, đa dạng. Ngoài nghề gốm người Chăm còn có nghề dệt vải, điêu khắc, nghề luyện kim, nghề đóng thuyền, đan lát, mây tre... Tuy nhiên ngày nay các nghề thủ công trên bị thất truyền chỉ còn lại hai nghề: nghề gốm và nghề dệt.

3.1. Nghề gốm:

Hầu hết các di chỉ thuộc văn hóa Sa Huỳnh đều có mặt đồ gốm. Ở đó, ngoài đồ gốm Sa Huỳnh một số nơi còn tìm thấy gốm Trung Quốc, gốm Nhật Bản, gốm Islam... Điều này chứng tỏ rằng trên dải đất miền Trung - địa bàn cư trú của người Chăm - một thời kỳ đã diễn ra sự trao đổi buôn bán mạnh mẽ với các nước khu vực Đông Nam Á.

Ngày nay ở Ninh Thuận còn tồn tại duy nhất một làng gốm Bầu Trúc. Gốm ở đây là gốm cổ truyền, làm bằng tay, không có bàn xoay. Gốm được trang trí nhiều loại hoa văn như: hoa văn khắc vạch, sóng nước, các hoa văn hình học. .. Gốm Bầu Trúc được nung lộ thiên với ít nhiên liệu là củi và rơm nhưng lò gốm vẫn cho ra sản phẩm tròn trịa, nhiều sắc màu khác nhau: gốm chín đỏ, chín xám, xanh, đen, vàng... Sản phẩm gốm Bầu Trúc có nhiều loại như: Lu, chậu, lò nấu, đồ đựng và các sản phẩm nông nghiệp, đồ dùng để cúng tế. Sản phẩm gốm được ưa chuộng trên thị trường và được trao đổi với các cư dân quanh vùng như một số tỉnh miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên nước ta.



GS. TSHK Phan Đăng Nhật phỏng vấn cụ Lưu Tất, Ban phong tục thôn Hậu Sanh, Ninh Phước, Ninh Thuận.



Mư Dús Đạo Khoá - 65 tuổi - Tu sĩ đạo hồi giáo Bà ni - người đã tham gia vụ xử kiện theo tục "lặn nước" năm 1959 tại thôn Lương Trị - Ninh Sơn - Ninh Thuận.



Ông Nguyễn Men - Thành viên Hội đồng phong tục đang phát biểu ý kiến trong buổi sinh hoạt luật tục. Thôn Bình Nghĩa - Ninh Hải - Ninh Thuận (22/3/1999).



SaKaya (bên phải) cùng Thầy Cả sư, Thầy KaDhar đạo Bà Lamôn, thành viên Hội đồng tôn giáo - Hội đồng luật tục Chăm.



Ông Thành Nha và ông Lai Xuân Diên Thôn Bình Nghĩa. Thành viên Hội đồng luật tục.

Hiện nay, người Chăm Bầu Trúc có đến 95% số người dân còn làm gốm. Họ vẫn còn bảo lưu nhiều truyền thống, kĩ thuật cổ xưa chưa có gì biến đổi. Nghề gốm đang góp phần quan trọng trong đời sống kinh tế của người Chăm Bầu Trúc - Ninh Thuận.

3.2. Nghề dệt:

Nghề dệt thủ công truyền thống của người Chăm cách đây không lâu là nguồn cung cấp vải mặc cho các giai tầng của người Chăm và các cư dân quanh vùng như Raglai, Chu ru, Êđê. nghề dệt người Chăm đã từng tạo nên sản phẩm nổi tiếng về chất lượng cũng như nghệ thuật trang trí hoa văn trên vải. Những trung tâm dệt vải Chăm trong các vương triều trước thế kỷ XVII đã sản xuất được các loại bông sợi tơ, các tấm vải may quần áo cho vua chúa và dân thường. Cuốn Phủ Biên Tạp lục của Lê Quý Đôn cho biết: bông được người Chăm lấy từ cây cỏ bổi, hoa nở giống như lông ngỗng dùng để kéo sợi dệt vải, khăn, màu trắng muốt không, còn nhuộm 5 màu, dệt thành vải hoa.

Ngày nay nghề dệt vẫn còn lưu truyền và phát triển ở làng Chăm Mỹ nghiệp - Ninh Thuận - một làng cách thị xã Phan Rang 10 km về hướng nam. Làng Mỹ Nghiệp có hơn 95% hộ gia đình làm nghề dệt. Nghề dệt Chăm lắm công phu, phức tạp từ trồng bông, tách bông, quán sợi, xe chỉ... cho đến dệt vải. Ngày nay trong kĩ thuật dệt họ đã bỏ qua các khâu trên mà dệt từ sợi chỉ công nghiệp. Với kĩ thuật dệt đã đạt đến độ tinh xảo. Phụ nữ Chăm Mỹ Nghiệp đã tạo nên nhiều hoa văn và sắc màu đẹp mắt như hoa văn quả trám (bingu mun), hoa văn cách điệu hình Rồng

(bingu hăng), chân Chó (takay athâu), chân Chim (takay wak)... Với nhiều tấm vải phong phú như váy, áo, khăn đội đầu, khăn quấn; các loại vải trải bàn, trải giường, dây thắt lưng, các loại ví đeo...

Hiện nay sản phẩm dệt của người Chăm được thị trường trong và ngoài nước ưa chuộng. Nghề dệt là nguồn thu thập kinh tế chính của người Chăm Mỹ Nghiệp.

3.3. Nghề luyện kim:

Nghề luyện kim của người Chăm cũng đã một thời nổi tiếng. Sử Trung Quốc còn chép lại, khi vào Champa tướng nhà Lương - Đàn Hoa Chi đã cướp được tượng vàng Champa "Nấu chảy tượng vàng ra mấy vạn cân". Tư liệu trong cuốn Tùy thư còn cho biết: Tướng Lưu Phương "cướp được 18 tượng thần đúc bằng vàng". Điều đó chứng tỏ rằng, nghề luyện kim của người Chăm phát triển rất sớm.

Ngày nay qua các hiện vật sưu tầm ở các Bảo tàng và các bộ sưu tầm cá nhân cho ta thấy người Chăm còn có nhiều hàng thủ công tinh xảo. Sản phẩm thủ công là những đồ trang sức, vật dụng bằng vàng, bạc, đồng, sắt... được họ sử dụng để dâng cúng cho thần thánh, phục vụ vua chúa, giai cấp quý tộc. .. trong đời sống hàng ngày. Những cổ vật Champa đáng chú ý được biết đến là các loại vương miện, khuyên tai, bông tai, hạt chuỗi bằng đá, thủy tinh, vàng, bạc. Chẳng hạn như "Đồ trang sức hình cánh hoa cỡ lớn" (Đồng Dương - Thăng Bình - Quảng Nam - Đà Nẵng) là một loại vương miện đẹp ở đầu thế kỷ IX - X

(1) Loại nhẫn bằng vàng (Bồng Sơn - Bình Định), niên

đại khoảng thế kỷ XII - XIII SCN⁽¹⁾. Ngoài ra còn có các loại bình, bát, vòng tay bằng vàng, bạc... có niên đại ở thế kỷ XVII trở về sau đều là những cổ vật quý giá được trang trí, chạm khắc nhiều dáng vẻ tinh xảo và đẹp mắt.

3.4. Các nghề thủ công truyền thống khác:

Bên cạnh nghề gốm, nghề dệt, điêu khắc, luyện kim... người Chăm còn có nghề thủ công khác như nghề đóng thuyền, nghề đan lát, mây tre... Tuy nhiên một số trong những nghề trên hiện nay đã thất truyền. Chẳng hạn, nghề đóng thuyền, mặc dù ngày xưa người Chăm có nghề biển phát triển mạnh, họ đã đóng được những chiếc thuyền lớn vượt biển đi đến Trung Quốc, Java, Mã Lai... Theo thư tịch cổ Trung hoa vào thế kỷ XI người Chăm đã có nghề buôn bán phát triển trên biển, quan hệ với nhiều nước Đông Nam Á. Theo Tấn đường thư thì trên vùng biển Chăm lúc này đã có những con thuyền "dài hơn 20 trượng, cao hơn mặt nước 2 - 3 trượng, trông như nhà gác chứa được 600 tấn hàng gồm hàng trăm hành khách và hàng hóa". Nhưng đến nay, nghề đóng thuyền và đi biển của người Chăm đã mất đi trong đời sống mà chỉ còn lại một số dấu vết của những chiếc thuyền Chăm vượt biển trong các tục cúng tế hàng năm.

Ngoài những nghề trên, người Chăm còn có một số nghề thủ công khác như đan lát, mây tre, đóng xe trâu, đan thúng, mủng... để phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Nghề thủ công này ngày nay không còn phổ biến

⁽¹⁾ Lê Xuân Diệm, Vũ Xuân Lộc, Cổ vật Champa, Nxb VHDT. Hà Nội - 1996, tr56.

trong làng mà chỉ còn rải rác đó đây trong một số hộ gia đình ở các làng.

Nói chung, nghề thủ công truyền thống của người Chăm phong phú và có một thời phát triển rực rỡ. Điều này chứng tỏ rằng ngày xưa, nền kinh tế người Chăm phát triển mạnh. Nền kinh tế ấy không chỉ có nghề nông và đi biển mà nghề thủ công của người Chăm - một nghề có nhiều sản phẩm đa dạng đã góp phần quan trọng trong sự phát triển nền kinh tế người Chăm.

4. Tín ngưỡng, tôn giáo:

4.1. Tín ngưỡng:

Tín ngưỡng của người Chăm phong phú, đa dạng. Là bộ phận cấu thành nền văn hóa Chăm, tín ngưỡng người Chăm chi phối sâu sắc đời sống cộng đồng và tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau như: tín ngưỡng sơ khai nguyên thủy, tín ngưỡng liên quan đến thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng liên quan đến sản xuất nông nghiệp, lễ nghi vòng đời người... Hiện nay trong đời sống người Chăm vẫn còn tồn tại hình thức tô tem giáo thể hiện qua tục thờ các loại cây, thờ núi (atâu cök) và biển (atâu tasik) của các dòng họ Chăm. Tín ngưỡng người Chăm, ngoài lễ nghi liên quan đến chu kì vòng đời người như đám cưới, đám tang, lễ nhập kút... còn có các lễ nghi khác như lễ múa Rija Nugar (lễ múa đầu năm), lễ Rija Praung (lễ múa lớn), lễ Rija Harey (lễ múa ban ngày)... Ngoài lễ nghi trên họ còn có các lễ nghi nông nghiệp như lễ cúng thần lúa (yang sri), lễ xuống cày (ngak yang trun li-oa), lễ đắp đập khai mương (trun limung hatäm). Cùng với các lễ nghi đó người

Chăm tôn thờ các vị thần núi, thần sông, thần sấm sét, thần mặt trời, thần đất, thần sóng biển.

Từ sự phong phú và đa dạng về lễ nghi tín ngưỡng, người Chăm hình thành một tầng lớp thầy cúng dân gian. Theo số liệu thống kê hiện nay ở Ninh Thuận có tất 22 thầy cúng đuổi tà ma (On tiap bhut), 13 thầy Kadhar (thầy kéo đàn kanhi cúng tế đền tháp và nghi lễ dân gian), 09 thầy Ka-ink (thầy bóng), 03 bà bóng (Muk payâu) và 36 thầy Mứduôn (thầy võ trống basanưng cúng lễ múa Rija). Hiện nay tầng lớp thầy cúng tín ngưỡng này đã có tuổi đời từ 60 - 80 nhưng chưa có người kế tục. Vì tuổi già, họ đã lần lượt ra đi đã kéo theo sự biến mất một số lễ nghi Chăm như lễ đuổi tà ma, chữa bệnh bằng bùa chú, và một số lễ nghi nông nghiệp. Ngày nay tín ngưỡng Chăm tuy một số không còn phù hợp với cuộc sống nữa nhưng từ lâu nó đã là một bộ phận của đời sống tâm linh. Tín ngưỡng người Chăm là hạt nhân cơ bản hình thành nên diện mạo tôn giáo Chăm.

4.2. Tôn giáo:

Người Chăm có nhiều tôn giáo khác nhau như Bàlamôn giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Mỗi tôn giáo du nhập vào người Chăm ở mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau và ảnh hưởng mức độ đậm nhạt khác nhau. Ngoài Bàlamôn giáo và Hồi giáo đã tồn tại phát triển, gắn bó với người Chăm đến tận ngày nay thì vào thế kỷ IX, Phật giáo (Đông Dương) cũng chiếm vai trò quan trọng một thời trong đời sống vương triều Champa.

Hiện nay người Chăm còn tồn tại hai cộng đồng tôn

giáo: Bàlamôn giáo (Chăm Ahiêr) và Hồi giáo (Chăm Awal). Trên thực tế hai tôn giáo này không tồn tại và phát triển cùng một lúc, là tôn giáo bên ngoài du nhập vào. Ngay từ đầu công nguyên, cùng với văn hóa Ấn Độ, đạo Bàlamôn được truyền vào Champa và được người Chăm tiếp nhận, xây dựng đền tháp để thờ các vị thần Siva, Brahma, Vishnu⁽¹⁾. Và về sau họ tôn thờ cả các vị anh hùng văn hóa, dân tộc của họ. Vấn đề này còn biểu hiện rõ trên đền tháp, bi kí suốt dọc dải đất miền Trung như các đền tháp ở Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Bình Định, Phú Khánh, Ninh Thuận, Bình Thuận. Nói chung đạo Bàlamôn được truyền bá vào người Chăm, trên cơ sở giao lưu và tự nguyện. Người Chăm với trí thuận lợi, nơi giao lưu nhiều ngã đường ở Đông Nam Á, đã tiếp thu đạo Bàlamôn và cải biến nó trên cơ sở bản địa hóa tạo nên một đạo Bàlamôn mang sắc thái riêng.

Hiện nay đạo Bàlamôn (Chăm Ahiêr) ở Ninh Thuận có số dân khoảng 32.152 người, sinh sống ở 15 làng paley và tôn thờ 3 đền tháp (đền Pô Nugar, tháp Pô Kluang Garai và tháp Rôme). Người Chăm Bàlamôn có tầng lớp tu sĩ gọi là Paseh. Họ có sắc phục riêng, mặc áo màu trắng, mặc váy, búi tóc ở đỉnh đầu, quấn khăn đỏ và trong cuộc sống hàng ngày có nhiều kiêng cử. Hiện nay ở Ninh Thuận có tất cả 38 vị Paseh, trong đó đứng đầu⁽¹⁾ là 3 vị cả sư (Pô Dhia) phụ trách cúng lễ ở 3 đền tháp: tháp Pô Nugar (Hữu Đức - Ninh Phước), tháp Pô Kluang Garai (Tháp Chàm), tháp Pô Rôme (Hậu Sanh - Ninh Phước) đồng thời phụ

⁽¹⁾ G.Maspero, sdd. tr10.

trách cúng lễ cho các tín đồ như lễ tang (đám thiêu), lễ nhập kút. .. Ngoài 3 tháp trên, mỗi làng paley Chăm đều có đền làng (danok) để thờ thần. Hàng năm các tu sĩ Bàlamôn cùng với các chức sắc tín ngưỡng tổ chức cúng lễ ở các đền tháp như lễ mở cửa tháp (poh băng yang), lễ tế thần lửa (cuh yang apui), lễ Katê (lễ cúng các vị nam thần), lễ Bunchatê (lễ cúng các vị nữ thần), trong đó đặc biệt là lễ Katê - lễ hội lớn nhất hàng năm của người Chăm Bàlamôn.

Hồi giáo du nhập vào Champa muộn hơn so với đạo Bàlamôn Chăm. Theo tác giả Ed. Huber đã tìm thấy trong sử nhà Tống một câu Kinh "Ala hu akba", đó là câu kinh thông dụng của người Hồi giáo được nhắc đến trong lời cúng tế cầu thánh Alla. Ông tin rằng vào thời nhà Tống đã có người Chăm theo Hồi giáo⁽¹⁾. Một tư liệu khác là ở vùng biển phía nam Champa, người ta đã tìm thấy hai tấm bia có niên đại là 1025, 1039 P. Ravaisse đã dịch nội dung hai tấm bia này và khẳng định vào thế kỷ X - XI thì có thuyền buôn các nước Ả Rập, Ba Tư... có quan hệ buôn bán với cộng đồng người Chăm ở ven biển miền Trung. Và từ thời điểm này người Chăm bắt đầu tiếp nhận Hồi giáo⁽²⁾. Tuy nhiên có ý kiến cho rằng phải đến thế kỷ XIII với sự kiện vua Chăm Inravarman III cưới Công chúa người Java là Bia Tasi thì Hồi giáo mới thực sự du nhập vào cung đình

⁽¹⁾ Pierre-yres Maguin. The introduction of Islam into Champa. B.E.F.E.O. Tome LXVI, 1979 (Translated English by Robert Nicholl), p 01...

⁽²⁾ G. Maspero, sdd. tr13.

Champa và đến thế kỉ XVI-XVII, triều vua Pô Rôme (1627-1651) thì ảnh hưởng của Hồi giáo mới thực sự đi vào trong dân chúng.

Người Chăm Hồi giáo Ninh Thuận hiện nay có số dân khoảng 22.416 người, sinh sống tập trung ở 7 làng paley. Họ có nếp sống kiêng cử riêng như không ăn thịt heo, thịt dông... Họ có thánh đường riêng để cầu nguyện thánh Alla (Pô Auloah), có tầng lớp tu sĩ là Pô Char. Pô Char có nhiều kiêng cử trong cuộc sống hàng ngày. Họ mặc váy, áo trắng, không để tóc, quấn khăn màu đỏ. Trong toàn bộ 7 làng paley Chăm Hồi giáo Ninh Thuận có tất cả 121 vị tu sĩ cấp Char. Mỗi paley Chăm Hồi giáo đều có một thánh đường (sang mưgik) và một cả sư (Pô gru) đứng đầu để chăm lo cúng lễ thánh đường và thực hiện các lễ nghi cho tín đồ như đám karoh, katát (lễ cắt tóc, đặt tên thánh), lễ cưới (bang likhak), lễ tang (padhi)...

Ở người Chăm Hồi giáo - Ninh Thuận có một điểm khác biệt. Họ không tôn thờ duy nhất một thánh Alla mà bên cạnh đó họ còn tôn thờ các vị thần Chăm Balamôn, thực hiện lễ nghi cúng tế liên quan đến tín ngưỡng dân gian, như lễ Rija, lễ nghi nông nghiệp, lễ cúng tổ tiên, vòng đời người và các vị thần đất, thần sông... Vì vậy họ không phải là người Hồi giáo chính thống mà là Hồi giáo theo cách riêng của người Chăm. Họ tự gọi là những người Hồi giáo Bani (hoặc Bini).

Bên cạnh Hồi giáo Bani người Chăm Ninh Thuận còn một nhóm Hồi giáo chính thống gọi là "Chăm Islam". Nhóm này tự tách ra từ nhóm Chăm Hồi giáo Bani vào

1967. Hiện nay họ có khoảng 2000 tín đồ, thành lập 3 thánh đường riêng, sống rải rác ở các thôn Văn Lâm, Phước Nhơn, An Nhơn. Họ đã từ bỏ tục thờ cúng tổ tiên, thờ thần linh ở các đền tháp Balamôn và lễ nghi tín ngưỡng bản địa Chăm. Họ chỉ tôn thờ duy nhất một thánh Alla, mỗi ngày cầu nguyện 5 lần, đặc biệt trưa thứ 6 hàng tuần, nam tín đồ tắm rửa sạch sẽ làm lễ tại thánh đường. Họ thực hiện nghiêm túc bốn phận nhịn ăn tháng lễ Ramuwan (Ramadan) và luôn ao ước một lần trong đời được hành hương đến thánh địa La Mecque - Ả Rập.

Nói chung, hiện nay người Chăm có hai cộng đồng tôn giáo nhưng có 3 nhóm tín đồ: nhóm Chăm Balamôn (Chăm Ahiêr), nhóm Chăm Hồi giáo Bani và nhóm Chăm Islam (Hồi giáo chính thống). Trong lịch sử hai tôn giáo Balamôn và Hồi giáo người Chăm đã từng xung đột, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Chính điều này đã gây nên sự mâu thuẫn, đối lập nhau trong một thời gian dài. Để giải quyết mâu thuẫn đối lập này, cộng đồng người Chăm ở đây (Pânduranga) đã biết vận dụng quan niệm lưỡng hợp để dung hòa hai tôn giáo, bằng cách phân lập hai nhóm cộng đồng Chăm Hồi giáo (awal) tượng trưng cho phái nữ (âm tính) và Chăm Balamôn (ahiêr) tượng trưng cho phái nam (dương tính). Đây là hai mặt đối lập nhưng lại thống nhất với nhau. Do vậy trong quan niệm người Chăm, giữa Chăm Hồi giáo (awal) và Chăm Balamôn (ahiêr) tuy hai nhưng lại một, họ gắn bó chặt chẽ với nhau không thể tách rời. Sự gắn bó này được biểu hiện trên các mặt giáo lí, nghi lễ, sắc phục, tục cúng tế và có cả qui định chung về những điều luật tôn giáo nhằm thống nhất với nhau trong hoạt

động vì lợi ích chung của cộng đồng.

Vấn đề tôn giáo, cũng như nhiều quốc gia cổ đại khác ở Đông Nam Á, người Chăm không kì thị tôn giáo mà ngược lại bao trùm lên toàn bộ lịch sử Champa là sự hỗn dung tôn giáo. "Người dân Champa tiếp nhận tất cả: đức hiếu sinh, từ bi của phật giáo, tình thương của Vishnu giáo và cả quyền lực Siva giáo"⁽¹⁾. Và sau này còn dung hợp luôn cả thượng đế Alla (Pô Âu loah) của Hồi giáo nữa.

Nói chung tôn giáo Chăm đã đóng góp tích cực vào trong quá trình phát triển lịch sử, văn hóa, xã hội và ngày nay vẫn còn chi phối mạnh mẽ trong đời sống người Chăm. Tôn giáo Chăm đã sản sinh nhiều đền tháp, tượng thờ, nghi lễ, hội hè, tục cúng tế, kho tàng văn hóa... và đã góp phần quan trọng trong việc hình thành nên bản sắc văn hóa Chăm.

5. Đền tháp Chăm và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc:

Trong di sản văn hóa người Chăm hiện nay nổi bật nhất là hệ thống đền tháp, điêu khắc, tượng thờ, thành quách, bia kí... Trong tổng số khoảng 250 di tích đã được người Pháp thống kê, hiện nay chỉ còn 20 nhóm đền tháp với 40 công trình còn tạm đứng vững⁽²⁾. Điều đó cho ta thấy tầm quan trọng đền tháp đối với người Chăm.

Hầu hết từ miền Trung cho đến Tây Nguyên, nơi nào có người Chăm sinh sống thì họ đều xây dựng đền tháp để

⁽¹⁾ Lưu Trần Tiêu (cùng các tác giả). Giữ gìn kiệt tác kiến trúc trong nền văn hóa Chăm. Nxb VHDT. Hà Nội - 2000, tr65.

⁽²⁾ Lưu Trần Tiêu. sđd, tr8.

thờ thần. Qua những dòng bi kí cho ta biết, ngay vào thế kỉ thứ V - VII người Chăm đã xây dựng đền tháp để thờ thần. Trước đó, tại thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam - Đà Nẵng) người ta đã tìm được dấu vết một ngôi đền bằng gỗ thờ thần Siva - Bhadravarman⁽¹⁾. Tiếp sau đó cho đến thế kỉ XVII các đền tháp Champa tiếp tục ra đời mang nhiều phong cách khác nhau như Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Bằng An, Chiên Đàn (Quảng Nam), tháp Dương Long, tháp Bạc, Bình Lâm, Hưng Thạnh (Bình Định), tháp Nhạn (Phú Yên), tháp Pô Naga (Khánh Hòa), Pô Kluang Garai, Pô Rôme (Ninh Thuận), tháp Pô Sah Inư, Pô Dam (Bình Thuận), tháp Yang Pruang (Tây Nguyên)... Tất cả đền tháp Chăm được xây dựng để thờ ba vị thần thánh: Siva, Vishnu, Brahma. Về sau tháp Chăm ngoài thờ thần Ấn giáo họ còn thờ các vị vua Chăm như tháp Pô Kluang Garai, Pô Rôme (Ninh Thuận).

Những đền tháp Chăm đều có đặc điểm chung là một cụm kiến trúc bao gồm một tháp trung tâm hình vuông, mái thon nhọn "tượng trưng cho ngọn núi Mêru - Ấn Độ, trung tâm vũ trụ nơi ngự trị của thánh thần". Xung quanh tháp chính là những tháp nhỏ nằm theo vị trí 4 hướng tượng trưng cho các lục địa và ngoài cùng là hào rãnh, biểu tượng của đại dương. Sơ đồ kiến trúc đó được xây dựng theo khái niệm vũ trụ luận của Ấn Độ⁽²⁾.

⁽¹⁾ Philip Stern, *L'Art du Champa et son evolution* - 1942. (Bản dịch của Viện Bảo Tàng Mỹ thuật, Hà Nội - 1975), tr18.

⁽²⁾ Xem J.C Sharma, *Temple of Champa in Vietnam*, Social Science Publishers, Hanoi-1992, p42.

Tháp còn có một đặc điểm chung là xây bằng gạch, có 4 mặt hình vuông đối xứng nhau. Mặt trước hướng về phía đông có cửa ra vào còn 3 mặt còn lại ở 3 hướng (tây, nam, bắc) có ba cửa giả. Tháp Chăm thường có 3 tầng được cấu trúc như nhau, mỗi tầng càng lên cao càng thu nhỏ dần và kết thúc bằng một Linga bằng đá trên nóc tháp. Kỹ thuật xây dựng và chất kết dính tháp Chăm như thế nào đến nay vẫn còn nhiều bí ẩn chưa giải mã được đối với những nhà nghiên cứu. Gần một thế kỉ trôi qua, ngay trong những năm đầu thế kỉ XX các nhà nghiên cứu người Pháp như G.Maspero (1928) J.Clayes, H. Parmentier (1948), Wawrenersk và Skibinski (1928)... đã đưa ra nhiều giả thiết, thử nghiệm về chất kết dính của các viên gạch trong kĩ thuật xây tháp người Chăm. Các ý kiến của tác giả nêu trên tựu trung lại thành 4 giả thuyết như sau:

- Trong kĩ thuật xây tháp, người Chăm nung gạch toàn khối hoặc nhiều lần để các viên gạch tự kết dính với nhau
- Sử dụng chất kết dính (chất keo, phụ gia) trong việc xây gạch
- Mài gạch với mặt tiếp xúc để gạch tự kết dính với nhau
- Dùng kĩ thuật xếp gạch nung sẵn

Tất cả những giả thuyết trên, mặc dù hiện nay được hỗ trợ bằng phương pháp phân tích khoa học thực nghiệm hiện đại, tiên tiến nhưng kết quả về chất kết dính, về kĩ thuật xây dựng tháp Chăm vẫn chưa được làm sáng tỏ. Tiếp tục công việc nghiên cứu của các tác giả đi trước, sau năm 1975 các tác giả như Cao Xuân Phổ, Trần Kỳ Phương, Ngô Văn Doanh... cũng đã dành nhiều công sức nghiên

cứu tháp Chăm nhưng chưa có gì mới hơn". Hầu hết các giả thuyết nghiên cứu sau năm 1975 gần như lặp lại các giả thuyết trước 1975 của các nhà nghiên cứu người Pháp⁽¹⁾. Tháp Chăm vẫn còn nhiều điều bí ẩn, chưa được khám phá.

Cùng với kiến trúc, điêu khắc Champa cũng thể hiện được vẻ đa dạng, độc đáo. Những đề tài điêu khắc Chăm là những tượng thờ Siva, Vishnu, Brahma. Ngoài những vị thần trên, vật thờ ở tháp Chăm phổ biến vẫn là cặp Linga-Yoni. Ngoài tượng thờ các vị thần chính, điêu khắc ở đền tháp Chăm còn trang trí bằng tượng thờ Vũ nữ (Ápsara), người cưỡi ngựa đánh cầu; những con vật huyền thoại như Garuda, Kala, bò thần Nandin. Những cảnh chạm khắc trang trí ở các bộ thờ, điêu khắc Chăm phần lớn ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ. Chẳng hạn bộ thờ Trà Kiệu chạm khắc 4 cảnh quanh đài thờ kể chuyện trường ca Ramayana (chủ đề lễ cưới công chúa Sita). Bộ thờ Mỹ Sơn E1 diễn tả cảnh sinh hoạt lễ nghi tôn giáo của đạo sĩ Ấn và những cảnh trầm tư, giảng đạo múa hát, luyện thuốc chữa bệnh. Điêu khắc Chăm đã thể hiện nhiều đề tài phong phú đa dạng. Một số tác phẩm đã trở thành kiệt tác mà tiêu biểu là tượng Vũ nữ Trà Kiệu (Apsara) được đánh giá là "đỉnh cao của nghệ thuật tạc tượng Champa và của cả miền Đông Nam Á"⁽²⁾.

Nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc Chăm tuy có những nét ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, Indonesia, Khơme nhưng

⁽¹⁾ Lưu Trần Tiêu, sdd, tr177.

⁽²⁾ Trần Kỳ Phương, sdd, tr48.

họ không tiếp thu, sao chép một cách nguyên vẹn mà luôn cải biên sáng tạo trên cơ sở văn hóa bản địa. Người Chăm một thời tôn thờ, đề cao Siva Ấn Độ nhưng Siva của người Chăm không giống Siva Ấn Độ, Siva Chăm vẫn hướng về nữ tính, gắn gũi với tín ngưỡng thờ mẫu (Inu) của người Chăm và luôn kết hợp với Linga-Yoni (tín ngưỡng phồn thực). Về sau tục thờ Siva được gắn với tục thờ Vua - Thần (Mukhalinga). Điều đó thể hiện được tính bản địa - một cá tính riêng trong tục thờ thần của người Chăm. Cũng như các mẫu đề điêu khắc, kiến trúc Chăm luôn dựa vào mô típ của Ấn giáo để rồi biến hóa thành cái riêng mình. Chẳng hạn tháp Chăm chỉ xây bằng gạch, chứ không xây bằng đá như tháp Ấn Độ. Các tháp Chăm hướng về hình khối đơn giản, không qui mô bề thế như các tháp ở Ấn Độ, đền tháp Ăngko (Campuchia), tháp Borobudur (Indonesia). Tháp Chăm luôn hướng về tiểu phẩm cân xứng, đẹp mắt, vừa độc đáo vừa có cá tính, kỹ thuật, bí quyết riêng mà đến nay vẫn còn là một điều bí ẩn. Đó là thành tựu rực rỡ, là nét bản sắc riêng biệt, "thể hiện sự sáng tạo, tài ba độc đáo của những nhà kiến trúc, điêu khắc Chăm thời xa xưa"⁽¹⁾.

Hiện nay người Chăm ở Ninh Thuận còn tồn tại 3 ngôi tháp, mang 3 phong cách và niên đại khác nhau.

Tháp Hòa Lai (Ba Tháp - Ninh Thuận) xây dựng vào thế kỷ IX được xếp vào phong cách Hòa Lai. Cụm tháp Hòa Lai gồm có 3 ngôi và được xây dựng vòng thành bao quanh. Hiện nay tháp trung tâm và vòng thành đã bị sụp

⁽¹⁾ Phan Xuân Biên (cùng các tác giả). Văn hóa Chăm. Nxb KHXH - 1991, tr145.

đổ hoàn toàn chỉ còn 2 ngôi tháp ở phía bắc và phía nam nhưng vẫn đang trong tình trạng hư hại trầm trọng. Hiện nay nhà nước đang tiến hành trùng tu, chống xuống cấp. Tháp Hòa Lai, mặc dù có phong cách riêng nhưng nó cũng mang một số đặc điểm chung như các tháp Chăm nêu trên. Bên trong lòng của tháp phía nam thờ bộ thờ Linga - Yoni, ở trên các mặt tường tháp có điêu khắc các tượng thờ như tượng tu sĩ Balamôn, chim thần Garuda... và các cột trụ đều có chạm khắc, trang trí hình hoa lá. Tất cả đề tài trang trí được tạc trực tiếp lên mặt tường của tháp. Hiện nay tháp này người Chăm không thờ phượng cúng tế.

- Tháp Pô Kluang Garai nằm trên ngọn đồi trầu (cok hala) thuộc phường Đô Vinh, cách trung tâm thị xã Phan Rang - Tháp Chàm 9km về phía tây bắc. Tháp Pô Kluang Garai là một tổng thể kiến trúc nghệ thuật bao gồm 3 ngôi tháp: Tháp chính (Kalan Pô) cao 20,5m bên trong thờ một tượng vua Pô Kluang Garai bằng đá dưới hình thể Mukhalinga (Linga có gắn mặt vua) và một tượng bò thần Nandin bằng đá đặt ở lối ra vào; tháp cổng (Kalan pabah libang) cao khoảng 8,56m; tháp lửa (Sang cuh yang apui) cao 9,31m. Ngoài ra ở phía sau tháp chính còn có một ngôi miếu nhỏ thờ một phiến đá. Xung quanh tháp được bao bằng một vòng thành. Tháp được người Chăm xây dựng vào cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV để thờ vị vua Pô Kluang Garai (1151 - 1205) - một vị vua có công với dân, với nước, được người Chăm suy tôn thành thần thánh. Tháp Pô Kluang Garai là một cụm tháp hoàn mỹ, đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ trong nền nghệ thuật kiến trúc, điêu

khắc Champa. Tháp được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật vào năm 1979.

- Tháp Pô Rôme nằm trên một ngọn đồi "Bôn acho" thuộc thôn Hậu Sanh, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, cách thị xã Phan Rang - Tháp Chàm 15km về phía tây nam. Tháp Pô Rôme được xây dựng vào thế kỷ XVII để thờ vị vua Pô Rôme. Tháp Pô Rôme là tổng thể kiến trúc gồm có 3 ngôi tháp: Tháp chính, tháp cổng và tháp lửa. Nhưng hiện tại chỉ còn lại một ngôi tháp chính cao 19m bên trong có thờ một tượng vua Pô Rôme bằng đá dưới hình thể Mukhalinga và một tượng thờ hoàng hậu Bia Than Chan bằng đá - người Êđê. Phía sau tháp chính còn có một ngôi miếu nhỏ thờ tượng Hoàng hậu Bia Than Cih bằng đá - người Chăm. Còn hai ngôi tháp: Tháp cổng và tháp lửa đã sụp đổ. Tháp Pô Rôme không cao to bề thế như tháp Pô Kluang Garai nhưng tháp có một phong cách nghệ thuật kiến trúc riêng biệt - phong cách Pô Rôme. Tháp Pô Rôme được xem là ngôi tháp cuối cùng trong lịch sử nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đền tháp của người Chăm ở Việt Nam. Tháp Pô Rôme được Bộ Văn hóa xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1992.

Ngoài 3 ngôi tháp trên người Chăm ở Ninh Thuận còn có 7 thánh đường Hồi giáo Bànỉ rải rác ở 7 thôn như: Văn Lâm, Tuấn Tú, Thành Tín, Lương Tri, Phú Nhuận, Phước Nhơn, An Nhơn. Bên cạnh các thánh đường ở các làng Chăm còn có khoảng 15 ngôi đền làng (danok) thờ thần làng. Đặc điểm phân kiến trúc các thánh đường (sang mughik), đền làng (danok) Chăm đều tương tự như nhau



Thầy IMun Mít và cụ Biên Kiệu - Thành viên Hội đồng phong tục
(luật tục) Thôn Văn Lâm - Ninh Phước - Ninh Thuận.



Gs. Ts Ngô Đức Thịnh, Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian
(bên phải) và ông Phan Quốc Anh PGĐ sở VH TT Ninh Thuận
cùng già làng thôn Bình Nghĩa trao đổi về kế hoạch
xây dựng lại đền thờ Pôn Inư Nugar ở địa phương.



Đền thờ Pôn Inư Nugar ở thôn Bình Nghĩa - Ninh Hải - Ninh Thuận đang được xây dựng lại do Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian tài trợ.



Lễ cúng thần Pôn Inư Nugar của bà con tại đền thờ Pôn Inư Nugar sau khi đã xây dựng xong tại thôn Bình Nghĩa - Ninh Hải - Ninh Thuận.

nó khác hẳn kiến trúc tháp Chăm, tương tự như kiến trúc nhà cửa của người Chăm truyền thống hiện nay. Các Thánh đường và đền thờ thường kết cấu bằng các bộ vì kèo, mái lợp ngói, tường xây bằng xi măng. Riêng chỉ có một số ngôi đền làng Chăm được xây vào những năm 60 trở về đây có ảnh hưởng kiến trúc đình làng người Việt. Chẳng hạn một số đền thờ làng Chăm như Bình Nghĩa, Bầu Trúc, Hữu Đức... thường xây đền thờ theo kiểu chữ nhất, chữ đình, đền có tiền đền và hậu đền, mái lợp ngói âm dương, trên nóc mái có hình lưỡng long châu nguyệt. Ngược lại các thánh đường Chăm lại không trang trí, điêu khắc, không có tượng thờ. Còn các đền thờ thần làng Chăm, một số ít có thờ tượng. Chẳng hạn như đền Pô Nugar (Hữu Đức), đền Pô Kluang Chanh (Bầu Trúc). Còn một số đền còn lại chỉ thờ phiến đá trơn tru. Nói chung giai đoạn về sau, từ khi xây tháp Pô Rôme, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm đã gãy mạch truyền thống. Người Chăm không còn có được những ngôi tháp qui mô, bề thế và những tượng thờ say đắm, đẹp mắt như xưa mà đã đi vào thời kỳ suy thoái, lùi vào đời sống dân dã ở làng Chăm.

Hiện nay, tất cả đền, tháp, thánh đường của người Chăm Ninh Thuận, ngoài tháp Hòa Lai thì người Chăm vẫn còn bảo tồn khá tốt. Hàng năm họ vẫn còn thực hiện nhiều nghi lễ, hội hè liên quan đến đền, tháp và thánh đường trong các làng paley Chăm.

6. Nghi lễ, hội hè:

Cùng với đền tháp người Chăm còn có nhiều nghi lễ hội hè. Theo thống kê hiện nay, người Chăm có hơn 75 lễ hội và 125 thần linh mà họ còn kêu cầu cúng tế. Người Chăm gồm có hệ thống các lễ, hội sau:

* Hệ thống lễ nghi đền tháp bao gồm:

- Lễ mở cửa tháp (poh băng yang) được tổ chức vào tháng 1 lịch Chăm.

- Lễ tế thần lửa (cuh yang apui) trên tháp vào tháng 4 lịch Chăm

- Lễ Katê, cúng tưởng nhớ các vị Nam thần được tổ chức vào tháng 7 lịch Chăm.

- Lễ Bunchatê, cúng tưởng nhớ các vị Nữ thần được tổ chức vào tháng 9 lịch Chăm.

Các lễ nghi trên hàng năm do tu sĩ Balamôn (Pô Dhia) và các thầy tín ngưỡng dân gian như thầy Kadhar (thầy kéo đàn kanhi hát thánh ca) và Bà bóng (Muk pajâu) thực hiện. Đặc trưng của các lễ hội này là các tu sĩ đọc kinh, dâng lễ vật, hát mời các vị thần Balamôn như thần Siva (Pô Ginôr mưtri), các vị thần người Chăm như Pô Nugar, Pô Kluang Garai, Pô Rôme...

* Hệ thống lễ nghi ở thánh đường:

- Lễ Ramuwan (Ramadan) được tổ chức trong tháng 9 Hồi lịch

- Lễ Wataha, lễ mãn chùa chay

- Lễ Suk yương (kinh hội)

Đó là lễ nghi của người Chăm Hồi giáo Bini do tu sĩ Pô Char thực hiện, trong đó có lễ Ramuwan là lễ chính... Đặc

trung của lễ Ramưwan là tu sĩ vào thánh đường, nhịn đói trong một tháng. Trong tháng lễ họ chỉ được ăn uống về đêm. Ban ngày nhịn đói, đọc kinh Koran, cầu nguyện thánh Alla (Pô Áuloah) một ngày 5 lần. Trong lễ Ramưwan không có múa hát. Tuy nhiên trước khi vào lễ này 3 ngày người Chăm thường tổ chức lễ tạ mộ, cúng tổ tiên trong nhà (Muk key) và tổ chức vui chơi múa hát, thăm viếng lẫn nhau.

* Hệ thống lễ nghi tín ngưỡng Chăm - lễ múa Rija:

- Lễ Rija Nugar, lễ múa tổng ôn đầu năm được tổ chức vào tháng giêng lịch Chăm tại mỗi làng paley.

- Lễ Rija Harey, lễ múa ban ngày, thường tổ chức trong tộc họ gia đình vào tháng giêng lịch Chăm.

- Lễ Rija Dayâup: lễ múa ban đêm, thuộc về lễ của tộc họ gia đình tổ chức vào tháng 4, tháng 5 hoặc tháng 10, tháng 11.

- Lễ Rija Pruang: lễ múa lớn thường được tổ chức như lễ múa ban đêm nhưng qui mô lớn hơn.

Đặc trưng của lễ Rija là lễ cúng chung cho cả hai cộng đồng Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo Bani. Lễ Rija chủ yếu là do thầy Mưduôn (thầy võ trống basanưng) và Muk Rija (Bà giữ chiết atâu - hương hồn tổ tiên của tộc họ) thực hiện. Riêng lễ Rija Nugar có thầy Ka in (thầy bóng) thực hiện. Chủ yếu lễ này là thầy Mưduôn võ trống đọc kinh, hát lễ, Muk Rija múa theo các điệu trống ginăng và kèn

saranai. Họ múa hát dâng lễ vật lên các vị thần Chăm Balamôn và Hồi giáo như thần Pô Âuloah (Alla), Pô Ban Gina; các vị thần Balamôn như Pô Ginôr mưtri (thần Siva), thần Pô Kluang Garai, Pô Rôme và các vị thần anh hùng dân tộc như Pô Riyak (thần sóng biển) Pô Tang ahauk (thần chèo thuyền)...

* Hệ thống lễ nghi nông nghiệp Chăm:

- Lễ xuống cày (yang trun li oa)
- Lễ dựng chòi cày (yang padang padai twan)
- Lễ lúa đón đồng (padai tok tian)
- Lễ đón lúa về nhà (da à padai tagauk lan)...

Đặc trưng của lễ nghi nông nghiệp chủ yếu là thầy cúng lễ đứng ra cúng tế. Lễ vật chủ yếu là dê, gà, cơm canh... dâng lên các vị thần đất (Pô bhum), thần sông (Patau ia), thần lúa (Yang Sri), thần mặt trời (Yang Atikiak) và những người có công khai hoang, đắp đập (Gru urang, akuak urang)... để các vị thần linh phù hộ độ trì cho dân làng được mùa màng, no ấm.

Bên cạnh những lễ nghi theo chu kì cây lúa, người Chăm còn có các lễ nghi chung cho cộng đồng liên quan đến nông nghiệp như lễ cầu đảo, cầu mưa (palau sah) ở các cửa biển; lễ khai mương, đắp đập ở các cửa sông; lễ cúng trâu (ngak kabau) trên núi... Tuy nhiên hiện nay với sự phát triển đi lên của khoa học kĩ thuật, cùng với lễ nghi

theo chu kì cây lúa thì các lễ nghi cộng đồng trên đã biến mất trong những năm gần đây ở vùng Chăm.

- Ngoài các lễ nghi trên, ở người Chăm còn phải kể đến các lễ nghi liên quan đến vòng đời người như lễ karoh, katat (lễ cắt tóc, đặt tên thánh của người Chăm Hồi giáo Bàni), lễ cưới, lễ tang, lễ nhập kút... đã góp phần làm phong phú lễ, hội Chăm ở Ninh Thuận.

7. Văn học nghệ thuật:

Văn học nghệ thuật Chăm là một kho tàng văn hóa đặc sắc. Trong đó không chỉ có loại hình nghệ thuật ca, múa, nhạc dân gian mà còn có những truyện cổ tích, truyền thuyết (dalikal), thơ (ariya) và ca dao, tục ngữ (panuoc padip, panuoc yaw)... Loại hình văn chương Chăm đã được nhiều người biết đến như Dêwa Muno, Inra Patra, ariya Klăng anak, ariya Muk Thruk paley, ariya Pato adat kamey, likey; các truyện kể về Prăm dit prăm lak, sự tích bò thần Nandin, Nàng út (Nai kadiêng), Vua Patau Tabai và Nàng Ngà... Phần lớn các tác phẩm văn chương Chăm đều tập trung phản ánh ước vọng của con người trong lao động trong cuộc sống sinh hoạt, tình yêu lứa đôi và chiến đấu chống những bất công của xã hội; đối nhân xử thế, hướng con người đến cái thiện và ước mơ có một cuộc sống thanh bình, yên ả... Văn chương Chăm bên cạnh những dòng văn xuôi, thơ (ariya). còn phải kể đến những lời ca, lời khấn

thần thánh trong lễ hội. Nội dung của những bài ca, tục cúng đó không chỉ chứa đựng những tiểu sử, huyền thoại các vị vua thần có công với dân, với nước mà còn là những bài hát kể gắn với những tên đất, tên vùng, với những sự kiện lịch sử dân tộc... đã được các nghệ nhân, thầy cúng lễ nâng lên thành nghệ thuật hát kể đặc sắc...

Cùng với nền văn học, người Chăm còn có một loại hình ca múa nhạc dân gian giàu bản sắc dân tộc. Có thể nói văn hóa Chăm, đặc biệt là lễ hội là môi trường để sản sinh và nuôi dưỡng hình thái nghệ thuật Chăm. Trong loại hình ca, múa, nhạc thì múa Chăm chiếm vị trí đáng kể. Múa Chăm có mặt trên những đền tháp, tượng thờ như tượng thờ thần Siva, Vũ nữ apsara. Múa Chăm còn hiện diện ở các đền tháp trong mỗi dịp cúng tế, trong các lễ hội như lễ hội Katê, lễ múa đầu năm (Rija Nugar), lễ múa lớn (Rija pruang)... Tùy theo nghi lễ, vị thần thánh, điệu trống lễ khác nhau thì họ có những điệu múa, trang phục, đạo cụ khác nhau. Có thể kể ra đây một vài điệu múa truyền thống như sau: Múa quạt (tamia tadi), múa pidiên, múa choong, múa patra, múa cắn lửa (tamia kek apui), múa dâng gạo (tamia jwak brah), đều do nữ múa. Bên cạnh điệu múa nữ, ở các lễ hội Chăm còn có múa nam gọi là "tamia Ka ink" trong các vũ điệu cầm roi (tamia hway), múa kiếm

(tamia karit), múa đập lửa (tamia jwak apui), múa phồn thực (tmia lay kluk, tamia lang halop)... Bên cạnh múa, người Chăm có nhiều nhạc cụ như trống Ginăng. Basanưng, kèn Saranai, Chiên, Kanhi... với nhiều điệu nhạc khác nhau. Tùy theo lễ cúng mà họ sử dụng loại nhạc cụ và điệu trống lễ khác nhau. Ví dụ đàn Rabap chỉ được thầy Kadhar kéo hát trong lễ nghi đền tháp; trống Basanưng chỉ được thầy Mứduôn vỗ hát cùng với trống ginăng, kèn saranai trong các lễ múa Rija. Trong các loại nhạc cụ Chăm, trống Ginăng và kèn Saranai là nhạc cụ chủ đạo, chỉ riêng trống Ginăng mà đã có đến 76 điệu khác nhau. Múa và nhạc Chăm là cặp song sinh không thể thiếu được trong nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm. Tuy nhiên múa nhạc Chăm không phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày mà múa luôn gắn liền với lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo. Múa nhạc Chăm chỉ phục vụ cho thần thánh nơi chốn thiêng đường.

Đi đôi với múa, nhạc, người Chăm còn có những làn điệu dân ca mượt mà, sâu lắng như các điệu hát vãi chải (pôch jan), các điệu dân ca ân tình (doh mư jut), dân ca giao duyên (doh dam tara)... Những điệu dân ca chủ yếu phục vụ trong lao động, tình yêu đôi lứa và trong cuộc sống hàng ngày. Cùng với loại hình nghệ thuật khác, dân ca đến lượt mình cũng góp phần làm phong phú nền văn hóa Chăm.

Có thể nói rằng người Chăm đã sáng tạo nên một nền văn hóa đồ sộ, đa dạng và độc đáo. Nền văn hóa ấy vừa có bản sắc riêng, vừa mang yếu tố chung của nền văn hóa Đông Nam Á. Hiện nay nền văn hóa ấy đang trong quá trình hội nhập, phát huy và có đóng góp to lớn, làm phong phú thêm cho kho tàng văn hóa của đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

PHẦN THỨ HAI

LUẬT TỤC - ADAT CHĂM

Người Chăm gọi luật tục là "Adat". Khi dùng trong nhóm từ adat cabat thì adat có nghĩa rộng là quy tắc, phép tắc trong phong tục tập quán. Nếu adat là luật tục tương đương với customary law hoặc droit coutumier thì từ "Hakum" Chăm có tính luật pháp, hiến pháp, tương đương với statutory law, droit écrit, đồng thời có nghĩa là điều luật tôn giáo.

Điều đáng lưu ý người Mālai, người Indonesia và người Raglai (Việt Nam) đều gọi luật tục là adat.

CHƯƠNG I

CÁCH PHÂN XỬ VÀ PHẠT VẠ TRONG ADAT CHĂM

I. CÁCH PHÂN XỬ:

Trọng cơ chế xét xử của adat Chăm, khi phân xử một vụ kiện, cũng như trong lời nói thường ngày, người Chăm

thường nhấn mạnh "luật tục do ông bà để lại" (adat cabat mukal cek wok). Những người đứng đầu cộng đồng paley, tộc họ được dân làng, tộc họ tín nhiệm giao cho việc phân xử được người Chăm tôn xưng đề cao. Adat nói:

Pak ngauk hu ia harey

Pak ala hu Pô gru

Ở trên có mặt trời

Ở dưới có ông cả sư

Và ông trưởng tộc (akuak guăp) được người Chăm xem là "người đại diện tổ tiên (muk key diep) để cai quản thành viên tộc họ trong cuộc sống trần thế. Điều đó thấy rằng, adat Chăm không phải do một cá nhân nào nhất thời đặt ra (cả sư hay trưởng tộc) hoặc một nhóm người nào tự ý đặt ra mà adat Chăm là sự tích tụ thường trực của cộng đồng được kế tục trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Những người được tổ tiên ông bà giao cho việc xét xử luật tục bao gồm cả sư (Pô gru), già làng (Ôn taha), trưởng làng (Pô paley), trưởng tộc họ (akuak guăp)... Ngày nay những thành viên này nằm chung trong một Hội đồng làng paley thường gọi là Hội đồng hòa giải hoặc Ban phong tục. Hội đồng này, hiện nay vẫn còn tồn tại, đang góp phần tích cực cùng với chính quyền địa phương ở các thôn xã người Chăm điều hòa mối quan hệ xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa. Do vậy adat Chăm được các thành viên trong cộng đồng tin theo như là một sự công bằng sáng suốt, chính xác và chấp hành nghiêm minh. Mặc dù việc thi

hành hình phạt luật tục gây tổn thất về vật chất cho bản thân và gia đình, tộc họ mình.

Những người có nhiệm vụ nắm giữ luật tục ông bà để lại và trao truyền cho con cháu là các già làng (On taha), trưởng tộc và Hội đồng phong tục.

Mỗi tộc họ trên đều có một người đàn ông lớn tuổi có kinh nghiệm, hiểu biết về phong tục đứng đầu để trông coi, quản lí tộc họ.

Ngoài các trưởng tộc, trong các paley Chăm đều có một hội đồng phong tục.

Nhiệm vụ của ban phong tục, ban hòa giải trong mỗi paley Chăm là hòa giải và phân xử những vụ việc bất đồng giữa người dân trong làng có liên quan đến phong tục, tập quán.

Cơ sở phân xử của luật tục không qui định bằng những văn bản có sẵn mà chủ yếu được truyền miệng qua các thế hệ. Mặc dầu người Chăm đã một thời kỳ có tổ chức nhà nước rất phát triển và có chữ viết từ lâu đời. Cho đến nay chúng tôi chưa tìm thấy được văn bản Chăm ghi chép đầy đủ và có hệ thống về luật tục. Có thể do lịch sử có nhiều biến động lớn nên tư liệu về luật tục bị mất mát. Hiện nay, luật tục Chăm chỉ còn ghi lại rải rác trong các tục ngữ (panuoc padip), ca dao (panuoc yaw), truyện kể (dalikal) các bài thơ ariya Muk Thruh paley, ariya Pato adat kamey, ariya Pato adat likey...). Nội dung của các cuốn sách đó được ghi lại bằng những lời nói vần. Chúng được sử dụng nhiều trong buổi xét xử cũng như trong việc khuyên dạy, giáo dục thường ngày.

Trong buổi xét xử (kể cả trường tộc, ban phong tục, người tham dự) đều dùng thứ ngôn ngữ bao gồm những câu nói thông thường xen lẫn với lời nói vần (tục ngữ, thành ngữ). Bộ phận lời nói vần vẫn thường có tính chất tổng kết, nêu qui luật. Người vận dụng được nhiều lời nói vần thì ý kiến của họ có sức hấp dẫn và có tính thuyết phục cao.

Ở dân tộc Raglai và các dân tộc Tây Nguyên khác tình hình cũng như vậy. Điều khác với Chăm là tỉ lệ lời nói vần ở các dân tộc trên còn lưu giữ và được vận dụng nhiều trong buổi xét xử.

Sau đây là cơ chế xét xử trong adat Chăm. Mỗi khi trong tộc họ, làng xóm xảy ra những điều bất hòa thì tùy theo cấp độ tội phạm mà adat Chăm đưa ra xét xử ở mỗi cấp độ khác nhau.

1. Ở phạm vi gia đình:

Khi trong gia đình có sự bất hòa giữa các thành viên với nhau thì gia đình mời người cậu (cey) được mời về họp mặt với cha mẹ để giải quyết. Đây là sự hòa giải ở phạm vi gia đình. Thông thường trong gia đình con cháu có tội nặng nhất là ông cậu (cey) phạt bằng roi (cadar atuang). Nếu trong phạm vi gia đình xét xử không được thì đưa ra tộc họ xét xử.

Làng Chăm đối với con cháu thường lấy luật tục dạy bảo. Nếu như con cháu quá hư không dạy bảo được, có hành vi sai với luật tục như hỗn láo, mắng chửi cha mẹ hoặc người già, trộm cắp, lưu manh... thì có hai cách xử lí như sau:

Cách thứ nhất là cha mẹ thề với thần linh từ bỏ đứa con đó. Đứa con bị từ bỏ không được hưởng quyền lợi của cha mẹ, cũng không thực hiện được nghĩa vụ đối với cha mẹ lúc còn sống, cũng như lúc cha mẹ về già đau yếu, chết chóc, coi như người đó bị cô lập không có quan hệ với cha mẹ, gia đình và tộc họ. Đó là sự trừng phạt nặng nề trước hết về tinh thần và có ảnh hưởng đến quyền lợi vật chất.

Tuy vậy luật tục cũng tạo cơ hội để cho người con hối cải xin cha mẹ tha lỗi, xin hứa sửa chữa khuyết điểm. Nếu được phép cha mẹ đồng ý thì phải làm một lễ cúng gọi là "băng lithey neh sari". Lễ vật có 5 mâm cơm, hoa quả... Lễ xin tổ tiên, tha lỗi cho những người bị tội, người có tội phải tự thú lỗi trước tổ tiên và xin đoàn tụ lại với mọi người⁽¹⁾.

Cách phạt thứ hai là phạt bằng roi (cadar atuang): Khi con có lỗi nặng không sửa được, cha mẹ mời ông cậu (anh hoặc em bên mẹ), người đại diện cho họ nội (mẹ nội, cha ngoại) phân tích giảng giải, khuyên răn lần cuối. Nếu con vâng lời thì thôi. Nếu vẫn chống cự không chịu nghe thì phạt bằng roi, coi như cả gia đình chịu trách nhiệm về việc phạt này. Ông cậu mời tất cả thân tộc ra buộc người bị tội nằm xuống đánh một, hai roi có tính răn đe. Nếu người bị tội còn ngoan cố, ngang ngược thì đánh thêm, rui ro có vấn đề gì thì cả gia đình, cả họ chịu tội với tổ tiên.

⁽¹⁾ Lời kể của Thành Nha, 73 tuổi và La Xuân Diễm 70 tuổi - Trưởng và Phó Ban phong tục Làng Bình Nghĩa. Tư liệu diễn đã tháng 10/1999.

2. Xét xử trong phạm vi tộc họ:

Khi các thành viên trong tộc họ nảy sinh sự bất hòa thì người muốn thưa kiện tìm đến nhà trưởng tộc (akauk guăp) để đưa ra vấn đề. Trưởng tộc qua một thời gian tìm hiểu sẽ ấn định ngày giờ thuận tiện để xử kiện. Sau đó trưởng tộc (akuak guăp) chính thức mời bên nguyên và bên bị cùng bà con trong dòng tộc tập trung tại nhà "Tabur" (Thủ quỹ tộc họ) hoặc nhà Muk Rija (Người giữ chiết atâu - hương hồn tổ tiên tộc họ) để phân xử vụ kiện. Tiến trình phân xử của tộc họ diễn ra các bước như sau:

Sau đây là buổi phân xử của tộc họ Kadak về một người trong tộc họ chuyên gây rối và chửi nhau tại thôn Mỹ Nghiệp - Ninh Thuận như sau⁽¹⁾: Trưởng tộc akauk guăp) chủ trì buổi phân xử, đại diện tộc họ dâng lễ vật "trầu rượu" (alak hala) của bên nguyên, bên bị cùng bà con trong dòng tộc khăn vái tổ tiên, trình bày lí do buổi phân xử, họp mặt tộc họ. Lời khấn trong lễ phân xử có nội dung như sau:

Harey ni patuam dom bauh guăp tian

Adey sa ai anuk tamuôn padong di mukkey

They pruang pabah dak tal likaung

Muk key pak pabah nhu

Lwôi ka nhu ngak yâu năn kareng karan paley nugar

⁽¹⁾ Nội dung này, được thuật lại theo cuộc phân xử của tộc họ Kadak thôn Mỹ Nghiệp, xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận về tội người gây rối vào ngày 9/8/1998.

Muk key twui suang duang anuk tacho ngak

băng siam kru

Hôm nay tộc họ họp mặt

Con cháu dâng trình lên tổ tiên

Ai hỗn láo tổ tiên hãy trừng phạt

Đừng để xóm làng dòng họ rồi ren

Cầu xin tổ tiên phù hộ độ trì con cháu

Lời khấn trên cũng là lời tuyên bố lí do trong cuộc phân xử. Tiếp đó là:

- Một trong hai bên nguyên và bên bị trình bày
- Trao đổi ý kiến tranh luận.

Cuối cùng người gây rối phải chịu lỗi với người bị gây rối và tộc họ, tổ tiên. Tộc họ kết thúc cuộc phân xử và buộc gia đình anh chị em trong nhà phải giáo dục người gây rối. Nếu sau này người có lỗi còn tái phạm nữa thì tộc họ sẽ cô lập người đó và gia đình đó, cụ thể là khi gia đình người này có việc vui buồn, cúng lễ, ốm đau thì tộc họ gia đình không ai đến.

Ngoài ra trong cách phân xử người Chăm còn có trường hợp sau: Nếu hai bên tranh luận gay gắt, khó phân định đúng sai, hai bên không đủ chứng cứ để thuyết phục hoặc buộc tội nhau thì ngày xưa người Chăm thường phân định ai đúng, ai sai bằng phương pháp lặn nước (nhuk ia) hoặc xem bói (poh akhar).

Theo thầy Kadhar Đống Sạn - một thầy cúng đã từng thực hiện nhiều lễ kiện "lặn nước" (nhuk ia) từ xưa đến

nay⁽¹⁾ và một nhân chứng khác là Ông Đạo Khóa⁽²⁾ đã bị "lặn nước" (nhuk ia) trong một vụ thách kiện năm 1968, kể lại như sau: Hội đồng hòa giải mời thầy cúng Kadhar và Muk Pajâu (bà bóng) làm lễ cúng "lặn nước" (nhuk ia) cho hai người bị nghi là phạm tội có sự chứng kiến của tộc họ, làng xóm. Lễ cúng bao gồm 01 cặp gà, 05 mâm cơm, trầu cau, bánh trái. Sau khi chuẩn bị lễ vật xong, thầy Kadhar khẩn vái mời các vị thần linh như Pô Inư Nugar, Pô Kluang Garai, Pô Rô Me, Pô Patau ia... về chứng lễ. Trong khi mời các vị thần, thầy Kadhar có đoạn khẩn như sau:

They tapak tape pô bley trun ia

Thay ploh blan pô ô bley nhuk ia

They tapak tape bôh mưh bôh pariak

They ve wang Pô bley bôh la bôh jưong

Ai có bụng dạ ngay thẳng, thần cho lặn nước

Ai gian lận, xin thần đừng cho lặn nước

Ai ngay thẳng, xin thần cho thấy vàng bạc châu báu

Ai gian lận, xin thần cho thấy rắn rết hiện lên.

⁽¹⁾ Thầy Kadhar Đổng Sạn, 75 tuổi, hiện nay ở thôn Vĩnh Thuận, xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Theo lời kể của thầy, từ khi làm chức thầy Kadhar đến nay, thầy đã thực hiện tất cả là 5 cuộc lễ lặn nước. Lễ lặn nước đầu tiên mà thầy thực hiện là vào năm 1969 là tại thôn Mỹ Nghiệp và lễ cuối cùng là 1975 tại thôn Vụ Bón, xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

⁽²⁾ Ông Đạo Khóa 65 tuổi, hiện nay ở thôn Lương Tri, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Đây là nhân chứng, là một người bị kiện và tham gia tục lặn nước tại thôn Lương Tri vào năm 1968.

Sau khi kết thúc lời khẩn, người ta đổ nước đầy hai cái chum lớn. Thầy Kadhar bắt đầu điều khiển hai người thua kiện, mỗi người nhúng đầu vào một cái chum nước trước sự chứng kiến của dân làng. Ai không dám lặn hoặc có lặn nhưng ngoi đầu lên trước là người thua cuộc, người thua cuộc là người phạm tội. Bởi vì họ quan niệm: người nào có tội thì khi lặn nước thần linh sẽ cho hiện lên dưới nước như lời khẩn là có nhiều rắn rết, cá sấu và ngược lại những người vô tội được thần linh phù hộ, khi lặn nước thấy những cảnh đẹp như vàng bạc, châu báu quyến rũ cho nên họ lặn nước lâu hơn. Ai thua cuộc phải bồi thường chi phí cúng lễ, bị mất vật thách kiện và chịu thi hành đúng hình phạt của adat Chăm.

Ngày nay tục lặn nước (nhuk ia) của người Chăm ở Ninh Thuận không được áp dụng nữa mà tục này chỉ còn nhắc lại trong các buổi phân xử của adat như một lời răn đe đối với người phạm tội mà quanh co chối cãi.

Ngoài tục lặn nước (nhuk ia), người Chăm còn có tục xem bói (poh akhar). Người bị mất của hoặc bị nghi oan thường đi đến nhà thầy cúng lễ có uy tín để xem bói. Sau khi được thầy cúng lễ cho biết ai là người phạm tội, thì người đi xem bói phải bí mật theo dõi đương sự để tìm chứng cứ. Khi có đầy đủ chứng cứ, họ đưa vấn đề ra thưa kiện ở tộc họ hoặc làng paley tùy theo loại tội phạm.

Tuy nhiên hai hình thức điều tra (được gọi là thử tội) bằng cách lặn nước (nhuk ia) và xem bói (poh akhar) ở người Chăm không phổ biến lắm. Đó chỉ là cách phân xử cuối cùng bất đắc dĩ. Bởi vì cách thức thưa kiện người

Chăm rất chặt chẽ. Người đi thưa kiện phải đầy đủ chứng cứ. Danh dự con người được người Chăm coi là trên hết. Adat nói:

Dak lihik kabau yâu
Ô cek mulâu bauh
Thà để mất đôi trâu
Không ai để mất mặt

Vì vậy khi đi thưa kiện, tố cáo một người nào đó, phải đầy đủ chứng cứ.

Dom hu tapuk duk hu tal
Nói có sách, nhà cửa phải có ngăn
(Nói có sách mách có chứng)

Ai gây tội, người đó phải chịu phạt vạ trước cộng đồng, không được chối cãi quanh co hoặc đổ lỗi cho người khác.

They trun ia they pathak
Ai xuống nước người đó ướt
(Tội ai nấy mang)

Người Chăm không chấp nhận hạng người gian lận, quanh co, chối cãi, không tự giác nhận tội để mà uốn nắn, sửa chữa:

Dom plơk dom blăn
Ăn nói tráo trở

Để rồi một người phạm tội làm ảnh hưởng đến gia đình, tộc họ, xóm làng:

Ikan bruk muluk ikan siam

Một con cá sụn làm ảnh hưởng cá tốt

(Một con sâu làm rầu nồi canh)

Người như thế bị tổ tiên (Muk key), thần (yang) trừng phạt (Mukey pabrai parai).

Nói chung việc phân xử ở tộc họ là do ông trưởng tộc (akauk guăp) chủ trì và điều khiển. Trưởng tộc (akuak guăp) là một người lớn tuổi có uy tín, hiểu biết về phong tục tập quán, giỏi lao động, do thành viên trong tộc họ tôn xưng. Tiếng nói của trưởng tộc (akuak guăp) là tiếng nói của tổ tiên (Muk key diep). Thành viên tham dự là người trong tộc họ. Tất cả thành viên tham dự đều có quyền nêu và góp ý kiến một cách dân chủ công khai. Mọi người không thờ ơ trong việc phân xử và luôn đấu tranh chống tội phạm và vi lễ phải.

Trong cuộc phân xử lời tranh luận hay luận tội của adat Chăm thường được sử dụng những lời lẽ được rút ra từ tục ngữ (panuoc yaw) thành ngữ (bauh kadha), ca dao (panuoc padit), lời nói ví (panuoc paghăp), truyện cổ (dalikal)... do cha ông xưa để lại.

Tuy nhiên không phải lời nói lúc phân xử đều sử dụng những câu tục ngữ, thành ngữ, lời nói ví mà những lời nói của adat được chấp nối sao cho hợp lí tạo nên những giải pháp thỏa đáng cho vụ kiện. Những thành viên trong buổi xử tuy khi nhắc đến những lời lẽ của adat họ chỉ còn nhớ ý

không nguyên vẹn nhưng họ vẫn chấp nhận. Vì theo độ tuổi trong dân làng, họ đã có nhiều lần được dự trong các buổi phân xử. Việc dự phân xử nhiều lần như vậy chính là điều kiện để họ tiếp nhận một cách sinh động, thiết thực và sâu sắc những bài học về đạo lý về cách cư xử đối với mọi người.

Ví dụ: Phân xử một vụ "Con hỗn láo với cha mẹ" (anuk praung pabah daktalikaung suang amek amư). Dù con có sai như thế nào thì con gây gổ với cha mẹ phải có tội và bị xử phạt (trah amek, amư). Vì adat Chăm nói:

Hu mư gru ka hu mư thâu

Hu eh taginum tom mư hu hajan

Hu tanuk riya ka mừng hu jưong anuk adam

Hu amek amư ka mừng jưong tabiak anuk

Có học mới biết

Có mây đen mới có mưa

Có trái đất mới có loài người

Có cha mẹ mới có con cái⁽¹⁾

Ý đoạn trên của lời nói ví (panưoc paghăp) là nhắc đến công lao sinh thành của cha mẹ đối với con cái. Sau đó họ dùng một thành ngữ khác (buah kadha) đắp vào để làm hệ quả luận tội như sau:

Kraung ô tapa di halâu

Sông không thể chảy qua nguồn

⁽¹⁾ Biên Kiệu, 76 tuổi. Trưởng tộc họ Karit thôn Văn Lâm, xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Vậy "Con" (= Sông) không thể hỗn láo với "Cha mẹ" (= Nguồn). Ai vi phạm luật trên bị Adat Chăms phạt vạ.

Sau khi việc phân xử đúng sai rõ ràng, người phạm tội phải tuân theo adat một cách nghiêm minh và tự nguyện. Người sai là người tự gây ra tội cho mình. Adat Chăms nói:

They ngak di drey ô hai

Tamuh di hatai drey ngak di drey

Có ai gây tội cho mình

Thân mình sanh sự thân mình phải mang

Tùy theo tội phạm nặng nhẹ mà adat Chăms có hình thức xử phạt khác nhau. Thường thì phạm tội nhẹ trong tộc họ, người phạm tội bị đánh phạt bằng roi (cadar atuang) hoặc nếu ai phạm tội chửi bới nhau vi phạm đến thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng xấu đến tổ tiên (Muk key) thì người vi phạm phải xử phạt bằng cách phải dâng lễ vật "trầu rượu" (alak hala) hoặc 5 mâm cơm (limu salao lithey) để cúng tạ lỗi tổ tiên. Tộc họ sẽ nhận lễ vật người xử phạt, thay mặt tộc họ, trưởng tộc (akauk guăp) sẽ rót rượu khấn vái tổ tiên. Bài khấn vái có nội dung giáo dục rất cao.

Klaung pathâu saung mukkey

Kruk nhu ngak yâu năn ô juăp

Ni nhu ciuk klac suk alak hala

Nhu gila patauk lô mukkey jôi chăp jôi

Dom bloh dom duak

*Kính dâng lên hương hồn tổ tiên
Có người làm trái với phong tục
Nay họ xin tạ tội với tổ tiên
Mong tổ tiên tha thứ cho người khờ dại
Việc gì đã xong rồi thì thôi
Mong tổ tiên phù hộ độ trì con cháu.*

Lời khấn trên vừa có giá trị như lời của người bị vi phạm thú tội với tộc họ vừa là lời hứa với tổ tiên, thần linh. Sau đó cuộc phân xử kết thúc, mọi người chia vui từng chén rượu lễ của người bị phạt, cùng cộng cảm với nhau coi như mọi việc đã xong (dom bloh dom padauk). Tộc họ trở lại bình yên. Tất cả mọi thành viên trong tộc họ, cộng đồng qua cuộc phân xử đều ý thức được rằng, sự hòa thuận của cá nhân với nhau có liên quan đến toàn thể cộng đồng. Tình đoàn kết cộng đồng bị sút mẻ, dấu chỉ là một cá nhân, một bộ phận, mọi người đều có trách nhiệm hàn gắn, bảo vệ nó. Nếu một người phạm tội, đụng chạm đến tổ tiên (Mukkey) thì thần (yang) sẽ nổi giận trừng phạt cả cộng đồng.

⁽¹⁾ Lời khấn của Cử sự Hán Bằng, 70 tuổi, trưởng tộc họ kadak ở thôn Mỹ Nghiệp - Ninh Thuận trong phiên họp xét xử người gây rối trong tộc họ vào ngày 9/8/1998.

3. Xét xử ở làng:

Cũng như cách phân xử ở tộc họ, nhưng cách phân xử ở làng rộng rãi hơn do ông chủ làng (Pô paley). Hội đồng phong tục chủ trì xét xử tại nhà làng (sang paley). Thường thì cuộc phân xử ở làng để giải quyết những vụ việc mà tộc họ không giải quyết được hoặc là có sự kiện tụng giữa thành viên của tộc họ này với tộc họ khác trong làng và sự việc khác liên quan đến làng.

Trong làng khi có sự bất hòa và thừa kiện thì người muốn thừa kiện đến trình báo với chủ làng (Pô paley). Chủ làng tiến hành tìm hiểu sự việc đúng sai, rồi định ngày hai bên nguyên và bên bị ra xử kiện.

Địa điểm xét xử là tại nhà làng (sang paley). Nhà làng (sang paley) là trung tâm hành chính của làng. Nhà làng của người Chăm xưa kia chỉ xây cất đơn giản, mái lợp tranh, vách đất. Đến thời Pháp thuộc nhà làng được xây cất lại bằng xi măng, lợp ngói và về sau chính quyền Mỹ - Ngụy tiếp tục hoàn chỉnh và biến thành bộ máy hành chính cấp thôn.

Thời Pháp thuộc bộ máy hành chính của làng Chăm được Pháp tổ chức dựa theo mô hình truyền thống người Chăm. Đây là chính sách my dân của người Pháp dùng người Chăm để quản lý người Chăm. Bên cạnh chức trưởng thôn, trong bộ máy hành chính của làng Chăm còn có "Hội đồng hương chính" bao gồm các bô lão, già làng (Ôn taha), chức sắc, tu sĩ (Paseh, Mứduôn, Kadhar) để giải quyết những vụ việc bất đồng liên quan đến làng paley, đặc biệt là những vụ việc có liên quan đến phong tục, tập quán.

Thường khi có việc kiện tụng xảy ra thì làng tổ chức phân xử tương tự như ở tộc họ nhưng hình thức phân xử cao hơn, quy mô lớn hơn.

Tổ chức bộ máy hành chính của làng paley Chăm đã có một thời đóng góp tích cực vào việc quản lí hành chính và giải quyết tốt các phong tục, tập quán, những vụ việc tranh chấp giữa các thành viên trong làng. Ngày nay các làng Chăm vẫn còn phát huy mô hình quản lí đó, bên cạnh trưởng thôn, họ còn duy trì "Hội đồng phong tục, Ban hòa giải", đang góp phần tích cực trong việc điều hòa các mối quan hệ xã hội trong làng paley Chăm.

Tóm lại, trong adat Chăm có 3 hình thức xét xử: ở gia đình, tộc họ và làng paley. Mỗi hình thức xét xử là tương ứng với cấp độ hình phạt khác nhau và có mối quan hệ mật thiết với nhau, tạo cho adat Chăm vận hành trôi chảy, thống nhất và có hiệu lực.

II. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT:

Khi tội phạm đã được xét xử có kết quả, ai đúng ai sai rõ ràng thì tùy theo tội phạm mà adat Chăm qui định hình phạt hay mức độ bồi thường khác nhau. Người vi phạm adat Chăm phải chịu một trong 6 hình phạt mà người Chăm gọi là "trah" hoặc "muk glaik Muk suk".

1. Hình phạt cảnh cáo: Thường xảy ra trong trường hợp vi phạm nhẹ, không gây hậu quả nặng nề cho người khác. Người vi phạm còn nhỏ dại (gila patauk) vô tình gây nên tội lỗi. Trường hợp này chỉ phạt lễ vật "Trầu rượu" (alak hala) thú lỗi với người bị gây tội trước tộc họ.

2. Hình phạt bằng roi (cadar ataung): Thường xảy ra con hỗn láo với cha mẹ và người lớn tuổi, chống đối tộc họ, con gái chữa hoang, tội ăn cắp...

3. Hình phạt bồi thường bằng hiện vật (trah): Bồi thường hiện vật thường xảy ra đối với người bãi hôn không nguyên cố, hiếp dâm, ngoại tình... Vật bồi thường là "con trâu, heo" "váy, áo, còng tay" (Ban teh, aw teh, kuang limuk nhuk limuh) và kèm theo lễ vật trâu rượu, bánh trái để cúng tạ thần linh, họ hàng, làng xóm.

4. Hình phạt cúng tạ thần linh (mưk glaik mưk suk): Thường xảy ra đối với tội xúc phạm đến tổ tiên (Mukey), tu sĩ, thần linh (yang), và vi phạm luật lệ của làng. Tùy theo mức độ phạm tội mà bị phạt từ 20 - 40 mâm bánh trái cúng tại thánh đường (đối với làng Chăm Bàn); cúng 5 mâm cơm" (iew tamư salao lithey) để tạ tội tổ tiên, thần linh; làm lễ tẩy uế xóm làng (palik tanuh paley) và làm lễ tẩy thể tu sĩ (buh salih tuh ia) nếu ai xúc phạm đến tu sĩ.

5. Hình phạt khai trừ khỏi tộc họ và làng (pak lok): Hình phạt này được sử dụng đối với người bị phạm tội tộc họ, làng nhưng không chịu ăn năn, hối cải hoặc không chịu thi hành hình phạt của adat để ra. Người bị khai trừ khỏi tộc họ và làng thì bị tước mất quyền lợi và nghĩa vụ của làng. Hội đồng phong tục của làng sẽ cấm không cho tu sĩ thực hiện các lễ nghi tôn giáo như đám tang, nhập kút, dựng nhà mới... của cá nhân, gia đình người thân của người vi phạm luật tục. Muốn tái nhập vào cộng đồng thì người phạm tội phải chịu thi hành hình phạt của adat để ra.

6. Hình phạt tử hình (Wah bai pathoh tamu tathik): Đây là hình phạt cao nhất trong loại hình phạt của adat Chăm. Tử hình chỉ áp dụng trong trường hợp phạm tội loạn luân (agām). Hình thức tử hình là "bỏ người phạm tội vào giỏ thả trôi sông, biển" (Wah bai pathoh tamu tathik)⁽¹⁾. Ngày nay hình phạt này không được người Chăm áp dụng mà chỉ còn nhắc lại trong cuộc phân xử như là lời răn đe và giáo dục tội phạm.

Nói chung cách phân xử và hình phạt của adat rất chặt chẽ, mang tính cộng đồng cao. Hình thức phân xử người Chăm có 3 cấp độ từ gia đình, tộc họ đến làng là một quá trình đi dần từ thấp đến cao, có quan hệ mật thiết và thống nhất. Hình thức phân xử mang tính cộng đồng, dân chủ công khai, luôn gắn tội phạm với trách nhiệm giáo dục của cộng đồng. Một người vi phạm thì ảnh hưởng xấu đến gia đình, tộc họ và cả làng. Khi nộp phạt thì gia đình cùng chung gánh vác và nếu phạt nặng thì tộc họ cùng đóng góp. Do đó cùng gia đình, dòng tộc và cả xã hội có trách nhiệm lớn về vật chất, tinh thần đối với người phạm tội. Từ đó mọi người phải tự giác, có trách nhiệm giáo dục giúp đỡ người phạm tội. Do vậy hình thức phạt của adat Chăm không chú trọng hình thức phạt bằng vật chất mà chủ yếu là nghiêng hẳn về tinh thần, lấy cơ chế tâm linh (thần - yang) nhằm để răn đe, ngăn ngừa và giáo dục tội phạm - hướng con người đến cái thiện, làm cho mọi thành viên trong cộng đồng có ý thức thực hiện và bảo vệ adat một cách công minh.

⁽¹⁾ Xem tội loạn luân trong truyện cổ Chăm "Vua Patau Tabai và Nàng Ngà" ở phần phụ lục.

CHƯƠNG II

NHỮNG ĐIỀU LUẬT CỦA ADAT CHĂM

Chúng tôi chưa đọc tài liệu viết về luật tục Chăm kể từ trước đến nay. Trong lúc đó từ thời Pháp thuộc cho đến trước giải phóng có nhiều tác giả viết về Chăm như:

Tiếng nước ngoài: E.Aymonier, D.E Blood, J.Boisselier, A. Cabaton, E.M Durand, L.Finot, P.B Lafont, W.E Lee, G.Maspero, P.Mus, H.Parmentier...

Tiếng Việt: Bó Thuận, Dohamide - Dorohiêm, Dương Kì, Lê Hữu Lễ, Nghiêm Thâm, Nguyễn Khắc Ngũ, Nguyễn Văn Luận, Thiên Sanh Cảnh, Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp, Ngô Văn Doanh...

Trong số tài liệu trên chỉ có Nguyễn Khắc Ngũ, trong cuốn sách Mẫu Hệ Chăm⁽¹⁾, tác giả có trình bày về luật tục Chăm dựa trên dự thảo bộ luật Chăm do cụ Dương Tấn Phát - người Chăm, nguyên tri huyện huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận năm 1950 dự thảo. Ở phụ lục cuốn sách Mẫu hệ Chăm, tác giả Nguyễn Khắc Ngũ cho in lại

⁽¹⁾ Nguyễn Khắc Ngũ. Mẫu Hệ Chăm. Nxb trình bày. Sài Gòn - 1967.

nguyên văn dự thảo bộ luật Chăm, kèm theo tiểu sử tác giả, lịch trình dự thảo bộ luật Chăm và phần phê bình dự thảo bộ luật.

Phần nguyên thảo Bộ luật Chăm gồm tất cả 7 chương

Chương thứ nhất: Nói về hôn thú

Chương thứ hai: Nói về tư cách kết hôn hay không được kết hôn

Chương thứ ba: Nói về li dị

Chương thứ tư: Quyền hạn của vợ chồng

Chương thứ năm: Nói về quyền hạn của con cháu chia tài sản của ông bà để lại.

Chương thứ sáu: Nói về con nuôi

Chương thứ bảy: Nói về việc giám hộ

Tất cả có 85 điều, dài 48 trang khổ 12 x 19. Đây là một bộ luật tiếp thu phong tục, tập quán của người Chăm, nhưng thuộc phạm trù luật nhà nước (statutory law) không phải luật tục (customary law), cụ thể Bộ luật trên được soạn phỏng theo Luật triều Nguyễn: Hoàng Việt Trung Kỳ Hộ Luật⁽¹⁾.

Cũng cần nói thêm rằng người Pháp rất quan tâm đến việc sưu tầm và nghiên cứu luật tục dân tộc thiểu số. Luật tục các dân tộc đã được người Pháp công bố như:

- Luật tục - phạt kẻ hoặc biđưê của người Êđê
- Luật tục - phạt kađuôi của người Mônông
- Luật tục - tời djuat tời phian của người Jrai

⁽¹⁾ Xem dự thảo Bộ luật của cụ Dương Tấn Phát ở phần phụ lục.

- Luật tục - Adat mukal của người Raglai
- Luật tục - daytoron kđi hoặc hlabar khôy của người Bana
- Luật tục - nri của người Srê
- Luật tục - nodri của người Ma

Trong số này không thấy công bố luật tục Chăm. Mặc dù Thống sứ trung kỳ Prerre Pisquier đã ban hành thông tri 578 - ngày 30/7/1923 về việc sưu tầm nghiên cứu luật tục.

Vì lí do trên nhiều người cho rằng dân tộc Chăm không có luật tục. Chúng tôi cố gắng gạn lọc những gì còn lại ở luật tục Chăm. Như thế quả là khó khăn. Và những điều chúng tôi trình bày ở đây về cơ bản là những tư liệu thu thập được từ thực tế, trí nhớ các cụ già và một số tư liệu cổ của người Chăm còn lưu lại có liên quan đến luật tục vào thời điểm 1998-2000. Về cơ bản không trích từ các sách về nghiên cứu, vì không có tư liệu để trích như đã trình bày.

Qua thực tế sưu tầm, nghiên cứu luật tục Chăm, bước đầu chúng tôi có thể hệ thống và trình bày luật tục Chăm theo các nhóm chủ đề như sau:

1. Những vấn đề chung về adat Chăm trong cộng đồng. Những điều luật của Hội đồng tôn giáo Chăm.
2. Cửa cải, đất đai, khai hoang, quyền thừa kế ruộng đất. Bảo vệ gia súc. Đập nước, nước tưới ruộng và bảo vệ rừng.
3. Điều hòa mối quan hệ xã hội.

Đoạn thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ADAT TRONG CỘNG ĐỒNG CHĂM

Ngày nay, luật tục adat Chăm không còn ghi lại thành từng điều, từng chương cụ thể mà họ chỉ truyền miệng, qui ước với nhau trong sinh hoạt cộng đồng thông qua phong tục, tập quán mà họ thường gọi là adat Chăm.

Adat Chăm là do ông bà, tổ tiên để lại (adat cabac muk kay cek wok). Từ lâu đời cho đến nay adat trở thành phong tục, tập quán, qui ước quan trọng trong ứng xử của mỗi cá nhân con người, gia đình, làng paley và cộng đồng người Chăm. Do đó muốn chung sống trong cộng đồng thì con người phải biết adat. Adat Chăm nói:

Hakum saung adat

Krun bitanat nau

Jalan ita⁽¹⁾

Luật đạo luật đời

Để được nên người

Học kĩ hiểu sâu

Người nào không tuân theo adat do ông bà để lại, sống không đúng với đạo lí cha ông là đi ngược lại nguyện vọng

⁽¹⁾ Ghi theo Cụ Imưm Mít, 85 tuổi, phó cả sư đạo Hồi giáo Bani, thôn Văn Lâm - Ninh Thuận.

cộng đồng, vi phạm thuần phong mỹ tục. Người đó phải bị xử phạt, cộng đồng có trách nhiệm giáo dục bằng adat.

Kabau bon hươc di prak thu⁽¹⁾.

Trâu chứng phải sợ dây da

(Người gian phải xử bằng adat)

Một cá nhân vi phạm sẽ ảnh hưởng đến cộng đồng. Do đó adat Chăm chỉ ra rằng, phải ngăn chặn tội phạm ngay từng hành vi nhỏ nhất, adat phá vỡ thì gia đình rối ren, làng xóm loạn lạc (paley nugar karen karan).

Ia thre tap chok păn bók

Lôi ka jường tathik ngak nôi ô

Đào đất đắp nước làm bờ

Để nước thành biển khó mà đắp đê.

Hoặc:

Ia thre bók bidrak

Tal ia talah kăn thi bók

Nước tràn bờ ta đắp ngay

Đến khi nước vỡ khó mà đắp đê.

Mọi thành viên trong cộng đồng phải tuân thủ adat và có quyền bình đẳng công minh trước những luật lệ mà adat định sẵn. Dù vua quan hay dân thường đều phải xử đúng theo adat một khi đã bị vi phạm. Luật tôn giáo như

⁽¹⁾ Ghi gheo cụ Biên kiện. sdd. Cả hai đều lấy từ tư liệu ghi âm trong cuộc phân xử tội loạn luân (agăm) trong tộc họ Karit thôn Văn Lâm, Phước Nam, Ninh Phước. Phước Thuận vào ngày 16/8/1998.

thế nào thì luật đời thường như thế. không phân biệt chức sắc giai cấp, địa vị xã hội mà phân xử khác nhau. Adat Chăm nói:

Hakum yâu haley adat yâu nan

Luật đạo như thế nào thì luật tục như thế đấy

Đoạn thứ hai

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG CỦA LÀNG VÀ NHỮNG ĐIỀU LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG TÔN GIÁO CHĂM

I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG CỦA LÀNG:

1. Những điều kiêng cữ (Dom kruk ar mal):

Làng Chăm là vùng đất tinh khiết, không bị uế tạp. Làng không chỉ là nơi sinh sống của cư dân mà còn là nơi trú ngụ của thần linh. Do đó làng có nhiều điều kiêng cữ, cấm kị. Hàng năm mỗi làng Chăm theo phong tục đều có tổ chức nhiều nghi lễ, trong đó đặc biệt là lễ Rija Nugar nhằm tống khứ những điều uế tạp, xui xẻo của năm cũ để đón mừng những điều tốt đẹp ở năm mới về cho dân làng. Do đó, làng Chăm không chấp nhận những điều uế tạp. Theo adat, làng Chăm kiêng cữ những điều sau:

- Kiêng cữ con đở (thú rừng) chạy vào làng
- Kiêng cữ tránh không được đem xác chết của người thân hoặc người lạ mặt chết ngoài đường đem vào làng.

- Nếu cá nhân vào vi phạm những điều trên thì bị làng xử phạt, phải chịu phí tổn mua lễ vật bao gồm: 01 cặp gà, 01 con dê, trâu rệu... để làm "lễ tẩy ứ" đất đai của làng gọi là "lễ kamrôi pakap" hoặc "bilih tanuh".

- Người Chăm còn kiêng cũ con heo của nhà người khác vào để con trong nhà mình.

- Trai gái làm tình trong khuôn viên nhà người khác cũng bị kiêng kị.

Cá nhân nào vi phạm hai điều trên sẽ bị phạt vạ bằng "lễ tẩy ứ" (bilih tanuh) do chức sắc tu sĩ Balamôn (Pô Dhia) thực hiện hoặc "lễ palah bila hwa ciew" do tu sĩ Bà ni (Pô Char) thực hiện. Người phạt vạ sẽ chịu mọi phí tổn để cúng lễ.

- Trong làng Chăm còn kiêng cũ các thành viên trong làng không được gây cãi, chửi bới, gây tiếng động ồn ào khi có tộc họ trong làng tổ chức lễ Rija praung (lễ múa).

- Trong làng Chăm kiêng cũ không được cử hành cùng một lúc hai đám tang.

- Trong tộc họ sau khi làm lễ nhập Kút thì phải kiêng cũ trong một năm. Thời gian đó mọi thành viên trong tộc họ không được tổ chức bất kỳ một lễ cúng gì.

Cá nhân nào vi phạm điều trên thì bị bắt phạt làm một "lễ alak hala" (lễ trâu rệu) thú tội trước tộc họ hoặc trước làng.

- Trong tháng lễ Ramưwan (tháng 9 Hồi lịch) thì tất cả làng Chăm Balamôn và Bàni không được cử hành các lễ nghi khác như đám tang, đám cưới đám hỏi, lễ nhập kút... đặc biệt những lễ nghi có sát sinh động vật (pacah darah).

Làng Chăm nào vi phạm điều này thì sẽ bị Hội đồng tôn giáo Chăm phạt vạ bằng hình thức là cấm không cho các chức sắc, tu sĩ Pô Char thực hiện lễ nghi cúng tế Pô Au loah ở làng đó.

- Trong tháng Lễ Ramuwan làng Chăm Hồi giáo kiêng cấm không được ai gây lộn, phá rối, gây tiếng động ồn ào trong xóm, cấm không được sát sinh, ăn thịt động vật, uống rượu⁽¹⁾. Đặc biệt cũng không được tổ chức lễ nghi khác một khi tháng lễ Ramuwan chưa được kết thúc. Adat nói: "taleh waha ka mung pacah yawa ginang" là bao hàm ý nghĩa trên.

Những điều nêu trên, nếu cá nhân, gia đình, tộc họ nào trong làng vi phạm thì bị adat Chăm phạt vạ từ 20 - 40 mâm lễ⁽²⁾ cúng tại thánh đường (sang mưgik). Hình phạt này, nếu ai vi phạm mà không chấp hành thì Hội đồng tôn giáo cấm không cho tu sĩ thực hiện những lễ nghi tôn giáo liên quan đến cá nhân, gia đình, tộc họ người đó.

2. Người từ làng này đến gia nhập làng khác:

Adat Chăm còn qui định, người lạ mặt muốn gia nhập vào sinh sống ở làng thì phải được xác định rõ ràng về nhân thân. Adat Chăm nói:

Ia hu halau kayâu hu agha
anuk hu amek halun hu Pô

⁽¹⁾ Dựa theo tập sách "Những điều kiêng cũ của người Chăm" (Danak âm mưam). Tư liệu do Pô Char Hứa Cu 50 tuổi ở Phước Nhơn, Ninh Hải, Ninh Thuận cung cấp.

⁽²⁾ Một mâm bánh lễ bao gồm: 2 nải chuối, chè, xôi, bánh ngọt và kèm theo một cái váy trắng.

Nước có nguồn cây có cuội

Con có mẹ cha, tớ có chủ.

Anuk hu amek amư

Bwôl hu paley Nugar

Con có mẹ có cha

Dân có xóm, có làng.

Người lạ muốn gia nhập sinh sống ở làng, ngoài việc tìm hiểu về nguồn gốc nhân thân, người đó còn phải được thử thách, phải có đạo đức và có nghĩa vụ tốt thì mới trở thành thành viên chính thức của làng.

II. NHỮNG ĐIỀU LUẬT CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG TÔN GIÁO CHĂM (HAKUM NGAWÔM AGAMA)

Người Chăm ở Ninh Thuận có hai cộng đồng: Cộng đồng Chăm Balamôn (Chăm Ahiêr) và cộng đồng Chăm Hồi giáo (Chăm Awal). Họ sinh sống thành từng paley riêng biệt theo tôn giáo. Người Chăm Balamôn sinh sống ở 15 làng tôn thờ 3 đền tháp chính: đền Pô Inư Nugar - Hữu Đức, tháp Pô Kluang Garai - Đô Vinh và tháp Pô Rôme - Hậu Sanh. Mỗi đền tháp đều có một cả sư (Pô dhia) của đạo Balamôn đứng đầu, quản lí tín đồ và chăm lo cúng tế. Người Chăm Hồi giáo Bani sinh sống ở 7 làng paley. Mỗi làng người Chăm Hồi giáo Bani đều có một thánh đường (sang mưgik) và một cả sư Bani (Pô gru) đứng đầu quản lí tín đồ, chăm lo cúng tế thánh đường. Mặc dù là hai tôn giáo khác nhau nhưng hai cộng đồng tôn giáo này không tách rời, tồn tại độc lập mà luôn có quan hệ chặt chẽ với

nhau. Người Chăm Bàlamôn, ngoài tôn thờ các vị thần Bàlamôn họ còn tôn thờ thần linh Hồi giáo (Pô Auloah - Alla) qua các nghi lễ Rija (lễ múa), lễ tế trâu, dê... Tín đồ Bàlamôn còn có tục dâng cúng lễ vật (lễ dâng gạo, bánh trái) ở thánh đường người Chăm Hồi giáo Bànì trong các dịp lễ Ramưwan (Ramadan). Ngược lại tín đồ Hồi giáo Bànì Chăm không chỉ tôn thờ độc nhất một thánh Alla mà họ còn tôn thờ các vị thần linh Bàlamôn; những vị anh hùng dân tộc Chăm; những lễ nghi tín ngưỡng cộng đồng như các lễ múa Rija và tôn thờ tổ tiên hàng năm.

Những mối quan hệ trên là bắt nguồn từ triết lí sâu xa của người Chăm. Họ quan niệm rằng, Chăm Bàlamôn (ahier) cốt lõi là đàn ông nhưng hình thức biểu hiện bên ngoài là đàn bà như túi tóc, mặc y phục trắng có đeo ví hình âm vật. Còn ngược lại Chăm Hồi giáo Bànì cốt lõi là đàn bà nhưng được biểu hiện hình thức bên ngoài là đàn ông như đầu không để tóc, mặc y phục có đeo tua vải hình dương vật trước ngực. Đó chính là biểu hiện triết lí âm dương, phản ảnh tư duy lưỡng nguyên, âm dương đối ngẫu nhưng không tách rời, đối lập nhau mà luôn gắn bó chặt chẽ với nhau trong tư duy người Chăm. Do đó hai tôn giáo Chăm mà đại diện là hai tu sĩ Bàlamôn và Hồi giáo Bànì tuy hai nhưng lại là một, trong âm có dương trong dương có âm, vừa nam vừa nữ hội nhập chuyển hoá lẫn nhau, không tách rời, tạo nên thể âm dương nhất thể mà thống nhất với nhau trong một cộng đồng. Vì vậy, mặc dù trong quá khứ lịch sử hai tôn giáo có mâu thuẫn, đối lập nhưng không bài trừ, tách rời mà họ nương tựa vào nhau tồn tại và thống nhất một cách vững chắc.

Theo tinh thần đó và cũng là do yêu cầu cuộc sống cộng đồng đặt ra thì người Chăm ở Ninh Thuận, bên cạnh hội đồng phong tục ở từng paley thì họ còn có một hội đồng tôn giáo chung cho toàn paley Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo. Hội Đồng này có tên gọi nôm na là "Hội đồng 7 thánh đường 3 tháp" (tachuh halau klau bimôn).

Cơ cấu tổ chức "Hội đồng 7 thánh 3 tháp" (tachuh halau klau bimôn) bao gồm có tất cả 10 thành viên bao gồm các vị cả sư (Pô gru) đại diện cho 7 thánh đường Hồi giáo Bani và 3 cả sư (Pô dhia) ở 3 tháp trong tất cả 22 làng paley Chăm Ninh Thuận. Hội đồng có một ông Chủ tịch và một Thư kí thường trực⁽¹⁾. Ông Chủ tịch hội đồng tôn giáo Chăm là người lớn tuổi, có thâm niên được mọi người tín nhiệm và có nhiệm vụ điều hành, quản lý và có quyền quyết định tối cao trong hội đồng tôn giáo. Chủ tịch hội đồng tôn giáo Chăm theo qui định là có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vụ việc quan trọng xảy ra có liên quan đến phong tục tập quán, định lịch pháp, tổ chức cúng tế cộng đồng, cũng như giải quyết sự bất đồng, cục bộ của từng nhóm tín đồ tôn giáo.

Hội đồng tôn giáo Chăm họp định kỳ 3 năm một lần tại các thánh đường Hồi giáo Bani. Địa điểm họp không cố định, nhất thiết ở một thánh đường nào mà luân phiên nhau thành một chu kì 3 năm một lần. Chu kì này được

⁽¹⁾ Hiện này (2001) Chủ tịch Hội đồng tôn giáo Chăm là Cử sư Bảo Sơ, 78 tuổi trụ trì thánh đường Hồi giáo Bà ni thôn Thành Tín, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Và thư kí Hội đồng tôn giáo là Phó cả sư (Imum tal), 68 tuổi trụ trì thánh đường Hồi giáo Bà ni thôn An Nhơn, Ninh Hải, Ninh Thuận.

luân phiên nhau ở 7 thánh đường trong 7 tuần vào ngày thứ sáu trong mỗi dịp lễ Suk jương. Chu kì này thứ sáu đó họ gọi là Suk jương.

Nội dung cuộc định kỳ lễ Suk jương là tổng kết đánh giá về những điều luật qui định của adat Chăm trong thời gian 3 năm thực hiện. Nội dung điều luật cơ bản được hội đồng tôn giáo đề cập như: phổ biến về lịch pháp (sakawi), về việc cúng tế (ngak yang), về phong tục tập quán (adat cabac), những điều kiêng cữ chung (dom adat ar mal)⁽¹⁾.

1. Nội dung về lịch pháp (sakawi):

Người Chăm có hai tôn giáo và có hai loại lịch khác nhau. Vì vậy muốn các tu sĩ hai đạo thống nhất được lịch pháp, tránh việc xáo trộn về ngày tháng trong việc thực hiện lễ nghi cúng tế của tín đồ. Do đó thì mỗi kỳ họp suk jương hội đồng tôn giáo phải thông qua và thống nhất ngày tháng của hai lịch Chăm. Cổ thư Chăm viết:

- Lịch Chăm Hồi giáo Bani (sakawi awal) là loại âm lịch, tính ngày tháng theo tuần trăng, tương tự như lịch Hồi giáo Ả Rập. Lịch này chỉ được xem ngày tháng để phục vụ các lễ nghi thánh đường của người Chăm Hồi giáo.

- Loại lịch Chăm Balamôn (sakawi ahiêr) là loại âm - dương lịch tính ngày tháng theo tuần trăng, tính năm tháng chu kỳ mặt trời và các vì sao. Đây là loại lịch bản

⁽¹⁾ Điều luật tôn giáo chưa được soạn thảo từng điều, từng chương mà ngày xưa chỉ truyền miệng với nhau dựa trên một số tư liệu trong cổ thư Chăm.

địa được người Chăm sử dụng lâu đời. Lịch được sử dụng cho cả Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo Bani trong việc xem ngày tháng để cúng tế đền tháp, đám cưới, dựng nhà, vào nhà mới, lễ nghi nông nghiệp và các lễ nghi cộng đồng.

Sau khi hội đồng tôn giáo đã thông qua nội dung lịch pháp thì các thành viên trong Hội đồng tôn giáo (7 thánh đường và 3 tháp) phải áp dụng đúng ngày tháng qui định. Các cả sư có nhiệm vụ căn cứ vào đó để xem ngày lành tháng tốt phục vụ cúng tế cho tín đồ ở mỗi đền tháp, thánh đường mà mình quản lí. Nếu cả sư nào, vì phạm không áp dụng theo qui định chung của lịch tôn giáo mà tùy ý sử dụng lịch riêng, gây xáo trộn ngày tháng, làm ảnh hưởng đến đời sống tâm linh trong cộng đồng Chăm thì cả sư đó phải chịu trách nhiệm. Cả sư đó sẽ bị hội đồng tôn giáo cô lập, loại khỏi hội đồng tôn giáo và sẽ bị thần linh trừng phạt.

2. Về việc cúng tế (Ngak yang):

- Đối với tín đồ Hồi giáo Bani (awal) trong mùa lễ Ramuwan tất nhiên là phải hoàn thành nghĩa vụ một tín đồ là dâng lễ vật, hành lễ thường xuyên ở thánh đường để tưởng nhớ đến Pô auloah (Alla).

- Đối với người Chăm Balamôn (ahier), tuy không thường xuyên đến hành lễ nhưng cũng phải chọn ngày lành tháng tốt làm lễ "dâng gạo, bánh trái" đến thánh đường nhân ngày Ramuwan để tưởng nhớ đến Pô Auloah (Alla), cầu cho thánh Alla phù hộ độ trì. Việc dâng lễ vật của tín đồ Balamôn lên thánh đường Hồi Giáo Bani được adat qui định như sau:

+ Tín đồ Bàlamôn ở thôn Mỹ Nghiệp, Bầu Trúc, Chung Mỹ được dâng lễ ở thánh đường Hồi giáo Bàn thôn Tuấn Tú.

+ Tín đồ Bàlamôn ở thôn Vụ Bồn, Hậu Sanh, Hiếu Thiện, Hữu Đức dâng lễ lên thánh đường thôn Văn Lâm.

+ Tín đồ Bàlamôn thôn Hoài Trung, Chất thường dâng lễ lên thánh đường Hồi giáo Bàn ni thôn Lương Tri.

+ Tín đồ Bàlamôn thôn Hiếu Lễ, Phước Đồng dâng lễ vật lên thánh đường Hồi giáo Bàn thôn Phú Nhuận.

+ Tín đồ Bàlamôn thôn Bình Nghĩa dâng lên thánh đường Hồi giáo Bàn thôn Phước Nhơn.

Ngoài việc dâng lễ lên thánh đường, giữa người Chăm Bàlamôn và người Chăm Hồi giáo Bàn còn có những lễ nghi chung như lễ cầu đảo (yôr yang palau sah) ở các cửa biển Tuấn Tú và Cà Ná.

Việc tổ chức cúng tế lễ "cầu đảo cũng được luật tục tôn giáo qui định cụ thể như sau: Lễ cầu đảo ở cửa biển Tuấn Tú là do các tu sĩ và tín đồ như các thôn Tuấn Tú, Mỹ Nghiệp, Bầu Trúc, Chung Mỹ chịu trách nhiệm và đóng góp kinh phí để thực hiện. Còn lễ cầu đảo ở cửa biển Cà Ná thì do các tu sĩ và các tín đồ như thôn Văn Lâm, Vụ Bồn, Hiếu Thiện, Hữu Đức... Chịu trách nhiệm và đóng góp kinh phí thực hiện. Mọi điều xảy ra trái với luật tục cũng như tín đồ khu vực nào không hoàn thành nghĩa vụ, làm ảnh hưởng đến tôn giáo, đến đời sống tâm linh của cộng đồng thì tín đồ đó bị phạt vạ và cả sư phụ trách khu vực đó phải chịu trách nhiệm trước hội đồng tôn giáo Chăm trong kỳ họp lễ "suk jương".

3. Những điều kiêng cử chung (Dom adat ar mál):

Trong tháng lễ Ramưwan của người Chăm Hồi giáo các tín đồ người Chăm (kể cả Chăm Balamôn) đều có trách nhiệm kiêng cử chung. Trong tháng lễ không được sát sinh, ăn thịt động vật, uống rượu gây ồn ào trong paley Chăm Hồi giáo Bànì, nhằm để giữ không khí chay tịnh trong tháng chay niệm Ramưwan cho các tu sĩ Hồi giáo. Ai bị vi phạm những điều kiêng cấm trên thì bị tôn giáo xử phạt từ 20 - 40 mâm bánh lễ tại thánh đường.

Đối với người Chăm Balamôn trong thánh lễ Ramưwan của người Chăm Hồi giáo phải kiêng cử không được phép cúng tế bất cứ loại lễ gì như lễ Rija, đám tang, nhập Kút, Phong tục Chăm nói: "Taleh waha ka mưng pacah rawa ginăng", có nghĩa là mãn mùa lễ chay niệm (lễ Ramưwan, waha) thì mới được tổ chức cúng tế. Việc này nếu tín đồ thuộc khu vực đền tháp nào vi phạm thì cả sư (Pô dhia) phụ trách vùng đó chịu trách nhiệm và bị kiểm điểm trước hội đồng tôn giáo trong kỳ họp lễ suk jương. Hội đồng tôn giáo sẽ cấm các tu sĩ Bànì (Pô char) không được cúng tế các lễ nghi liên quan đến Pô Au loah (Alla) ở vùng Chăm Balamôn bị vi phạm luật tôn giáo.

4. Nghĩa vụ và trách nhiệm của tu sĩ Balamôn và Hồi giáo.

Tu sĩ Hồi giáo Bànì (Pô char) ngoài việc có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với tín đồ của mình còn phải có nghĩa vụ thực hiện cúng tế các nghi lễ có liên quan đến Pô Au loah (Alla), và các lễ tế trâu, tế dê... Ngược lại tu sĩ Balamôn

phải có trách nhiệm đối với hội đồng tôn giáo là ngoài việc cúng tế theo nghi lễ phong tục Bàlamôn thì cả sư, tu sĩ Bàlamôn phải quản lí, giáo dục tín đồ thực hiện đúng những điều kiêng cử trong ngày lễ Ramưwan của người Chăm Hồi giáo.

Những trường hợp trên được adat qui định một cách chặt chẽ. "Nếu Chăm Hồi giáo Bàni đang trong mùa chay niệm Ramưwan thì Chăm Bàlamôn phải kiêng cử tho điều luật tôn giáo" (muyah awal dauk richo ahiêr dai mal). Nếu ai ngoan cố bị vi phạm thì cả sư quản lí tín đồ vùng đó phải chịu trách nhiệm. Nếu Chăm Bàlamôn vi phạm thì Hội đồng tôn giáo sẽ trừng phạt bằng cách là không cho ngày tháng và cử tu sĩ Hồi giáo Bàni đến cúng những lễ nghi liên quan đến Pô Auloah (Alla) cho tín đồ Bàlamôn. Ngược lại nếu tu sĩ Hồi giáo Bàni có điều gì vi phạm đến cùng Chăm Bàlamôn thì tín đồ Bàlamôn sẽ không cúng tế, dâng lễ vật đến thánh đường trong mùa hè Ramưwan như đã qui định trên.

Tóm lại: Trong 4 nội dung⁽¹⁾ lớn nêu trên có thể được xem là những đạo luật tôn giáo (Hakum) được Hội đồng tôn giáo Chăm thông qua, kiểm điểm, đánh giá điều chỉnh trong kỳ họp suk jương 3 năm một lần. Nội dung về điều luật tuy chưa phong phú, không được ghi thành điều, thành chương nhưng bằng cách phổ biến, truyền miệng đã ăn sâu vào nếp sống,

⁽¹⁾ Những nội dung của điều luật tôn giáo trên chúng tôi ghi lại, tổng hợp theo biên bản phiên họp và phỏng vấn các chức sắc trong kỳ họp Suk yương tại 7 thánh đường Hồi Giáo Bà ni Ninh Thuận vào năm 1999.

nếp nghi đã trở thành phong tục, tập quán của dân tộc mà ai cũng biết cũng hiểu và thực hiện (jalan adat). Thực tế nội dung của điều luật của Hội đồng tôn giáo Chăm là những qui ước về lễ nghi, phong tục tập quán những điều kiêng cử liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của hai tôn giáo mà đôi bên cần phải có qui ước chặt chẽ, thống nhất vì lợi ích chung. Đó là điều kiện cần để đôi bên cùng tồn tại, vận động và phát triển. Nếu thiếu một trong những điều kiện nêu trên thì hai tôn giáo Chăm sẽ tách rời, mâu thuẫn nhau tạo nên sự cục bộ địa phương, từng nhóm tín đồ, từng nhóm tôn giáo. Ngược lại nếu qui ước của Hội đồng tôn giáo Chăm thống nhất và có hiệu lực thì nó có tác dụng to lớn trong việc cố kết, qui tụ cộng đồng, điều chỉnh mối quan hệ tôn giáo, xã hội, xoá bỏ tính cục bộ địa phương và góp phần tích cực trong việc duy trì trật tự xã hội. Hội đồng tôn giáo Chăm nếu phát huy tốt sẽ trở thành pháo đài vững chắc, ngăn chặn được sự xâm nhập tôn giáo mới, văn hoá ngoại lai và sẽ bảo tồn được bản sắc văn hoá của dân tộc Chăm trong xu thế hội nhập hiện nay.

Đoạn thứ ba

CỦA CÁI, ĐẤT ĐAI KHAI HOANG, QUYỀN SỬ DỤNG VÀ THỪA KẾ RUỘNG ĐẤT - BẢO VỆ GIA SÚC - ĐẬP NƯỚC, RỪNG ĐẦU NGUỒN

I. CÁC LOẠI CỦA CÁI:

Các loại của cái như trâu bò, ruộng vườn, đồ cúng lễ của đền tháp, của làng xã, của tộc họ là tài sản chung của

cộng đồng, mọi thành viên trong làng đều có trách nhiệm gìn giữ.

1. Cửa cải đền tháp:

Cửa cải đền tháp là cửa cải của thần linh (drop ar pô yang) bao gồm ruộng đất, trâu bò, áo quần đồ trang sức; đồ dùng để cúng thần thánh như mâm đồng, nồi đồng, chén, ống nhỏ, chén bát...

Nguồn gốc ruộng đất đền tháp ngày xưa do nhà nước phong kiến Champa ban cấp và các đồ cúng lễ thì do dân làng dân cúng⁽¹⁾. Chẳng hạn tài sản đền tháp Pô kluang Garai Ninh Thuận có khoảng 30 mẫu ruộng và một số đồ trang sức, đồ cúng lễ⁽²⁾. Ở tháp Pô Rôme Ninh Thuận cũng có khoảng 30 mẫu ruộng và một số đồ y trang, đồ cúng lễ⁽³⁾. Ngày nay (từ năm 1975) ruộng đất đền tháp đã được hiến vào thành ruộng Hợp tác xã, người Chăm chỉ còn giữ lại một số y trang, đồ cúng tế... Hiện nay tài sản trên cũng mất cấp dần chỉ lại một số ít không đáng kể⁽⁴⁾.

Cửa cải đền tháp là cửa cải chung của cộng đồng. Mỗi

⁽¹⁾ Theo J.C Majumdar, sđd, P220 có ghi: Trên bia trụ tháp chính tháp Pô Kluang Garai - Ninh Thuận có nói về cửa cải đền tháp như ruộng đất, trâu, vàng bạc, đồ cúng lễ...

⁽²⁾ Theo lời khai của Cả Sư Vạn Tà, 82 tuổi, trụ trì tháp Pôklaung Garai - Ninh Thuận.

⁽³⁾ Theo lời kể của Cả sư Hán Bằng, 70 tuổi, trụ trì tháp Pô Rôme. Hậu sanh - Ninh Thuận.

⁽⁴⁾ Trong những năm gần đây, tài sản đền tháp Chăm đã xảy ra nhiều vụ mất cấp: năm 1982 mất cấp Vương miệng Pô Rôme bằng vàng 1.7kg; năm 1996 - 1997 mất cấp tượng thờ Hoàng hậu Pô Rôme; năm 1998 mất cấp tượng thờ Nữ thần Pô Nugar ở Hữu Đức.

đền tháp đều có một ông từ (camúney) có trách nhiệm trông coi đền tháp và hưởng một phần hoa lợi ruộng đất để chăm lo cúng tế đền tháp.

Cửa cái đền tháp là cửa thần linh, bất khả xâm phạm. Theo phong tục người Chăm không ai dám lưu giữ cửa cái đền tháp trong nhà riêng của mình. Ai xâm phạm, trục lợi cá nhân, làm cửa riêng tư đều bị thần linh xử phạt (they băng drap ar pô pabrai pabrai).

2. Cửa cái của làng:

Mỗi làng paley Chăm đều thờ một vị thần làng ở trong một ngôi đền gọi là danok. Mỗi đền làng đều có ruộng đất, đồ cúng tế, y trang. Ruộng đền làng là ruộng chung của cả làng do ông từ (camúney) canh tác, đóng hoa lợi để chăm lo cúng tế các lễ nghi thần làng. Ruộng làng thường có nguồn gốc từ các ruộng của người dân hiến tế hoặc lấy quỹ của làng mua ruộng để canh tác, lấy hoa lợi cúng tế cho đền thần. Tương tự như cửa cái đền tháp, cửa cái thần làng không được một cá nhân nào xâm phạm và trục lợi riêng tư. Ai xâm phạm thì bị phạt vạ và thần linh trừng phạt.

3. Cửa cái tộc họ:

Cửa cái tộc họ chủ yếu là ruộng đất. Ruộng tộc họ có được là do những thành viên trong tộc họ dâng hiến hoặc trong họ có người giàu có những không ai thừa kế thì ruộng đất của họ trở thành tộc họ. Ngoài ra, cửa cái tộc họ còn có y trang, đồ cúng lễ tổ tiên do Muk Rija (Người giữ chiết Atâu - vật gia bảo của tộc họ) nắm giữ. Ruộng của tộc

họ được giao cho Muk Rija hoặc "Tabur" (Thủ quỹ) của tộc họ canh tác để lấy phần hoa lợi cúng tế những lễ nghi liên quan đến tộc họ. Của cải tộc họ ai sử dụng, chiếm làm của riêng tư bị tổ tiên (Muk key) xử phạt.

4. Của cải những thành viên trong gia đình:

Của cải trong gia đình bao gồm: Nhà cửa, ruộng vườn, trâu bò, đồ cúng lễ... Tất cả của cải trong gia đình Chăm thuộc quyền sở hữu của cha mẹ, trong đó mẹ (amek) có quyền tối cao như chủ nhà (pô sang).

Theo adat Chăm, tài sản trong gia đình khi cha mẹ mất đi thì con gái út thừa kế và phải có trách nhiệm cúng tế, thờ phụng cha mẹ. Của cải trong gia đình như nhà cửa, ruộng đất, trâu bò... phần lớn được con gái út thừa hưởng, còn lại một phần chia cho chị gái. Đặc biệt là đồ cúng tế như áo quần cúng lễ, nồi đồng, mâm đồng, ống hổ, chén bát... không được phân chia cho chị em gái mà tài sản đó con gái út quản lý để thờ cúng cha mẹ, tổ tiên lúc về già.

Riêng người con trai trong gia đình Chăm khi chưa có vợ, làm ăn chung sống với cha mẹ thì không được lập của riêng. Con trai trong gia đình có vợ, nếu có làm ra của cải thì phải giao cho cha mẹ cất giữ (dauk sang amek ngak băng saung amek). Theo adat Chăm điều đó sẽ có lợi cho anh ta, phòng khi trái gió trở trời thì cha mẹ hoặc em gái sẽ săn sóc anh ta. Đặc biệt khi cưới vợ, cha mẹ có trách nhiệm tổ chức đám cưới và trích một phần của cải trong gia đình làm của hồi môn (thường là chiếc nhẫn muta, con trâu hay đám ruộng) để về nhà vợ làm kế sinh nhai. Tục này, tránh việc con trai tiêu sài phung phí "làm đồng nào

tiêu đồng nấy: (ngak dom haleylôn dom năn) đến khi có vợ lại không có một tấc đất cắm dùi.

Người chồng đối với của cải trong gia đình. Người chồng trong gia đình người Chăm là thân phận làm rể. Người chồng phải có trách nhiệm xây dựng cuộc sống gia đình, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống vợ con (ngak băng hu ginúp mưđa). Nhưng khi về già chết đi không mang theo được của cải mà chỉ đem nắm thân tàn về cho tộc họ. Adat Chăm nói:

Diep ngak drap ka urang

Mutai ba talang ka guăp

Sống làm ra của cải cho vợ

Chết đi mang nắm xương về cho tộc họ

Theo adat Chăm người chồng trong gia đình không được mang, lấy của cải bên vợ về cho cha mẹ hoặc anh chị em mình. Nếu người chồng trong gia đình vi phạm những điều trên thì bị cộng đồng Chăm lên án và xem như hạn người xấu - "Người bòn rút của cải nhà vợ đem về cho họ hàng mình" (ngak băng ba drap ar ka guăp).

Trường hợp gia đình vợ làm ăn giàu có phát đạt, được sự đồng ý của người vợ thì người chồng có thể mua ruộng hoặc vàng, bạc đem hiến cho Kút (nghĩa địa tộc họ mẹ mình). Sau này của cải đó sẽ giúp một phần nào chi phí cho tộc họ thực hiện những nghi lễ cúng viếng cho tổ tiên tộc họ của mình. Chú chồng không được lấy của cải bên vợ cho riêng một người nào khác một khi chưa được sự đồng ý của vợ.

II. KHAI HOANG ĐẤT VÀ QUYỀN SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT:

1. Đất canh tác:

Theo adat Chăm, đất đai, rừng núi, sông hồ... là tài nguyên thiên nhiên mà mọi thành viên trong cộng đồng đều có quyền khai thác sử dụng và bảo quản khi chưa có người sở hữu. Ngày nay theo luật pháp nhà nước "đất đai là thuộc sở hữu toàn dân, nhà nước thống nhất quản lí".

Theo adat Chăm, ngày xưa muốn khai thác một vùng đất nào đó để làm ruộng, rẫy thì phải trình làng. Người muốn khai thác đất phải đến làng trình bày rõ lí do, địa điểm, địa thế của đất mình muốn khai hoang. Làng sẽ xem khu đất đó đã thuộc quyền sở hữu của ai chưa hoặc không ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng như ảnh hưởng đến rừng đầu nguồn, đập nước, thổ mộ... thì làng mới cho phép khai hoang. Nếu được sự đồng ý của làng thì người khai hoang đem lễ vật (trầu, rượu, trứng...) đến vùng đất định khai hoang để xin thần đất (yang tanuh riya) để khai hoang. Sau đó người khai hoang tiến hành làm dấu (pakak) ở vùng đất mình khai hoang ở 4 hướng: đông, tây, nam, bắc. Khi khai hoang ruộng thì đầu tiên dùng cuốc đắp một đoạn bờ đất và khai hoang rẫy thì dùng rựa phát một khúc rừng, đó là hiệu của đất đã có người khai hoang, có chủ sở hữu không ai được quyền xâm phạm. Sau khi làm dấu khai hoang xong thì chủ đất về nhà nằm cầu khẩn thần linh cho báo điềm tốt lành về vùng đất khai hoang

đó. Nếu ban đêm nằm mơ thấy trên vùng đất khai hoang có con cọp, chó cắn người... là điềm báo xấu, thần linh mách bảo là đất xấu không được khai hoang. Nếu nằm mơ thấy trên vùng đất khai hoang của mình có con trâu, con ong làm tổ trên cây... là điềm báo tốt. Ngày hôm sau người chủ đất khai hoang phải làm lễ cúng thần mẹ xứ sở (Pô nugar), thần đất (Pôbhum) một cặp gà để tiến hành khai hoang.

Đất khai hoang theo adat Chăm thì được miễn thuế 3 năm. Sau 3 năm phải nộp thuế cho làng. Nếu khai thác đất rừng thì được miễn thuế. Nhưng cấm khai hoang đất ở rừng đầu nguồn (glai yang)⁽¹⁾, đập nước (binuk). Vì đất ở khu vực đó là nơi trú ngụ của thần linh. Ai vi phạm sẽ bị phạt vạ bằng lễ cúng tạ thần linh.

2. Chủ đất:

Trường hợp đất đã có dấu hiệu bằng đường cước hoặc có dấu rựa phát hoang thì đất đó đã có người sở hữu, ai vi phạm sẽ bị phạt vạ.

Chủ đất của người Chăm thường là người đứng ra khai hoang, mua bán hoặc sang nhượng đất mà có. Trường hợp đất canh tác lâu năm do thừa kế hoặc chuyển nhượng mua bán thì khi xảy ra tranh chấp thì làng căn cứ vào văn tự để giải quyết. Nếu trường hợp đất không có văn tự thì ông trưởng làng (pô paley) và ông trông coi đập nước (ôn

⁽¹⁾ Vấn đề này thực ra là từ lâu người Chăm đã ý thức được vấn đề bảo vệ rừng đầu nguồn, đập nước... mà họ đã linh thiêng hoá là glai yang.

binuk) đứng ra xác định chủ sở hữu và giải quyết những vấn đề có liên quan đến vùng đất đó. Theo adat Chăm dù ai sở hữu trước hoặc sau nhưng trên vùng đất đó ai đã canh tác liên tục 3 đời liên tiếp không bị gián đoạn thì người đó là chủ sở hữu⁽¹⁾.

3. Quyền thừa kế đất đai và nghĩa vụ của người chủ đất:

Theo adat Chăm, nếu ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân thì khi cha mẹ chết thì đất đai, của cải trong nhà do con gái út thừa kế và có nhiệm vụ trông coi thờ cúng cha mẹ, ông bà. Ngoài ruộng tư nhân, người Chăm còn có ruộng đền tháp, ruộng làng, ruộng tộc họ. Các loại ruộng trên thuộc sở hữu công cộng, được dân làng giao cho ông từ giữ đền (camunay) hoặc Muk Rija (Người trông coi chiết atâu của tộc họ) quản lí, canh tác để lấy hoa lợi phục vụ các nghi lễ cúng liên quan đến đền tháp, thần làng, tộc họ. Ngoài ra còn có đất công cộng, đất hoang mà dân làng sử dụng làm đất thổ mộ, sân lúa, chuồng trâu bò... là đất chung của làng. Ai xâm phạm không được sự đồng ý của làng đều bị xử phạt⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo lời kể của ông trông coi đập nước (Binuk) Thế Chay, 82 tuổi, thôn Nho Lâm và Ong Phú Văn Thiện, 72 tuổi ở Vụ Bồn, Phước Nam, Ninh Phước. Ninh Thuận.

⁽²⁾ Tại thôn Bình Nghĩa vào ngày 23/3/1999. Hội đồng phong tục thôn có họp xử phạt một trường hợp lấn chiếm đất thổ mộ của làng trái phép. Người vi phạm bị kết tội là lấn chiếm đất đai của ông bà, tổ tiên, vi phạm adat Chăm.

III. GIA SÚC (ASUR SAN):

1. Việc chăn thả gia súc:

Tục người Chăm ai nuôi trâu bò, heo, gà thì phải làm chuồng trại và phải có người chăm sóc, chăn dắt chúng, không được thả trâu bò lang thang trong thời vụ khi vụ mùa chưa thu hoạch. Adat Chăm nói:

Mưnuk hu aro

Kabau limo hu wan hu khâm

Gà có tổ

Trâu bò phải có chuồng trại

Nếu gia súc phá hoại mùa màng thì người chủ phải bồi thường. Tùy theo hậu quả thiệt hại mà có sự bồi thường thích đáng. Ngày xưa người Chăm thường bồi thường bằng hiện vật: Trâu ăn lúa thì bồi thường bằng lúa... Trường hợp trâu bò lỡ xáy chuồng mà vi phạm lần đầu tiên thì cảnh cáo. Nếu trâu bò vi phạm phá hoại hoa màu nhiều lần nhưng chủ trâu bò không chăn dắt, làm chuồng trại, chăm sóc chúng thì dân làng có quyền xử lí trâu bò đó bất cứ hình thức nào mà chủ nó không được quyền khiếu nại.

2. Việc gia súc gây tổn hại đến con người:

Trâu bò ai nuôi phải làm chuồng trại ngoài via làng, xa nơi dân cư sinh sống, tránh việc gây ô nhiễm, truyền bệnh cho dân làng. Trâu bò ai nuôi mà "có tật có chứng" (kabau bon) mà húc, cắn người bị thương hoặc chết thì chủ nó phải bồi thường. Hình thức bồi thường, ngoài lo phí tổn

chăm sóc còn phải làm "Lễ tẩy thể" (buh salih tuk ia) cho người bị trâu bò húc. Bởi vì người Chăm tối kỵ những vấn đề sau:

Rimon kachaw athâu licau

Kabau binuk athâu kek

Cọp bắt, chó nhảy qua đầu

Trâu húc chó cắn

Trong trường hợp nêu trên, những con trâu bò có tật có chúng, gây ảnh hưởng đến cuộc sống dân làng thì phải đem tế thần hoặc bán thịt cho dân làng.

3. Chăn nuôi và bảo vệ gia súc:

Chăn nuôi trâu bò phải làm chuồng trại (kabaw limo hu wan hu khâm), không được thả lang thang trong thời vụ. Trâu bò phá hoại mùa màng thì chủ phải bồi thường. Ngược lại ai đánh trâu bò vô cơ, làm cho trâu bò què cụt, đui mù thì người đó phải bồi thường con vật khác. Cho dù trâu bò đó như thế nào (đui, què...) thì người gây tổn thương phải chịu bồi thường một con vật khác theo yêu cầu của chủ nó. "Trâu què thành trâu tốt" (kabau bek jương kabau siam), adat Chăm nói như vậy.

Trường hợp trâu bò cho người khác thuê mượn thì người thuê trâu bò có trách nhiệm chăm sóc chúng. Nếu người thuê mà dùng trâu bò kéo quá sức, ảnh hưởng đến sức khỏe trâu bò, hoặc đánh trâu bò có vết thương thì người thuê phải có trách nhiệm chăm sóc chúng cho đến khi vết thương lành hoặc bồi thường một con vật khác cho chủ nó.

IV. ĐẬP NƯỚC VÀ NƯỚC TƯỚI RUỘNG:

Người Chăm là một dân tộc có nền văn minh lúa nước phát triển và truyền thống đắp đập giữ nước từ lâu đời. Hiện nay, có tất cả gần 10 đập nước lớn nhỏ trên cánh đồng Ninh Thuận mà nổi tiếng nhất là đập có quy mô lớn như đập Nha Trinh (Ninh Sơn - Ninh Thuận), đập Marên (Ninh Phước - Ninh Thuận).

Người Chăm chủ yếu sống bằng nghề nông. Cho nên đập nước (Binuk) có một vai trò quan trọng trong đời sống sản xuất. Thường mỗi cánh đồng lớn đều có một đập nước để tưới tiêu. Dân làng thường cử một ông có uy tín, đạo đức, am hiểu về nghề nông, về nguồn nước để trông coi đập nước gọi là ông Binuk. Để trở thành ông Binuk phải qua nhiều nghi lễ như: lễ ngak pabah (lễ sám hối), lễ cúng nữ thần Pô Nugar và hàng năm còn phải tham gia cúng lễ ở các đền tháp. Ngoài ra ông Binuk còn phải chịu nhiều kiêng cử trong đời sống hàng ngày như kiêng không ăn cá rô, lươn... Họ quan niệm, nếu ông Binuk ăn những thứ đó thì con cá rô, con lươn sẽ chui lui và phá vỡ chân đập.

Do đó, trước khi bước vào vụ lúa, thực hiện lễ nghi cúng đập hàng năm thì Ông Binuk phải kiêng cử như ăn chay (ăn cơm với trứng), không ăn ngủ chung với vợ, ăn trầu hoặc ăn cơm nhà người khác... Làm như vậy để cho tâm hồn thanh tịnh; mưa thuận gió hoà; đập đầy nước cho dân làng cày cấy.

Theo tục người Chăm, ông Binuk trông coi đập nước được dân làng miễn tất cả nghĩa vụ trong làng và cấp ruộng làng từ 1-2 mẫu để lấy hoa lợi sinh sống và phục vụ

lễ nghi cúng đập hàng năm⁽¹⁾.

Ngoài ông Binuk, người Chăm còn có "ông seo". Ông seo là người liên lạc, có trách nhiệm thông báo cho dân làng nạo vét kênh mương, đập đập hàng năm. Bên cạnh ông seo còn có ông Ginôr Ribhaun (Ông trông coi mương nước). Nhiệm vụ của ông Ginôr ribhaun là hướng dẫn dân làng khai mương đập đập và trực tiếp phân nước từ đập đến từng con mương. Người được dân làng bầu chọn làm Ông Seo và Ông Ginôr ribhuan cũng được dân làng cấp một phần ruộng làng để canh tác lấy hoa lợi sinh sống. Do đó, họ phải có mặt thường xuyên trên cánh đồng để quản lí nước, phân nước tưới cho cánh đồng.

Việc quản lí nước, phân nước trên cánh đồng người Chăm là do ông Binuk, ông Seo Ginôr ribhuan chịu trách nhiệm, trong đó ông Binuk có quyền quyết định tối cao. Adat Chăm quy định chặt chẽ về việc bảo vệ đập, quản lí nước, phân nước như sau:

- Mọi thành viên trong làng đều có trách nhiệm trông coi, bảo quản. Không ai được vi phạm những điều kiêng cử liên quan đến đập nước.

- Tham gia đập đập nạo vét kênh mương hàng năm. Adat Chăm nói "Ngak hamu ngak binuk taleh ribhuan" (Làm ruộng phải đập đập đào mương).

- Người làm ruộng phải đóng góp phí tổn để cúng tế đập nước theo tục lệ.

- Tục phân nước của người Chăm được phân theo thứ

⁽¹⁾ Mỗi đập nước của người Chăm có tục cúng tế khác nhau. Thường thì có loại đập cúng tế 01 con dê, có đập cúng tế 01 con trâu. Lễ cúng lớn thì do dân làng đóng góp.

tự trước sau. Loại ruộng gò được ưu tiên phân nước trước, ruộng trũng thì được phân nước sau cùng. Nhưng ngược lại ruộng phía trên sẽ được cấy gieo sau, ruộng phía dưới được cấy gieo trước.

Những ai vi phạm những điều trên thì bị ông Binuk, ông Ginor ribhaun phạt vạ và nếu ai ngoan cố thì ruộng của người đó bị cắt nước, không được phân nước đến ruộng để sản xuất.

Tục người Chăm còn kiêng cấm không được ăn cắp nước, tháo nước trộm từ ruộng này sang ruộng khác và tùy tiện tháo nước ở đập trái quy định thì bị làng phạt bằng con heo. (Ralah bira thik papui băng).

Người Chăm còn nói "Vác len qua đập, qua nương" (Gilăm chalen tapa binuk) thì người đó phải chịu trách nhiệm những điều gì xảy ra ở đập. Điều này có nghĩa là khi người nào đó vác len qua đập mà có lỗ đập đó đã bị ai tháo nước thì người đó phải có trách nhiệm tìm ra thủ phạm. Nếu tìm không ra được thủ phạm thì người mới vác qua đập phải chịu trách nhiệm và bị phạt vạ một con heo.

Tục người Chăm còn cấm khai thác rừng đầu nguồn, khai hoang rừng rẫy ở gần đập nước, nếu có ảnh hưởng đến sự hư hại, sụp lở đập nước thì người đó bị phạt vạ.

Tất cả mọi việc trái với adat trong việc đắp đập, khai nương, cúng tế đập, phân nước, tranh chấp nước... xảy ra trên đồng ruộng đều có tác động đến quy trình sản xuất, làm mất mùa, đói kém, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân đều bị phạt vạ. Việc xử phạt những người vi phạm adat trên cánh đồng đều do một Hội đồng quản lí nước bao gồm

ông Binuk, ông Seo, ông Ginôr ribhuan đứng ra giải quyết. Ngày nay sự quản lí nước, phân nước ở làng Chăm không còn nữa mà đã nhường chỗ cho ban thủy lợi Hợp tác xã. Tuy vậy những truyền thống tốt đẹp này vẫn còn phát huy trong việc điều hành quản lí nước của Hợp tác xã. Hàng năm nhân dân vẫn còn tục cúng lễ cầu đảo, lễ khai mương đắp đập (paleh jamung tãm) vào tháng tư lịch Chăm ở tại các nguồn sông lớn. Lễ được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia. Lễ ngoài ý nghĩa cầu mưa, cầu nước còn nhắc nhở mọi người ý thức về truyền thống đắp đập, nạo vét kênh mương dẫn nước tưới về đồng ruộng, nuôi sống dân làng.

V. BẢO VỆ RỪNG ĐÁU NGUỒN

Người Chăm từ xa xưa, ngoài nghề nông và nghề biển họ còn có nghề rừng và khai thác rừng. Rừng không những cung cấp nguồn lâm sản mà từ lâu đời người Chăm đã có ý thức sự ảnh hưởng của rừng đến sản xuất nông nghiệp và sinh thái môi trường đối với cuộc sống con người. Người Chăm nói:

Cơk klaung glai rãm

Rilô kayâu biak klaung

Kayâu praung năn tabiak di phun Mosri

Rúp kayâu praung padah tauh Pô Nưgar

Ngak jiong cơk kluang glai ram

Hajan angin hanim phuôr

Agha kayâu padah tuah ka bilâu takay Pô

Ngāk jiong ia duôc di còk trun
Brah dalam tanúk, mưh dalam tangin
Ia tamuh di còk, haròh muh di ralong
Ikan jiong di kruang ywa nhjưc
Rimong jiong dikhưc róm kapal
Yâu năn adat pataw dunya
Paik bauh juai kauk phun
Ngak yâu năn chiup glaic Pô Nưgar
Pô ngak twa tanưh riya ô hu hajan angnin

Núi cao rừng rậm

Nhiều cây cao, cổ thụ

Cây cao to sinh ra từ cây Môsri⁽¹⁾

Thân cây to lớn là Nữ thần Pô nưgar

Thân cây to lớn làm nên núi cao

Rễ cây trên rừng làm mạch nước chảy quanh năm

Gạo trong lòng đất, bạc vàng trong tay

Cỏ mọc trên rừng, nước mạch tuôn từ núi

Cá tụ ở sông nhờ sông lăm rong

Cọp tụ ở rừng bởi núi cao rừng rậm

Vì thế, ông bà ta dạy

Hái trái chớ nên chặt cây

Chặt cây to lớn là phá ngay rừng yang

⁽¹⁾ Cây Môsri là một cây thần thoại trong truyền thuyết người Chăm.

Rừng yang hết lá che mưa

Hết mạch nước chảy, hết cua cá bầy

Ai ơi chớ phá rừng cây

Một người vi phạm hại lây cả làng.

Phong tục Chăm đi rừng, ngày xưa trước khi chặt gỗ lớn ở rừng sâu thì người Chăm phải cúng lễ trâu rượu xin phép nữ thần Pô Inư Nugar. Ai chặt cây rừng bừa bãi ở rừng đầu nguồn, bến nước thì bị phạt vạ bằng lễ vật cúng tạ thần linh.

Đoạn thứ tư

ĐIỀU HOÀ MỐI QUAN HỆ XÃ HỘI

I. VIỆC BẦU CHỌN CẢ SƯ, TRƯỞNG LÀNG, TRƯỞNG TỘC:

1. Việc bầu chọn cả sư (Pô dhia, Pô gru) của người Chăm:

Trong xã hội Chăm tôn giáo gắn liền chặt chẽ với dân tộc, với văn hoá và có một vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng. Người Chăm có hai tôn giáo: Bàlamôn và Hồi giáo. Mỗi nhóm tôn giáo có một vị cả sư đứng đầu để quản lí tín đồ gọi là Pô dhia (cả sư Bà lamôn) và Pô gru (cả sư Bani). Hai chức vị chắc sắc tôn giáo này được adat Chăm xem là hai vị lãnh đạo tinh thần tối cao trong cộng đồng Chăm. Adat Chăm nói:

Pak ngauk hu yang harey

Pak ala hupô gru

Ở trên có thần mặt trời

Ở dưới có ông cả sư

Theo luật tôn giáo Chăm (Hakum), tầng lớp tu sĩ Chăm nói chung cả sư (Pô dhia, Pô gru) nói riêng là tầng lớp cha truyền con nối. Người muốn gia nhập vào tầng lớp tu sĩ là người phải hoàn thiện về thể chất và tinh thần. Bản thân cha mẹ tu sĩ phải có nòi giống tốt; cha mẹ tu sĩ không quan hệ gần gũi với nhau về huyết thống và phải cách nhau 3 đời thì khi con cái sinh ra mới được bầu chọn gia nhập vào hàng ngũ tu sĩ (ngak haget lilang klow ia ka mung jương paseh adhia).

Bản thân tu sĩ không tàn tật (đui mắt, què tay chân...) và phải có lối sống khiêng cũ, có đạo đức, thông hiểu kinh kệ, hiểu biết về phong tục tập quán, có vợ con gia đình đầm ấm (hu hadiep anuk băng angui)... thì mới được gia nhập vào tầng lớp tu sĩ. Khi gia nhập vào tầng lớp tu sĩ, đặc biệt là lên chức cả sư (Pô dhia, Pô gru) thì phải làm lễ theo phong tục như sau:

Đối với tu sĩ Balamôn giáo:

- Dung akauk (lễ nhập đạo) còn gọi pahôk pabah paduah akhar (lễ xông miệng học chữ).

- Liah: lễ lên cấp paseh - giai đoạn học kinh kệ và nghi thức làm lễ.

- Puah: Lễ lên chức tu sĩ chính thức.

- Tapah (bac): lễ lên chức tối cao trong hàng ngũ tu sĩ Balamôn.

Đối với tu sĩ Hồi giáo Bani (Pô gru) gồm các nghi lễ sau:

- Lễ thụ chức Jam mưah (lễ qui y nhập đạo)

- Lễ thụ chức Mưdin (học kinh kệ, nghi thức hành lễ)
- Lễ thụ chức Katip Imưm
- Lễ lên chức Pô gru - Chức sắc cao nhất của đạo Hồi giáo Bani.

Mọi điều trái với phong tục khi được phong lên chức sắc tôn giáo Chăm đều không được adat chấp nhận.

Vì được xem là vị tinh thần tối cao, cho nên cả sư có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người Chăm. Ở làng Chăm không nhất thiết làng nào cũng có cả sư mà cả sư chỉ quản lí tín đồ theo khu vực đền tháp, có nhiệm vụ phục vụ các lễ cúng tế cho tín đồ và tham gia giải quyết những vụ bất đồng, thưa kiện của dân làng liên quan đến phong tục, tập quán.

2. Việc bầu chọn trưởng làng (Pô Paley):

Mỗi làng Chăm đều có một người đứng đầu gọi là Pô Paley (trưởng làng). Adat Chăm nói:

Akiêp hu kakhay

Paley hu ginôr

Ếch có nắp đậy hang

Làng có chủ cai quản

Xóm làng hạnh phúc yên vui, trật tự hay không là do khả năng của Pô Paley (trưởng làng) (kajap paley ka ywa Pô ginôr). Vì vậy người được bầu làm trưởng làng phải là người cao tuổi, có uy tín, am hiểu phong tục tập quán, luôn vì mọi người, có lòng vị tha. Mặt khác, Pô Paley (trưởng làng) phải là người lao động giỏi, có kinh nghiệm trong sản

xuất, gia đình hạnh phúc, con cháu sum họp (hu băng angui anuk tacho muthrum tabang). Do vậy người Chăm ví chủ làng như cây cao bóng cả:

Kayâu praung mubhat paley
Halui ra patay klat di padiak
Cây to lan toả một lòng
Xoè ra che mát cho người dưng chân.

Ngày xưa thứ của bậc vị trí của chủ làng (Pô paley) được người Chăm đề cao, họ so sánh trưởng làng với hình tượng thiên nhiên:

Praung di cök hu patâu riya
Praung di ha la hu ia tasik
Praung di lingik hu ai herey
Praung di paley hu pô ginôr
Lớn nhất trên núi có tảng đá
Lớn nhất nơi đất bằng có biển khơi
Lớn nhất trên trời có mặt trời
Lớn nhất ở làng có Pô paley

Ngày nay, Pô Paley Chăm được thay thế bằng chức trưởng thôn đang nắm vai trò quan trọng trong việc điều hành, lãnh đạo làng paley Chăm.

3. Việc bầu chọn trưởng tộc (akauk guăp):

Mỗi làng (paley) Chăm được hợp thành bởi nhiều dòng họ. Mỗi dòng họ có một chiết Atâu và một trưởng tộc họ gọi

là akauk guáp và thờ một vật tổ riêng. Adat Chăm qui định, trưởng tộc (akauk guáp) phải là người cao tuổi, am hiểu phong tục, tập quán, có uy tín trong tộc họ, gia đình giàu có, không được chồng chấp vợ nổi.

Sa hadiep pasang

Sa băng sa ngui

Hu ginup mưđa

Một vợ một chồng

Một tổ ấm gia đình

Có gia tài sự nghiệp.

Có như vậy thì Akauk guáp (Trưởng tộc họ) mới thay mặt được tổ tiên hiện diện trong đời sống thường ngày (Mukey diep) để chăm lo đời sống tộc họ và cúng tế tổ tiên. Akauk guáp (Trưởng tộc) là người thường trực đứng ra giải quyết mọi thắc mắc, tranh cãi, bất đồng giữa các thành viên trong tộc họ. Theo adat Chăm, tộc họ là đơn vị tổ chức nhỏ (khóm), là một mắt xích quan trọng trong sự vận hành làng (Paley) Chăm.

4. Nghĩa vụ thành viên trong làng đối với cả sự, trưởng làng, trưởng tộc:

Người đứng đầu cộng đồng Chăm là Cả sự (Pô gru, Pô dhia), người đứng đầu làng là trưởng làng (Pô paley), người đứng đầu tộc họ là trưởng tộc họ ((akauk guáp). Tất cả họ là đỡ dựa vững chắc (halau janưng) cho cộng đồng Chăm. Họ là cây cao bóng cả che mát cho dân làng (kayâu praung mưbat paley). Họ là người thay mặt tổ tiên hiện diện trong cuộc sống hàng ngày (Mukey diep) để phụng sự

tộc họ. Vì lẽ đó tất cả mọi thành viên trong làng phải tôn trọng giúp đỡ họ kể cả mặt vật chất và tinh thần khi họ bị ốm đau, gia đình có đám tang, đám cưới... Giúp đỡ tu sĩ được xem là công việc thiện tín, sẽ được thần linh tổ tiên ban cho bổng lộc và phù hộ độ trì nên công của.

II. HỘI ĐỒNG PHONG TỤC VÀ NGHĨA VỤ CỦA DÂN LÀNG ĐỐI VỚI LỄ NGHI TÍN NGƯỠNG:

Trong làng Paley Chăm, ngoài hệ thống tổ chức chính quyền còn có Hội đồng phong tục do dân làng bầu chọn và có trách nhiệm trông coi về vấn đề phong tục tập quán, tín ngưỡng. Hội đồng phong tục tham gia phân xử những thành viên trong làng vi phạm luật tục và hàng năm đứng ra tổ chức các lễ nghi tín ngưỡng như lễ Rija Nugar, lễ Katê, lễ Palau pasah... Các lễ nghi trên do các đơn vị chức sắc, tu sĩ thực hiện và các thành viên trong họ tộc, trong làng có nghĩa vụ đóng góp kinh phí.

- Adat Chăm còn quy định, Hội đồng phong tục trong làng có nhiệm vụ quản lí tín đồ thành viên trong làng mình thực hiện đúng những điều lệ tín ngưỡng trong làng và trong cộng đồng các làng Chăm. Nếu thành viên trong tộc họ vi phạm thì "trưởng tộc họ" (akauk guăp) chịu trách nhiệm trước Hội đồng phong tục làng và nếu thành viên của làng vi phạm thì Hội đồng phong tục của làng chịu trách nhiệm trước Hội đồng phong tục của các làng Chăm (tachuh halau klau bimôn). Vi phạm những điều nêu trên, adat Chăm thường phạt lễ trầu rượu (alak hala) để thú tội trước Hội đồng phong tục. Nếu trường hợp

ngoan cố thì khi cha mẹ hoặc người thân của người vi phạm bị chết thì Hội đồng phong tục cấm các tu sĩ, chức sắc không được cúng lễ và xem như người vi phạm đã loại ra khỏi cộng đồng.

III. TỘI ĂN CẤP, GÂY RỐI TRONG LÀNG:

1. Tội ăn cấp (Klek sawah):

Adat Chăm nói:

Alek sawah,

Ngak jhak bauh

Jawoh mưta guăp tian

Ăn cấp là việc xấu xa,

không đạo đức,

Làm ô danh gia đình tộc họ

Do đó, người ăn cấp bắt được quả tang thì giao cho làng. Theo Adat Chăm làng phải đưa người ăn cấp ra kiểm điểm trước dân (ngày xưa người ăn cấp sẽ bị trói cùng vật ăn cấp đi khắp trong làng, vừa đi vừa hô to (ăn cấp vật gì nói vật nấy). Làm như vậy để người ăn cấp không còn ăn cấp nữa. Adat Chăm nói:

Ngak ka nhu tapak sari

Kli ia abâu di akauk

Trừng trị kẻ cấp cho chừa thói xấu

Cho nhớ đời đừng bao giờ ăn cắp nữa

Người ăn cắp còn non dại (nhỏ tuổi) thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm, tộc họ bị ảnh hưởng. Cha mẹ phải đến làng chịu bảo lãnh (ngày xưa đem theo lễ vật trâu rượu - alak hala) người ăn cắp về nhà và có trách nhiệm giáo dục để hấn không bao giờ tái phạm nữa.

2. Tội gây rối trong làng (Praung pabah dak talikuan):

Người gây rối chửi bới cha mẹ, bà con, xóm làng và hạh người mà adat Chăm liệt vào người mà "miệng họ to hơn miệng người khác, cổ họng họ giãn ra quá chừng" (Praung pabah dak tarakaung). Cho nên họ không biết nhường nhịn kẻ trên người dưới, họ ăn nói không biết đầu đuôi, thứ tự trước sau.

Adat Chăm nói:

Praung pabah saung amek amư

Praung pabah saung ađey sa ai

Praung pabah saung paley nưgar

Hỗn láo với cha mẹ

Hỗn láo với anh em

Hỗn láo với xóm làng

Adat Chăm chỉ ra rằng, hạh người như trên là hạh người hay gây mất trật tự gia đình, họ tộc, xóm làng. Vì vậy, nếu con cháu trong gia đình vi phạm thì Cậu (cey) trong gia đình phải xử hấn. Tội nặng thì phạt bằng roi (cadar atuang). Nếu hấn còn tiếp tục vi phạm nữa thì giao

hắn cho tộc họ và xử phạt (jamung havey jaw ka guáp). Nếu hắn còn ngoan cố nữa thì giao hắn cho làng xét xử. Dân làng xét xử rồi mà hắn không nghe thì người Chăm xếp hắn vào loại quỉ dữ (abileh) và phải loại hắn ra khỏi làng.

Những người tội trực tiếp gây rối trong làng thì adat Chăm còn cấm đàn bà uống rượu (munhum alak), người ăn thịt động vật chết (băng rilo haram), nói chuyện xấu người khác (dom baley urang) và các hạng người gian lận, cho vay nặng lãi... Những người đó đều bị có tội và thần linh sẽ xử phạt⁽¹⁾.

3. Tội xúc phạm đến tu sĩ (Pruang sari rak saung halau janung):

Tầng lớp tu sĩ Chăm gọi là "halau janung" (chỗ dựa) vững chắc cho xã hội Chăm. Họ có một chức năng thiên phú là người giao tiếp với thần linh để phản ảnh nguyện vọng của cộng đồng. Tu sĩ Chăm còn có nhiệm vụ cao cả là thực hiện lễ cúng tế, dâng lễ vật liên thần linh, đáp ứng được nhu cầu tâm linh và hướng người Chăm đi vào cái thiện.

Do vậy trước khi trở thành tu sĩ Chăm như: Paseh, Achar, Mứuôn, Kadhar... Thì họ phải qua nhiều nghi lễ quan trọng. Trong mỗi nghi lễ họ phải tuyên thệ với thần linh là phải chịu kiêng cũ trong nếp sống đạo đức, phải là tấm gương sáng cho dân làng noi theo và suốt đời phụng sự cho đạo, đời. Đặc biệt khi lên chức cả sư (Pô dhia) thì

⁽¹⁾ Theo lập sách "Những điều Kiêng cũ của người Chăm" (Danak âm mưtram) của tu sĩ Hứa Cú. Sđd. tr 98.

phải qua nghi lễ "panôja". Theo nghi lễ này cả sư phải "búi tóc nằm thiên trên gạo trắng, và xin hứa với thần linh là không nói láo, nói bậy, sống kiêng cử, thánh thiện" (chak buh dik di brah pun, ôh dom lon, dom thoh, dom plök)⁽¹⁾. Tu sĩ Chăm thực sự là những người thánh thiện (truh thao rao tathak). Vì vậy mọi người đều phải kính trọng, không ai được phép xúc phạm đến tu sĩ. Ai xúc phạm đến tu sĩ, tùy theo mức độ vi phạm mà phạt vạ (muk glaic muk suk) bằng các hình thức sau:

- Trường hợp chửi bới các tu sĩ thì adat xử phạt người đó phải làm lễ "thánh tẩy" (ngáp panôja hoặc ngáp pabah) cho tu sĩ.

- Trường hợp xúc phạm đến thân thể tu sĩ thì bị phạt làm "lễ phục hồn" (iew pô bi) và "lễ cầu hồn, lễ thánh tẩy" (buk bingu yawa, buh salih tuk ia).

- Trường hợp xúc phạm đến tu sĩ Hồi giáo Bà ni thì người đó phải bị phạt làm "lễ chuộc tội" (ngak pabah) và phạt cúng lễ từ 20-40 mâm bánh lễ thánh đường.

Nếu người vi phạm không chấp hành hình phạt thì người đó sẽ bị Hội đồng phong tục, tôn giáo tước đi nghĩa vụ và quyền lợi. Hội đồng tôn giáo cấm không cho các tu sĩ đến thực hiện các lễ nghi liên quan đến cá nhân, gia đình, tộc họ của người vi phạm như đám tang, lễ nhập kút, cưới xin... Điều này người vi phạm được coi như đã loại ra khỏi cộng đồng.

⁽¹⁾ Theo cả sư Balamôn Hán Bằng. sdd.

Đoạn thứ năm
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(DOM ADAT KHIN KAMEY LIKEY SAUNG NGAWÔM CHĂM)

A. HÔN NHÂN

1. Điều kiện kết hôn của adat Chăm:

a) Nguyên tắc hôn nhân:

Người Chăm theo chế độ mẫu hệ, gái cưới chồng, nữ giới thuộc về nội, nam giới thuộc về ngoại. Theo đó tục kết hôn của người Chăm được qui định là con gái 16 tuổi, con trai 18 tuổi không có quan hệ họ hàng máu mủ thì được kết hôn với nhau. Khi hai người kết hôn phải có sự đồng ý của cha mẹ và hai bên tộc họ. Bên đàng gái chịu tổ chức các bước lễ như sau:

- Lễ dạm hỏi (nau akauk panuoc)
- Lễ hỏi (nau puoc),
- Lễ kết (paklok panuoc)
- Lễ cưới (băng munhum)

Trong đó lễ kết (paklok panuoc) có vai trò quyết định, nếu hai bên đã ưng thuận thì đi đến thảo luận, thống nhất ngày giờ để tổ chức lễ cưới. Lễ cưới (băng munhum) là khâu cuối cùng của lễ thành hôn. Vì vậy lễ cưới là quan trọng có sự tham gia đầy đủ của hai bên cha mẹ, gia đình, tộc họ, làng xóm... Đây là bằng cớ của hôn nhân được adat Chăm công nhận và được xem là giá thú hôn nhân.

Nếu trong lễ kết (paklok panuoc) hai bên cha mẹ, gia đình, họ hàng bên đàng trai và đàng gái đã thống nhất

làm lễ cưới nhưng sau này nếu bên nào lại thất ước bội hôn không nguyên cơ chính đáng thì adat phạt vạ (trah). Bên nào thất ước bội hôn phải bồi thường danh dự bằng "váy, áo, cặp còng tay bằng đồng" (ban teh, au teh, kaung muh kuang son) và kèm theo lễ vật "trầu rượu" (alak hala) để cúng tạ tổ tiên và thết đãi họ hàng của người bị bãi hôn. Vì thất ước bội hôn là vi phạm thuần phong mỹ tục, để lại hậu quả nghiêm trọng, người con gái bị "lỡ duyên" sau này không ai lấy, gia đình, tộc họ bị mất danh dự. Người Chăm nói:

Dak lihik kabau ayâu
Jôi cek mulâu bauh

*Thà mất đôi trầu
Đừng để mất danh dự*

Do đó người thất ước bội hôn phải bị adat phạt vạ (trah).

Trường hợp lễ cưới (băng munhum) đã được hai bên họ đảng trai và đảng gái ưng thuận nhưng chưa đến ngày tháng tổ chức mà một trong hai bên gia đình bị tang thì buộc phải đình hôn ít nhất một năm. Trường hợp này adat Chăm tối kỵ gọi là "pagam taram".

Một trường hợp khác, nếu hai bên gia đình đã ưng thuận nhưng tộc họ của bên đảng trai hoặc đảng gái mới tổ chức các nghi lễ lớn như lễ nhập kút, lễ múa lớn (Rija praung)... thì cũng phải kiêng cũ ít nhất một năm mới

được tổ chức lễ cưới chính thức. Trường hợp này người Chăm có thể tổ chức "cưới lén" (cưới không tổ chức đám cưới chính thức mà chỉ cúng trình báo tổ tiên trong nhà). Sau này khi mãn hạn kiêng cũ thì bên đảng gái đem lễ vật "trầu rượu, bánh trái" (alak hala, kaya ahar) để thú tội tổ tiên và thết đãi họ hàng bên nhà đảng trai thì hôn nhân đó được cộng đồng chấp nhận và được xem là giá thú của hôn nhân.

b) Trường hợp kết hôn trái với adat Chăm:

1. Theo adat Chăm con gái chưa đầy 16, con trai chưa đầy 18 tuổi thì không được kết hôn với nhau. Bởi vì ở tuổi đó con người chưa phát triển hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần. Người Chăm nói:

Tathau ka tamuh di drey

Ia idung hanhuk ka cih

Vú chưa mọc khỏi ngực

Nước mũi hỉ chưa sạch

(Làm sao biết cuộc sống vợ chồng)

Vì vậy họ chỉ hành động theo cảm tính:

Bôh ia bôh muneý

Bôh kameý bôh khing

Thấy nước vôi tắm

Thấy gái vôi yêu

Adat Chăm không chấp nhận việc tảo hôn, đặc biệt người Chăm Hồi giáo Bani khi con gái, con trai chưa làm

lễ trưởng thành hay còn gọi là lễ nhập đạo (karoh, katat) thì các tu sĩ không cho ra ngày tháng để tổ chức lễ cưới (ngak likhah).

Adat Chăm chỉ ra rằng, việc tảo hôn sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, lứa đôi:

Khing guâp cek khik băng angui

Khing yâu năn ôh chăk tamuh ô

Cưới nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình

Tảo hôn như thế khó mà sinh con

2. Adat Chăm cấm kết hôn với người cùng tộc họ bên mẹ, dù xa nhau mấy đời cũng không được lấy nhau:

Ở người Chăm dòng họ tính theo huyết thống bên mẹ và được phân biệt dòng họ này với dòng họ khác bằng nghĩa địa tộc họ mẹ gọi là Kút hoặc Ghôr. Còn dòng họ theo khai sinh tương tự như người Kinh ngày nay đối với người Chăm không quan hệ gì với huyết thống. Theo phong tục người Chăm Balamôn khi cùng một tộc họ, một huyết thống kể cả trai gái khi 18 tuổi trở lên khi chết đi phải làm đám thiêu và cuối cùng nhập chung vào nghĩa địa gọi là Kút. Còn người Chăm Hồi giáo Bani, những người cùng huyết thống bên họ mẹ khi chết thì cũng chôn chung mộ nghĩa địa gọi là Ghôr. Những người cùng nằm chung một nghĩa địa (dik tha bauh Kut, tha ghôr/dik di tada guăp) thì cấm không được lấy nhau. Adat Chăm nói:

Sa guăp sa tian
Yâu sa bauh binuk nuh jương ribhaun
Yâu sa pô inư jương tabiak
Yâu sa môn tangin takay hu kadieng
Krun hai dom angă yang paya
Cek ka răk rok jum tom anuk tacho

*Người cùng dòng tộc cùng huyết thống
Như một con đập chảy thành nhiều sông
Như cổ tay bàn chân có nhiều ngón
Là cùng một ba mẹ sinh ra
Phải nhìn nhận nhau cho thấu
Để con cháu hạnh phúc mai sau.*

Hoặc

Sa prok sa patra
Sa kút sa ghôr
Khing guáp ôh hu
Duis sak lô mey

*Cùng một tổ tiên
Cùng một dòng họ
Lấy nhau không được
Tội lắm người ơi!*

Ngoài dòng họ tính theo tộc mẹ (kút, ghô), ngày nay người Chăm còn có những họ mang tên theo khai sinh như như họ Lưu, Hán, Đàng, Trương, Châu, Phú... Những dòng họ nêu trên, xét về nguồn gốc không liên quan gì đến dòng họ huyết thống của người Chăm mà dòng họ đó được áp đặt từ thời Minh Mạng 17 (1837). Thời điểm này vua Minh Mạng xuống chiếu bắt người Chăm phải thay đổi họ tên theo kiểu người Việt (Kinh). Từ đó đến nay, người Chăm khi sinh con ra, để cho con được đến trường, giao lưu với xã hội bên ngoài thì họ đến chính quyền để làm khai sinh. Thông thường trong giấy khai sinh người Chăm thường lấy các tên họ trên theo gốc Hán. Đời vua Minh Mạng còn quy định người Chăm lấy bất cứ họ gì theo họ Việt (Kinh), Hán cũng được nhưng không được phép lấy họ vua chúa Kinh như Lê, Lý, Trần, Nguyễn... Có một số trường hợp người Chăm (số ít không đáng kể) nhưng lại mang họ Nguyễn như Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị C... Đó là những người Chăm có dòng dõi làm quan lại hoặc có công lao với nhà Nguyễn nên nhà Nguyễn ban thưởng và cho dòng họ đó được mang tên họ Nguyễn. Từ đó mà xét thì dòng họ Chăm mang trong khai sinh hiện nay không quan hệ gì với dòng họ, huyết thống của người Chăm. Vì vậy có một số trường hợp, nếu căn cứ vào dòng họ theo khai sinh tuy có cùng họ với nhau như Lưu, Hán, Đàng... nhưng chắc chắn là họ cùng dòng tộc, huyết thống (kút, ghô) với nhau. Cho nên có một số trường hợp có hai người cùng mang một dòng họ với nhau trong khai sinh nhưng lại kết hôn được với nhau, bởi vì họ không cùng nằm một dòng họ bên mẹ (kút, ghô). Ngược lại có một số trường

hợp tuy khác họ trong giấy khai sinh nhưng lại không được kết hôn với nhau, bởi vì họ có cùng một dòng họ, một huyết thống, cùng một nghĩa địa (kút, ghôr). Vì vậy dòng họ của người Chăm mang trong khai sinh không liên quan gì đến dòng tộc, huyết thống, cho nên không có giá trị trong luật tục hôn nhân⁽¹⁾.

3. Adat Chăm cấm kết hôn với chị em họ song song, tức là con chị em gái của mẹ hoặc anh em trai của cha, người Chăm gọi hệ này là "taley kamey, taley likey". Tương tự như người Kinh là "con gái dì hay con chú bác". Trường hợp kết hôn này người Chăm rất tối kỵ. Adat Chăm nói:

Taley likey ngak haget

Lilang klau ia

Mưng jường anuk tacho

Con của anh em trai sinh ra

Cách nhau ít nhất ba đời

Mới được kết hôn với nhau

Hôn nhân chị em họ tréo, tức là con anh em trai cùng họ với mẹ hay chị em gái cùng họ với cha, người

⁽¹⁾ Vấn đề này chính quyền địa phương hay nhầm lẫn giữa dòng họ trong khai sinh và dòng họ theo huyết thống (Kút, Ghôr) dẫn đến một số vụ việc giải quyết không tốt trong vấn đề thừa kiện trong hôn nhân gia đình người Chăm hiện nay.

Chăm gọi hệ này là "mik wa tada muôn" (con cô cậu).

Adat Chăm nói:

Khing guăp yâu năn ô ligh

Ô hu yut saung guăp

Ngak băng rabah rabup

Ô hu hanim phuô

Cùng dòng máu mà kết hôn với nhau

Không sống đời ở kiếp với nhau

Làm ăn vất vả gian truân.

Nếu ai cùng dòng họ, cùng huyết thống mà kết hôn với nhau thì vợ chồng, con cái thường xảy ra bệnh hoạn, đau ốm cùng lúc và hay bị chết bất kỳ tử, hoặc "chết chùm" (arương jai)⁽¹⁾.

4. Adat Chăm cấm người chồng không được lấy con riêng của vợ mình do lấy chồng trước sinh ra (anưk hamâm) và ngược lại quả phụ cũng không được lấy con riêng của chồng mình. Trường hợp này trái với adat Chăm, họ gọi là "daplop dun daplok kathak)" và sẽ bị phạt vạ theo tội loạn luân (agăm).

⁽¹⁾ "Chết chùm" (arương jài): Nghĩa là hai người cùng dòng tộc mà kết hôn với nhau thì khi một người trong nhà (chồng vợ hoặc con gái) bệnh hoặc chết thì cả nhà cũng lây bệnh và chết theo. Do bệnh chết nhiều như vậy cho nên người Chăm ví như con của mùa dịch chết trong ruộng lúa mùa nắng. xác con của trôi tấp vào bờ thành từng chùm. Họ gọi là chết chùm.

5. Adat Chăm không ép buộc kết hôn trong trường hợp người anh chết thì người em phải lấy vợ của anh mình và ngược lại khi em chết thì người anh không bắt buộc phải lấy vợ của em mình. Cũng như chị em gái, khi chồng của chị (hoặc em) chết thì chị (hoặc em) không buộc phải lấy chồng của chị (hoặc em) của mình.

6. Hôn nhân chỉ được adat Chăm chấp nhận là thành hôn khi được sự thoả thuận hai bên cha mẹ, tộc họ và có làng xóm chứng kiến. Sau lễ cưới (bằng munhum) chú rể phải ở nhà cô dâu 3 ngày 3 đêm theo phong tục thì lễ thành hôn mới có giá trị và được xem đó là giá thú của hôn nhân.

7. Adat Chăm không chấp nhận trường hợp hôn nhân không có sự chứng kiến, đồng ý của cha mẹ và tộc họ hai bên (Khing kamey tapa akauk amek amư). Trường hợp này nếu ai vi phạm, chẳng những con trai đi cưới vợ bị tộc họ xử phạt mà bên đảng gái cũng bị tộc họ bên đảng trai phạt vạ bằng lễ "trầu rượu" (alak hala).

Adat Chăm chỉ chấp nhận một trường hợp lễ cưới không có sự chứng kiến bên cha mẹ đảng trai gọi là "cưới lén" (khing klek)⁽¹⁾ một khi con trai hoặc con gái đã quá tuổi trưởng thành (30 tuổi) hoặc hai người đã goá vợ, goá chồng. Sau này khi hai vợ chồng "cưới lén" (khing klek) có con thì phải đem lễ vật "trầu rượu" (alak hala) để thú tội

⁽¹⁾ "Cưới lén" (khing klek): Khác với lễ cưới chính thức của người Chăm. Cưới lén không được tổ chức lễ cưới công khai mà bên đảng gái (cô dâu) làm lễ nhỏ bên nhà để trình báo tổ tiên của mình. Lễ cưới lén không có sự chứng kiến của cha mẹ, tộc họ bên đảng trai trong lễ cưới.

với tổ tiên, tộc họ bên đảng trai thì hôn nhân đó được cộng đồng Chăm chấp nhận.

8. Trường hợp con gái không có chồng nhưng lại mang thai thì bị tộc họ phạt vạ bằng roi (cadar atuang, chok libang talek itung) để tìm ra người cha đứa bé trong bụng. Nếu người mang thai khai ra cha đứa bé là người chưa vợ thì adat buộc người đó phải kết hôn với người mang thai. Ngược lại nếu trường hợp cha đứa bé trong bụng đã có vợ thì người đó bị adat phạt vạ bằng lễ trâu rượu (alak hala) và "váy áo, còng tay" cho bên đảng gái. Trường hợp nếu người mang thai không khai ra cha đứa bé là ai thì người đó bị kết tội là loạn luân (agăm). Sau này người mang thai sinh con ra thì cả mẹ lẫn con bị loại ra khỏi cộng đồng và khi chết không được gia nhập vào nghĩa địa (kút) của dòng họ. Bởi vì Kút Chăm chỉ chấp nhận gia nhập những người thanh khiết như không đui mù, què cụt, phạm tội khác như loạn luân. Những hạng người như thế gọi là "muhin pakan"(người ô uế).

9. Adat Chăm cấm kết hôn với người khác dân tộc, khác tôn giáo: Adat Chăm cấm không được kết hôn với người ngoại tộc và người khác tôn giáo, vì "họ không cùng tục thờ thần, cùng màu da, tiếng nói với mình" (nhu juap sa chiêt ia saung drey). Ai kết hôn với người khác tôn giáo, người ngoại tộc, thì được người Chăm xem là người "ngoại lai, người ế tạp" (Chăm haruk haram). Người đó bị adat Chăm tước đi quyền lợi và nghĩa vụ. Họ không được tham gia vào các lễ nghi tôn giáo như đám tang, lễ nhận kút của cha mẹ khi về nhà (bôn akauk amek, pôh ba

amek). Theo phong tục người Chăm, lễ tắm liệm, lễ tang, nhập kút khi cha mẹ quá cố là nghĩa vụ thiêng liêng mà người con có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ cho chu đáo (jalan dhar bôh). Đó là một dịp cho con "trả công lao dưỡng dục, sinh thành của cha mẹ" (biyar ia tathâu ka amek). Nghĩa vụ ấy, đối với người kết hôn với người ngoại tộc bị adat kiêng cấm. Họ bị xem là người con mất hiếu, bị cha mẹ chối từ, cộng đồng loại bỏ.

10. Hôn nhân cùng dân tộc nhưng khác tôn giáo.

Ngày xưa hôn nhân giữa người Chăm Bàlamôn và người Chăm Hồi giáo Bani cũng bị adat kiêng cấm. Ngày nay tuy không còn khắt khe như xưa nhưng dư âm của tục lệ đó vẫn còn. Ariya Chăm viết:

Chăm saung Bini karey ia
Khing guăp ô hu
Kâu ciep đwa mulâu guăp gar raklau
Jauk gai haway ciep padik
Lac hư khap di likey Bini

Chăm Bàlamôn, Chăm Bini khác tôn giáo

Do đó không được phép kết hôn với nhau

Kết hôn với nhau bị làng xóm cười chê

Phạt đòn roi cho đến chết

Chỉ vì em thương người Bini

Cũng như hôn nhân ngoại tộc, hôn nhân cùng dân tộc, nhưng khác tôn giáo cũng bị adat Chăm kiêng cấm. Người

vì phạm cũng cùng chung một hình phạt là đưa con bất hiếu, bị cha mẹ chối từ, cộng đồng loại bỏ. Tuy nhiên ngày nay, adat Chăm không còn khắt khe như xưa. Mặc dù tôn thờ cha mẹ là thiêng liêng nhưng tình yêu của họ là bất diệt và một bên hiếu, một bên tình nhiều đôi trai gái Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo vẫn tiếp tục xây dựng mối tình bên nhau, xây dựng nhiều lâu đài hạnh phúc trong cộng đồng Chăm ngày nay⁽¹⁾.

II. TRƯỜNG HỢP ĐA THÊ:

Người Chăm không chấp nhận sự đa thê trong gia đình. Adat Chăm chỉ ra rằng muốn gia đình hạnh phúc thì chỉ nên có một vợ một chồng.

Sa hadiep sa pasang

Sa băng sa angui

Một vợ một chồng

Gia đình giàu sang sung túc

Theo phong tục Chăm, người phụ nữ Chăm không muốn chia sẻ tình cảm vợ chồng mình cho người khác. Adat Chăm nói:

Dak tuah lisey di guak bley ka urang băng

They lôi pasang drey ka urang khin

Thà bởi cơm trong nồi (đũa của cải) cho ăn

Không ai chịu cho chồng mình đi lấy vợ lẽ.

⁽¹⁾ Theo thống kê sơ bộ, ở Ninh Thuận cho đến nay (2001) đã có hơn 40 cặp Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo Bàni kết hôn với nhau.

Tuy nhiên adat Chăm cũng qui định, cho phép người đàn ông đi lấy vợ lẽ một khi vợ chồng đã chung sống với nhau lâu năm mà không có con cái nối dòng để thờ phụng cha mẹ, tổ tiên. Bởi vì mục đích lấy vợ của người Chăm là:

Khin kamey muk anuk ngak rai

Tha rituh thun taha hu anuk muliêng kanu

Lấy vợ để sinh con nối dòng

Trăm năm về già có con thờ phụng

Nhưng người đàn ông Chăm khi lấy vợ lẽ phải được sự đồng ý của người vợ cả. Theo adat Chăm, quyền người vợ lẽ không được ngang hàng với người vợ cả mà vợ lẽ chỉ chung sống với chồng họ là nhằm mục đích để lấy con nuôi (plok muk anuk).

Họ ví người chồng đi lấy vợ lẽ như việc: "trồng chuối để bứng lấy con" (pala patey muk anuk). Cho nên "đàn ông không được đi làm ăn sinh sống bên nhà vợ lẽ" (hu parang drey ngak băng ka hadiep sit hu ô).

Nếu chồng đi lấy vợ lẽ, không được sự đồng ý của vợ chính và làm những điều trái với adat Chăm thì người chồng đó sẽ bị vợ đưa về giao cho cha mẹ, tộc họ bên chồng. Điều này người Chăm đồng nghĩa với li hôn (ba nau jaw ka guáp).

III. LI HÔN:

1. Nguyên có li hôn:

Adat chăm chấp nhận chồng li hôn vợ trong những trường hợp sau:

- Vợ ngoại tình (hadiep băng glai mutah)
- Vợ chửi chồng và cha mẹ tổ tiên (hadiep cha-ao muk rok muk key pasang).
- Vợ bỏ nhà, bỏ chồng trong thời gian 3 tháng không có lí do chính đáng.
- Vợ không chăm sóc gia đình con cái; chửi bới cha mẹ, xóm làng (praung tabah dak talikaun),

Adat Chăm chấp nhận vợ li hôn chồng trong những trường hợp sau:

- Chồng chửi bới vợ, cha mẹ, tổ tiên bên vợ thậm tệ (pasang cha-ao muk rok mukey hadiep).
- Chồng uống rượu, bỏ bê nhà cửa, không làm ăn nuôi vợ con (pasang mưnhum alak ôh ngak băng angui ka hadiep anuk).
- Chồng theo vợ bé không được vợ cả đồng ý (klak hadiep pruang tui hadiep sit).

2. Thủ tục li hôn:

Khi hai vợ chồng li hôn thì người chủ động li hôn đến nhà cha mẹ tinh thần (Ong inư amư)⁽¹⁾ và cha mẹ, tộc họ để trình bày lí do xin li hôn.

Nhận được lễ xin li hôn cha mẹ tinh thần (Ong inư amư) tiến hành hoà giải. Nếu sau một thời gian hoà giải hai vợ chồng không hoà thuận, không còn thắm tình nghĩa

⁽¹⁾ Trong lễ cưới người Chăm, ngoài cha mẹ chính thức của cô dâu chú rể thì mỗi bên cô dâu chú rể còn chọn cho mình một cặp vợ chồng khác làm cha mẹ tinh thần để hướng dẫn hành lễ trong lễ cưới. Người Chăm gọi cha mẹ tinh thần là Ong Inư amư.

như xưa (hatai ba yawa tui ô) thì tiến hành làm lễ li hôn (paklok guăp).

Lễ li hôn được tiến hành tại nhà đảng gái có sự tham gia cả hai bên tộc họ đảng gái và đảng trai. Thành phần tham dự gồm có:

- 02 ông trưởng tộc (bên đảng gái và trai)
- 02 bên cha mẹ
- 02 ông inư amư (cha mẹ tinh thần của hai bên)
- Cặp vợ chồng xin li hôn và cùng một số bàn con gần gũi trong tộc họ hai bên tham gia.

Thủ tục lễ đầu tiên, người chủ động li hôn trình lễ vật "trầu rượu" (alak hala) lên hội đồng xét xử và trình bày lí do xin li hôn. Hội đồng xét xử hỏi ý kiến người bị li hôn (hai bên được phép trao đổi qua lại). Nếu lí do li hôn xác đáng và người bị li hôn chấp nhận, không còn cách nào hoà giải thì hội đồng xét xử quyết định cho li hôn. Quyết định li hôn được "ong Inư amư" (Cha mẹ tinh thần) thực hiện bằng lễ cúng trình báo tổ tiên tộc họ bên vợ (nơi người chồng cư trú) xin loại trừ người chồng ra khỏi nhà vợ⁽¹⁾. Sau đó làm lễ "chẻ cây dừa" làm đôi đưa cho người li hôn mỗi người cầm một nửa trước sự chứng kiến của hai bên tộc họ. Từ đây xem như lễ li hôn đã có hiệu lực. Hai người li hôn có quyền đi lấy chồng, vợ khác, "đường ai nấy đi, nẻo ai nấy bước" (bha

⁽¹⁾ Theo phong tục người Chăm khi con gái cưới chồng về nhà thì phải làm lễ cúng trình báo tổ tiên để gia nhập người chồng mới vào gia đình mình. Vì vậy khi li hôn thì cũng phải cúng lễ khai trừ người chồng ra khỏi nhà mình.

jalan bha tah bha chanah bha nau) mà không bị ràng buộc nhau bởi một lí do nào khác.

3. Xử lý hậu quả của của việc li hôn:

a) Hình thức xử phạt khi li hôn:

Khi li hôn, giữa hai bên chồng hoặc vợ nếu ai có lỗi thì bị adat phạt vạ (trah). Trường hợp người chồng bị lỗi thì bị phạt bằng lễ "trầu rượu" (alak hala) để cúng thú tội tổ tiên (Muk key) và thết đãi họ hàng bên nhà vợ và ngược lại nếu người vợ có lỗi thì phải đem lễ vật "trầu rượu" (alak hala) để cúng tổ tiên, thết đãi họ hàng bên nhà chồng.

b) Quyền phân chia con cái sau li hôn

Khi li hôn mà hai vợ chồng có con dù bất cứ người chồng có đúng sai cũng không được mang con theo. Bởi vì người Chăm theo chế độ mẫu hệ, khi con vừa mới sinh ra họ đã tổ chức làm lễ gia nhập vào tổ tiên bên họ mẹ. Cho nên, nếu người chồng sau khi li hôn mà mang con theo về nhà cha mẹ hoặc về nhà vợ khác thì tổ tiên (Muk key, Prok patra) bên dòng tộc người chồng không chấp nhận con cái mà người chồng li hôn mang theo. Sau này đứa con người chồng li hôn mang theo lớn lên thì sẽ không tộc họ nào đứng ra chịu trách nhiệm dựng vợ gả chồng và dĩ nhiên chết đi sẽ không được nhập Kút bên chồng. Mặt khác, đàn ông trong chế độ mẫu hệ Chăm là người ngoài tộc (urang parat) có một thiên chức là lấy vợ, truyền nòi giống cho vợ sinh con, xây dựng gia tài sự nghiệp cho vợ (urang parat ngak jurang anak tacho limo kabau). Vì lí do đó người chồng khi li hôn không được mang con theo trong bất cứ trường hợp nào.

c) Quyền được phân chia tài sản:

Nếu hai vợ chồng li hôn mà có tài sản chung nhưng không có con nối dòng mà phần lỗi thuộc về vợ thì tài sản được chia làm ba phần, hai phần cho vợ và một phần cho chồng.

Trường hợp, nếu hai vợ chồng có con mà khi li hôn lỗi thuộc về người vợ thì của cải được chia làm ba phần: một phần chia cho vợ, một phần chia con con (phần con được người mẹ nắm giữ) và một phần cho chồng. Bởi vì khi ly dị vợ, trong thời gian đi tìm vợ khác thì người chồng về sinh sống bên nhà cha mẹ, tộc họ của người chồng. Do đó người chồng ly dị cần phải có một số ít của cải để làm kế sinh nhai, nuôi sống bản thân. Tục người Chăm là người đàn ông một khi đã có vợ là không thể bỏ vợ về lại nhà mình mà không có lí do chính đáng. Cho nên người con trai bỏ vợ khó mà "ăn không ngồi rồi" với cha mẹ với tộc họ. Người Chăm nói:

Guăp tók guăp mừng hu thi băng

Của họ hàng có làm mới có ăn

Nếu li hôn mà phần lỗi thuộc về chồng (chồng bê tha, chửi bới vợ con, chồng theo vợ lẽ...) thì người chồng không được phân chia tài sản mà chỉ "vác duy nhất một cây rựa" (gilăm amra nau sang thoh) về lại nhà cha mẹ của mình.

d) Quyền tái giá khi vợ hoặc chồng mất:

Vợ chồng xây dựng gia đình, tạo ra của cải vật chất (ngak băng hu ginup muda) nhưng không may chồng mất sớm thì vợ có quyền làm chủ toàn bộ tài sản. Người vợ phải có trách nhiệm làm đám tang, cúng tuần (lễ patrip) thì

mới được quyền tái giá và hưởng trọn tài sản. Nếu khi chồng chết mà chưa làm đám tang cho chồng mà vợ vàng tái giá thì thân tộc gần nhất bên chồng có quyền yêu cầu bên vợ người quá cố phân chia tài sản để tộc họ có chi phí làm đám tang cho người chồng bị mất.

Theo adat Chăm người quá phụ để tang ít nhất một năm mới được tái giá (likau kagom karam pasang). Nếu chưa làm đám tang, chưa mãn hạn tang của chồng mà vợ vàng tái giá thì bị xem là người ngoại tình trong tang, bị cộng đồng lên án.

Pabah ngauk băng jiêng urang mư tai

Pabah ala băng Klai urang hadiep

Miệng trên ăn tiền người chết

Miệng dưới ăn C người sống.

Trường hợp vợ mất thì người chồng cũng có quyền quản trị tài sản và có trách nhiệm làm đám tang cho vợ, nuôi con khôn lớn thì mới được tái giá. Khi mãn tang vợ, người chồng có quyền tái giá và tài sản được giao lại cho con út⁽¹⁾.

Nếu vợ mất mà hai vợ chồng chung sống với nhau lâu năm mà không có con thì sau khi mãn tang, tài sản gia đình được giao cho tộc họ bên vợ, người chồng chỉ được trích một phần nhỏ mang theo để lấy vợ khác làm kế sinh nhai và có phí tổn phụng về già.

⁽¹⁾ Người Chăm theo chế độ mẫu hệ, con gái út thừa kế tài sản.

IV. NGOẠI TÌNH (BĂNG GLAI MŨTAH):

Ngoại tình (băng glai mutah) là một loại tội mà người Chăm chỉ người vợ đã có chồng nhưng gian dâm với người khác không chung thủy với chồng mình. Ngược lại người chồng ngoại tình là người chồng không chung thủy với vợ mình mà gian dâm với vợ người khác (mư-in saung hadiep urang pasang guáp).

Cả hai hình thức ngoại tình trên được adat Chăm lên án nghiêm khắc. Đặc biệt đối với phận đàn bà, trong hai tập thơ Chăm (ariya) "Muk thruk paley" (Bà tổ ấm quê hương) và "Ariya pato Adat kamey" (Thơ dạy đàn bà) đều lên án loại đàn bà lẳng lơ, không giữ đạo nhà, không chung thủy với chồng mà ngoại tình với người khác. Tập thơ "Muk thuruh paley" viết:

Adat drey jưong kamey

Jwôi mey bilai saung dwah mưgai

Rapưoc jhak hu mey lac mưlâu

Đạo làm gái chớ nên

Học thói lẳng lơ nói chuyện người ta

Loại đàn bà lẳng lơ

Người đời chê mới biết xấu hổ.

Khi đàn bà ngoại tình (Băng glai mutah) không chỉ người chồng mà cả tộc họ phải tìm cách bắt cho được quả tang. Một khi ngoại tình bắt được quả tang thì người vợ ngoại tình và cả tộc họ của người ngoại tình phải đem lễ

vật "trầu rượu" (alak hala) đến thú lỗi bên nhà cha mẹ và tộc họ bên chồng. Người chồng có quyền li hôn (paklok guáp).

Ngoài ra, hình phạt tội ngoại tình của đàn bà còn lưu truyền trong bài thánh ca hát về "Cey Dalim" trong lễ múa "Rija" như sau:

Likey kamey hư pruang hatai lô mey
Khing likey hư ôh chang kâu mai
Eiw brak múnha rai biai
Duah bai ka sa ai ba nau ywa.

*Em ơi sao to gan lắm thế
Lấy chồng không đợi anh về
Đan giở tre đem lại đây
Bỏ đàn bà ngoại tình thả trôi sông.*

V. HIẾP DÂM (NAU LAW URANG):

Hiếp dâm là loại người không còn nhân tính, hẳn là loại thú vật (Bhabhap). Phạm tội hiếp dâm sẽ bị cộng đồng lên án, đặc biệt khi hiếp dâm một người con gái chưa chồng thì bị adat Chăm phạt vạ (trah) rất nặng. Người Chăm nói:

Anuk kamey brôh drey
Yâu lipung birow tamuh
Hadam ôh da thi akek
Mraik ô da di duic
They ngak yâu năn
Dui hanuk buh sang

*Con gái dầy thì
Như búp măng mới mọc
Kiến đen không dám cắn
Kiến đỏ không dám chích
Ai hành động xấu xa như thế
Tộc họ, xóm làng phải kùm kẹp hẳn*

Bất kể một hình thức hiếp dâm nào thì cũng bị adat phạt vạ (trah) bằng đôi trâu (kabau yau) và một cặp cồng tay, váy áo "(ban teh au teh kuan nhuk) và đem lễ vật "trâu rượu" (alak hala), bánh trái (kaya ahar) để thú tội trước tộc họ, tổ tiên thần linh bên người bị hiếp dâm và cuối cùng giao hẳn cho chính quyền (làng xã) xử lí.

VI. LOẠN LUÂN (AGĂM):

Theo adat Chăm, hôn nhân cùng dòng họ, hôn nhân với "con cô cậu, con chú bác", chồng hoặc vợ kết hôn với con riêng được xem là loạn luân (agăm). Adat Chăm chỉ ra rằng "người cùng một dòng họ, cùng một huyết thống, cùng một tổ tiên" (Sa kut, sa ghôr, sa prok, sa patra, dik di tada guăp) là người cùng chung một bà mẹ sinh ra (sa inư jương tabiak) không được kết hôn với nhau. Adat Chăm nói:

Sa guăp sa tian⁽¹⁾

Yâu sa bauh binuk nưh jương ribhuang

⁽¹⁾ Ghi theo lời Ong Biên Kiệt, 74 tuổi trong cuộc phân xử tội loạn luân (agăm) của tộc họ Karit, sdd.

Yâu sa môn tangin hu kadiêng
Yâu sa Pô Inư jương tabiak
Krun hai dom hangan yang paya
Cek ka rak paium patom anuk tacho

*Người cùng một dòng họ một huyết thống
Như một con đập chảy nhiều sông
Như bàn tay, bàn chân có nhiều ngón
Tất cả là cùng một bà mẹ mà ra
Cùng một dòng họ xin đừng lấy nhau
Để cho con cháu hạnh phúc mai sau*

Hoặc

Sa prok sa pata
Sa kut sa ghô
Khing guáp ô hu
Duic sak lô mey

*Cùng tổ tiên
Cùng dòng họ,
Lấy nhau không được
Tội lắm người ơi!*

Adat Chăm còn ví (paghăp) tội loạn luân với loại cây cối, các loài vật. Họ nói con vật, cây cối còn biết có gốc, có

ngọn nguồn, hướng chi là con người có tri giác, có óc suy nghĩ mà không biết mình từ đâu sinh ra. Adat Chăm nói:

Ia hu halâu kayâu hu agha

Atehh dauk thâu krun ka guăp

Munuis hu guăp hu tian hu adey hu sa ai

Cây có cội nước có nguồn

Chim có tổ người có tông

Con ngựa còn biết nhìn nhận nhau

Do vậy con người cùng huyết thống, cùng dòng tộc... không thể kết hôn với nhau (muluk tuk hôp hu ô). Nếu kết hôn với nhau thì người đó sẽ phạm tội loạn luân, làm đất trời nổi giận; con người không được ăn dòi ở khiếp với nhau. Adat Chăm nói:

Guăp saung guap khing guăp

Daplok lingik daplok tasik

Krek krok buah tanah

Di chak tamuh anuk tacho ô.

Cùng dòng họ mà kết hôn với nhau

Đất trời nổi giận

Tan hoang cửa nhà

Khó mà sinh con đẻ cái.

Hoặc

Sa guăp sa tian

Khing guăp

Pô yang muk gaich muk suk
Ngak twa tanuk riya paley nugar
Daplok lingik daplok tasik
Arăng munhi riyah tathrôk kayâu mưkey
Sa ai ôh krưn ka adey mik ôh krưn kamuôn

*Cây có cội nước có nguồn
Con vật (con ngựa) còn biết nhận nhau
Con người có tổ có tông
Có dòng, có họ
Có anh em một nhà xin đừng lấy nhau
Trời đất nổi giận
Biển động, sấm rền
Cây trên núi rung rinh
Anh không biết em,
Cha mẹ không biết con cái
Đất trời chuyển đổi
Loài người diệt vong.*

Vì thế ai có dấu hiệu loạn luân thì adat chỉ ra, phải ngăn chặn ngay từ đầu để họ yêu nhau thì khó mà tách ra (ia thre tapa chok pán bôk/lôi ka jưn tathik ngap nôl ô). Việc này không chỉ trách nhiệm của riêng ai mà là trách nhiệm của cả cộng đồng. Trước hết là:

Amek pato anuk

Adey pato sa ai

Cek yâu năn
Krun paley nugar

*Mẹ phải dạy con
Anh phải dạy em
Làm như thế
Xóm làng rổi ren.*

Ai cố tình vi phạm tội loạn luân (agăm) thì chẳng những làm cho đạo đức đảo lộn, xóm làng rổi ren, xã hội suy đồi mà làm cho thân (yang) nổi giận gieo tai ương cho cộng đồng như hạn hán, mất mùa, đói kém, bệnh dịch và làm "chuyển đổi cả đất trời" (daplok lingik daplok tathik). Vì vậy muốn cộng đồng thoát khỏi tai hoạ thì ngày xưa người phạm tội loạn luân (agăm) phải xử phạt bằng cách "bỏ vào giỏ thả trôi sông" (wah bai pathơh tamư tathik)⁽¹⁾. Ngày nay người loạn luân phải giao cho chính quyền xử lí nghiêm khắc.

B. GIA ĐÌNH

I. TRÁCH NHIỆM CHA MẸ VÀ CON CÁI TRONG GIA ĐÌNH:

1. Cha mẹ đối với von trong gia đình:

Cha mẹ vốn sinh ra thì phải có trách nhiệm nuôi con

⁽¹⁾ Hình phạt "Bỏ vào giỏ thả trôi sông" (Wah bai pathơh tamư tasik) còn lưu lại trong sự tích "Vua Patau Tabai và Nàng Ngà" (xem phần phụ lục). Ngày nay hình phạt này không còn được người Chăm áp dụng mà chỉ nhắc lại trong cuộc phân xử như lời răn đe tội phạm.

đến khôn lớn. Adat Chăm nói không ai từ trên trời rơi xuống mà con người phải có mẹ cha sinh ra:

Ô they lek ngauk lingik trun

Anuk hu amek adey hu sa ai

Không ai ở trên trời rơi xuống

Con phải có mẹ có cha, có chị có em

Do vậy cha mẹ phải có trách nhiệm nuôi con đến khôn lớn. Mọi việc sai trái của con (con chưa đến tuổi trưởng thành) đối với xóm làng cộng đồng thì cha mẹ phải chịu trách nhiệm.

2. Nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ:

Adat Chăm truyền lại đạo làm con phải chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ lúc còn sống và lo đầy đủ các nghi lễ cho cha mẹ như đám tang, nhập kút khi cha mẹ mất đi. Hoàn thành được nghĩa vụ trên là trả được công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ (biyar ia tathâu ka amek). Con không chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, đặc biệt là con gái út, nếu không chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ thì không có quyền được hưởng tài sản cha mẹ và bị cộng đồng lên án là con mất hiếu (anuk lihik bhôn). Bởi vì theo phong tục Chăm là lấy vợ chồng để sinh con nối dòng, phụng dưỡng cha mẹ lúc về già:

Khing kamey muk anuk ngak rai

Sa rituh thun taha hu anuk muliêng tanư

Lấy vợ sinh con nối dòng

Trăm năm về già có con thờ phụng

Như vậy con nào không chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, đặc biệt là con gái út thì con đó không quyền được hưởng tài sản và tham gia các lễ nghi cúng kính cho cha mẹ lúc về già. Người đó sẽ bị cộng đồng lên án. Muốn được hoà nhập vào lại cộng đồng, tộc họ, gia đình thì người đó phải chịu thú lỗi bằng lễ vật "trầu rượu" (alak hala) với cha mẹ trước tộc họ.

3. Những người con hôn láo với cha mẹ:

Người hôn láo với cha mẹ, ông bà, chị em là người vô đạo đức. Người đó "Không phân biệt được cái đầu, cái đuôi, ai sinh ra họ" (như ô thâu akauk iku, they mưnưk nhu tabiak). Vì vậy gia đình, tộc họ, làng phải có trách nhiệm giáo dục hấn. Khi hấn hôn láo với cha mẹ, ông bà, chị em... thì dù hấn có đứng thì hấn cũng phải bị xử phạt. Bởi vì adat Chăm nói: "sông không thể chảy qua nguồn" (Kraung ôh khing tapa di halâu). Cho nên con không được hôn láo với cha mẹ.

4. Chàng rể với cha mẹ vợ:

Trong gia đình mẫu hệ của người Chăm, chàng rể được xem là "người ngoài tộc họ gia đình bên vợ "(urang parát). Tuy nhiên, họ lại là người trụ cột trong việc truyền nòi giống, xây dựng của cải vật chất cho gia đình (ngak băng padang angui/ngak jưong anuk tacho limo kabau). Do đó gia đình, tộc họ bên vợ phải tôn trọng chàng rể. Adat Chăm nói:

Adat thuma paya hai mutâu
Thu mach hu gihlau kaywa hu apui

*Cha mẹ vợ phải tôn trọng chàng rể
Thoảng hương khói trầm bởi có lửa*

Do đó, nếu chỉ vì một lí do nào đó mà cha mẹ vợ ý lại, chửi bới chàng rể vô cớ thì chàng rể có quyền bỏ đi lấy vợ khác mà không bị adat phạt vạ (trah). Adat nói:

Atuang mutau bilau anuk
Đánh chàng rể thì con mình ở giá

Do đó, đôi khi cha mẹ vợ cũng phải nhường nhịn chàng rể để cho gia đình hoà thuận.

In di januk tôk thiam
In di rajam plôi thro liwik

*Nhịn điều hay giữ điều lành
Giữ gìn giàn bầu để bí leo lâu
(Nhịn chàng rể để con mình khỏi ở giá)*

Tuy nhiên, phận làm con rể phải kính trọng lễ độ với cha mẹ vợ, không được chửi bới, nặng tiếng bất kỳ ai trước mặt cha mẹ vợ.

Adat drey jưong muâu
Jôi chiap athâu di anak thuma

Phận làm rể trong nhà

Đừng chửi chó mắng mèo trước mặt cha mẹ vợ.

Cho dù cha mẹ vợ chửi mắng thì cũng phải nhường nhịn. Adat Chăm nói: "Ai nhịn được khói bếp lửa thì mới chịu với cha mẹ vợ" (they in di thak apui ka in di thuma hu).

Trường hợp chàng rể hỗn láo vi phạm luật tục, chửi cha mẹ vô cớ... thì cha mẹ có quyền đuổi chàng rể ra khỏi nhà (ba nau jau ka guăp) nhưng phải được sự đồng ý của vợ chàng rể. Theo adat Chăm trường hợp này do vợ chàng rể lựa chọn. Nếu vâng lời cha mẹ thì li hôn chồng, sống chung với cha mẹ. Ngược lại nếu thương chồng thì phải theo chồng, ăn ở riêng, tách hẳn khỏi gia đình cha mẹ. Đa số con gái Chăm khi gặp trường hợp trên đều quyết định theo chồng, bởi vì họ nói:

Dak băng eh pasang

Dauk bluak di bang saradang guăp

Thà ăn củt chồng

Còn hơn ăn đường (mật ong) của họ hàng (gia đình)

Trường hợp này, theo adat Chăm cha mẹ chồng không được ngăn cấm mà phải trích một phần của cải gia đình trong thời gian vợ chồng chàng rể ăn chung để ra ở riêng (như guak glak ka nhu tabiak băg karey). Và chàng rể phải làm lễ trâu rượy (alak hala) để thú lỗi với cha mẹ chồng.

5. Sự bất hoà giữa các thành viên trong gia đình và trong thân tộc:

Trong sinh hoạt gia đình, cũng như trong tộc họ của người Chăm mặc dù có những mặt tích cực nhưng cũng có trường hợp xảy ra sự mâu thuẫn, bất đồng nhau giữa các thành viên. Ngoài một số hình phạt đã nêu trên còn có trường hợp giữa các thành viên mâu thuẫn với nhau trầm trọng không giải quyết được thì hai bên thường tự nguyện tuyên thệ với thần linh cắt đứt quan hệ với nhau, người Chăm thường nói là: (tapah sari di guăp). Nhưng không phải vì thế mà không giải quyết, dung hoà được với nhau. Người Chăm thường nói: "Răng với lưỡi làm sao mà không va chạm với nhau" (takey saung talah libăn klak di gek guăp) hoặc "chân lõ đạp cút nõ nào chặt bỏ" (takey juaw eh takay koh klak).

Do đó, những người mâu thuẫn với nhau muốn cho tổ tiên đừng nổi giận, trừng phạt gia đình, tộc họ thì phải hoà thuận, sum họp. Họ phải làm "lễ cúng cơm" (băng li they saneh sari) hứa trước hương hồn tổ tiên (Muk key) là không bao giờ tái phạm nữa. Có như vậy thì hương hồn tổ tiên mới về dự lễ và phù hộ độ trì con cháu mỗi khi cá nhân, gia đình tộc họ tổ chức các lễ nghi như đám tang, đám cưới, lễ nhập kút... Như vậy, ngoài các hình phạt bằng vật chất, trong adat Chăm còn có hình phạt về mặt tinh thần. Chính những lễ nghi phong tục, tập quán, cơ chế tâm linh (yang) trong luật tục Chăm đã góp một phần tích cực trong việc qui tụ, cấu kết cộng đồng và điều hoà mối quan hệ xã hội của người Chăm ngày nay.

KẾT LUẬN

1. Người Chăm ở Ninh Thuận hiện nay vẫn có cư trú theo từng làng paley. Đây là đơn vị cư trú cổ truyền gắn kết gia đình, tộc họ, các thành viên người Chăm thành một cộng đồng vững chắc. Nơi ấy vẫn còn bảo lưu nhiều phong tục, tập quán, lễ nghi hội hè mang bản sắc riêng. Ngày nay bên cạnh pháp luật Nhà nước làng paley Chăm vẫn còn sử dụng luật tục (adat) để điều hoà mối quan hệ xã hội. Chính adat là công cụ quan trọng để bảo vệ cơ cấu làng paley cổ truyền người Chăm tồn tại và phát triển đến ngày nay. Adat Chăm phá vỡ thì tổ chức xã hội cổ truyền và bản sắc văn hoá Chăm cũng sẽ biến mất theo.

2. Adat Chăm được lưu truyền trong dân gian Chăm có những nội dung chính bao hàm các lĩnh vực sau:

- Những qui định chung về cách phân xử và phạt vạ
- Qui định về các loại tài sản
- Khai hoang đất, quyền thừa kế ruộng đất
- Qui định về đập nước và cách phân phối nước
- Trách nhiệm về những người quản lí nước và những người sử dụng nước.
- Bảo vệ rừng, gia súc
- Tội ăn cắp, gây rối
- Tội xúc phạm đến tu sĩ
- Việc bầu chọn cá sư, trưởng làng, trưởng tộc
- Nghĩa vụ đối với cá sư, trưởng làng và trưởng tộc

- Nguyên tắc chung về hôn nhân và gia đình
- Trường hợp kết hôn trái với adat
- Trường hợp đa thê
- Ly hôn
- Tội loạn luân
- Các tội về tình dục
- Trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái
- Nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ.

Ngoài ra người Chăm còn có những điều luật của tôn giáo, được gọi là "Hakum", không gọi là "Adat". Thực ra đây không phải là luật pháp Nhà nước (statutory law) mà Hakum chỉ là một hình thức trung gian giữa luật tục và luật pháp. Đó là luật về Hội đồng tôn giáo qui định mối quan hệ giữa hai tôn giáo Bà lamôn và Hồi giáo Bani; qui định mối quan hệ giữa nhân dân với các tu sĩ và qui định chung của Hội đồng tôn giáo Chăm (tachuh halâu klou bimôn) trong cộng đồng Chăm.

Nói chung nội dung của luật tục (adat) Chăm phản ánh các mối quan hệ xã hội, trong đó có quan hệ gia đình, hôn nhân rất được quan tâm. Adat kịch liệt phản đối nghiêm khắc đối với tội lừa đảo, ăn cắp. Luật tục bày tỏ sự sợ hãi đối với tội loạn luân. Người ta tin rằng nếu trong cộng đồng có tội loạn luân thì thần linh căm giận trừng phạt cả cộng đồng, gây ra thiên tai, dịch bệnh, mất mùa, chết chùm (arương jai).

Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên bao gồm quan hệ với đất đai, cây rừng, nguồn nước, vật nuôi... môi

trường xung quanh. Vấn đề này được adat Chăm đề cập cụ thể và đã có ý thức từ lâu đời. Luật tục Chăm thấm thía sâu sắc vai trò của thiên nhiên rừng núi, cây cối, bển nước... đối với con người. Họ coi mối quan hệ đó là quan trọng đến mức thiêng liêng và thần thánh hoá nó.

3. Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại luật tục Chăm không còn nguyên vẹn như trước nữa mà có một số bị lãng quên, phân tán trong ca dao (panoc padit), tục ngữ (panuoc yaw), lời nói ví (panuoc paghap), truyện cổ (dalikal) và trong sách về dạy về các ứng xử kiểu bài gia huấn ca (ariya pato adat) mà người Chăm vẫn còn lưu giữ hiện nay. Khi phân xử mọi người diễn đạt theo như ý nghĩa xưa bằng lời nói xuôi và có chen lẫn những tục ngữ, lời nói ví...

Trong cấu tạo của một lời luật tục gồm có hai phần: phần tạm gọi là luận tội, khuyên giải những điều cần có, phê phán các ứng xử sai với luật tục. Ví dụ như nói: Con cái phải biết công lao của cha mẹ; vợ chồng phải hoà thuận, khuyến khích một vợ một chồng; phải tôn trọng người già và các tu sĩ. Những điều đó là đạo lý lâu đời ít biến đổi. Phần thứ hai là các mức độ xử phạt.

Phần nhiều sự biến đổi trong adat Chăm là các hình thức xử phạt mức độ phạt hiện nay giảm xuống. Hình phạt thường nghiêng về mặt tinh thần mang tính giáo dục như cô lập với cộng đồng, cúng tạ thần linh. Còn phạt về vật chất kèm theo tối thiểu chỉ là "trầu rượu" (alak hala). Các hình thức phạt nặng nề như bỏ giỏ thả trôi sông, dùng roi chỉ là những điều đe dọa, răn đe để mọi người không phạm

tội. Đặc biệt cách phân xử bằng hình thức lặn nước (nhuk ia), xem bói (poh akhar) thì hiện nay vắng bóng mà chỉ còn nhắc lại trong cuộc phân xử nhằm để răn đe những người có tội nhưng chối cãi quanh co.

4. Adat Chăm được xây dựng hiệu lực của mình trên cơ sở:

Một xã hội có tính cộng đồng cao, mang tính hệ thống chặt chẽ (gia đình - tộc họ - làng xã) trên tinh thần đoàn kết, tương trợ, thương yêu lẫn nhau. Nguyên tắc này được hình thành trên cơ sở truyền thống vốn có, một xã hội không có thống trị, không có bóc lột, con người cùng gắn bó với nhau trên một số quyền lợi chung trong cộng đồng.

Adat Chăm đã huy động một cơ chế tổng hợp bao gồm phong tục tập quán, phép ứng xử, tín ngưỡng, tôn giáo,... cùng hoạt động chung vì lợi ích sống còn của cộng đồng.

Phong tục, tập quán định ra nội dung của các mối quan hệ xã hội và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Adat Chăm lại khai thác sức mạnh dư luận và tình cảm của cộng đồng để đưa ra phép tắc khen chê, thưởng phạt trong việc thi hành luật tục. Tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng diện mạo và hành trang của mình trên hệ thần linh. Adat Chăm khai thác mặt uy linh của hệ thống thần linh để đòi hỏi con người làm theo yêu cầu của thần linh và đó cũng chính là yêu cầu của cộng đồng.

Nói chung, adat Chăm là những qui ước cộng đồng, chứa đựng toàn bộ tiêu chí đạo đức, luân lí cách ứng xử, phong tục tập quán, tín ngưỡng... trong cuộc sống xã hội. Adat Chăm khác hẳn với hệ thống pháp luật hiện đại, nó

không có giả định, chế tài và khung hình phạt; không có công cụ cưỡng chế như nhà tù, cảnh sát... mà nó là một quy phạm xã hội mang tính giáo dục và hướng con người đến điều thiện.

Những điều trình bày ở trên về nội dung của luật tục, cách xét xử, tổ chức xét xử, và số liệu tiến hành điều tra điển hình ở một làng Chăm Bình Nghĩa - Ninh Thuận có thể giúp chúng tôi kết luận rằng: **Không như nhiều người khẳng định người Chăm không có luật tục. Thực tế là luật tục Chăm đã có từ lâu đời, hiện nay vẫn tồn tại và còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống nhân dân Chăm.**

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ:

Về mặt tổ chức thi hành luật tục hiện nay theo nguyện vọng của nhân dân các làng paley Chăm và những chủ trương chính sách của Đảng về xây dựng hương ước, qui ước... Chúng tôi tiến hành ứng dụng luật tục Chăm tại làng Bình Nghĩa (thực tế từ trước đến nay họ còn vẫn áp dụng luật tục cũ).

PHẦN THỨ BA

LUẬT TỤC CHĂM NGÀY NAY

I. THỰC TẾ Ở VÙNG CHĂM VỀ VIỆC BẢO VỆ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG VÀ THUẦN PHONG MỸ TỤC

1. Tìm hiểu làng Chăm Bình Nghĩa

Làng Bình Nghĩa là một làng dân cư người Chăm chiếm tuyệt đại bộ phận, là làng tiêu biểu về văn hoá truyền thống được công nhận làng văn hoá. Vì vậy chúng tôi chọn Bình Nghĩa làm điểm khảo sát về vấn đề bảo vệ văn hoá thuần phong mỹ tục.

1.1 Giới thiệu làng Chăm Bình Nghĩa

Tên gọi: Bình Nghĩa là một tên Kinh, không biết ra đời từ bao giờ và không có ý nghĩa gì về phương diện tiếng Việt cũng như tiếng Chăm. Có người nói từ thời Minh Mạng nhà vua đã có chủ trương đặt tên Việt cho các làng Chăm cũng như yêu cầu người Chăm phải dùng họ có âm Việt. Hiện nay chúng ta được biết một số tên làng Chăm theo âm Việt có nghĩa hoặc không liên quan gì đến đặc điểm của làng truyền thống: Hậu Sanh, Mỹ Nghiệp, Hiếu Thiện, Hữu Đức, Vinh Thuận, Phước Đông...

Cũng như vậy, chúng ta có một số họ người Chăm như Lượng, Sầm, Đạo, Đặng, Lai, Thành...

Các họ đó được đặt theo chủ trương của Minh Mạng và dùng trong các văn bản hành chính từ bấy cho đến nay. Chúng được đặt ra một cách tùy tiện. Trong thực tế, họ của người Chăm (theo chế độ mẫu hệ) gắn liền với Kut (nghĩa địa) của dòng họ mẹ thường được đặt theo tên của Kút, ví dụ: Amin Pui (Cây me lửa, kút Poh dan (cây mun), kút Jar (cây sung), kút Pô Klong Garai (vua Chăm)...

Nhân đây xin đề nghị đối với người nghiên cứu khi tìm hiểu làng Chăm hoặc dòng họ Chăm bên cạnh việc sử dụng tên gọi làng và họ có tính chất hành chính, cần biết cả tên gốc của chúng.

Tên gốc của làng Bình Nghĩa là Bal Riya. *Bal* có nghĩa là vùng, nhỏ hơn cấp xứ. Địa bàn cư trú của người Chăm xưa gồm 4 xứ. Amavati (Quảng Nam), Vijaya (Bình Định), Khâuthara (Nha Trang), Pânduranga (Phan Rang). Trong mỗi xứ chia làm nhiều Bal (vùng), ví dụ: Bal Riya (vùng Bình Nghĩa - Ninh Hải), Bal Choong (Chung Mỹ - Ninh Phước). *Riya* nghĩa là nơi đô hội. Bal Riya là vùng đô hội. Những chứng tích biểu lộ sự đô hội này hiện còn trong di tích và địa danh như Đầm Vua (Blan Pataw), Chờk mik (núi chúa của cải - kho tàng)...

Diện tích của Bình Nghĩa không bao gồm trùm cả diện tích của Bal Riya mà chỉ là trung tâm của Bal Riya xưa.

a. Điều kiện địa lý và kinh tế.

Bình Nghĩa là một làng Chăm thuộc xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, cách trung tâm

Phan Rang khoảng 20km cùng về phía đông bắc.

Bình Nghĩa tọa lạc trên một vùng đất bán sơn nguyên. Phía nam và tây nam giáp đồng bằng và làng Phương Cựu. Phía bắc là núi đồi khô cằn, tiếp giáp với làng Raglai - xóm Bằng.

Tổng số hộ của làng Bình Nghĩa là 323, tổng số khẩu là 2.105 trong số đó nam là 992, nữ là 1113.

Đất rừng hiện có 37, 770 ha, ruộng lúa 140,03832 ha, đất màu 29,1400ha.

Điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho nông nghiệp. Vào mùa hè khí hậu khắc nghiệt, nắng nóng, khô hạn, xóm làng không có bóng cây. Nguồn nước ăn phải lấy xa nơi cư trú 2km. Vệ sinh môi trường quá kém. Chương trình nước sạch năm 1995 đã xây dựng một trạm chứa nước và 3 bể lọc nước nhưng chất lượng quá kém.

Về nước tưới mùa mưa đủ dùng, mùa khô thiếu nghiêm trọng. Nước dẫn từ đập Nha Trinh (do vua Pô Klaung Garai xây dựng từ thế kỷ 13) cách Bình Nghĩa 40km nên lượng nước rất yếu vào đập Kiền Kiền qua mương Kênh Bắc. Mương này làm từ thời Pháp thuộc đến nay không mở rộng nên không đủ nước.

b. Điều kiện xã hội.

1. Dân tộc: Tổng số nhân khẩu 2.105 (năm 992, nữ 1113)

- | | |
|-----------|---------------------------|
| - Chăm: | 2.078 (Bàlamôn) |
| - Kinh: | 17 (2 hộ, không tôn giáo) |
| - Raglai: | 10 |

Trong tổng số trên: 3 người Đảng viên, 12 người Đoàn viên thanh niên

2. Trình độ văn hoá:

- Lớp 7/12: 50
- Lớp 8/12: 26
- Lớp 9/12: 51
- Lớp 10/12: 16
- Lớp 11/12: 10
- Lớp 12/12: 19
- Đại học: 02 người (tốt nghiệp)
- Đang học đại học: 07
- Tổng số người mù chữ: 324
- Trong đó trong tuổi xoá mù chữ: 289
- Dưới 15 tuổi không đi học: 307

c. Văn hoá truyền thống

Văn hoá truyền thống của làng Bình Nghĩa xét về phương diện tôn giáo, tín ngưỡng, hội lễ, thống nhất với văn hoá truyền thống của người Chăm nói chung đồng thời cũng có những nét riêng.

Mặc dù chỉ là một làng độc lập nhưng làng Bình Nghĩa vẫn thờ cúng một hệ thống thần linh với đầy đủ các nghi lễ, hội hè như ở khu vực làng Chăm khác. Đặc biệt làng Chăm Bình Nghĩa là một làng theo tôn giáo Bàlamôn⁽¹⁾ nhưng không có tu sĩ Bàlamôn, họ chỉ có thầy cúng dân gian như thầy Kadhar (thầy kéo đàn Kanhi cúng lễ), thầy Muđuôn (thầy vẽ trống), thầy Ka in (thầy bóng) và Muk Payâu (bà bóng). Làng Chăm

⁽¹⁾ Người Bình Nghĩa theo Bàlamôn nhưng theo 2 dòng: dòng chết thiêu và dòng chết chôn.

Bình Nghĩa còn có một đặc điểm khác đáng chú ý là ở đó không có đền tháp Chăm nhưng hàng năm lại diễn ra đến 8 nghi lễ, hội hè để cúng tế thần. Hiện nay ở làng Bình Nghĩa có 3 ngôi đền (danok) thờ 3 vị thần:

- Đền thờ Pô Pataw Bin Thuôr (Chế Bồng Nga)
- Đền thờ Pô Bia Suôi (hoàng hậu Bia Suôi)
- Đền thờ Pô Nugar Hamu Kút (nữ thần xứ sở hamu Kút)

Ngoài ba vị thần trên làng Bình Nghĩa còn thờ các thần khác như:

- Pô Ginon Mutri (Thần Siva)
- Pô Thang (Thần nhà)
- Pô Nugar (nữ thần xứ sở)
- Pô Klong Garai (vua Chăm thế kỷ 13)
- Pô Dam (chàng trai trẻ)
- Pô Bia Binưn (hoàng hậu Bia Binưn)
- Pô Rôme (vua Chăm thế kỷ 17)
- Pô Sa Inư (tướng võ)
- Pô Cêy Thun (hoàng tử Cêy Thun)
- Pô Riyak (thần sóng biển)
- Pô Nai (nữ hoàng đi tu)
- Pô Dal Dih (thần tứ phương)

Trong hệ thống Pô Nugar có vị Pô Nugar các địa phương như:

- Pô Nugar Taha (mẹ nữ thần xứ sở)
- Pô Nugar Iaru (nữ thần Iaru)
- Pô Nugar Iatrang (nữ thần Nha Trang)
- Pô Nugar Phan Rí (nữ thần Phan Rí, Bình Thuận).
- Pô Nugar Pajai (nữ thần lòng sông, Bình Thuận).
- Pô Nugar Hamu Tanưh (nữ thần mẹ Đất Đai)
- Pô Nugar Hamu Ram (nữ thần mẹ Hữu Đức)

- Pô Nugar Hamu Mưrâu (nữ thần mẹ Barâu)
- Pô Nugar Hamu Theh (nữ thần Hamu Theh)
- Pô Nugar Hamu Ak (nữ thần Hamu Ak)
- Pô Nugar Hamu Mưrom (nữ thần Hamu Mưrom)

d. Dịch lễ hội của làng Chăm Bình Nghĩa⁽¹⁾

(Tư liệu năm 1993)

| SỐ TT | NGÀY THÁNG DƯƠNG LỊCH | NGÀY THÁNG CHĂM LỊCH | GIỜ HÀNH LỄ | LỄ HỘI |
|-------|--------------------------------|---|-------------------|---|
| 1 | 9/5/1993 | Chủ nhật 19/1 năm Dậu ngũ điểm | 10h | Lễ Rija Harêy Akauk Thun (lễ múa xin thần khai lễ đầu năm) |
| 2 | 10/5 | Thứ hai 20/1 | 15h | Lễ Tamư Rija (lễ múa tổng ôn đầu năm) |
| 3 | 12/5 | Thứ tư 22/1 | 8h | Lễ Naw Pô Pataw Bin Thuôr (lễ hội Pô Pa Pataw) |
| | 12/5 | Thứ tư 22/1 | 19h | Hội tại cửa biển Mỹ Tân |
| 4 | 13/5 | Thứ năm 23/1 | 8h | Lễ hoàng hậu Bia Suôi |
| 5 | 13/5 | Thứ năm 23/1 | 19h | Lễ Palaw Pasah (lễ cầu đảo ở biển Mỹ Tân). |
| 6 | 15/5 | Thứ bảy 24/1 | 17h | Lễ Tamư Yang Pô Nagar (và lễ cúng Nữ thần Mẹ) |
| 7 | 16/5 | Chủ nhật | 14h | Lễ Tabiak Pô Nugar (lễ cúng kết thúc lễ nữ thần Mẹ) |

⁽¹⁾ Bản lịch lễ hội trên do ban Phong tục Bình Nghĩa cung cấp năm 1993, nguyên gốc chữ Chăm, do chúng tôi dịch ra tiếng Việt.

| | | | | |
|---|------|----------------|-----|-------------------------|
| 8 | 19/5 | Thứ tư 28/1 | 11h | Lễ Ikak Ghak Ikak Kamah |
|---|------|----------------|-----|-------------------------|

Tóm lại, đặc điểm của làng Bình Nghĩa là nghèo về kinh tế và giàu về văn hoá truyền thống. Nhân dân ở đây tiêu biểu là các già làng rất quan tâm đến việc bảo vệ thuần phong mỹ tục và văn hoá truyền thống của mình. Và họ đã duy trì tốt luật tục (adat) để làm một cơ chế hữu hiệu thực hiện nhiệm vụ bảo vệ này.

1.2 Tổ chức và cơ chế xét xử ở làng Bình Nghĩa

Cũng như các nơi khác, những người có nhiệm vụ nắm giữ luật tục của ông bà để lại và trao truyền cho con cháu đó là các tộc trưởng và hội đồng phong tục.

Ở Bình Nghĩa có các họ và các trưởng tộc sau:

a. Các tộc họ

- Họ Pô Klong Garai
- Họ Ia Muthin
- Họ Bal Han Bal Huk
- Họ Pô Bìn Thuôr (Chế Bồng Nga)
- Họ Ia Uk
- Họ Lôu Mưn
- Họ Bal Lai
- Họ Yang In

b. Ban phong tục

- Lượng Thành Phú: 50 tuổi, thầy kéo đàn Kanhi, trưởng ban phong tục.
- Sầm Tánh: 53 tuổi, thầy võ trống, phó ban phong tục.
- Đạo Minh Cung: 59 tuổi, thành viên ban phong tục

- Thành Thọ: 72 tuổi, thầy võ, thành viên ban phong tục
- Đạo Minh Tấn: 73 tuổi, thành viên ban phong tục
- Lượng Hồng Kín: ông từ, phó ban
- Trần Thành Tuấn: thư ký ban phong tục
- Lượng Thanh Nghệ: thủ quỹ ban phong tục

Bên cạnh ban phong tục có ban hoà giải gồm có:

- Ông Thành Nha trước là trưởng ban phong tục nay là trưởng ban hoà giải.
- Ông Lai Xuân Diễm phó ban hoà giải
- Ông Nguyễn Mèn phó ban hoà giải
- Ông Lượng Đại Vệ thư ký
- Bà Nguyễn Thị Mèo uỷ viên
- Bà Thành Thị Đạc uỷ viên

Ghi chú: Theo quy định của làng Bình Nghĩa, ban phong tục cứ 5 năm bầu lại một lần. Ngày 14/10/1998 là ngày bầu ban phong tục mới. Hai ông Thành Nha và Lai Xuân Diễm đã hoạt động trong ban phong tục cũ 5 năm, nay không tham gia ban này nữa.

c. Ngôn ngữ luật tục

Luật tục Chăm chủ yếu được truyền miệng qua các thế hệ. Mặc dầu người Chăm đã có chữ từ lâu đời, cho đến nay chúng tôi chưa tìm được văn bản về lời luật tục, ghi chép lại theo bố cục giống như người Pháp ghi về luật tục Êđê.

Về tình trạng này có thể có hai cách giải thích:

- Lịch sử Chăm phải trải qua nhiều biến động lớn: chiến tranh nội bộ, chiến tranh với bên ngoài, di chuyển lớn, nên sách về luật tục bị mất mát.

Có lúc chúng tôi đã thiên về cách giải thích này, nhưng

được biết người Thái cũng có chữ từ lâu đời vẫn không có sách ghi luật tục theo kiểu Pháp. Họ có *Luật mừng* ghi thành luật theo cấu tạo của pháp luật nhà nước phong kiến, cũng tương tự như *Dự thảo hộ luật Chăm* của cụ Dương Tấn Phát. Cuốn sách này được soạn phỏng theo luật của triều Nguyễn Hoàng *Việt Trung kỳ hộ luật, chứ không phải là luật tục gốc của người Chăm.*

- Và từ thực thể đó có thể giải thích người Chăm cũng như người Thái không có tập quán ghi lại luật tục theo kiểu người Pháp ghi luật tục Êđê.

Nhưng cả hai dân tộc có chữ viết lâu đời nói trên lại đã ghi những lời dạy bảo, mà những lời dạy bảo này là nội dung chính được dùng trong các luật tục. Người Thái gọi là *Quăm Xón Côn* (Lời dạy người). Người Chăm phân biệt rõ lời dạy bảo của hai giới: nữ giới và nam giới.

Nữ giới có *Ariya pataw adat kamei* (Thơ dạy bảo tục lệ nữ giới) *Ariya muk thruh palei* (Thơ dạy bảo của bà tổ ấm quê hương). Nam giới có *Ariya pataw adat likei* (Thơ dạy bảo tục lệ nam giới).

Chúng tôi có công bố nguyên văn bản Thơ dạy bảo này ở phần *Phụ lục*.

Ở Bình Nghĩa cũng như các nơi khác trong một buổi xét xử mọi người (kể cả tộc trưởng ban phong tục và người tham dự) dùng một thứ ngôn ngữ bao gồm những câu nói thông thường xen lẫn lời vắn. Bộ phận lời nói vắn thường có tính chất tổng kết, nêu quy luật. Người vận dụng được nhiều lời nói vắn thì ý kiến của họ có sức hấp dẫn và thuyết phục cao.

Ở dân tộc Raglai và các dân tộc Tây Nguyên khác, tình hình cũng như vậy. Điều khác với ở Chăm là tỉ lệ lời nói vắn ở các dân tộc Raglai, Tây Nguyên còn lưu giữ được nhiều và được vận dụng nhiều trong các buổi xét xử.

d. Cơ chế xét xử

Ở Bình Nghĩa cũng như các làng Chăm nói chung có 3 mức xét xử. Mỗi khi nảy sinh sự bất hoà thì thường xét xử ở phạm vi gia đình, nếu không xong mới đưa dần lên cấp trên: tộc họ và làng.

* Xét ở gia đình

Khi trong gia đình có sự bất hoà giữa các thành viên với nhau thì gia đình sẽ mời "người cậu" (*cēy*) về họp mặt với cha mẹ để giải quyết. Đây là sự hoà giải ở phạm vi gia đình. Thông thường trong gia đình tội nặng nhất thì "ông cậu" (*cēy*) xử phạt bằng roi (*cadar atuan*). Nếu trong phạm vi gia đình giải quyết không được thì đưa lên tộc họ để xét xử.

Việc phạt bằng roi có thể gây sự bần khoản trong suy nghĩ của độc giả, vì vậy trong đợt điền dã tháng 10/1999 chúng tôi có quan tâm đến phong tục này và đã phỏng vấn tập thể ban phong tục và già làng ở Bình Nghĩa. Thành viên tham dự gồm:

- Lường Thành Phú: trưởng ban, thầy kéo đàn Kanhi
- Sầm Văn Tánh: phó ban, thầy võ trống ginăng
- Đạo Minh Tân: thành viên ban
- Thành Thọ: thầy võ trống ginăng, thành viên ban.
- Đạo Minh Cung: thành viên ban phong tục
- Lượng Hồng Kín: ông từ giữ đền Chế Bồng Nga (thần làng Bình Nghĩa) thành viên ban.

- Sâm Trường: già làng
- Thành Nha: già làng
- Lại Xuân Diễm: già làng

Sau đây là ý kiến của ban phong tục mở rộng:

Làng Chăm đối với con cháu thường lấy lời luật tục dạy bảo. Nếu như con quá hư không dạy bảo được có hành vi sai với luật tục như hỗn láo mắng chửi cha mẹ hoặc người già, trộm cắp, lưu manh... thì có hai cách xử lý.

Cách thứ nhất là cha mẹ thể với thần linh từ bỏ đứa con đó (đã trình bày ở trên)

Cách thứ hai là phạt roi.

- Trường hợp cụ thể ở Bình Nghĩa là U. có ba ông cậu đứng ra xử.

Tội của U. là cãi cha mẹ nhiều lần dạy bảo không được, gia đình họp cử ông cậu L. là cậu út đánh 3 roi cảnh cáo. Từ đó đến nay không dám cãi cọ người trên.

- Trường hợp thứ hai, D. bỏ gia đình cha mẹ trốn đi xa lấy vợ, năm bảy năm không đoái hoài gì đến cha mẹ, chú cậu. Bên thông gia cũng không qua lại. sau khi sinh hai ba đứa con mới cậy gia đình bên nhà vợ đem sang bên cha mẹ để một lễ thú. Gia đình của D. xin phép bên nhà vợ giáo dục con cái đã, rồi mới nói chuyện nhận lễ. Ông cậu họp gia đình sai chặt bốn cái nọc (cọc gỗ hoặc cọc tre đóng xuống đất để trói căng người bị tội) và roi, dây. "Roi, cây để trên, trầu cau để dưới" (kết hợp hình phạt và nghi thức). Việc này xảy ra cách đây hai năm, vào năm 1997.

Người già thay mặt gia đình phân tích giảng giải việc

làm sai trái của anh D. đối với tổ tiên ông bà, cha mẹ, bắt anh D. nằm xuống. Hỏi D. có nhận sai không. D. biết lỗi nhận tội với cậu và cha mẹ, gia đình. Mọi người vui lòng xá tội cho D. Lúc bấy giờ gia đình mới nhận lễ bên nhà gái và mọi việc trở nên ổn thoả.

- Trường hợp thứ ba. Người con là M. cũng như vậy. Cũng bỏ nhà đi lấy vợ không cho gia đình biết. Người chủ trì đại diện cho gia đình là hai ông cậu ruột và hai ông chú ruột. "Tôi - lời ông T. cũng là cậu, đi chặt tre cũng để roi ở trên, trâu cau để dưới. Ông cậu hỏi tình hình. Nó nhận sai, bây giờ xin về nhận tội với gia đình, các cậu, các chú, xử phạt thế nào cũng xin chịu. Tội con đáng chịu roi". Việc xảy ra cách đây 3 năm.

Lễ vật có hai nải chuối, hai lít rượu, trâu cau. Ông mai vái xin ông bà tổ tiên tha tội. Gia đình chấp thuận. Mọi việc xong xuôi.

* Xét xử ở tộc họ và ở làng

Ở Bình Nghĩa cũng tiến hành xét xử như ở các làng Chăm khác (đã trình bày ở trên).

1.3 Ý kiến và nguyện vọng của nhân dân về luật tục.

Để tìm hiểu tình hình và nguyện vọng của nhân dân Bình Nghĩa, chúng tôi đã tiến hành cuộc điều tra vào ngày 1-2/10/1999. Sau đây là kết quả:

Tỷ lệ người biết về luật tục: 85% tổng số điều tra.
Trong số đó:

- Người biết về luật tục hôn nhân và gia đình: 30% tổng số điều tra.

- Người biết khá đầy đủ (rành): 13 % tổng số điều tra.

Trong số những người biết khá đầy đủ có một người biết tất cả. Ông ta là chủ nhà (pô thang), đồng thời là chủ họ (họ Pô Pataw Bin Thour). Hiện nay là thành viên ban phong tục, trưởng ban vận động xây dựng làng văn hoá, là thầy võ trống baranung và uỷ viên Ban Chấp hành Mặt trận Xã.

Trong số những người biết khá đầy đủ:

- Nữ: 41% trong số những người biết khá đầy đủ

- Người có chức sắc như: trưởng họ, thầy võ trống, thầy hát lễ, thầy cúng, bà múa: 58% trong số những người biết khá đầy đủ

- Người không có chức sắc: 42% trong đó có những người biết khá đầy đủ.

Tỷ số người biết "rành" mà không chức sắc này thì 80% là nữ

- Tỷ số người đã tham dự sinh hoạt luật tục (xét xử): 27% tổng số điều tra

- Tỷ số lần tham dự so với tổng số điều tra: 2,3 lần/1 người

- Tỷ số lần tham dự trong số người tham dự: 8,37 lần/1 người

- Tỷ số người đồng ý đề nghị truyền dạy luật tục cho con cháu: 100% tổng số điều tra.

- Tỷ số người không đồng ý truyền dạy luật tục cho cháu: 0% tổng số điều tra.

Nhận xét:

1. Tỷ lệ người có biết về luật tục, nghĩa là có biết về sinh hoạt luật tục, có nhớ một số câu, một số thủ tục, do được trực tiếp dự hoặc do nghe kể lại: 95%.

2. Tuy nhiên tỷ lệ người biết tương đối đầy đủ (rành) không được bao nhiêu: 13%. Điều này cho biết chẳng bao

lâu, nếu không có biện pháp bảo vệ và hướng dẫn phát triển, số người biết về luật tục sẽ hết và sinh hoạt luật tục Chăm cũng biến mất ở Bình Nghĩa. Điều này cũng sẽ chắc chắn xảy ra ở các làng Chăm khác.

Số người thực sự làm được nhiệm vụ chủ trì cuộc xử chỉ có một người.

3. Đa số người hiểu biết tương đối về luật tục thuộc lớp người được gọi là "chức sắc", thực ra là người đảm nhiệm các vai trò trong lễ cúng và trưởng họ: 58%.

4. Nhiều phụ nữ hiểu biết tương đối đầy đủ luật tục. Điều đó chứng tỏ phụ nữ Chăm không chỉ lo chuyện bếp núc mà còn quan tâm đến những vấn đề xã hội ngoài bếp núc. Đây là hiệu quả của chế độ mẫu hệ.

5. Số người tham gia xét xử không nhiều: 27% chứng tỏ sinh hoạt này đã trở nên thưa thớt.

6. Tuy vậy, 100% số người được hỏi có nguyện vọng đề nghị truyền dạy luật tục cho con cháu.

Tóm lại, qua điều tra chúng ta có thể khẳng định:

- Luật tục Chăm đang được nhiều người biết nó
- Nó vẫn được duy trì ở làng Chăm
- Nhưng sự duy trì đó có phần thưa thớt
- Việc duy trì và truyền dạy cho mọi người luật tục Chăm là ý nguyện của toàn thể những người được hỏi.

2. Một số vụ xử theo luật tục gần đây

Hiện nay ở Ninh Thuận vẫn có những vụ xử theo luật tục có hiệu quả. Trường hợp tiêu biểu mà chúng tôi biết là:

- Việc xúc phạm đến cả sư

- Việc xúc phạm đến thầy Grù urang
- Việc mẫu thuẫn lâu dài và xô xát nhiều lần
- Việc cưới xin sai trái
- Việc lấn chiếm nghĩa địa

Chúng tôi chỉ xin giới thiệu chi tiết về 1 trường hợp: Xử việc xúc phạm đến cả sư (*pô dhia*)

Vụ xử diễn ra tại một tộc họ "A" của tỉnh Ninh Thuận năm 1998.

- Tộc họ "A" xử ông E. chủ bói cả sư tại lễ nhập kut của tộc họ.

- Trưởng tộc họ tập họp những thành viên trong họ, bao gồm các thành phần như sau:

- Trưởng tộc họ
- Phó tộc
- Thư ký

Cùng tất cả các cụ ông và một số cụ bà trong tộc họ.

Trưởng tộc tuyên bố lí do: hôm nay tập trung dòng họ, anh em, bà con để thông báo về việc quấy rối của ông E. để cùng nhau giải quyết.

Ông E. chủ bói trưởng tộc không có lí do. Chỉ vì cãi vã về chuyện riêng tư, ông E. đi trái lại phong tục, tập quán: xương cốt người chết chưa đủ thời gian mà ông E. buộc cả sư phải cho về nhà thờ thì ngược với phong tục. Cả sư quyết định không cho phép đem xương cốt về thờ thì ông E. chủ cả sư. Như vậy là ông vi phạm luật tục.

Mặc dù vi phạm lần thứ nhất nhưng tộc họ có nhiệm vụ phải ngăn chặn ngay. Lỡ sau này ông ấy tái phạm (người Chăm nói "tek khá") thì đụng chạm đến tổ tiên "muk kê", khổ cho cả tộc họ. Vì lý do đó, ông E. phải chuộc tội với tộc họ, phải làm lễ "trầu rượu" để chịu lỗi với cả sư trước tộc họ.

Nhưng ông E. một mực khẳng khẳng không chấp nhận mình là có tội và từ chối không tham gia cuộc phân xử theo lời mời của trưởng tộc.

Trước hành vi của ông E. như trên thì tộc họ quyết định khai trừ ông E. ra khỏi tộc họ. Nhưng vì ông E. còn có anh em ruột thịt nên tộc họ phải hỏi ý kiến anh ruột ông E. Người Chăm có câu "*Ton ia ka đa đi ikan*" (Đánh cá phải e dụng đến nước sông). Khai trừ ông E. ra khỏi tộc thì sợ anh em ông buồn lòng, người Chăm lại có câu "*Takay chok padik atia pih*" (Chân đi tán đá đau tận đáy tim), có nghĩa là tộc họ khai trừ ông E. thì anh cả ông E. là ông F. cũng buồn lòng. Vì vậy, ông F. (anh ông E. - người phạm tội) phải đứng ra chịu tội thay em mình và năn nỉ với tộc họ thứ lỗi và tộc họ sẽ chấp nhận theo lý sau: Người Chăm có câu "*Thēy tha bǎng takay chjok ek takay kok klak*" (Không ai nỡ chân một lần đạp phân là một lần chặt bỏ).

Cuối cùng, anh ông E. là ông F. phải chịu tội thay em, hứa với tộc họ sẽ giáo dục ông ấy. Nếu không thì khi gia đình ông F. có tang, lễ, cúng kính, tộc họ sẽ không tham gia, thầy cả sư không hành lễ, thì anh em ông E. , F. sẽ phạm tội đầy trời đối với tổ tiên (*Mu kēy*)

Không cách nào khác, ông F. phải chịu tội thay em mình cho xong, khỏi dòng họ từ bỏ trong việc cúng kính, người Chăm nói: "*Ngǎk ka klak dúc*" (Chịu cho xong việc mình). Ông F. anh ông E. phải làm lễ "trầu rượu" chịu tội với cả sư thay em mình trước tổ tiên, tộc họ.

Sau khi Hội đồng xử của tộc họ bên đảng trai xét xử xong thì tối hôm đó, vụ việc sẽ được thông qua tộc họ với nội dung tương tự như trên.

- Trước khi vào khai lễ, trưởng tộc tuyên bố lí do và

làm lễ trình tổ tiên (*Mu kēy*) về việc của tộc họ, mời linh hồn tổ tiên về dự.

- Lễ vật gồm có: Trầu rượu, bánh ngọt, một nải chuối, cây nến (tuỳ theo tộc họ mà dâng cúng lễ vật khác nhau).

- Trong lúc trưởng tộc tâu trình lễ vật với tổ tiên thì một số thành viên của tộc họ van vái với tổ tiên tha lỗi cho người phạm tội và cầu mong cho tổ tiên hướng người phạm tội đến cái thiện.

Sau khi tâu trình tổ tiên, trưởng tộc cũng tuyên bố lí do và nêu nội dung sự việc như cuộc xét xử của hội đồng lần thứ nhất. Nội dung xét xử đó được cả tộc họ chấp nhận. Ông F. chịu tội thay cho em mình, thú tội với tổ tiên, cả sự tộc họ bằng lễ "trầu rượu") 1lít rượu và 50 lá trầu để trên một cái mâm ở trước mặt cả sự). Lễ vật này, khi được cả tộc họ chấp nhận thì trưởng tộc một lần nữa cũng tâu trình với tổ tiên là mọi việc của tộc họ đã tốt lành, con cháu đã trở lại sum họp, mời tổ tiên "mukēy" về hưởng lễ. Lúc đó cả tộc họ đều uống rượu, ăn trầu, cộng cảm, rồi kết thúc buổi xét xử.

Vấn đề anh em chịu tội thay cho nhau không phải là cá biệt, thường diễn ra nhiều trường hợp trong luật tục người Chăm. Bởi vì người Chăm có mối quan hệ ràng buộc nhau rất chặt chẽ, trong quan hệ anh em, huyết thống, tộc họ, làng xã. Nó trói buộc lẫn nhau, cái này tác động đến cái kia. Anh làm thì em chịu, thành viên của tộc họ thì chịu ảnh hưởng... Và cuối cùng bị chi phối bởi yếu tố tôn giáo. Vấn đề này là yếu tố tích cực trong luật tục Chăm, nhằm duy trì trật tự xã hội, cả cộng đồng, huyết thống có quan hệ ràng buộc với nhau để kìm hãm tội phạm và sẽ có trách nhiệm giáo dục tội phạm hướng đến cái thiện mang tính cộng đồng.

Vê hình thức phạt vạ, người Chăm ít phạt vạ bằng trâu, heo... như các luật tục dân tộc Tây Nguyên mà họ chỉ phạt bằng lễ vật "trầu rượu" (alak hala) là xong. Đây là lễ vật rất lớn đối với người Chăm, lớn hơn cả trâu bò, heo... bởi vì nó mang ý nghĩa tâm linh hơn là ý nghĩa vật chất.

"Alak hala" (trầu rượu) của người Chăm đồng nghĩa với lễ dâng cúng thần trời, thường xuất hiện trong các loại lễ nghi lớn của người Chăm và cũng là hình thức phạt vạ cao của người Chăm.

Làng Chăm, năm 1998

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP HỌ

Hôm nay, vào lúc 20h ngày.... năm 98, tại nhà bà D. tổ chức họp họ.

* Thành phần tham dự:

1. Trưởng khu phố

2. Thư ký

3. Đại diện các nhóm:

- Cả sư, trưởng tộc đại diện nhóm 1

- Đại diện nhóm 2

- Đại diện nhóm 3

- Đại diện nhóm 4

- Đại diện nhóm 5

* Nội dung cuộc họp: có 4 nội dung chính:

1. Giải quyết vụ việc giữa cả sư A và ông E.

2. Cùng cố lại và ổn định các môn, làm nghị quyết chung của họ.

3. Bàn về đất trồng phía nam của họ

4. Bàn về xây lại ngôi nhà, cho ông bà tổ tiên ở.

1. Phần 1

Trước tiên cậu D. nêu lên nội dung mà ông E. gây gổ với cả sư, vào ngày cúng tuần đầy tháng của ông M. để bà con và con cháu trong họ nghe, và góp ý kiến xây dựng dung hoà và đoàn kết lại trong họ.

Ý kiến 1: Đây là chuyện quá đáng làm ảnh hưởng đến danh dự cả sư và ông bà tổ tiên họ mình, nhưng hôm nay ông E. không đến mình sẽ giải quyết như thế nào? Vì vụ này tôi là người chứng kiến trong cuộc, vậy tôi kể lại sự việc này cho anh em, và con cháu nghe mà góp ý xây dựng.

Ý kiến 2: Việc này nhóm bên kia nhà ông E. phải giải quyết một bước xong mời cả họ họp mà làm thành nghị quyết chung cho toàn bộ.

Ý kiến 3: Cậu F.: việc này tôi đã gặp ông E. hỏi đầu đuôi câu chuyện, nhưng bản chất của ông E. không thay đổi, vậy đến nay tôi thay mặt gia đình thú tội với bác cả sư và ông bà, tổ tiên, mong họ thông cảm và tha thứ cho anh em tôi, và chấp nhận chịu lễ với ông bà, tổ tiên, mong họ thông cảm và tha thứ cho anh em tôi, và chấp nhận ông E. là con trong họ.

Ý kiến 4: Bác cả sư: Theo lời yêu cầu và thú tội của cậu E. thì bác cả sư đã thông cảm và tha thứ với gia đình, tránh né những cuộc nào có ông E. tham dự và cậu F. phải thay em làm đầy đủ lễ tục.

(Tiếp theo là các phần việc 2, 3, 4) .

Thư ký

(đã ký)

1. Trưởng tộc

(đã ký)

2. Phụ tá trưởng tộc

(đã ký)

*

* *

Phần trên chúng tôi đã khảo sát tình hình luật tục adat trong đồng bào Chăm hiện nay: sự tồn tại, hình thức tổ chức, vai trò của nó. Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn, điều tra, đã ghi lại một số buổi xét xử theo luật tục. Trung tâm khảo sát là làng Bình Nghĩa, một làng thuần Chăm và còn bảo lưu nhiều giá trị văn hoá truyền thống. Ngoài ra cũng có tìm hiểu ở một số làng khác.

Kết quả có thể rút ra:

1. Trong thực tế hiện nay, luật tục đang tồn tại ở vùng đồng bào Chăm với những đặc điểm gần giống như luật tục truyền thống. Các cấp xét xử vốn gồm 3 khâu gia đình và tộc họ. Chủ trì xét xử có trưởng nhà, trưởng họ, người cậu, cả sư, các già làng, những người trong tín ngưỡng truyền thống (thầy võ trống gi nãng (mư duôn), thầy kéo đàn Kanhi (kadhar), ông giữ đèn...). Người chủ trì và đương sự cũng như các cử tọa đều dựa vào các đạo lý, các phong tục truyền thống được bảo lưu trong văn hoá dân gian, tri thức dân gian để xét xử, luận tội, buộc tội và kết luận. Các đạo lý, phong tục, tri thức này được diễn đạt bằng văn xuôi, kết hợp với văn vần, lời nói vần (panuoc padip).

Các lời nói vẫn được điểm vào trong dòng văn xuôi, như những điểm sáng có sự hấp dẫn cao, những ý kiến tổng kết được coi là quy luật, chân lý (trước đây trong các buổi xử, đối với những người thông thạo luật tục, có thể dùng nhiều lời nói vẫn hơn. Do đó lý lẽ của họ có tính thuyết phục hơn. Nhưng ở người Chăm hiện không thấy ai đọc một mạch toàn bộ lời nói vẫn như ở các sách luật tục Tây Nguyên do người Pháp ghi lại).

Các yếu tố tâm linh vẫn hỗ trợ cho việc giữ gìn đạo đức sự ngay thẳng thật thà trong luật tục. Nhưng biểu hiện của chúng nhẹ nhàng hơn trước, chủ yếu là niềm tin vào ông bà tổ tiên (mukēy).

2. Thực tế luật tục adat đã góp phần điều hoà các quan hệ dân sự trong nội bộ cộng đồng. Chúng tôi nhận thấy luật tục có hiệu lực rõ rệt trong việc điều hoà quan hệ gia đình, họ hàng, láng giềng, tôn giáo (mới và cũ)... Nhờ điều hoà được mà làm cho thôn xóm giảm bớt những mâu thuẫn, xô xát kéo dài, đem lại an ninh trật tự, yên vui đoàn kết.

Những người điều hành cũng như người thừa hành luật tục đang gặp nhiều lúng túng về phương hướng và biện pháp. Chúng tôi sẽ đề xuất cách giải quyết lúng túng này ở phần thứ ba: Kế thừa luật tục xây dựng quy ước văn hoá làng.

3. Mục tiêu chủ yếu của sự tồn tại của luật tục nhằm bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc, chống lại những ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội bên ngoài lan tràn vào xã hội Chăm.

*
* *

Điều đáng phấn khởi là nguyện vọng của đồng bào Chăm, trong duy trì luật tục nhằm mục tiêu bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá và thuần phong mỹ tục được Đảng và Nhà nước nêu lên từ nhiều năm nay trong đường lối chính sách và chủ trương qua các nghị quyết, quy định, chỉ thị, thông tư. Sau đây là phần đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước.

II. ĐƯỜNG LỐI CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VĂN HOÁ PHONG TỤC TẬP QUÁN CHĂM.

Đảng ta đã thực hiện một chính sách nhất quán từ trước đến sau là bảo vệ và phát huy tinh hoa văn hoá và thuần phong mỹ tục của các dân tộc thiểu số.

Dân tộc Chăm là một trong những dân tộc được đặc biệt quan tâm, Đảng đã có chỉ thị, nghị quyết riêng về người Chăm.

Tại chỉ thị số 121 - CT/TW ngày 26/10/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác đối với đồng bào Chăm có ghi:

"Về văn hoá: coi trọng các di sản văn hoá dân tộc, sưu tầm, khai thác, chọn lọc và nâng cao vốn văn hoá dân tộc Chăm, đáp ứng yêu cầu tình cảm của đồng bào Chăm và làm phong phú kho tàng văn hoá Việt Nam. Tất cả các khu tháp Chăm còn lại ngày nay cần được giữ gìn. Chú trọng tu bổ tháp Pô Klong Garai ở Phan Rang.

Dựa vào lực lượng cốt cán, tranh thủ sự đồng tình

của những người tiên bộ trong hàng ngũ chức sắc các tôn giáo, vận động nhân dân chống mọi tàn dư ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cải tạo từng bước những phong tục tập quán lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới, con người mới".

Cụ thể hoá chỉ thị của Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng ban hành chỉ thị số 121/Ct ngày 12/5/1982 về công tác đối với đồng bào Chăm:

"Về văn hoá: Các địa phương phải bảo vệ giữ gìn tất cả các tháp Chăm. Đối với những tháp tiêu biểu như tháp Pô Klông Garai ở Thuận Hải cần tiếp tục tu bổ và xây dựng thành nơi thắng cảnh.

Ngành văn hoá cần tiếp tục sưu tầm các di tích văn hoá của dân tộc Chăm. Đối với các di sản văn hoá quý còn nằm rải rác trong nhân dân thì tích cực vận động đồng bào tập hợp lại để giữ gìn, bảo quản cho tốt và xây dựng thành bảo tàng văn hoá dân tộc.

Nơi có đồng bào Chăm cần tổ chức lực lượng văn nghệ chuyên nghiệp trong đoàn văn công tỉnh để làm nòng cốt phong trào văn nghệ quần chúng của dân tộc Chăm".

Mười năm sau, Ban Bí thư Trung ương lại ban hành thông tư số 03 - TT/TW ngày 17/10/1991 về công tác đối với đồng bào Chăm:

"Về văn hoá - xã hội: có kế hoạch bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hoá dân tộc Chăm, trùng tu các ngôi tháp Chăm, nhất là số tháp đang ở trong tình trạng hư hỏng, khôi phục một số trung tâm văn hoá tiêu biểu của đồng bào Chăm, trước hết phục hồi Trung tâm văn hoá Chăm ở khu vực Phan Rang (Thuận Hải). Tiếp

tục thực hiện việc dạy chữ Chăm cổ, tái bản bộ sách giáo khoa chữ Chăm, đáp ứng nhu cầu các trường học ở bậc tiểu học. Tiếp tục công trình nghiên cứu chữ Chăm đáp ứng nguyện vọng đồng bào Chăm An Giang.

Khuyến khích phong trào văn nghệ quần chúng nhất là ở cơ sở, đầu tư củng cố, xây dựng đoàn văn nghệ Chăm không chuyên đang hoạt động (...)

Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh và xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan và những phong tục tập quán lạc hậu".

Nghị quyết hội nghị Trung ương V khoá 8 có viết về văn hoá các dân tộc thiểu số: "Nêu cao truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc thiểu số bảo tồn, phát triển văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình".

Trên tinh thần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, thuần phong mỹ tục, Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ghi:

"Điều 4, Nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp.

Việc xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự phải bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, mỗi người vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi người và các giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

Đồng bào các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu dân cư để từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mình".

Tóm lại, Đảng và Nhà nước ta có chủ trương chính sách nhất quán trong việc bảo vệ và phát huy tinh hoa văn hoá và phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Chăm được đặc biệt quan tâm.

Để thực hiện chủ trương này, trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã quan tâm để lĩnh vực hương ước luật tục và quy ước làng bản.

Kế thừa kinh nghiệm của cha ông ta trong việc quản lý các cộng đồng cơ sở, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ V, khoá 7 đã ra nghị quyết "Nhà nước cần sớm nghiên cứu đề ra các quy tắc thích hợp với chức năng vai trò của xã, của thôn, làng bản (miền núi) trong tình hình mới và dựa vào các quy tắc này xã có thể xây dựng hương ước mới".

Thực hiện nghị quyết trên, trong *Quy chế thực hiện dân chủ ở xã* (Ban hành kèm theo Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998, của Chính phủ có ghi:

Điều 16. Thôn, làng, ấp, bản xây dựng hương ước, kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của cộng đồng phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp văn minh.

Điều 17. Thôn, làng, ấp, bản có thể thành lập các ban hoà giải, ban an ninh, tổ bảo vệ sản xuất, ban kiến thiết. Các tổ chức này do dân bầu, trưởng thôn, làng, ấp, bản phối hợp với ban công tác Mặt trận quản lý và chỉ đạo".

*

Qua những điều trình bày trên, có thể một lần nữa khẳng định rằng, Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm đến việc "bảo tồn, khai thác, và phát huy vốn văn hoá dân tộc Chăm", "coi trọng các di sản văn hoá dân tộc, sưu tầm khai thác chọn lọc và nâng cao vốn văn hoá dân tộc Chăm, đáp ứng yêu cầu tình cảm của đồng bào Chăm và làm phong phú kho tàng văn hoá Việt Nam". Thực sự là không nhiều dân tộc được quan tâm cụ thể như vậy. Hơn nữa gần đây vấn đề khai thác phát huy hương ước luật tục, vấn đề xây dựng quy ước mới về làng bản đã được đề ra.

Trong lúc đó, trong nhân dân Chăm đang duy trì luật tục adat để bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giữ gìn tình đoàn kết xóm làng, xây dựng làng bản văn minh, giàu mạnh.

Như vậy là có sự hội tụ rất đẹp giữa nguyện vọng của nhân dân và chủ trương của Đảng

Tuy nhiên, có một thực tế đáng suy nghĩ. Ở nhiều cơ sở đã xây dựng quy ước mới. Nhưng quy ước và luật tục vẫn như hai thực thể đứng bên cạnh nhau. Quy ước mới không nhập vào cuộc sống, không đi vào lòng dân. Luật tục truyền thống thì ngập ngừng, lúng túng đứng ở bên thêm cũ và mới, không dám mạnh dạn phát huy và không biết phát huy như thế nào?

Vậy một vấn đề lớn được đặt ra là kế thừa luật tục như thế nào trong xã hội hiện đại. Về lý thuyết ai cũng nói loại trừ những yếu tố tiêu cực không thích hợp và tiếp thu những yếu tố tích cực. Rằng: "Không có quyền

và không cho phép chúng ta đối lập luật tục và pháp luật của Nhà Nước"⁽¹⁾. "Có thể áp dụng tập quán hoặc quy định tương tự của pháp luật, nhưng không được trái với những nguyên tắc quy định trong bộ luật dân sự này"⁽²⁾

Làm thế nào để không đối lập, làm thế nào để không trái với nguyên tắc của luật dân sự? Thật là quá khó.

Hãy nhìn ra ngoài. Không nói đến các nước Tây Âu, Bắc Mỹ, họ để cho các loại luật pháp, luật tục cùng tồn tại và nhân dân tự do chọn diễn đàn luật pháp. Những điều đó không hợp với thực tế của xã hội ta.

Riêng các nước cùng khu vực Đông Nam Á như Indônêxia, Malayxia có tình hình gần gũi với ta, có một truyền thống luật tục khá mạnh mẽ và phong phú, mà họ cũng gọi như người Chăm và người Raglai là adat. Ở các nước này vẫn duy trì hệ thống luật tục vốn có với tổ chức Hội đồng adat có từ làng, xã, huyện, tỉnh. Đây là một hệ thống dân lập, bên cạnh hệ thống luật Nhà nước. Nhân dân, chính quyền và pháp luật Nhà nước tôn trọng luật tục adat và nó thực sự đóng góp cho việc điều hoà các mối quan hệ xã hội, kể cả bảo vệ môi trường, thiên nhiên đặc biệt là giữ gìn, phân phối nước tưới.

Ở Việt Nam, trong một số hội thảo có ý kiến đề ra việc *Pháp luật hoá luật tục và luật tục hoá pháp luật*:

⁽¹⁾ Nguyễn Đình Lộc: Phát biểu bế mạch hội thảo trong sách chuyên đề về luật tục. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý xuất bản. H.1997, tr. 190.

⁽²⁾ Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. điều 14

"Do tính ưu việt, tiên tiến của pháp luật nên quá trình tiếp thu, kế thừa và phát huy giá trị của luật tục cần phát triển theo hướng từng bước chuyển tải nội dung của pháp luật và hình thức của nó vào trong đời sống cộng đồng các dân tộc; nghĩa là "pháp luật hoá luật tục" có thể được thực hiện cả về hình thức lẫn nội dung, còn theo hướng ngược lại "luật tục hoá pháp luật" thì chỉ có thể thực hiện về mặt hình thức (cách thức biểu hiện)"⁽¹⁾.

Chúng tôi cho rằng phương hướng trên không có tính khả thi hoặc chưa có tính khả thi trong tình hình trước mắt.

Trong lúc chờ đợi một phương hướng hoàn mỹ, căn cứ vào nhu cầu của nhân dân, khả năng và điều kiện cho phép; đồng thời chiếu theo các nghị quyết, chỉ thị thông tư, hướng dẫn đã ban hành (đã được trích dẫn ở phần trên), chúng tôi mạnh dạn đề ra phương hướng *Kế thừa luật tục Chăm để xây dựng quy ước làng văn hoá Chăm*. Phương hướng này đã được thực hiện thí điểm ở làng Bình Nghĩa, qua đó chúng tôi cũng có một số kinh nghiệm thành công và chưa thành công.

⁽¹⁾ Ths Nguyễn Việt Hương: Giá trị của luật tục từ góc nhìn pháp luật, trong sách Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2000, tr. 989-990.

PHẦN THỨ TƯ

KẾ THỪA LUẬT TỤC CHĂM XÂY DỰNG QUÝ ỨC LÀNG VĂN HOÁ ĐOÀN KẾT, YÊN VUI, ÂM NO, HẠNH PHÚC

I. NGUYÊN TẮC KẾ THỪA

1. Về tinh thần và tư tưởng cơ bản

Về tinh thần, tư tưởng luật tục có những ưu thế cần chú ý để kế thừa như:

1.1. Tinh thần dân chủ cộng đồng và tính quần chúng cao

Tinh thần này thể hiện quán triệt toàn bộ quy trình của luật tục, từ việc hình thành và điều chỉnh các nội dung, các quy định cho đến việc thi hành (bao gồm việc bàn luận tập thể, công khai, thoả mái trong toàn thể cộng đồng về vụ việc; qua việc cùng nhận định, kết luận về mức độ và tính chất của lỗi lầm, sai phạm; đến việc

đưa ra các mức xử phạt và cuối cùng là theo dõi giúp đỡ sửa chữa, tránh tái phạm và thi hành các quy định của toàn thể cộng đồng).

Kế thừa tinh thần dân chủ và tính quần chúng, khi xây dựng và điều chỉnh, sửa đổi quy ước phải tạo điều kiện cho đông đảo nhân dân trong paley, mà đại diện là các già làng, các chức việc (cũ mới), được tham gia bàn luận đóng góp về các quy định. Khi xét xử phải qua các cấp từ dưới lên trên gia đình, dòng họ, rồi mới đến paley, phát huy quyền bàn bạc rộng rãi dân chủ, quyền xử lý và quyết định của tập thể cộng đồng các cấp.

Người chi phối tinh thần dân chủ là Ban phong tục, đặc biệt là người chủ trì, po adat, phải bình tĩnh kiên trì và thực sự lắng nghe ý kiến của mọi người. Không lựa chọn người chủ trì có tác phong nóng vội, độc đoán.

1.2. Tính chất giáo dục răn đe, ngăn chặn, đề phòng là chủ yếu.

Theo đặc điểm của luật tục, lời quy ước không chỉ đơn giản nêu mức tội và khung xử phạt, mà phải biện giải đầy đủ quan hệ tình cảm, đạo lý ở đời, điều phải, trái. Ví dụ như đối với người bỏ nhà ra thì nói:

Đừng bỏ họ hàng, làng xóm

Mà tìm an ủi nơi quê người

Ra khỏi nhà kẻ cười người chê

Bỏ họ hàng, làng xóm đi theo kẻ lạ

Như bỏ gốc cây, dựa vào cành

Như theo dùi bỏ trống, theo trai bỏ con thơ dại

Như vậy, buổi xét xử còn là một cơ hội để anh em, họ hàng, làng xóm thân tình nhắc nhở, bảo ban

nhau biết điều hay lẽ phải để nghe theo, điều xấu việc dở để tránh xa.

Lời quy ước cần nhắc nhở mọi người ngăn chặn việc phạm tội, đặc biệt là những trọng tội, ví dụ như tội loạn luân:

*Ai có dấu hiệu loạn luân
Làng xóm phải ngăn chặn từ đầu
Đừng để họ ăn ở với nhau, thành tội nặng
Mẹ phải dạy con
Anh phải dạy em
Rằng như thế
Xóm làng rồi ren.*

1.3. Tinh thần khoan hoà, hoà giải

Luật tục không giống như pháp luật tư sản, truy cầu sự công bằng tuyệt đối của từng cá nhân, mà chủ yếu là điều hoà quan hệ giữa đôi bên nhằm đi đến mục đích cao hơn, đem lại sự hoà hợp, thuận hoà trong các cộng đồng "xóm anh làng em, xóm em làng chị", "tôi thiếu anh cho, anh thiếu tôi cho", là nguyên lý sống tối cao của xã hội. Vì vậy, không do đòi hỏi của cá nhân mà phá vỡ tinh thần cộng đồng đã được vun đắp từ thời ông bà xưa. Cho nên không phải lúc nào cũng đòi "ba cọc ba đồng", mà nhiều khi phải "chín bỏ làm mười"

*Ở đời nên biết điều phải trái
Dùng lời lẽ chân thành mà nói
Để người người mãi mãi yêu thương
Tập rèn tính tốt, giữ thái độ khoan dung
Hỗn xược to gan, gây chia rẽ
Đoàn kết thương yêu nhau, nhà nhà vui vẻ.*

Học tập ông bà xưa, mọi việc xong xuôi, cần có lễ tạ, lời hứa không tái phạm, mọi việc cũ bỏ qua:

Làm lễ tạ trước dân làng, ông bà tổ tiên

Rượu trúng, trâu cau trên mâm lễ

Hứa với dân làng, ông bà, tổ tiên

Từ nay không bao giờ tái phạm nữa

Không ai được nhắc lầm lỗi cũ

Mọi người đùm bọc, thương yêu nhau

Xây dựng xóm làng ấm no hạnh phúc.

Cũng theo tục lệ xưa, cuối cùng, nhằm đem lại niềm vui chung, mọi người thọ lộc của tổ tiên: trâu rượu vừa dâng cúng.

1.4. Tinh thần trách nhiệm chung đối với lỗi lầm

Việc xét xử phải qua các bước gia đình, dòng họ rồi mới đến paley; xét xử phải công khai, trước toàn thể, phải được mọi người đồng thuận trong việc bàn bạc cũng như kết luận... vừa để đảm bảo tinh thần dân chủ và sự công bằng, như trên đã nêu, vừa để đặt rõ trách nhiệm của các cộng đồng lớn nhỏ, đối với việc sai phạm của thành viên của mình:

Chém cá đau lòng nước

Một con cá ươn làm hỏng mớ cá tươi

Tinh thần trách nhiệm được thể hiện trong nhiều công đoạn: theo dõi giúp đỡ sửa chữa lỗi lầm, giáo dục ngăn chặn không tái phạm...

2. Về nội dung chính

Nội dung của quy ước chỉ gói trong phạm vi điều hoà các mối quan hệ dân sự. Ngoài ra các phạm vi khác

thuộc về luật pháp Nhà nước. Quy ước đưa ra các nội dung dân sự mà luật tục xưa vốn quen can thiệp và điều chỉnh:

- Điều hoà các mối quan hệ gia đình như vợ chồng con cái cha mẹ ông bà anh chị em.

- Điều hoà các mối quan hệ xã hội như buôn paley, dòng họ, giữ gìn trật tự trị an, chống trộm cắp, ngoại tình ,nghiện ngập. Ví dụ như người Chăm vốn có truyền thống bài trừ tệ nghiện rượu:

Khách ở xa thì đãi cơm

Khách trong thôn thì đãi nước

Khách khờ đãi rượu, khách khôn đãi lời

Vi,

Người khôn nghiện rượu thành khờ

Kẻ dại nghiện rượu, không chứa hoá điên,

- Bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ nguồn tôm, cá, cấm đánh bắt săn bắn bừa bãi, bảo vệ rừng lâu năm, rừng đầu nguồn, rừng thiêng (rừng yang). Người Chăm có truyền thống đắp đập khai mương để làm lúa nước đã lâu đời. Hiện nay còn lại hai đập nước lớn là đập Marên (thế kỷ 17) và đập Nha Trinh (thế kỷ 13), cùng nhiều đập nước khác đang tưới cho đồng ruộng tỉnh Ninh Thuận. Để giữ gìn hệ thống đập nước, và phân phối nước, họ cất cử cai đập (ôn binuk) và ông seo. Đó là những người trực tiếp thay mặt nhân dân điều hành hệ thống luật tục về thuỷ lợi. Ngày nay chúng ta cần kế thừa và khai thác hệ thống luật tục này cho công việc tưới tiêu.

Người Chăm cũng như nhiều dân tộc anh em khác ở miền núi, rất chặt chẽ nghiêm túc trong việc bảo vệ

rừng, bảo vệ môi trường sinh thái. Quy ước cần kế thừa truyền thống tốt đẹp đó. Ví dụ:

Núi cao rừng rậm

Nhiều cây cao, cổ thụ

Cây cao to sinh ra từ cây Mỗri

Cây cổ thụ là nữ thần Pô Nugar

Thần cây lớn làm nên núi cao

Rễ cây trên rừng làm mạch nước chảy đều

Gạo trong lòng đất, bạc vàng trong tay

Cỏ mọc trong rừng, nước mạch tuôn từ núi

Cá tụ ở sông bởi sông lăm rong

Hổ tụ ở rừng nơi núi cao rừng rậm

Vì thế

Ông bà ta dạy

Hái quả chớ nên chặt cây

Chặt cây to lớn, chặt tay rừng thần

Rừng thần hết lá che mưa

Hết mạch nước chảy hết cua cá bầy

Xin ai chớ phá rừng cây

Một người làm bậy hại lây cả làng.

- Bảo vệ gia súc, chống dịch bệnh tràn lan, chống gia súc phá hoại cây trồng.

- Phòng chống hoả hoạn

- v.v...

3. Về hình thức diễn đạt

Quy ước cần diễn đạt bằng thể văn vần Chăm (panước pakháp) để được thấm sâu vào lòng người

Chăm, dễ thuộc, nhớ lâu; từ đó tạo nên sự phản xạ thường trực về những điều nên làm và những điều nên tránh. Những cụm từ cố định có hình tượng đẹp và giá trị mỹ từ cao, cần được khai thác tận dụng:

- *Trâu chững phải sợ dây da*
- *Ai uống nước người đó ướ*
- *Rừng dày mới có voi*
- *Giữ gìn giàn bầu, để bí leo lâu*
- *Rửa mặt chạm mắt*
- *Chân lữ đạp phân, lữ nào chặt bỏ*
- *Sông không thể chảy qua nguồn.*

4. Về cơ chế quản lý, vận hành

Quyết định sự tồn vong và giá trị ý nghĩa của luật tục, quy ước là tổ chức quản lý và vận hành nó. Như đã trình bày ở Phần thứ hai: *Luật tục Chăm ngày nay*, ở các paley vẫn có các ban phong tục hoặc ban hoà giải giải đứng ra xét xử theo luật tục kết hợp với chủ trương chính sách mới. Thành phần của ban, bên cạnh các già làng, chức việc truyền thống, còn có trưởng thôn, thay mặt chính quyền. Tình hình này cũng giống như các tỉnh Tây Nguyên: "Sau ngày giải phóng, toà án phong tục bị bãi bỏ, tuy nhiên ở các buôn làng dân tộc vẫn tồn tại các tổ hoà giải do các già làng hợp lại, tiếp tục dùng luật tục để phân xử các vụ vi phạm xích mích ở cơ sở đều do tổ hoà giải phân xử trước. Chỉ khi nào Tổ hoà giải không xử lý được thì vụ việc mới được chuyển lên toà án Nhà nước cấp huyện, tỉnh"⁽¹⁾

⁽¹⁾ Viện nghiên cứu khoa học về pháp lý: Chuyên đề luật tục, Hà nội, 1997.

Từ thực tế trên, chúng tôi đề nghị củng cố ban phong tục hoặc tổ hoà giải, giao cho ban trực tiếp điều hành việc thực hiện quy chế và khi cần thiết thì điều chỉnh quy chế. Cung cấp cho ban phong tục bản quy chế đã thảo luận kỹ (hai thứ tiếng). Đây là việc quan trọng đầu tiên để củng cố và nâng cao chất lượng của ban này. Vì trong thực tế không nhiều già làng nhớ đầy đủ có hệ thống cả nội dung lẫn lời văn của luật tục.

Những hạn chế

Kế thừa luật tục, về tinh thần tư tưởng, một mặt tiếp thu những điều tốt, mặt khác phải hạn chế những điều không tốt.

Trước đây, niềm tin về yang còn nặng nề, người ta dùng các phép thử tội để điều tra tội phạm. Người Chăm thường dùng pháp lặn nước (nhuk ia). Ngày nay do tính phi lý của nó, tục này đã tự triệt tiêu.

Một số hình phạt quá nặng nề như ăn vào máng lợn, đối với tội loạn luân và bỏ rọ trôi sông, đối với tội chữa hoang; cũng còn lại như những lời đe dọa, để mọi người khiếp sợ các trọng tội đó để tránh xa.

Bên cạnh nội dung tích cực cần tiếp thu, không ít nội dung không thích hợp, cần loại bỏ. Ví dụ như vi phạm những điều kiêng trong tháng Kamưvan bị phạt đến 20-40 mâm bánh, cấm hôn nhân giữa các tôn giáo, hạn chế kết hôn với người ngoại tộc...

II. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH VÀ KINH NGHIỆM

1. Có mấy bước tiến hành cơ bản

- Soạn thảo.
- Xin ý kiến gia làng và hội đồng phong tục

- Trao đổi ý kiến và thông qua toàn dân. Nếu vì không có điều kiện để nghe đông đảo nhân dân, ví dụ địa điểm họp không thuận lợi, người dự quá đông hoặc không đầy đủ... có thể họp thêm ở cụm dân cư.

- Hoàn chỉnh xong luật tục, in ra làm nhiều bản phát cho mỗi gia đình một bản (luôn luôn nhớ là song ngữ)

- Phát trích đoạn trên đài phát thanh và đưa vào trường phổ thông của xã. Việc này phải bàn với phòng giáo dục huyện.

2. Qua một số nơi thí điểm

Chúng tôi nhận thấy nhân dân bà con rất phấn khởi, đóng góp nhiều ý kiến thoả đáng, không những người già mà lớp trẻ cũng rất quan tâm và có những ý kiến sửa chữa thích hợp. Khi có những ý kiến chưa thích hợp thì trong nhân dân tự điều chỉnh với nhau. Ví dụ: có ý kiến bắt trai gái loạn luân phải ăn vào máng lợn như ngày xưa thì ý kiến chỉnh đốn lại cho như thế là không nên mà chỉ cúng lễ tạ ông bà, tổ tiên, thần linh và sau đó làm đơn xin ly dị. Cử tọa tán thành ý kiến thứ hai.

Ngôn ngữ dân tộc và văn vần Chăm (panuóc pakháp) được bà con rất thích thú.

Muốn thực hiện được những điều trên đây, người chủ trì, nhất là người soạn thảo trực tiếp, cần am hiểu luật tục, biết tiếng dân tộc, tốt nhất là người bản tộc.

PHẦN THỨ NĂM

VĂN BẢN ỨNG DỤNG LUẬT TỤC Ở LÀNG BÌNH NGHĨA - NINH THUẬN

Quy ước về phong tục, tập quán
của làng Bình Nghĩa

(ADAT PALEY BAL RIYA)

MỞ ĐẦU

Bình Nghĩa là một làng Chăm thuộc xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận, cách trung tâm huyện Ninh Hải 6km và cách thị xã Phan Rang 20km về hướng đông bắc.

Làng Bình Nghĩa định cư trên một vùng bán sơn nguyên, phía đông và nam giáp với đồng muối Phương Cựu, phía tây tiến giáp đồng bằng. Phía bắc là đồi núi khô cằn, tiếp giáp với xóm Bằng của người Raglai.

Làng Bình Nghĩa người Chăm gọi là "Bal Riya". Bal

có nghĩa là vùng, nhỏ hơn cấp xứ; Riya là nơi trù phú. Bal Riya mang nghĩa là "vùng trù phú, đô hội". Những chứng tích biểu lộ cho vùng trù phú, đô hội này hiện còn trong các di tích và địa dạng như: Đầm vua (Blan patau), Núi chúa (chok mik - nơi chứa của cải kho tàng). Diện tích của Bal Riya xưa mà chỉ là một phần nhỏ của vùng này. Hiện nay, làng Bình Nghĩa có diện tích đất tự nhiên là: 611, 7892 ha, trong đó ruộng lúa nước là: 155,416 ha, đất rẫy: 39,2186 ha, đất rừng trọc: 391,6004 ha, còn lại là đất cổ cư 25ha.

Làng Bình Nghĩa có số dân khoảng 2105 nhân khẩu (năm 992, nữ 1.113) và tổng số hộ là 323 (trong đa số là người Chăm, chỉ có 2 hộ người kinh và 5 người Raglai lấy vợ Chăm). Ở đây người Chăm theo đạo Bàlamôn, sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Nhưng vì điều kiện khắc nghiệt, hàng năm thường thiếu nước, khô hạn nên bà con vẫn còn thiếu gạo ăn. Cơ sở vật chất cho nông nghiệp đã có như sân kho, máy cày, máy tuốt, máy xay nhưng chỉ hoạt động ít ỏi theo mùa vụ. Thu nhập bình quân khoảng 900.000đ/người/năm. Mức sống bà con còn thấp, không có số hộ có kinh tế gia đình giàu, khá. Số hộ trung bình 36 hộ. Số hộ nghèo 121 hộ và số hộ đói 167 hộ. Số hộ có nhà xây kiên cố: 235; số nhà tạm bợ: 28. Tổng số đàn trâu, bò, dê, cừu là 478 con, heo 153 con.

Tình hình giáo dục phổ thông ở Bình Nghĩa đang ở mức thấp. Làng chỉ có một trường tiểu học với 251 học sinh và trung học là 100 học sinh. Tổng số người mù chữ

là 885 người, trong đó trong tuổi xoá mù chữ là 289. Hiện nay trong làng đã có 2 người tốt nghiệp đại học và 7 người đang theo học đại học.

Làng chưa có trạm y tế, tình trạng các cháu suy dinh dưỡng còn nhiều (khoảng 300 em). Số phụ nữ thực hiện KHHGD là 43 ca.

Vì không có quỹ hoạt động, nên phong trào thể dục thể thao ở đây gần như bỏ ngõ. Hoạt động văn nghệ chủ yếu là phụ vụ lễ hội hàng năm. Tuy vậy hàng năm, qua nhiều đợt tham hội diễn nghệ thuật cấp huyện, cấp tỉnh, làng Bình Nghĩa đã có nhiều nghệ nhân xuất sắc đoạt được nhiều giải thưởng huy chương.

Bên cạnh các hội, đoàn thể chính trị như Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ Nữ, Nông Dân, làng Bình Nghĩa còn có Ban vận động xây dựng Làng Văn Hoá, Hội Đồng Phong tục, Hội Bảo Thọ... Trong làng Bình Nghĩa có 3 đảng viên, 12 viên, 10 Gia đình có công cách mạng. Đây chính là hạt nhân nòng cốt, là nền tảng để đẩy mạnh phong trào các đoàn hội hoạt động, xây dựng địa phương⁽¹⁾

Qua tình hình, đặc điểm như trên cho thấy rằng, Bình Nghĩa là một làng đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời và luôn gắn bó với cách mạng. Nơi đây còn lưu giữ, bảo tồn nhiều di tích, lễ hội đặc sắc của người Chăm Ninh Thuận. Tuy nhiên do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt,

⁽¹⁾ Dựa theo tự liệu Đề án xây dựng làng văn hoá Bình Nghĩa và tư liệu điền dã khảo sát luật tục Bình Nghĩa năm 1998 - 2000.

người dân chủ yếu sống về nghề nông nên kinh tế ở đây chậm phát triển, đời sống còn gặp nhiều khó khăn. Tình trạng mù chữ vẫn còn phổ biến. Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh vẫn chưa được chú ý. Khắc phục tình trạng nêu trên, Đảng - Nhà nước, chính quyền địa phương có quan tâm bằng những chính sách cụ thể, thiết thực, đặc biệt là đã xây dựng Bình Nghĩa thành một Làng Văn Hoá vào năm 1998. Hiện nay trong quá trình xây dựng một Làng Văn Hoá, nhằm để phát huy hơn nữa phong tục tập quán, tinh hoa văn hoá dân tộc, nhân dân làng Bình Nghĩa muốn xây dựng đời sống văn hoá trên cơ sở tiếp thu những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình đã hình thành từ bao đời nay; xây dựng tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau, giúp nhau trong lúc khó khăn hoạn nạn, bảo vệ núi rừng, bến nước của ông bà, tổ tiên; giữ gìn an ninh trật tự, động viên nhất học tập, tích cực làm ăn để có đời sống ấm no, vợ chồng hoà thuận, con cái khoẻ mạnh, gia đình hạnh phúc.

Thực hiện chỉ thị số 24/1998 Ct-Ttg ngày 19/6/1998 của Thủ tướng chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản thôn, ấp, cụm dân cư.

Thực hiện thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT/ BTP-BVHTT - BTTUBTUMTTQVN ngày 30/03/2000 của Bộ Tư pháp, Bộ VH, TT, ban Thường trực UB TUMTTQVN, hướng dẫn về việc thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư.

Toàn thể nhân dân làng Bình Nghĩa, xã Phương Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận họp để thông qua văn bản quy ước về phong tục tập quán, truyền thống văn hoá của làng. Nội dung quy ước gồm có 5 chương 40 điều như sau:

Chương I: Những quy định chung

Điều 1:

Bản quy ước của làng được xây dựng trên cơ sở nhất trí của toàn thể nhân dân, sau khi được mọi người bàn bạc, góp ý một cách dân chủ, công khai.

Nội dung của bản quy ước nhằm phát huy những điều tốt đẹp trong phong tục tập quán của người Chăm, phù hợp với pháp luật của nhà nước, xây dựng xóm làng an ninh, trật tự, thương yêu, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, tích cực lao động sản xuất, xây dựng đời sống ấm no, gia đình hạnh phúc, vợ chồng hoà thuận, con cái mạnh giỏi.

Điều 2:

Luật tục do ông bà, tổ tiên để lại⁽¹⁾

Luật pháp của nhà nước, chính sách của Đảng

Mọi người hãy học cho kỹ, hiểu sâu

Ở đời nên biết điều phải trái

⁽¹⁾ Tất cả những đoạn văn vẫn trong tập này, chúng tôi phỏng dịch dựa vào tư liệu luật tục Chăm, bao gồm cả tục nữ (panước yaw), thành ngữ (Bauh kadha); các bài thơ dạy đạo lý cho đàn ông, đàn bà (Ariya pato Adat likey, kamey), bài thơ Bà ăm quê hương (Ariya Muk truh paley) liên quan đến luật tục... Nguyên văn các đoạn dịch được phiên âm chữ Chăm ở phần sau, ở đây chúng tôi không trích lại.

Biên soạn nội dung này, ngoài tư liệu chính sưu tầm ở làng Bình Nghĩa và những làng Chăm ở Ninh Thuận, chúng tôi còn nhận được nhiều tư liệu đóng góp bổ sung của các nhà nghiên cứu các tri thức người Chăm ở Ninh Thuận như ông Sử Văn Ngọc, Lâm Gia Tịnh, Thành Phú Bá... Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Dùng lời lẽ chân thành mà nói để người người mãi
yêu thương
Tập tính tốt, giữ thái độ khoan dung
Hỗn xược to gan dễ chia rẽ
Đoàn kết thương yêu nhau, nhà nhà vui vẻ
Paley không để xảy ra chuyện to, việc lớn
Lời lẽ truyền từ ngàn xưa, hãy bảo lưu, truyền tụng.

Điều 3:

Khi có việc xảy ra phạm vào quy ước của làng
Sẽ phải đưa ra trước Paley xét xử, giáo dục
Người nào không tuân theo adat do ông bà để lại
Sống không đúng với đạo lí cha ông
Là đi ngược lại nguyện vọng cộng đồng
Vi phạm thuần phong mỹ tục
Người đó như con trâu bị chứng
Trâu chứng hay húc người
Nhưng nó lại sợ dây da
Trâu chứng phải sợ dây da
Người vi phạm phải xử theo luật lệ, quy ước.

Điều 4:

Việc xét xử phải đúng người, đúng tội
Một cá nhân vi phạm sẽ ảnh hưởng đến cộng đồng
Phải ngăn chặn tội phạm ngay từ hành vi nhỏ nhất
Luật tục, luật lệ phá vỡ thì gia đình, làng xóm loạn lạc.

Cũng như:

Nước mới chảy tràn qua bờ mà không lo đắp đập
Nếu không kịp bờ, nước chảy thành biển sâu khó
mà đắp đê

Điều 5:

Việc xét xử phải công khai

Dù vua quan hay dân thường đều phải xử công minh

Luật pháp như thế nào thì lệ làng như thế ấy

Không phân biệt chức sắc, địa vị xã hội mà phân xử
khác nhau

Điều 6:

Đi thưa kiện phải có chứng cứ rõ ràng

Nói có sách, nhà cửa phải có ngăn

(Nói có sách mách có chứng)

Ai xuống nước người đó ướt

Ai gây tội người đó phải mang

Không được chối cãi quanh co

Ăn nói tráo trở

Để một người phạm tội

Làm ảnh hưởng đến gia đình, tộc họ, xóm làng

Một con cá ươn làm ảnh hưởng cá tốt

(Một con sâu làm rầu nồi canh)

Người như thế sẽ bị tổ tiên quả trách

Điều 7:

Người có tội phải chịu xử trước pháp luật

Làm lễ tạ tội trước dân làng, ông bà, tổ tiên

Rượu trứng, trâu cau trên mâm lễ
Hứa với dân làng, ông bà, tổ tiên
Từ đây không còn tái phạm nữa
Từ đây không ai được nhắc lỗi cũ
Mọi người đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau.

Chương II: Giữ gìn trật tự an ninh trong làng

Điều 1: Tội ăn cắp (Klek sawah)

Ăn cắp là việc xấu xa
Người không đạo đức
Làm ô danh gia đình, tộc họ
Người ăn cắp bắt được quả tang
Cùng với vật ăn cắp
mang theo mình người ăn cắp
Đưa ra kiểm điểm trước dân
Làm như thế cho chừa thói xấu
Cho nhớ đời đừng bao giờ ăn cắp nữa

Điều 2: Trách nhiệm gia đình, tộc họ đối với người ăn cắp

Người ăn cắp còn nhỏ tuổi thì cha mẹ phải mang
Tộc họ bị ảnh hưởng, ô danh
Cha mẹ phải đến làng chịu bảo lãnh
Giáo dục con cháu không bao giờ tái phạm nữa.

Điều 3: Tội gây rối trong làng

Người gây rối chửi bới cha mẹ, bà con, xóm làng
Họ là hạng người mà miệng to hơn miệng người khác
Cổ họng họ giãn ra quá chừng
Không biết nhường nhịn kẻ trên người dưới
Ăn nói không biết đầu đuôi, thứ tự trước sau
Nên nó chẳng hợp với bà con
Do nó không làm theo lời dạy ông bà

Điều 4: Hồn láo

Họ hồn láo với cha mẹ
Họ hồn láo với anh em
Họ hồn láo với xóm làng
Làm cho bà con xa, lảng giềng gần
Ăn không ngon, ngủ không yên
Xóm làng rối ren
Nếu như thế
Thì cha mẹ, cậu, làng paley phải xử phạt hấn

Điều 5: Tội uống rượu gây rối

Uống rượu bằng chum (chén nhỏ) hấn không thích
Uống bằng tô hấn mới thoả chí
Uống rượu say
Hấn không biết, đâu là đường ngay, lối thẳng
Hấn chửi vợ con, cha mẹ, tổ tiên
Rượu say làm đôi mắt hấn đục ngầu như con thú

Đầu óc quay cuồng không còn trí khôn
Bàn tay hấn chỉ biết đánh người
Bàn chân hấn chỉ biết đá người
Miệng hấn luôn chửi người
Xóm làng phải xử phạt hấn

Khi tỉnh giấc say
Hấn không còn biết nữa
Nhưng lời chửi của hấn vẫn còn vang xa
Làm mất tình làng nghĩa xóm
Như nước trong tô đã đổ làm sao múc lại cho đầy

Phong tục người Chăm
Khách ở xa thì đãi cơm, khách trong thôn thì đãi nước
Khách khờ thì đãi rượu, khách có trí khôn thì
đãi lời
Vì, người khôn uống rượu thì thành khờ
Kẻ dại uống rượu hấn là hoá điên

Điều 6: Tội xúc phạm đến chính quyền, tu sĩ

Mỗi làng Chăm có một người đứng đầu
Như trên trời có mặt trời
Như ếch có nắp đậy hang
Làng phải có chủ cai quản
Người đứng đầu làng là Pô paley
Đứng đầu tôn giáo là cả sư

Đứng đầu tộc họ là trưởng tộc
Họ là chỗ dựa vững chắc
Là cây cao bóng cả che mát cho dân làng

Điều 7: Xử phạt

Nếu ai không tuân theo chính quyền
Thì làng phạt vạ
Ai xúc phạm đến tu sĩ, trưởng tộc
Người đó vị yang quả trách
Phải làm lễ tạ tội
Và luật lệ phải xét xử hần

Chương III: Xây dựng tình làng nghĩa xóm - nâng cao tinh thần đoàn kết cộng đồng

Điều 1: Tình đoàn kết

Người Chăm ta muốn mọi người sum họp, đoàn kết
Cùng một dòng tộc sinh ra
Như anh em một nhà
Người đồng tộc như anh em một mẹ

Điều 2: Chia rẽ

Đừng bỏ họ hàng, làng xóm mà tìm an ủi nơi người
Ra khỏi nhà kẻ cười người chê
Bỏ cây đi dựa vào cành
Như bỏ họ hàng làng xóm đi theo kẻ lạ

Như theo trống bỏ dùi, theo trai bỏ con đại

Điều 3: Đùm bọc lẫn nhau

Mọi người đồng cam cộng khổ
Nửa đêm tắt lửa tối đèn
Cùng chia ngọt sẻ bùi
Đói khát có nhau
Đừng dụ chú cắt tranh
Nhà lọt tranh rồi đá dít chú đi
Hãy đoàn kết thương yêu nhau

Điều 4: Tương trợ lẫn nhau

Trong làng xóm có lễ tang, lễ hội
Phải cùng nhau giúp sức chung làm
Đàn bà thì cơm nước, nổi niêu
Đàn ông thì cất rạp, trải chiếu
Trong làng không được dựng một lúc hai đám tang
Trong cúng lễ không gây ồn ào, chửi bới

Không xa hoa lãng phí
Cúng yang chỉ bày hoa
Đừng cúng trâu tốn kém
Rượu trứng cũng đủ rồi
Kiêng cũ mùa Ramuwan
Không được cúng tế sát sinh, đánh trống lễ Ginang
Ai vi phạm phải xử phạt bằng mâm lễ vật

Điều 5: Lời dạy đạo lí đàn ông

Đây là lời giáo huấn được lưu truyền
Làm trai chớ khờ dại, hãy đọc chữ và luyện toán
Thuộc làm lòng những lời thầy căn dặn
Mọi lời nói ra đấn đo chừng mực
Chớ nói lấy được vì dễ gây buồn lòng người
Biết phải trái để sống thuận lẽ đời
Có thể mọi người mới chúc phúc cho ta...

Điều 6: Lời dạy đạo lí nữ giới

Đây lời giáo huấn Muk Truk Paley
Truyền nhắn gởi cho con cái
Con nghe lời mẹ dạy...
Con là nữ giới
Lời tiếng to dễ sai đạo
Còn khi nói năng
Biết nể kiếng nhiều người khen ngợi
Hàng xóm láng giềng không nói xấu
Con cháu giao du qua lại
Trước khi nói nhớ mỉm miệng cười
Đấy là thuật ở đời
Có người chung sống trong nhà
Lời lẽ sao êm dịu
Chớ làm ồn chủ ầu
Lời êm dịu người chịu ăn ở lâu
Gái thì thích vòng tay, xâu chuỗi

Với lời bảo ban nghe êm ái
Cá lớn tụ ở đầm sâu
Người ăn ở với em lâu do khéo bảo
Rừng dày mới có voi
Người ăn ở không tiếc công do em không tiếc của
Tiếng em vang tận paley xa
Suối ấm tình làng, nghĩa xóm, quê hương.

Chương IV: Bảo vệ vệ sinh, môi trường

(Bảo vệ làng paley, khuôn viên nhà cửa,
rừng, đập nước, ruộng đồng...)

Điều 1: Vệ sinh làng paley

Tục người xưa truyền lại
Làng Chăm là vùng đất tinh khiết
Là nơi trú ngụ của dân làng, tổ tiên, ông bà
Cho nên đất làng không bị uestạp.
Hàng năm có lễ múa Rija
Tống khứ những điều xấu, đón nhận những điều tốt lành
Làng xóm phải giữ gìn sạch đẹp
Ai vi phạm những điều kiêng kị phải bị xử phạt.

Điều 2: Chăn nuôi gia súc, gia cầm

Nuôi trâu bò, heo, gà
Gà thì có tổ, trâu thì phải có chuồng trại

Không được thả trâu bò lang thang trong thời vụ
Gia súc phá hoại mùa màng
Trâu bò bán, húc người
Heo thả rong đi đẻ trong nhà khác.
Người Chăm kiêng kị
Người lạ mặt, trâu bò, heo người khác đẻ trong nhà mình
Chó nháy qua đầu, trâu húc chó cắn
Người chủ nó phải bồi thường và làm lễ tẩy uế.

Điều 3: Đập nước và nước tưới ruộng

Làm ruộng có lúa
Nuôi sống con người
Phải đắp đập dào nương
Dẫn nước về đồng
Giữ gìn đập nước
Không đào phá kênh mương
Tuỳ tiện tháo nước
Trời không mưa nữa
Vác len qua đập
Đập vỡ nước tràn
Phạt vạ một con heo
Tuỳ theo mức nhỏ to.

Điều 4: Bảo vệ rừng

Núi cao rừng rậm
Nhiều cây cao, cổ thụ

Cây cao to sinh ra từ cây Môsri⁽¹⁾
Thân cây to lớn là Nữ thần Pô Nugar
Thân cây to lớn làm trên núi cao
Rễ cây trên rừng làm mạch nước chảy quanh năm
Gạo trong lòng đất, bạc vàng trong tay
Cỏ mọc trong rừng, nước mạch tuôn từ núi
Cá tụ ở sông nhờ sông lấm rong
Cọp tụ ở rừng bởi núi cao rừng rậm
Vì thế, ông bà ta dạy
Hái trái chó nên chặt cây
Chặt cây to lớn là phá ngay rừng yang
Rừng yang hết là che mưa
Hết mạch nước chảy, hết cua cá bầy
Ai ơi chó phá rừng cây
Một người vi phạm hại lây cả làng.

Chương V: Hôn nhân và gia đình

1. Hôn nhân

Điều 1: Điều kiện hôn nhân

Người Chăm có tục cưới gả

⁽¹⁾ Cây Môsri là một cây thân thảo trong truyền thuyết người Chăm.

Khi đúng tuổi khôn lớn
Gái mười tám⁽¹⁾
Trai đôi mươi
Được gả chồng lập gia đình
Sinh con đẻ cái
Thuận vợ thuận chồng
Làm ăn sinh sống
Gia đình sung túc
Tộc họ sum vầy
Xóm làng yên vui.

Điều 2: Nguyên tắc kết hôn

Khi kết hôn
Hai bên cha mẹ, tộc họ thuận tình
Người kết hôn không quan hệ họ hàng, máu mủ với nhau
Bên đàn gái nhờ mai mối
Đem lễ vật
Dạm hỏi nhà trai
Làm lễ hội
Hai bên ưng thuận thì làm lễ cưới

Điều 3: Vi phạm nguyên tắc kết hôn

Khi tộc họ hai bên đã đồng ý

⁽¹⁾ Ngày xưa gái mười sáu, trai mười tám được kết hôn.

Tổ tiên tộc họ đã chứng lễ
Trầu lễ đã ăn, rượu đã uống
Nhưng bên nào thất ước bội hôn
Không duyên cố chính đáng
Làm đám cưới không thành
Phải bị phạt vạ
Váy áo, vòng tay
Trầu rượu tạ lỗi tổ tiên
Và còn phải xử phạt trước luật lệ.

Điều 4: Tảo hôn

Con gái chưa đầy tuổi mười tám
Con trai chưa đầy tuổi đôi mươi
Không được kết hôn với nhau
Tuổi như thế
Như măng mới mọc
Như trăng mới tròn
Vú chưa mọc khỏi ngực
Nước mũi hỉ chưa sạch
Làm sao biết cuộc sống vợ chồng
Họ chỉ hành động theo cảm tính
Thấy nước vôi tắm
Thấy gái vôi yêu
Tảo hôn như thế khó mà sanh con.

Điều 5: Kết hôn trái với Adat Chăm

Cùng một dòng họ tổ tiên
Là chết cùng nằm chung một "Kút, một Ghô"⁽¹⁾
Người cùng dòng tộc, cùng huyết thống
Như một con đập chảy thành nhiều sông.
Như cổ tay bàn chân có nhiều ngón
Là cùng một bà mẹ sinh ra
Phải nhìn nhận nhau cho thấu
Để con cháu hạnh phúc mai sau

Cùng một tổ tiên
Cùng một dòng họ
Cũng như con cô, con cậu, con dì
Lấy nhau không được
Ít nhất cách nhau ba đời (đối với đàn trai)
Mới được kết hôn với nhau

Điều 6: Trường hợp đa thê

Một vợ một chồng
Gia đình giàu sang sung túc
Một chồng hai vợ dúi khát triền miên
Thà xối cơm trong nồi cho ăn (tặng của cải)
Không ai chịu cho chồng mình đi lấy vợ lẽ.

⁽¹⁾ Kút: Nơi chôn những mảnh xương trán của người Chăm Balamôn thuộc dòng họ mẹ sau khi hoả thiêu.

-Ghô: Nơi chôn những người quá cố theo dòng họ mẹ của người Chăm Bàni.

Điều 7: Li hôn

Chồng được li hôn vợ
Khi vợ ngoại tình
Vợ chửi chồng và cha mẹ tổ tiên
Vợ bỏ nhà, bỏ chồng đi lang thang
Vợ không chăm sóc gia đình con cái

Vợ được li dị chồng
Khi chồng chửi bới vợ, cha mẹ, tổ tiên
Chồng uống rượu, bỏ bê nhà cửa, không làm ăn
nuôi vợ con
Chồng trộm lén đi theo vợ lẽ.

Điều 8: Thủ tục li hôn

Khi hai vợ chồng li hôn
Thì họ không hoà thuận như xưa
Như hộp đựng trầu cau
Nắp không đậy được vào hộp
Trầu khô, cau héo
Tình nghĩa vợ chồng không còn đầm thắm
Như trầu mới, cau tươi
Phải nhờ cha mẹ tinh thần⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tục cưới gả người Chăm, trong lễ cưới ngoài cha mẹ chính thức của cô dâu chú rể có cha mẹ tinh thần gọi là Inư-amư.

Người năm xưa cưới gả cho họ
Xây lại tổ ấm
Tổ ấm không thành
Vợ chồng nhất quyết
Không thắm tình nghĩa như xưa
Tộc họ, luật lệ phải li hôn
Làm lễ chẻ đũa
Cho đường ai nấy đi
Nẻo ai nấy bước.

Điều 9: Hậu quả của việc bỏ nhau

Bỏ nhau làm tan cửa nát nhà
Tộc họ tiếng xấu
Xóm làng cười chê
Bỏ nhau lỗi thuộc nữ giới
Phạt mâm lễ thú tội tổ tiên, ông bà
Bỏ nhau lỗi thuộc đàn ông
Vác cây rựa không, về lại nhà cha mẹ mình.

Điều 10: Ngoại tình

Ngoại tình với vợ, chồng người ta
Không tuân theo đạo lí cha ông
Đạo làm gái chó nên
Học thói lấm mồm tán chuyện người ta
Loại đàn bà lẳng lơ
Người đời cười chê mới biết xấu hổ

Đàn bà ngoại tình là người to gan
Bắt được quả tang
Đưa trước dân làng
Ngày xưa phạt lễ trâu rượu
Bỏ giỏ thả trôi sông
Ngày nay phải xử nghiêm bằng luật lệ.

Điều 11: Loạn luân

Cây có cội nước có nguồn
Con vật có loài có giống
Con người có dòng họ huyết thống, có tổ tiên
Cùng dòng họ mà kết hôn với nhau,
Đất trời nổi giận
Hạn hán mất mùa
Tan hoang cửa nhà
Khó mà sinh con đẻ cái
Nòi giống diệt vong
Ai vi phạm
Tội loạn luân
Ngày xưa phạt trâu để cúng thần
Bỏ người loạn luân vào giỏ thả trôi biển
Ngày nay phải xử bằng luật lệ
Ai có dấu hiệu loạn luân
Làng xóm phải ngăn chặn từ đầu

Để họ đi sâu khó mà tách ra
Việc này không chỉ riêng ai
Mẹ phải dạy con
Anh phải dạy em
Rằng như thế
Xóm làng rồi ren

Điều 12: Hiếp dâm

Người đàn ông
Hiếp dâm con gái
Con gái dẫy thì
Thân như búp măng non
Kiến đen không dám cắn
Kiến đỏ không dám chích
Mà làm như thế
Phải bị phạt vạ
Đưa người có tội ra xử trước luật lệ.

2. Gia đình

Điều 1: Cha mẹ đối với con cái

Cha mẹ vốn sinh con ra
Phải có trách nhiệm nuôi con đến khôn lớn
Không ai ở trên trời rơi xuống
Cây có cội, nước có nguồn

Chim có tổ, người có tông
Con phải có mẹ, có cha, có chị có em

Điều 2: Con cái đối với cha mẹ

Lấy vợ là để sinh con nối dòng
Trăm năm về già có con thờ phụng
Phận làm con sống có hiếu
Trả công ơn sinh thành dưỡng dục
Con hốt láo với cha mẹ
Là con bất hiếu
Con không biết đầu đuôi, gốc ngọn
Dù con có đúng có sai
Nhưng sông không thể chảy qua nguồn
Làm con phải chịu lỗi với mẹ cha
Cha mẹ, tộc họ, làng phải xử phạt.

Điều 3: Cha mẹ với chàng rể

Gia đình người Chăm
Vợ cưới chồng
Chàng rể là người họ ngoại
Nhưng là trụ cột gia đình
Truyền lại giống nòi
Làm nên gia tài sự nghiệp
Cho gia đình bên vợ
Cha mẹ vợ giàu sang
Nhờ công lao chàng rể
Như hương khói trầm

Toả ra thơm ngát
Phải nhờ chén lửa
Giữ chén lửa cho khói trầm bay
Máng chửi chàng rể vô cố
Chàng rể bỏ đi
Con mình ở goá
Cha mẹ vợ
Học điều hay, gìn giữ điều lành
Giữ gìn giàn bầu để bí leo lâu

Phận làm con rể
Phải kính trọng cha mẹ vợ
Phận làm rể trong nhà
Đừng chửi chó máng mèo trước mặt mẹ cha.

Điều 4: Các thành viên trong gia đình

Ông bà, cha mẹ, con cháu
Phải nhin từng lời ăn tiếng nói
Dù ai có lỗi
Phải thành khẩn với nhau
Như răng với lưỡi
Làm sao mà không va chạm
Con người cũng vậy
Rửa mặt chạm mắt
Như không vì thế

Mà xua đuổi nhau
Như chân lữ đạp phân
Lễ nào chặt bỏ
Làm như thế tổ tiên nổi giận
Lễ cưới, lễ tang
Ông bà không về dự
Gia đình không sum họp
Hãy giữ tổ ấm sum họp
Hãy giữ tổ ấm gia đình
Tình làng nghĩa xóm
Đùm bọc thương yêu nhau
Bảo vệ làng paley
Khuôn viên nhà cửa
Bến nước, rừng đầu nguồn
Thuần phong mỹ tục
Xóm làng sạch đẹp, yên vui.

ADAT PALEY BAL RIYA

SARĀK I: ĐOM DANAK PADĀNG DALAM PALEY

Kadha 1:

Harāk dāk padang tana rakun paley tuok tuah tui bhap play sa duk sadai sa hatai sa tian. Haday di puor harāk dāk padang tana ra kun. Abih drey chin biai tái táak tuai hatai bôl chaung takru. Harāk dāk padang tana rakun pieh pawok dôm bruk siam mukru dalam Adat cabac urang Cam djaup tuai hakum adat padang paley nugar suc hatai jum pataum anit ranăm pawok guáp, múrat ngăk băng padang angui tasit glaung rai băng Trey chuh chin munga wôm hanim phuôr, hadiêp pasang sa bik sa băng, anuk bik kajăp karô pô pajưong.

Kadha 2:

Adat cabac ywa muk key cek wôk⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tất cả những đoạn văn vần trong tập này ngoài những tư liệu sưu tầm về luật tục, còn bao gồm cả tục ngữ (panước yaw), thành ngữ (bauh kadha), pưnước paghap (lời nói ví); các bài thơ dạy đạo lý cho dân ông, đàn bà (Ariya pato Adat likey, kamey), bài thơ Bà tổ ẩm quê hương (Ariya Muk truh paley) của người Chăm có liên quan đến luật tục... Phần chữ Chăm chúng tôi phiên chữ theo hệ thống từ điển Chăm- Pháp-Việt của Mousay, Thiên Sanh Cảnh... Trung tâm văn hoá Chăm, Phan Rang - 1971.

Trong quá trình biên soạn phần này, ngoài tư liệu luật tục sưu tầm ở làng Bình Nghĩa còn sự bổ sung tư liệu của các nhà nghiên cứu, các trí thức Chăm như Ông Sử Văn Ngọc, Lâm Gia Tịnh, Thành Phú Bá... Đặc biệt Ông Sử Văn Ngọc đã đọc, sửa chữa và dịch bổ sung bằng chữ Chăm. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Hakum saung Adat

"Sanung pablah krey dauk saung uran

Panuoc sibor dauk bisiam urang anit drey bithruai

Jak karak khik biđi binai

Juai musak praung hatai nan drah atah di urang"

Paley anit guap jum pataum muthrum tabang

Juoi pucor hatom ginaung di guap

Panuoc urang taha picoh di tian khik ramik

Kadha 3:

Hu bruk suk glaic saung Adat paley

Sang ba tibiak di paley payah padah patuaw takai

U rang ô pang tuai Adat muk key cek wok

Diep suan di agama muk key

Nan gang di bruk caung takur bhap nugar

Urang num maung ka bong

Kabau bong hucor di brak thu

Munuis suk glaic pakrap mung Adat hakum

Kadha 4:

Bruk padah payah muk glaic djaup munuis djaup glaic

Ikan bruh muluk ikan siam

Sa urang suk glaic ngak jhak tal bhap paley

Wang cakak bruk glaic mung bruk glai sit

Adat cabac tana rakun tayah tadah nãm mũaga
wôm paley pala thrau dau
Ia the tapa chok pan boh
Lôi ka juông tathik ngak nôi ô.

Kadha 5:

Bruk padah payah sãng di padi đang
Patau panraung hai bôl jang padah payah tuai Adat
Hakum yâu haley Adat yâu nan
Oh parabha halau janung hai chanăn praung neh
dalam bhap blauk ngăk karey di guăp.

Kadha 6:

Nau ya sãng hu mũanú dãng glăng
Dom hu tapuk, duk hu tal
Thay trun ia they pathak
Ô hu dom plôk dom blan
Ngak yâu nan
Sa drey ikan bruh muluk ikan siam
Muk kei pabrai mũanuis haley yâu nan

Kadha 7:

Mũanuis glaic sãng chiep glaic saung hakum
Ngak yang pabuh glaic saung mukey paley pala

Alak hala salao

Dom dom bauh panuôc tapak sari saung paley pala
muk key

Mung ni tal haday ô muda suk glaic tra

Panuôc suk glaic daum ploh daum padauk

Abih drey paley pala jum patum guăp wok.

SARĀK II: KHIK ADAT DALAM PALEY

Kadha 1: Klek sawah

Klek sawah năn bruk jhak

Daum mŭnuis năn ôh hu phuôr dhar

Ngak jhak bhauk jawauh mutta guăp tian

Mŭnuis klek mŭk hu

Saung dom kaya nhu klek

Ba tuai rúp nhu

Ba tabiak pasiam pajhak patuaw takai di anak

bhap paley

Ngak yâu năn ka nhu tapak sari kli ia habâu

ngauk akauk

Kadha 2: Naphuôr guăp tian mŭnga wôm mŭnuis klek sawah

Anuk klek sawah amaik amŭ dwoa mulâu

Guâp tian jhak bauh kawauk mûta
Amaik amû chiup glaic suk saung paley nûgar
Patuwaw anuk tachô juôi ngak yâu năn.

Kadha 3: Praung pabah ðak talikaung dalam paley

Nhu hatôm, pôiik cha-ua muk ruak key paley nûgar
Pruang pabah ðak talikuang
Nhu ô thâu ngauk ala
Ô thâu akauk iku
"Kaywa nhu chap hatôm lo
Hajion nhu ô nhjor saung urang
Hajion nhu tian tachor
Ywa ka nhu ô nhjop joh saung kabhuon"
(Ariya Muk Thruh paley)

Kadha 4: Mûsât mûju

Praung pabah ðak talikuang saung amaik amûk
Praung pabah ðak talikuang saung amaik adey sa ai
Praung pabah ðak talikuang saung amaik paley nûgar
Ngak ka mikwa paley nûgar
Hwak ô bingi ðik ô war
Mûyah yâu năn
Nhu chiup aneh sari saung amaik mikwa

Kadha 5: Glaic múnhum alak ngăk ruôn thring

Múnhum alak di cawan lach ô takru
Múnhum alak di jaluh mung bak hatai
Mưbuk alak
Nhu haley hu thau jalan tapak we
Nhu cha ua muk ruah key hadiup anuk
Mưta nhu bhông yâu mưta rimaung
Akauk nhu hawing hawang ôh thâu haget
Tangin nhu khing atuang urang
Takay nhu khing chauk u rang
Pakai inư u rang găm di pabah
Bhap paley mưk glaic nhu
Tăl nhu tangeh
Nhu ô thâu haget tra
Min panuoc pakai inư nhu dauk par di paley nưgar
Ngak bhik dhăr muk paley pala
Yâu ia di jaluk huak, jhauk wok ô băh yâu krung
Adat cabac Cam drey
Twai atah payak lisey, twai dalam paley payak ia
Twai gila payak alak, twai jak payak akhar
Jak múnhum alak jưong taba
Gila múnhum alak jưong hanruai

Kadha 6: Glaic suk saung halâu janưng

Sa paley Chăm hu tha Pô ginôr

Yâu ngauk lingik hu ia harey
Akiêup hu kakhay
Paley hu Pô ginôr
Ginôr agama hu Po dhia
Ginôr guăp hu akauk guăp
Duam halâu janưng
Yau kayâu praung mubat paley
Halui ra paday klah di padiăk

Kadha 7: Trah

Muyak they ô pang tuai Pô ginôr
Paley muk trah
They pruang pabah đak talikaung saung halau janưng
Paley muk glaic muk suc
Ngak panôja cih mưrúp ka Pô
Muk trah di paley nưgar

SARĀK III: PALEY NƯNGAR MUTHRUM TABANG

Kadha 1: Muthrum tabang

Anuk cam khing ka yak jum jum pataum
Yâu tha inư jưng taibiak

Yâu adey sa ai sa tian
Mũnuis sa paran yâu adey sa ai.

Kadha 2: Pacalãh

Klak guâp pajiong di urang
Tabiak di sang u rang klau biley
Klak phun gabak di dhan
Klak guăp patian tui urang parat
Tui tanaw li aw anuk

Kadha 3: Đung ba guăp

Ribah ibah saung guăp
Kruh mulãm brãm guh
Nau jalan bãng ikan sa nau
Bãng ok bãng lipa saung guăp
Jôi palua cey yawak raluah
Tak sang buah cuah tuah cei palau
Anuk Cam anit guăp jum pataum

Kadha 4: Pajum guăp

Dalam paley hu ngak yang liban
Jum pataum duan hadai saung guăp
Kamey thauk tapung đung bai

Likey ngak kajang lang linôl
Tha Paley juoi padang twa ðam mutay
Ngak yang libang juôi brey panuóc khadha ruôn thu ôn

Bruk ngak yang juôi kalang dhai
Ngak yang parang bingu
Lak bak bauh munuk hu rey
Juôi ngak yang tak kabau
Ar mal di bilan Ramuwan
Juôi pacah arah băng rilo
Taleh waha ka mung pacah yawa ginăng
They ngak karey muk glaic suc

Kadha 5: Ariya patauw likey

Ni twór panuh da lam ariya
Anuk likey juai gila dwah akhar thróm katih
Dom panuóc gru pataw ðom abih...
Pathăr mung panuóc sanung di tian drei pabhauh
Haley tabiak di pabah panuóc trak di urang
Haley saung thâu ligaih dauk bijông
Pioh ka mik wa urang tadhâu phuol drey hadei

Kadha 6: Ariya Muk Thruh paley

Ni kabhuôn Muk Thruh paley
Dom blauh kakey pioh ka anuk

Anuk pǎng amaik akhan...
Adat drey nǎn jǐong kamey
Pước khǎng dey cuh di Adat
Muyah mey khing pước
Thâu kada huợc mừng urang muyaum
Mey kada hai di tian
Guap gan urang ô đom biley
Anuk saung kamuôn nau mai
Muyah khing muyai khim klau dahlou
Nǎn joh ralac sunâu

Ariya pataw Adat kamey...
Muyah hu mưnuiis dauk di sang
Pador urang sớp bilidhuor
Juoi pước bilik ngǎk ron
Panuợc bilidhuor nhu dauk liwik
Kamey yớ caung kaung nhuk
Nhu dauk liwik ywa sớp pador
Ikan praung nhu dauk ywa tớng
Mưnuiis ghor pador nhu dauk liwik
Rớm gluang mừng hu limưn
Halun ngak danưm ywa pớ kalih
Tiếng grǎup nưgar paley urang

SARĀK IV: KHĪK CŌK GLAI BINUK IA HACI HA CHĪH PALEY NUGAR

Kadha 1: Khik haci hacih paley

Adat urang taha cek wok
Paley Cam libih siam mukru
Lihik dauk bhap paley muk key
Kaywa yâu năn tanuh plet ô luai ka chuap
Yuap thun ngak Rija nugar
Param lihil jin tôh ligheh mukru
Băng khik paley pala haci hachih
Thay suc glaic đom kadha mal ngak glaic

Kadha 2: Bruk raung asur

Raung kabau limaw papuai mưnuk
Mưnuk hu aruaw kabau limauw hu wăn hu khâm
Ô palau kabau limaw băng padai
Banuh mưnuiis
Papuai plau mưnưh di sang urang
Tuai Adat Cam lihin pakan

Kadha 3: Binuk ribhuang

Ngak hamu hu paday

Ngak binuh taleh ribuan
Tuai ia ba tamu hamu
Sang khik binuk ribhang oh chauk lian bek
Oh lah ia tuai hatai
Lingik ô jan tra
Gilam chalen ba binuk
Ralah bira thik papui ban

Kadha 4: Khik raglai ram

Cok klaung glai ram
Rilo kayau biak klaung
Kayau praung nan tabiak di phun Mosri
Rup kayau praung padah tauh Pô nugar
Ngak jiong cok kluang glai ram
Hajan angin hanim phuor
Agha kayau padah tauh ka bilau takay Pô
Ngak jiong ia duoc di cok trun

Brah dalam tanuh, muh dalam tangin
Ia tamu di cok, haroh muh di ralong
Ikan jiong di kruang ywa nhuc
Rimong jiong dikhuc rom kapal
Yau nan adat pataw dunya
Paik bauh juai kauk phun
Ngap yau nan chiup glaic Pô Nugar
Pô ngak twa tah riya o hu hajan angnin.

SARĀK V: ADAT KHING KAMEY LIKEY SAUNG MŪNGAWÔM

1. Adat khing kamey likey

Kadha 1:

Anuk Cam hu Adat bǎng padih
Tal praung dǎm dara
Kamey sa pluh dalipan
Likey twa pluh
Patôk guǎp hu
Jiong anuk jiong tacho
Hadiup pasang sa duk sa dai
Ngǎk bǎng padang angui
Munga wôm ô parabhô
Guǎp tian muthum tabang
Paley nugar thruk haitai

Kadha 2:

Kal di guǎp twa gah drey amaik amu
Abih guǎp tian uring oh djuâp guǎp tian
Ba alak hala

Nau paluăk panuoc
Ngak Adat panuoc likey
Twa gah drey uring ngak
Adat băng munhum

Kadha 3:

Twa guăp uring blauh
Muk key tók alak hala
Băng hala munhum alak
Gah haley tablet panuoc puoc karey
Ô djuáp panuoc kadha
Ngak ka Adat băng munhum ô juring
Săng muk trah
Akhan au akuan nhuk
Alak hala chiup glaic di muk key saung hakum

Kadha 4:

Kamey ôh tal sa pluh salipan thun
Likey ô ka twa pluh
Ô khin guăp hu
Thun yâu năn
Yâu rabung birâu tamuh
Yâu ia bilan birâu băk buak

Thatâu ka tamuh di dey
Ia dung nhuk ka jik
Thi bǎr thau ka hadiup pasang
Nhu sǎng ngak tuai tain takru
Bôh ia boh mưney
Bôh kamey bôh khing
Khing guáp yâu nan ô chak tamuh

Kadha 5:

Sa guáp sa tian
Yâu sa bauh binuk nhưi jưong ribhuan
Yâu tha Po inư jưong tabiak
Yâu sa môn tangin takay hu kadiên
Krun hai daum hangǎn urang paya
Cek ka yak jum jum pataum anuk tacho
Sa prauk patra
Sa kut sa ghôr
Anuk mikwa tada kamuôn
Ngǎk haget lilǎng klauk ia
Mưng khin guáp hu
Jưong anuk jưong tacho
Nak bǎng hu hanim bhôn

Kadha 6:

Sa hadiup sa pasang
Ngak bãng hu binup mũa
Pasang rilo hadiup ok lipa klua pagar
Dak tuah lisey di guak brey ka urang bãng
They luôi pasang drey ka urang khing

Kadha 7: Kloh guáp

Pasang kloh hadiup
Ywa hadiup bãng glai mũa
Hadiup cha ua muk rok mukey pasang
Hadiup klak sang nau o they thau
Hadiup ô sãng ka bãng angui
Hadiup kloh pasang
Ywa pasang cha ua mukey hadiup
Mũnhum alak tapai ô ngak bãng angui
Khing hadiup sít klak hadiup praung

Kadha 8:

Hadiup pasang kloh guáp
Nhu ô bak yom saung guáp
Yâu tuk đôn tuk hôp

O hu sa danauk sang guăp
Nhu ô yut saung guăp
Ba alak hala nau sang inư amư
Likâu di guăp tian
Twa hadiup pasang kloh guăp
Blah dwoh jiong twa
Bha jalan bha tah
Bha chanah banau.

Kadha 9:

Kloh guăp ngăp tayak sang padang guak
Guăp tian paley nưgar klau
Muyak kamey chiup trah
Ngap alak halachiup glaic suc muk key
Muyak likey chiup trah
Gilăm amra nau sang thauh.

Kadha 10: Băng glai mưtah

Mư in saun hadiup, pasang urang
Ô thâu jalan dhan phuôr
Adat drey jiong kamey
Jwuai mey bilai saung dwah mưgai

Nan jôh kamey say u
Ra puôc jhak hu mey lac mulâu

Kamey băng glai mưtah năn kamey praung hatai
Mưk hu
Ba tabiak paley pala
Mưng kal trah alak hala
Buh di bai pathok tamư tasik
Urak ni ngak glaic tui hakum

Kadha 11:

Ia hu halâu hu agha
Atheh dauh thâu krưn ka guăp
Mưnuis hu guăp hu tian hu adey hu sa ia
Sa guăp sa tian
Khing guăp
Pô yang muk glaic muk suk
Ngak twa tanuh riya paley nugar
Daplôk lingik daplôk tasik
Arăng mưni riyak tathôk kayâu mukey
Sa ai ôh krưn ka adey mik ôh krưn kamuôn

They ngak yâu nan
Tamư jalan agăm

Ngak kabau kapô
Wah bai pathok tamu tasik

They tamu jalan agăm
Paley nugar ghăr mưng phun ti
Yâu ia thre tapa choh pan bok
Loi ka ia jông tasik ngak nôi ô
Bruk ni paley biak ngak
Amiak pataw amuk
Adey pataw sa ai
Cek yâu năn karung paley nugar

Kadha 12: Nau lua kamey

Likey hu hadiup
Lua anuk kamey tara
Kamey brôk dray
Rup yâu rabung
Hadam ôh da thi kek
Muraik ô mûda thi duc
bloh ngăk yâu năn
Muk trah
Ba tabiak muk glaic tui hakum

2. Mừnga wôn

Kadha 1: Anuk saung amaik amư

Amaik amư mưnuk anuk tabiak
Ô they jưng di ia paraboh
Ia hu ha lâu ka yâu hu agha
Chim hu thruh mưnui hu guáp tian

Kadha 2: Amaik amư saung anuk

Khing kamey ka hu anuk jưng phun pajeh
Sa tuh thun taha hu anuk paliêng kanư
Anuk tui jalan dhan bhôn
Biyar ia tathâu ka amiak
Anuk praung pabah dak talikaun
Anuk lihik phuôr amaik amư
Anuk ô thâu akauk iku phung jung
Thâu gila, jak yâu haley
Mưyak anuk djuap lô
Yâu kruang ô dôc tapa di halâu
Anuk chiup glaic suc saung amaik amư

Kadha 3: Mutâu saung thuma

Adat Châm drey
Likey tuai kamey

Pasang dauk sang hadiêp
Jưong urang parat
Ngak bãng padang angui
Paijong anuk tacho
Ka munga wôn gah hadiup
Thuma ngak bãng hu mưnup mưda
Ywa hu ia hươp mutâu tuh tabiak
Adat thuma paya hai mutâu
Thu mach hươp gihlâu kaywa apui

Atuan mutâu bilâu anuk
In di mutâu klat di bilâu anuk
In di januk tøk siam
In di rajam pluai thro liwik

Adat drey jưong mutâu
Paya hai thuma
Adat drey jưong mutâu
Juôi chap athau di anak thuma

Kadha 4: Duam anuk tacho dalam sang

On muk amaik amư anuk tacho
Neh drey jek đôm panuớc li-i li-an
Muyah they suăn

Payah padah tha tiak saung guăp
Yâu takey suang talah
Siborô akek guăp
Munuis jưong yâu năn
Tapai bhauk gauk mưta
Min ôh kaywa
Bloh chauh prak guăp
Takay jwak aih takay kuah klah
Ngak yâu năn muk key ginaung
Băng munhum likhah chaga đăm mutai
Muk key ôh mai dơh di danauk dauk di jam
Pajăp karo anuk tacho

Săng khik hanim phuôr mưnga wôm
Dhar muk paley pala
Ranit ranăm jum pataum guăp
Ngăk haci hacih paley nưgar
Dalam blang paga la sang
Tapiêu ia glai halâu Adat cabac tanan rakun
Paley nưgar haci hacih sa thuk hatai.

Quy ước phong tục tập quán này đã được thông qua
Hội nghị toàn dân làng Bình Nghĩa ngày 26/03/2001.

PHẦN THỨ SÁU

PHỤ LỤC

I. Một số hình ảnh sinh hoạt về luật tục Chăm.

II. Một số tư liệu liên quan đến luật tục Chăm.

1. Bài tham luận về luật tục Chăm

2. Dự thảo bộ luật Chăm của cụ Dương Tấn Phát

3. Truyện cổ Chăm liên quan đến luật tục: Truyện Vua Patau Bai và Nàng Ngà.

4. Các bài gia huấn ca liên quan đến luật tục: Thơ dạy đàn bà (ariya pato adat kamey), thơ Bà tổ ấm quê hương (Muk thruk paley) và thơ dạy đàn ông (ariya pato adat likey).

LUẬT TỤC NGƯỜI CHĂM VÀ LUẬT PHÁP NHÀ NƯỚC TRONG VẤN ĐỀ HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH HIỆN NAY^(*)

Văn Môn

I. MỞ ĐẦU

Ninh Thuận là nơi người Chăm sinh sống lâu đời và có dân số tập trung đông nhất (50.000 người) so với người Chăm ở Việt Nam. Hiện nay họ vẫn bảo lưu truyền thống tập tục mang bản sắc văn hóa của riêng mình.

Trong những năm gần đây, văn hóa Chăm được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Trong đó luật tục Chăm (adat) lần đầu tiên được cụ Dương Tấn Phát - một cụ trí thức người Chăm soạn thảo vào năm 1950 và sau này được tác giả Nguyễn Khắc Ngữ trích in lại trong cuốn mẫu hệ Chăm (1967).

^(*) Báo cáo đọc ở Hội thảo quốc tế: *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, tổ chức tại thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) ngày 23-25/11/1999.

Từ đó luật tục Chăm bị bỏ ngỏ không ai đề cập đến. Song, ngày nay, bên cạnh luật pháp nhà nước người Chăm vẫn còn duy trì sử dụng luật tục trong mối quan hệ xã hội và đời sống sinh hoạt cộng đồng. Luật tục Chăm đang góp phần tích cực trong việc điều hoà xã hội, hạn chế những mặt khuyết tật của cơ chế thị trường, chống sự xâm nhập văn hóa ngoại lai, bảo vệ thuần phong mỹ tục... trong công cuộc đổi mới nông thôn. Vì vậy, sâu sắc, nghiên cứu luật tục Chăm đang trở thành công việc cần thiết và cấp bách. Bài viết này không tham vọng đề cập toàn bộ luật tục Chăm (adat) mà chỉ bàn về "Luật tục người Chăm và Luật pháp nhà nước trong vấn đề hôn nhân - gia đình hiện nay".

II. LUẬT TỤC VÀ LUẬT HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM

Luật tục Chăm (adat) là những quy ước của cộng đồng, chứa đựng toàn bộ tiêu chí, đạo đức, luân lý, cách ứng xử, phong tục tập quán, tín ngưỡng... phản ánh nhiều mặt trong cuộc sống xã. Trong đó luật hôn nhân và gia đình (Dom adat khin kamey likey)⁽¹⁾ là hạt nhân cơ bản đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ luật tục Chăm. Vì rằng người Chăm quan niệm, Hôn nhân và gia đình là nguồn gốc của mọi sự vật, sinh ra con người, gia đình và xã hội. Luật tục hôn nhân và gia đình của

⁽¹⁾ Những từ Chăm trong bài viết này tôi phiên chữ theo hệ thống từ điển G. Moussay (cùng nhóm tác giả), Chăm - Vietnamese - Francais. Trung tâm Văn hóa Chăm. Phan Rang - 1971.

người Chăm được xác lập theo phong tục hôn nhân và gia đình của chế độ mẫu hệ theo nội dung như sau:

- Về điều kiện kết hôn, nghi thức kết hôn.
- Ly hôn, ngoại tình, loạn luân
- Gia đình, nghĩa vụ cha mẹ con cái và sở hữu tài sản.
- Các hình thức xét xử và phạt vạ.

1. Điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn

Trong việc kết hôn của người Chăm điều kiện trước tiên theo phong tục quy định là con gái 16 tuổi, con trai 18 tuổi khi đã qua tuổi trưởng thành và không có quan hệ dòng tộc, huyết thống với nhau thì được quyền kết hôn với nhau. Tục kết hôn của người Chăm phải được sự đồng ý của hai bên cha mẹ và tộc họ. Trước khi kết hôn thì bên đảng gái tiến hành các lễ: lễ chạm hỏi (nau akauk panuoc), lễ hỏi (nau pôch), lễ hứa hôn (paklok panuoc), lễ cưới (băng likhah). Trong lễ này hai bên tộc họ đảng gái và đảng trai sẽ thống nhất ngày giờ để làm lễ cưới (băng likhah). Lễ hứa hôn trong phong tục của người Chăm được xem là bằng cứ của hôn nhân và lễ cưới được xem là giá thú của hôn nhân. Sau này bên nào bãi hôn không có duyên cớ chính đáng được xem là thất ước bội hôn và sẽ bị phạt vạ.

Người Chăm nói:

Dak lihik kabaw yâw
Jôi cek mulâu bauh
Thà để mất đôi trâu
Còn hơn mất danh dự

Thất ước bộ hôn sẽ làm tổn hại đến danh dự gia đình, tộc họ của người bị bãi hôn. Người bãi hôn sẽ bị phạt vạ. Nếu bên đảng trai bãi hôn thì sẽ bồi thường bên đảng gái "một bộ váy áo, cặp vòng tay" (ban teh aw teh, kaung limuh kaung son) và trầu rượu (alak hala), bánh trái để cúng tạ tổ tiên thiết đãi họ hàng bên đảng gái. Ngược lại bên đảng gái thất ước bội hôn cũng phải bồi thường cho bên đảng trai "một bộ váy áo", trầu rượu, bánh trái để cúng tạ tổ tiên và thiết đãi họ hàng bên đảng trai⁽¹⁾.

Trường hợp lễ cưới sắp tổ chức nhưng một trong hai bên gia đình bị tang cha hoặc mẹ người thân thì buộc phải đình hôn và định lại ngày cưới ít nhất một năm. Trường hợp này người Chăm rất "tối kỵ" (kagam karam) và sẽ không bị phạt vạ.

Adat Chăm cấm kết hôn trong những trường hợp sau:

Con gái 16 tuổi, con trai dưới 18 tuổi hay nói cách khác là tẻ táo hôn sẽ bị cấm kỵ. Người Chăm nói:

Tathâu ta tamuh di drey

Ia idung nhuk ka cik

Vú chưa mọc khỏi ngực

Chưa biết hỉ mũi cho sạch

(Làm sao biết được cuộc sống vợ chồng)

Vì vậy họ chỉ hành động theo cảm tính:

⁽¹⁾ Theo cụ Hàm Chanh, 80 tuổi ở Hiếu Thiện, Phước Nam, Ninh Thuận.

Boh ia bôh mưney
Bôh kamey bôh khing

Thấy nước vôi tắm
Thấy gái vôi lầy.

Nếu tảo hôn như thế thì không xây dựng được hạnh phúc gia đình (khing guăp yâu năn takik chak tamuh). Cho nên tể tảo hôn bị adat Chăm kiêng cấm.

- Adat Chăm cấm kết hôn với người cùng dòng tộc bên mẹ, dù xa nhau mấy đời cũng không được lấy nhau, ở người Chăm dòng họ được phân biệt theo huyết thống bên mẹ và được phân biệt dòng họ này với dòng họ khác theo nghĩa địa của tộc họ mẹ là "Kút, ghôr"⁽¹⁾. Những người cùng chung một nghĩa địa (đik tha poh ghôr, dih di tada guăp) thì không được lấy nhau. Ai vi phạm thì được xem là loạn luân (agăm). Bởi vì người Chăm quan niệm người cùng huyết thống, cùng dòng tộc là cùng một bà mẹ sinh ra. Họ nói:

Sa guăp sa tian⁽²⁾

Yâu sa poh binuk nuh jưon ribaung

Yâu sa Pô Inư Jưon tabiak

Yâu sa môn tangin takay hu kadien

⁽¹⁾ Kút: Nghĩa địa của tộc họ mẹ của người Chăm Balamôn, nơi chôn cất 9 miếng xương trán của người quá cố sau khi làm đám thiêu. Ghôr: Nghĩa địa tộc họ bên mẹ của người Chăm Hồi giáo Bà ni, nơi chôn cất thi thể của người quá cố.

⁽²⁾ Ghi theo cụ Biên Kiệu, 70 tuổi, thôn Văn Lãm - Ninh Thuận.

Krun hai dom ngan yang paya
Cek ka rak rôk jum tom anuk tacho.

Người cùng dòng tộc cùng huyết thống
Như một con đập chảy thành nhiều sông
Như cổ tay bàn chân có nhiều ngón
Là cùng một bà mẹ sinh ra
Phải nhìn nhận nhau cho thấu
Để con cháu hạnh phúc mai sau.

Ngày nay, ngoài dòng họ được tính theo huyết thống bên mẹ (Kút, ghô) người Chăm còn có một dòng họ mới mang trong khai sinh như họ Lưu, Hán, Đàng, Trương, Châu... Các dòng họ kể trên do vua Minh Mạng thứ 17 (1837) xuống chiếu bắt người Chăm phải thay đổi họ tên gốc theo kiểu họ tên Việt (Kinh)⁽¹⁾. Vì vậy dòng họ trong khai sinh người Chăm ngày nay không liên quan gì đến huyết thống, dòng họ và không có giá trị trong tục hôn nhân của người Chăm.

- Adat Chăm cấm kết hôn với chị em song song, tức là con, chị em gái của mẹ hay em trai của cha sinh ra, người Chăm gọi là "taley likey taley kamey" tương tự như người Việt (Kinh) "con dì hay con chú bác". Trường hợp kết hôn này người Chăm rất tối kỵ. Họ nói:

⁽¹⁾ Theo Nguyễn Khắc Ngữ, Mẫu Hệ Chăm, Nxb Trình bày, Sài Gòn - 1967, tr. 125.

Taley likey ngak haget lilăng
Klow ia kajương anuk tacho

Hôn nhân giữa các con anh em trai
Cách nhau ba đời mới được kết hôn.

Và hôn nhân chị em họ tréo, tức là anh em trai cùng họ với mẹ hay chị em gái cùng họ với cha, người Chăm gọi hệ này là "mikwa tada muôn" (con cô cậu). Trường hợp này bị adat Chăm kiêng cấm, ai kết hôn sẽ bị thần linh xử phạt gia đình sẽ bị bệnh hoạn và hay bị "chết chùm" (arương jai)⁽¹⁾.

- Adat Chăm cấm người chồng không được kết hôn với con riêng của vợ mình do lấy chồng trước sinh và ngược lại, quả phụ không được lấy con riêng của chồng mình (anư hamâm). Ai vi phạm trong trường hợp này người Chăm cho là: "hành động trái ngược với thuần phong mỹ tục" (daplok dun daplok kathak) và sẽ bị xử tội loạn luân (găm).

- Adat Chăm không ép buộc kết hôn trong trường hợp người anh chết thì người em lấy vợ của anh mình. Tương tự như trên, người chị chết thì người em không buộc lấy chồng của chị mình và ngược lại.

⁽¹⁾ "Arương jai" (chết chùm): Trường hợp kết hôn trên do cùng huyết thống (cùng gien) nên một khi trong gia đình (cha hoặc mẹ) bị bệnh, chết thì con gái sẽ bị bệnh lây và chết theo. Do bị chết nhiều như vậy nên người Chăm ví như Cua chết dịch vào mùa nắng trôi tấp vào bờ. Người Chăm gọi là chết chùm.

- Trường hợp con gái không chồng nhưng bị mang thai (chửa hoang) sẽ bị adat Chăm xử phạt. Hình thức xử phạt đánh bằng roi (chok lipăn talek itung).

- Adat Chăm kiêng cấm kết hôn với người ngoại tộc, người khác tôn giáo. Người ngoại tộc được người Chăm xem là "người không cùng màu da, tiếng nói với mình" (nhu juăp sa chiet sa ia saung drey ô). Cho nên ai kết hôn với người ngoại tộc được người Chăm xem là "người ướp tạp" (Chăm haruk haram), họ không thể chung sống với cộng đồng. Người kết hôn với người ngoại tộc thì sẽ bị cộng đồng tước quyền lợi và nghĩa vụ. Họ không được tham gia nghi lễ cúng kính của tộc họ, làng (paley). Đặc biệt là họ bị cấm tham gia cúng lễ cho cha mẹ lúc về già (pôk ba amek). Do đó họ không được phụng dưỡng thờ phụng để "trả công lao sinh thành dưỡng dục cho cha mẹ" (biyar ia tathau ka amek). Vì vậy họ được xem là đứa con bất hiếu bị cha mẹ chối từ và cộng đồng bỏ⁽¹⁾. Đây là quan niệm cũ, ngày nay cần thay đổi.

- Hôn nhân với người cùng dân tộc nhưng khác tôn giáo: ngày xưa hôn nhân giữa người Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo Bani cũng bị adat Chăm kiêng cấm. Người Chăm Balamôn và người Chăm Hồi giáo Bani vẫn được xem là khác phong tục, khác tôn giáo (Chăm saung bini karey ia). Do đó không kết hôn được với

⁽¹⁾ Ngày nay hôn nhân ngoại tộc thường xảy ra ở một số trường hợp, chủ yếu là con trai người Chăm kết hôn với con gái người Kinh. Trường hợp kết hôn này họ ít sinh sống ở làng Chăm mà thường đi lập nghiệp ở nơi khác.

nhau, "kết hôn sẽ bị làng xóm chê cười" (kau ciip dwa mulâu guáp gǎr raklau)⁽¹⁾. "Và sẽ bị phạt đòn roi cho đến chết" (jauk gai havey ciip pađik) "Chỉ vì em thương người Bani" (lac hư khǎp di likey bini).

Cũng như hôn nhân ngoại tộc, hôn nhân khác tôn giáo cũng bị adat kiêng cấm và có hình phạt tương tự như nhau. Tuy nhiên ngày nay hôn nhân giữa Chăm Balamôn và Chăm Hồi giáo Bani không còn khắt khe như xưa. Theo thống kê có khoảng "40 cặp"⁽³⁾ người Chăm Balamôn và người Chăm Hồi giáo Bani kết hôn với nhau nhưng không bị hình phạt của luật tục.

Tất cả những trường hợp kết hôn trong dat Chăm thì những trường hợp kết hôn trái với phong tục như hôn nhân giữa người cùng dòng họ, chị em song song, chị em họ tréo, chồng vợ kết hôn với con riêng... thì được xem là loạn luân (agǎm) và sẽ bị một hình phạt cao nhất của luật tục Chăm (adat) là "tử hình" bằng cách bỏ người loạn luân vào giỏ thả trôi sông, biển" (wǎh bai pathơh tǎm tathik). Đây cũng là một quan niệm lỗi thời.

2. Đời sống hôn nhân và gia đình

Đời sống hôn nhân và gia đình của người Chăm được adat quy định khá chặt chẽ. Vợ chồng phải chung sống gắn bó với nhau, không chửi bới nhau, không bỏ bê nhà cửa, con cái... Lòng chung thủy vợ chồng được đặt lên

⁽¹⁾ 1.2. Ariya (thơ) Bini Chăm, Inrasara sưu tầm, Văn học Chăm Tập 1, Nxb Văn hóa Dân tộc - 1994, tr 322 - 329.

⁽³⁾ Tư liệu điều dã năm 1999.

hàng đầu. Vì vậy vợ ngoại tình bị adat Chăm lên án mạnh mẽ. Trong hai tập thơ Chăm (gia huấn ca): "ariya pato adat kamey" (Thơ dạy đàn bà) và "Ariya muk thruh paley" (Bà tổ quê hương) đều lên án loại đàn bà lẳng lơ không chung thủy với chồng. Tập thơ viết:

Adat drey jường kamey⁽¹⁾
Jwôi mey bilai saung dwah mưgai
Năn joh kamay say u
Pwoc jhak hu moy lac mulâu
Đạo làm gái chó nên
Học thói lảm mồm nói chuyện người ta
Loại đàn bà lẳng lơ
Người chê mới biết xấu hổ.

Theo adat Chăm, đàn bà ngoại tình khi bắt được quả tang thì tộc họ phải trói đánh (cadar atuang) cho cả làng cùng xem. Và tộc họ, gia đình của đàn bà ngoại tình phải đem lễ vật "trầu rượu" (alak hala) đến gia đình người chồng để thú lỗi. Người chồng có quyền ly hôn.

Hạnh phúc gia đình cũng được adat Chăm bảo vệ, người Chăm không chấp nhận sự đa thê trong gia đình. Adat Chăm chỉ ra rằng, muốn gia đình hạnh phúc chỉ nên có một vợ một chồng (tha băng tha argui, tha hadiêp tha pathang). Theo phong tục người phụ nữ Chăm không muốn chia sẻ tình cảm chồng mình cho người khác. Họ nói:

⁽¹⁾ Inrasara, Văn học Chăm, Tập I, Ariya Muk Thruk Paley. Nxb Văn hóa Dân tộc - 1996, tr 232 - 233.

Dak tauh lithey di guak ka urang băng
They luôi pathang drey ka urang khing

Thà bới cơm trong nồi (đưa của cai) cho ăn
Không ai để chồng mình đi lấy vợ lẽ.

Tuy nhiên người đàn ông Chăm có quyền đi lấy vợ lẽ một khi vợ chồng đã chung sống lâu năm với nhau nhưng chưa có con gái để nối dòng, thờ phụng. Người đàn ông đi lấy vợ lẽ phải được sự đồng ý của vợ cả và quyền hạn của người vợ lẽ không được ngang hàng với vợ cả. Người đàn ông chỉ chung sống với người vợ lẽ nhằm mục đích lấy con (plok muk anuk). Họ ví như đi "trồng chuối để lấy húng lấy cây con" (pala patey muk anuk). Cho nên đàn ông không được sinh sống bên nhà vợ lẽ (hu paran drey ngáp băng ka hadiêp sit hu ô). Mọi điều trái với adat Chăm thì người chồng sẽ bị vợ cả đem giao lại cho tộc họ bên chồng (ba nau jaw ka guáp), việc này đồng nghĩa với ly hôn.

Luật tục Chăm quy định việc ly hôn (paklok guáp) khi hai vợ chồng có mâu thuẫn bất đồng trong gia đình; hai người chung sống với nhau một cách miễn cưỡng "không đậm tình nghĩa như xưa" (yawa ba hatai tui ô) thì chấp nhận ly hôn. Khi hai vợ chồng ly hôn thì người chủ động ly hôn đem lễ vật "trầu rượu" (alak hala) đến nhà "cha mẹ tinh thần" (ôn inư amu)⁽¹⁾ để xin ly hôn.

⁽¹⁾ Theo phong tục người Chăm, trong đám cưới ngoài hai bên

Sau khi nhận được lễ vật xin ly hôn, "cha mẹ tinh thần" (inư amư) tiến hành hòa giải một thời gian nhưng hai vợ chồng không hòa thuận được với nhau thì tiến hành làm lễ ly hôn. Lễ ly hôn sẽ tổ chức tại nhà đàn gái có sự chứng kiến của hai bên cha mẹ, tộc họ "Cha mẹ tinh thần" (ôn inư amư) làm lễ khấn vái thần linh cho hai người ly hôn và cầm chiếc đuũa chẻ làm đôi giao cho người ly hôn cầm mỗi người một nửa làm vật chứng ly hôn. Từ đó hai người ly hôn "đường ai nấy đi, nẻo ai nấy bước" (bha jalan bha tah bha Chanah bha nau) và hai người có quyền đi lấy vợ, chồng khác.

Sau khi ly hôn nếu hai vợ chồng có con thì con thuộc về người vợ. Chồng không được mang con theo trong bất cứ trường hợp nào cho dù chồng có đúng hoặc sai trong việc ly hôn. Bởi vì theo adat, người Chăm theo chế độ mẫu hệ, đàn bà là chủ thể trong gia đình, con gái sinh ra đã được gia nhập vào tổ tiên bên mẹ, còn người chồng là người ngoại tộc (urang parat) nên không được mang con theo. Con không được gia nhập vào bên tổ tiên họ mẹ của chồng.

Trường hợp ly hôn hai vợ chồng có tài sản chung, nhưng phần lỗi thuộc về vợ thì tài sản được chia làm 3 phần: một phần cho vợ, một phần cho con (giao cho mẹ quản lý) và một phần cho chồng. Nếu ly hôn phần lỗi thuộc về chồng thì người chồng không được quyền phân chia tài sản mà chỉ "vác cây rựa không về nhà cha mẹ" (gilăm mra nau sang thauh), người Chăm thường nói

cha mẹ chính thức của cô dâu chú rể có cha mẹ đại diện gọi là "cha mẹ tinh thần" (ôn Inư amư) để làm lễ cưới.

như vậy.

Việc để tang chồng, vợ cũng được luật tục quy định: Khi chồng chết vợ vẫn giữ nguyên quyền thừa kế tài sản gia đình, có trách nhiệm làm đám tang cho chồng và để tang ít nhất một năm. Trường hợp vợ chết chồng cũng phải để tang ít nhất một năm, có trách nuôi con gái và làm đám tang cho vợ. Nếu vợ chết chồng bỏ đi lấy vợ khác thì không được mang bất cứ tài sản gì của vợ mà tài sản giao cho con gái út thừa kế.

3. Gia đình và mối quan hệ giữa các thành viên trong Gia đình

Mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cũng như việc sở hữu tài sản (drap ar) được luật tục quy định rõ ràng: Gia đình người Chăm là gia đình mẫu hệ. Người mẹ (amek) là người đứng đầu gia đình, có quyền quản lý tài sản, gìn giữ phong tục tập quán. Người chồng trong gia đình không quan trọng nhưng người cậu (cey) được đề cao và có quyền giải quyết những vấn đề bất đồng trong gia đình.

Con cái trong gia đình có quyền hưởng thụ, sự chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, ông bà. Con hỗn láo với cha mẹ, ông bà dù con có đúng hoặc sai thì cũng bị phạt vạ - trói đánh (cadar atuang). Bởi vì người Chăm nói: "sông không thể chảy qua nguồn" (kraung ô khing tapa di halaw). Vì vậy con phải lễ với mẹ.

Tài sản trong gia đình được con gái út thừa kế. Các chị gái được cha mẹ trích một phần tài sản như đám

ruộng, con trâu nhưng các loại của cải dùng để cúng tế như nồi đồng, mâm đồng, chén bát, ống nhổ⁽¹⁾... không được phân chia cho chị gái mà tài sản đó phải do con gái út quản lý để thờ cúng cha mẹ về già.

Riêng con trai Chăm trong gia đình chưa có vợ làm ăn chung với cha mẹ thì được lập của riêng. Do vậy khi anh ta có vợ, cha mẹ phải chịu phí tổn tổ chức đám cưới và trích một phần của cải trong gia đình để làm của hồi môn (thường là con trâu hoặc đám ruộng hay chiếc nhẫn Muta nếu gia đình làm ăn giàu có).

Đối với người chồng, chàng rể trong gia đình người Chăm gọi là người ngoại tộc (urang parat). Nhưng người chồng, chàng rể là người sản xuất ra của cải vật chất và duy trì nòi giống cho gia đình. Vì vậy, cha mẹ vợ, tộc họ bên vợ phải tôn trọng người chồng, chàng rể. Người Chăm nói:

Adat thuma paya hai mutau
Thu mach huop gihlâu kaywa hu apui.
Cha mẹ vợ phải tôn trọng chàng rể
Thoảng hương khói trầm bởi có lửa.

Cho nên, nếu vì một lý do nào đó cha mẹ vợ chửi chàng rể vô cớ thì chàng rể có quyền bỏ vợ mình đi lấy vợ khác.

Atuan mutâu bilâu anuk

⁽¹⁾ Người Chăm có nhiều nghi lễ, đình đám cho nên mỗi gia đình họ thường mua sắm các đồ cúng lễ như áo quần, mâm đồng... và họ xem đó là của cải quan trọng trong gia đình.

Đánh chàng rể con mình ở góa.

Tuy nhiên phận làm con rể phải kính trọng, lễ độ với cha mẹ vợ, không được nói nặng tiếng trước mặt cha mẹ vợ.

Vì là người ngoại tộc (urang parat) nên người chồng, chàng rể không được mang của cải của vợ về cho chị em hoặc cha mẹ của mình.

Diệp ngăp drap ka urang

Mưtai ba talang ka guăp

Sống làm của cải cho vợ

Chết đi mang nắm tro tàn cho tộc họ

4. Hình thức xét xử và phạt vạ trong luật hôn nhân và gia đình Chăm:

Luật tục hôn nhân và gia đình nói riêng, luật tục Chăm nói chung được quy định khá chặt chẽ, chuẩn mực hóa trong xã hội mà mọi người phải chấp hành. Nó được lưu truyền trong dân gian do "ông bà xưa để lại" (ariya poto adat), truyện cổ (dalikal), cadao (Panước padit), tục ngữ (panước yaw), lời nói vì (panước paghap)... Đó là những lời khuyên dễ thuộc, dễ nhớ, có tác dụng răn đe, ngăn ngừa tội phạm và hạn chế những hành vi sai trái. Ai vi phạm sẽ bị luật tục phạt vạ (trah).

Luật hôn nhân và gia đình của người Chăm có

nhieu hình thức phạt vạ. Phạt cảnh cáo, phạt bằng roi (cadar atuang) đối với tội ăn cắp, chữa hoang, hỗn láo với cha mẹ, xóm làng. Phạt bằng hiện vật như trâu, váy áo, công tay đối với tội chửi bới tổ tiên, ngoại tình... Và phạt tử hình bằng cách "bỏ vào giỏ thả trôi sông biển" (wah bai pathoh tamur tathik) đối với tội loạn luân (agam). Hình thức xử phạt của luật tục Chăm vừa nghiêm khắc vừa có tính giáo dục trực quan cho cộng đồng.

Hình thức xét xử của luật hôn nhân và gia đình Chăm tùy theo vụ việc mà xét xử ở gia đình, tộc họ làng xã. Hội đồng phân xử bao gồm: cha mẹ, cậu (cey), trưởng tộc (akauk guáp), trưởng làng (pô paley), những người cao tuổi trong làng (ôn taha)... Trong lúc phân xử mọi người đều có quyền tham gia chứng kiến, tranh luận bằng lời nói vắn, nói ví... một cách dân chủ công khai. Luật tục Chăm rất có hiệu lực được huy động cả sức mạnh của cộng đồng (gia đình - tộc họ - làng xã) và cơ chế tâm linh (thần yang) trong việc thực thi luật tục. Một người vi phạm làm ảnh hưởng đến gia đình tộc họ và sẽ làm cho thần (yang) nổi giận trừng phạt cả cộng đồng. Người có tội nộp phạt thì gia đình phải gánh vác và nếu phạt nặng thì cả họ phải cùng đóng góp. Người đúng cả cộng đồng khen; người sai bị dư luận cộng đồng phê phán, cô lập. Đặc biệt người bị cô lập không được cộng đồng giúp đỡ; bị đau ốm không ai thăm hỏi; gia đình có cưới xin không ai đến và cha mẹ chết không ai cúng lễ cho.

Có thể nói rằng luật hôn nhân và gia đình của người Chăm gắn với xã hội truyền thống, cơ chế tâm linh, đã

tạo cho các thành viên trong cộng đồng người gắn bó, ràng buộc với nhau trong việc thi hành và giữ gìn luật tục. Sự gắn bó đó không dựa vào sức mạnh của bạo lực như nhà tù, trại giam, cảnh sát... mà dựa trên tính dân chủ, bình đẳng, tự nguyện, thương yêu lẫn nhau. Vì vậy luật tục Chăm có một sức mạnh, một quyền lực to lớn - một loại quyền lực "tự nó và vì nó".

Tóm lại, luật hôn nhân và gia đình của người Chăm là tài sản quý giá. Nó chứa đựng nguyên tắc chuẩn mực, đạo đức nhằm bảo vệ lợi ích cá nhân, phẩm giá con người, nề nếp gia đình và trật tự xã hội. Do vậy nó là phương thức quản lý gia đình, xã hội có hiệu lực. Tuy nhiên để thích ứng với cuộc sống mới hiện nay, hôn nhân và gia đình của người Chăm cần khắc phục những nhược điểm như tệ tảo hôn, gia đình đông con, kinh tế tự cung tự cấp, nghi lễ cưới xin ma chay tốn kém, cư xử quá nặng nề đối với người loạn luân, hoang thai, hôn nhân ngoại tộc, hôn nhân khác tôn giáo... Khắc phục được điều đó thì hôn nhân và gia đình của người Chăm mới có thể vươn lên hòa nhập vào cuộc sống hiện đại, cùng với pháp luật nhà nước điều hòa tốt mối quan hệ xã hội, tạo động lực để phát triển nông thôn người Chăm hiện nay.

III. LUẬT PHÁP NHÀ NƯỚC TRONG VẤN ĐỀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM

Trong hệ thống luật pháp nước ta, vấn đề hôn nhân và gia đình được Bộ luật dân sự đề cập ở điều 35, 36, 37,

57... và cụ thể hơn là Luật hôn nhân và gia đình (công bố năm 1959 và bổ sung năm 1986) có tất cả 10 chương 57 điều. Nhìn chung các Bộ luật trên được xây dựng khá chặt chẽ, những quy định về đạo đức, chuẩn mực truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã được ghi thành quy phạm pháp luật. Luật hôn nhân và gia đình ở nước ta còn thể hiện sự bao quát chung cho tất cả 54 dân tộc thiểu số anh em. Song, luật ấy vẫn chưa đáp ứng được từng vấn đề cụ thể về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số. Luật hôn nhân và gia đình và những văn bản hướng dẫn thi hành" đề cập một cách sơ lược ở chương 10 (điều khoản cuối cùng) điều 55 như sau: "Đối với dân tộc thiểu số, Hội đồng nhà nước căn cứ luật này và tình hình cụ thể mà có quy định thích hợp"⁽¹⁾. Hoặc khái quát hơn ở điều 14 của Bộ luật dân sự có ghi: "Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không thỏa thuận, thì có thể áp dụng tập quán hoặc quy định tương tự pháp luật, nhưng không được trái với nguyên tắc quy định trong Bộ luật này"⁽²⁾

Thế thì "áp dụng tập quán hoặc quy định tương tự như pháp luật" là áp dụng như thế nào đối với dân tộc thiểu số? cụ thể là dân tộc Chăm - một dân tộc có hình thức hôn nhân và gia đình theo chế độ mẫu hệ có khác gì với chế độ hôn nhân và gia đình phụ hệ về nghi thức kết hôn, ly hôn, quyền thừa kế tài sản... Vấn đề này đến

⁽¹⁾ Luật hôn nhân và Gia đình và Những Văn bản hướng dẫn thi hành. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1998, tr.14.

⁽²⁾ Bộ luật Dân sự, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1997, tr. 14.

nay pháp luật nước ta chưa được đáp ứng vẫn còn là khoảng trống cần nghiên cứu, bổ sung. Từ khoảng trống của pháp luật nêu trên dẫn đến việc lúng túng khi giải quyết, xử lý. Mặt khác giữa pháp luật nhà nước và luật tục của dân tộc thiểu số hiện nay chưa kết hợp được chặt chẽ với nhau tạo ra kẽ hở pháp luật cho kẻ xấu lợi dụng. Đó là những vấn đề đang đặt ra cho luật pháp nước ta trong công cuộc đổi mới nông thôn các dân tộc thiểu số hiện nay.

Ngày nay trong công cuộc đổi mới đất nước với chính sách phát triển văn hóa, xã hội - kinh tế đang trở thành động lực mạnh mẽ làm cho nông thôn Chăm có nhiều biến đổi. Nhiều gia đình người Chăm trở nên giàu có, đời sống vật chất ngày càng tăng. Từ đó kéo theo sự thay đổi về tư tưởng, văn hóa, về quan hệ xã hội và sự hưởng thụ hạnh phúc của mỗi thành viên trong gia đình ngày càng cao. Đặc biệt là quan hệ dân sự về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa... không còn giới hạn khép kín trong cộng đồng mà còn liên quan đến bên ngoài xã hội. Do đó đòi hỏi cơ cấu gia đình của người Chăm phải vươn lên tương ứng phù hợp với thời đại mới. Mặt khác bên cạnh những mặt tích cực thì mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đang có xu hướng tác động vào nông thôn như tính thực dụng trong tình yêu, hôn nhân; vấn đề mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em; tình trạng ly hôn gia tăng; mâu thuẫn thế hệ, người già cô đơn; tình cảm vợ chồng, con cái suy giảm... Những vấn đề trên đã và đang làm rạn nứt suy thoái truyền thống tốt đẹp của hôn nhân và gia đình người Chăm.

Nói chung luật pháp nhà nước hiện đang góp phần tích cực đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy được các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống của người Chăm. Tuy nhiên hiện nay do sự biến đổi của cuộc sống làm nảy sinh nhiều vấn đề mới trong quan hệ hôn nhân và gia đình của người Chăm. Một số vụ việc tiêu cực xảy ra liên quan đến hôn nhân và gia đình người Chăm, mặc dù chính quyền địa phương có cố gắng, tích cực nhưng thiếu những văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể và một mặt do sự hiểu biết của họ về phong tục, tập quán của đồng bào còn hạn chế nên hiệu quả xử lý pháp luật còn thấp, thậm chí lúng túng, buông lỏng. Do vậy việc điều chỉnh Luật hôn nhân và gia đình hoặc đề ra những văn bản pháp quy sao cho phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào Chăm là việc làm cần thiết và cấp bách trong vấn đề bổ sung, hoàn chỉnh chính sách, pháp luật của Đảng - Nhà nước ta trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Chăm ngày nay.

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Luật tục Chăm và luật tục nhà nước trong vấn đề hôn nhân và gia đình hiện nay tuy có nhiều mặt tích cực đang góp phần đắc lực vào sự nghiệp phát triển nông thôn nhưng vẫn còn nhiều mặt hạn chế cần khắc phục. Luật tục Chăm tuy đơn giản, dễ thuộc, dễ nhớ, chứa đựng tinh hoa văn hóa dân tộc nhưng có một số mặt chưa đáp ứng được với cuộc sống hiện đại. Ngược

lại so với luật tục thì luật pháp nhà nước có nội dung phong phú, là phương tiện điều chỉnh có phạm vi và hiệu quả hơn, vì nó được nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện. Luật pháp nhà nước có nhiệm vụ đón bắt, thể chế hóa chính sách tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo hướng nhất định. Tuy vậy, các dân tộc thiểu số nói chung, người Chăm nói riêng, do xuất phát từ cơ chế xã hội truyền thống họ chưa quen với pháp luật hiện đại của nhà nước pháp quyền mà từ lâu đời họ chỉ quen sống theo tập quán (luật tục). Tất nhiên trong thời đại ngày nay, việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội phải bằng luật pháp. Nhưng theo luật pháp không phải là nóng vội mà luật pháp phải kết hợp với luật tục, thông qua luật tục, cùng với luật tục để đưa luật pháp thấm sâu vào đời sống nhân dân thì việc thực hiện pháp luật mới có hiệu quả.

Để thực hiện những vấn đề nêu trên, thiết nghĩ rằng phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như sau:

- Cần phải xây dựng hoàn thiện Bộ luật dân tộc, trong đó nên chú trọng Luật hôn nhân và gia đình cho phù hợp với phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số.

- Muốn xây dựng và hoàn chỉnh luật tục thì khoa học pháp lý cần phải quan tâm nghiên cứu những vấn đề có liên quan, nhất là các giá trị chuẩn mực đạo đức, truyền thống dân tộc. Qua đó mà chọn lọc các giá trị phù hợp để từng bước luật hóa nó bằng văn bản pháp quy.

- Kiện toàn ở các cơ quan bảo vệ pháp luật - nơi có

đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống; xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật có đạo đức tốt, chuyên môn cao, tốt hơn hết nên đào tạo cán bộ các dân tộc thiểu số am hiểu về phong tục, tập quán của dân tộc để bảo đảm việc thi hành pháp luật đầy đủ và có hiệu quả.

- Nên chăng ở các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, bên cạnh thiết chế pháp luật nhà nước như Viện kiểm sát, Tòa án, Tư pháp... thành lập một "Hội đồng luật tục" (Hội đồng adat).

Tóm lại: Một hệ thống pháp luật có hoàn chỉnh đến đâu vẫn chưa có thể đem lại hiệu quả cao nếu như những quy định của nó vẫn chưa biến thành tình cảm, thói quen, niềm tin của đại bộ phận nhân dân. Vì vậy, muốn luật pháp nhà nước thấm sâu vào các dân tộc thiểu số thì phải biết kết hợp với luật tục, huy động tinh hoa của luật tục để cùng với pháp luật nhà nước điều chỉnh mối quan hệ xã hội. Vì rằng, chỉ có luật tục với nội dung, bản chất, chức năng của nó chứa đựng giá trị truyền thống, tri thức dân gian, phong tục tập quán.... mà bao đời nay đã đi sâu vào tâm thức, biến thành tình cảm, thói quen, niềm tin do cộng đồng họ sáng lập (do dân), vì lợi ích cộng đồng (vì dân) mà mỗi thành viên trong cộng đồng (công dân) tự giác thực hiện và có trách nhiệm bảo vệ nó. Do vậy xây dựng và hoàn chỉnh luật tục các dân tộc thiểu số, trong đó có Luật hôn nhân và gia đình của người Chăm là vấn đề cấp bách của đời sống đang đặt ra. Giải quyết được vấn đề nêu trên sẽ nâng cao được đời sống nhân dân về pháp luật, góp phần ngăn chặn thói hư tật xấu, giữ gìn trật tự xã hội, hạn chế được sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, phát huy được quyền dân chủ cơ sở

và bảo vệ được thuần phong mỹ tục của dân tộc. Từ đó sẽ tạo được một thế, lực mới vững chắc trong việc ổn định trật tự xã hội, an ninh quốc phòng - điều kiện trước tiên để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tạo động lực thúc đẩy vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. DỰ THẢO BỘ LUẬT CHĂM CỦA CỤ DƯƠNG TẤN PHÁT

NGUYÊN BẢN DỰ - THẢO HỘ - LUẬT**

của

Cụ DƯƠNG TẤN PHÁT (người Chăm)

Nguyên tri huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận

Phụng chiếu trong Hoàng Việt Trung - Kỳ hộ luật ngày 13 juillet 1936, quyển nhất, điều thứ ba tự rằng luật chỉ thi hành đối với dân ta⁽¹⁾, còn những thổ dân trong nước ta như Chăm, Mường, Mán, Thái, Mọi

** Chúng tôi trích nguyên văn từ cuốn Nguyễn Khắc Ngữ, Mẫu hệ Chăm Nxb trình bày Sài Gòn 1967 tr 121 - 186.

⁽¹⁾ Dân Việt Nam.

v.v... thời cứ giữ theo tục lệ dân tộc các nước ấy⁽¹⁾.

Chiếu phong tục dân tộc Chăm (Chiêm Thành) đàn bà là nội, đàn ông là ngoại, vợ cưới chồng, chồng theo ở nhà vợ, nên quyền quản - trị tài sản và sự phân - sản sự hôn - thú hay ly - dị đối với Hoàng Việt hộ luật đều khác hẳn.

Bởi thế nên dân tộc Chăm chúng tôi có hội đồng góp ý kiến, chiếu theo phong tục, xin đặt ra những điều luật này để lâm thời dân tộc Chăm có xảy ra việc tranh tụng, quan tòa có đủ tài liệu mà xử đoán cho hợp phong tục Chăm hầu tránh khỏi thiệt thòi và hư phong bại tục.

Chương thứ nhất

oOo

NÓI VỀ LỄ HÔN THỨ

Điều thứ nhất: Chiếu theo phong tục Chăm xưa kia không có họ, chỉ thấy theo dòng sang như dòng làm vua, làm trạng, làm quan, làm thầy vv... còn dòng hèn như

⁽¹⁾ Nguyên văn Hộ Luật chỉ thi hành đối với dân ta, còn những thổ dân nước ta như Chăm, Mường, Mán, Thái, Mọi thời cứ giữ theo tục lệ các thổ dân ấy. Người Chăm tự coi mình vẫn còn là một dân tộc nên tránh chữ thổ dân mà họ cho là không đẹp.

Đoạn này không phải ở trong bộ luật mà ở điều 3 trong dụ 51 ngày 25/5 năm Bảo Đại thứ 11 (13/7/1936) ban hành bộ luật này. Ví dụ in ngay ở đầu quyển thứ nhất nên có sự lầm lẫn.

dòng nông phu, tôi tớ, thợ thuyền, lao động, tù tội v.v...⁽¹⁾

Đến năm vua Minh Mạng thập thất ra lệnh xích hóa⁽²⁾, cải tổ đề huề mới đặt họ như họ Lưu, họ Hán, họ Đàng, họ Nguyễn⁽³⁾, họ Trương, họ Châu, họ Phú, họ Dương v.v...

Lúc bấy giờ đàn ông thì mang họ cha để đứng bộ đình theo tổ - quán cha, đàn bà thì mang họ mẹ để đứng bộ - thổ theo chánh quán mẹ, rồi lưu truyền đến nay.

Điều thứ hai: Đàn bà là nội, đàn ông là ngoại. Việc hôn thú: đàn bà cậy người đi nói đàn ông, cũng có khi đàn ông đi nói đàn bà⁽⁴⁾. Theo tục thời vợ cưới chồng về nhà vợ, có sanh con đẻ cháu cũng lấy phía mẹ là nội, phía cha là ngoại.

Điều thứ ba: Phạm sự hôn - thú do hai bên thỏa thuận. Cứ bên gái cậy mai - nhen đi nói bên trai, nếu đã hứa lời giao ước, định ngày tháng làm lễ cưới mà cha mẹ hay họ hàng bên trai hay bên gái bãi hôn không có duyên cớ chính đáng, làm cho lỡ dở việc cưới hỏi sẽ coi như người ấy thất ước, bội hôn⁽⁵⁾.

Theo tục thì hễ bên nào bội - hôn phải chịu phạt và

⁽¹⁾ Hai dòng trên gồm 4 giai cấp: lãnh đạo vua quan, thầy tu, nông dân và nô lệ.

⁽²⁾ Năm Minh Mạng thứ 17 (1837) xuống chiếu bắt người Chăm thay họ, đổi tên và ăn mặc theo người Việt. Đến khi vua Thiệu trị lên ngôi ngài cho giữ nguyên quần áo như xưa.

⁽³⁾ Những người có công mới được cải ra họ Nguyễn.

⁽⁴⁾ Ảnh hưởng phong tục Việt Nam: Khi người con trai gặp người vừa ý có thể nói bán tin sang nhà gái để họ sanh nhà gái để họ sanh hỏi mình.

⁽⁵⁾ Điều này hơi khác khe vì đi nói với là trạm ngõ thôi mà coi như hứa hôn. Theo Hoàng Việt Trung Kỳ họ luật điều 68 thì đến lễ hỏi, với lễ vật mang đến nhà gái một cách trọng thể, mới có giá trị.

lỡ duyên trai hay gái một đôi trâu và bồi thường phí tổn đã sắm sửa phẩm vật để đãi họ hàng. Tuy nhiên nếu bên nhà trai, nhà gái đều nghèo thì tùy theo hạng người mà phạt vạ⁽¹⁾.

Điều thứ tư: Khi nào hai bên xuôi giá đã định ngày giờ làm lễ cưới mà xảy ra có tang ông bà, cha mẹ, cô bác hay anh chị ruột mà đình hôn thờ không bị phạt vạ và không phải hồi hoàn phí tổn gì nhưng hai bên phải định ngày làm lễ cưới lại trong thời hạn lâu nhất là một năm.

Điều thứ năm: Nếu con gái đã có chồng trước mà bị ly dị hay chết hoặc con trai có đời vợ trước cũng bị như vậy mà hai bên cha mẹ, họ hàng đã giao ước. Bãi hôn không có duyên cố chính đáng sẽ bị phạt vạ bán phần theo điều thứ ba nói trên còn số phí phải bồi hoàn đủ số.

Chương thứ hai

o0o

NÓI VỀ TƯ CÁCH ĐƯỢC KẾT HÔN HAY KHÔNG ĐƯỢC

Điều thứ sáu: Phàm con trai chưa đầy 18 tuổi tròn thời chưa được lấy vợ, con gái chưa đầy 16 tuổi tròn

⁽¹⁾ Người Chàm để đại tang có mười hai tháng thôi nên sau khi hết tang phải cưới ngay.

chưa được lấy chồng⁽¹⁾.

Điều thứ bảy: Chiếu theo tục con cháu trai hay gái mà người đàn bà sinh ra tức là về bên nội, dù xa mấy mươi đời cũng không được cùng nhau kết hôn làm vợ chồng⁽²⁾.

Điều thứ tám: Cấm người chồng không được lấy con riêng của vợ mình, do lấy chồng trước sanh ra con gái, gọi mình bằng cha ghẻ. Người quả phụ cũng không được lấy con của chồng mình, do lấy vợ trước đẻ ra con trai gọi mình bằng mẹ ghẻ⁽³⁾.

Trái lại⁽⁴⁾ những hàng người sau này cũng không được lấy nhau làm vợ chồng:

- Phàm đứa con nuôi trai hay gái không bao giờ được phép kết - hôn cùng bà con bên mẹ nuôi mình, dù xa mấy đời cũng vậy.

- Anh em cùng cha khác mẹ⁽⁵⁾

- Anh em chú bác, cha cùng cha một ruột⁽⁶⁾

- Người anh chết hay là ly dị người vợ thời người em ruột không được lấy vợ của anh mình. Người em chết

(1) Trung kỳ hộ luật điều 73 viết: Phàm con trai chưa đầy 18 tuổi thời chưa được lấy vợ, con gái chưa đầy 16 tuổi chưa được lấy chồng.

(2) Trung kỳ hộ luật cấm các người thân thuộc về trực - hệ (theo cha) lấy nhau.

(3) Giống như các khoản điều 74 của Hoàng Việt Trung Kỳ hộ luật.

(4) Chữ trái lại dùng sai.

(5) Xem chú thích 7.

(6) Xem chú thích 7.

hay ly dị người vợ thì người vợ thì anh ruột cũng không được lấy vợ của em mình.

Điều thứ chín: bà con bên ngoại tức là bên cha được phép kết hôn làm vợ chồng nhưng phải thuận vai kêu nhau, bằng anh em hay chị em mới được. Nếu vai trên mình kêu bằng chú, bác, cô thì không được phép lấy nhau. Nếu lấy nhau là mang loạn luân.

Điều thứ mười: Cô cậu chi tử cũng được phép kết hôn. Nếu hai anh em ruột mà người anh hay là em trai sanh ra con gái, người chị hay em gái sanh ra con trai thì được phép kết hôn⁽¹⁾. Còn người anh hay là em trai sanh ra con trai, người chị hay là em gái sanh ra con gái tức là không thay đổi⁽²⁾, tục gọi là "nghiên đó, bút đó" tuy không cấm nhưng lấy nhau làm vợ chồng sẽ không được hoàn toàn.

Điều thứ mười một: Phàm người con trai hay là con gái, bất cứ thanh niên hay chưa thành niên cha mẹ đang con mà cha mẹ không bằng lòng thì không bao giờ được tự - tiện lấy nhau làm vợ chồng. Nếu cha mẹ mệnh - một thì còn có ông nội, bà nội hay là bà con gần nhất như chú bác, cô dì hay anh chị bằng lòng mới được lấy nhau làm vợ chồng.

Tuy nhiên nếu con trai hay con gái từ hai, mười tuổi trở lên, tình quá yêu nhau, lỡ bẽ có mang thai mà ông bà cha mẹ hay người giám hộ không bằng lòng cho lấy

⁽¹⁾ Theo Trung kỳ hộ luật điều 74 thì con cô, cậu không được phép lấy nhau.

⁽²⁾ Cùng giống với cha mẹ.

nhau làm vợ chồng thời quan tòa có quyền cấp giấy phép cho lấy nhau không cần có sự bằng lòng của những người nói trên⁽¹⁾.

Điều thứ mười hai: Khi nào con trai bị vợ chết, có con hay không con mà còn ở chung với cha mẹ vợ, đến khi muốn lấy vợ khác thời phải có cha mẹ người vợ mệnh một bằng lòng. Nếu người con trai ấy đã về ở với cha mẹ mình thời không cần có sự bằng lòng của cha mẹ mệnh một⁽²⁾.

Điều thứ mười ba: Khi nào con trai hay con gái 30 tuổi trở lên muốn lấy nhau làm vợ chồng không đợi có ông bà cha mẹ hay họ hàng bằng lòng cũng được nhưng sau khi thành hôn thời hai vợ chồng và họ hàng bên gái phải sắm lễ: trầu, rượu đến thú - cữu⁽³⁾; cùng cha mẹ hay họ hàng bên trai nghĩa là "tiền dâm, hậu thú"⁽⁴⁾.

Điều thứ mười bốn: Theo phong tục thì đàn ông đã có vợ chánh - thất cũng được phép lấy vợ thứ thất miễn là vợ chánh - thất thuận - tuý và có vợ chánh thất thị -

⁽¹⁾ Theo Trung kỳ hộ luật không cần có điều kiện lỡ mang thai, nếu thành niên thì thủ hiến cho phép lấy nhau được.

⁽²⁾ Giống như trường hợp vợ góa, vợ góa muốn di lấy chồng trong Trung kỳ hộ luật nhưng ở đây không ghi rõ người đàn ông góa đã về nhà cha mẹ có cần sự bằng lòng của cha mẹ mình (như trường hợp người đàn bà góa vợ về nhà cha mẹ rồi phải có sự đồng ý của cha mẹ) hay không.

⁽³⁾ Thú tội.

⁽⁴⁾ Tuổi 30 nhiều quá so với tuổi thanh niên (21) của Trung kỳ hộ luật điều 77.

thiên làm lễ cưới mới có giá trị. Nhưng vợ thứ chỉ ở riêng tại nhà mình chứ không bao giờ được về ở làm ăn chung một nhà với vợ chánh thức được⁽¹⁾.

Điều thứ mười lăm: Phạm người chồng có hai vợ phải thường thường ở, làm ăn tại nhà vợ chánh, còn nhà vợ thứ cũng tới lui giúp việc nhưng không được mê vợ thứ mà bỏ phế công việc nhà người vợ chánh thất⁽²⁾ mà xảy ra việc kiện thưa thời quan tòa có thể ra lệnh cấm người chồng không được về nhà vợ thứ nữa⁽³⁾.

Điều thứ mười sáu: Phạm người đàn bà chỉ lấy một chồng mà thôi, nếu người đàn bà đã có chồng mà tư tình, thông gian với người khác để người chồng bắt được quả tang thời chiếu theo Hoàng Việt hình luật xử tội phạm gian⁽⁴⁾.

Điều thứ mười bảy: Người con trai nào muốn cưới con gái về nhà mình làm vợ thời phải có ông bà, cha mẹ hay họ hàng bên gái thỏa thuận, làm khế ước tình nguyện cho con gái mình theo về ở nhà chồng để phụng tự ông bà bên chồng mãi đến đời con cháu. Khế ước phải có lý hương làm sở tại vi chứng. Nếu gặp trường hợp như thế

⁽¹⁾ Tương tự điều 79 của Trung kỳ hộ luật, chỉ khác sự bất đồng của vợ thứ mà thôi.

⁽²⁾ Nếu xảy ra...

⁽³⁾ Quá khắc khe và không giải quyết được số phận người vợ thứ vì giấy giá thú đệ nhị cấp chưa bị giải tiêu.

⁽⁴⁾ Vi Trung - Kỳ hình luật chưa ban hành (đã dự thảo nhưng không được chuẩn y) nên phải theo Luật Gia Long mà xử.

thì người con trai ấy được quyền hưởng dụng di sản của ông bà, cha mẹ như con gái vậy⁽¹⁾.

Điều thứ mười tám: Phàm người con gái mà cha mẹ đã gả bán theo về ở nhà chồng thời di sản của ông bà, cha mẹ mình cũng được cùng chị em mình dự hưởng một phần ba của mỗi phần⁽²⁾.

Điều thứ mười chín: Phàm lấy nhau làm vợ chồng không được lấy nhau trong tang ông bà, cha mẹ hoặc chồng đương để tang cho vợ hay vợ đương để tang cho chồng, thời hạn để tang là mười hai tháng. Nếu lấy nhau làm vợ chồng trong tang mà thân tộc tố cáo ở tòa, thời sự kết hôn ấy không có giá trị, phải bỏ lỡ. Nếu người đàn bà đương để tang cho chồng mà có hoang thai hay lấy chồng trong tang thời chiếu theo Hoàng Việt hình luật mà xử tội⁽³⁾.

Điều thứ hai mươi: Phàm lấy nhau làm vợ chồng phải có người mai mối, có làng sở tại thị thiên, lập giá thú mới có giá trị⁽⁴⁾. Sau khi thành hôn chồng phải ở nhà vợ chánh thức lo làm cho gia đình hưng vượng, lo săn sóc nuôi nấng vợ con của mình⁽⁵⁾.

Điều thứ hai mươi một: Phàm vợ chồng thời người vợ

(1) Như trường hợp ở rể ở ta.

(2) Không giải quyết cho hai phần ba còn lại.

(3) Điều 80 Trung kỳ hộ luật: ta phải để tang cha mẹ và chồng 27 tháng.

(4) Như ta phải khai với hương hộ.

(5) Giống điều 91 Trung kỳ hộ luật.

phải tôn kính người chồng, người chồng cũng phải trọng đãi người vợ. Nếu có vợ thứ nhất thời người chồng cũng phải giúp đỡ ít nhiều⁽¹⁾, người vợ thứ nhất phải tôn trọng người vợ chánh thất.

Chương thứ ba

oOo

NÓI VỀ SỰ LY DỊ

Điều thứ hai mươi hai: Những duyên có ly dị: Phàm vợ chồng trước đã có lễ hôn thú hợp pháp mà sau ly - hôn, sự ly - hôn ấy phải do toàn hộ xử, nếu hai vợ chồng cùng cha mẹ hai bên thuận tình, có làng sở tại vị chứng cho ly - dị thời sự ly - dị ấy cũng có giá trị. Nhưng đồng thời hai vợ chồng phải làm tờ ly - dị để giao kèo chấp chiếu, lý - hương sở - tại đứng thị thiên⁽²⁾.

Điều thứ hai mươi ba: Chỉ trong hai vợ chồng mới có thể người nọ xin ly - dị người kia, hai vợ chồng cũng có thể cùng xin ly - dị nhau trong một lúc⁽³⁾.

Điều thứ hai mươi bốn: Người chồng có thể xin ly dị người vợ những duyên có sau này:

⁽¹⁾ Giống điều 92 Trung kỳ hộ luật.

⁽²⁾ Trong điều này có hai khoản mâu thuẫn: trên đã bắt phải do tòa án hộ xử mà dưới lại cho ly dị với hương chức sở tại làm chứng thôi.

⁽³⁾ Giống từng chữ một trong điều 116 Trung kỳ hộ luật.

1) Người vợ phạm gian⁽¹⁾.

2) Vì người vợ thứ đánh chửi bạo - hành với người vợ chánh⁽²⁾.

3) Vì vợ chánh và vợ thứ đối với người chồng ngược đãi hay chửi rủa và bên vợ ly - mạ nhiều điều nhục nhã⁽³⁾.

4) Vì vợ bỏ nhà đi trong thời gian hai, ba tháng không có duyên cớ chính đáng⁽⁴⁾.

Điều thứ hai mươi lăm: Người vợ có thể xin ly dị chồng với những duyên cớ sau này:

1) Vì chồng quả không làm tròn nghĩa vụ, tùy theo sức mình mà nuôi nấng vợ con.⁽⁵⁾

2) Vì chồng bỏ nhà đi quá một năm không có duyên cớ chính đáng và không lo việc nuôi nấng vợ con⁽⁶⁾

3) Vì người chồng cư xử trái phép với vợ làm mất trật tự giữa vợ chánh và vợ thứ⁽⁷⁾.

Điều thứ hai mươi sáu: Những duyên cớ sau này người chồng, người vợ chánh hoặc vợ thứ đều có thể xin

⁽¹⁾ Giống duyên cớ thứ nhất trong Trung kỳ hộ luật điều thứ 117.

⁽²⁾ Giống duyên cớ thứ ba trong Trung kỳ hộ luật.

⁽³⁾ Hộ luật Chàm đã thêm vào điều này nhưng trùng ý với điều thứ hai mươi sáu luật này.

⁽⁴⁾ Trung kỳ hộ luật chỉ định có 15 người. Khoảng trên không xác định giữa hai và ba tháng.

⁽⁵⁾ Giống duyên cớ thứ nhất 118 Trung kỳ hộ luật.

⁽⁶⁾ Giống duyên cớ thứ hai trong cùng điều trên.

⁽⁷⁾ Trong dân Trung kỳ định khoản này với hai duyên cớ bị đuổi khỏi cư - sở hôn nhân không có lý - do chính đáng và làm trái trật tự vợ chính, vợ thứ.

ly - dị được:

1) Vì sự đối đãi với mình và đối với ông bà, cha mẹ mình bạo hành, ngược đãi, chửi rủa thậm tệ⁽¹⁾.

2) Vì người chồng hoặc người vợ có tội đại - hình hay là bị trừng trị từ 5 năm tù trở lên⁽²⁾.

3) Vì người chồng hoặc người vợ vô hạnh kiếm làm điều điếm nhục làm cho đến nỗi ở chung với nhau không được⁽³⁾.

Điều thứ hai mươi bảy: Phàm sau khi đã lấy nhau được hai năm⁽⁴⁾, hai vợ chồng có thể cùng nhau xin ly dị. Nếu cha mẹ thuận tình hai bên mới được ly dị nhưng khi nào có duyên cớ chính đáng thời tòa án cũng có thể xử cho ly dị, không cần phải có cha mẹ thuận tình⁽⁵⁾.

Điều thứ hai mươi tám: Phàm đơn ly dị bất cứ do duyên cớ gì thời người nguyên cáo tự mình đệ trình tòa án nơi trú - quán người bị cáo⁽⁶⁾.

Điều thứ hai mươi chín: Phàm đơn xin ly dị thời quan tòa hoặc làng xã - tại xử hòa - giải để cho người nguyên cáo thôi kiện đi; nếu đã hai lần mà không thành

(1) Giống duyên cớ thứ nhất điều 119 Trung kỳ hộ luật.

(2) Cùng theo bộ luật trên không có khoản giới hạn - 7 năm tù trở lên.

(3) Giống duyên cớ thứ ba cùng bộ luật trên.

(4) Điều 120 Trung kỳ hộ luật định là 5 năm.

(5) Dễ dãi hơn luật Việt Nam.

(6) Trung kỳ hộ luật định việc xử lý hay hòa giải do tòa án sơ cấp.

thời xử lý dị⁽¹⁾.

Điều thứ ba mươi: Khi nào việc ly dị do toà án kiện thời có án phúc - y, sức cho hai bên biết, nếu điều kiện ở nơi làng thời phải có giấy của hai bên làm, chồng làm cho vợ một bản, vợ làm cho chồng một bản chấp - thủ, có làng sở - tại ký nhận thiết mới có giá trị⁽²⁾.

Điều thứ ba mươi một: Khi nào vợ chồng ly dị mà có con thời con ấy giao cho người mẹ của nó, nếu sau người mẹ chết thời thân tộc bên mẹ nuôi nấng con ấy⁽³⁾.

Điều thứ ba mươi hai: Khi vợ chồng có án phúc ly dị hoặc có giấy ly dị của hai bên thì người chồng đi lấy vợ khác hay người vợ đi lấy chồng khác cũng được nhưng phải đợi cho đủ thời hạn ba tháng kể từ ngày án đã chung thẩm hoặc giấy ly dị của hai vợ chồng đã làm ra⁽⁴⁾.

Điều thứ ba mươi ba: Khi vợ chồng đã ly dị nhau sau

⁽¹⁾ Trung kỳ hộ luật định việc xử lý hay hòa giải án sơ cấp.

⁽²⁾ Điều này nhắc lại việc làm tờ ly di có hương ý sở - tại thị thực của điều thứ hai mươi hai. Điều này khác với Trung kỳ hộ luật nhưng giống cổ luật Việt Nam. Theo ủy ban cố vấn án lệ thì hai vợ chồng có thể tương cấp chớ cấp nhau một văn thư trong đó người này công nhận người kia được tự do kết lập một giá thú khác, thủ tục này đã có từ triều Lê.

⁽³⁾ Theo điều 144 Trung kỳ hộ luật: con gái giao cho cha nhưng có thể giao mẹ hay một đệ tam nhân đều tòa thấy cần.

⁽⁴⁾ Điều 140 Trung kỳ hộ luật định thời gian chờ đợi này là 10 tháng để tránh sự trùng lộn con cái nhưng thiết tưởng, trong thời gian ba tháng sau khi ly dị người ta cũng có thể biết đàn bà còn có mang thai do chồng trước hay không.

lại lấy nhau là vợ hoặc chồng nữa thời phải có làng sỏ - tại, hương chức chứng nhận mới có giá trị⁽¹⁾.

Điều thứ ba mươi bốn: Khi nào bởi sự ly dị mà đoạn hai⁽²⁾ nếu có con thời những tài sản chung đồng công tạo - mại chia ra cho người chồng một phần ba⁽³⁾ (nghĩa là người vợ hai phần, người chồng một phần). Nếu có nợ thời vợ chồng chia nhau đồng phần mà trả. Trừ khi nào người chồng vì mê sự đi trai gái với người khác mà ly dị nhau thời tài sản tạo mại chung ấy chia một phần tư cho người chồng (chồng một phần, vợ ba phần). Nếu không có con thời chia một phần ba (người chồng một phần, người vợ hai phần)⁽⁴⁾.

Những kỷ phần riêng của chồng hiện còn thời phải giao lại cho chồng⁽⁵⁾.

Điều thứ ba mươi lăm: Khi nào người vợ thông gian mà người chồng bắt được quả tang có tố cáo tại tòa thì người vợ bị xử tội phạm gian theo Hoàng Việt hình luật thành ly dị thời tài sản chung, nếu có con, chia cho chồng một phần, vợ một phần, con một phần; nếu không có con thời chia hai⁽¹⁾ (chồng một phần, vợ

⁽¹⁾ Trung kỳ hộ luật điều 141 bắt phải khai giá thú lại.

⁽²⁾ Chỉ độ ai về nhà người ấy.

⁽³⁾ Theo Trung kỳ hộ luật điều 110: người vợ chỉ được hưởng một phần ba tài sản đồng công tạo mại như người chồng trong luật này.

⁽⁴⁾ Giống trường hợp người vợ trong Trung kỳ hộ luật điều 110.

⁽⁵⁾ Xem chú thích 54.

⁽¹⁾ Người chồng phạm gian chỉ được lấy một phần tư tài sản

một phần đồng nhau). Những kỷ phần riêng của chồng hay của vợ hiện còn thời không bao giờ chia nhau được⁽²⁾.

Điều thứ ba mươi sáu: Khi nào người vợ có tư tình với kẻ khác mà đối đãi với người chồng không được thỏa thuận⁽³⁾ nhưng người chồng không bắt được quả tang, hoặc cha mẹ hay thân tộc bên vợ thường hay mắng chửi người chồng, không thể ở nhà vợ được phải về nhà cha mẹ mình thời trước khi về phải làm giấy tự⁽⁴⁾ rõ duyên cớ do lòng sợ tại của vợ mình, trình xin công chức đứng vi - bằng cho là mình không ở chung nhà vợ nữa. Sau khi trình lòng sợ - tại người chồng không lai vãng mà người vợ có thai tức không phải con của người chồng; nếu người chồng do tòa án⁽⁵⁾ kiện thời người vợ bị chiếu theo Hoàng Việt hình luật xử tội phạm gian. Nếu có ly dị thời những tài sản do vợ chồng công tạo mại được chia nhau như điều thứ ba mươi lăm nói trên đã định⁽⁶⁾.

Điều thứ ba mươi bảy: Phàm con trai đã có vợ chánh thất chưa ly dị, hay không có vợ chánh thất ưng thuận mà đi lấy vợ khác phải chiếu theo luật

chung, trong khi nếu người vợ phạm gian vẫn được lấy một nửa.

(2) Đã có ghi một phần trong điều thứ hai mươi mốt.

(3) Hòa thuận.

(4) Viết rõ.

(5) Tại tòa án.

(6) Theo luật Việt Nam chỉ khi nào có lệnh của (tòa người vợ mới được về nhà cha mẹ mình. Trung kỳ hộ luật điều thứ 137).

trung hôn mà nghị xử. Sự lấy nhau ấy không có giá trị phải bãi bỏ⁽¹⁾.

Chương thứ tư

oOo

QUYỀN HẠN CỦA VỢ CHỒNG

Điều thứ ba mươi tám: Theo tục thời người vợ chủ trương việc đình⁽²⁾ nhưng vợ chồng được bình quyền lo làm mọi phương diện chứ không ai được độc quyền⁽³⁾. Phàm người vợ không đồng ý kế ước và không giấy của người vợ ưng thuận thời người chồng không đem tài sản chung của vợ chồng hoặc bán cho kẻ khác, đứng vay tạm cho người khác, điều ấy xem như không có giá trị và người vợ không chịu trách nhiệm. Trái lại, người vợ làm những việc tự trên mà không có người chồng ký kế ước ưng thuận cũng không có giá trị và người chồng cũng không chịu trách nhiệm.

Điều thứ ba mươi chín: Phàm tài sản của hai vợ chồng khi nào có lời ước riêng của vợ chồng thời phải

⁽¹⁾ Điều này bổ túc điều thứ mười bốn.

⁽²⁾ Điều này tỏ ra rằng người soạn luật này đã không đúng theo cổ tục.

⁽³⁾ Theo Trung kỳ hộ luật điều 204 thì quyền phủ - tử đối với mọi người đồng cư trong nhà là gia trưởng.

làm giấy trước việc giá thú. Giấy giao ước có thân tộc bên chồng hay bên vợ đứng ký chứng và có lý hương làng sở - tại nhận chứng thời không thể thay đổi được⁽¹⁾.

Điều thứ bốn mươi: Phàm vợ chồng không có làm giấy ước riêng với nhau theo lệ hợp nhất tài sản của ông bà cha mẹ hai bên cho hoặc chia chung trong tài sản của hai vợ chồng. Nếu tài sản do hai vợ chồng đồng công tạo mại thời vợ chồng đồng quyền quản trị tài sản ấy⁽²⁾.

Điều thứ bốn mươi một: Phàm vợ chồng ngoài sự quản trị, chồng và vợ muốn sử dụng tài sản chung thời phải cùng nhau đồng tình sử dụng tài sản ấy⁽³⁾.

Điều thứ bốn mươi hai: Khi nào người chồng bỏ phế công việc, không nuôi nấng vợ con hay là làm tiêu tán tài sản chung của vợ chồng thời người vợ có thể làm đơn xin tòa án cấm người chồng từ đây về sau không được tự tiện sử dụng tài sản chung⁽⁴⁾, trừ ra tài sản riêng của người chồng thì không thể kể⁽⁵⁾.

Điều thứ bốn mươi ba: Phàm tài sản chung của vợ chồng đồng hưởng thời phải đảm bảo nhận các món nợ

(1) Theo Trung kỳ hộ luật muốn để tài sản riêng biệt phải khai trước lý - trưởng hoặc quản lý thứ kế mà không cần phải có họ hàng làm chứng.

(2) Luật Việt Nam chồng quản trị tài sản (Trung kỳ hộ luật điều thứ 106).

(3) Điều 108 Trung kỳ hộ luật chỉ cấm không được sử dụng kỳ phần người vợ.

(4) Khoản này nhắc đi nhắc lại nhiều lần.

(5) Điều 107 Trung kỳ hộ luật ghi chồng có thể sử dụng tài sản một mình.

sau đây:

- Những nợ của vợ chồng đã vay trước khi hôn thú.
- Những nợ của vợ chồng đồng tình vay trong khi ăn ở với nhau.
- Những nợ vợ hay chồng đứng vay để tiêu dùng hay làm lợi trong gia đình.

Điều thứ bốn mươi bốn: Khi nào người chồng mệnh - một thời người vợ làm nghiệp chủ tất cả tài sản chung trừ ra những ruộng đất của cha mẹ người chồng cho, đến khi mãn tang chồng trong một năm hoặc hai năm thời ruộng đất ấy vợ con phải giao lại cho thân nhân bên chồng chứ vợ không được hưởng lâu dài. Còn những động sản thời vợ con được trọn quyền hưởng.

Điều thứ bốn mươi lăm: Theo tục người Chăm bên đạo Chăm⁽¹⁾ chết phải làm đám thiêu cốt hài nhưng có lấy miếng xương trán⁽²⁾ bỏ vào hộp để phụng - tự về sau, vợ con phải giao cốt ấy cho thân nhân bên chồng để khi nào tất cả trong thân tộc đem cốt vào trong thổ mộ Chăm gọi là cút có dựng hòn đá đồng thời cốt ấy

⁽¹⁾ Chăm là tên nước Chăm theo tiếng của họ. Vì đạo Bàlamôn được coi như quốc giáo nên người Chăm thường được gọi ấy là đạo Chăm, đạo của nước Chăm.

⁽²⁾ Khi thiêu người Chăm lấy cái sọ đã cháy hết thịt cắt lấy những mảnh tròn nhỏ để bỏ vào một cái hộp nhỏ gọi là khoang thờ (đàn bà 7 miếng, đàn ông 9 miếng) khi số người chết trong họ nhiều rồi người ta đem những xương ấy để vào trong những phiến đá gọi là cút.

cũng chôn vào cút cho thân tộc bên chồng phụng - tự nếu người vợ (quả phụ) muốn cải giá lấy chồng khác, trước khi có chồng phải đem cốt người chồng chết giao về cho thân tộc bên chồng rồi mới được cải giá. Nếu chưa đem cốt ấy về giao trả cho bên chồng mà cải giá sẽ chiếu theo Hoàng Việt hình luật xử tội lấy chồng trong tang.

Điều thứ bốn mươi sáu: Phàm vợ chồng trong khi phối hiệp mà có tạo mại tài sản hay là có của chung của hai vợ chồng đến khi người chồng chết thời người vợ phải theo tục làm đám thiêu cho chồng. Nếu người chồng gặp thời gian hỗn loạn hay trở ngại việc gì không thể làm đám thiêu được mà đem ký thời người vợ phải đợi đến khi lấy cốt của người chồng chết lên, làm đám thiêu xong cho đến khi mãn tuần, tự giao cốt người chồng cho thân tộc bên chồng phụng tự người vợ (quả phụ) mới được phép lấy chồng khác. Nếu chưa làm đám thiêu cho chồng mà người vợ cải giá thời thân tộc gần nhất bên chồng có do tòa án kiện⁽¹⁾ xin chia tài sản nói trên có đủ sở phí làm đám thiêu và phụng tự người mệnh một ấy.

Tuy nhiên nếu hai vợ chồng nghèo, không có tài sản gì, không thể làm đám thiêu cho chồng mệnh một ấy nổi thời mãn tang một năm mới được phép lấy chồng khác⁽²⁾.

Điều thứ bốn mươi bảy: Khi nào người vợ mệnh một thời người chồng làm nghiệp chủ, quản trị tài sản

⁽¹⁾ Kiện tại tòa.

⁽²⁾ Người Việt phải để tang 27 tháng.

chung mà nuôi nấng con cái đến khi con thành niên, có vợ có chồng, thời người cha được lấy một phần trong tài sản chung để ăn dưỡng lão có bao nhiêu điều giao cho con mình quản trị. Nếu người cha muốn đi lấy vợ khác thời con cháu có thể cấp dưỡng người cha đầy đủ⁽¹⁾.

Điều thứ bốn mươi tám: Phàm người vợ đã chết, người hoang - phu ấy không có con cháu mà muốn đi lấy vợ khác thời những tài sản của vợ chồng đã tạo nên phải chia cho người mệnh - một một phần, còn nhà cửa ruộng đất của ông bà cha mẹ người mệnh - một cho thì giao lại cho thân tộc người vợ mệnh - một ấy ăn để phụng tự⁽²⁾.

Điều thứ bốn mươi chín: Phàm hai vợ chồng có sinh được con cháu gái nhiều đứa mà bên cha mẹ người chồng không có con cháu gái ruột hoặc không có thân nhân gần nhất thời người chồng có thể bắt một đứa con hay cháu gái của mình sinh ra đem về ở nhà cha mẹ mình để quản trị tài sản mà phụng tự tổ tiên, cha mẹ bên chồng để khỏi tiết - tự và thất - tự. Nếu người vợ không thuận tùy, người chồng do tòa án tố cáo quan tòa có thể cho phép hay bắt buộc con cháu ấy theo ý muốn ông cha không cần phải có người mẹ

⁽¹⁾ Người chồng trong Trung kỳ hộ luật được quản trị tất cả tài sản chung và kỷ phân của vợ.

⁽²⁾ Khi người chồng chết, vợ muốn đi lấy chồng sẽ không được hưởng quyền lợi gì về tài sản (Trung kỳ hộ luật) trừ kỷ phân của mình.

thuận tụy.

Điều thứ năm mươi: Con hay cháu gái đã về phụng - tự ông bà cha mẹ bên cha không có tài sản gì mà bên mẹ có tài sản thì đưa con hay cháu gái về phụng - tự bên cha ấy được cùng chị em mình dự hưởng một phần ba của mỗi phần trong tài sản của cha mẹ mình⁽¹⁾. Nếu trước khi cha mẹ có làm chúc thư để lại có lý - hương làng sở - tại chứng nhận thì con cháu phải chiếu theo điều đó mà nhận. Nhược bằng con cháu nào không tuân theo chúc - thư ấy thì mang tội bất - hiếu⁽²⁾.

Điều thứ năm mươi một: Theo phong tục người Chăm có hai tôn giáo: người Chăm tục gọi là A-KA-PHIÊN thì chết thiêu⁽³⁾. Về tôn giáo người Bani tục gọi là A-SA-LAM là đạo Hồi - thì chết chôn. Phàm người đàn bà trong thân tộc mẹ đẻ ra con trai, con gái đến khi chết đều phải đem hài về chôn tại thổ - mộ trong thân tộc mẹ⁽⁴⁾. Khi chôn xong phải làm bảy tuần đến tuần giáp năm là mãn tang nhà giàu làm bảy tuần ấy phải chém bảy con trâu để làm lễ có khi chém đến mười ba mười bốn con trâu. Tuy nhiên cũng tụy gia - phong kiệm nếu nghèo làm bảy tuần ấy bằng gà - vịt hay cá cũng được. Nếu người chồng là đạo Bani

(1) Việc chia gia sản của cha mẹ sẽ nói ở chương thứ năm.

(2) Dự luận sẽ kết án.

(3) Đạo Balamôn, xem chú thích 76 và 77.

(4) Thổ mộ của người Chăm theo Hồi giáo thường ở trong những động cát (dune de sable).

chết thời vợ cư tang đến tuần giáp năm xong mới được lấy chồng khác⁽¹⁾. Những bất động sản bên chồng tặng cho mẹ lúc sanh tiền vợ con phải giao cho tộc chồng ăn mà phụng tự⁽²⁾.

Chương thứ năm

o0o

NÓI VỀ QUYỀN HẠN CON CHÁU CHIA DI - SẢN CỦA ÔNG BÀ CHA MẸ ĐỂ LẠI

Điều thứ năm mươi hai: Phàm ông bà cha mẹ sinh ra con cháu trai hay gái mà có tạo lập được gia - tài: Động - sản hay bất động thời con cháu gái được hưởng dự phần quân - phân tài sản ấy. Còn con cháu trai thời tùy theo ông bà cha mẹ liệu cho chừng nào hay chừng ấy. Nếu chưa kịp cho về sau anh chị em phân sản thời trích cho con trai nhiều nhất là một phần năm của mỗi phần⁽³⁾. Còn của động sản thời trích cho dứt, còn phần bất động sản như ruộng đất cho hưởng mãi mãi, đến khi qua đời vợ con phải trả lại cho

(1) Người quả - phụ đạo Bàlamôn phải trả cốt xong mới được đi lấy chồng - xem điều thứ bốn mươi sáu.

(2) Xem điều thứ bốn mươi tám.

(3) Ở Việt Nam gia - tài cha mẹ để lại trừ hương hỏa ra sẽ đem chia đều cho các con không phân biệt trai gái. Khi đã cho là cho dứt khoát chứ không thể lấy lại sau khi chết.

chị em bên tộc chồng⁽¹⁾.

Điều thứ năm mươi ba: Phàm ông bà cha mẹ sinh ra chỉ có cháu con trai, không có con cháu gái thời di sản của ông bà cha mẹ, con cháu trai cũng có quyền quản trị. Nếu có di sản bà cao tổ, tằng tổ để lại về phần thực của bà hay mẹ con cháu trai thời phải trích hương - hỏa một phần ba giao cho thân tộc gái gần nhất bên mẹ canh quản phụng - sự tổ tiên. Còn bao nhiêu con cháu trai được quyền quản trị. Nhưng muốn sử dụng tài sản ấy phải có thân tộc gần nhất bên mẹ thuận ký giấy tờ mới được sử dụng⁽²⁾.

Điều thứ năm mươi bốn: Phàm con trai hay con gái của người mẹ sinh ra mặc dù nhiều đời chay hay là con ngoại tình đều được quyền hưởng di sản của ông bà cha mẹ đồng nhau⁽³⁾ bởi vì lấy mẹ làm chủ quyền. Tuy nhiên nếu người cha của dòng con nào tạo mại tài sản nhiều thời trích ra một phần cho các con của người cha ấy sinh ra còn bao nhiêu thời chi đặng đặng nhứt phần đồng nhau. Phần con trai sẽ được hưởng như trong điều 52 nói trên đã định.

Điều thứ năm mươi lăm: Phàm con một cha mà nhiều dòng mẹ sinh ra thời di sản của ông bà để lại, sau

⁽¹⁾ Phần bất động sản này người con trai không được bán đi vì sẽ phải trả lại chị em nhà mình sau khi chết.

⁽²⁾ Người con trai bất kỳ bao nhiêu tuổi vẫn không đủ quyền sử dụng bất động sản như sự vô năng của người đàn bà Việt Nam trong một số luật cổ.

⁽³⁾ Con trai hưởng bằng phần với con trai chính, con gái thì đồng phần với con gái chính.

khi hai vợ chồng mệnh - một thời thuộc về bà con gần nhất bên vợ được hưởng còn di sản của hai vợ chồng đồng lao tạo lập thời thân tộc bên vợ phải chia cho thân tộc bên chồng một phần ba để ăn mà phụng tự người chồng ấy vì cốt hài của người chồng đã đem nhập vào thổ - mộ thân tộc bên người chồng.

Điều thứ năm mươi bảy: Chiếu theo tục con trai không dự phần quân phân bất động sản cùng chị em gái là vì để cho chị em ái ăn phụng - tự tổ tiên, theo tục không trích phần hương hỏa riêng. Bởi thế nên khi nào chị em gái muốn sử dụng bất động sản ấy phải yêu cầu anh em trai thuận tình ký thế mới được sử dụng tuy là phần thực nhưng gồm cả hương hỏa.

Chương thứ sáu

oOo

NÓI VỀ CON NUÔI

Điều thứ năm mươi tám: Khi nào muốn nuôi người trong thân tộc hoặc là ngoại tộc làm con nuôi thời hai bên cha mẹ mình và cha mẹ nuôi phải lập ra tờ khoán - ước có lý hương làng sở - tại mẹ sinh của đứa con nuôi nhận thực mới có giá trị. Tuy nhiên nếu người con nuôi đã chín, mười tuổi mà lập khoán ước làm con nuôi thời

không có giá trị đối với thân tộc mẹ nuôi⁽¹⁾.

Điều thứ năm mươi chín: Phàm vợ chồng không có con thừa kế muốn xin con gái người trong thân tộc gần nhất bên vợ làm con nuôi thời đứa con nuôi ấy được trọn quyền quản trị tài sản của cha mẹ nuôi cũng như con đẻ vậy chứ trong thân tộc gần nhất bên mẹ nuôi không được dự chia tài sản ấy nhưng phải là con nuôi từ khi mới lên ba, bốn tuổi mới được. Nếu lớn đến chín, mười tuổi đem về nuôi thời không được trọn quyền.

Điều thứ sáu mươi: Khi nào người quả phụ không có con mà xin con gái trong thân tộc xa xa làm con nuôi đến khi người quả phụ ấy mệnh - một thì những di sản của người quả phụ đã tạo nên hay của ông bà để lại thời thân tộc gần nhất bên mẹ nuôi như anh chị em ruột hay cháu gái gọi mẹ nuôi ấy bằng gì ruột thời được chia di sản ấy với con nuôi một phần ba (con nuôi hai phần, thân tộc một phần). Nếu con nuôi ấy là người dưng không phải con người trong thân tộc mà xin về nuôi thời di sản người mẹ nuôi chia hai (con nuôi một phần, thân tộc một phần) còn di sản ông bà để lại thời chia ba (con nuôi một phần, thân tộc hai phần) nhưng chỉ chia ruộng đất, trâu bò vàng bạc còn các tài sản khác thời thân tộc không chia với con nuôi⁽²⁾.

Điều thứ sáu mươi mốt: Phàm vợ chồng đã có con trai

⁽¹⁾ Điều 183 Trung kỳ hộ luật bắt đôi bên cha mẹ phải bằng lòng. Ở đây việc làm khế ước giữa hai bên cha mẹ trước hương lý sơ - tại như điều minh thị bằng lòng.

⁽²⁾ Theo Trung kỳ hộ luật điều 191 nghĩa vụ và phận sự người con nuôi như con đẻ vậy nhưng không bắt buộc phụng tự người chết trừ trường hợp nuôi lập tự. Điều 195 bộ hộ luật kể trên lại ghi rõ: nếu không là con nuôi lập tự thời không có quyền lợi về di sản của cha mẹ nuôi trừ khi cha mẹ nuôi có lập chúc thư chia cho.

hay gái mà muốn xin người trong tộc hay ngoại tộc làm con nuôi thời di sản của cha mẹ nuôi (động sản hay bất động sản) thường lệ chia cho con nuôi nhiều nhất là một phần năm của mỗi phần.

Điều thứ sáu mươi hai: Nếu người mẹ nuôi qua đời không có thân tộc gần hay xa mà lập tự cho người nuôi đứng phụng tử tiên và cha mẹ nuôi thời (người con nuôi) phải hết lòng phụng tự cũng như con sinh vậy. Nếu người con nuôi ấy không hết bốn phận, bỏ phế sự đơm quẩy hay là người con nuôi ấy trở về nhà cha mẹ sinh hoặc thân tộc của mình thời những tài sản chia cho con nuôi ấy nếu có bà con xa như bên ngoại của người mẹ nuôi ấy tố giác thời phải thâm hồi để trách người nhận lãnh phụng tự⁽¹⁾.

Điều thứ sáu mươi ba: Phàm cha mẹ nuôi còn có thân tộc gần xa thời chỉ lập tự cho đứa con nuôi phụng tự vợ chồng mình thời không cần có người thân tộc thuận tình. Nếu cha mẹ nuôi muốn lập tự người con nuôi đứng phụng tự tử tiên thời phải chiêu tập hội đồng, thân tộc đều thuận tình ký trong bản chúc ngôn mới có giá trị. Nhưng nếu trong thân tộc người đứng phụng tự còn xum vầy thời không ai lập tự cho đứa con nuôi đứng phụng tự tử tiên bao giờ⁽²⁾.

Điều thứ sáu mươi bốn: Phàm cha mẹ nuôi đối với

(1) Theo luật Việt Nam con nuôi thời ở với việc phụng tự và bị thu hoàn phần tài sản dành cho việc phụng tự và phần tài sản được chia (điều 99 Trung kỳ hộ luật).

(2) Tránh việc những người trong thân tộc có thể sinh ra con cháu gái để phụng tử.

con nuôi cũng như con sinh không được đem con nuôi đi bán cho kẻ khác. Nếu nghèo khổ thời chỉ được đem đứa con nuôi đi đợ đỡ trong thời gian ba, bốn năm mà thôi.

Điều thứ sáu mươi lăm: Phàm con nuôi phải phục tùng cha mẹ nuôi, ở cho có nghĩa, phụng tự ông bà cha mẹ nuôi mình, nếu người con nuôi nào hạnh kiểm không tốt, ngỗ nghịch đối với cha mẹ nuôi thời có thể đuổi về cha mẹ sinh nó.

Điều thứ sáu mươi sáu: Nếu cha mẹ nuôi đều chết đứa con nuôi được hưởng gia tài của mẹ nuôi mà bỏ phế không phụng tự hay là đối với thân tộc mẹ nuôi nhiều điều ngỗ nghịch, chỉ biết tôn trọng thân tộc bên mẹ sinh nó thời thân tộc bên mẹ nuôi có thể do tòa cáo giác⁽¹⁾ xin trục xuất và thu hồi tài sản của mẹ nuôi nó⁽²⁾.

Chương thứ bảy

oOo

NÓI VỀ VIỆC GIÁM HỘ

Điều thứ sáu mươi bảy: Phàm đứa con trai hay con gái mồ côi cha mẹ hoặc mồ côi mẹ mà cha đã đi lấy vợ khác nó không còn ông nội, bà nội, dì ruột, anh chị ruột thời đâu có di sản của ông bà cha mẹ để lại hay không

⁽¹⁾ Cáo giác tại tòa án.

⁽²⁾ Xem chú thích ở điều 6.

có, trong thân tộc gần nhất bên mẹ phải lo việc giám hộ cho đứa con ấy cho đến khi thành thân⁽¹⁾.

Điều thứ sáu mươi tám: Phàm người vị thành niên có con trai hay gái chưa đủ 21 tuổi tròn⁽²⁾ đối với pháp luật không có tư cách quản trị tài sản của mình và tự trị bản thân mình. Tuy nhiên đứa con gái 16 tuổi trở lên đã có chồng thời có đủ quyền quản trị của mình⁽³⁾.

Điều thứ sáu mươi chín: Quyền giám hộ theo pháp luật để bảo hộ những con cái vị thành niên mồ côi cả cha mẹ thời người giám hộ phải chăm nom cho người vị thành niên, nếu người ấy có tài sản riêng thời phải quản trị tài sản ấy cho nó nữa⁽⁴⁾.

Điều thứ bảy mươi: Khi nào người mẹ mệnh - một thời quyền giám hộ các con sinh và con nuôi, lẽ tự nhiên là thuộc về người cha còn sống (làm giám hộ)⁽⁵⁾.

Điều thứ bảy mươi một: Khi nào người cha đứng quyền giám hộ cho đứa con vị thành niên mà đi lấy vợ khác hoặc tự tình với ai, hay là hạnh kiểm không tốt ý muốn tiêu pha hay kỷ nhập tài sản của con mình thời sẽ bị truất quyền giám hộ cho con cái mình. Khi nào muốn xin truất quyền người cha như thế thời thân tộc gần của

(1) Theo Việt luật nếu còn ông bà chú bác cô dì vẫn phải lập người giám hộ (những điều 227, 228, 229 Trung kỳ hộ luật).

(2) Người vị thành niên là con trai hay con gái.

(3) Giống điều 221 Trung kỳ hộ luật.

(4) Giống điều 221 Trung kỳ hộ luật.

(5) Theo điều 222 Trung kỳ hộ luật cha chết mẹ được quyền giám hộ.

bên mẹ con vị thành niên đứng kê hoặc quan tòa xét cần phải đảm quyền lợi cho con vị thành niên ấy sẽ tuyên bố truất quyền giám hộ của người cha nhưng cũng phải hỏi ý kiến đứa con vị thành niên. Tuy nhiên người hoang phu ấy có tính cách thương con, cũng có công nghiệp tạo - lập tài sản để cho con thời không tuyên bố truất quyền giám hộ⁽¹⁾.

Điều thứ bảy mươi hai: Phạm người quả phụ đều có thể cử một giám hộ để sau khi mình mệnh - một có người trông nom cho con cái của mình, người giám hộ ấy phải là người lựa trong thân tộc bên nội. Nếu có bà con bên nội thì lựa người trong thân tộc bên ngoại, nhược bằng không có nữa thì sẽ lựa một người ngoại tộc cũng được. Nhưng về sự giám hộ ấy phải làm thành chúc thư trong có điều khoản rõ ràng và có lòng sở tại chứng nhận mới được⁽²⁾.

Điều thứ bảy mươi ba: Khi nào cha mẹ mệnh một mà không cử người giám hộ cho con vị thành niên thời quyền giám hộ cho đứa con ấy sẽ tự nhiên thuộc về ông nội hay bà nội. Nếu không còn ông bà nội mà còn có anh chị ruột đã thành niên thời quyền giám hộ thuộc về người anh hay người chị ruột⁽³⁾.

Điều thứ bảy mươi bốn: Khi nào người con vị

⁽¹⁾ Đoạn sau ý nói: tuy nhiên người hoang phu ấy hoặc có lòng thương con, hoặc có công tạo lập tài sản để lại thời tòa không thể tuyên bố truất quyền giám hộ.

⁽²⁾ Giống điều 226 Trung kỳ hộ luật.

⁽³⁾ Điều 227 Trung kỳ hộ luật để quyền giám hộ cho ông bà; điều 228 cùng bộ luật trên lại chỉ dành quyền giám hộ cho người anh cả đã thành niên mà thôi.

thành niên không có ông bà nội hay anh chị ruột như trên đã nói thời quyền giám hộ đứa con ấy thuộc về người dì ruột hay là người cậu ruột với mẹ người vị thành niên⁽¹⁾.

Điều thứ bảy mươi lăm: Khi nào con vị thành niên không có ông bà nội, anh chị ruột hay dì cậu ruột thời trong thân tộc lựa một người gần nhất trong bà con mà giao phó quyền giám hộ nhưng phải lựa người đàn bà gần nhất trong thân tộc⁽²⁾, chừng nào không có đàn bà sẽ lựa chọn đàn ông.

Điều thứ bảy mươi sáu: Khi nào đứa con vị thành niên mồ côi mẹ mà cha đã đi lấy vợ khác, nó không còn ông nội, bà nội, anh chị ruột hay dì cậu ruột, dưỡng, thuộc quyền giám hộ của người trong tộc mà đứa con ấy bị hành hạ khổ sở thời người cha có thể do tòa⁽³⁾ kiện bắt đứa con ấy về dạng săn sóc và đồng thời người giám hộ phải giao hồi tất cả tài sản của đứa con ấy cho người cha của nó quản trị để nuôi nấng đứa con ấy, lo cho đến khi nó thành nhân chi mĩ, dựng vợ gả chồng rồi giao tài sản cho đứa con ấy⁽⁴⁾.

Điều thứ bảy mươi bảy: Khi nào không có đặt người giám hộ theo lệ đã định trên thời hội đồng thân tộc có ít

(1) Việt luật không nói đến quyền giám hộ của chú bác cô dì...

(2) Người đàn bà có họ gần nhất trong họ.

(3) Kiện tại tòa.

(4) Tòa sẽ định người giám hộ thay người trước.

giám hộ chấp thủ một bản, trưởng tộc giữ một bản, làng giữ một bản⁽¹⁾.

Điều thứ tám mươi: Những người sau này không được làm giám hộ hoặc dự hội đồng thân tộc người vị thành niên: người bị cấm quyền, người can án đại hình, án徒刑, can tội ăn trộm, ăn cướp, du đảng, du thực. Người nào đã được cử làm giám hộ người vị thành niên mà về sau bị tội như kể trên, đã có án chung thẩm rồi thời hội đồng gia tộc phải chọn người khác làm giám hộ⁽²⁾.

Điều thứ tám mươi một: Phàm người có quyền giám hộ thời người giám hộ ấy bất cứ đàn ông hay đàn bà phải thực hành trông coi người con vị thành niên như cha mẹ đối với con vậy⁽³⁾.

Điều thứ tám mươi hai: Người giám hộ phải đảm nhận những tài sản của người vị thành niên mà cần phải quản trị trong khi làm giám hộ nếu hội đồng gia tộc hoặc là quan không cho phép thời người giám hộ không được quyền bán đoạn, bán lại thuê⁽⁴⁾ hay là cầm cố những động sản hoặc bất động sản và

⁽¹⁾ Theo Việt luật thì sau khi người được chọn nhận làm giám hộ rồi chính người đó mới khai điều này bất lợi cho trẻ vị thành niên người giám hộ có thể khai gian lận. Giải pháp trên của hộ luật Chăm rất hợp lý. (Xem Trung kỳ hộ luật điều 25).

⁽²⁾ Điều 248 Trung kỳ hộ luật định thêm những người bị án tội tía, khi biên, giả mạo và những tội: định trong những điều 301, 302, 306, 307 hình luật đều không được quyền làm giám hộ.

⁽³⁾ Giống như điều 250 Trung kỳ hộ luật.

⁽⁴⁾ Bán rồi có thể chuộc lại.

nữ⁽¹⁾ là bốn, năm người thân thuộc về bên nội (tức bên mẹ) đứa con vị thành niên, hoặc người lớn nhất trong họ hoặc người lớn nhất trong làng⁽²⁾ làm chủ tọa hội đồng thân tộc để chọn lựa người trong thân tộc bên nội đứa con vị thành niên làm giám hộ. Nếu không có người bà con bên mẹ thời hội đồng ấy sẽ lựa người trong bà con bên ngoại tức là bên cha⁽³⁾ của đứa con vị thành niên họp nhau chọn người làm giám hộ nếu nó không có bà con bên nội còn để làm hội đồng.

Điều thứ bảy mươi tám: Khi nào con vị thành niên không có thân tộc bên nội và bên ngoại thời những người lớn nhất trong làng hoặc người công chức hội đồng chọn người cử làm giám hộ cho đứa con vị thành niên ấy⁽⁴⁾.

Điều thứ bảy mươi chín: Khi nào chọn người cử làm giám hộ cho đứa con vị thành niên như trường hợp nói trên, các khoản phải lập thành giao ước, nếu có tài sản thời cũng phải kể vào giấy giao ước ấy và nuôi nấng đứa con vị thành niên ấy thế nào thì trong giấy giao ước tự rõ ràng. Giấy giao ước làm thành ba bản, người

(1) Ít ra là bốn, hay năm người...

(2) Người lớn nhất trong họ là người có thứ bậc cao nhất. Người lớn nhất trong làng là người có chức vị cao nhất.

(3) Rất khó và chưa chắc đã hợp lý vì hội đồng thân tộc bên nội lại đi chọn trong thân tộc bên ngoại, bên ngoại; thiết tưởng nên trao quyền cho hội đồng thân tộc bên ngoại chọn lấy với nhau như trường hợp không có người thân tộc bên cha để lập hội đồng.

(4) Điều 20 Trung kỳ hộ luật định cho lý - trưởng và kỳ mục thứ nhất (9tiền chỉ) chọn.

cũng không được đứng vay cho người thuộc quyền giám hộ mình⁽¹⁾.

Điều thứ tám mươi ba: Người giám hộ phải trông coi người vị thành niên mà sử dụng hoa lợi của người ấy nhưng phải có tính toán cho phân minh, có sổ sách⁽²⁾.

Điều thứ tám mươi bốn: Khi nào người dưới quyền giám hộ của mình đã thành niên được 17, 18 tuổi hoặc đã có vợ có chồng; đủ quyền hành quản trị tài sản của nó thời khi ấy người giám hộ phải trình sổ sách trước mặt hội đồng gia tộc thanh toán rồi giao lại cho nó tất cả tài sản của nó mà mình đã quản trị từ lâu và phải trông coi nó nữa⁽³⁾.

Điều thứ tám mươi lăm: Phàm người giám hộ nào không thành tín, làm tiêu mất tài sản của người thuộc quyền giám hộ của mình thời người giám hộ ấy phải lấy của riêng mà bồi hoàn cho người thuộc quyền giám hộ của mình.⁽⁴⁾

Hộ luật này sẽ còn bổ túc thêm

(1) Điều 252 Trung kỳ hộ luật còn cấm không được mua động sản và bất động sản thuộc quyền người mà mình giám hộ nữa.

(2) Điều 251 Trung kỳ hộ luật cũng định hướng.

(3) Tuổi định 17, 18 tuổi trái với điều 68 (Phải đủ 21 tuổi hay con gái 16 tuổi trở lên nhưng phải có chồng). Trung kỳ hộ luật điều 262, 263 định thêm rằng nếu đến năm 8 tuổi cha mẹ hay hội gia tộc có thể có thể cho phép đứa con vị thành niên quản trị lấy tài sản của mình.

(4) Điều 258 Trung kỳ hộ luật cũng ghi: người giám hộ nào dụng tình hay trẽ biếng làm tổn hại đến tài sản của người mình giám hộ phải chịu trách nhiệm, phải đem tài sản ra bồi hoàn.

Phụng thảo:

Tri huyện: Dương Tấn Phát

Phan rang, ngày 20 tháng 6 năm 1950.

II

TIỂU SỬ SOẠN GIẢ

Cụ Dương Tấn Phát vốn là dòng - dõi quý tộc Chiêm Thành, sinh tại làng Hiếu Lễ, huyện An Phước, tỉnh Ninh Thuận. Cụ lấy vợ làng Phước Đông ở cùng huyện nên về ở lạng đó từ bấy đến nay.

Cụ là người tinh thông chữ nghĩa Chàm, nhất là cổ tự mà hiện nay không mấy người Chàm có đọc được, lại thông suốt Hán tự cũng rành rẽ tiếng Việt Nam.

Xuất thân từ người bạch diện thư sinh, cụ bắt đầu làm thư lại ở huyện An Phước rồi sau được lên làm tri huyện ở chính huyện này trong thời Pháp thuộc luôn 9 năm trời.

Tới khi chính quyền quốc gia đã tái lập ở vùng này cụ được mời ra đảm nhiệm chức quận trưởng quận An Phước và làm việc mãi đến năm 1958 mới về hưu, an dưỡng tuổi già.

Cụ mới mất cách đây vài năm.

III

LỊCH TRÌNH SOẠN THẢO HỘ LUẬT CHÀM

Khi soạn giả còn làm tri huyện An Phước một huyện dân đa số là người Chăm, theo tổ chức thời bấy giờ cụ giữ luôn cả chức án toà sơ thẩm tại huyện ấy. Ngày ấy cụ đã gặp rất nhiều trở ngại trong việc xử các án nhất là các việc hộ của người Chăm.

Chiếu theo dụ 51 ngày 23 tháng 1 năm 1936 thì người Chăm cũng như các thổ dân khác không bị xử theo Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật mà được xử theo phong tục, tập quán của họ.

Như vậy quan tòa sẽ toàn quyền chiếu theo phong tục mà định án. Sự toàn quyền này có thể gây ra những bất công vì thân tình hay vị hối lộ, thêm vào đấy phong tục, tập quán lâu càng phai lạt có nhiều điều cụ không còn nhớ nữa mà đi hỏi thì rất khó tìm được những người trả lời một cách khách quan.

Bởi thế muốn giữ được công bằng, dù chỉ tương đối, cũng rất khó khăn.

Vì thế từ ngày ấy cụ đã sưu tầm các phong tục, tập quán dự tính thảo một bộ hộ luật cho riêng biệt cho người Chăm.

Việc đang làm dở thì cụ cáo quan.

Tiếp đến thời tham chánh lần thứ hai, nhân gặp thủ tướng Chính phủ và một nhân vật quan trọng của Văn Phòng Quốc trưởng cụ có đề cập đến vấn đề trên và cụ được mọi người khuyến khích nên đã thảo xong vào năm 1950. Sau đó muốn tránh những sai lầm đáng tiếc cụ đã

triệu tập một hội đồng gồm các nhân - sĩ trong quận để thảo luận về dự thảo này.

DANH SÁCH CÁC NHÂN - SĨ CHÀM
ĐÃ DUYỆT Y DỰ THẢO HỘ LUẬT

| Số tt | Họ và tên | Tuổi (1950) | Chính quán | Chức vụ |
|-------|---------------------|----------------|------------|----------------|
| 1. | Ô. Bá Bình Yên | 48 | Thành - ý | Hội đồng tỉnh |
| 2. | Bá - Đại Ngô | 41 | Văn Lâm | Chánh Tổng |
| 3. | Đàng Năm Phương | 50 | Hữu Đức | Cựu giáo viên |
| 4. | Đổng Thời (đã chết) | 69 | Phước Đồng | Thầy cả |
| 5. | Hàn - Thuận | 65 | Như Ngọc | Phú hào |
| 6. | Lưu Ai | 60 | Chát | Nghị viện viện |
| 7. | Quảng Đại Minh | 50 | Thường | Dân biểu |
| 8. | Tài Rô Chay | 70 | Phước Nhơn | Hội cựu viên |
| 9. | Thành - Có | 61 | Phước Đồng | Cựu chánh tổng |
| 10. | Trương Năng An | 63 | Phước Đồng | Chánh tổng |

Xét thành phần hội đồng ta thấy có đại diện hầu hết các làng Chàm, đủ các thành phần (quan lại, phú hào, đại biểu của dân, tăng lữ v.v...) và gồm những người của cả hai tôn giáo chính của Chàm là đạo Bàlamôn và Hồi giáo.

Hội đồng làm việc luôn trong mấy hôm, bàn cãi về từng điểm, thêm, bớt và sửa chữa và hoàn thành ngày 20 tháng 6 năm 1950.

Tuy nhiên với thủ tục làm việc trên, dự thảo hộ luật

ấy chưa đủ tính cách pháp lý để có thể trở thành Hộ luật vì:

- Hội - đồng duyệt - y không phải do chánh quyền cao cấp về hành chính hay tư pháp triệu tập.

- Không có các đại diện của một quận Chàm khác là quận Phan - Lý Chàm ở tỉnh Bình Thuận.

- Sau khi hội đồng duyệt - y xong chưa được chính quyền chuẩn y và ký sắc lệnh ban hành.

Song dự thảo Hộ luật trên rất có giá trị trên phương diện tài liệu vì những lẽ:

a) Soạn giả là một học giả uyên - thâm, một vị lão thành, một nhà hành - chính, một quan tòa lâu năm trong nghề đã có nhiều kinh nghiệm về pháp luật.

b) Dự thảo đã được một hội đồng góp công.

Bởi thế ta có thể dùng nó như một tập tài liệu với những đề dặt thường lệ của các nhà khảo cứu vì nó có thể phản ảnh một phần nào sự thực về luật pháp, phong tục và tập quán của người Chàm.

IV

PHÊ - BÌNH DỰ - THẢO HỘ - LUẬT CHÀM

(Trích theo Nguyễn Khắc Ngữ)

Lần lượt ta xét qua hình thức và nội dung của dự thảo hộ - luật này:

A - HÌNH THỨC

Về hình thức ta sẽ xét về việc phân phối chương mục, cách hành văn và sử dụng chữ trong bản thảo luật này.

- *Sự phân phối chương mục:*

Sự phân phối chương, mục của dự thảo luật này phỏng theo Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật nhưng có nhiều điểm đặt không đúng với các tiêu đề của chúng.

Thí dụ 1: Chương thứ nhất, dưới tiêu đề "Nói về lễ hôn - thú" lại có điều nói về họ hàng, cách phân chia giai cấp (điều thứ nhất). Đáng lẽ phần này phải riêng một chương dưới tiêu đề khác nhưng có lẽ vì chỉ có một điều thôi nên các nhà soạn luật đã đặt luôn vào chương trình thứ nhất nói trên.

Thí dụ 2: Trong chương thứ hai nói về tư cách được kết hôn ta cũng thấy có những điều nói về bốn phạm của người chồng đối với vợ chánh (điều thứ 15 và điều thứ 21), sự trừng phạt người đàn bà ngoại tình (điều thứ 16), sự phân chia tài sản (điều thứ 18). Như vậy ta thấy dự thảo này không những chỉ có sự sai lầm về cách sắp xếp các chương mục mà thôi, lại còn có sự không phân biệt luật hình và luật hộ nữa⁽¹⁾.

- *Cách hành văn:*

Cách hành văn trong dự thảo Hộ luật Chàm này chịu ảnh hưởng rất nhiều của Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật.

⁽¹⁾ Sự trừng phạt người đàn bà ngoại tình thuộc Hình luật.

Thí dụ: trong Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật điều thứ 73 là (Phàm con trai chưa đầy 18 tuổi thời chưa được lấy vợ, con gái chưa đầy 15 tuổi thời chưa được lấy chồng) thì trong dự thảo Hộ luật Chàm điều thứ 16 viết Phàm con trai chưa đầy 18 tuổi tròn chưa được lấy chồng.

Trong các điều 23, 24, 25, nói về những duyên có lý hôn của dự thảo này cũng giống hệt các điều 117, 118 và của Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật. .

Ngoài ra còn nhiều khoản khác trong dự thảo trên có cách hành văn giống như Hoàng Việt Hộ luật nhưng chỉ khác là địa vị người đàn bà đã thay vào địa vị người đàn ông mà thôi.

Thí dụ: Điều 70 của dự thảo định việc giám hộ khi người mẹ chết, tương tự như điều 222 của Hoàng Việt hộ luật.

- Cách dùng chữ

Cách dùng chữ trong dự thảo này tất nhiên đã bắt chước trong Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật nhưng có một vài điểm đã dùng sai hay không được chính xác lắm.

Thí dụ: Thay vì viết là kiện toà dự thảo, luật này lại viết do toà án kiện

Song một vài khuyết điểm nhỏ này đối với một hộ luật của đồng bào thiểu số thật không đáng kể.

Ngoài các phần đã phân tích trên trong dự thảo hộ luật Chàm ta còn thấy có một vài chi tiết soạn giả đã nhắc lại nhiều lần trong các chương mục khác nhau.

Thí dụ: Khoản vợ phải mãn tang chồng, đủ 12 tháng sau khi chồng chết mới được cưới chồng khác đã nhắc đi nhắc lại trong các điều thứ 19, thứ 16 và cả điều 51 nữa.

Ngoài những khuyết điểm trên ta thấy dự thảo Hội luật Chăm đã trình bày nhiều khoản rất rõ ràng, mạch lạc, tỏ ra rằng các nhà soạn thảo luật tục này đã cố gắng rất nhiều. Nếu được sửa chữa cẩn thận hơn thì hình thức này cũng chẳng kém gì các bộ luật thời xưa của ta.

B - NỘI DUNG

Dự thảo Hộ luật Chăm này có một nội dung khá phong phú về phần luật gia đình. Nó đã trình bày được một phần lớn những phong tục, tập quán của người Chăm.

Với nội dung này ta có thể chia các điều hành 3 loại:

- Những điều đã theo đúng cổ tục
- Những điều tuy không đúng cổ tục nhưng đã được mọi người công nhận và làm theo.
- Những điều không theo đúng cổ tục nhưng không công nhận và chẳng mấy người theo.

Ta cần lướt xét các loại thứ ba, thứ hai trước vì chúng chỉ có ít thôi. Phần còn lại sẽ thuộc loại thứ nhất.

- Những điều không đúng cổ tục, không được nhiều người công nhận:

Theo ý kiến soạn giả và một số các người trong hội

đồng soạn thảo thì dự thảo Hộ luật Chàm này không phải chỉ phản ảnh hoàn toàn cổ luật Chàm mà thôi. Nó còn có những điều mà họ đã dựa theo lý, theo lẽ công bằng mà đặt ra để khởi thiết thời cho một số đông người trong xã hội Chiêm Thành.

Trong số những điều đã sửa đổi này ta thấy:

a) Điều thứ hai nói rằng có khi người đàn ông đi nói đàn bà (đi hỏi vợ) thì thật không đúng cổ tục và lại không mấy người làm như vậy vì thường thường trong trường hợp người đàn ông muốn lấy cô nào thì chỉ nhờ người nói bán tin sang nhà cô ấy để nếu họ bằng lòng thì sẽ mang quà bánh sang chạm ngõ như thường lệ chứ không bao giờ nhà trai sang hỏi nhà gái cả.

b) Điều 17 và 18 nói về việc con trai đi cưới con gái về nhà mình cũng không đúng cổ tục và việc này đôi khi có xảy ra ở các làng Chàm thì cũng chỉ là những trường hợp đặc biệt: hoặc đám cưới giữa một người Chàm người Việt, hoặc những người đã sống nhiều với người Việt, đã không có nguyên quán và bất cần phong tục tập quán cổ truyền, hoặc nhà gái nghèo khó quá trong lúc nhà trai khá giả như trường hợp ở rể của ta.

c) Các điều 49 và 50 nói đến việc cha mẹ người chồng không có con gái để phụng tự mà hai vợ chồng lại có nhiều con cháu gái thì người chồng có thể bắt một đứa con hay cháu gái về phụng tự ông bà cha mẹ và tổ tiên nhà mình. Điều này không có trong cổ tục và bị nhiều người gay gắt phê bình.

Theo họ sở dĩ trong dự thảo cụ Dương Tấn Phát đã ghi vào điều này vì trường hợp không có con gái nối dõi tông đường này đã xảy ra ngay chính trong gia đình cụ. Cụ không có con gái nên đã bắt một đứa cháu ngoại về nuôi để phụng tự nhà mình. Họ cho rằng cụ đã đặt thêm điều này trong dự thảo cốt để hợp thức hoá việc lập tự trong gia đình cụ.

Lời phê bình này tưởng cũng quá đáng vì bắt một đứa cháu ngoại về nuôi để phụng sự tổ tiên, để cho thừa kế một gia tài đồ sộ quả đã không thiệt thòi gì cho đứa trẻ về vật chất cũng như về tinh thần, trái lại còn có thể gọi là may mắn nữa. Nếu có thiệt thòi thì phải chăng chính là những thân nhân bên vợ, nếu không có đứa cháu ngoại này ăn tự thì họ có thể được hưởng phần gia tài này để phụng tự ông bà.

Theo thiện ý điều trên cũng không thể gọi là một đặc quyền của người cha vì theo thủ tục bắt đứa con cháu này chẳng khác gì việc nhận con nuôi. Nếu giả thử không có biện pháp mà người ta cũng có thể bắt một đứa cháu về với tự cách con cháu nuôi thì quyền lợi vẫn không có gì khác cả.

Bởi thế cho nên những điều trên đây tuy không đúng với cổ tục nhưng có tính cách tiến bộ vì đã làm tổ sự nhân đạo của Bộ luật Chăm. Nó đã giúp cho sự thành lập gia đình dễ dàng (cả con trai lẫn con gái được quyền đi hỏi nhau) lại tránh cho một số gia đình không có con gái khỏi tuyệt tự.

Tôi thiết tưởng phải cho rằng đây là một sự cải cách lớn lao trong Hộ luật Chăm thành mới phái.

- Những điều tuy không đúng cổ tục nhưng được mọi người công nhận:

a) Điều 38 có nói rằng hai vợ chồng được quyền lo công việc gia đình không ai được độc quyền nhưng ngay trên đó dự thảo cũng ghi rõ là theo tục thì người vợ chủ trương việc gia đình.

Điều này tuy trái cổ tục nhưng trước ảnh hưởng của chế độ phụ- hệ địa vị người chồng đã khá hơn nên ai cũng công nhận là người đàn ông trên thực tế đã có một chút quyền.

b) Trong vấn đề tài sản người chồng góa vợ hay các con trai đã được hưởng một số gia tài trong khi theo cổ tục thì họ không được hưởng gì hết cả.

Điều này tuy trái nhưng mọi người cho đó là sự công bằng cần thiết để tránh cho người đàn ông những sự thiệt thòi quá đáng. Hiện nay đa số các gia đình Chăm đều theo giải pháp này.

c) Điều 32 bắt người đàn bà khi đã ly dị chồng phải ở vậy trong ba tháng tuy không đúng với cổ tục nhưng không ai phản đối vì tất cả đều cho rằng đó cũng là biện pháp cần thiết để tránh sự lầm lẫn về tử tức.

Ngoài các điều trên người ta còn thấy một vài thay đổi nhỏ khác nhưng cũng không ngoài mục đích bảo vệ hay nâng địa vị người đàn ông lên một ít.

Người ta không thấy có những phản ứng mạnh mẽ của phụ nữ trước những thay đổi này vì trong gia đình

Chàm ngày nay người dân ông làm được nhiều công việc, việc nhà cũng như việc làng, việc nước, lại thông minh hơn, học thức hơn, rất xứng đáng được hưởng những nâng đỡ trên.

Ngoài những loại trên nội dung dự thảo Hộ luật Chàm đã đi rất sát với cổ tục của người Chàm.

Ngoài những ưu điểm kể trên ta cũng tìm thấy trong dự thảo này có vài khuyết điểm về sự không chính xác.

a) Ngay trong phần mở đầu đã có sự lầm lẫn giữa khoản 3 trong dự 51 ban hành Hoàng Việt Trung kỳ hộ luật với điều 3 trong quyển nhất của chính hộ luật ấy (xem chú thích ở phần này).

b) Điều thứ 15 nói về việc xin quan cấm không cho chồng về nhà vợ thứ nếu bỏ phế công việc nhà vợ chính cũng không đúng. Thường thường quan chỉ cấm không cho ở luôn nhà vợ thứ thôi chứ không cấm về đây hẳn.

c) Điều 58 định tuổi của đứa trẻ có thể nhận làm con nuôi không chính xác. d) Điều 79 nói về người trưởng tộc được giữ một bản kế ước giám hộ trong khi trường hợp này xét về khoản người vị thành niên không có họ hàng thân thích thì làm gì có trưởng tộc. Soạn giả đã nhầm trưởng tộc với chủ tịch hội đồng định người giám hộ.

Tóm lại về hình thức, dự thảo hộ luật Chàm này có một số khuyết điểm chứ về nội dung thì dự thảo luật này đã có rất nhiều ưu điểm.

- Đã phản ảnh được khá đầy đủ cổ tục Chiêm thành.

- Đã hợp thời hoá những điểm xét ra đã lỗi thời không được nhiều người đồng ý.

- Đã dựa vào lý luận, cùng bắt chước luật Việt Nam để đem lại công bằng cho xã hội Chiêm Thành.

Nếu luật này đã được ban hành thì ắt nó đã đánh dấu một bước tiến bộ khá dài cho luật Chiêm Thành.

3. TRUYỆN CỔ CHĂM LIÊN QUAN ĐẾN LOẠN LUÂN (AGĂM) TRONG LUẬT TỤC CHĂM.

VUA PATAW TABAI VÀ NÀNG NGÀ⁽¹⁾

Ngày xưa ở xứ Chăm chưa có vua. Một Hoàng tử từ xứ Mukak (A Rập) đến làm vua mang danh là Pô Pataw Tabai. Hoàng tử là người tài giỏi và đam mê săn bắn. Hàng ngày Hoàng tử chỉ chăm lo mài dao, dũa kiếm để đi săn bắt. Một hôm đi săn vua Pataw Tabai rú một người bạn thân là Pô Yang In cùng đi

⁽¹⁾ Sự tích vua Patau và Nàng Ngà có tên theo nguyên tác là "Danak Pataw Tabai Saung Nai Bila." Truyện này được dân gian truyền miệng có nhiều dị bản khác nhau. Ở đây chúng tôi tập dịch dựa vào văn bản cổ Chăm do Moussay sưu tầm. Hiện nay tư liệu còn lưu giữ tại Trung Tâm Nghiên cứu Văn Hoá Chăm Ninh Thuận.

săn bắn. Hai người lo cơm nước cùng một đoàn tùy tùng đến một khu rừng săn bắn. Khi đến nơi, vào rừng sâu Pô Pataw và Pô Yang In phân nhau đi mỗi người một hướng. Vua Pataw Tabai vào rừng sâu, hướng vua thường đi săn thì lại gặp một vũng nước giữa đường. Vũng nước này không rộng, cũng không có gì đáng để chú ý. Nhưng lạ thay chó săn của vua đứng bao quanh vũng nước sủa mãi không chịu đi. Nhà vua lấy làm lạ, liền sai cận thần lợi xuống vũng nước xem sao? Cận thần tuân lệnh nhà vua lợi xuống vũng nước, mò ở đáy vũng nước một hồi lâu thì tìm một chiếc ngà voi. Cận thần tâu trình lên nhà vua. Nhà vua ra lệnh đưa ngà voi lên cho vua xem sao.

Lạ thay chiếc ngà voi rất nặng. Một cận thần, hai cận thần và cả đoàn tùy tùng nhắc ngà voi cũng không lên. Mọi người đều bâng khuâng lo lắng và cuối cùng đích thân nhà vua lợi xuống vũng nước. Chiếc ngà voi được vua nhắc lên nhẹ như lá lúa trước sự ngạc nhiên của mọi người. Được chiếc ngà voi, nhà vua mừng rỡ, rêu lên và quyết định không đi săn nữa mà quay về triều. Về hoàng cung vua đem ngà voi lên cất trên trần nhà (rada).

Lạ thay từ khi có ngà voi trong nhà thì nhà cửa nhà vua có khác đi mọi lúc trước. Cứ như thường lệ, mỗi buổi sáng nhà vua rời hoàng cung đi săn bắn và đến trưa mới trở về nhà. Khi về nhà thì thấy cửa nhà sạch sẽ, cơm nước dọn sẵn để trên bàn nhà vua. Nhà vua ngạc nhiên thấy sự bất thường trong nhà mình, bèn

nghe bụng cố tìm hiểu việc thực hư này ra sao? Một hôm cứ như thường lệ là nhà vua ra khỏi nhà đi săn vào buổi sáng sớm và bất ngờ quay trở về nhà bất thành linh thì ngay trong nhà mình, nhà vua bắt gặp một cô gái lạ mặt nhưng rất đẹp, mỹ miều, duyên dáng đang dọn dẹp nhà cửa và chuẩn bị cơm nước cho nhà vua. Vì bất gặp đột ngột nên cô gái không kịp làm phép biến mất. Cô gái đành kể sự thật với nhà vua. Cô gái kể rằng: Vì nhà vua sống một mình không ai giúp đỡ nên thượng đế sai nàng xuống biến thành ngà voi để "nâng khăn sửa áo cho vua". Nhà vua nghe câu chuyện của cô gái đẹp lấy làm cảm động và từ đó nhà vua yêu thương cô gái đẹp, chấp nhận cùng sống chung trong hoàng cung như vợ chồng.

Nàng Ngà một cô gái đẹp người, đẹp nét xuất hiện bất thường trong hoàng cung vua chưa lâu thì tin đồn lan đi khắp vùng gần xa. Tin đồn đó đến tai Chằn Tinh tên là Bin Thuôr. Tên Chằn Tinh suy nghĩ ngày đêm để tìm mưu cướp Nàng Ngà. Hàng ngày đợi lúc nhà vua rời khỏi hoàng cung thì tên Chằn Tinh liền hóa phép, biến dạng thành một người đẹp trai khôi ngô, tuấn tú, giống y hệt như vua Patau Tabai vào hoàng cung chung sống với Nàng Ngà. Vì mưu mô xảo quyệt có tài biến hóa nên Nàng Ngà đã ngộ nhận để rồi sa ngã vào tay Chằn Tinh.

Bẵng đi một thời gian, vua Patau Tabai không hay biết chuyện gì xảy ra ở hoàng cung giữa Nàng Ngà và Chằn Tinh. Chuyện tình Nàng Ngà với Chằn Tinh ngày càng thêm thắm thiết. Một hôm đang ngồi với

Nàng Ngà trong hoàng cung, tên Chần Tinh biết đã đến giờ vua Pataw Tabai sắp về triều nên tên Chần Tinh xin cáo từ Nàng. Nàng Ngà có vẻ không hài lòng. Nàng không muốn xa Chần Tinh một giây phút nào nữa.

Nàng nói: Nếu chàng ra đi bỏ thiếp một mình ở hoàng cung thì thiếp buồn. Nếu chàng muốn đi thì để thiếp vẽ hình chàng để khi vắng chàng, thiếp ngắm hình để khuây đi nỗi buồn. Vẽ hình hài Chần Tinh xong, Nàng Ngà đem hình đó cất ở dưới chiếu giường nằm của mình. Đến lúc này, Nàng Ngà vẫn chưa phát hiện được gì về tên Chần Tinh mà cứ nghĩ rằng đó là vua Pataw Tabai. Vừa lúc Nàng Ngà vẽ hình xong thì tên Chần Tinh biến khỏi hoàng cung. Lúc đó vua Pataw Tabai cũng vừa đi sẵn trở về. Vua Pataw Tabai chẳng hay biết gì. Nhà vua ăn cơm trưa xong, rồi lên giường nghỉ trưa... Vừa đặt lưng xuống giường, vua bị những con rệp tấn công không tài nào ngủ được. Vua lập tức lật chiếu lên để tìm những con rệp nhưng không thấy con rệp đâu cả mà chỉ thấy hình vẽ hình hài của tên Chần Tinh. Vua Pataw Tabai liền cầm hình vẽ hỏi Nàng Ngà đầu đuôi câu chuyện ra sao? Nàng Ngà ngạc nhiên lúng túng, không biết nói như thế nào cho Vua Pataw Tabai hiểu rõ sự việc. Vua Pataw Tabai nghĩ bụng, Nàng Ngà là người gian dâm, ngoại tình, không chung thủy với mình nên quyết định đuổi Nàng Ngà ra khỏi hoàng cung.

Nàng Ngà rời hoàng cung ra đi, vua Pataw Tabai

ở lại ngày đêm buồn rầu thương nhớ. Vua ăn không ngon ngủ không yên. Nhà vua nghĩ bụng phải đi tìm Nàng Ngà rước lại về cung. Để tìm cách rước Nàng Ngà, nhà vua tìm kế giả vờ chết. Vì nhà vua nghĩ rằng, nếu như Nàng Ngà còn thực sự nhớ thương, chung thủy với mình Nàng Ngà sẽ đến viếng đám tang của mình, nhà vua nghĩ vậy. Theo ý nghĩ đó, ngày hôm sau nhà vua giả chết, d ân làng đưa thi hài nhà vua ra làm lễ thiếu. Nàng Ngà nghe tin vua băng hà thì đến ngay lập tức, ngồi bên thi hài nhà vua trong nhà táng (kajang) khóc lóc, kể lể. Lời khóc lóc kể lể của Nàng Ngà làm cho nhà vua hiểu tấm lòng sự thật của Nàng và âm mưu xảo quyệt của tên Chăn Tinh đã làm cho vợ chồng nhà vua phải xa cách. Nhà vua cảm thấy mình lại có lỗi với Nàng Ngà. Vua xin Nàng Ngà thứ lỗi và hãy trở lại hoàng cung chung sống với vua. Nàng Ngà bằng lòng và lập tức hóa lại thành con kiến chui vào lại chiếc Ngà voi ở hoàng cung. Hàng ngày lại hóa thành người đẹp xưa về chung sống với nhà vua.

Về lại hoàng cung, chưa chung sống với nhà vua được bao lâu thì Nàng Ngà bị Pô Yang In cướp mất. Pô Yang In là người bạn thân thiết thường đi săn bắn với nhà vua. Một hôm Pô Yang In chủ động vào hoàng cung rủ nhà vua đi săn. Tình cờ, trong khi ngồi đợi nhà vua, Pô Yang In nhìn lên trần nhà (rada) thì thấy một cô gái trong Ngà voi có sắc đẹp nghiêng thành đổ nước. Từ đó, cô gái trong Ngà voi làm cho Pô Yang In say đắm, mất ăn mất ngủ. Pô Yang In

này ra ý định cướp Nàng Ngà về làm vợ. Để cướp được Nàng Ngà, cũng như tên Chấn Tinh, Pô Yang In phải bày mưu tính kế rủ nhà vua đi săn trên núi cao, rừng sâu để rồi trốn rồi trốn về một mình vào hoàng cung cướp Nàng Ngà. Nhà vua bị Pô Yang In đánh lừa đi lạc vào rừng sâu, không biết lối về. Khi về lại được hoàng cung thì nhà vua không thấy Nàng Ngà đâu nữa. Nhà vua buồn rầu cho thân phận khi biết Nàng Ngà một lần nữa bị bạn mình cướp mất. Nhà vua liền sai quan cận thần đến hỏi tội Pô Yang In và rước Nàng Ngà về lại hoàng cung. Pô Yang In từ chối lời đề nghị của nhà vua và thách thức thi tài, đấu trí với nhà vua. Nhà vua căm giận vì sự bội tình, phản bạn của Pô Yang In. Nhà vua quyết định đem quân trừng phạt để giành lấy Nàng Ngà. Đầu tiên Nhà vua hóa phép thành con trâu to khỏe, lập tức Pô Yang In hóa phép thành những con Ong đấu với con trâu. Hai bên đấu với nhau 7 ngày 7 đêm long trời lở đất, trời đất tối tăm mù mịt nhưng vẫn chưa bên nào phân được thắng bại. Con trâu nhà vua bị con Ong đánh tới bời. Con trâu phải chạy lặn vào sông sâu, chui vào cồn cát để tránh những mũi chích độc ác của con Ong. Con trâu nhà vua bị con Ong Pô Yang In chích bị thương nặng, máu chảy đầm đìa thấm đỏ cả một vùng đồi cát Phan Rí (Bình Thuận). Tuy vậy con trâu nhà vua quyết không thua mà phải đấu với con Ong đến hơi thở cuối cùng. Càng đấu con trâu càng dũng cảm, hăng say, nhà vua thấy, vì vậy thương con trâu trung thành với mình mà quên đi

lời dặn đó, vua Patau Tabai thốt lên lời than vãn trách móc Pô Yang In là thằng phản bạn, làm cho tội nghiệp con trâu tôi quá! Nhà vua vừa vừa dứt lời con trâu đang lúc chiến đấu hăng say tự nhiên ngã dùm lăn ra chết. Nhà vua thua cuộc. Nàng Ngà thuộc về Pô Yang In.

Vừa thua trận, vừa vắng bóng, nhớ nhung Nàng Ngà, nhà vua ngồi một mình than vãn, buồn rầu và trách Nàng Ngà không chung thủy với mình. Lời than trách nhà vua lọt đến tai Nàng Ngà. Một hôm tình cờ, mặc dù không hẹn nhưng Nhà vua và Nàng Ngà lại cùng tắm chung một con sông. Nàng Ngà tắm ở đầu trên con sông, nhà vua tắm ở khúc dưới con sông, chỉ ngăn cách nhau một bụi cây. Khi nhà vua đang tắm thì Nàng Ngà hóa phép thành một đứa bé gái trôi xuống theo dòng nước. Nhà vua bắt gặp, vớt đứa bé lên đưa về nhà và tuyên bố là làm cháu nuôi.

Một thời gian sau bé gái lớn lên. Cô bé đến tuổi dậy thì, lại càng đẹp. Nhà vua rất mến thương cô gái, coi như cháu nuôi trong nhà cho nên đi đâu nhà vua cũng cho đi theo. Một hôm nhà vua đưa cô gái đi săn, khi đi qua một con suối, cô gái vén cái váy của mình lên đến đầu gối để lội qua nước suối. Nước suối trong vắt với đôi chân thông dong, trắng trẻo của cô gái làm cho nhà vua phải lòng. Từ đó khi trở về hoàng cung, nhà vua nảy ý định trong bụng sẽ cưới cô gái (cháu nuôi) làm vợ. Một hôm nhà vua tập trung quan cận thân trong triều và ra câu đối như sau:

- Nhà vua hỏi:

"Rau mình trồng mình hái ăn lại được không"

(Nhjãm drey pala di paga drey pek băng wok hu haley)

- Bộ hạ tâu:

"Rau mình trồng thì mình hái ăn được"

(Nhjãm drey pala di paga drey băng wok hu)

Từ đó, nhà vua quyết định lấy cô gái (cháu nuôi) làm vợ. Vì lơ lờ nên các quan cận thần hoang mang lo sợ nhưng không ai dám phản đối. Từ năm đó trời hạn hán 7 năm liền, mất mùa đói kém, trâu bò chết vô kể.

... Nhà vua đến lúc lo sợ, liền mời thầy chiêm tinh về xem thực hư ra sao? Thầy chiêm tinh mách bảo rằng: do nhà vua phạm tội loạn luân (agãm) nên thần (yang) trừng phạt. Muốn trời làm mưa, khỏi hạn hán, mất mùa, tai ương thì thần yang mách bảo là phải bỏ nhà vua và cô gái vào giỏ thả trôi sông, biển (wah bai pathok tamư tasik).

Lời phán của thầy chiêm tinh làm cho nhà vua nửa tin nửa ngờ nhưng vì dân chúng quá đói khổ và đến lúc nguy nan nên nhà vua phải làm theo lời sai bảo của thần linh. Nhà vua tự ra lệnh cho quan cận thần đan sẵn hai cái giỏ bằng tre đặt sẵn dưới lòng sông lớn đang trong mùa khô hạn. Trước khi nhà vua bước vào giỏ chịu thi hành hình phạt của thần linh nhà vua có vài lời với dân chúng. Nhà vua nói: Nếu quả thật trẫm phạm tội loạn luân (agãm) thì trời hãy trừng phạt trút xuống cơn mưa xuống sông, cuốn trẫm trôi vào sông biển. Và nhà

vua cũng không quên dặn cận thần rằng, nếu thật sự trời trút xuống cơn mưa thì các khanh hãy kéo trẫm lên khỏi lòng sông nhé. Vua nói tiếp:

"Nước sông tới lưng trẫm thì khoan đã

Nước đến ngực thì hãy kéo trẫm lên"

(la mừng in lời kêu la

la mừng tada ba kâu tagôk)

Sau khi căn dặn vài lời với quan cận thần thì nhà vua và cô gái bước vào giỏ tre mà dân làng đặt sẵn ở dưới lòng sông. Nhà vua vừa bước vào giỏ tre thì lạ thay mây đen ùn ùn kéo đến, trời sầm tối, sấm sét rền vang và trút xuống cơn mưa xối xả, nước sông dâng lên không ai cứu kịp nhà vua. Nước sông chảy xiết trôi nhà vua và cô gái vào biển cả. Nước sông khi chảy lại chia thành hai dòng: Một dòng chảy xuống cửa biển "Lâm bingu" cuốn theo xác nhà vua và một dòng khác chảy rẽ thành con sông mới cuốn theo xác cô gái. Trời đã phân đôi nhà vua và cô gái người loạn luân (agãm) ra làm hai ngã. Dân làng tổ chức vớt xác nhà vua lên làm đám thiêu và xác của cô gái thì đem chôn ở nơi khác. Về sau dân gian Chăm truyền rằng, linh hồn của hai người loạn luân rất là hiển linh biến thành thần (yang). Dân làng lập đền tháp ở Phan Thiết (Hamuthich) để thờ phụng. Từ đó về sau trời không hạn hán, mưa thuận gió hòa, dân làng bình yên và trên trần gian này không ai còn dám phạm tội loạn luân nữa.

4. CÁC BÀI GIA HUẤN CA LIÊN QUAN ĐẾN
LUẬT TỤC: THƠ DẠY ĐÀN BÀ (ARUYA
PATAU ADAT KAMEY), THƠ BÀ TỔ ẤM
QUÊ HƯƠNG (MUK THRUK PALEY)
VÀ THƠ DẠY ĐÀN ÔNG
(ARIYA PATO ADAT LIKEY).

ARIYA PATAUW ADAT KAMEI⁽¹⁾

(Trích nguyên văn của Inrasara)

Theo bản chép tay (bct) của Thuận Lợi, Hiếu Lễ -
Ninh Thuận (III.2a) đối chiếu bet của Lâm Nài,
Phan Rí - Bình Thuận (IV. 2c) và của Thiên Sanh
Cảnh (IV. 2d).

- Bao lần ngồi suy tư
- Giấy, viết, mực sáng tác ariya
- Truyền cho lớp thanh niên
- Nghe theo lời thơ giáo huấn
- Lớn khôn rồi rèn luyện
- Tục cho thành tục để dựng cơ ngơi

⁽¹⁾ Các bài Ariya Patauw Adat Kamei, Ariya Muk Thruh Palei
và Ariya Patauw Adat Likei chúng tôi trích nguyên văn từ
Inrasara, Văn học Chăm II - Trường Ca, Nxb VHDT, Hà Nội - 1996,
tr209 - 261.

Em đừng dậy quá trễ
Vội lắm mồm mép nói chuyện người ta
Đạo đàn bà giữ nhà
Ham ăn hàng, người đời cười chê
Tập dệt vải, thêu thùa
Chớ lén cùng chuyện người khác
Dậy sớm, nhà lo quét
Chớ ngồi ủ dột, mặt chăm vằm
Nước múc cho thật nhanh
Từ ngoài vào trong, nhà quét cho sạch
Trưa, nồi cơm em bắc
Bếp quét sạch, em mới nấu cơm
Nồi trả sữa soạn xong
10. Đừng đợi nấu cơm mới chạy đi tìm
Nồi lên, có sẵn mâm
Rồi mới đi sang rửa chén bát
Xong thời lo cho khớp
Cơm vừa xuống, cơm bắc lên liền
Rau, nước cho cân phân
Cơm hay canh cũng rành tiết thế
Đợi cho rau chín tới
Rồi em mới nêm trã canh
Cá rửa đừng để tanh
Nêm mắm canh chớ cho mặn lạt
Cơm chín, em lo gấp
Ấm nước bắt ngay lên bếp lửa
Cơm bung về em xối

Cho xong rồi mới dọn bát canh
Làm ăn, tính chó nhâm
Cái thau đi liền cùng chén bát
Dừng cho người la hét
Quên bình tích khi chạy tìm thau
Em lắng nghe rành rọt
20. Thau, bình, bát em lo thau gom
Khách qua nhà sẽ khen
Em biết gọn gàng trong thu xếp
Cơm xong, mâm đã dẹp
Em chạy vào bưng khay trầu tới
Trầu với câu vừa đủ
Chớ dọn quá đầy, tràn cả hộp
Quá tay thì sẽ hết
Sao đủ thết khách đến ngày thường
Trầu đâu phải em trồng
Mua đong sang đổi nơi kẻ chợ
Làm ăn lo hậu vận
Mua ngoài chợ, vừa phải thôi em
Chớ thấy lúa thóc nhiều
Bán đổi liều để lấy cái ngon
Áo mặc cho vừa dáng vóc
30. Chớ tùy thích, sao cho tốt đẹp
Áo chần, xem xóm làng
Lắm khoe khoang, người đời chế giễu
Ăn mặc nhìn người nhìn ta
Ở chung thôn, giống người thời tốt

Nếu em có rảnh rỗi
Quay tơ dệt sợi, nhớ học thêm
Đàn bà chớ lười biếng
Học dệt thổ cẩm, vải vóc chẵn
Đạo đàn bà, em cũng tập thêm
Khăn vóc dần đều biết dệt
Học tập rành mọi thứ
Hoa văn biết đủ cách thức làm
Học cho hết mọi điều
Tập nghề vá may hay làm bánh
Rèn cái tính siêng năng
Luyện sao cho rành như thợ dạy
Nếu gặp mùa cà cây
Hãy để đấy công việc dệt may
Lo tính vụ chiêm mùa
40. Chuyện thêu thùa đợi xong đồng áng
Trong nhà lắm miệng ăn
Lo khẩu phần canh rau cho đủ
Đợi qua mùa cà cây đã
Việc nội trợ, em lại sang làm
Tính cùng chồng nhé em
Rẫy với nương, lo cà cho sớm
Trồng bắp hay trồng bông
Cũng phải lo toan phần ăn mùa gặt
Bắp non em chớ hái
Đợi chi già tới, người được vay nhờ
Bông thời hái mùa khô

Cân cho người ta mang đi dệt vải
Được thế khỏi phải chạy vay
Lúa thóc đầy, em còn giữ nguyên
Làm ăn biết tiên liệu
Của em thừa thãi, khỏi nợ nần
Tính như thế được rồi
Cái chi cũng vay sao mà sống
Nhớ kỹ và thuộc lòng
50. Tiếng em vang tận làng plây khác
Có người ở trong nhà
Sai bảo thì lời sao êm dịu
Chớ làm ồn, chửi ẩu
Lời êm dịu, người chịu ở lâu
Gái thì thích còng, râu
Với lời bảo sai nghe êm ái
Cá lớn tụ ở đầm sâu
Người ở với em lâu do em khéo bảo
Rừng dày mới có voi
Người ở tiếc công do chủ tiếc của
Người ở thích áo quần
Lời dịu êm và cơm no bụng
Trụ nhiều thì rào vững
Sai cho lắm, chúng ở làm chi
Chắc rào nhờ nhiều dây bện
Chủ hà tiện, người ở ăn cắp
Nhớ thuộc lòng cho hết
Chớ keo kiệt, vừa phải thôi em

Nếu người hữu sự qua tìm
60. Có thời em rộng lòng với họ
Kiết quá, người nói chẳng lành
Còn quá rộng lòng thì hao phí
Sống như vậy mới bền
Có ai lại lên tiếng trách mình
Người mà lắm kẻ lén chùng
Bởi chính ác tâm (lộ ra) trong xử sự
Nghĩ đúng đường đạo lí
Cô bác ai lỡ oán thân ta
Người hữu sự tìm qua
Nếu không có thì nói sao cho thỏa
Dây bầu bò lâu nhờ giàn tốt
Lời lẽ êm đẹp, nhiều người thương
Nói xấu, lắm kẻ dèm pha
Người chẳng ai thương, làm sao sống được
Cộc cằn hay khản tính
Tráo trở cho lắm, chẳng ai thương
Lắng nghe cho kỹ càng
Mở mắt em khi nhiều người mến
Cây đâm nhánh bởi rễ tốt
70. Lời thành thật do em biết lựa
Điều cao quý hơn cả
Lời trong sạch là người thánh thiện
Nói biết lựa lời, em là người khôn khéo
Em ghi nhớ đúng mực
Giữ đường đạo đức để sống đời

Ở nhà, em với chồng
Việc làm ăn cùng làm cho thỏa
Có điều chi ao ước
Bàn sao tốt thì việc mới nên
Chớ chửi nhau âm lên
Thóc xoay lưng, của cải ngoảnh mặt
Thóc với tiền nó ghét
Nó ngoảnh mặt, làm chẳng có ăn
Chồng bàn, phận vợ, em nghe
Còn không thì lời sao êm ái
Làm mặt tươi khi nói
Khéo bàn thì chồng lại làm cho em
Tâm lý người đàn ông
80. Ở với vợ con cũng bởi lời nói
Người đàn bà lắm chuyện
Mồm mép ấy thành cãi vã nhau
Của cải quấy nhau đi
Bởi mình bất hòa lại hay cãi vã
Ăn ở đúng thì của ở lại
Mình hòa ái, nói chịu đến nhiều
Cư xử như thế nào cho nên
Bạc với tiền rủ về đầy ắp
Chớ giậm chân cắm phẫn
Bay đi hết nhẵn, bạc cùng tiền
Xưa cổ nhân thử lòng
Nhìn đàn bà cư xử để thăm dò
Lời ghi trong cổ thư

Chuyện cưới hỏi ngày xưa, có ra câu đối
Đấy là người muốn thử
Chứ đâu phải em giải không thông⁽¹⁾
Nói, chớ há to mồm
Em nhớ luôn nghe theo sách dạy
Thóc đặng trong cà tăng
90. Khi hốt em đừng đứng, hãy ngồi khoan thai
Đầu hôm, nhớ đốt đuốc trong nhà
Dọn chiếu chăn, cũng ngồi cho khéo
Hộp trầu ở trong nhà
Em cũng nhớ chêm một lần khi thức (nửa đêm)
Bóng vía mình là nơi đấy
Hoảng sợ nhà tối loại gái hư
Khi xúc gạo trong khung
Phải cho rằng, đừng cho lỗi lồm
Và khi em muốn tắm
Thì hãy tránh thứ sáu, bảy, tư
Vết lòng, ta dạy cho
Nhớ giữ nằm lòng, sau thì tốt đẹp
Cửa ngõ là mệnh đàn ông
Lúc em bước qua đi đừng nên dừng lại
Nếu muốn sang nhà ai
Nhớ đừng ngồi ở ngoài cửa lớn
Hãy vào tận trong nhà

⁽¹⁾ Ý nói khi được thử tài, dù có biết nhưng phải trả lời một cách thật khiêm cung hoặc có thể cho rằng mình không hiểu.

100. Ngồi nơi cửa ra vào, làm choán chỗ
Còn khi em nói năng
Tay chớ chống cằm, nhớ nhé em
Khi nói chuyện với người
Ngồi xo ro là điều kiêng kỵ
Nhớ lấy rồi suy nghĩ
Những điều cấm kỵ, em biết tránh xa
Nếu mọi người đã thông
Nghèo khốn đều không thể dính vào ta
Còn khi đi vào nhà
Gạt giường phòng, em đừng nặng bước
Nghe cho nhanh, cho hết
106. Nhớ kỹ để thuộc lòng bên lâu.

ARIYA PATAUW ADAT KAMEI⁽¹⁾

(Phần chữ Chăm)

Theo bct của Thuận Lợi, Hiếu Lễ - Ninh Thuận (III. 2a) đối chiếu bct của Lâm Nài, Phan Rí - Bình Thuận (IV. 2c) và của Thiên Sanh Cảnh (IV. 2d)

Dauk tamuh di tian⁽²⁾

⁽¹⁾ Các bài Ariya Patauw Adat Kamei, Ariya Muk Thruh Palei và Ariaya Adat Likei chúng tôi trích nguyên văn từ Inrasara, Văn học Chăm II - Trường ca, Nxb VHDT, Hà Nội - 1996, tr209 - 261.

⁽²⁾ Dak dauk tamuh di tian: một lần ngồi là mỗi lần suy nghĩ; bbul: có thực chất, chắc chắn; bibbul sao cho thực.

Bbut muk biar ariya⁽¹⁾
Tathit ka đom dara
Pong ariya patauw adat
Praung đom dara throm jak
Thom bitinat ngap bbong angwei
Jwai đik jala lo jwai
Saung ralo cabbwai đom bruk urang
Adat drei kamei khik sang
Ralo bbong hang, gop gan bilei
Kahria ngap munhim livei
Jwai đom bilei pawoc urang
Tagok jwai vang gрук bbauk ganom
Ia jhauk bisamar
Lingiw tol dalam sang bah bibbong
Jala moy pok gauk crong
Ging bah bibbong kamei blaul tanuk
Gauk glah rami ramik
10. Gwon khing tanuk jwai đwoc kuhria
Gauk crong salau pok jo⁽²⁾
Balauh ka kuhria pathak pangin
Pathak blauh kuhria bibbul^(*)
Gauk pak trun, glah crong habai
Buh nhjom pagop ia hai
Tanuk habai bithou caga

⁽¹⁾ Bản (IV. 2c): Tagok muk biar twok ariya.

⁽²⁾ Bản (IV. 2.d) Gauk crong salau moy caga

Cang nhu tathak nhjøm ka
 Blauh møy kuhria khing lai muthin
 Ikan rau jwai hangir
 Møy lai muthin jwai bbak taba
 Lisei tathak møy caga
 Kadi tuh ia nau crong biblauh
 Tathak lisei pak tauh
 Thröp göp biblauh, kuhria jakuk
 Ngap bböng kuhria jwai chuk
 Pangin jaluk gøm saung kaswör
 Jwai cang ra ew ron ron
 Møy pöng bitanat
 20. Jaluk saung patit, kaswör pataum
 Yah twai ra mai mýaum
 Møy thöu pataum pagöp pakru
 Hwak blauh salau pok jö
 Møy đwóc tamu pok đon tabiak
 Jwai buh raka hop jwai kamei
 Buh lo abih di drei
 Di rim harei, twai mai payak
 O kan hala møy ngap
 Padai kwön tabiak blauh blei di Ywön⁽¹⁾
 Ngap bböng sanöng hu phwol⁽²⁾

⁽¹⁾ Ywön: Người kinh, xưa người Chăm gọi Ywön là kẻ chợ hay người đàng quê; Phwol: đức, năng suất. ở đâu có thể dịch là có hậu vận.

⁽²⁾ Bản (IV.2.d): Ngap bböng kahria bibbul

MUYAH BLEI DI YWŌN, PAGŌP PAKRU
 JWAI BBOH PADAI HU LO
 BLEI KA RALO TOK HU KHING BBŌNG
 CUK AW PAGŌP SAUNG KHŌN
 BLEI BBŌNG HABŌR MŌY THŌY PAGŌP⁽¹⁾
 KUHRIA BBŌNG ANGWEI TANAT
 PANWŌC JWAI MŪSAK, LO RA MŪBAI
 ANGWEI BBŌNG PAGŌP VŌK HAI⁽²⁾
 30. JWAI TWEI HATAI, NGAP KHING KA SIAM
 ANGWEI MAUNG DREI MAUNG URANG
 RALO GHWŌH GHANG, RA ĐŌM BILEI⁽³⁾
 MŪGRU JIH DALAH SAUNG KHŌN ABAN.
 ANGWEI MAUNG URANG MAUNG DREI
 DAUK SA PALEI, BIDRŌH URANG
 MŌYAH LINŪNG BRUK SANG
 MŪGRU SAUNG URANG HAI JIH DALAH
 KAMEI MŌY JWAI ALAH
 MŪGRU JIH DALAH, MŪGRU ABAN
 ADAT MŌY KAMEI MŪGRU BITŌL
 DALAH KHŌN ABAN THŌU MŪNHIM
 MŪGRU PA ABIH MŪNŪNG
 BINGU THŌU KRŪN DWŌN HAI SAUNG URANG
 THŌU KA ABIH PAKAR

⁽¹⁾ Bản (IV.2.c): Bbong angwei habor thoy pagop.

⁽²⁾ Bản (IV.2.c): Angwei bbong pagop thaik hai

⁽³⁾ Bản (IV. 2.d): Adat kamei moy jwai alah

Mugru ngap ahar, aw jhik bijiong
Hatai moy bitarieng
Mugru ngap bijiong you ariya⁽¹⁾
Muyah gauk bilan liwa
Bruk lwai ka, moy jwai munhim
40. Livei saung munhim ploh blauh liwa
Ralo munwis di sang
Caga var bbong, paik nhjom habai
Muyah liwa blauh blai
Gilac vok murai ngap bruk kamei
Kuhira hai bruk likei

Puh pak halei, liwa bidrah
Pala tangoy kapah
Habai bbong ywak kuhria caga⁽²⁾
Ploh lwai taha, patok ka urang⁽³⁾
Kapah ploh paik di bhang
Tong ka urang munhim livei
You nan mung klah di blei
Padai hu ka mei ploh patamaw
Ngap bbong sanung thou law

⁽¹⁾ Ghwoh ghang: khoe khoang, lam sang; bilei: một hình vị tiền tố, phái sinh của tiền tố patarw ("làm cho" là "cho" dùng nhiều lần trong thư phẩm).

⁽²⁾ Bản (IV.2c): Habei bbong di ywak.

⁽³⁾ Bản (IV.2d): Lwai tol taha patok ka urang

Dalah paralo bbong klah di thraiy
Kuhria ngap yow nan hu jō
Hagait bijip blaih kanal
50. Tieng giop nugar palei urang
Yah hu munwis di sang
Pador urang, sop bilidhwor
Jwai pwoc balik ngap ron
Panwoc bilihwor nhu dauk livik
Kamei yō caung kaung nhuok
Nhu dauk livik Ywa sop pador
Kan praung nhu dauk ywa tong⁽¹⁾
Munwis ghoh pador nhu dauk livik
Rōm glaung mung hu limon
Halun ngap damun ywa po kalih
Halun jiong ywa aw khan
Trei tian bbong saung sop lian
Kaung lo mung dong paga
Pador lo nhu jiong di hagait
Kaijap kaung ywa haraik
Halun thou klaik ywa haraik
Pong baik pa abih
Dauk jwai kahih pagop pakru
Yah ra jol mai dwah di drei

⁽¹⁾ Đây là thi phẩm được sáng tác theo thể thơ lục bát Chăm hiện đại nên một số tiền trọng âm của từ đa âm được bớt để phù hợp với số âm tiết trong câu thơ. ví dụ: (i) kan: cá; (ka) ywa: bỏi...

Bản IV. 2d): Ikan praung nhu dauk ywa tong

60. Hu blauh ra brei hai ka urang
 Kalih lo ra ðom oh siam
 Ha lo karang bbong saung angwei
 Dauk hu yow nan mung thrwei
 O thei ra dwei sɔp ðom ka drei
 Munwis lo ra bilei
 Kaywa hatai drei dauk saung urang
 Saung baik binhjɔp jalan
 Mik va urang thei ðom ka drei
 Ra jɔl mai dwah di drei
 Oh hu yow mei ðom vok bisiam⁽¹⁾
 Hadauh thaw ywa rajam
 Panwɔc ðom siam ralo urang anit
 Bilei lo ra hamit
 Munwis o thei nit dauk sibɔr
 Cabbrauh saung sanak kak kan
 Blok klaik yow nan ke ra anit
 Pong baik bitait⁽¹⁾
 Ralo drei anit siam bbauk muta
 Kayow cak ywa agha
 70. Panwɔc siam ywa drei thow palih
 Hagait siam di abih
 Panwɔc hacih nan joh saim⁽²⁾

⁽¹⁾ Bân (IV.2d): Oh hu yow mei ðom vok bisiam.

⁽¹⁾ Bân (IV.2d): Pong baik bitanat.

⁽²⁾ Bân (IV.2d): Hatai bacih

Ghwoh drei maung pak urang
Panwoc ralo siam nan jok ra jak
Kamei moy pong bitanat
Khik dom adat pih dauk hadei
Yah hu pa thang likei

Ngap bbong kamei biai gop bisiam
Hagait moy khing caung di tian
Biai gop bisiam ngap bbong mung jiong
Jwai pwoc muthau gop ron
Padai thrah yong, drop plok likuk
Padai saung jien limuk
Nhu plok likuk ngap bbong tol
Pathang biai hadip moy pong
Oh nhjop bican gop vok bisiam
Biai vok bisiam ra ngap ka drei
Adat ra jiong likei

80. Jiong di kamei ywa bauh panwoc
Ngap kamei ralo pwoc
Blauh bauh panwoc nan jiong muthau⁽¹⁾
Cabbrauh bauh panwoc nan jiong muthau
Drop ariya oh jiong nhu nau
Ka dei lo mu thau oh siam saung gop
Drop dauk ywa moy nhjop

⁽¹⁾ Bản (IV.2d): Dom kamei ralo pan woc

Ralo siam saung gộp nhu mai ralo
Khik dauk you nan đrợp hu
Nhu mai ralo jien padai
Jwai pwợc tatrợm takai
Jien saung padai pờ nau di drei
Mung kal ra taha laung⁽¹⁾ rei⁽²⁾
Glợng di kamei mừa habờ
Glợng baik di akhar
Mung kal ra padợng pwợc kamei
Panwợc hatợm luc di drei
Oh mừa glợng laik you akhar
Padai di ratợng kwợc bbợng
90. Jwai kwợc di đợng dauk ala bisiam
Dayợp cruc trwai di sang
Dauk ala bisiam bah ciew pator
Hala di hop dalam
Livik mulợm buh hai sa bbợng
Binnguk ya val bbait hwợc di sang
Tamuk muk brah di khang
Taran vờk bisiam jwai brei aluk
Muyah mợy khing ricaw
But suk sanucar mợy jwai riaw
But suk sanucar mợy jwai riaw
Tapỏh di hatai pataw
Kamei khik bihu, siam lo hadei

⁽¹⁾Laung: thử

⁽²⁾Bản (IV.2d): Panwợc ra taha hu kakei

Bbong jang akar likei
 Yah nau kamei, moy jwai padei
 Kanal baik mei jwai dauk di bblang
 Tamu dauk bitruh dalam
 Ginik lo tanan blauh dauk babbong
 Helei pabah bbong sang
 100. Kanal hai di tian jwai dauk tanan
 Yah moy khing dom saung thei
 Tangin jwai brei tapong di kang
 Yah moy khing dom saung urang
 Mei jwai vang guk nan lo akhin⁽¹⁾
 Kanal blauh moy sanung
 dom bauh akhin plaih klak bitruh
 Yah moy pong bihaluh
 Kathaut saung rabbah oh gom di drei
 Muyah tamu sang drei
 Jwai jwak mugei tru tol dalam
 Pong abih bisamar
 106. Khik blauh kanal bithrwai di tian.

ARIYA MUK THRUH PALEI

(hay Kabbwon Muk Thruh Palei)

Theo bct của Than Laung, Chất Thường - Ninh Thuận (IV.1a) đối chiếu với bct của Văn Liêm, Phú

⁽¹⁾ Bản (IV.2d): Moy jwai vang grut nan phraung pakrin

Nhuận - Ninh Thuận (IV.1b) và bản của Thiên Sanh Cảnh (IV.1c).

- Kabbwon có thể được dịch là lời giáo huấn, tập thơ giáo huấn.

- Muk thruh Palei, nghĩa đen là Bà tổ ấm quê hương.

Đây là giáo huấn Muk thruh Plei

Truyền nhắn gửi cho con cái

Con nghe lời mẹ dạy

Theo đường phúc đức, dựng cơ ngơi

Thuộc lời dạy con ơi

Làm ăn con thời tập cho thấu đáo

Giữ mình theo lẽ đạo

Con và cháu nghe đủ mọi điều

Của cải mẹ không giàu

Chỉ truyền lưu mấy lời suy ngẫm

Nếu con được giáo dục

Được sung túc rồi, đâu phải cậy nhờ

Chớ rời sách nhé cô⁽¹⁾.

Của chẳng được thừa khi cô làm tùy thích

Của cải tồn nếu biết nghe theo sách

Những thành tích sẽ ở cùng con

Của dư tồn là bởi ở em

Biết chăm nom, ngày đêm vun vén

Của khác gì đày tớ

⁽¹⁾ Ở đây tượng giáo dục có thể là em (moy), con (anuk), cháu (Kanwon)...

10. Chăm nom, em chớ cho tổn hao
Đừng thờ ơ bỏ mặc
Để người ăn cắp rồi lại chê cười
Của rủ nhau đi thôi
Người đời chê cười, giọng chì chiết
Con hay nghe cho thiệt
Nó có nghèo kiệt bởi lòng không thuận
Xảy ra cảnh bản tiện
Vì dùng không thuận theo lời sách ghi.

Miệng nó hay chửi rửa
Nên nó chẳng hợp với bà con
Dần dỗi lúc giận hờn
Cối giã xong chẳng chịu mang cất
Bụng dạ thành như nhớt
Do nó không tập theo sách răn
Giữ đúng theo phận con
Kẻ trần gian chê người bướng bỉnh
Sàng, nia với thúng, mủng
Sảy xong phải nhớ mang cất giữ
Cối với chày một chỗ.

20. Nia em đừng vỡ, bếp đừng cho bụi bay
Nhà bếp - nơi nấu ăn
Chớ để gà bươi làm tro vương vãi
Lời giáo huấn có dạy
Tro mà vương vãi, mất hết của em

Bởi nó biết thu gom
Nên bạc vàng được bảo tồn với nó
Nửa đêm hay đầu hôm
Chớ chủm om xòm (vì đó là) giờ ma quỷ
Lời ăn tiếng nói tu sửa
Để tránh cái nghèo cuốn của cải đi
Kiêng nơi cửa vào nhà
Cửa ngõ vào ra cũng đừng dừng bước
Đạo đàn bà có phúc
Em chớ đặt bước, thật to chuyên⁽¹⁾
Lời mẹ con căn dặn

Nghe sao cho thuận mới phải đạo đàn bà
Mọi tập quán cha ông
Học tập cho xong thì thuận hợp
Con thuộc cho kỳ hết
30. Mới xứng hợp với người ta
Đạo con làm đàn bà
Lời tiếng to dễ sai với đạo
Còn khi em nói năng
Biết nể kiêng, người đời khen ngợi
Em ăn nói biết kiêng
Hàng xóm láng giềng không nói xấu
Con cháu giao du qua lại

⁽¹⁾ Nguyên văn: Nơi ấy thật quan trọng, chuyện đó thật hệ trọng phải biết kiêng cũ.

Trước khi nói, nhớ mỉm miệng cười
Đây là thuật ở đời
Miệng mỉm cười rồi em mới nói
Ông bà hay cha mẹ
Thì em chớ tập thói lén chùng
Đạo làm gái chớ nên
Học thói lấm mồm nói chuyện người ta
Loại đàn bà lẳng lơ
Người cười chế mới biết xấu hổ
Cả chồng cũng vạ lây
Gian trá người hay, còn gì thân gái
Tiếng đồn đến tai mẹ
40. Khi nghe thế, chẳng tốt về sau
Cố gắng giữ phận mình

Lắm tham lam, người đời cười chê
Đầu hôm, nhớ ở nhà
Thế em mới là người có giáo dục
Em tập đong, tập dẹt
Mới đúng sách dạy người con gái
Khi em muốn tập làm
Gắng tập cho tinh, cho thuần thực
Em tìm người khôn Khéo
Học cho thuộc, đợi lúc có chồng
Nhớ kỹ để mang dùm
Đến lúc có chồng, đừng cho quên mất
Em chớ nên quên hết

Làm lộn thì người ghét rồi đánh đập
Người chửi cho bỏ ghét
Có kẻ hốt léo đến mẹ cha
Mình làm con nghe sao cho đặng
Biết xấu hổ với hàng xóm
50. Thì tính sao cho thuận với chồng con
Con né sống với chồng
Chớ để cơm nước phải thiếu hụt
Người đàn bà có đức
Mọi ngày phải biết phục vụ chồng
Của cải em gom thâu
Cá với rau đừng cho thiếu thốn
Trông nom từ ngoài vào trong
Lúa trong cà tăng, nhớ thăm chừng
Của cải giữ thế nào
Đường cho tốn hao kẻ sau khổ cực

Đâu hôm, nhà thấp đuối
Em chớ rọi đuốc ở phòng trong
Kéo có kẻ dôi dòm
Sẽ hiểu hành tung ta giấu cất
Rồi sau nó đánh cắp
Mình nghèo kiệt, họ sẽ chê cười
Được mở mặt với đời
Em có giàu thì người mới cậy nhờ
Con cái lấy cắp hết của mẹ cha

60. Không hiểu là nghèo thực khó sống⁽¹⁾
Nghèo thì gắng làm lụng
Chớ nên đặt chuyện mồm mép ăn bòn⁽²⁾
Ngày đêm tính toán làm
May được ơn trời cho giống xóm giềng
Con nghe mẹ khuyên răn
Xử với chồng, con đừng hỗn lão
Ăn nói sao cho khéo
Nghe người mách lẻo là sai với sách
Bàn chân vững bởi gót
Cháu được mở mắt cũng nhờ chồng
Sống một ngày với nhau
Xử thế nào đừng cho người ghét
Tôn vai chồng thành thầy
Đấy mới đúng là phận của cháu
Lúc chồng đi rừng xa
Công việc nhà đừng cho trễ nải
Khi đã cao mặt trời⁽³⁾
Nấu cơm rồi, nấu canh em bắt
Chớ để lòng biếng nhác
70. Chồng về tới, em dọn cơm lên.
Về mặt chớ ủ ê

(1) Nguyên văn: nghèo thực là khó, (chuyện ấy) đã từng thấy tận mắt.

(2) Ý nói, nếu có nghèo thì hãy gắng làm việc để vượt qua cái nghèo chứ đừng dùng lời lẽ ngọt ngào để dụ dỗ người.

(3) Đây là một phong cách của thơ Chăm

Tâm con thì chớ cho bực bội
Trầu têm, cau vót tới⁽¹⁾
Thuốc xắt để đẩy thì chồng thương
Chồng bảo em lắng nghe
Có sai người rầy, em chớ dỗi
Chồng trách, em chớ chấp
Nhịn nơi mặt và nhường nơi tim⁽²⁾
Lệ người là đàn ông
Có nói hơn, em gắng mà nhường nhịn
Người nói, em chớ nên cãi lại
Rồi người mới chung thủy với mình
Con nên biết tâm tình
Thế thì chồng mới tâm sự với con
Con hãy nhớ nằm lòng
Nhờ có chồng mà em mới được tìm đến
Và em mới được đếm tới
Người ta mới chịu đứng lại hỏi han⁽³⁾
Đàn bà biết an ủi vỗ về chồng
80. Thì người vui lòng biết điều đến em

Người trách nhưng người lại lo toan
Lòng vui mừng, vận may tìm tới
Người rầy rồi lại đến an ủi

(1) Miếng cau phơi khô được ngâm mềm,

(2) Ý nói dù cay đắng nhưng đàn bà cũng phải nhường nhịn chồng.

(3) Dù theo chế độ mẫu hệ nhưng đàn ông rất được quý trọng. Đó là nét đặc thù của chế độ mẫu hệ chăm.

Lời người êm dịu, mát lòng em
Con nói lời chân thành
Ham làm chớ nên biếng nhác⁽¹⁾
Chồng gọi thì em nhanh bước
Dừng phản bác lại nhé em
Chồng nói, em chịu nhường
Đàn bà già hăm là sai lời sách
Đạo em là đàn bà
Giận giữ với tâm tà, người chê bai
Người sẽ rủ nhau cợt cười
Thân em đâu phải vàng mười, vàng khối⁽²⁾
Nét mặt tươi, lòng tốt
Thì em được người sống thủy chung
Mở mặt em nhờ chồng
Hàng xóm mới kể em thuộc hàng cao quý
Học tập cho kỳ hết
90. Chồng đang ngon giấc, em chớ bước mạnh chân
Nếu em giẫm mạnh chân
Lúa trong tà tăng sẽ bay hết
Ngủ thì có nơi có chốn
Thu xếp cho gọn gối với chăn
Giữ chăn, gối nhẹ tay
Chớ để bay tung mù bụi bặm

⁽¹⁾ Nguyên văn: Mọi điều gì cũng muốn làm.

⁽²⁾ Ý nói, khi bị chê bai, chúng ta vẫn có thể bị thương tổn, tự ái.

Nửa đêm hay đầu hôm
Chớ làm âm lên bằng lời chửi rủa

Vì đó là nơi ăn chốn ở
May mắn bay ra cửa hết thôi
Có khác chi thân cây to lớn
Đổ chần qua suối cho người dẫm đạp
Muốn được người nể kiêng
Em nói năng sao cho từ tốn
Khéo cùng chồng tính toán
Thật chín chắn đường làm ăn
Em có nghe theo chồng
Anh mới chịu cùng lo toan với
Nghe chồng, mặt tươi rói
100. Chớ cố mà cãi lại nhé em
Dạy con đừng cưỡng lời
Không khéo người cười rồi than là hổ mặt
Xóm giềng bảo như nhóp
Con nói hõn xược như loài chó
Người giận rồi sẽ tố
Em đến tất cả kẻ quyền thế
Nghĩ suy cho cạn lẽ
Khốn khổ sẽ mục rữa trong mưa
Rồi theo hai lối đi về
Dầm trong mưa, áo quần rách rưới
Con nghe lời mẹ dạy

Xử cho khéo mới được người khen
Chồng kiếm của mang về
Tối tận nhà cho em bảo quản
Biết giữ gìn cẩn thận
E mất nhẫn của cái chồng
Việc tìm kiếm khó khăn⁽¹⁾
Con biết quý công người mà gìn giữ
Mẹ con ta cùng bàn cho thỏa
110. Sao cho người ở chung thủy với ta
Nghe rồi tin dùng nhé
Tập giáo huấn mẹ để trong nhà
Vợ (sống đời) với chồng
Bảy điều lành ghi sẵn trong đây⁽²⁾

ARIYA MUK THRUH PALEI
(*hay Kabbwơn Muk thruh Palec*)
(*Phần chữ Chăm*)

Theo bet của Than Laung, Chát Thường - Ninh Thuận (IV.Ia) đối chiếu với bet của Văn Liêm, Phú Nhuận - Ninh Thuận (IV.I.b) và bản của Thiên Sanh Cảnh (IV.I.c)

- Kabbwơn có thể được dịch là lời giáo huấn, tập thơ

⁽¹⁾ Ý nói: Kế sinh nhai khó nhọc.

⁽²⁾ tøy rahơy: thờ ơ, hồ hững.

giáo huấn.

- Muk thruh Palei, nghĩa đen là Bà tổ ẩm quê hương.
Ni kabbwon Muk thruh Palei
Đom buah kakei piòh ka anuk
Anuk pòng amaik akhan
Ka dom phwol jalam ngap bbòng angwei⁽¹⁾
Hakòr ðaum kabbwon baik møy
Ngap bbòng angwei anuk throm bibbul
Inu piòh dom kadha
Drop o mũa khing piòh ka møy
Muyah hu kabbwon di drei⁽²⁾
Hagait duh ra brei, drop møy mũacai
Jwai klak kabbwon Jwai nai
Ngap twei ha tai drop thraung⁽³⁾
Nan mung kadaung drop dauk saung møy
Kadaung drop ywa kamei
Di rim harei glong iok bibiak
Drop ar halun halak
10. Glong iok bibiak jwai brei karang
jwai tøy rahøy klak caik^(*)
Tol blauh ra klaik likuk drei ra klau
Blauh drop jak gop nau
Drei lac ra kalu bilei patat

(1) Bản (IV1b): Ka dom gwon jalan

(2) Bản (IV.1b): Yah hu phwol hadei

(3) Bản (IV.1c): Ngap tol mutai drop o kadang

(*) tøy rahøy: thờ ở, hồ hững.

Anuk pơng bitanat
Mưđuh nhu kathaut ywa o ligaih
Mưđuh nhu kathaut raung raih
Angwei o ligaih laik saung tho
Kaywa nhu chap hatom lo
Hajơng nhu o nhjơp saung urang
Ginaung mai mơi ngap jrauh
Lisung thauk blauh o muk ramik
Hajowng nhu tian tachop
Ywa nhu o nhjơp jơp saung kabbwơn
Khik rabijan bbwơn biak^(*1)
Di dunya rak lo mưng ra klau^(*2)
Li i saung cangwa
Tapei blauh ba muk mai ra mik
Halou jwai klak bauh
20. Cang wa jwai tatauh, ging jwai papơr
Kibik krung ging tanuk
Jwai brei mưnuk prah pơr habơw
Kabbwơn pwơc mưng dahlou
Muyah pơr haơw lai jwa abih
Kaywa nhu ramik biak lo
Hajơngmưng nhu hu mưh pariak
Dayơpkruh pariak

(*1) rabijown: bốn phận, thân phận; rak: bướng bỉnh, lì lợm.

Bản (IV.1b): Khik rapajan mơi baik

(*2) Bản (IV.1c): Dunya ủaak ralo drei ra klan.

Jwai chap hatom tuk abieh
 Amal hai di sɔp nan klah
 Kathaut hal bbiah bbong saung angwei⁽¹⁾
 Amal hai di pabah bbong sang
 Pabah bbong jang moy jwai padei
 Adat drei jiong kamei
 Moy jwai pakei biak praung pakar⁽²⁾
 Panwɔc amaik dom khan
 Muyaah khing pɔng mung nhjɔp kamei⁽³⁾
 Adat saung cabbat khing muɔru
 Muɔru khing ka thɔu mung nhu ligaih
 Anuk đaum paabih
 30. Nan mung kigaih nhjɔp saung urang⁽⁴⁾
 Adat drei nan jiong kamei
 Pwɔc khong đei chuk di adat
 Muyaah nɔy khing pwɔc
 Thɔu kada hwɔc mung urang muyaum⁽⁵⁾
 Moy kada hai di tian
 Gɔp gan urang oh đam bilei
 Anuk saung kamwon nau mai
 Muyaah khing muyaai khim klau dahlou

(1) Bản (IV.1c): Muyaah ka saut ribbah jang hu si bbong

(2) Bản (IV.1c): i rim harei glong iok bibiak.

(3) Bản (IV.1c): Mung nhjɔp panwɔc inu

(4) Bản (IV.1c): Nhjɔp saung kannwon

(5) Bản (IV.1b): Palih bauh panwɔc mung urang urang muyaum

Nan Jòh ra lac sunow⁽¹⁾
Khim klau ðahlou blaui ðom hadei
Cok muk po inu
Jwai moy mǔgu throm pwoe bilei
Adat drei Jong ka mei
Jwai moy bilei saung dwah muyai
Nan joh kamei sai su
Ra pwoe jhak hu moy lac mulow
Drei lac mulow
Blok lac ra thou, kil nhul tabih
Hamit jhak tol inu
40. Hamit bak tangi jhak lo hadei
Khik rabajan drei biak

Di dunya urak ra klau bilei
Dayop moy dauk di sang
Nan ka urang lac hu kabbwon*
Anuk throm hakak throm dwon
Mung bhjop kabbwon moy dauk dara
Muyah khing ngap bruk bit
Throm bitait, throm bipaghoh
Moy dwah urang jak ghoh
Mugru ðaum pich tok hu pathang
Mugru baik di urang
Toi hu pa thang moy jwai cakaui

⁽¹⁾ Sunow: nghĩa chính là bùa phép; ở đây được hiểu là thuật phép.

Hajiong jwai brei cakauih
Chuk mai ra pauh blauh ra pakaik
Ra pwoc blauh ra pakaik
Ra til taih mai tol amaik amu⁽¹⁾
Padik tol amaik amu
Drei ngap anuk pong baik bithuk
Mulow hai di urang
50. Møy saung pathang ngap biligaih
Anuk møy saung pathang
Jwai brei karang ia saung lisei
Adat drei nan jiong kamei
Di rim harei bhuk tik pathang⁽²⁾
Ramik drop drei di sang
Jwai brei karang ikan saung nhjom
Glóng iok lingiw tok dalam
Padai di ratong glóng iok bibak
Ramik drop ar di sang
Jwai brei karang da ka rabbah

dayop cruc trwai di sang
Møy jwai pachang trwai tol dalam
Da ka urang twei glóng

⁽¹⁾ ratil rataih mai tol amaik amu

⁽²⁾ Hu kabbwon: có sách, có giáo dục; bhuktik: phụng sự, phục vụ, hầu hạ

Ra thòu ap bhap krung drei ramik⁽¹⁾

Mũda blauih tók ra klaik

Kathaut raung raih rá khau bilei

Ra yap møy ywa kaya⁽²⁾

Møy hu mũda droy ka ra dwah

Anuk muk paluc inu⁽³⁾

60. Kathaut kam lo bboh di muta

Kathaut ngap bbong bibiak

Kathaut jwai cwak throm dwah møyai

Kahria ngap mulom harei

Mutak po brei bidroh urang

Anuk pong amaik khan

Møy saung pathang jwai ngap musak

Anuk møy saung pathang

Jwai pong urang sauk di adat

Kajap lai ywa kadwol

Hadah bbauk kamwon ywa hu pathang

Danauk dauk di rim harei

Pathang saung drei jwai brei limuk

Dauk pok caik jong gru⁽⁴⁾

Nan mung hu ngjop tho kamwon

⁽¹⁾ Câu này bản (IV.1a) có vẻ luộm thuộm, chúng tôi chép theo bản (IV.1b)

Bản (IV.1c): Ra bboh mũh halong ra klaik di drei

⁽²⁾ Bản (IV.1c): Møyah møy hu kaya.

⁽³⁾ Bản (IV.1c): Anuk pong inu bino.

⁽⁴⁾ Bản (IV.c): Pok caik pathang ngap giu.

Múyah pathang bau glai
 Dauk di sang jwai brei karang bruk kamei
 Jala mai glaung ia harei
 Tanuk lisei blauh moy habai
 Anuk jwai alah hatai
 70. Pathang mai mung glai moy pok lisei
 Bbauk moy jwai muh
 Hatai Jwai camurih pwoc saung pathang⁽¹⁾
 Hala cih panung thraung
 Pakau bban tanan joh ra anit Pathang pwoc
 padoh dauk pong
 Chuk urangdom jwai tok ginaung⁽²⁾
 Pathang pwoc moy jwai tok
 Un di phik saung hatai kamei
 Adat urang jiong likei*
 Ra pwoc ngauk kamei moy jwai muthau
 Ra pwoc moy jwai muthau
 Nan joh ra mutwaw khauh tian saung krei
 Anuk pwoc hai di pathang
 Nan mung ka urang pwoc di anuk⁽³⁾
 Anuk kanal bibiak
 Ra dwah drei hapak jang ywa pathang
 Ra yap drei ywa pathang

⁽¹⁾ Bân (IV.c): Bbauk moy khim khai rei

Moy jwai brei trak tian pathang.

⁽²⁾ Bân IIV.c): Múyah chuk sa bbong jwai tok ginaung.

⁽³⁾ Bân IIV.c): Kada hwoc di pathang

Nan mung urang okhau bilei

Nan mung urang dong khing tanhi
Kamei halei palwo pathang
80. Nan joh ra on nhu thour ka drei⁽¹⁾
Nhu pwoe blauh nhu kuhria
On dom muda twah nhu pablei
Nhu pwoe blauh nhu palwo
Sop nhu pablei taum di anak
Anuk pwoe twei tapak
Birowng khing ngap jwai brei alah
Pathang ew nau bidrrah
Moy jwai kamlah vok jwai kamei

Pathang pwoe moy jwai kamlah
Kamei khong pabah chuk di adat
Adat drei jiong ka mei
Binaung riak dei cip ka ra klau
Ra pwoe moy jwai muthau
Ra ba paklau nhjop muh tamuh
Saim tian talang ea bbauk
Nan joh ra dauk that saung drei
Praung bbauk ywa hu pathang
Nan mung ka urang yap moy ka ya
mugru throm paabih
90. Pathang kruh dih jwai jwak ka tong

⁽¹⁾ Bản IIV.c): Moy dauk ghoh saung pathang
Gop gan urang kada ki drei.

Muyah moy jwak trư không
Padai ki ra tưng pờ nau abih
Nik đih bihu libik
Rami ramik bah tul pator
Bah tul pator bbiah
Jwai paranah thupờ muta⁽¹⁾
Dayỏp ngan krưh mulỏm
Moy jwai ha tỏm chap di anih⁽²⁾
Muyah hatỏm di anih
Nan jỏh abih twah tabiak
Sumu saung kayỏu praung jauh
Libuh gan crauh ralo drei tapa⁽³⁾
Nan jỏh urang kada
Bauh kadha lian sỏp di anih
Kuhria baik bisiam
Moy saung pathang ngap bbỏng bibiak
Yah anuk pỏng pathang
Nan mủng urang halar ngap bbỏng
Pathang pwỏc anuk bbauk talang
100. Moy jwai padỏng drei blauh muthau
Anuk jwai đỏng muthau
Tỏl blauh ra khau akhan lac mulỏw

(1) Bản (IV.1c): Tul saung patỏu gỏp bbiah
Moy jwai parah caik bal saal.

(2) Bản (IV.1c): Jwai chp tỏm tuk ni ligaih.

(3) Bản (IV.1x): Libuhgỏn crauh ra ngap rarwa.

Góp gan ralo lac jak

Mớy ngap múak pwoe yaum asou⁽¹⁾

Haur mai nhu nau palaik

Drei nau paaik di gaun abih

Samung hai paabih

Ribbah nhu jrih di ia hajan⁽²⁾

Tablah mai dwa jalam

Dan di hajan taik aw di drei

Anuk pong amaik khan

Dauk ghoh saung urang lo ra muyaum

Pathang nau dwah múrai

Jien saung padai mớy khik ramik

Adat kamei ghoh di khik

Jwai brei lihik karang drop di sang

Sanung hai ka ra dwah kan

Mớy thour da mun glong iok bibiak⁽¹⁾

⁽¹⁾ Bản (IV.1c): Đom saung pathang bbauk mớy talang.

Mớy jwai không kang đong vok muthau

Kamei halei sớp không

Drop mung tapong jang raung raih

Góp gan urang jang palaih

Kaywa mớy o ligaih sớp saung panwoc.

⁽²⁾ Bản (IV.1c): Kal mai nhu dih di ia jan

⁽¹⁾ Bản (IV.1c): Drop or dwah biak kan.

Mớy ngap sibor khik ramik bibiak

Anuk saung amaik bican
110 Habor ka urang klauh tian saung drei⁽²⁾
Pong blauh angwei biak
Kabbwon ni amaik twok caik di sang
Hadip saung pathang
Tajuh papakar pong baik tani *

ARIYA PATAU ADAT LIKEI

Theo bct của Bạch Thanh Chạy, Văn Lâm - Ninh Thuận (IV.3.a) Đây (lời giáo huấn) được sáng tác và lưu truyền trong ariya

Làm trai chớ dại khờ, hãy học chữ và luyện toán
Thuộc nằm lòng những lời thầy căn dặn
Biết nghe lời thầy, chớ hạm chuyện ngủ nghê
Đến với thầy, hạ mình khiêm cung
Dù ta có bùa thiêng chẳng cũng đừng người cho
người ghét bỏ⁽³⁾

Con ơi, hãy nghe lời cha dạy bảo
(Đời người chẳng được bao lâu) gắng thu lượm kiến
thức nhé cho nhanh

Thầy dạy, con ghi nhớ kỹ càng
Chữ nghĩa tinh thông được như thiên hạ
Chớ có hoang đàng bỏ nhà, bỏ cửa⁽¹⁾

⁽²⁾ Bản IIV.1c): Anuk pong amaik khan Sibor ka pathang ba tian anit drei.

⁽³⁾ Ý mới dù mình có tài bao nhiêu thì cũng biết khiêm nhường.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Đi đâu cũng phải trở về nhà.

Chú nghe lời người mà nản lòng bỏ chữ cha ông
Tạc vào tâm nhũng lời thầy răn dạy
Ngày đêm chớ lãng quên, luôn ngẫm suy biện biệt
Sống trên đời biết nhìn sau ngó trước
E người thù ghét thì ta khó sống cùng
Lúc có mặt ta, người còn nể kiêng
Khi vắng mình, họ liền dèm pha bôi nhọ
10. Nếu có đi cũng nhớ báo kẻ người trách ta
Ông đã tinh thông thì chớ dại khờ
Người có tuổi, con thời tôn kính như cha sanh
Đạo làm trai có bao đức tính phải trui rèn
Biết nghe lời thầy răn chẳng bao giờ hao mất của ông
Nếu ông hiểu đạo, sống chân thành
Dù có lụy nơi đâu, cũng có người cứu giúp

Mọi lời ta nói, đấng đo chùng mực
Chớ nói lấy được vì dễ gây buồn lòng người
Biết phải trái để sống thuận lẽ đời
Có thể mọi người chúc phúc cho thân ông
Về chuyện sát với đất, ai có hiểu chẳng
Mỗi năm ra trái một lần, chẳng ai khiến
mà trái vẫn chín cây
Hay có biết cây me với cây dang chát hay chua
Riêng cây dang có mù, có ai truyền dạy cho ta?⁽¹⁾

⁽¹⁾ Chúng tôi không hiểu ý câu này

Ai có hiểu chẳng có loài hoa không héo bao giờ
Hoa trổ giữa thân cây, người ra vào không ai thấy⁽²⁾
Kẻ khôn ngoan suy tư cho thấu đáo
Có ghi lòng nhưng không hề giấu, truyền dạy
cho người đời nghe
(Tri thức này) người khám phá và lưu truyền
từ ngàn xưa

20. Và bảy con chim đậu trên núi cao, ai là người biết?⁽³⁾
Nếu ông muốn tỏ tường thì đừng tiếc
Học và nhận thức cho thấu triệt mới được
người đời nể nang

Ông nghĩ thuận lẽ đạo thì sẽ hiểu rằng
Trên trần gian này, tâm thành cũng chuyển lay đất đá
Tiếng sấm vang cuối tháng chạp
Ai mà phân biệt được với đầu năm sau
Thì danh tiếng sẽ lưu đến ngàn đời
Lời thánh hiền có ghi trong cổ thư
Nghecho kỹ rồi suy tư mới là kẻ có trí tuệ cao cường
Ai có biết chẳng về bạc với vàng
Một ngọn núi nằm chắn ngang, đâu là nơi chốn ấy⁽⁴⁾
Ai hiểu chẳng sợi dây một cuộn
Chẳng ai treo, ai gác, mỗi kia ở nơi nào⁽¹⁾

⁽²⁾ Theo cả sử Hán Bàng, Mỹ Nghiệp - Ninh Thuận có thể hiểu là trái tim

⁽³⁾ Bảy con chim: bảy khiếu

⁽⁴⁾ Theo cả sử Hán Bàng, đây là cấu trúc bộ ruột trong thân thể của con người.

⁽¹⁾ Cabbur: lễ tưởng niệm các vua chúa, thuộc âm, tổ chức hàng

Sống trên đời nên biết nông sâu
Thành tâm lắng nghe ghi nhận nơi sâu kín tâm ta
Ai biết chẳng đại dương bao la
Mưa lũ không đầy bao giờ, nắng hạn chẳng lúc nào
khô nổi

Ai kẻ khôn ngoan suy ngẫm rồi nói
Tại sao sóng vỗ bờ mãi, ai là kẻ khiến sai?

Sóng vỗ, sóng rút đi như thế nào

30. Có ai giảng giải cho ta? (biển kia)

một phờ không hề kể

Thuở xưa các cụ già có nhắc nhở

Thì hãy ghi nhớ và cân nhắc kỹ càng

Mùa Chabun, Thần Mẹ gọi tới cho ăn

Mình không biết đường nào mà lần

nên mới tổn mất thiện tâm⁽²⁾

Giáp năm, tiếng sấm đầu vọng vang

Gợi nhớ nhung trong lòng, ai dám quên đâu

Ai biết nước dưới giếng sâu

Chẳng ai kiêu ai đào, cả bảy cái đều trong

Ai biết về hai lối đi, hai con đường

Trên tảng đá Aryakah, nước nhả ra rồi chảy về

Mới có hai anh em nhà kia

năm vào ngày 16/9 Chăm lịch.

⁽²⁾ Theo tác giả, mọi người đều được trời phú sẵn thiện tâm. nếu không chịu tu luyện. tổ bối thì sẽ bị hư hao.

Đến từ xa xưa, anh cả với em út

Ai biết trên gò môi, nước phun
Chẳng thấy giếng đâu, nước vẫn chảy tràn dòng ngọt
Ai hiểu về lửa với nước
Trên giếng nước ngọt, lửa cháy cả ngày đêm⁽¹⁾
Ai biết về quạ trắng với quạ đen
Bay suốt ngày đêm rồi giỡn chơi giữa biển⁽²⁾
Ai biết con quýt đang bay đến
40. Hạ cánh giữ biển có màn bạc phủ che
Ai biết màn bạc bay màn vàng kia
Che chắn cả gió mưa, phủ rợp khỏi ánh nắng
Ai biết về nguồn sông ản
Hai con mương chảy đổ xuống đại dương⁽³⁾
Ai biết về con mương
Chảy xuống cửa sông, chảy xuôi chảy ngược
Khéo khen cho nước mưa hay giọt sương
Mưa sa hạt vạn ngàn, sương rơi chẳng ai thấy
Ai người không ngoan, biết suy tư
Câu chuyện ngày xưa truyền cho hậu duệ nghe cùng
Ai biết về nước biển với nước sông
Sóng cuộn vỗ không ngừng, cả nước mặn hay ngọt
Trời sinh loài cá sống dưới nước

(1) Bốn câu này chúng tôi không hiểu được nghĩa ản

(2) Đôi mắt con người

(3) Nước từ "vùng trên" đầu chảy xuống mũi và miệng

Chân tay không, cả nhà cửa cũng không
 Nước lạnh với nước nóng trong đại dương
 Chẳng ai khiến mà sóng mãi lừng cho một nhòai biển cả
 Ai biết về thần tính quanh ta⁽¹⁾
 Có hiển lộ nơi đâu cũng từ tâm ta mà sinh
 Ai biết nơi cư trú của đấng chí tôn
 50. Với chỗ ở chư thần trên khắp nẻo trần gian
 Ai hiểu Thượng đế ở mọi nơi
 Có thấu hết nẻo đường mới khỏi tội thân ta
 Ai biết nơi cư ngụ của đấng Ala
 Hay xứ Mecca ở đâu nơi phương xa ấy
 Nếu hiểu rành thì có ở cùng ta
 Anh cả ở nơi nào, thứ trung hay em út⁽²⁾
 Mỹ tục cổ nhân hãy gắng bảo lưu
 Thuần phong từ xa xưa đang cất trong ngôn từ
 Giữa cho thuần như đã ghi trong cổ thư
 Người ngoài hay mẹ cha, ta cũng trọng như đấng tối cao
 Lời thần đang được thầy truyền giao
 Người tạo chữ cho ta, nuôi ta từ ấu thơ
 Chớ nói những lời dứt tình với mẹ già
 Thần xinh đẹp bị hoại hư khi ngôn từ không thuận
 Tội lỗi đâu đã trước mặt ta mà hiện

⁽¹⁾ Po bita dōr drei: trời ở xung quanh mình. Một tục ngữ Chăm: Po dōng di dwa guk bira: trời đứng trên hai bờ vai, ý nói thần tính (hay thượng đế) ở khắp mọi nơi

⁽²⁾ Chúng tôi không hiểu ẩn nghĩa của câu này

Ốm o gầy mòn là hậu quả theo suốt đời ta⁽¹⁾
Bảo lưu trong sách sau mới nói ra
Chớ học thói gian tà kẻ người đời ghét bỏ
Sống trên đời suy trước, nghĩ sau
60. Khéo người oán thù, mình khó mà sống được
Ỗi đời nên biết điều phải trái
Dùng lời lẽ chân thành mà nói để người mãi yêu thương
Tập tính tốt và giữ thái độ khôn ngoan
Hỗn xược to gan dễ gây ra chia rẽ
Mặt mũi, mày má không đồng điệu⁽²⁾
Ngôn từ kênh kiệu, tiền bạc cũng (đội nón) ra đi
Giữ đạo theo lẽ chân thành
Như thế có ai lại nở để tâm thù oán
Sống thuận với anh em cùng hàng xóm
Gái trai, lớn bé cũng biết nhân nhượng, lời nói nào
cũng dẫn đo
Trời sinh hai tai để nghe
Sinh hai mắt để nhìn, bụng dạ để suy tư
Sống với người nên cân nhắc sao cho
Bụng dạ đời nông sâu, ông cũng hiểu mà lường
Nói năng thì phải suy nghĩ
Người có nói thế kia thì ta cũng có thể hiểu nó thế này⁽¹⁾

⁽¹⁾ Mọi (hậu) quả đều có nhân và duyên của nó

⁽²⁾ Nguyên văn: Mặt mũi mỗi đi một bên ý nói không có sự đồng bộ giữa tấm lòng, thái độ và ngôn từ

⁽¹⁾ Tâm đại con người hiểm sâu khó lường, hãy hiểu nó để có thể ứng xử thích hợp.

Nếu đã cạn lẽ như thế thì
Những ẩn ngữ của người xưa, tất cả đều cùng theo lý ấy
Mấy kẻ dại khờ chẳng nghe chẳng hiểu
70. Nhìn vào sách thấy tối mờ, xây xẩm như kẻ đi đêm
Còn hiền nhân ăn nói như thần
Cổ thư đều tinh thông, tháng ngày (đều biết tính),
Cùng bao điều cấm kỵ (đều rành)⁽²⁾
Kẻ khờ có nghe cũng chẳng hiểu cho, vì dốt nát
Ngồi trơ ngơ ngác ngó thiên hạ mà thôi
Bởi thế người ta tìm sách mà dò mài
Rành rẽ lẽ nghi, nhận thức điều thiện ác
Sống trên đời nên tìm tòi cho biết
Khi nói biết biện lời lẽ của cổ nhân
Loang toàng ấy là kẻ ngu si
Mai sau có tội lỗi thì mới lỗ mỗ hiểu ra
Tội lỗi hôm nay đều kết tụ từ xa xưa
Bởi ta quá u mê không chịu trao đổi tri thức⁽³⁾
Hỡi học trò ta, hãy ghi nhớ cho rành rọt
Ẩn ngữ thầy giảng ta học, cho ta được tỏ tường
Vượt lên khỏi khờ dại, ngu dân
Giải minh cho người thông lời lẽ trong ariya
Lắng nghe nhé kẻ ngu si hay dại khờ
Lời lẽ truyền từ người xưa, hãy bảo lưu, truyền tụng

⁽²⁾ Hiểu rành tất cả cổ thư, biết tính lịch (sakavi) và hiểu rõ những điều cấm kỵ

⁽³⁾ Nguyên văn: Tìm chữ cát trong mình

ARIYA PATAUW ADAT LIKEI

(Phần chữ Chăm)

Theo bct của Bạch Thanh Chạy, Văn Lâm - Ninh Thuận
(IV.3a)

Ni twor panuh di dalam ariya
Anuk likei jwai gila dwah akhar throm katih
Dom panwoc gru pataw daum abih
Harei mulom jwai dih pong panwoc gru patauw
Nau tau anoh drei di gru
Sunowbrik drei hu, hatai urang jwai paklah
Anuk loy pong amur hakei asah
Mugru akhar thour bidrah vok murai voy anuk
Gru patauw sah kanal bikajap
Takai akhar bitanat mung drei droh urang
Nau tau vok murai tol sang
Jwai bblah di urang ac hatai kalk akhar
Dom panwoc gru patauw daum kanal
Harei mulom jwai vor tadhiai di tian drei tabiak
Dauk di lok sanung anak linhaiy likuk
Da gop gan limuk drei biak kan khing dauk
Urang kada twei urang bboh bbauk
Likuk drei nau ra dauk ra dom tachop ka drei
Anit bbiak lwuc sa tian saung sa muk

10. Nau tau jang kauk suuh suon hanuk yava
 Yah aung thour abih jwai gila*
 Gop gan ra taha, yow amur grei likei
 Dom adat khaul ita anuk likei
 Pong panwoc gru hakei o kan karang aung di hagait⁽¹⁾
 Muiyah aung thour adat dauk tapak
 Jol drei hapak hu urang hadai pakah⁽²⁾
 Pathor mung panwoc sanung di tan drei pablah
 Halei tabiak di pabah panwoc trak tian urang
 Halei aung thour ligaih dauk bijong
 Pich ka mik va urang tadhaw phow drei hadai*
 Thei sakun da tanuh saung basei
 Tuan thun mur bauh sa bbong drei, tathak yanun o
 thei ra ngap
 Halei amil saung adang musom hapiak
 Pajong adang hu katak thei tathit khing ka thour
 Thei sakun ka bingu o thour layou*
 Dauk di druh phun kayou tamur tabiak o thei ra bboh
 Halei ra jak di sanung khing ka droh
 Daum kanal jwai pich panuh tabiak ka ra pong

⁽¹⁾aung: ông, ở đây tác giả xem đối tượng đang nghe thơ như một con người đã trưởng thành; karang: bao mắt, tổn thất; hadai paklah: giúp giải thoát; tadhaw phow: chúc phúc; layou: héo úa.

⁽²⁾cadang hatai: thành thực tâm; glaung bidı biniai: cao tay ấn. cao mưu; bimong: cuộn, chum; ap pabhap: tâm khảm, nội tâm sâu kín; sumut drak: đại dương; bino: nói, kể; tathit: truyền; mung di hia: thời xa xưa; canah: ngã đường.

Urang pajiōng mung livik ray ni song
20. Tajuh drei cim nhu đom di ngauk cōk o thei sakrun
Yah aung thōu abih jwai damun
Mugrak mūgru khing ka krūn halei mung hu
urang taka

Halei aung sanung ligaih thōu dahlou
Dauk di lok kayou batou jang twei cadang hatai *
Bilan mak than on o thei ra thōu
Krūn ke bilan birou pich num tol hadei
Panuh tabiak di dalam sakarai
Thei ra glaung biđi bibiai pong paip blauh sanung *
Thei sakrun ka pariak saung mūh
Sa bauh cōk đong di kruh o thōu libik pak halei

Thei sakrun talei sa bimong *
Othei twor thei crong jeihapak o bboh saglong
Dauk di lok thōu sanung tong tabong
Panwoc kadha biam khing pong tathit dalam appabhap *
Thei sathou ia dalam samut drak*
Bilan halim o thōu bak, bilan bhang o thōu ka thu
Thei jak sanung blauh bino*
Riyak pauk biak lo thei urang dauk padoc
Pauh tabiak dwa tamu nan sibor
30. Thei tathit blauh bican glaih glar o muda akhan*
Krung panwoc taha đom akhan
Mung di hia pich di tian blauh kanal tong tabong*
Bilan cabbur inu ew pabbong

Srei ke bboh khing long sroh karang di hatai
 Taum thun than on nan murai
 Suuh suon dalam hatai thei urang blauh khin vor
 Thei thou ka ia nhjor di ta bong
 Tajuh bauh bingung tanan ia dangaih o thei ra twah
 Thei sakrun ka dwa jalan dwa canah*
 Si ngauk batou aryakah ia nhjor trun murai
 Hajiong hu sa adei sa saai
 Tak di kal khing murai saai kacwa adei ta luc
 Thei thou ia tamuh di ngauk katwoc
 Ohboh tabong thei rakwoc ia nhjor rai taba
 Thei thou ka apwei saung ia
 Di tabong nhjor taba apwei ghwoh o padom
 Thei sakrun ka ak patih saung ak hatom
 Por harei oh thou mulom nhu dauk mun ki jallidi*
 Thei thou ka cim muh dauk tani
 40. Di dalam jallidi pahalwei jrai pariak*
 Thei sakrun ka jrai muh saung jrai pariak*
 Palahwei o brei padiak hajan angin jang o nhjop
 Thei sakrun ka halou kraung dadop
 Dwa rabaung dwoc hatop trun pabah lamngu
 Thei thou ka baraung dwoc tamu
 Trun pabah lamngu dwoc pagan ngan dalwon*
 Muyaum lo ka ia hajan saung ia kakwor
 Ia hajan laik tapwor, ia kakwor o bboh khing glong
 Halei rajak sanung thou pong
 Tathit tabiak blauh bican urang pajiong mung livik
 Thei thou ka ia kraung saung ia tathik

Riyak pauh taum bilik mưng bbak o thòu taba
 Po pajìong dom ikan dauk di ia
 Takai tangin o muda sang danauk o hapak
 Salam tathik ia lian saung ia padiak
 Taglong tabblak o thei ra ngap, glar glaih o thei pador*
 Thei sakrun da po bita dør drei⁽¹⁾
 Yah padang nan halei di dalam apbhap
 Thei sakrun ka danauk po bita

50. Saung danauk di gròp adhwa, nubi halei jang thòu abih

Thei sakrun ka debita dør dih
 Thòu krùn pa abih, nan mưng drei klah di dwis
 Thei thòu ka danauk po Alwah
 Ngan danauk nugar Mukah nan ni dauk pak halei
 Yah thòu ka danauk dauk saung drei
 Saai kacwa pak halei mütuh tabha adei taluc⁽²⁾
 Khik adat mưng ra taha nan pwòc
 Adat cabbat caik panwòc mưng livik kal murai
 Khik biyòu mưng dalam sakkarai⁽³⁾
 Inur amur ngan urang, po bita o pak halei
 Gru pataw biak panwòc po pabrei

⁽¹⁾Jallidi: biển cả; pahalwei: che rợp bóng; jrai: màn; dalwon: xuôi; taglong tabblak: vô cuốn cuộn; dør drei: xung quanh mình, bốn bề.

⁽²⁾tabha (con) thú; biyòu: cho được như thế; sakkarai: cố thú; paklaih (pa+klai): dứt tình, dứt khoát; habong; hu; halong: xinh đẹp; rai rao: ôm o gáy môn.

⁽³⁾vak val: ngược ngạo; bidi biniai: nét na; thai tiak: chung thủy, trung thành.

Urang pajiong akhar ka drei, raung ba mung rinaih
Panwoc pwoc saung inu jwai paklahi*
Yah pwoc o ligaih habong di rup drei halong*
Dwis sak halei ke bboh saglong
Rai rao ragi ragan hauk hrah thah glar*
Glong khik dalam akhar balauh bican
Jwai mugu vak val, drei hu ka ra limuk*
Dauk di lok sanung anak linhaiy likuk
60. Da ka gop gan lumuk drei biak kan khing dauk
Sanung pablahu drei dauk saung urang
Panwoc sibor dauk biam urang anit drei bithrwai
Jak karak khik bidi khik biniai*
Jwai musak pruang hatai nan drah atah di urang
Blauh muta idung cabbwai nau sa gah
Panwoc kadha drei krah, jien padai jang tabiak

Khik adat twei jalan that tiak
Nan o thei ra ikak mubai januk caik di drei
Dauk ligaih saung gop gan likei kamei
Pruang rinaih abih drei bithou mung pwoc blauh tabong
Po pajiong labang tangi pich pong
Pajiong muta pich glong pajiong tian pich sanung
Dauk di lok tong tabong sibor bijiong
Tian urang dop gan tabong hakauh ngan dalam
Dauk di lok sanung ka blauh bican
Yah ra dom pwoc you nan sanung vok hai you ni
Yah biak sanung you nan mung hu
Panwoc dalam ar bingu rim munuk abih tanan*
Dom urang patauk gila pong o jiong

70. Having havang lin muklòm du palup maung o bboh*
Halei ra jak nhu pwóc chai ra ginròh
Sakarai nhu thòu abih, harei mulòm, akhin pakal*
Urang gila póng o jìong ywa patauk
Dom sanung blauh nhu dauk urang òm póng o hu
Dom yòu nan ra dwah akhar blauh mưgru
Adat cabbat khing ka hu januk hanim thòu abih
Dauk di lok bac mưgru abih
Pathòu mung òm bih hacih òm panwóc ra taha
Jwai pwóc pagak pagan nan gila⁽¹⁾
Tol hadei dwis ni sa bboh droh blau khing thòu

Dwis sak mung di ray ra dahlou
Kaywa pawóc drei o thòu, dwah akhar caik di rup
Hoc aseh ðaum danal póng bijip
Panwóc dalam gru caik ka drei bluh khing twók⁽²⁾
Halei gila saung patauk caik vòk
Nuh tabiak ka ra twók panwóc dalam ariya
Póng baik òm patauk ngan gila
79. Panwóc mung ra taha pioh di tian khik ramik.

Hết

⁽¹⁾that tiak: chung thủy, trung thành; rim mưnuk: đủ loại, mọi điều; havang havang: chói sáng, xây xắm; akhin pakol: điều kiện; kiêng ky; pagak pagan: ngang bướng.

⁽²⁾Panwóc dalam: lời lẽ bên trong. ngũ ngôn ở chiều sâu ở đây có thể hiểu là ẩn ngữ.

LUẬT TỤC RAGLAI

CHƯƠNG MỘT

SƠ LƯỢC VỀ NGƯỜI RAGLAI

Dân tộc Raglai-có người gọi là Rắc Lay, Rốc Lay, Oranglai... là một trong những tộc người thuộc nhóm ngữ hệ Malayo-Polynedi (Austronesi) cư trú lâu đời trên vùng núi phía nam dãy Trường Sơn (Việt Nam), tập trung đông nhất nơi miền núi phía tây hai tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận và một số sống rải rác trên vùng núi các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng... Số dân Raglai trong cả nước trên 90.000 người, đông vào hàng thứ 19 trong 54 dân tộc anh em ở Việt Nam.⁽¹⁾

Tại Khánh Hoà, tộc người Raglai có khoảng hơn 35.000 người cư trú tập trung trên miền núi hai huyện Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, một số ít sống rải rác phía tây các

⁽¹⁾ Theo số liệu thống kê năm 1990, dân số Raglai trên cả nước có trên 65.000 người, số dân đông vào hàng thứ 19 trong cộng đồng 54 dân tộc anh em ở Việt Nam (*Các dân tộc thiểu số ở miền nam Việt Nam*) - trong đó ở Khánh Hòa có hơn 19.000 người sống tập trung tại hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh và rải rác trên vùng núi các huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa, Cam Ranh. Tại Cam Ranh, người Raglai cư trú lâu đời nơi giáp ranh giữa vùng núi và đồng bằng chỉ cách bờ biển 3-5km.

huyện Ninh Hoà, Diên Khánh và Cam Ranh.

Người Raglai có quan hệ nguồn gốc với người Chăm - một dân tộc cùng cư trú lâu đời nơi vùng đồng bằng ven biển miền Trung Việt Nam, lập quốc trên cơ sở hợp nhất hai thi tộc lớn là LA-U (Dừa) ở phía bắc và PINĀNG (CAU) ở phía nam.

Người Raglai theo chế độ mẫu hệ, con sinh ra theo họ mẹ và luôn giữ vững quan hệ dòng họ huyết thống suốt bảy đời. Con gái cưới chồng về sống trong nhà bố mẹ đẻ và người chồng làm trụ cột trong nhà vợ nhưng quyết định mọi việc lớn trong gia đình vẫn thuộc về người vợ; cạnh đó là vai trò ông cậu bên vợ. Người Raglai có nhiều họ (*pitiàt*), các họ chính được hình thành sớm là Pināng, Chamaliaq, Pupor, Cator, Jaluq, Aduq... Một số họ chính (tên các loài thực vật) có nhiều họ nhánh, trong đó có họ Pinang - Cau là một trong hai họ lớn cũng thấy có ở người Chăm.⁽¹⁾

Người Raglai ở nhà sàn dựng trên các sườn núi gần nguồn nước và có tập quán sống cách xa nhau. Rừng và rẫy là nguồn sống chính. Phương thức canh tác chủ yếu là "*phát rừng-đốt rẫy-chọc lỗ-trỉa hột giống*" bằng những công cụ cầm tay thô sơ.

Rẫy (*apu*) được làm luân canh, khi đám rẫy đang canh tác bạc màu, bà con bỏ cho cây cối phát triển tự nhiên, quay trở lại đám rẫy cũ (*panroh*) của mình bỏ trước đó vài năm đã thành rừng phát cây... và trở thành rẫy mới (*casor*). Ruộng (*humã*) lúa nước chưa phát triển nhiều.

⁽¹⁾ Về các họ của người Raglai - xin xem "Khánh hòa diện mạo văn hóa một vùng đất - tập 2, Sở VH TT Khánh Hòa xb 2000.

Từ xưa, người Raglai đã có các nghề thủ công đáp ứng nhu cầu xã hội như làm nồi gốm (*goq*), trồng bông kéo sợi (*hmor mrai*) dệt vải (*rawoi picha*), làm giấy (*calac*)... nhưng cho tới nay chỉ còn dấu vết lu mờ. Nghề rèn chưa phát triển, chủ yếu rèn các công cụ thô sơ đáp ứng phần nào nhu cầu sinh hoạt sản xuất tự cung tự cấp ở mức độ thấp.

Vật nuôi chủ yếu là chó, mèo, gà, vịt, heo, trâu, bò, dê... , một số loài dùng làm thực phẩm và cúng tế trong các lễ hội hoặc làm tài sản trong việc trao đổi, đền bù khi cần. Ốm đau bệnh tật được chữa trị bằng dược liệu sẵn có trong rừng theo kinh nghiệm dân gian... và thông qua các *vijou* cầu cúng.

Người Raglai luôn tự hào về bề dày lịch sử của dân tộc. Từ bao đời họ luôn coi những thanh "patou tileng" (*đá kêu*) là bảo vật của tổ tiên xưa để lại. Đá kêu được treo thành dàn trên rẫy bên bờ suối, do sức nước điều khiển những hòn cuội đập vào các thanh đá kêu thông qua một hệ thống chuyên lực hoàn toàn bằng mây tre phát ra tiếng nhạc vang động núi rừng. Tiếng vang rộn rã của dàn đá kêu trước hết để đuổi con chim con thú không dám vào rẫy phá phách mùa màng. Âm thanh của dàn đá kêu đã tham gia vào quá trình sản xuất nuôi sống con người với tư cách là một công cụ lao động. Đồng thời tiếng nhạc trầm bổng nhịp khoan rộn ràng của dàn đá kêu còn là bản hoà tấu bất tận bay lượn khắp núi sâu rừng xa, lướt qua bao sông suối rẫy nương làm khoẻ tay người già, dục dã sức trẻ bọn trai bọn gái, len lỏi vào từng khung bếp nhà sàn làm vui

tai đàn trẻ nhỏ, sưởi ấm lòng người già trong những đêm gió mát trắng trong cùng nhau ăn trầu hút thuốc trò chuyện tâm tình...

Sau thời gian sưu tầm nghiên cứu, được chủ nhân hiện nay của những thanh đá kêu chỉ dẫn, các nhà khoa học đã phát hiện trên đỉnh *Chưq Vra Jamacuāiq* - núi Dốc Gạo ⁽¹⁾ thuộc địa phận thị trấn Tô Hạp hiện nay một di chỉ khảo cổ học, tại đó còn hàng ngàn mảnh tước, dăm tước, những phác vật, phế vật... cùng chất liệu riolit pocphia (một loại nham thạch phun trào từ núi lửa) và xác định đây là hai "*công xưởng chế tác đàn đá của người tiền sử*" cách nay khoảng 3.500-4.000 năm. Và những thanh "đá kêu" mà người Raglai gìn giữ (cụ thể là các hệ hệ gia đình ông Cator Ren) được các nhà khoa học xác định là "Đàn đá Khánh Sơn" với hai bộ "*một trống một mái*" âm thanh cách nhau một quãng tám, có đầy đủ tính năng của một nhạc khí loại "roi".⁽¹⁾ Như giáo sư G. Condominas xác định khi công bố những thanh đàn đá ông phát hiện được ở Nđutlieng Krak - Lâm Đồng nửa thế kỷ trước đã khẳng định "patou tileng" là "*đàn đá tiền sử*", là "*nhạc cụ cổ xưa nhất loài người*" (*le plus vieil instrument de musique du monde*).

Cùng với những bộ đàn đá tiền sử, người Raglai còn gìn giữ và lưu truyền một kho tàng văn hoá văn nghệ

⁽¹⁾ Theo Báo cáo khoa học về đàn đá Khánh Sơn của Hội đồng khoa học đàn đá Việt Nam - 1980, Những phát hiện khảo cổ học 1983, Đàn đá Bình Đa...

dân gian vô cùng phong phú, đa dạng và mang đậm bản sắc riêng.

Nhạc cụ cổ truyền Raglai gồm nhiều loại: *Nhạc cụ gõ* có trống da nai (*sagor*), dàn chiêng (*chhar* - một loại chiêng bằng của người Raglai) mà âm thanh được mô phỏng theo âm thanh đàn đá⁽¹⁾. *Nhạc cụ dây* có *canhi* (cấu tạo như đàn cò), *coq tuguq*, *coq tlor* (còn gọi là *chapiq* hoặc đàn ống tre) - loại nhạc cụ mô phỏng âm thanh dàn chiêng (cũng có nghĩa là mô phỏng âm thanh đàn đá) mà những người sử dụng tiện mang theo khi ra rẫy, vào rừng.⁽²⁾ *Nhạc cụ thổi* hơi có *sarakel* (còn gọi kèn bầu), *taliaq* (một loại sáo dọc), *coq trèt* (sáo vĩ hay sáo cò), *cadèt* (nhạc cụ có bộ phận lưới gà gắn vào sừng sơn dương), *aguaq*, *radiq* (kèn kè miệng-làm bằng mảnh đồng mỏng tạo lưới gà ở giữa, có lẽ nâng cao từ kèn lá)...

Dân ca Raglai có nhiều thể loại, cổ nhất là *tah rugõm*, phổ biến là các làn điệu chính như *alou*, *sangoi*, *siri*, *manhi*, *majiênq*... vừa chuyển tải tình cảm trong sinh hoạt vừa sử dụng vào việc thể hiện các akhàt jucar trường ca, sử thi...

⁽¹⁾ Mã la là một loại "chiêng bằng" mà người Raglai gọi là *chhar* và được coi là một nhạc cụ đặc trưng của người Raglai. Theo các già làng, âm nhạc mã la dựa theo âm thanh đàn đá và một số nhạc cụ Raglai cổ truyền như *coq tlor* (còn gọi là *chapi*), *coq tuguq* được làm hoàn toàn bằng tre mô phỏng theo âm thanh mã la. Loại mã la cổ quý hiếm được ghè bằng tay nên nổi hoa văn như da cóc (vùng vờ cutou).

⁽²⁾ *Coq tuguq* là loại đàn làm bằng ống tre to và dài hơn *coq tlor*, dây đồn tròn, có âm thanh trầm hơn *coq tlor* một quãng mà bà con Raglai gọi là "con trống con mái", cũng có thể là hai thể hệ sớm - muộn khác nhau nếu nhìn cấu tạo.

Văn chương truyền miệng có khối lượng lớn bao gồm nhiều thể loại từ thần thoại, truyền thuyết, sự tích đến truyện kể, trường ca, trong đó có những thiên sử thi akhàt jucar "*hát năm ngày mười đêm chưa hết*" (có sử thi chúng tôi đã ghi âm nhiều ngày đêm trong hơn 30 băng cat-sét C90 - chép ra chữ Raglai trên dưới vài ngàn trang), gấp sáu lần hơn sử thi UDAI - UJÀC mà chúng tôi đã hoàn thành.

Cạnh đó còn có những làn điệu hát ru, những đồng dao, những lời văn diễn xướng trong các nghi lễ cầu cúng, khối lượng lớn *đờp pacap* (*lời nói vần*) chuyển tải nhiều nội dung mang tính giáo dục cao. Như trong quá trình phát triển lịch sử của nhiều dân tộc anh em khác, vào buổi sơ khai, do chưa lý giải được những hiện tượng thiên nhiên diễn ra liên tiếp ngày đêm (từ sấm sét, mưa gió bão tố... đến núi lửa, nhật nguyệt thực... v.v...) gây bao tai họa làm "cháy lúa chết bắp", bão to gió lớn lũ lụt ngập tràn khiến con người đói khổ, gieo bao dịch bệnh gây chết chóc hàng loạt cho xóm làng... nên họ cho những hiện tượng thiên nhiên đó đều do thần linh (Yàc) trừng phạt. Với người Raglai, thế giới thần linh vô hình hiện diện khắp nơi hình thành nhiều tầng lớp và cuộc sống con người do thần linh chi phối. Trên không trung có Thần Mặt trời, Thần Mặt trăng, Thần Sấm, Thần Gió, Thần Bão... trên mặt đất có Thần Sông, Thần Suối, Thần Núi, Thần Đất, Thần Gò mối, Thần Cây Da, Thần Cây Sung... trong lòng đất có Tổ Thần Lửa/Vua Lửa và nhiều vị thần khác...

Tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh chi phối đời sống xã hội Raglai suốt chiều dài lịch sử⁽¹⁾; Họ tin rằng thần linh giám sát mọi hành vi hoạt động của con người và tùy theo đó mà ban phước hay giáng hoạ, trong đó có những tai hoạ khủng khiếp không chỉ giáng xuống kẻ gây ra tội lỗi mà cả cộng đồng đều phải gánh chịu hiểm hoạ vạ lây.

Chưa đủ điều kiện khám phá thiên nhiên, tự thấy con người quá bé nhỏ trước sức mạnh vô cùng của vũ trụ quanh mình đầy bí hiểm nên tất cả mọi người cùng dựa vào nhau, gắn bó với nhau, xây dựng tình yêu thương đùm bọc trong nếp sống và sinh hoạt cộng đồng bộ tộc, xóm làng. Từ đó ý thức cộng đồng trở thành nét đặc trưng của văn hoá truyền thống Raglai. Ý thức cộng đồng thể hiện trong lao động: săn bắt, công việc rẫy nương, xây dựng nhà cửa... đến hầu hết các ngày lễ - dù là của gia đình như lễ cưới (*huāq vu*), lễ dâng ơn đáp nghĩa mẹ cha (*ia tisou vilou dada*)... lễ tạ ơn trời đất, ba đến bảy năm do từng *paloi* (làng) tổ chức một lần (*Vu huaq tapai hluc tlou truh tijuh thut*) đều được mọi người góp sức chung tay. Hầu hết các ngày lễ đều kèm theo phân hội, tùy tính chất ngày lễ, tùy điều kiện kinh tế mà phân hội lớn hay nhỏ, thời gian hội ít hay nhiều ngày, cốt lõi là mọi người cùng "ăn cơm uống rượu" cùng chung vui hết dạ hết lòng...

Sống giữa núi cao rừng sâu, người Raglai không chỉ phải hợp sức đấu tranh với dã thú, với thiên nhiên khắc

⁽¹⁾ Người Ralai theo tín ngưỡng đa thần, vài thập niên lại đây có một số ít theo tin lành.

nghiệt mà trong quá trình phát triển còn xây dựng truyền thống đấu tranh xã hội kiên cường. Con cháu Raglai ngày nay vẫn lưu truyền về cuộc đấu tranh bền bỉ kiên cường của người Raglai ở Khánh Sơn chống bọn điền chủ dựa vào thế lực thống trị bóc lột nhân dân mà tiêu biểu là các già làng Phù Nhai - Thâm Bai ⁽⁷⁾. Cách mạng Tháng Tám 1945 bùng nổ, người Raglai đã đồng lòng hưởng ứng, cùng nhau xây dựng chính quyền cách mạng, tham gia các đoàn thể cứu quốc, hăng hái thực hiện mọi chủ trương chính sách của chính phủ Cụ Hồ. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, người Raglai đã "một gan một bụng" mỗi người một việc vừa ra sức sản xuất vừa tham gia dân quân du kích xây dựng các lực lượng vũ trang, lập làng chiến đấu bằng biển, rừng núi quê hương thành căn cứ vững chắc làm nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo huyện, tỉnh và của các lực lượng vũ trang, làm bàn đạp tiến công xuống đồng bằng vào đô thị.

Địch mở nhiều cuộc càn quét vào vùng căn cứ đều bị đánh bại; có cuộc càn quét quy mô cấp trung đoàn, huy động cả không quân, pháo binh phối hợp với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại tiến công thung lũng Tô Hạp hòng tìm diệt cơ quan đầu não nhưng đâu đâu cũng rừng xanh bí hiểm bao quanh và bất thần bị mang cung, bẫy đá, bàn chông, tên độc, mìn gài của du kích quật ngã! Bị thiệt hại nặng nề buộc phải tháo chạy trong nỗi kinh hoàng. Từ đó chúng gọi Tô Hạp là "*Thung lũng tử thần*". Không riêng Tô Hạp, Khánh Sơn mà Khánh Vĩnh, Bắc ái... người Raglai đã góp phần xứng đáng vào

công cuộc kháng chiến giữ nền độc lập. Nhiều huyện, xã, đơn vị vũ trang và cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

Từ sau ngày giải phóng, với chính sách phát triển miền núi, vùng căn cứ của Đảng và nhà nước, tình hình kinh tế xã hội của đồng bào Raglai đã có nhiều tiến bộ vượt bậc. Cơ sở hạ tầng được đầu tư: hệ thống giao thông phát triển rộng khắp. Điện lưới quốc gia toả đến tận vùng sâu. Tập quán du cư du canh dần dần được hạn chế đồng thời với việc tiếp thu phương thức canh tác tiến bộ hơn (dùng trâu bò làm sức kéo, có nơi đã có máy kéo), một số vùng đã phát triển lúa nước với những hệ thống thuỷ lợi nhỏ được nhà nước đầu tư. Cây chuối trong các hộ gia đình được coi là loại hàng hoá thường ngày. Cây thông đặc chủng được ưu tiên phát triển. Các loại cây công nghiệp như mía, điều, cà phê, tiêu... từ tự phát của các hộ cá thể đã hình thành một số vùng chuyên canh. Mạng lưới thương nghiệp hình thành nhiều thập kỷ qua nhưng không cạnh tranh nổi với sự len lỏi của các thương lái từ miền xuôi lên thu gom ép giá. Ngành giáo dục và y tế - vệ sinh phòng dịch nhiều phương tiện truyền thông (nhà văn hoá, trạm dịch được đầu tư xây dựng thành hệ thống từ huyện đến xã và tận những xóm xa. Các thiết chế văn hoá thông tin với truyền thanh, trạm thu phát hình, các đội chiếu bóng lưu động, đội văn nghệ quần chúng...) đã nâng cao rõ

rệt đời sống văn hoá tinh thần người dân.⁽¹⁾

Nhìn chung, đời sống kinh tế xã hội của người Raglai đã phát triển vượt bậc, đời sống được cải thiện cao hơn nhiều lần, tỷ lệ đói nghèo đã giảm thiểu, không còn dịch bệnh hoành hành, các em trong độ tuổi đến trường tăng cao và tỷ lệ tốt nghiệp trung học, cao đẳng, đại học đã tăng gấp ba lần so với 5 năm trước. Tuy vậy, còn cần nhiều thời gian và công của mới phát triển kịp với miền xuôi.

⁽¹⁾ Công trình sưu tầm nghiên cứu xây dựng chữ viết tiếng Ralai đã được Hội đồng khoa học tỉnh Khánh Hòa nghiệm thu năm 1996 do Trần Vũ, Chamaliaq Riya Tieng và Nguyễn Thế Sang thực hiện (trong đó có tập từ vựng hơn 5.500 từ) được những người làm công tác sưu tầm nghiên cứu văn hóa dân gian Raglai sử dụng ghi chép nhiều ngàn trang sự tích, truyện kể, trường ca, sử thi, dân ca, thành ngữ tục ngữ, luật tục và các loại hình khác, cơ quan văn hóa thông tin Khánh Sơn sử dụng trong công tác thông tin tuyên truyền trong mấy năm qua... và sử dụng trong công trình này.

CHƯƠNG HAI

GIỚI THIỆU LUẬT TỤC RAGLAI

Trong quá trình đấu tranh để duy trì và phát triển giống nòi, cũng như nhiều tộc người khác, người Raglai theo tín ngưỡng đa thần.

Từ quan niệm thế giới thần linh vô hình hiện hữu khắp nơi và sức mạnh không ai ngăn cản được; muốn được an lành hạnh phúc phải thành tâm cầu xin, muốn tránh tai ương hiểm họa phải biết giữ mình, không xúc phạm, không được làm điều sai trái khiến thần linh nổi giận. Từ đó, hình thành những lời răn dạy khuyên răn từ nề nếp ăn nói đối xử, thái độ lao động sản xuất trong gia đình đến mọi hành vi ứng xử khi tham gia sinh hoạt cộng đồng... hình thành phong tục tập quán được cả cộng đồng chấp nhận và lưu truyền qua nhiều thế hệ cho tới nay, trong đó có những điều "*kiêng to cỡ lớn*" (ukhit prong, pical ghong), những điều "*cấm kỵ cho xử sở, kiêng cử cho đất trời*" (cot ga lagar, pical ga langiq)...

Mặt khác, để cố kết mọi thành viên trong cộng đồng thành một khối thống nhất, duy trì sức mạnh để cùng

nhau chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt và dã thú vây quanh... những quy ước cụ thể cho từng việc (*vhõn*), từng sự việc (*gađi*), từng sự vụ (*gadha*) được đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ giữa các cá nhân, gia đình, dòng họ và mọi hoạt động xã hội. Dần dà những quy ước ngày càng được bổ sung thêm phong phú, chặt chẽ và cao hơn hết là "luật tục" (*adāt panuāiq*) được cả cộng đồng coi trọng và tuân thủ một cách tự nguyện.

Đây là sản phẩm văn hoá dân gian được gìn giữ thông qua truyền miệng, phần lớn thể hiện dưới dạng "lời nói vần" (dờp pacap) nên dễ đọc dễ nhớ. Tất cả được xếp chung vào một hệ thống mang tính giáo dục từ thấp lên cao bao gồm từ "thành ngữ tục ngữ" (pacap) đến những "sự vụ, sự việc, phong tục tập quán, luật tục Raglai" (gađi, gadha, cha panuāiq, adāt panuāiq Raglai).

Đây là hình thức giáo dục dân gian với nội dung nhằm nhắc nhở, khuyên can, răn đe, điều chỉnh ngôn ngữ, hành vi và hoạt động của mọi người cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống cộng đồng.

Đây là rường mối nhằm bảo vệ những giá trị văn hoá, điều chỉnh các mối quan hệ nhằm bảo đảm sự gắn kết giữa các cá thể tạo nên sự thống nhất, tăng cường sức mạnh cộng đồng để chống chọi với mọi loại kẻ thù bảo đảm sự tồn tại và phát triển của dân tộc.

Đây còn là công cụ nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên mà con người vừa khai thác vừa bảo vệ để duy trì cuộc sống phát triển giống nòi.

Ra đời trong xã hội chưa hình thành giai cấp, chưa có nhà nước, những *"sự vụ, sự việc, phong tục tập quán và luật tục"* của người Raglai mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa đa thần đồng thời không thoát khỏi quy luật của dòng chảy văn chương truyền miệng - điều chỉnh, bổ sung và có nhiều dị bản.

Mặt khác, suốt chiều dài lịch sử dân tộc, trải bao biến thiên to lớn của thiên nhiên, những chuyển dịch địa bàn cư trú, sự phát triển của hoạt động sản xuất, những cuộc chiến tranh và sự đổi thay chế độ chính trị, cơ cấu quản lý xã hội... nhất là từ giữa thế kỷ XX với nhiều cuộc vận động *"bài trừ mê tín dị đoan", "thực hiện nếp sống mới"*... do nhiều nguyên nhân khác nhau nên hầu như tất cả *"cái cũ"* đều bị *"lên án"* và xoá bỏ không thương tiếc! (Tình hình này hiện nay vẫn đang tiếp diễn ở một số việc làm cụ thể tại một số nơi ảnh hưởng không ít đến việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc).

Tuy vậy, phong tục tập quán, luật tục mang đậm đặc tính dân tộc được hình thành lưu truyền qua bao thế hệ vẫn đọng lại khá nhiều trong tâm thức mỗi người Raglai và vẫn đang chi phối ít nhiều cuộc sống đương thời, nhiều cuộc *"xử việc theo luật tục"* vẫn được một số địa phương tổ chức phù hợp với tình hình và luật pháp hiện hành góp phần không nhỏ vào việc ổn định đời sống địa phương. Phải chăng đây là một nét riêng - nếu không nói là hết sức nhân bản trong đời sống văn hoá của cộng đồng Raglai. Chúng ta cần quan tâm tìm hiểu luật tục, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản

sắc dân tộc trong công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá mà toàn đảng toàn dân đang cùng nhau thực hiện, trước hết là tại các *làng văn hoá* Raglai. Trong khi tại vùng đồng bằng, nhiều địa phương đang nghiên cứu vận dụng "hương ước", xây dựng mạng lưới "*hoà giải viên*", trong khi một vài quốc gia lân cận đang áp dụng mô hình "*đa phương luật pháp*" một cách có hiệu quả... thiết tưởng việc nghiên cứu vận dụng luật tục vào đời sống đương đại của các dân tộc ít người, trong đó có tộc người Raglai là công việc đáng được quan tâm.

Tới nay, do gặp nhiều khó khăn, việc điều tra thực địa sưu tầm tư liệu của chúng tôi chưa rộng khắp, nghiên cứu chưa sâu sắc toàn diện và có hệ thống, nhưng những gì hiện biết cho thấy luật tục Raglai khá phong phú, đề cập đến hầu hết hành vi hoạt động của mỗi thành viên trong cộng đồng.

Trong sưu tập này chúng tôi chép ra những dữ liệu thu thập được từ các "*đầu khôn người già*" (*ravuāq tuha*) trên một số địa phương trong tỉnh. Việc chuyển dịch từ ngôn ngữ Raglai ra tiếng Việt, chúng tôi cố gắng bám sát ngữ nghĩa của tiếng Raglai mà chúng tôi thu được bằng lời ăn tiếng nói của bà con thường dùng, tất nhiên đôi chỗ không hoàn toàn lột tả được tính chất dân dã, đặc điểm của ngôn ngữ gốc, và để dịch thoát ý nên khó tránh khỏi những từ tiếng Việt "hiện đại". Do vậy, chúng tôi cố gắng ghi chép đầy đủ tiếng Raglai để tiện tham khảo.

Trên cơ sở những dữ liệu điều tra thực địa trong thời gian qua, chúng tôi tạm sắp xếp nội dung luật tục Raglai

theo từng lĩnh vực, có phần dẫn giải trên cơ sở hiểu biết nông cạn của mình.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG XỬ VIỆC

Người Raglai dùng cụm từ "charanā gadha" nghĩa là *xử việc* hay *phân xử sự việc* để gọi một cuộc xét xử khi có sự vụ sự việc xảy ra; hàm ý phân xử, xét xử trên cơ sở vụ việc xảy ra là chính. Có những sự vụ sự việc chỉ có người vi phạm những điều cấm kỵ như: làm cháy núi rừng, trai gái ăn nằm vụng trộm trước hôn nhân... không có "*người kiện*" (yaq) hay hai người "*kiện nhau*" (yaq gưq) vẫn được đưa ra phân xử.

A1. Thành phần tham dự mỗi cuộc xử việc

Mỗi *cuộc xét xử sự vụ sự việc* (jưq catuōq peq charanā gadi gadha) nhất là các *sự vụ to sự việc lớn* (gadi inā gadha prōng) phải mời đầy đủ các thành phần sau:

A1.1. Chủ trì cuộc xử việc

Chủ trì cuộc xử việc gồm các nhân vật sau đây:

- *Chủ xử việc* (Po charanā) là người thông thạo luật tục, hiểu biết đầy đủ các phép tắc, lý lẽ của ông bà, nắm vững những điều kiêng to cỡ lớn, những điều kiêng cho xử sở cấm cho đất trời, đồng thời là người công tâm, có uy tín với cộng đồng chủ trì cuộc xét xử.

- *Chủ làng* (Po paloi) là người đứng đầu một làng, thường là một già làng có uy tín nhất đảm nhiệm cai quản điều hành mọi hoạt động trong làng, chủ trì các lễ tục cúng bái của làng.

- *Chủ núi* (Po chur) là người cai quản một vùng núi nhất định (có thể địa giới trùng khớp với một làng, có trường hợp địa giới thuộc Chủ núi cai quản gồm nhiều làng). Chủ núi là người thông thuộc địa hình, ranh giới chung và nhất là ranh giới, lai lịch nhiều đời từng khu vực, trong đó có sự thay đổi chủ sở hữu từng đám rẫy khu rừng. Chủ núi là người theo dõi việc bảo vệ núi rừng sông suối và đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các lễ tục có liên quan đến núi rừng sông suối.

Chủ làng và chủ núi là hai thành viên cùng tham gia việc xét xử các sự vụ sự việc bên cạnh Chủ xử việc. Tuy vậy, tùy theo từng sự vụ sự việc xảy ra có liên quan nhiều hay ít hoặc không liên quan gì đến phạm vi quản lý, quyền hạn của mỗi người mà chủ xử việc mời cả hai hoặc chỉ mời một trong hai thành viên này tham gia. Theo bà con, trường hợp chỉ một người tham gia là rất hãn hữu.

A1.2. Những người có liên can

Trong cuộc xử việc, những người có liên can trực tiếp đến sự vụ sự việc không được phép vắng mặt gồm có:

- *Người sai phạm* (manūih, ngāq voh gađi gadha hay mañi siol gađi gadha) - có thể là một hoặc nhiều người.

- *Những người kiện nhau* (po gadha hay manūih yaq gur)

- *Người làm chứng* (manūih pajap jiáp buh di mata) là người đã nhìn thấy tận mắt sự vụ sự việc, là thành phần quan trọng trong cuộc xử việc, nếu người làm chứng thu giữ được *vật chứng* (voh titai janāi pahān) đem trưng ra trước cuộc xử việc thì lời chứng càng thêm thuyết phục,

việc xét xử tiến hành thuận lợi, thoả mãn cả hai bên và mọi thành viên trong cộng đồng.

Về lãnh vực này người Raglai nói:

+ mata buh mũh crăn

bòq crăn anăn thou

- *nhìn tận mắt nhận được dạng*

nhận được mặt, biết cái tên

+ cadlai gadha pa-ăng,

mãq yaya ngăn,

mãq tangăn tai.

- *nói lời sự việc làm chứng,*

đưa tang chứng-vật chứng,

bắt tại tay.

+ voh titai janãi pahăn

bòq crăn anăn iou

haluh buh di mata

luca tamã pahăn dèq iaq

- *đồ vật chứng kiến đưa ra cho xem*

cái mặt nhận được cái tên kêu

có lũng rách thấy tận mắt

có gẻ lở thương tích đã chứng giám xem kỹ

Tất nhiên, xã hội luôn đòi hỏi người đứng ra làm chứng phải trung thực, lý lẽ chính xác thuyết phục, người Raglai ví:

+ Cadlai gadha pa-ăng yư manhĩ wâu calàc

- *Nói lẽ phải cãi sự vụ như dây điều cửa*

Do đó, khi có nhân chứng, vật chứng trung thực thì người có lỗi không còn đường nào chối cãi cho thoát được.

A2.3. Thành phần được tham gia vào quá trình xử việc (pajup patōm peq charanā gađi gadha) gồm có:

- *Người cãi việc* (manuĩh cadlai gadha hay manuĩh joh gadha) là người am tường luật tục, nắm vững phong tục tập quán, giỏi lý lẽ đồng thời có uy tín trong làng (không kém mấy so với Po Charanā) đứng ra "*bắt lẽ bề việc*" (joh gadha), bênh vực cho bên liên quan đến sự vụ sự việc mà mình đại diện. *Người cãi việc* thường là người trong họ hàng (cậu, chú...) của mỗi bên, cũng có thể là một "*đầu khôn người già*" ở trong làng được gia đình uỷ thác để bảo vệ quyền lợi cho người của mình.

- *Những đầu khôn người già* (ravuāq tuha) của cả hai bên, thường là cha mẹ, cậu chú... và cả những đầu khôn người già không có quan hệ họ hàng hoặc thân thuộc gì với cả hai bên. Thường mỗi bên cử một "*đầu khôn người già*" thay mặt đứng ra cãi việc bênh vực cho người phía mình, nhưng đôi khi lời nói của những người già khác cũng đều được tôn trọng.

- *Những người trong gia đình, họ hàng và tất cả dân làng*

+ Tôm gadha, jap jūm yūm tōm

vroi sit vroi viài gađi paya gadha patloh

patloh gađi inā patla gadha prōng.

- *Họp nhau xử việc, giáp mặt tham gia bàn luận sự việc tháo gỡ sự vụ phân minh dứt dặc dù sự việc to sự vụ lớn.*

Đều được mời đến đông đủ không chỉ để *tham dự* mà *tham gia* vào quá trình xử việc. Dân làng có thể trực tiếp bàn luận, hoặc góp ý kiến của mình cho người già, người cai việc...

A2. Địa điểm xử việc

Địa điểm tổ chức một cuộc xử việc mỗi địa phương một khác, trong quá trình điều tra thực địa chúng tôi ghi nhận mấy trường hợp:

A2.1. Tại nhà chủ núi hay chủ làng

+ Chu dahnỏq padỏq lanũh peq charanã
gađi dua gadha tlờu, gađi prỡng gadha gưỡng
tấp sàc acoq chượq po palỏi

- Nơi chốn phân xử xét xử

sự vụ hai sự việc ba, sự vụ to sự việc lớn

tại nhà đầu (chủ) núi chủ làng

A2.2. Trên sân hoặc trên bãi đất rộng thuận tiện trong làng Người già còn kể rằng: địa điểm xử việc thường tổ chức trên sân nhà (*lạt sàc*) hay bãi đất rộng (*dhợp blàc* hay *dhue prỡng*) bằng phẳng sạch sẽ và đủ rộng trong làng, có thể cạnh nhà chủ làng hay chủ núi miễn thuận tiện cho việc đi lại và đủ chỗ cho mọi người tham dự.

a. Người già Raglai cho biết: Trước đây, ngôi nhà dài truyền thống của người Raglai rất lớn, có những nhà cột to tới 4-5 tay. Cầu thang bằng hai cây gỗ lớn có chạm trổ. Từ sân đất bước lên thêm - là một sân rộng tới vài sải và chạy suốt chiều dài ngôi nhà đủ để "đánh trống múa mả la" và vui chơi trong các ngày vui. Những đêm gió mát trăng

trong thường tụ tập ăn trầu hút thuốc, nghe tiếng nhạc "*patdu tileng*" vọng về hoặc chơi sarakel, taliaq, canhī... hò hát chuyện trò. Sàn nhà cao hơn thêm chừng 1-2 gang tay và cao dần về phía sau, thường rộng gấp hai thêm. Gian nhà chính ở giữa nhà, cửa chính mở đúng nơi cầu thang lên và hướng thẳng đến "*cột nóc nhà cổ rượu*" (vavuc sàc sumàc tapai) phía trên cao. Gian chính đặt khung bếp của người chủ gia đình. Khi con gái lớn (cachua) lấy chồng về được dựng phòng ở nối vào phía bên phải gian chính, con gái kế (khrāh) dựng nối về bên trái phòng chính; lối đi vẫn vào cửa chính rồi rẽ men sát tường, đi qua dưới "giàn bếp" vào cửa phòng mình. Con út (tiluiq) lấy chồng được ưu tiên dựng phòng ngay phía sau tường gian chính...

Do cấu trúc như vậy nên các lễ lạt hội hè thường tổ chức ngay trong gian nhà chính vẫn bảo đảm đủ chỗ. Trong khi đó, nhà của Chủ làng, chủ núi, nhà có nhiều lao động (giàu có) thường to lớn hơn nên tổ chức cuộc xử việc trong nhà là bình thường.

b. Trong "sự tích về tên suối Đá Nhảy và ba ngọn núi cao nhất vùng Tô Hạp-Khánh Sơn" kể rằng: do ba "người" - ngọn núi có cùng tên, "người biết việc" hơn, có nhiều lý lẽ đến tận nhà "người" kia kêu ra đòi phải xử việc... Sau khi "bất lể bề việc" với nhau, cuối cùng bên thua phải chấp nhận đổi tên và tên các ngọn núi đó tồn tại mãi tới nay: *Chưq Cha àq* - Núi Qua, *Chưq Jamacuāiq* - Núi Tắm, *Chưq Hoq Vra Jamacuāiq* - Núi Hóc Gạo tắm-thường gọi là Núi Dốc Gạo. (Truyện cổ Raglai của Nguyễn Thế Sang - nxb Văn hoá dân tộc-Hà Nội- 1993). Tuy đây là tư liệu văn

học dân gian nhưng cũng xin nêu để tham khảo.

A3. Vị trí các thành phần tham dự cuộc xử việc

Về việc sắp xếp vị trí các thành phần tham gia và những vật dụng bài trí trong một cuộc xử việc, người Raglai có câu:

+ Pu paq dlòc, tlông ga ala

hã gadih, cưu ganĩ

- *Chúa (chủ xử việc) tận trên, ta ở dưới*

dãy các người hàng dọc phía kia,

tui hàng dọc phía bên này

Như vậy tại địa điểm xử việc dù diễn ra trên sân hay trên sàn nhà, vị trí của các thành phần tham dự được quy định rõ:

A3.1. Chủ xử việc, Chủ núi, Chủ làng ngồi ở *tận trên*, nếu trong nhà là ở phía sàn cao nơi đầu thêm, nếu trên sân bãi thì ở phía cao, đối diện với các thành phần tham dự.

Trước mặt những người chủ trì cuộc xử việc, người ta buộc một ché rượu cần (jro tapai) và có "sumàc" (mâm có chân bằng mây tre) đặt trầu cau, thuốc hút...

A3.2. Hai bên tranh chấp (*dua gah poh chaga*) ngồi thành hai dãy đối diện nhau theo thứ tự: các đầu khôn người già của mỗi bên được mời ngồi lên trên, gần với những người chủ trì xử việc, kế đến là những người cãi việc, người làm chứng và thân nhân của mỗi bên. Người trong làng đến tham dự ngồi tiếp theo hoặc xung quanh.

Tuy vậy, trong nhiều cuộc xử việc, vị trí của những người chủ trì cuộc xử việc và các đầu khôn người già không phân định rạch ròi (như ở "pháp đình" hiện nay như có người đã nói) mà hầu như hoà vào nhau và đều được mọi người tôn trọng. Các cụ cho biết, tuy nói rằng Chủ xử là người quyết định nhưng sự quyết định đó đều dựa vào kết quả "cãi việc" trong đó có ý kiến của những người già.

Trong những năm gần đây, các cuộc "xử việc" theo luật tục ở xã Ba Cùm Bắc thường được tổ chức trong trụ sở UBND xã, Chủ xử việc chủ trì nhưng thành phần tham dự gồm các chức danh đại diện cho chính quyền và đoàn thể trong xã, có cuộc có cả đại diện Ban Tư pháp huyện dự. Vị trí ngồi cũng không theo quy định của luật tục từ xưa. Điều quan trọng là kết quả hầu hết các cuộc xử việc đều "vừa phù hợp với luật pháp hiện hành vừa phù hợp với phong tục tập quán và luật tục Raglai mà người Raglai hiện vẫn tôn trọng".

A4. Thời gian xử việc

Thời gian tiến hành và nội dung cuộc xử việc do những người chủ trì cuộc xử việc: Po Charanā, Po Paloi và Po Chưq thông báo:

+ Iơu tōm charanā paq pu, paq paloi tanāh,
acoq pu prōng catōng uliq, po chưq, acoq paloi
- *Kêu / mời tụ họp phân xử do chúa, do làng
đầu lớn quản lý, chủ núi, đầu làng*

Tuỳ mức độ phức tạp, nghiêm trọng của sự vụ sự việc mà cuộc xử việc kết thúc nhanh hay chậm; có những "sự vụ to sự việc lớn" (gadi prōng gadha ghōng) có nhiều tình

tiết phức tạp, cuộc xử việc có khi kéo dài đến hai ba ngày liền mới kết thúc. Do đó, trước hết mọi người phải lo ăn cho no. Đây có lẽ là tục lệ được lưu truyền từ xưa và trong thực tế các cuộc xử việc thường mất rất nhiều thì giờ nên phải:

+ Bơc troi caloi catuaiq,

Lumāh pruai cadlai gadha

- Ăn cho no để đi đào bới gò mối,

(hầu hạ) nói rạch ròi lẽ phải với sự vụ

A5. Quy trình một cuộc xử việc

A5.1. Trường hợp thông thường:

Chủ xử việc (Po charanā) mở đầu cuộc xử việc. Bằng những lời vấn tắt nêu lên vụ việc được đưa ra xét xử, nêu tên những người có liên quan (người bị coi là có lỗi/tội, người có tài sản hay nhân thân bị xâm hại...)

Sau đó hai bên lần lượt trình bày diễn biến vụ việc...

Diễn biến chủ yếu trong một cuộc xử việc là quá trình "cãi việc"; những người làm chứng, người cãi việc, các đầu khôn người già... của cả hai bên đưa ra mọi bằng chứng lý lẽ để cãi việc (bây giờ ta dùng chữ *tranh luận*), một bên vận dụng mọi tình tiết, lý lẽ cần thiết để tự bào chữa, bênh vực cho mình, một bên xác định những sai trái, lỗi/tội của người đã phạm vào luật tục, nhằm làm sáng tỏ vụ việc, sáng tỏ đúng sai, vạch rõ hành vi và mức độ lỗi/tội, nêu hình thức xử phạt thật công minh.

Thường sau khi trình bày ý kiến của mình, những

người thay mặt cho mỗi bên luôn hướng về bà con dân làng thuộc bên mình để thu nhận ý kiến đóng góp, chuẩn bị cho lần "cãi việc" tiếp sau, chúng tỏ vai trò chủ động của mọi người tham dự.

Trong quá trình xử việc, từ Po Charana, đầu khôn người già, người cãi việc... đều vận dụng *thành ngữ tục ngữ, phong tục tập quán, những điều kiêng cử cấm kỵ và luật tục đã hình thành từ ngàn xưa* (hầu hết được thể hiện dưới dạng "lời nói vần" (đờp pacap) có liên quan để "bất lẽ bẻ việc".

A5.2. Trường hợp gay cấn

Trong thực tế có thể xảy ra mấy trường hợp:

+ Trường hợp sự việc chưa đủ chứng cứ, không có nhân chứng vật chứng, lý lẽ của những người tham gia xử việc và kết luận của người Chủ xử việc chưa thoả đáng làm cho người có tội cảm thấy còn bị oan nên kiên quyết không nhận tội.

+ Trường hợp lỗi/tội đã rõ ràng nhưng người phạm tội ngoan cố không chịu chấp nhận kết luận của người Chủ xử việc dù đã có đủ nhân chứng vật chứng và lý lẽ của các người cãi việc và các đầu khôn người già cũng như mọi người tham dự.

+ Trường hợp do chính người Chủ xử việc (Po Charanā) vì một lý do nào đó lại "muốn làm oan cho người khác"

+ *Pađiq pachuat voh gadha*

Pasuaiq pachoh voh gadha

Patleq soh pachoh lor

Pahiuq voh gađi, padi voh gadha

- Vu cáo bịa đặt việc sự vụ

Sanh chuyện xê dịch việc sự vụ

Kết luận kết tội sai lệch láo toét

Đổ tội sự việc, viện cớ việc sự vụ

Thậm chí còn có lúc còn:

+ Pataq ataq màc pachhac darah

Paduc dơi paluoi rùp,

Pagraq pachol pahol pahla

- *Đổ tội án mạng nợ máu*

Thân ù li người li lợm

Cố tình bảo thủ hãm he dọa nạt

thì dẫu những người bắt lẽ bẻ việc, người làm chứng đã đưa ra đầy đủ lời chứng, vật chứng về hành vi phạm tội thì cuộc xử việc không còn khách quan nữa, bị lái sang một chiều hướng khác.

A 5.3. Các hình thức "thủ tội"

Những trường hợp gay cấn nêu trên chỉ là hãn hữu, thường là những người bị hại, không có lỗi mà bị xử ép, bị oan sai nên buộc phải "cachah"- có nghĩa là *thách thức* hay *thi*, từ lâu vẫn gọi là *thử* hay *thử tội* để giải oan cho mình.

Nói về các hình thức "*thi nhau*" (cachah gưq) để xác định người thắng là người không phạm tội và người thua là người phạm tội, luật tục Raglai có câu:

+ Cachah nhũq ia titua vraq nhũq ia đũa chai...

Thi lặn nước, bắt kim trong nước sôi, đọi chai...

* *Thi lặn nước*: Po Charana cùng mọi người trong cuộc xử việc đưa hai người "thi nhau" ra bờ sông hay suối, chọn nơi nước sâu đến cổ, thường xa bến nước ăn. Theo hiệu lệnh của Po Charana, hai người lội xuống nước đứng cách xa nhau chừng hai sải tay. Po Charana nhắc lại cho hai người và cả cộng đồng làng chứng kiến kết luận cuộc xử việc, ai có tội ai không, ai là người thách thức (cachah) và cả hai người đã chấp nhận thi nhau lặn nước... Trước khi "thi nhau" (cachah gưq), họ *khấn vái đất trời, lạy hương mặt trời mọc năm lạy, lạy hương mặt trời lặn bảy lạy, lạy vong hồn tổ tiên ông bà cha mẹ...* (Cacuh da-a ia huruoi vrùq lumã cuhnã ia huruoi tamã tijuh vñhãq ahùq asur mủq coi awoi amã...) và họ tin rằng sẽ được chở che phù hộ cho họ giành phần thắng.

Sau khi có hiệu lệnh (thường là tiếng mõ) phải lặn sâu xuống nước không để phần thân thể nào lộ lên trên mặt nước. Cuối cùng ai ngoi lên khỏi mặt nước trước là thua cuộc - tức là người có lỗi/tội.

Luật tục Raglai không cho phép người lặn thay.

* *Thi bắt kim trong nước sôi*: Ngay tại nơi xử việc, trước đông đủ mọi người, người ta đặt một nồi nước lớn trên ba đá táo, thả vào nồi hai cây kim may và đốt lửa cho nước sôi chừng 10 - 15 phút. Lúc này hai cây kim theo nước sôi chạy lung tung trong nồi...

Sau khi Po Charana nhắc lại kết luận cuộc xử việc, kêu hai người đến hai bên nồi nước đang sôi. Mỗi bên còn có một người đại diện ôm theo một con gà (thường là gà trắng). Bắt đầu cuộc thi, hai người đại diện cầu khẩn thần

linh (iou Yàc, tathợp Yàc) trời đất, ông bà... thề rằng phần đúng thuộc về mình và cầu mong thần linh ông bà phù hộ cho mình thắng cuộc. Sau khi cầu khẩn, họ thả hai con gà ra. Con gà của người đúng sẽ khoẻ mạnh, con gà của người có tội sẽ dờ dẫm hoặc có thể chết (?)

Sau đó, hai người thọc tay vào nồi nước đang sôi để bắt cây kim may ra. Ai bị bỏng bị thua cuộc, người không bị bỏng thắng cuộc (?) Thường thì không ai bắt được kim, chỉ có người nào rút tay ra khỏi nước sôi trước người kia thì bị thua mà thôi.

Cuối cùng, Po Charana kết luận và xác định người phạm lỗi/tội (manuĩh vida gadha) và nêu các hình thức phạt lỗi.

* *Thử tội bằng cách "đổ chì"*: Thử tội bằng cách "đổ chì có nhiều cách, mỗi địa phương các người già kể một cách khác nhau, sau đây nêu hai cách:

+ Người ta đặt lên bếp một tấm thiếc phẳng (hoặc một cái chảo lớn), lấy một thỏi chì hình trụ, mài một đầu thật bằng, dựng đứng lên tấm thiếc/đáy chảo như kiểu dựng nến. Po Charana kêu hai người tranh chấp ra ngồi hai bên. Cạnh họ cũng có hai người đại diện ôm gà ra cầu khẩn thần linh ông bà... Sau đó, người ta nhóm lửa đun dưới đáy tấm thiếc/đáy chảo... Chì bị nóng chảy và đổ (ngã) về phía ai thì người đó là kẻ có tội (!)

+ Người ta đem chì nung chảy, đưa người được thử tội ra trước cộng đồng làng, giửa bàn tay ra trước mặt rồi đặt lên lòng bàn tay một xấp bảy lá trầu. Sau đó, những người

được thủ tội khẩn khứa thân linh... Khẩn xong, người ta rót chì đang chảy loãng lên trên xấp lá trầu... Quan niệm rằng người có tội thế nào cũng bị Giàng phạt thì cả bầy lá trầu và bàn tay bị lúng!

* *Thi đội chai* (Đua chai) chỉ là cách nói, cụ thể cách thủ như sau:

Hai người tranh chấp nhau, người này cho người kia là có tội hoặc người có tội mà không chấp nhận phải quỳ gối, cúi đầu trước cộng đồng để những người chủ trì xử việc. Đốt trầm kỳ, tô hạp... Những người phải thủ tội khẩn vái kêu các thần độc về với những lời thề độc địa nhất trước khói hương trầm kỳ tô hạp đang bốc lên... Quan niệm rằng: người có tội thì thần độc sẽ bắt hồn họ đem đi hành hạ hoặc bị "ó ma lai" ăn thịt, sẽ phải chết không chỉ bản thân mà cả gia đình nữa...

+ Trước khi vào cuộc "*thi nhau*" (cachah gưq) hai người đến cùng niệm cầu khẩn bái nhang Giàng, Trời Đất, Ông Bà... cùng với người đại diện của mình. Họ tin tưởng rằng khi mình làm đúng, không có tội thì được các thần linh trên trời dưới đất cũng như ông bà che chở phù hộ cho họ thắng cuộc. Và có lẽ do niềm tin này mà hầu hết những người có tội do ảnh hưởng tâm lý nên đều thua cuộc và phải chấp nhận hình thức xử phạt?

Dẫu các cuộc "thi" đó kết quả thế nào vẫn là việc làm phản khoa học, đáng tiếc là cho tới nay đây đó vẫn còn tiếp diễn, cần có biện pháp thích hợp để sớm xoá bỏ.

B. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA LUẬT TỤC RAGLAI

Xuất phát từ nền tảng kinh tế xã hội chưa phát triển, cộng đồng tự quản, hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên với tín ngưỡng đa thần ăn sâu vào tâm thức... luật tục Raglai có những đặc điểm cơ bản như sau.

B1. Tinh giáo dục cao:

Người Raglai nói: "pato pachhai pato ideq" có nghĩa là *thường xuyên bảo ban dạy dỗ làm theo cái đúng điều hay* do vậy, ngay từ trong *tục ngữ thành ngữ Raglai* (pacap Raglai) có một khối lượng khá lớn chứa đựng nội dung có tính giáo dục nhằm nhắc nhở, khuyên lơn, răn đe mọi người *"làm điều tốt, tránh điều xấu"*, gìn giữ *phong tục tập quán* (cha panuãiq), tuân thủ những điều *"kiêng to cũ lớn"* (ukhit prõng pical ghõng), không phạm phải những điều *"cấm kỵ cho xử sở, kiêng cũ cho đất trời"* (cot ga lagar, pical ga langiq) theo chuẩn mực đạo đức văn hoá truyền thống của cộng đồng dân tộc hình thành và truyền dạy qua bao thế hệ. Và vượt qua giới hạn của những quy ước đó, luật tục là hình thức giáo dục cao nhất của cộng đồng.

Tinh giáo dục được đề cao không ngoài mục đích xây dựng lối sống phù hợp với điều kiện hoạt động kinh tế và sinh hoạt văn hoá, nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng tộc người thể hiện xuyên suốt từ nội dung luật tục đến quá trình xử việc và thực hiện hình phạt.

Quan sát diễn biến quá trình xử việc thấy rõ rằng mọi người tham gia cuộc xử, nhất là những người chủ trì xử việc, người "cãi việc" và các "đầu khôn người già"... đều sử

dụng hầu hết những "lời nói vẫn" (đờp pacap), đó chính là những tục ngữ thành ngữ, những điều kiêng to cũ lớn, những phong tục tập quán... mà từ tấm bé đã được người già truyền dạy, ai ai cũng thuộc, cũng nhớ...

Chính xuất phát từ một hệ thống giáo dục dân gian từ thấp đến cao như vậy nên có những *lời nói vẫn* (đờp pacap) vừa là *tục ngữ thành ngữ* (pacap) vừa nêu sự việc để giáo dục khuyên lơn răn đe vừa là *luật tục* (adāt panuāiq) nếu ai vi phạm phải đưa ra xử việc.

Ví như trong lãnh vực quan hệ nam nữ, pacap Raglai có những câu khẳng định quan hệ vợ chồng không chỉ là hạnh phúc riêng tư:

+ Sudiq ràc di dada,
vra ràc di cadoh
- *vợ người ta tại ngực,*
gạo người ta trong bầu

mà vợ chồng - gia đình chính là cơ sở của sự duy trì và phát triển giống nòi dân tộc:

+ Sudiq buh vusàc buh
còh gadha hudìq vujeh jaròc
- *vợ có, chồng có*
là có sự sống giống nòi

Do đó, không ai có quyền phá vỡ quan hệ thiêng liêng này, người nào có hành vi phá hoại cuộc sống vợ chồng người khác là người không chỉ phạm tội với các thành viên trong gia đình mà còn xúc phạm tới ông bà tổ tiên xưa, có tội lớn với cả cộng đồng, làm thần linh giận dữ. Người nào

không tiếp thu sự giáo dục, có hành vi sai trái là điều vô cùng nguy hiểm. Tổ tiên Raglai xưa đã cảnh báo:

+ Sudiq ràc vusàc gưq

brơp wāu djrāu pơ

- *vợ người ta chồng người ta*

mũi tên xoáy cây nửa bay

nên phải tránh xa, chớ nuôi dục vọng thấp hèn

+ Sapo ahōng achōng malōng,

un caya ràc sapo lèq caya dơi vloh

cumơi sudiq uràc vù ahōng achōng malōng

lèq cumơi dơi sudiq caya dơi!

- *Hám tham mơ tưởng nuôi mộng*

heo của người ta mà cho là heo của mình

cô gái vợ người ta mà hám tham mơ tưởng

là cô gái của mình vợ của mình!

Phải từ bỏ ngay ý nghĩ xấu xa nếu không sẽ dẫn đến hành vi tội lỗi mà hậu quả khó lường, không khéo đôi khi còn dẫn tới những "sự vụ to, sự việc lớn" mà cả cộng đồng không thể nào tha thứ, như

+ Thlưq gưq matai, pamatai gưq lavuh

- *Đâm nhau chết, giết chết nhau ngã gục*

Còn có thể nêu nhiều dẫn chứng về "hệ thống giáo dục" này thuộc nhiều lãnh vực khác như lời ăn tiếng nói, hành vi giao tiếp ứng xử, trộm cắp của cải, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước...

Từ đó, có thể nói, trong xã hội sơ khai, khi chưa hình

thành giai cấp, chưa có nhà nước (quân đội, toà án, nhà tù,...), chưa có trường học... luật tục Raglai là một hình thức giáo dục cao nhất trong hệ thống giáo dục dân gian, một hệ thống giáo dục mang tính tự giác cao.

B2. Tính dân chủ:

Như ở một số tộc người anh em, trong sinh hoạt cộng đồng, nhất là trong hưởng thụ các quyền lợi chung (cả vật chất và tinh thần), người Raglai thường nói "du gưq du gưq" - *bằng nhau bằng nhau* nhằm diễn đạt sinh hoạt dân chủ, sự bình đẳng, công bằng.

Trong mỗi cuộc xử việc dù lớn hay nhỏ, trước hết thể hiện ở thành phần tham dự ngoài những người chủ trì cuộc xử việc, những người có liên quan đến sự việc còn có những người làm chứng, người cãi việc và những "đầu khôn người già" của cả hai bên cùng tham gia tranh cãi. Ngoài ra, những người trong họ, trong làng vẫn có trách nhiệm theo dõi trao đổi với người cãi việc hay người già để thay mặt mình phát biểu, nếu cần thì ai cũng có quyền trực tiếp bày tỏ công khai ý kiến của mình trước cộng đồng nhằm góp phần "bắt lẽ bẻ việc" làm cho sự vụ sự việc được sáng tỏ, phân định rõ đúng sai.

B3. Tính hòa giải

Trong xã hội Raglai, mỗi khi có sự vụ sự việc xảy ra dù nhỏ hay to, việc *hoà giải* (tara gưq) giữa những người có liên can luôn được coi trọng. Trước hết, trong gia đình mọi người cùng bảo ban nhau, sau đó là *hoà giải trong dòng họ* (tara apoc pitiàt), nếu không có kết quả mới đưa ra *làng* (paloi) xử việc. Điều này cho thấy, cũng như tính giáo dục,

tính chất hoà giải được đặt ra trước khi vụ việc buộc phải đưa ra cộng đồng làng. Do vậy, dù là sự việc to sự vụ lớn, các cuộc xử việc vẫn *lấy hoà giải làm chính*.

Về lãnh vực này, từ xa xưa, luật tục Raglai lưu truyền

+ Traq traq sidjuol sidjuol

vaq vaq matāh matāh

- *Nặng nặng nhẹ nhẹ*

đầy đầy lưng lưng

nhằm nhắc nhau trong cuộc sống ai ai cũng có lúc nặng lúc nhẹ, lúc đầy lúc vơi, lúc cao lúc thấp, lúc phải lúc quấy... Nên luôn luôn giữ thái độ chừng mực trong mọi lúc mọi nơi; khi một thành viên trong cộng đồng phạm phải lỗi lầm, mọi người tham gia xử việc luôn nhớ

+ Pùq traq mǎq sidjuol

- *Đặt nặng lấy nhẹ*

+ Pùq dlòc jù dòq viar

- *Đặt cao xử thấp*

Luật tục có câu:

+ Ula pùq sato ganāq vara

khư choh paq palàt tacai

- *Con rắn góc đầu ngang bả vai*

nhưng chỉ cắn nơi bàn chân

Người xưa dùng hình tượng cụ thể, một quy luật tự nhiên mà ai cũng biết con rắn, con trăn gió khi di chuyển đầu góc cao ngang bả vai, cuốn gió bạt lá rừng ào ào làm ai cũng phải khiếp sợ nhưng chỉ cắn người nơi bàn chân hướng hồ là người trong cộng đồng sớm tối có nhau... Có lẽ

đây là những lời khuyên nhủ được cả cộng đồng chấp nhận nên trở thành "lệ", nếu không muốn nói *hoà giải là chuẩn mực trong sinh hoạt cộng đồng và trong nội dung luật tục*. Vì vậy, trong các cuộc xử việc, mọi người tham gia "bắt lẽ bẻ việc" cho đến khi - không chỉ làm cho người có lỗi - mà cả cộng đồng đều nhận rõ hành động đúng sai của cả hai bên mới là điều quan trọng.

Họ tin rằng:

+ Awèt janĩng buh mǎq ruǎq hadu
pavoq djũnq dalap ia khũng sah khũng hai
Ruvai situq sa-ừq khũng tava va boc jóc
*- Củ khoai rừng có độc tới đâu
ngâm mãi dưới nước có bao nhiêu chất độc cũng tan
Hột đậu cút luộc chắt bỏ nước nhiều lần
chất độc cũng bay cũng ăn được*

Vì vậy họ tin vào người thân trong gia đình, người anh em trong xóm làng sẽ trở thành người tốt khi cả gia đình và cộng đồng cùng yêu thương đùm bọc dìu dắt xẻ chia.

B4. Tính nhân đạo - Hình phạt không cao

Xuất phát từ tính chất, đặc điểm cơ bản của luật tục Raglai là giáo dục, dân chủ, hoà giải như đã nêu trên nên hình phạt cho từng lỗi/tội quy định trong luật tục, không cao về giá trị kinh tế, không có đòn roi, có thể nói *phạt nặng không phải là mục đích chính của luật tục*.

Có thể lấy hình phạt của một vài tội danh trong luật pháp hiện hành để nhìn lại các lỗi/tội tương tự trong luật tục. Tất nhiên "sự so sánh nào cũng khập khiễng", nhất là

tình hình kinh tế xã hội mỗi thời một khác nên có thể chưa thoả đáng. Tuy nhiên, nhìn vào bản chất, mục đích cuối cùng và kết quả những vụ việc được phân xử theo luật tục tại địa phương trong thời gian gần đây có thể góp phần làm sáng tỏ.

Ví như hành vi cưỡng dâm là một tội nặng, nhưng mức phạt cao nhất cũng chỉ phải đền bù hai mặt mã la và ché rượu cần với con gà để làm lễ cúng tẩy rửa tội lỗi. Điều đáng quan tâm là người có tội nhận rõ mức độ tội lỗi của mình, sau khi hứa hẹn thần linh, với gia đình làng xóm... lại được cả cộng đồng đùm bọc cứu mang giáo dục trở thành người tốt.

Những người tính tình hung hãn hay kinh cãi đánh lộn với người xung quanh đến mức gây ra chết người luật tục quy là phải đền mạng:

+ Vhiài majai dai atòc

Chau vluc thoc đầu chau tahu

Ruc rai vrai năm

Pichah cadoh joh đit

- *Hay kinh cãi đánh đấm*

Nóng nảy bụng gươm dao đâm chém

Làm tan bầy lạc đàn

Làm bể bầu (đựng nước cốt rượu) nát cần rượu

hắn đã mắc tội nặng, hắn đã gây ra sự việc lớn:

+ Gadha màc darah

jừ pamatai manuĩ jừ vayar màc

- *Sự vụ mạng máu*

thì phải giết người, thì phải đền mạng.

Luật tục nói vậy nhưng người già cho biết từ trước tới nay người phạm tội chỉ phải "*đền mạng*" cao nhất là 5 mặt mã la cùng heo gà rượu cần để cúng tẩy rửa tội lỗi với thần linh trời đất ông bà.

B5. Yếu tố tâm linh trong luật tục

Xuất phát từ bối cảnh xã hội chưa phát triển, nhận thức của con người tự nhiên còn hạn chế, tín ngưỡng đa thần bao phủ cuộc sống của cộng đồng nên luật tục mang đậm yếu tố tâm linh là điều không có gì khó hiểu. Do vậy, bất kỳ việc nhỏ hay vụ lớn, lỗi nhẹ hay tội nặng, ngoài của cải mà người phạm tội phải bồi thường cho người bị hại, mức phạt bao giờ cũng kèm theo *lễ vật cho việc cúng tạ thần linh tổ tiên ông bà, tẩy rửa tội lỗi của người phạm tội*.

Với tội nhẹ đôi khi chỉ "*rượu rót bát, con gà cắt cổ*" cầu cúng xong hai bên cùng vui vẻ với nhau và với cả xóm làng

Với các tội nặng, bên cạnh của cải của người có tội bồi thường cho người bị hại thường rất lớn so với hoàn cảnh kinh tế chung còn rất nghèo nàn của bà con trước kia cũng như hiện nay, từ 3 đến 5 mặt mã la- một trong 5 loại tài sản quý giá nhất cả về tinh thần và vật chất của người Raglai (mã la, con trâu, mâm thau, nồi đồng, ché ủ rượu cần cổ: *chhar, cuvau, salau, goq, cheh jro*) nên nhiều người không đủ sức lo liệu, buộc mọi người trong họ hàng phải cùng chung sức đóng góp mới đủ).

Trước hết phải sắm xấp vải trắng, áo trắng mới cho Po Chuq, Po Paloi mặc làm lễ... sắm lễ vật khá tốn kém (từ 3 đến 5 ché rượu cần, heo từ 3 đến 5 tay, gà 5-6 con) còn đòi hỏi phải tìm được các con vật hiến tế khá cầu kỳ như đôi

gà lông trắng - được coi như sứ giả bay đi báo cho các vị thần trời, đôi gà lông đen - sứ giả của các vị thần đất và báo ông bà biết mọi việc đã xong xuôi.

Ở một số làng thuộc các xã Sơn Lâm, xã Thành Sơn, huyện Khánh Sơn và một số làng thuộc huyện Khánh Vĩnh, sau khi xử việc về tội loạn luân bà con lập đàn tế lễ trời đất hết sức nghiêm trang thành kính.

Với tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh, khắp trên trời dưới đất từ núi rừng nương rẫy, ngọn suối dòng sông, gốc cây khối đá... đều do thần linh cai quản, vạn vật được "*thiên hóa*" đã ăn sâu vào đời sống tâm linh tộc người nên trong sinh hoạt, sản xuất bình thường người Raglai đều làm lễ cầu cúng mỗi khi bắt đầu công việc, từ đó họ tin rằng ai gây nên tội lỗi là người đó đã xúc phạm đến thần linh, làm ô uế như nhóp đến ông bà tổ tiên, nếu không làm lễ cúng tẩy rửa tội lỗi "*cầu xin, hứa hẹn với thần linh*" (iơ Yàc, tathơp Yàc) thì thần linh sẽ giáng họa gây bão lụt hạn hán cháy lúa chết bắp, đất sụt núi lở, gây hiểm họa dịch bệnh chết chóc cả làng xóm...

Phải thừa nhận rằng việc "*thiên hoá núi rừng sông suối*", việc "*thừa nhận quyền sở hữu đất rừng luân phiên canh tác của các dòng họ*" và giao toàn bộ núi rừng cho Po Chưq quản lý giữ gìn những điều kiêng cữ cấm kỵ, những phong tục tập quán, những nghi lễ cầu cúng các thần linh (Yàc chưq, Yàc Ia) và những công việc có liên quan theo luật tục trong điều kiện xã hội trước đây đã góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh mối quan hệ

hữu cơ giữa con người và thiên nhiên suốt một chặng dài lịch sử vùng đất.

Lễ cúng sau mỗi cuộc xử việc không chỉ để người có tội tiến hành các nghi thức nghiêm trang tạ tội với thần linh, với tổ tiên ông bà (Pól pu saganā ganā ganuar, Pól sumlah Mủq Cơi), *"Khẩn cầu với Chúa thần Tổ tiên núi non xứ sở"* (Bop buôn di Pu Via Inā chưq lagar) mong được trở lại an lành như trước, không nổi giận trừng phạt kẻ có tội cũng như xóm làng mà *còn có tác dụng cụ thể thiết thực hơn: Nghi lễ cầu cúng nhằm mục đích tạo bối cảnh cho người phạm tội trực tiếp tạ tội với người bị hại, hứa hẹn với cả gia đình họ hàng làng xóm; đây là việc làm có ý nghĩa không kém phần quan trọng giúp hai bên hoà giải với nhau, tất cả đều diễn ra trước sự chứng kiến của cộng đồng.*

+ Bơc gadha, vưq càc pavàc muvah

po peq charanā gađi inā gadha ghoŋg

- người chủ xử ăn đồ chuộc lỗi lầm,

công ngăn miệng cấm lưỡi và những lời nói trong cuộc phân xử vụ to việc lớn, và cuối cùng, không chỉ giữa hai người mà cả hai bên, cả cộng đồng làng cùng ăn cơm uống rượu vui vẻ với nhau, cùng nhau nói lời cam kết một cách chân thành:

+ Voh sadaq oh ralaq paq vahrou giq wừq,

còh ralau wăc ralau wănq vloh

- chuyện cũ bỏ qua không nhắc lại nữa

là đã thành chuyện cũ thành quá khứ rồi,

từ đó về sau trở lại quan hệ bình thường, người có lỗi/tội

không tái phạm, không một ai trong cộng đồng thành kiến đố kỵ, cùng làm ăn trong tình làng nghĩa xóm, trong tình yêu thương đùm bọc của cả xóm làng.

Theo các người già Raglai, không kể thời kỳ trước năm 1945, trong những năm gần đây, hầu hết các vụ việc xảy ra được đưa ra xử việc tại các làng xã - cả những vụ việc nghiêm trọng như giết người, loạn luân... đều thấu tình đạt lý và kết quả cao nhất là người phạm tội được cả cộng đồng quản lý giáo dục giúp đỡ không những không tái phạm mà đã trở thành người làm ăn lương thiện hoà hợp với cộng đồng, sống theo phong tục tập quán, luật tục và pháp luật nhà nước.

Đây là điều cần quan tâm nghiên cứu ứng dụng vào từng địa bàn phù hợp nhằm thực hiện điều Đảng ta đề ra là làm cho dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

CHƯƠNG BA

NỘI DUNG LUẬT TỤC TRUYỀN THỐNG RAGLAI

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Pùq acoq ravuãq, jap acoq tuha peq charanã gadi peq payah gadha peq patloh

- Triệu / Mời đầu người khôn, họp / mời đầu người già phân xử sự việc tháo gỡ sự vụ phân xử cho dứt dạc.

2. Tõm gadi gadha, puaiq charanã gadi gadha

- Tự tập về sự việc sự vụ, lý lẽ phân xử sự việc sự vụ

3. Tõm gadi gadha buh buh avih

Mũ gõn gưq jớq mũ gõn dơi

Vanah variau apoc pitiàt pùq padoc chhoc vroi

Buh mũ Po Chuq, Po paloi, Po charanã va patloh...

patloh payah gadi dua gadha tlou,

gadi inã gadha prõng... paleq voh pajoh thàt

ga voh chhũnq hàiq dlàiq madueh.

Pùq traq mãq sidjuol, pachac chìq rìq dor,

Wờq buh di huruoi biaoq viaq di huruoi didoi,
Huoiq ga đờp sa dua đờp nău đờp măi wờq...

- Tu tập về sự việc sự vụ có hết thảy

*từ bọn người cần thiết từ bọn người các phía,
bên phía họ hàng giúp đỡ nâng đỡ nếu được phép
Có từ Chủ núi, Chủ làng, Chủ xử việc hướng dẫn*

phân xử

*phân xử tháo gỡ dứt dục sự việc bằng hai sự vụ bằng ba,
sự việc to sự vụ lớn... kết luận việc dứt dứt kết tội
đến việc cành nhánh việc phạt việc hại việc tạ lỗi đền tội.
Đòi nặng bắt nhẹ, giao ước cho bền cho chắc
Để ngày nay về sau không có việc xảy ra tại ngày nào đó,
Sợ lời nói tin đồn bậy bạ lời ra tiếng vào, lời đi tiếng lại...*

4. Tôm patloh gadi gadha bēn

Tôm tấp sàc po ngăq gadha

Gadha prōng nău tời paloi tanăh

urac-peq charană va patloh payah

voh gadi dua gadha tlou

Ngăq ga churq luhai ngăq ga dlai aga

buh dòq poh runhăm gưq ta-oh

- Tu tập (phân xử) dứt dục sự vụ nhỏ

Tu tập tại nhà chủ gây sự vụ

Sự vụ to lớn đưa tới làng xử

người ta phân xử cho dứt dứt

giải quyết sự vụ bằng hai sự việc bằng ba

cho núi đồi yên tĩnh, cho rừng cây rục ánh bình minh

không còn cầu xé tranh giành nhau gì nữa.

5. Gadi tayah gadha tloh

Yừ đờp phăng vrai cadlai phũng broh

nhũ si tloh voh gadha tayah voh gadi

Cadlai ùc cahnũq luq luq gul gul dòq gadha sa khuc

gadi oh tayah, gadha oh tloh, charanã joc oh

- Sự việc tháo gỡ sự vụ dứt dứt

Thì nói tiếng rành rọt nói lời lý lẽ thẳng ra

nó mới dứt dạc sự vụ tháo gỡ sự việc

Lời nói áp a áp úng lúng túng vẫn còn sự vụ một cục,

sự việc không rạch rời, sự vụ không dứt dạc,

không phân xử được.

6. Dadi dadoc viaq viài malap malau prõng ghõng

- Thực sự quả thực là ghê gồm đích

thực là chuyện to lớn

7. Jãc ghờh khờh ganrũh gaval

Ganrũh cõu dũh tac, gaval cõu gõq dac taq liq

- Tài giỏi thông minh lanh lợi anh hùng

Cứng cỏi tui chống trời, tài giỏi tui bứt dây đập đá

8. Crec acoq khac tacuai laduh droi magõi acoq oh

Sap sanãp camlah muvah padol

Joh voh gadi padi voh gadha

Peq charanã giđi payah gadha patloh,

Patloh gadi dua gadha tlõu,

Patlah gadi prõng gadha ghõng

- Cứng cái đầu vững cái cổ

*người không lay đầu không động đây
Lời nói chối cãi cái miệng phản bác
Bác việc đổ lỗi đổ tội sự vụ
Phân tích phân xử sự việc tháo gỡ sự vụ dứt dặc
Dứt dứt sự việc bằng hai tháo gỡ sự việc bằng ba,
Giải toả cho sự vụ to sự việc lớn.*

9. Ula pùq sato dluh ganāq vara

Jừ choh paq palat tacai
- Con rắn góc đầu ngang vai
Thì chỉ mỏ (cắn) ở bàn chân

10. Pùq dlòc jừ dòq viar

- Đặt cao xử thấp

11. Pùq traq mãq sidjuor

- Đặt nặng xử nhẹ

12. Pùq patơu rơu sula siaq

- Nhắc đá dọn lá rác

13. Anảq hĩa oh thơu amã awơi lapa

Ngãq gadha oh thơu jờc chhar oh
- Con khóc (mà) không biết mẹ đói
Phạt tội (mà) không biết có mã la hay không

14. Padiq pachuat voh gadha

Pasuaiq pachoh voh gadha
Patleq soh pachoh lor
Pahiuq voh gađi, padi voh gadha
- Vụ cáo bịa đặt việc cho sự vụ
Sanh chuyện xê dịch việc của sự vụ

Kết luận kết tội sai lệch láo toét

Đổ tội sự việc, viện cố việc sự vụ

15. Caya sa dlaiq tlou

- Lấy một đên ba

16. Rabāh vruāq tacai dleh tacai rai hūq

Viq chíc upah carah tūq

- Phí công mất sức mỗi chân tháo mồ hôi

Phải có chiêng trả nhĩn đên

17. Poq charanā gadi gadha cha panuāiq

- Phân xử sự việc sự vụ phong tục tập quán

18. Ganūh ula gadha ruai

- Từ chỗ con rắn chết người bị xử chết oan (sự tích)

19. Toh ula pachapaq mǎq manāq pagui

- Người đập con rắn chết gài bẫy

bắt người khác gánh tội

20. Pahiūq voh gadi pađiq voh gadha

- Đổ lỗi sự việc đổ vạ sự vụ

21. Pahiūq padi pahi pahuōiq,

Palòc pathìq pahi Pa-hulau

- Đổ lỗi viện cố hù dọa cho sợ,

Gạt gắm lừa lọc hù dọa lừa đảo

22. Gagraq taq crām hua garah la-o va paq phut

còh hua lèq si truh tahluh lèq si magoi

- Làm ngược chặt tre mà kéo từ ngọn đến gốc

là kéo sao xuống được lôi thế nào cho động đây.

23. Gagraq taq crām pajrām la-o

chhuēng gah la-o vù padar gah phut
Phut gađi inā gadha prōng paq nhũ vù padar ga droi
Uhĩa còh manũih cadlai gadha
vlưq tah va weh hươiq di dlàiq ga uràc
*- Ngược ngạo chặt tre mà lồi đặng ngọn
Đầu nhọn ở đặng ngọn mà xoay về đặng gốc.
Gốc gác sự vụ to sự việc lớn nơi nó
mà quay sang cho mình
Đáy chính là người cãi việc
mưu mô gạt gẫm sự thực sợ phạt lỗi cho người ta*

24. Oh pavuh voh gađi paq acoq gưq siàp

Oh pabàq gadha paq vara manũih lageh
còh gađi droi jù droi đũa
còh gadha droi jù droi anròc
po uràc sơi si ngãq pa-awaq gadha uràc sơi at đrũ
*- Không gán sự việc lên đầu người lành
Không đùn sự vụ lên vai người tốt
là sự việc mình gây ra thì mình chịu đội
là sự vụ mình chuốc lấy thì mình chịu gánh
người nào làm nên sự việc người đó nhận lấy*

25. Soh ngãi pamatai tijuh ticuh

- Nói không ngay mà giết chết bảy con chuột

26. Soh jua ngãi patleq patùq oh

Patleq paq gưq siàp pagap paq gưq tamō
dòq soh soh jua jua
- Hãn là vô tội vạ

*Người ta kết tội cho người khác gây vạ cho người lành
không được đâu vì người đó vô tội thật*

27. Gadi peq paya, gadha peq patloh

*- Sự việc phân xử tháo gỡ,
sự vụ phân xử dứt dứt (dứt khoát)*

28. Panuãiq Yàc gadha ukhit,

Voh Yàc gadha atou
*- Tục lệ Nhang (Giàng) sự vụ tối kỵ,
Chuyện Nhang (Giàng) sự vụ mờ mả*

29. Chhũnq jalàt cuvau, chhuau jalàt aseh

- Lầm theo đường con trâu, lạc theo đường con ngựa

30. Avih voh gadi gadha cha panuãiq...

Gadlòc cumar manũih unĩ còh
wa tluat voh ukhit còt voh pical
jũ oh dòq hagiq giq wòq pajũm
còh bợc lõm nãu lờp, bợc thiòuq ãuauq
nãu thiòuq pajũm
*- Hết (bất chấp) sự vụ sự việc phong tục tập quán
Trên đời (với) người này là
dọn dít ngôi xuống điều kiêng cũ điều cấm kỵ
thì chẳng còn ra gì gì nữa cả
là ăn lung tung đi tâm bậy, ăn theo đạo chích,
đi theo đạo tặc*

31. Pahiũq voh gadi, padi voh gadha

*- Viện cứ vào chuyện sự việc,
căn cứ vào chuyện sự vụ*

32. Patleq patùq dòq soh dòq jua

- *Kết luận cáo gian còn rỗng còn vắng*

= *Kết luận bừa bãi*

33. Poh pua tinhã duah patui ravuãq juaq khrũm

- *Đánh hơi men theo hỏi tìm theo hướng đậm dấu*

34. Đờp mũ ata va pajeq,

Buh mũ urac tubac paq droi,

Buh ga rạc tubac õ gajiq droi

- *Nói từ xa dẫn về gần,*

Thấy từ người ta soi xét lại mình

Thấy từ phía người soi xét lại bản thân

35. Đờp pasuaiq voh, đờp pachoh lor

- *Đặt điều thêu dệt sự việc, nói bịa đặt nói láo*

36. Chawaq voh gadha mãq hiớp mãq juàq gưq

Oh buh đờp lèq buh

- *Gán sự vụ tội lỗi hiếp đáp dọa dẫm nhau*

Chuyện không có bắt là có

37. Cha-iãq gưq dòq iãq

Iãq yư catiac pabư

Gưq đờp buh buh oh lèq buh

- *Bắt ép nhau riết tội*

ép đến như mụn nhọt đau nhức

Người nói không có tội cứ bắt có tội.

38. Chhũnq lươi roc pioh đũa

Chhuau lươi vara pioh gui anòc

- *Con cháu có làm lạc với sự dạy bảo của ông bà*

thì cái đầu phải chịu đội tội lỗi

Người có lầm lỗi với tổ tiên

thì cái lưng chịu mang cái vai chịu gánh

39. Ke maluh mida ràc gila pitòq

mã va nhũ bớc eh manũq jừ nhũ bớc

- Đưa trẻ con ngây thơ ngu dại

mà đưa cắt gà bảo ăn thì nó vẫn ăn

40. Đờp di tấp mãq pajiảp buh bòq crăn anăn iơu

Mata hmũ mũh hmũ crăn

Uhĩa pacheq patùq oh,

Hmũq ta lingĩa, mata buh mũh crăn oh

Uhĩa pacheq patùq uràc,

pacheq soh pachoh lor

jừ dlàiq di uràc

- Nói tại khi gặp bất chính lúc thấy nhận

mặt kêu tên

Chính mắt thấy người nhận được dạng

Đấy mới không kết tội kết luận bậy bạ

Chỉ nghe trên cái tai, cái mắt không thấy người

không nhận được dạng

Đấy là kết luận kết tội bậy bạ cho người ta,

Kết tội không sai lệch áp đặt láo

thì có tội với người ta

41. Rurop ruruõn panuc ta bớc valòiq vơi anăn gưq

- Bàn tán xôn xao lo tại tiếng đồn xấu xa là bán tên nhau

42. Buh asaқ mãq paq taluiq

- Thấy khói bắt tận củi

43. Manūq vināi djưc voh jừ vahrou cutac

Urac joc voh viq đờp

- *Gà mái nhức trứng (mót đẽ) mới cục tác*

Con người có chuyện mới nói (xâm xỉ)

44. Catuaq djruah hòq eh djưq cađuol

dòq dòq buh sidor oh

vù cưu saleq si đờp vù hã sidor

- *Có tật giật mình... .*

không nhắc còn cho là không hề biết

Tui nhắc mới nói ra lẽ

...như con mang hốt hoảng kêu lên khi ỉa trúng chân

45. Thơ ga tuvơu thơ ga trạc

Thơ ga rạc thơ ga dơi

cabluh achõng

- *Biết là cây mía biết là cây lao*

Biết thuộc về người biết thuộc về mình

đừng ham muốn đừng hòng

46. Hatai urac tubac paq hatai dơi

Caya oh cah hmũ ga dơi jừ oh cah jiap đờp ghõng sanãp

còh đờp prõng sanãp jừ pãp sugau patàuq

caya paq urac nhũ yư vijeh dòq la tanãh

ugha dòq di lagar timũh mãi thơ ga tuvơu thơ ga trạc

yư caya khũng yư nũn còh thơ ga urac thơ ga dơi

- *Lòng người đâu phải lòng mình*

Của chưa thuộc về mình thì chưa thể nói lớn tiếng

nói lớn tiếng lờ ra gặp phải hớ hênh

*của ở tận người ta như hột giống còn dưới đất
Gốc rễ còn ở khắp xứ tới lúc mọc
chưa biết cây mía hay cây lau mọc trước
của cải cũng vậy, không biết thuộc người ta
hay về mình*

47. Ruvùq sàc ràc vùq điàc sàc dơi

Chàc buh paq anāq hāq paq roc oh sumāu
- *Bão nhà người hãy giăng chống nhà mình
Chờ tới lúc chạm tận mặt ập sau lưng trở tay sao kịp*

48. Manūih buh gadha gadi culiq

Còh pachhàc anīt uràc ròc, dlòc uràc chīp
Buh ngāq jòc hagiq oh còh anāq anu ðuq mata aniq
- *Người mang tội lỗi
Là chờ có thương thì người ta nuôi,
có ghét thì người ta giết
Chẳng biết làm gì được, như con cà xui chờ lưỡi
chup đất*

49. Pacheq patùq uràc hmũ lèq mata buh mũ crăn

Dòq dòq vù pacheq uràc rai nāu
vù tasuàiq voh dlàiq mãi paq dơi wòq làiq.
- *Kết luận kết tội người ta phải
chính mắt nhìn thấy người nhận dạng
Chứ đừng khơi khơi kết tội bậy ào đi
mà khiến sanh ra cái lỗi lầm ở chính mình*

50. Pacheq patleq patùq tól gưq siàp djưq du jamō

Pagap pagui djưq nũ gưq siàp māj padòq djưq
muĩ du gưq ngãi

- *Kết tội kết luận vô cớ đến người lành
trúng vào những người khác
Gắn tội mang vác đến những người làm
bất đặng trúng những người ngay thẳng*

51. Bơc jīn luaq, bơc pariaq chruh,

jīn urac paluaq pariaq urac pa-ur

- *Ăn tiền đút lót, ăn bạc hối lộ,*

Tiền người ta đút cho, bạc người ta mừng biếu

52. Manūih còh pajac di manūih jūh

Oh còh pajac di rumōng paq cail wòq

- *Con người là phải dựa vào con người thôi*

Không thể nào dựa vào hổ báo ngoài rừng được

53. Cachah nhūq ia, titua vraq,

nhūq ia, đũa chai

- *Thách / thi lặn nước, bước trên dây thừng,*

lặn nước, đội / chịu xông khói dầu chai

**54. Tacai cừ patòt acoq cừ patau patuaq lưh
lươi dơi jaq cừ**

- *Chân tui quỳ đầu tui chạm đất*

xin chúa thần tha tội cho thân tui

55. Cacuh da-a ia huruoi

vrùq lumā cuhnā ia huruoi

tamā tijuh vñhāng ahùq asur Mùq Cơi

- *Chấp tay khẩn lạy cầu xin mặt trời*

hướng mặt trời mọc cầu xin năm lạy

hướng mặt trời lặn cầu cứu Ông Bà Tổ tiên bảy lạy

56. Vu tapai ngāq mūa ia richo

Catuq havou mūa ia chai

Vuh manháp bàq hulou vu manháp bàq apiol

cacah richo vro manōi acoq hulou awoi amā

inā tamaha janūq jalāt... sudiq vusac nhū

- Cơm rượu cúng lễ nước thần tẩy rửa

Đền tạ sự quá quất với ông bà tổ tiên

Nay làm sạch giống như đầu bôi dầu

tắm gội xà bông

tẩy rửa sạch cho thân linh ông bà cha mẹ

cả mối lái dẫn đường... của vợ chồng nó

57. Poq mū tloh tayah gađi dua gadha tloh

Manūih manūih buh māq voh ngāq chau iān

driān keq tahu ta-oh

Māq tangān ga poh janāh jah apu

Pilih di gưq ngāq tūq anāq djàq matou

tūq matou iou parui dui para va savar si gưq

Dòq yư khưm yư jìq, dòq yư khưm yư vhiài

wòq ranōng mū mucal dih chih chumā.

Catūq unī Mủq Cơi ravuāq tuha mū mucal

su mǎi urac đòp:

"Urac giq si chau jừ māq cuvau đìq

Urac si iān māq driān pakeq

Urac giq thac mac jừ māq tagac taq

Urac giq si ralaq vừ māq manāq pagui

Urac giq si dui gadha māq rusa pagoc

*Uràc giq si bớc si wai mǎq mǎi bớiq tangǎn
Uràc giq si ngǎq pacǎn vù pa-ǎn lươi nhũ dòq ùq... "*

*Voh cadlai paluiq gadha
Oh vroi vù ðòp gadi dua gadha tlou ta-oh
Oh droi mũ voh sǎđaq rulaq paq vahrou ta-oh...
Ravuǎq tuha uràc mucal ranĩ uràc ðòp làiq:*

*" Voh sǎđaq lươi ga sǎđaq,
Voh vanhrou lươi ga vahrou
Oh voh sǎđaq ralaq paq vahrou".*

*" Nǎu paq canōng eh eh jũ cuah eh ta canōng,
Oh eh ta canōng vù va paq sàc wòq cuah eh!"
- Sau khi tháo gỡ dứt dứt sự vụ*

bằng hai sự việc bằng ba

*Người không được sanh chuyện nào khác
để nóng nảy nhứt nhối rắc rối nữa
Bắt tay vào việc phát rẫy làm nương
Tuỳ gia đình lo việc cần con bắt rẫy,
cần rẫy gọi sui gia kết giao tình nghĩa cùng nhau
như thường lệ trên đời, như thường tình bầu bạn
như dấu chân in trên đất xưa có nay còn
như dấu xưa đặt để thế nào nay y như vậy.
Lúc xưa, Ông Bà đầu khôn người già nói nay vẫn nhắc:
" Ai còn tức giận tâm bậy thì bắt con trâu mà cưỡi,
Ai muốn rẽ chia hầy bắt con ong bầu ong bọng
đí vào da thịt mình cho nó cắn xem có đau nhứt*

Ai còn thắc mắc hãy lấy cây chà gạt
tự chặt vào thịt mình khắc biết
Ai muốn nhắc chuyện cũ hãy tự làm đầy tớ
tự gùi vác nặng nhọc sẽ rõ
Ai muốn gây sự vụ việc cãi lý cho giỏi
hãy tìm con nai về
tự nhảy thi bằng bốn chân với con nai thử coi
Ai muốn tranh thắng bại thì xin mời đến vật tay nhau
Ai muốn làm khó làm dễ hãy nhịn ăn cho đói
tự biết khổ sở thế nào... "

Việc đó nói cho tận cùng kiệt

để không còn nói sự vụ hai sự việc ba nữa

Không nhắc tới việc cũ xưa làm gì...

Đầu khôn người già thuở xưa và nay vẫn nói:

"Chuyện cũ để cho cũ, chuyện mới để cho mới,

Không có việc chuyện cũ nhắc thành mới"

"Đi tới "khung nhà ỉa" (nhà cầu) để ỉa

Hắn là ỉa xong thì cạo chùi tại đó

Chẳng ai mang về tận nhà mới chùi cạo bao giờ!"

58. Voh sadaq oh ralaq paq vahrou giq wũq

Còh ralau wãc ralau wãnq vloh

- Chuyện cũ không được nhắc tới thành chuyện mới nữa

Là đã qua lâu, đã thành quá khứ rồi

59. Gadi tayah gadha tloh voh tayah vloh

Di chõm adoi paloi ai, adoi yut ai tư lageh wòq yư vhiài

Djưq si tượq bòq yòq mata, đờp tượq cadlai sa-õh oh!

Ke vare nãu mãi ma-ĩn si guq, hmũ

si cablit galiõng oh!

Ma-ĩn siol ma-ĩn ma-aiq si guq siap lageh...

Sũn cráp di chõm palõi, adõi ai bõc siap dòq lageh...

- Sự việc tháo gỡ sự vụ dứt dặc mọi việc xong xuôi

Với xóm em làng anh, em bạn anh bè

tốt đẹp trở lại như thường

Không thể nào còn nhúu mày nhăn mặt với nhau

nói lời hằn học giận dữ gì nữa đâu,

Trẻ em đi ra đi vào chơi nhởi với nhau

không có việc trợn mắt nhìn hận nữa đâu

mà chơi bởi bình thường vui vẻ thân mật

Thanh bình yên ả trong xóm ngoài làng,

anh em ăn tốt ở lành cùng nhau...

**60. Pu putau palõi tanãh urac khũng lih lih pa-idi,
đờp khõp đờp pakhrã si palõi vuõl dòq di vhum
tanãh cõh:**

Wõi lah yuh palõi vuõl urac soi đõi rơi lèq

vũ pajõc voh gadha pajhàq ga voh gadi,

gadi dua gadha tlõu

Chõm palõi urac bõc akhar va catuq

oh si palũh paluõi ta-oh, pathã pablũp ta-oh!

- Vua chúa đất đai làng nước

người ta cũng thường thường căn dặn; răn đe dạy

bảo người dân sống trên đất nước là:

Đừng hòng một người dân nào được sanh chuyẽn

*gây sự bôi nhọ cho sự việc,
sự việc bằng hai sự vụ bằng ba
Ai trong làng muốn ăn thua với sự vụ sự việc là tội nặng
không tha thứ gì nữa, không khoan dung gì nữa!*

**61. Urac sơi si ngāq jrāh padjāh pajhàq ga chōm
palōi adōi ai**

Viq catuq boc vroi chhūnq vroi dlaiq ga gađi dua
gadha tlou...

Ngāq yur hĩa hmū si vuol rumàq tát cal sa tuq
joh tumal cal joh

Biaq oh buh wòq pagi oh buh wòq nhũ keq cucdu
nhũ iou ai nhũ cacuh joh limā cuhnā joh tijuh,
Acoq joh cruai tacai joh muān

Oh vroi vù sa tuq jor hnoñ sa tlōn vroi gòt wòq
vlup di lāng vuol po nhũ.

*- Ai muốn làm cái việc bôi đen xấu xa xóm làng
anh em Phải chịu cho xóm làng ăn phạt về tội lỗi
gây ra sự vụ bằng hai sự việc bằng ba...*

*Làm như vậy với dân làng nó mới một lần tổn hồn
một lần khiếp kinh*

Để nay mai không dám làm vậy nữa,

mai kia nhớ lại

như tự cắn vào ngón tay biết đau

nó tự kêu cứu, tự chấp tay lạy bái gấp năm gấp bảy lần

để xin tha tội

cái đầu nó chịu tội chịu tổn, cái chân nó quỳ gối,

*Không làm một lần cho tởn, tha một lần thành quen,
không còn biết thói hư tật xấu là gì.*

62. Tapai tuh, manūq mǎq

- Rượu cần đổ nước, gà giết thịt

Sau cuộc xử việc, người phạm lỗi phải "cột một ché rượu cần, thịt con gà" (lễ vật này nhiều ít tùy theo kết quả cuộc xử), mời những người chủ trì xử việc, người bị xúc phạm, họ hàng làng xóm đến dự lễ cúng tạ tội kèm theo nghi thức "xin cam đoan" (lacou droi-parumǎq) đến hết đời không tái phạm, nếu tái phạm hình thức xử phạt sẽ nhân lên (rumǎq tumal cal joh). Cuối cùng, mọi người cùng ăn uống hoà giải với nhau; đây là hình thức bắt buộc để người có lỗi không dám tái phạm nữa.

63. Sa tuq pa-uc hnoñ, sa tlõn patla gờq

- Một lần chiều sẽ quen thói, một lần buông

sẽ lấn tới

64. Sa tuq pathā jừ hnoñ sa tlõn pathā jừ nhũ gờt

- Một lần tha thì nhờn, một lần tha nó ăn quen

65. Khợp di ralo tro di culiq khũng yư cǎh jừh

Yư oh còh khợp jừ Yàc dlợp paq anǎq

Sato jừ nhũ tro wờq ga droi, nhũ buh paq anǎq

dòq hǎq paq culiq gajìq ga suàt nhũ wờq làiq

Madūiq yư ràc wot ga ruh buh paq anǎq

Huoiq tíchhợq di luca vừ bàq mǎi gajìq

- Ra lời đe dọa hù dọa hòng vào da thịt người ta

cũng phải đúng mới được

Bằng không thì Giàng đổ vạ vào chính mặt
Doạ bằng dao thì nó khiến hoá lại chính mình,
nó có tại chính mặt mình
còn sát tận da thịt đe dọa chính sanh mạng
mình nữa

Giống như chê người ta ghẻ lở-
ghẻ lở có tại mặt mình

Ghê sợ gớm ghiếc ghẻ lở - vạ lây truyền cho mình

66. Gadha màc darah

jừ pamatai manuĩh, jừ vayar màc

- sự vụ mạng máu

thì phải giết người, thì phải đền mạng.

Mạng máu - Gadha màc darah - sự việc gây chết người là đã phạm tội nặng, đã gây ra sự việc lớn thì phải đưa ra xử. Tuy luật tục nói "phải đền mạng nhưng theo đạo lý truyền thống của ông bà Raglai xưa thì luôn:

+ Pùq dlòc jừ dòq viar

Pùq traq mǎq sidjuol

- Đặt cao xử thấp

Đặt nặng bắt nhẹ

Điều này được lưu truyền bằng hình tượng như một quy luật tự nhiên:

+ Charanã jừ yư ula pùq sato paq ganāq grăt vara

jừ choh paq palăt tacai

- Khi phân xử như con rắn ngóc đầu ngang

bả vai mà chỉ cắn tại bàn chân

Tuy vậy, trước khi đi đến kết luận cuối cùng, những người tham gia xử việc thường tranh luận với nhau rất nhiều (như phần chung đã nêu), chúng tôi ghi được những lời tranh luận:

67. Lời Chủ Xử việc - Po Charanā:

+ Chũnq pioh roc dua,
Chhuau pioh vara gui
Pioh srũnq chhũnq hàiq,
Pioh ga vayar dlàiq madueh
Chhũnq chhuau wau dlàiq hàiq madueh
Jừ lươiq ravuãq tuha po charanã urac
Suaiq viai bai lêng set viai bai sa-ùq wòq làiq,
Còh hadu lèq si hã bợc gadha
Còh hadu lèq si hã mảq dlàiq
Còh lươiq ga urac si srũnq si vayar
Yừ còh buh oh jừ nhũ nãu ngãq tùq
Khũng tùq upah nãu duah nhũ nãu chapaq
Nhũ ãiq sàc coi, nhũ rươiq sàc mỏq tai nhũ
Nhũ ãiq sàc Chrãu nãu sàc Cuho, Lo, Rade,
be mana manõng tống ta-iờ giq tai nhũ...
*- Nó có tội để cho cái lưng nó chịu mang
Nó có tội để cho cái vai nó chịu gánh
Tội lỗi phải được tạ tội, phạm tội phải chịu đền tội
Nó làm lạc gây nên tội lỗi
Hãy để đầu khôn người già Chủ xử việc
Thấm quyền rút cách bày gỡ lãnh tội đền mạng*

Là cần bao nhiêu của cho phạt đền sự vụ
 Là cần bao nhiêu của cho phạt đền mạng
 Để cho người ta biết bày cách đền bày cách trả
 Nếu nó không có của chịu phạt
 thì nó xoay xử vay mượn
 Nó vô nhà ông, nó lại nhà bà...
 mặc kệ không cần biết
 Nó vô nhà người T'ring, nó đi nhà người Coho...
cũng mặc
 Nó tới nhà người Tàu, nó vô nhà người Êđê
cũng kệ
 Nó vô nhà người Jarai, Mnông, Bana, Churu...
 gì gì cũng cứ mặc kệ nó...

68. Bắt lē bẻ việc - Joh voh gadha:

+ Vù huruơi anī hã dòq catuq bơc mào
 Akha ga pachhào darah hĩa còh sa mào ga
dih pađih wòq
 sa mào ga nĩ sa mào di hã wòq làiq
 sa mào di còh còh di adāt chèq
 Vloh dòq plãn dòq sidua dòq đơi?
 Còh huruơi giq tloh thut giq si tayah wòq
 Vù dòq tởl anảq tởl tichò
 Còh sa mào, dua mào...
 dua mào vloh pàq mào...
 Còh adāt si toh voh si pamatai dut oh ơnĩ,
 đờp còh hayou...

- Mà ngày nay đây chỉ ép ăn mạng
Lấy cơ mạng máu mà đòi một mạng người đền tội
một mạng này mất đi một mạng kia trả lại
một mạng của tao phải đền là không có lý nào.
Rồi còn thay nhau còn đền mạng tới chừng nào?
Là ngày nào mới dứt, năm nào mới xong đây
Mà còn mãi tới đời con đời cháu
Là một mạng, hai mạng...
hai mạng rồi bốn mạng...
Có lý nào đập chết giết chết
rồi lại đập chết giết chết mãi
hỏi đến bao giờ...

69. Phán xử sự việc - Peq charanā voh gadha:

+ Unī còh màc màc juh, darah darah jòh
Còh adāt adar mū jucal cadòp
Matai jừ choq, hoq jừ dờ si gựq tấp nī veq voh
mū Mủq akhàt lươì Cơi akhàt pioh,
Còh cuvau pàq beq le giq oh tasràq
còh tól anảq uràc manũih dua beq le ajợc oh tasràq...
Unī còh dòq tucot tamỏ giq lèq wỏq lanuĩq di unī còh:
Chhũnq cừ vroi đlảiq hàiq madueh cừ vroi lểng,
vayar mủ caya juh ơnĩ:
Còh lumā voh chhar,
Un sa dời nām pàq chagàp djàq chhu,
Pioh ngãq choh gợc rượ vidhi ga nhũ.
Dòq còh un dời tapai jro manũq iaq cạc

Còn dơi bợ dơi djùq si gưq ta tấp nĩ ơnĩ,
ravuãq tuha, gãm Po Charanã vùq buh ngãi!
- *Này đây, mạng thì mạng thôi, máu thì máu thôi*
Là vẫn theo lý luật tục lệ Ông Bà xưa xưa
Chết thì khóc kẻ, chết rấp thì cùng chôn đi thôi
từ Bà tổ dạy còn lại, từ Ông tổ dạy còn giữ
Con trâu có bốn chân vẫn không khỏi trượt ngã
huống chi con người chỉ có hai chân
cần thận mấy cũng không tránh trượt ngã...
Giờ đây còn gì hơn còn gì khác nữa mà rút cục là:
Có lỗi lầm thì tạ lỗi lầm, có phạm tội thì đền tội,
bày cách lãnh cái mạng để người có tội
được sống, trả bằng của cải thôi:
Là năm mặt mã la,
Một con heo năm gang thêm một tác tay
dùng chặt cột làm lẽ bỏ mả cho nó.
Còn một con heo nữa, một ché rượu
và một con gà coi lười
đãi chúng mình cùng nhau ăn tại đây uống tại đây,
có cả đầu khôn người già, Chủ xử việc...
là phải có ngay!

II. SỞ HỮU ĐẤT ĐAI, RỪNG NÚI

1. Ruộng rẫy của ông bà để lại

(Panroh casơ Mủq Cơi)

+ Panroh Mủq Cơi

Casơ Mủq Cơi

Panroh Mủq Cơi hã - hã bớc

Casơ Mủq Cơi cơi - cơi bớc

- *Rãy cũ của Ông Bà*

Rãy mới của Ông Bà

Rãy cũ của Ông Bà anh - anh ăn

Rãy mới của Ông Bà tui - tui ăn

Tuy những đám rãy cũ bỏ lâu không canh tác nhưng cả cộng đồng đều không ai thu hái bất cứ sản vật nào vì ai cũng biết đất rừng - rãy cũ đó đã có chủ.

Ruộng rãy và các loại của cải khác của Ông Bà để lại tuy đã phân chia cho từng cá nhân sở hữu nhưng được coi là "hột giống" của cả dòng họ nên phải gìn giữ lưu truyền mãi cho các thế hệ sau. Và đã coi là của cải của ông bà để lại thì phải tuân theo quy định chỉ lưu truyền theo họ mẹ - người con trai lấy vợ, về ở nhà vợ không có quyền sử dụng dù con cái của người chị/hoặc em mình còn nhỏ.

2. Rãy có ranh ruộng có bờ

(Apu chuàq humã gah)

+ Apu chuàq humã gah

Padơc Mủq Cơi ngãq humã tanãh

- *Rãy có ranh ruộng có bờ*

Ông Bà dựng lên khi làm ruộng đất.

Tuy không có "văn tự địa đồ" nhưng cái *ranh rãy bờ ruộng* đã tồn tại lưu truyền qua bao đời con cháu trong dòng họ, trong dân làng và bao Chủ núi, Chủ làng nên vẫn được mọi người công nhận.

3. Cấm phá ranh rẫy:

+ Canēn apu prah gah

gèc cadơp sanũq pic churoc tuho

hĩa còh ngãq ùc, ngãq vusac

- *Ranh rẫy thì dọn ngăn dọn cỏ*

chống thú phá hoại có bẫy đá, bẫy sập, bẫy xiết,

có cửa có lối, bãi chông, hầm chông, bẫy càn...

đó là người đàn ông, người chồng

Ranh rẫy, bờ ruộng không chỉ là giới hạn cụ thể để xác định diện tích đất đai sở hữu của người chủ mà còn thể hiện trách nhiệm của người chủ - nhất là người đàn ông, người chồng. Quy định này có liên quan đến việc người chủ phải thông báo cho cộng đồng biết rõ đường đi lối lại, vị trí các bãi chông, mang cung, bẫy sập bẫy xiết... để tránh những vướng mắc về sau khi có sự vụ sự việc liên quan xảy ra.

Trường hợp nương rẫy ruộng vườn đã chuyển sang chủ khác, người chủ cũ vẫn có quyền thu hái những hoa quả trên cây lâu năm do mình trồng trước đây.

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

1. Cấm làm nhà ở, làm đờ bản nơi nguồn nước, mạch ngầm:

+ Pacuq ngãq sàc dòq danơ ia, hulơu ia,

vusaq ia yawa lawa vruh.

Pacưq eh ma-iãq tajeh tajap luvãc vư ariac,
Yãc lageh jhãt ngãq varah variu nũq vog tuc,
eh charoh poh pahãq, eh darah matah cunhiq...

*- Cãm làm nhà nơi nguồn nước,
nơi có mạch nước ngầm, mạch nước phun.
Cãm ỉa đái làm ngập hầm cua, hang cá lóc
(tức nơi mạch nước ngầm chảy ra)
Nhang đất bờ hồ ao sẽ khiến cho con người
bị phù thũng to bụng,
ỉa chảy như tháo, ỉa ra máu, người búng beo...*

2. Chỉ được dùng nước suối, sông, hồ... một phía:

+ Sumlah sanõh catưq vungãq lawa chõm palõi...
Sanõh dlũh sanẽq vida Pu saganã ganã ganuar mãq
Chiculit tưq vlưq vlàq sãdoh sumlah Mũq Cơi
*- Nước uống dùng một con sông,
một dòng suối, một hồ nước sạch...
phải dùng một phía, nhà ở cũng một phía,
đi chôn người chết không được qua sông qua suối,
vượt qua nhà vượt qua làng, qua rẫy qua nương...*

3. Uống nước hai bên bờ là giành giết với ông bà

+ Djùq ỉa tưq di gưq cõh tưq Mũq Cơi,
Mũq Cơi mãq dalap anãq ticho sãc dahnỏq nhũ
*- Nếu uống nước bên này bên kia sông / suối với nhau
là giành giết với Ông Bà,
Ông Bà sẽ bắt con cháu đầy tớ trong nhà
phải bệnh đau chết chóc*

Ai phạm vào một trong những điều trên, tùy theo lỗi lớn nhỏ nặng nhẹ mà có mức phạt khác nhau. Điều tối kỵ là phạm vào lỗi nặng sẽ gặp nguy khốn (dluh), gặp nhiều tai họa (sanēq) như bị cọp bắt voi chà, bị trọng thương, chết bất đắc và nghiêm trọng hơn là xúc phạm đến Nhang Giàng Ông Bà...

Việc sử dụng nguồn nước cả hai bên, được giải thích là "*giành giết với ông bà*"

4. Cấm đàn bà, trẻ con không được tắm nước suối nước sông:

+ Sudiq anāq, deh apui su du ke anāq,
anāq bēn, anāq maluh
oh manōi ia cròc vù manōi ia tanàc
- *Vợ con, đàn bà sanh đẻ và tất cả trẻ con
không được tắm giặt nước suối nước sông
mà phải tắm giặt nơi máng nước dẫn về nhà.*

IV. BẢO VỆ THÚ RỪNG

1. Cấm săn bắn quá mức (*Pacuq lua panāh lih lam*)

+ Pacuq pagàc lua panāh cu riya uān
Pasit pasiou paveq patol ga aróp wàc,
leq tasràq tamā vida
- Cấm ngăn săn bắn quá nhiều thú
Gặp xui xẻo, gặp báo hại hiểm họa
cho khi đột cần, té trượt sát thương trọng
thương mà chết

2. Cấm săn bắn và mang thịt các loài:

khỉ, dộc, vượn, khỉ đột, chuột, ếch nhái về nhà ăn.

+ Ralo cra, hawa, cuat, anrọp, ticuh, kiurq...

oh va wưq paq sàc bưc,

còh vanī chuh hanrọp gilo padai, đuc manūih,

su oh jưc lua panāh

- *Thịt con khỉ, con dộc, con vượn, con khỉ đột,*

con chuột, con ếch, con nhái...

không được mang về nhà ăn,

xui khiến cháy khô bắp lúa,

ghẻ lở phong độc hại tới con người,

và không được săn bắn.

Về việc cấm săn bắn quá mức, người Raglai có nhiều sự tích nhằm nhắc nhở răn đe con người. Sau đây là sự tích về loài dộc (voọc):

Ngày xưa ngày xưa... có Cơi Mubah đã "panāh hawa matai curiju" (*bắn loài dộc chết xác xơ điêu tàn*) tới mức gần như tuyệt chủng!

Tới một ngày... Cơi Mubah đi hết rừng này tới núi kia mà chỉ gặp một con dộc, ông bắn hết tên trong ống, rồi bắn hết tên trong gùi mà không trúng con dộc!

Nhưng bất thành linh con dộc từ trên cây cao rớt xuống đất chết tươi! Thấy vậy, Cơi Mubah bỏ vào gùi mang về nhà... Tới giữa đường, Cơi Mubah thắm mệt, bỏ gùi xuống suối tắm nước... Sau đó, lên bờ mang gùi tiếp tục đi về nhà...

Vì bị săn đuổi quá nên con dộc khát nước mà rớt xuống chết ngất nên khi những giọt nước suối từ mái tóc Cơi

Mubah nhỏ vào miệng con độc làm nó tỉnh dần... Và nó đã cắn cổ Cơi Mubah chết luôn!

Từ đó, không ai dám săn bắn giống nòi loài khỉ, loài vượn, loài độc... nữa, chúng sinh sôi nảy nở mãi tới ngày nay.

Người đời lấy sự tích "Lavuh Cơi Mubah lawah lagar char" (*Chết ông Mubah đã giải phóng cho giống nòi sinh sôi trên núi rừng xứ sở* " để răn đe con người không săn bắn quá mức.

V. BẢO VỆ RỪNG, BẢO VỆ ĐẤT

1. Ranh giới đất đai:

- Tadiāng chượ dlai, duai apu drap

Apu chuàq humã gah Mủq Cơi ngãq humã tanãh

- *Ranh giới biên giới núi rừng, ranh giới rẫy nương,*

Rẫy ranh ruộng bờ có từ Ông Bà làm ruộng làm đất

Rừng núi thuộc sở hữu cộng đồng, nương rẫy ruộng vườn thuộc sở hữu dòng họ và cá nhân cho nên mọi ranh giới phải được quy định rõ ràng, được Chủ núi, Chủ làng và cả cộng đồng biết rõ:

Để khẳng định quyền sở hữu, việc tôn trọng đường ranh giới giữa đất đai rẫy nương của người chủ, không người nào được đụng chạm đến bờ ranh, không được làm cho hai bên thông thương với nhau.

2. Không được phát thông ranh rẫy:

+ Duh Pu vhum chượ chua h tanãh lagar

còh peq duh/lavuh vhum ngãq apu bợc iou còh:

"chìc vara humã vhum, apu chuac humã gah"
sa vanah dơi;

jalat apu oh joc.chanãh coh gat coh dơc

vù du apu du sàc du canēng jãng apu,

su urac pahaluh duai janãng apu,

Po paloi mãq dlaiq po apu dih po apu unĩ:

nãm chagap un, nãm manũq mũ sa tởl tlou jro tapai

ngãq Yac chanãng duai wũq.

- *Cúng hầu tạ Chúa thần núi cắt đất xứ sở*

là khoanh vùng khoanh xứ làm rẫy ăn có câu:

"chiêng trên gác nhà, ruộng xứ, rẫy đường

ruộng bờ", mỗi bên một phía của mình;

đường rẫy không được rẽ những rẽ cuối

mà mỗi bên rẫy thuộc mỗi nhà, mỗi ranh chia rẫy,

và người nào phát thông dẫy ranh rẫy,

Chủ làng bắt lỗi chủ rẫy đó cho chủ rẫy này:

nãm tay heo, nãm con gà và từ 1-3 ché rượu

làm lễ cúng Nhang dẫy ranh lại.

3. Không được cắt ngang đường rẫy:

+ Ranōng viq apu hmũ mũ di voh sàc,

Ranōng viq apu viq janãh tũq tlah sa jalat

Rah tichuãq va sa jalat

chanãh tlah dua va jalat cõh tlou

caweh cadiou tlou gat paq dơc oh joc

ranãh joc tupaq drap nãu jalat gat tupaq apu

oh joc coh gãt tichuãq dơc tũq tichuãq mãq sumlah

tlah jalàt apu drap gưq

Sumlah sanōh pu saganā ganā ganuar Mủq Cơi.

- *Mỗi rẫy mỗi nhà*

Mỗi rẫy nương một con đường

Không được chặn làm hai cắt làm ba ngang dọc

đi đứng rẽ những cắt cuối dẫn con đường rẽ

chặn téo ngăn làm hai cắt thành ba

rẽ ngang đi téo ba ngang bốn dọc là không được.

Không được rẽ những rẽ cuối con đường đi rẫy

rẽ đứng đường đi thẳng cái nương vào cái rẫy

Không được cắt ngang đi téo cắt đứng

chẻ nát con đường rẫy nương của nhau

Động chạm Ông Bà sẽ gặp rủi ro hiểm họa...

Đây không chỉ là tục lệ thông thường mà được coi là "điều cấm kỵ-tối kỵ" (sanōh dluh sanēq vida ukhit pical) không một ai dám làm trái. Họ tin rằng người nào làm trái sẽ bị "thần linh ông bà bắt" (Pu saganā ganā ganuar) khiến cho người đó, cho gia đình nó bị trời đánh, sét đánh, cọp bắt, bị thương, bị chết...

Trường hợp Nhang bắt phải "bệnh dịch thủy đậu, đậu mùa xảy ra trong làng hoặc vài làng" (voh djou crou pa-uq sa paloi, madruh jōq paloi), có người chết, trâu bò gia súc bệnh chết... thì hẳn không sao gánh hết tội lỗi!

Trường hợp có người vi phạm thì được đưa ra "xử việc", người bị lỗi phải chịu phạt ít nhất 3 tay heo, 6 con gà, 3

ché rượu để làm "lễ cúng Ông Bà Thần linh" (pava Mủ Cơi Pu saganā ganā ganuar) - cao nhất là phải "đền mạng"

4. Nghiêm cấm làm lửa cháy rừng:

+ Pacưq pagac apui bưc chanāng chưq dlai...

Đlàiq vưoi duh Pu vhum chưq chuah tanāh paloi,

tanāh lagar

- *Nghiêm cấm làm lửa cháy bàn thờ thần núi rừng*

(*Có công thì thờ có lỗi thì phạt*)

Tế lễ tạ tội Thần Chúa núi, chúa đất đai làng mạc,

đất nước xứ sở

Kẻ nào làm cháy là phạm điều cấm sẽ bị phạt một con heo 4-5 tay, 3 con gà và 1-3 ché rượu

5. Cấm đụng chạm đến cây to, cây nhiều tuổi (cổ thụ)

+ Cayou prōng dòq acoq chưq acoq tanuāi,

Danōr ia dada vanūq yư vinủq riya cha-ua cha-uư

Cat jua hara valou cōh Yac cat jua hara valou,

Yac cat tūq vinủq yuōq, Yac lageh jhàq major

camlai...

Oh jōc taq phàq, oh jōc jah apu, oh jōc ngãq sàc...

- *Cây to nơi đầu núi đỉnh đồi,*

Nơi nguồn nước ngăn giữ đập nước

như cây đa cổ thụ là cây đa thần,

Dây cuốn cây sung thần

là Nhang dây cuốn cây sung thần,

Nhang cây đa vắn, Nhang độc ó ma lai

Không được chặt phá, không được làm rẫy,

không được làm nhà ở nơi đây...

Những cây to, nhất là những cây đa, cây sung, cây trâm, cây tania (cơ nia)... đều là những "cây lăm cành nhiều rễ, lâu năm thành tuổi" đều có thần linh trú ngụ (Vĩnủq yuỏq - Nhang cây đa, Yàc cat - nhang cây trâm, Lisuc Jumỏu Halỏu Tania - Cối Trâm Chày Tania là thần Bấp lúa...) luôn theo dõi hành vi của con người và sẵn sàng ban phúc hay giáng hoạ; do đó, con người luôn tôn trọng và giữ gìn.

Kẻ nào làm sai là có tội phải chịu phạt, làm lễ cúng tạ "Nhang ó malai, Nhang độc đất cây núi rễ sinh lây" (Yàc Camlai, Yàc lageh jhàq dòq chừq dai tanuãi ranỏng) bằng: heo 3 tay, gà 6 con, rượu 1-3 ché và từ đó về sau dứt khoát không được tái phạm.

6. Cấm làm nhà ở, phát rẫy nơi đầu núi chân làng, núi to bãi hoang.

+ Acoq tanuãi tacai dlai, acoq chừq tacuai palỏi,

Chừq prỏng ranỏng vanhĩm,

Cuãng Pu Via inã dlai pũng panũng riya

Phut vlỏc bo vanỏn

Oh jỏc tamã ngãq sàc, dahnỏq dòq...

Oh jỏc poh janãh jah apu

+ Oh jỏc taq phàq ngãq palah muvlah di acoq

chừq dlai tanuãi runỏng.

Oh jỏc ngãq sàc wàc dahnỏq dòq di vusaq ia yawa danỏr

Oh jỏc poh janãh tấp nĩ

Oh jỏc jah apu tấp nĩ

- *Đầu đỉnh núi chân rừng, đầu núi chân làng,
núi to bãi hoang,*

*Là nơi trú ngụ của Thần linh-Thần chúa rừng cây
đất màu rừng ngàn nguyên thủy Núi cao
rừng cổ thụ đất màu mỡ
Không được vào làm nhà, chỗ ở...
Không được phá làm nương phát rẫy.
- Không được chặt phá làm tàn hại trên
đầu núi rừng cây tại đây
Không được làm nhà lập chỗ ở nơi mạch nước
nơi nguồn nước
Không được phát rẫy tại đây
Không được dọn nương tại đây.*

7. Cấm làm nhà phát rẫy những nơi đã khoanh vùng:

+ Chưq dlai paduc salah Vhòp,
Yac Cơi Vhòp Mủq tili...
oh ngãq dahnỏq dòq, oh ngãq apu.
- Núi rừng có khoanh vùng Nhang độc,
Ông thần độc Bà thần đá tảng...
không được làm chỗ ở, không được làm rẫy

8. Không được làm nhà ở nơi thùng, trãng, bãi, ao

+ Dhuc, ahũc, haròq, danãu... oh jợc dòq
- Thùng, trãng, bãi, ao... *không được ở*

9. Không được làm rẫy nơi có người chết không được chôn cất đàng hoàng

+ Dlai chưq huãng adhãng adhaq,
chưq valah tanãh vanriac...
jừ oh jợc jah apu

- Rừng núi hoang nơi có người chết
mà không chôn cất đàng hoàng,
(là) núi độc đất có hoạ lây,
thì không được làm rầy.

10. Cấm tự ý du canh du cư đến nơi rừng sống đất mới...

+ Oh gajiq tamāh dlai matah tanah tamō,
còh chưq ata ia caroi Pu Vhũm Vhòp chòp akiaq,
majĩn di dlai camlai di chưq mǎq!

- Không tự ý du canh du cư nơi rừng sống đất mới,
là núi xa đất lạ, Chúa Xứ Chúa đất, Thân đất nung,
Giàng độc trên rừng, ó ma lai trên núi sẽ bắt!

Người nào tự ý đến những nơi này phát rừng làm rầy,
gây hoạ lây cho xóm làng thì hấn có tội. Hấn phải chịu
phạt một con heo 4-5 tay, gà 6 con và 3 ché rượu làm lễ
cúng tạ tội với thần linh.

Nếu xóm làng có người chết thì tội hấn rất nặng, hấn
phải đền mạng (tức phải chịu phạt 5 mặt mã la, 5 tay heo,
5 ché rượu làm lễ cúng tạ tội thần linh) đồng thời hấn phải
lo chu toàn việc tang ma cho người chết cho đến lễ bỏ mả.

VI. VỀ CỬA CÁI (TÀI SẢN) (GA CAYA JACAR NGĂN)

1. Về giữ gìn của cải

(Ga khiãq caya anān hay Ga caya jacar ngăn)

+ Nũi di voh chhar còq, chhar saralõng

Nũi di voh chhar jùq vrùq vớu tlou băng

Nũi di pac salau jau khai tacai mǎh va suvān
 Suvat khai tacai padóc, suvat còq
 Nũi di goq cac, goq supat cāng kìq,
 lĩng bũng limā tacai, lĩng bai limā lingĩa
 Nũi di pangah jaluq viloq chhoq padũq alac tapai
 mũ löt chapaq mǎq pamur kir canau sadaq lawìq
 Ga di ngòq di nhũ buh si hayou patuh pichah
tavlah tavròc
 Khũng còh caya Mủq Cơi mũ Mủq mũ Cơi
 Khũng còh caya mũ Mủq Cơi sadaq lawìq
 lươi rivou rai anǎq ticho
 Du caya caya anǎq jacar ngǎn tamā pajau
ga uràc soi
 Manũih hĩa thour pioh khiāng khrũm
tacai chhũnq payaq
 Nhũ còh tamǎh còh caya anǎn jacar ngǎn rubũp vloh
 Oh jóc tở gajìq droi ngǎq hatai mǎq.
 Un puah, cuvau còq,
 Lamo agiau, cuvau agu,
 Du caya jacar ngǎn Mủq Cơi pajau
 lươi ga po soi uràc lèq
 Jừ vìq pioh si khiǎq iaq pajàc
 Nhũ hmũ ðeh anǎq, nhũ hmũ tipuol
chah rai ràq anǎq
 Khũng còh caya Mủq caya Cơi
 Oh jóc tở gajìq droi chhuh droi khiāng

Ngãq ga dingõq yu prõng, phỉt ðou changua
prõng la ðor salau
Oh khĩn si jiáp va vanâu luoi ga vroi luoi
ga caq paloi jor
Voh adât asal mũ mucal, voh adar urac mũ
cadõp yõp vloh,

Phet tatai gai sau mũ jual yal
Djuh ðua, ia chhoq, djuh cõq ia langar,
Khat pabau, au pachùq tuq cõng dleh radeh joh
Dingõq di prõng phỉnq paðiq hatai
phỉnq ruoi hatai la prõng phỉnq ðou jalaq
Hatai tiat nhũ ðou changua la-i
Khũng oh urac soi manuĩh pavat giq
khĩn hatai janãi acoq jiáp ngãq tucot tanõ
tõ valõiq jor

Du caya ghõng bẽn caya awoi, caya amã
Urac ngãq sa-ai proc jumã cachua
di hlop sidua plãn ga awoi vù pioh khiãq iaq pajac
Mũ voh chanẽh, voh puat gat la-i,
Mũ cõc vuh tangãn lèq caq chíc atõc, lèq caq cõc vuh
Anhũq dac anhũq acoq khat va caya angũi,
Anhũq dumwai vasrai dũm hulõu,
Cadoh rai viluai vjeh Mỏq padai janãi runuãi,
Coq dalacũnq, coq taliaq, cuvuaq canhĩ manhĩ cuwau...
Coq tlõr, coq tuguc, radic, aguat,
Dõp saranãi, darakel, canhĩ

tól sagor panõh culiq cahnoq lamo cuvau bẽn prõng
Caya anãh jacar ngãn awoi điou si pajau ga sa-ai proc
jumã cachua di hlou iaq khiãq mãq payac
Pacưq pagàc ga adoi gưq lacoi, adoi gưq cumoi
di si djưq joc vu chaga sadah di gưq
Voh chi anãh chriah rupha tamãh hmũ joc phet
tai gai sau lãng tanãh apoc pitiat
Sa-ai cachua va proc mĩh pua gãm phet adãt
mãq asal

vũ dợc mãi chi anãh chrih rupha

Oh urac soi manuĩh hagiq muvah chura camlah
ngẽh,

Oh urac hagiq camlah yac udac.

Về giữ gìn của cải

- *Những mặt mã la trắng,*

Những mặt mã la đen

Những cái mâm thau

Đồng thau, đồng trắng

Những cái nồi đồng còn quai hay sứt quai

Những cái ché rượu bằng đất nung cũ kỹ

Cho dù nó ra sao

Cũng là của ông bà để lại

Tài sản đã giao cho ai

Người ấy phải biết giữ, biết dùng

Nó đã là tài sản chung

Không được tự mình quyết định...

Con trâu trắng, con trâu đen,
Con trâu mập, hay con trâu gầy
Của cái của ông bà giao cho ai
Thì người đó phải chẵn phải giữ
Nó sinh con đàn, con đống
Cũng là của ông bà
Không được tự mình thích
Mà đem bán, mà đem cho
Không được để sống chuồng
Không được để nó đi lung tung
Cái đầu đang đông,
Cái chân đang tây
Nó phá hư của cái của ai
Nó húc báng ai
Kẻ trông coi phải chịu đền,
Kẻ trông coi phải chịu phạt
Cái chén con, bát lớn,
Bằng sứ hay bằng đồng
Nó bằng gì cũng mặc,
Nó xấu tốt cũng mặc
Đã là của ông bà
Thì phải trông coi cất giữ
Từ cái gùi cái sọt
Đến vật lớn vật nhỏ
Đã là của ông bà
Thì phải gìn phải giữ

Cho dù cái gan lớn bằng cái mâm
Cũng không dám đem mà cho mà bán
Cái phép có từ xưa, cái lẽ có từ xưa.
Củ đội, nước múc,
Khăn chòang áo mặc
Dù cái mật bằng cái tô,
Lá gan bằng cái thúng
Cũng không kẻ nào dám làm khác được
Của cái lớn nhỏ của mẹ, của cha
Chị lớn thay mẹ mà coi mà giữ
Từ cái thúng, cái rổ,
Từ cái vòng đeo tay
Cái dây hạt cườm,
Cái chuỗi đầu cườm
Cái bầu đựng giống lúa giống bắp
Cái sáo dalacung, sáo taliaq, các loại sáo...
Đàn chapi, đàn coq tuguc, đàn aguat,
Kèn radic, kèn darakel đến cái trống da trâu lớn nhỏ
Của cái mẹ đều giao cho chị lớn trông coi
Cấm em trai, em gái không được giành giật
Việc phân chia đã có phép của làng
Chị gái sẽ theo phép tắc mà đứng ra chia
Không ai được cãi cọ, không ai được chối từ.

2. Phân chia tài sản của ông bà:

+ Chi anãh chriah mupha tol gưq
Jưq dơi du anãq cumuãn anãq ticho

Nũi kir sanrai gai vjeh caya Mủq Cơi lươi wừq
Oh vjè còh tadiac cucou tanhròu tangãn gajìq
gasuàt hã Vù ngãq hanuãq, ngãq marò, ngãq tư,
ngãq gajìq.

Phân chia tài sản của ông bà

- *Phân chia phân phát cùng nhau*

Đủ người khắp con cháu chất

Những báu vật hạt giống của Ông Bà để lại

Không phải là gia tài từ bàn tay

tự thân tự mạng mày

mà làm của riêng, làm của tư, của bản thân mình

3. Chiếm đoạt tài sản của Tổ tiên Ông Bà

+ Pa-amiaq ràq chìc cuvau salau goq,

khat salau au patil

Chhar para humã vhum, gahnãp mada Mủq Cơi

Vloh vjè paveq patol pachhòl panãm...

Tol di hàq bợc voh choh bợc anủq nhũ

Sudiq matai ralac, vusac matai chanũh

Sudiq matai ãh ãac, vusac matai ãh gruaq,

matai valah matai variac duc tanãh jalat thạt cayou,

matai yư ariac pa yư sula siaq.

Chiếm đoạt tài sản của Tổ tiên ông bà

- *Ham hố chiêng con trâu mâm nôi,*

vải mâm áo chén đồng

Mã la trên gác nhà ruộng xứ, gia sản của Tổ tiên...

Rồi sẽ xui khiến gập họa báo

*Đến khi như gà mổ trứng, xé ăn con của nó
Vợ chết như cọng tranh khô, chồng chết như cỏ cháy
Vợ chết nằm ngửa, chồng chết nằm úp mặt
Chết hoạ báo thê thảm hôn chơ vợ giữa đường,*

đu trên cây

Chết như con cua, chết như lá khô rụng,

Chết không mồ chôn, không nhà mả...

4. Người con trai lập gia đình (ở nhà vợ)

với tài sản của ông bà để lại:

+ Anảq lacoi pavloi gajiq nãu bợc si anảq dòq sàc sudiq

Oh va jợc mữ Mủq Cơi matơi đęc

kir sanrai padai vijeh

kir sanũh panũh mũh vala

caya anãn jacar ngãn

va gãm paq sàc anảq

va wợq paq sàc sudiq

Người con trai lập gia đình (ở nhà vợ)

với tài sản của ông bà để lại:

- *Người con trai bán mình đi ở đợ nơi nhà vợ không được mang từ Bà Ông những kim cương đá quý cổ vật báu vật lúa giống cổ vật báu vật ngọc ngà của cải có tên tài sản đồ đoàn mang theo tận nhà con mang theo tận nhà vợ.*

5. Trường hợp các con gái đều chết hết, cháu gái còn nhỏ

+ Madah jượ du sa-ai, adoi gượ cumoi,

adoi tiluiq matai.

Avih oh manuĩh si guõn gumúp
tùq iou ròc chiap iaq javaq pato ideq
cachhoq pachhai
jưq du anảq cunuãn doq bển
jừ coi duat miảq wa gah vanah variau apoc
oitiàt awoi nhũ

Trường hợp các con gái đều chết hết,

cháu gái còn nhỏ

- Nếu tất cả chị-em gái, em út chết hết không còn người quản lý ôm ấp cần kều gọi nuôi dưỡng trông nom dạy dỗ bảo ban tất cả các con cháu còn nhỏ thì người ông, người bà, người cậu phía họ hàng của mẹ nó

Từ ngàn đời qua, tộc người Raglai coi trọng mối liên hệ dòng dõi họ hàng ít nhất bảy đời không được quên nhau. Tình yêu thương gắn bó của những người cùng huyết thống được bồi đắp thường xuyên qua chia sẻ cùng nhau những vui buồn trong sinh hoạt của các gia đình đồng thời còn lưu truyền các "báu vật từ ngàn đời trước để lại như vật giống của tổ tiên". Do đó, tài sản của mỗi gia đình Raglai được phân chia thành hai nhóm:

Của cải của ông bà để lại và của cải tự mình làm ra.

Người Raglai gọi nhóm tài sản do ông bà để lại là "Núi kìr sanrai gai vjeh caya Mủq Cơi lươi wờq" - *những báu vật hột giống của Tổ tiên Ông Bà để lại* là loại tài sản ngoài giá trị vật chất còn là những *vật chứng xác định dòng họ (vật giống) nên mang giá trị to lớn về tâm linh* được cả dòng họ và cộng đồng thừa nhận. Trong nhóm tài

sản này, cạnh những của cải được coi là quý giá (mã la, mâm đồng, chén đồng...) còn có cả đất đai vườn rẫy đồng thời bao gồm cả những của cải được người thừa kế tạo ra từ sự trao đổi những tài sản do ông bà để lại mà có. Do vậy, luật tục có những quy định, những điều kiêng cử cấm kỵ nghiêm ngặt.

Trước đây, mỗi gia đình truyền thống Raglai thường có "*Cậu giữ nhà to kho tàng*" (Wa cuoq prōng panōng galāng) có vai trò như người quản gia đảm nhiệm tại chỗ, khi cha mẹ chết sớm, các con gái còn nhỏ thì người cậu thường xuyên trông nom, tuyệt đối không ai được xâm phạm, không một ai dám làm sai.

Tài sản do gia đình tạo nên là tài sản do vợ chồng con cái trong gia đình lao động dành dụm đổi chác mua sắm mà có, trong đó có cả nương rẫy ruộng vườn... gia đình được toàn quyền sử dụng cho đến khi người chủ qua đời thì giao lại cho các con,

6. Phân chia tài sản của người chồng đã chết.

(Chi anāh chriah rupa caya ngān caya vusàc matai)

+ Manuīh vusàc tamāh luiq rai matai lahiāq

Jù aniq, beq wac,

Tagac, amra,

Jòc chatōi, jòt troq, vanro achơc

achơp gùq saniāp paq taloi...

Srāq, joq,

Cawat gadlòc, còc vuh tangān...

Tol di cawat khuàq cawat gùq vuh tacuai

Avih tasàiq caya pioh caya angūi pioh caya nhū
 điou jōc tō valōiq
 Oh uràc sōi jōc si pioh wòq cheq di sudiq nhū,
 kiăp di sudiq nhū mīh,
 Viq vayar vamăi pa awoi đeh nhū oh adăt vù ràc kir.
 Madah matai awoi đeh jōc nhū
 Jữ sa-ai adoi gưq cumoi, adoi tiluiq
 vù tet dut pioh iaq khiăq khrūm tacai
 Jōc si drữ paduq pioh khiăq iaq pavaq wòq,
 jōc pioh jōc si angūi
 Nūi di voh uhĩa adăt adar pical cadòp
 Uràc sōi manuĩh giq vù lèq dòq thōu oh
 Uràc sōi manuĩh hagiq tuc vuc hatai buh
 siàp lageh oh,
 Acoq vidōc nhū buh siàp lageh oh,
 Buh di caya vù nhū srănq nhū dijuh,
 Buh du jacar anăn uràc vù nhū chhưh pachhai
 Khiăng ga chaga pa amiaq, khiăng pioh
 măq ngăq gajiq
 Còh oh adăt asal si ngăq yư hĩa.
 Lăng tanăh paloi gah uràc viq peq charană
 măq chhũnq hàiq dlàiq madueh
 Luoi gai oh uràc sōi manuĩh lèq hagiq
 oh khĩn si ngăq yư hĩa wòq
 Madah manuĩh tamăh matai
 Catừq rivou rai nhū mữ dòq hudiq tamăh droi

si at cãn si ngãq si vruãq
Nhũ boiq hmũ ảiq inã chacuai, inã rusa,
Nhũ mãq hmũ ảiq inã vavui, inã casuã,
Nhũ thơu luah jợc caya uràc sadaq, caya mat,
Chawàt mucal, salau thùq jùq, lalau thùq còq,
Nhũ hmũ còc vuh tangãn, nhũ hmũ cawat vuh tacuai,
Còc mãh, carah mata,
Madah nhũ gahnãp mada hmũ ảiq caya
anãn jacar ngãn
Jữ nhũ vùq rupha vroi sa muđã biah cah trà
ga awoi jợc nhũ
Madah di nhũ casot tanõ hmũ tikìq tikial caya anãn
Jữ rupha vroi ga awoi nhũ muđã anẽh bẽn
tết ga cumoi.

Madah awoi nhũ matai vloh,
Jữ pajau ga apat wờq làiq anảq cachua,
Madruh adoi cumoi jợc awoi nhũ vroi takiah pioh
Caya anãn, jacar ngãn đu caya dòq wờq
Vùq pajau pa apat ga sa-ai proc cachua va sa-ai
Oh jợc sa-ai proc va cachua
jữ vroi ga cumoi adoi manuĩh tiluiq.
Madah buh hmũ adoi cumoi ke tiluiq oh
jữ pajau pa apat ga anảq cumoi tucot
Oh jợc si pajau ga apat ga anảq uràc lacoi
Manuĩh uràc jợc hmũ pajau pa apat drũ
mãq chakhaq pioh rumiãq

Vroi ga dingōq nhū tamāh prōng ghōng hē dòq bēn
 Nhū tamāh thōu pac joh lah voh gilo, sapuah padai
 Thōu pac si djàq an'iq, djàq wac
 Tamāh chhuh ga vuh cawat pariaq
 di tacuai vuh còc di tacuai tangān
 Thōu chhuh dac anhūq, jruān chruah iaq anhūq acoq
 Hē dòq ðih chacuat dalap sal, dalap gumat
 Hē amā dòq pùq, awoi dòq pamām dòq chiac
 Khūng oh uràc soi, uràc hagiq hmū sawah
 chaga sa muđa caya hĩa.
 Ai adoi gưq lacoi, sa-ai adoi cưq cumoi tamō
 v'iq padoc padōn si gưq
 Oh joc khiāng bluaq ngāq val'oiq cat'urq nhū
dòq bēn maluh
 Ngāq bluaq val'oiq acoq vidōc nhū oh-cah
thōu sidor thōu sinin
 Vù di tuc hatai nhū oh -cah thōu si pamuc
 vù pa amiāq pioh khiāq
 Vù mǎq pioh gajiq nhū pioh rumāq madruh
ga an'q ga sudiq
 Manuīh giq uràc si prōng ph'inq pad'iq hatai,
 prōng ph'inq la-a guar
 Buh di caya jacar hĩa vù hoq ia muvah
tavadahia tubuai
 Dalap tuc vuc nhū tamāh calop, dòq drūi rihūi
la acoq dlo.

Khĩnsi sawah si chaga, đượ licùq likieh si mǎq tleq
Nhũ ngǎq mǎq mata hadua bòq awoi amǎ adoi ai
Nhũ ngǎq djǎh ga paloi tanǎh uràc vùq halot
bòq còq mata
Nhũ ma-ánq lươi ga lǎng tanǎh mǎq gadi padi gadha
peq charanǎ dlàiq traq
Nhũ vùq vayar wòq làiq caya anǎn jacar
ngǎn tamǎh ga nhũ mǎq.
Nhũ vùq đrũ ga chhũnq payaq vǎhng ahiùq
dlàiq madueh.

ga Mủq Cơi awoi amǎ
Vùq chhũnq vù traq mǎq dlàiq boc catừq
Vùq viaq lươi ga oh manũih soi uràc hagiq ngǎq đòm
suaq magru yư nhũ hĩa.

Phân chia tài sản của người chồng đã chết.

- *Người chồng đã chết*

Thì cái ní, cái uất

Cái chà gạt, cái rửa,

Cái rìu, cái gùi có quai,

Cái ná, cái ống tên,

Cái cong đeo tay,

Đến cái vòng đeo cổ

Mọi thứ đồ dùng của nó đều được tự do

Không ai được giữ lại ngay cả vợ nó

Phải trả về cho mẹ đẻ nó

Nếu mẹ đẻ nó chết

Thì chị em gái thừa kế
Được nhận giữ, được quyền sử dụng.
Cái đó có từ xưa,
Ai mà không biết.
Kẻ nào cái bụng không tốt,
Cái đầu không tốt
Thấy của mà thèm,
Thấy đồ mà thích
Muốn chiếm giữ lấy
Là không phải phép
Làng sẽ xử phạt nó
Để không ai dám làm trái nữa.

Nếu người đã chết
Lúc còn sống đã chịu khó chịu làm
Nó bầy được nhiều con heo, con nai,
Nó bắt được nhiều con heo, con nhím,
Nó biết đổi ra nhiều món đồ xưa, đồ quý
Chén sứ xưa, mâm thau đen, mâm thau trắng
Nó có cái vòng đeo tay, cái vòng đeo cổ
Cái nhẫn đeo bằng bạc, bằng vàng
Nếu nó giàu có nhiều của nhiều cái
Thì phải chia một phần khá hơn cho mẹ nó
Nếu nó nghèo chỉ có chút ít của cái
Thì chia cho mẹ nó phần nhỏ
Nếu mẹ nó chết rồi,

Thì giao lại cho chị gái đầu lòng
Hoặc em gái được mẹ cho kế thừa.
Của cải, tài sản còn lại
Phải giao cho con gái đầu lòng
Không có con gái đầu lòng thì giao cho con gái út
Không có con gái út thì giao cho con gái khác
Không được giao cho con trai.
Đứa được giao nhận giữ của cải
Cho dù nó đã lớn hay còn nhỏ
Nó đã biết mang cái gùi nhỏ, cái gùi vừa,
Nó đã biết bẻ trái bắp, suốt bụi lúa
Biết cầm cái ní cầm cái uất
Đã thích đeo cái vòng bạc trên cổ trên tay
Biết thích cái dây cườm, cái đầu cườm
Hay còn nằm trong tã lót
Hay cha còn ẵm, mẹ còn gùi
Cũng không ai được tranh giành phần của đó
Anh em trai, chị em gái khác phải giúp đỡ
Che chắn cho đứa được giao tài sản
Không được lợi dụng nó còn nhỏ
Lợi dụng cái đầu nó chưa biết nghĩ
Cái bụng nó chưa biết lo mà chiếm giữ
Mà lấy cho mình dùng hoặc cho vợ cho con.
Kẻ nào cái gan to, cái mặt lớn
Thấy của cải đã chảy nước miếng
Cái bụng nó tham, cái đầu nó mê mẩn

*Dám tranh đoạt, lén lút lấy cắp
 Nó làm xấu cái mặt cha mẹ anh em
 Nó làm xóm làng phải mắc cỡ
 Nó đáng để làng xử phạt nặng
 Nó phải trả lại của cải tài sản đã lấy
 Nó phải chịu phạt tạ ông bà, cha mẹ
 Phải phạt nặng để không kẻ nào bắt chước nó.*

7. Của cải của người con trai chưa có vợ phải giao cho mẹ hoặc chị em gái cất giữ.

(Lacoi cah sudiq oh joc jacar ngãn luoi ga gưq awoi gưq cumoi adoi tiluiq rumiãq)

+ Rác anãq lacoi nhũ oh cah thour mãq sudiq
 Khư vù nhũ tamãh thour ngãq poh sanũq, ngãq boiq,
 ngãq suã ga ralo dlai: rusa, chacuai, maja, casuã...
 Nhũ srãnq ga nãu peq voh dlai, peq sula
ngãq riaq, ngãq pajrau
 Nhũ vloi sãm hmũ jaluq pagat, hmũ joc chawàt
khĩng vungã
 Nhũ pamuc hmũ joc còc mãh, cawat dùq
 Nhũ canã dòq sa rubũp di dahnỏq si awoi
si amã si adoi ai
 Jừ nhũ vùq vroi ga awoi nhũ dòq wỏq jừ gưq cumoi
 ai cachua nhũ, gưq cumoi adoi tiluiq
 Madah ga awoi nhũ oh buh dòq wỏq
 jừ gưq cumoi sa-ai ngãn rumãq iaq
 Catừq nhũ padĩq, nhũ huaq papiap

Người được giao giữ tài sản cất giữ
 Lúc nó đau, nó bệnh thì có cái để lo
 Phòng khi nó có việc gì cần mà dùng
 Không cho nó tự ý ném tiền ra suôi
 Không cho nó gặp kẻ lạ mà đưa
 Nếu nó có của cải riêng mà không đưa
 Không giao cho mẹ hoặc chị em cất giữ
 Là nó làm trái tục lệ phép tắc của ông bà
 Nó là đứa có tội phải chịu làng phạt.

8. Anh em trai lợi dụng người con gái lớn (thừa kế) còn nhỏ lấy cắp tài sản đem bán hoặc tiêu xài.

*(Ađoi sa-ai pahliop pahlop cumoi cachua dòq bẽn
 mãq dlēq jacar ngãn mãq paplōi madruh parai parai)*

+ Chìc, chhar, khai, salau,

Salau suvat, goq kic goq cãng, chawat vungã

Inã jaròc, cuvau lamo

Duc, yòt, tròq, vanro, achúc so sada vahrou
rivou didoi

Avih mũ akhàt thừq ngãn hagiq Mủq Cơi awoi amã
lươi vờq mucal jumã

Diou dalap di asal mal papiáp iaq pavaq caya tikiah
caya pioh khiãq mãq dirai

Ađoi ai gưq cumoi sa-ai proc vìq pada padõn
ga nhũ pioh ga nhũ rumiaq iaq pavaq

Vro ga đingõq nhũ dòq canã ãih chacuet

dalap sal avat bar

Vroi ga dingōq di nhũ oh-cah thour si sinĩng si papuq
 Nhũ khũng anảq cumoi, cumuãn cumoi
 pioh takiah ga caya
 Nhũ còh manuĩh uràc pãng pahmũq iaq pavaq
 caya anãn jacar ngãn uràc luoi wòq làiq
 Oh uràc soi manuĩh giq jòc pasiàp pagila
 pahmũ caya di nhũ cayua ga nhũ dòq bẽn maluh
 Oh uràc soi manuĩh lèq jòc si pahmũ pagila di nhũ
 oh-cah thour hagiq hĩa
 Vù duah patoiq galòc mãq tleq, mãq ràq,
 mãq caya anãn
 hĩa khiãng ga pioh
 Vù pagila pavuòq khiãng ga mãq caya
 anãn jacar ngãn
 luoi vanâu pavloi
 Uràc soi manuĩh lèq vù buh hatai tiat đou
 ghõng samũ,
 đou salau đou puat
 Uràc soi manuĩh lèq prõng phĩng pađiq hatai
 đou jaluq đou chawat
 Khĩn si ngảq du didiàc tapleh asal adăt caya
 Mủq Cơi
 Manuĩh hĩa còh ràc manuĩh buh duh buh
 gadha si chhũng
 si madueh lãng tanãh charanã ga dlàiq
 Madah nhũ camlahpaduq tah weh oh akhàt

*Không kẻ nào được lợi dụng nó chưa biết gì
Mà tìm cách lấy cắp của cải đó mà dùng
Mà lừa gạt lấy tài sản đem đi bán
Kẻ nào có cái gan lớn bằng mâm thau
Kẻ nào mà mặt lớn bằng cái chén sứ
Dám làm cái điều trái lệ ông bà
Kẻ đó là đứa có tội sẽ bị làng phạt
Nếu nó gian dối không thật thà
Dấu cái bụng xấu, cái tay xấu
Không nhận việc xấu xa đó
Không chịu trả lại cái vòng bạc, cong vàng
Không chịu trả lại cái chén tô sứ
Làng có cách làm cho nó phải nhận tội
Không ai qua được phép thử của làng.*

**9. Người chồng không được lấy tài sản của vợ,
của con gái đem về nhà cha mẹ mình.**

*(Vusàc oh jìoc mãq jacar ngãn caya sudiq nhũ, anảq
cumơi nhũ va vờa pa sàc)*

+ Nũ du đu caya jacar ngãn,
caya ngãq caya Mủq Cơi amã awoi luoi wờq làiq
Manuĩh iaq khiãq pajau pa apat còh sudiq hẽ
madrũh manuĩh anảq dơi anảq cumơi dơi
Nhũ ảiq, nhũ tikiq, nhũ lageh, nhũ djãh
yư hagiq hawar
Oh ma-ưc sức jac tawaq hagiq tởl manuĩh
ngãq vusàc

Oh ma-ưc sục tawaq pajac giq tól manuĩh amã
Ai urac oh jóc ngãq asal rạc vù mãq va paq sàc
Oh jóc mãq va ga anảq sa-ai gưq cumoi proc
cachua adoi tiluiq droi

Cayua ga uhĩa còh mada rai caya ngãn caya
va uah ga sudiq

Nhũ ngãq yư nũn còh oh djuq pateq
Nhũ ngãq yư nũn còh gắp paruaq adât asal Mủq Cơi
Nhũ vìq vanâu vayar wòq làiq avih tih
Madah nhũ talla tangãn ngãq pavloi vìq
vloĩ caya tamõ tucot sidua srũnq vroi
Madah nhũ cayua ga voh cãn samãn cãn
jahmãn pahiãc pajiaq

Yư vida wai lawoh di yaq trà vìq pajũp payar ga rạc
Yù nhũ vìq tinhã luoi ga tùq tinhã luoi
tùq vayar dadac

Khư vìq pa-iaq ganõn patla thut mãq vilat si
vayar tól du sùp

Madah sudiq nhũ khũng sa tuc sa hatai
Mãq vanâu luah, vanâu pavloi avih
mũ voh sàc saleq pioh bưc
Sa-ai proc cachua vanah ga sudiq khũng
saleq sa gưq

pioh bưc pioh angũi pioh
Jừ oh vhorn hagiq oh vìq iơu peq mãq charanã
va chhũnq,

vù dlàiq vaya ngãq asừq
Khu lavuq panōq nhũ vùq pōl vhãnq ahùq
pa vithừ si Mủq Cơi.
Khuôn nhũ vùq pōl lacừ iừ lầiq lacừ
amã lacừ awoi
Vloh hĩa jừ vahừu jợc adăt asal ngãq hagiq si ngãq.

Người chồng không được lấy tài sản của vợ,
của con gái đem về nhà cha mẹ mình.
- Những tài sản của ông bà cha mẹ để lại
Người giữ là vợ hoặc con gái mình
Nó nhiều, nó ít, nó tốt, nó xấu
Không mắc mớ gì đến người chồng
Không mắc mớ gì đến người cha
Anh ta không được phép lấy về nhà
Không được lấy cho con chị em mình
Vì đó là gia tài của bên nhà vợ
Nó làm như thế là không đúng cách
Nó làm như thế là phạm phép ông bà
Nó phải đem trả lại tất cả
Nếu nó lỡ bán phải mua cái khác thay
Nếu nó vì chuyện khó khăn hối thúc
Như bị thua kiện phải bồi thường
Thì nó phải hỏi mượn, hỏi vay
Nhưng phải hứa trả đúng kỳ, đủ số
Nếu vợ nó cũng một bụng một lòng

*Đem đi đổi, đi bán cả nhà cùng xài
Chị em gái bên vợ cũng cùng tiêu xài
Thì không việc gì phải xử, phải chịu tội
Nhưng chúng nó phải cúng xin ông bà
Chúng phải cúng xin cha xin mẹ
Rồi mới được phép làm.*

10. Mua bán không tính toán

(Caq papơi oh tĩng yàq)

+ Caya angãn du jacar oh vừq tở gajìq nhũ
vù hmũ dòq rai dòq dòq vù hmũ gajìq
Nhũ mũ sanũq poh pìc siap saluc pabac churoc
tuho cadòp nōng
Hadu hmũ ia gumraq ia hunĩ síc gumraq srũh
hunĩ, hōng driãn
Gui plaq mãq padiac hadu vilàt payàt apu drap,
vruãq bớc tấp di garoc
Tacai lucòc pagaq vlàq hadu tùq garoc chroh ia,
hadu voh chừq dlòc
Madrũh lèq còh caya coi mủq lươi vờq làiq,
chi anãh chriah rupha nhũ chah àq ràq mucơ
Oh jợc pavlơi rai, caq pa-ầuq
Oh uràc sơi manuĩh hagiq lèq vanãu jĩn caya
vù dlop vawợc vanãu ladũm vừt rap cadap sumpai
Ai manuĩh lacơ capĩng mata vlơi rờp vờp
Sa-ai cumơi proc ràc pavlơi yư dlop parah taq paralau
Ngãq ga sudiq iãu chau, ngãq ga vusàc thoc
chau đầu hluợc

Voh pateq suaiq asal adāt adiâu caya lãng
 tanãh palõi ga urac tamãh hmũ mũ pataq jumã
 Voh ukhit pagãn, voh mubar pagac
 tamãh hmũ adāt adar jucal cadõp nhũ
 Madah lavuq khuõn nhũ oh drũ ga chhũnq
 duh dlaiq madueh
 Jũ po poh janũq jup jalat mũ cal nhũ viq droi
 dòq ta hĩa hã viq mãq viq catuq
 apoc pitiat inã janoc viq peq payah gadi gadha
 chuah tapleh caya khuõn nhũ ngãq hĩa.

Mua bán không tính toán

*- Cửa cái không phải tự nhiên mà có
 Nó từ cái bẫy mang cung, bẫy sập
 Bao nhiêu mật từ tổ ong ruồi, ong sất
 Gửi bao nhiêu mùa rẫy trên lưng
 Chân lội qua bao lần suối, bao dốc cao
 Hoặc là của ông bà để lại, chia phần
 Không được bán bừa, bán ẩu
 Không ai đem tiền của mà ném vô bụi cây
 Anh đàn ông nhắm mắt mua liều
 Chị đàn bà bán như cho như bỏ
 Làm cho vợ giận, làm cho chồng giận
 Làm cho người trong xóm làng chê
 Làm cho các đầu khôn nổi giận
 Có già làng mà nó không thềm hỏi*

Có đầu khôn mà nó không biết hỏi
 Nó quên khăn choàng áo mặc
 Nó quên rằng trẻ lớn khôn nhờ người già
 Kẻ nào dám mua ầu bán bừa
 Là những kẻ đáng tội phải chịu phạt
 Vợ làm sai thì anh chị ruột phải đến xử
 Chồng làm sai thì anh chị ruột chồng phải đến xử
 Cái phép cái lệ của làng đã có từ trước
 Điều cấm đã có từ ngày xưa
 Nếu chúng không chịu phạt
 Thì ông mỗi ông mai phải chịu
 Giòng họ phải xử việc sai của nó.

11. Mượn đồ vật không trả

(Tùq caya oh vayar)

+ Vát nhũ hĩa vu buh hmũ goq cac, suwat goq còc
 ga icuai prõng inã lêng bũng lĩng bai lùq
 Pavát nhũ hĩa hmũ sumác tacai salau tuh
 lùq ngãi nãu
 Buh hmũ oh du jaluq chawát sadaq lawiç
 Buh catuaq djruah hòq cayah di vhorn ngãq juh vìq
 nãu ngãq tùq ngãq chapaq mãq didiac
 Manuĩh urác tòt hatai ga mata manuĩh
 còh anãq urác
 canĩ jù vroi ga nhũ ngãq tùq padùq didiac
 Yư nũn vù vát nhũ nguãih dòq pariç ga
 padđloh vayar

Oh jor tùq dadac caya siàp lageh, vayar
wòq caya djāh
Madah còh jacar tùq pađùq, tùq dadac còh
caya Mủq caya Cơi
Vịq ngāq mủ chhũnq payaq v्हānq ahùq tàq vidhi
nhũ wòq sa đrơi un tlou chagàp jro tapai sa jro
Madah còh chhar jừ vịq ngāq Yàc mủ un,
manũq su tapai

Mượn đồ vật không trả
- Hẩn không có cái nôi đồng to
Hẩn không có cái mâm thau
Không có bát đĩa cổ xưa
Có việc cần nên đi mượn
Người ta thương tình cho mượn
Vậy mà hẩn cố tình không trả
Hẩn cố ý lừa gạt của người khác
Đem đổi lấy tiền, lấy gạo mà ăn mà xài
Hẩn là kẻ xấu xa
Mồm hẩn nói một đằng
Tay hẩn làm một nẻo,
Mắt hẩn nhìn đằng đông,
Chân hẩn đi đằng tây
Nếu đã trẽ hẹn mà hẩn không chịu trả
Thì phải xiết nợ hẩn
Nhà hẩn có cái ché cổ, mặt mã la xưa
Nhà hẩn có đồ gì đáng giá thì cứ lấy

*Không có tội tình gì phải sợ.
Nếu vật mượn bị hư hỏng
Cái ché cổ bị bể,
Cái nồi đồng bị đứt quai
Cái chén cổ bị mẻ bị bể,
Cái mâm thau bị bể
Thì phải trả lại như cái đã mượn
Không được mượn cái tốt, trả cái xấu
Nếu vật mượn là của ông bà người ta
Phải cúng tạ 3 tay heo và rượu
Nếu là mã la thì phải cúng heo, gà, và rượu.*

VII. TỘI TRỘM CẮP

1. Không trộm cắp của người khác.

- + Păp tuvơu oh payơr thoc,
Păp troc oh payơr tangăn
- Gặp cây mía không thò con dao,
Gặp trái cà không thò tay.

Người Raglai coi hành vi "trộm cắp chiếm đoạt tài sản của người khác" (Tleq ràq mãq chaga pa-amiaq đu caya jacar ngăn caya anăn gưq tucot tamō) là việc làm xấu xa nên thường xuyên giáo dục con cái từ trong gia đình, nhỏ nhất như trái cà cây mía. Họ nhắc nhau:

- + Thiơq di hã jừ lacơu di cơu,
Thiơq di cơu jừ lacơu di hã

- *Khi mày thiếu thì xin tao,*

khi tao thiếu thì xin mày

+ Lageh oh voh tleq ràq phàq sawah caya gưq

Jừ ta lèq vù iơu chõm paloi adoi ai di gưq wòq!

- *Không tốt đẹp gì việc ăn cắp phá phách của nhau. Làm vậy thì còn đâu mà kêu là xóm làng anh em với nhau nữa!*

Hành vi trộm cắp của người khác không chỉ biểu hiện thói tham lam xấu xa mà còn không qua mắt được thần linh ông bà. Ai có hành vi trộm cắp sẽ bị ông bà quở trách và của cải của mình cũng không vẹn toàn. Họ khuyến cáo - cũng là lời khuyên rửa kẻ lười nhác không chịu làm ăn lương thiện chỉ chuyên trộm cắp

+ Charoh varah nguãiq rupau

Tariq ngãn caya, blưq mủq coi

- *Đứa nào trộm cắp mà ăn rồi sẽ bị ỉa chảy sưng phù lở loét ói máu mà chết*

Của cải bị suy sụp và bị ông bà quở

Trong dân gian còn lưu truyền câu:

+ Tleq ràq phàq sawah

Tleq ràc phàq bõm

Mỏq Ratia uràc tia tangãn

- *Trộm cắp phá phách giết giọc*

Trộm cắp phá phách bọm bãi

Bà Ratia bị người ta dãn tay

Kể sự tích bà Ratia chuyên ăn cắp phá phách của người, xử đi xử lại, hứa hươu hứa vượn mãi không chừa...

người ta không thêm xử gì nữa, mới dùng búa đập gãy hai tay rồi bỏ mặc xác...

2. Trộm cắp lương thực khi còn tại nương rẫy

(Tleq ràq phàq sawah, đu jacar caya anãn,
djap ruq gilo padai tấp dalap apu)

+ Oh jợc gajìq luaq tamã apu gựq,
gajìq peq gilo plười tumũn...

cờh sanõh dlừh sanẽq vida Po apu;

Yàc pu saganã ganã ganuar mãq

rumõng pah su vida tamã vừ matai...

- *Không được tự ý vào rẫy nhau,*

không được tự ý hái bắp, bí, dưa...

là hiểm họa cho gia đình Chủ rẫy,

Nhang Chúa thần sấm sét, thần linh bắt

con cộp chụp làm bị thương, trọng thương mà chết...

Kẻ nào có lỗi Chủ làng buộc kẻ đó phải đền bồi lại những thứ đã lấy và phải chịu phạt 1 con heo 3 tay, 6 con gà, 1-2 ché rượu cho Chủ rẫy làm lễ cúng Nhang rẫy - Yàc apu.

3. Trộm cắp lương thực khi đã bỏ vào kho

(Tleq ràq caya bợc gadãc gilo pừq gilo tamã duai)

+ Đìq pừq yừq dahnuõ,

Puoh bac mãq padai

Puoh suai mãq icàt ràc... jừ jợc oh

- *Lên nhà gõ vào gác bếp,*

Mở cửa tự lấy lúa

Mở đọ bắt cá của người ta... thì không được

VIII. LỪA GẠT, CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN

1. Tội cưỡng đoạt tài sản

(Mãq sawah jacar ngãn caya anãn đũ caya)

+ Pavàt nhũ hĩa yeh dơi ga khãng prãn khac

jaghaq galuh mãi paq sàc ràc

Galuh mãi paq war cuvau uràc

Tleq mãq sawah, mãq caya anãn,

dui cuvau uràc manuĩh ràc

Manuĩh ràc oh huoiq amõi huaiq cayah di

nhũ vát mata nhũ

Uràc doq soh oh mãq caya hagiq di srẽ si nhũ

vát mata nhũ

Vù vát usar mata ga nhũ sawah tlay caya uràc

di mata blaq di vaq jưq àq manhĩ

Nhũ pavàt hĩa oh djaq manuĩh dalap paloi

Mỏq cumuãn anảq ke ràc dòq dalap paloi

oh buh manuĩh tleq phàq mãq bưc caya gưq oh

Viq duah iaq anhãng ga buh mãq di vát

susar mata usar pavàt

nhũ tuviaq paq aga ga lãng tanãh paloi gah dơi

lươi ga charanã catoq dlàiq vayar caya paq nĩ.

Tội cưỡng đoạt tài sản

- Hãn ỷ mạnh xông vào nhà người ta

Xông vào chuồng trâu người ta

Cướp lấy của cải, dắt trâu người ta

*Người ta không nợ gì của hăn
Người ta không lấy cái gì của hăn
Mà hăn cướp của người ta
Hăn không phải là người trong làng
Bà con trong làng không ai ăn cắp của nhau
Phải tìm bắt hăn mà xử tội.*

IX. BẢO VỆ TRÂU BÒ GIA SÚC

1. Trâu bò phải có chuồng, có dây buộc

(Cuvau lamo j̄oc war, j̄oc taloi)

+ Apu drap j̄oc c̄oc j̄oc pawar

Cuvau lamo j̄oc war j̄oc taloi

- Rã̄y phải có ranh có rào

Trâu bò phải có chuồng có dây buộc

2. Trâu bò bị sa bẫy

(Cuvau lamo vida djrũh b̄oiq)

+ Caih dlai drap apu j̄oc war pagàc

Caih j̄oc sanũq pabac churoc tuho

Apu drap Mũq C̄oi pu pajàc caya paj̄oc

caih dlai Pu Via Vhũm riya asũq giq caya hĩa

Drap apu manuĩh ràc po ràc hmũ j̄oc asal si

ngãq sanũq pabac poh saluc churoc tuho

B̄oiq ga inã dlai, maja, rusa...

Apu oh v̄r̄oi inã ralo dlai tamã luaq

b̄oc pa ròc ngãq dl̄oi caȳou voh

Vanāu siq ralo bōc di matah, bōc sara
 Tikìq cuvau jama-au khrūm vanuāq dòq di lōt
 oh vuboq..
 Du voh djāh chĩa khūng tōl pahmūq lingĩa palōi
 Jūr vīq vayar wōq làiq cuvau matai luah
 cuvau hudīq
 Taluōi vū manūq ròc coh caya Mūq Cōi uràc
 Vīq drū tuvuh vayar chhūnq dlàiq
 chhūnq ga Mūq Cōi sàc uràc
 Sa droi un tamō drū gaga ga vayar cōh tlou chagàp
 tōl limā chagàp un tamō wōq, limā droi manūq,
 jro tapai

Trâu bò bị sa bẫy
 - Rừng rẫy có ranh có rào
 Rẫy rừng nào có ông bà ấy
 Rẫy người ta có quyền làm bẫy
 Bẫy con thú, con chồn, con nai...
 Bẫy không cho thú rừng phá cây phá trái
 Con thú rừng mắc bẫy
 Muốn bán, đổi, ăn thịt tùy bụng
 Không việc gì phải báo với ai
 Rẫy rừng người ta gài bẫy gì cũng mặc
 Gài bẫy phải làm dấu, phải báo cho làng
 Trâu bò sống chuồng vào rẫy người ta
 Nó vương bẫy bị thương bị chết
 Chủ rẫy không việc gì phải đền

Chủ rầy phải thông báo cho làng,
 Cho chủ con vật biết sự việc
 Có hạn 3 ngày không ai tới nhận
 Chủ rầy muốn xẻ thịt cứ xẻ
 Muốn thui mà ăn thì cứ thui
 Không việc gì phải lo phải ngại
 Nhưng nếu không thông báo
 Ngậm miệng im tiếng im lời
 Thèm ăn miếng thịt miếng lòng
 Thèm ăn miếng da, liếm chút mỡ
 Dem xẻ thịt ăn tươi, ăn muối
 Cái sừng trâu dẫu dưới đất không mục
 Cái việc xấu cũng đến tai làng
 Thì phải trả lại con sống bằng con chết
 Rủi mà con vật là của ông bà
 Phải chịu nộp phạt tạ ông bà người ta
 Heo 3 - 5 tay, 5 gà, ché rượu.

3. Tự ý bắt giết vật nuôi vào vườn rầy mình

(Ga dơi mảq tluq pamatai manũq caya urac)

+ Manũq caya ròc nãu chhuah tipa mãi paq

võn apu dơi

Nhũ ranãq vlah bợc thừq caya giq,

urac vaya caya hĩa juh

Nhũ bợc paranãh vlah tikìq jừ vayar wòq tikìq

Nhũ bợc paranãh vlah ảiq jừ pùq vayar ảiq

Dãt panuãiq peq asal urac peq charanã

mucal ranĩ tamãh hmũ

Nó phá thứ gì, người ta đền thứ ấy
 Nó ăn phá ít thì đền ít
 Nó ăn phá nhiều thì đền nhiều
 Phép xử của làng xưa nay đã có
 Kẻ nào tức giận con trâu con bò
 Kẻ nào vì tức giận người chủ nó
 Kẻ nào vì ganh ghét người chủ nó
 Mà lừa con vật vào bẫy cho đã giận
 Mà đánh bị thương, đánh chết con vật
 Kẻ đó cái bụng không tốt, cái đầu không tốt
 Kẻ ấy làm trái quy định của ông bà
 Lý lẽ đã có từ xưa
 Phép tắc có từ ngày trước
 Kẻ ấy đáng bị làng xử phạt
 Kẻ ấy đáng bị đền phạt tạ
 Nếu con vật thuộc tài sản ông bà
 Không việc gì phải đền hoa màu cho nó.

4. Đối xử tàn tệ với vật nuôi

(Ngãq djãh ngãq paròc manũq ròc)

+ Manũih haloi po sợi cayua ga hatai liat
 vuc tuc takiãq bẽn
 Manũih di haloi po sợi giq buh manũih tucot tamõ,
 hmũ buh caya
 Buh di urac hmũ gilo ảiq padai lu makhưq
 Hmũ ảiq cuvau, ảiq lamo
 Vù rinãi vù chaga get ngãq pa rạc paparòc
 di tlęc muvai

Oh uràc sơi si ngāq amā awoi adoi ai hagiq
si nhũ hĩa cayah
Buh uràc sơi mantũh hagiq vù uràc anĩt
jumān giq di nhũ hĩa wòq
Paruh patiàq nhũ đũaiq nãu dòq la caih dlai
yư vavui, rusa, rumõng, ula...
Vàt nhũ hudiq, vàt nhũ matai giq oh ma-uc
di rivou rai
Cayua ga vàt nhũ ma-ảnq si pasi q si matai
pachrãi si paluiq suàt

Đổi xử tàn tệ với vật nuôi
*- Kẻ nào vì lòng dạ nhỏ nhen
Kẻ nào thấy người khác có của
Thấy người có nhiều lúa nhiều bắp
Có nhiều trâu, nhiều bò
Mà ganh mà ghét tức hờn
Mà muốn làm thiệt hại cho bõ ghét
Kẻ có cái bụng độc ác, cái đầu hung hăng
Kẻ không khiến được cái tay cái chân
Hung hãn không biết kiềm chế
Vô cơ đánh đập gia súc người ta
Phải phạt hấn bồi thường thiệt hại
Phạt tạ cho xóm làng, chủ làng
Hấn phải hứa không làm việc xấu nữa
Nếu hấn hứa mà không giữ lời
Làng phạt nhiều lần mà cũng không chừa*

*Hắn cứ điên khùng làm thiệt hại xóm làng
 Cái đầu hắn không biết đúng sai nữa
 Cái tai hắn không nghe việc xấu việc tốt nữa
 Đã đến lúc phải vứt bỏ hắn ra khỏi xóm làng
 Không ai là cha mẹ anh em gì với hắn
 Không ai còn thương tiếc gì hắn nữa
 Đuổi hắn chạy vào rừng sống như con heo, con nai,
con cọp con rắn
 Hắn sống, hắn chết mặc xác hắn
 Vì hắn đáng tội chết.*

X. QUẢN LÝ TRÂU BÒ VÀ GIA SÚC

1. Trâu bò phá hại hoa màu

(Cuvau lamo ngãq thit ngãq dlaiq
 caya hmũ caya jacar padai gilo)
 + Manuĩh buh hmũ cuvau lamo
 vĩa thũ pãng si iaq pajàc pioh rumiãq
 Cuvau lamo jàc patla ga nãu bợc rợc
 Vĩa joc dahnoq lơc dhai tanuãi hariq
 Joc dlợp b'lạc khàc man'aiq jợc panroh jợc casợc
 Panroh tanợc dlaiq adhaq lượi ga cuvau
lamo bợc rợc
 Adãt vhiài mũ Mủq Cợi lãng tanãh chỡm
palợi padah pato
 Drap apu vĩa hmũ gạc, hmũ p'awar, jợc sanũq
jợc pagac hmũ

Cuvau lamo vîq hmũ war, hmũ coc paròc pagàc
Manuĩh buh hmũ cuvau, hmũ lamo vù
ngãq patla dhai

Manuĩh buh hmũ cavau lamo vù pablơ paluoi
Luoi ga nhũ tahluh war tuviah nãu paq aga
Nãu galòc vrùq, nãu galòc tamã,
Luaq tamã dloĩ rasah ravo avih lavuq gilo, lavuq padai
Tahluh tul vinũh tloh avih hureq pluoi, hureq viluai
Patlah palah tayah tasroc avih nũĩ di cayou
voh titaiwai ràq uràc

Po nhũ vîq drũ chhũnq vayar, drũ dlàiq madueh
Oh buh uràc soi midah si camlah chura joc
Madah nhũ tanō bəc tikiq hlàq,
Tikiq catưc phut, tikiq lavuq
Jù dloĩ tayah vlah rahnōp hadu, thit hadu
CƠ yu hĩa tĩng vayar wòq làiq ga uràc manuĩh
po uràc

Buh hagiq giq vîq camlah
Buh hagiq giq oh vîq đờp
Madah nhũ bəc palah uãn di àiq,
Ngãq vroi roi rupha vungãq gilo padai,
usar padai sanōh apu
Ngãq chhũnq chhau usar gilo dluh sanōq keq vida
Cayua ga uràc giq, uràc soi khũng tamãh hmũ,
tamãh thৌ vloh

"Usar vijeh còh sisrit lacoi,

Usar sisrít cumoi Pu pucòq Mòq pitih,

Hluh mũh sadah croh cumoi, dãm sisrít

raniq pariaq...

Iaq pajac sãm srít rumít rumiãq cayou pila

va voh vjeh,

vjeh vjhiac gilo padai

Vjeh padai, rumuãi cator... caya manuĩh Raglai,

Còh khiãq iaq pioh rumiãq vjeh jaròc còc janãi

yũ anãq manuĩh"

Cayua ga buh di vjeh còc cadòc yawa droi

tacai nhũ di löt riya ia djuh

Acoq nhũ tumũh dũh tac gavac dac liq

Ngãq ga nhũ pòr vungãq, catuaq asur

Coh ngãq ga langĩq tasiq juàt huh hur

ngur cadũq chau rumãu

Löt langĩq tasiq juàt huh ngur

Jũ paduh padueh chhũnq dlàiq ðou chõm

ðou paloi tanãh

Cayua ga hĩa manuĩh po cuvau lamo

Ngãq paròc pavrai di cayou di vjeh

Ngãq vroi ga vjeh usar ruiq droi huoiq payaq cheq

Jũ viq pamuc ngãq caya pòl mãq sa-ùq

Pòl v्हãnq chhũnq payaq v्हãnq hou iou di-a

chhũnq dlàiq di Yac ravac Pu saganã

ganã ganuar

Pu su Mũq Suõn gilo padai rumuãi atóp

daràq pila pajoc

Mủq Cơi, Guơr gilùq uràc sumlah

Panuãiq gadha va pól ganã ganuar si sumlah

sa dơi un, tlou tól limã chagàp,

limã dơi manũq, sa jro tapai.

Madah tuq patoq jumã

Nhũ tatla taluoi di tangãn vù pajoc vamã

Parai pavrai chrai oh ma-ãnq si hadu,

Dalap di vôn di su apu oh buh còc paga gac pawar

Vôn apu lavuq su oh buh war anròq còc

pagac sanũq cứq

Jữ tanõ vayar ranõng wòq làiq sùp vida paròc

pavrai dơi tasàiq

Su sa dơi manũq, sa jro tapai

Lươi ga dua gah sàc dahnỏq pava si gưq

dòq jeq gápíc jeq pheq phia gưq.

Trâu bò phá hại hoa màu

-Kẻ có trâu bò phải biết giữ gìn trông coi.

Trâu bò chăn thả đi ăn

Phải có chỗ đất hoang tự nhiên,

Có bãi đồi đất trống, có rẫy hủi,

Rẫy hoang để trâu bò đi ăn.

Tục lệ ông bà, làng xóm khuyên dạy

Rẫy bãi phải có ranh có rào

Trâu bò phải có chuồng có chặn

Kẻ có trâu có bò mà lơ lửng

Kẻ có trâu bò mà lơ là lơ là

Để nó sống chuồng ra ngoài
Đi đàng đông, đi đàng tây
Phá hư đám lúa, đám bắp,
Ủi đứt dây bí dây bầu
Phá hư cái cây cái trái người ta
Chủ nó phải chịu lỗi, chịu phạt
Không ai có thể cãi chối được
Nếu nó chỉ ăn ít lá,
Ít khóm, ít gốc
Thì hư bao nhiêu, mất bao nhiêu
Cứ đền lại cho người ta.
Không có gì phải cãi.
Không có gì phải nói.
Nếu nó ăn phá nhiều,
Làm cho lạc hồn hột lúa,
Làm lạc vía hột bắp,
Vì ai cũng đã nghe, cũng đã biết:
"Hạt giống là hạt ngọc trai,
Hạt ngọc gái, hạt ngọc tinh khiết; trắng trong
Giữ gìn cây con, giống lúa,
Giống bắp, giống bo bo... của người Raglai
Là giữ gìn nòi giống"
Vì sự vật chân nó ở đất,
Đầu nó đội trời,
Làm cho nó bay hồn, lạc vía
Là làm cho trời đất nổi giận.

Trời đất mà nổi giận
Thì phạt cả xóm cả làng.
Do đó người chủ trâu bò
Làm hại cây cối,
Làm cho hạt giống sợ hãi
Thì phải lo lễ vật
Cúng tạ lỗi thần linh trời đất,
Thần giống cây trồng,
Ông bà, tổ tiên người ta.
Lễ vật cúng 1 heo
3 - 5 tay, 5 gà, 1 ché rượu.
Nếu lần đầu tiên
Do bất cẩn mà gây ra
Thiệt hại không đáng kể,
Trong khi vườn rẫy không có ranh
Vườn rẫy không có rào
Thì chỉ đền lại số bị hư hại
Và 1 con gà, 1 ché rượu
Để hai bên gia đình hoà giải thân thiện với nhau

2. Trâu, bò báng húc nhau bị thương, bị chết:

(Cuvau lamo tul vinũh gũq vida tamã cau madruh matai)

+ Chõm paloi hmũ jõe dhợp blac
khac manaiq rưq mida ia mumĩh
Chưq dlai tanuãiq ranõng dlai tah tanãh
aga ata di drap dhòc apu drap, lavuq vôn
di padai gilo tamãh chròq avih avhiac

Vìq đrũ v̄hãq dlàiq chhũnq vayar si

Mủq Cơi caya dơi

Sa dơi un tloù chagàp tól limã chagàp,

limã dơi manũq su tloù jro tapai

Trâu, bò báng húc nhau bị thương, bị chết:

Xóm làng có bãi hoang cỏ dại

Đồi núi trống vắng xa rẫy nương, vườn tược

Khi lúa bắp đã bỏ hết vào kho vào bồ

Ai có trâu có bò thì cứ đem đến mà thả

Trâu bò muốn đi đàng đông đàng tây

Nó muốn đi xa đi gần mặc tình nó đi

Nó muốn ăn cỏ, bứt dây leo

Nó muốn nằm chơi nhai cỏ cũng mặc

Không việc gì phải lo, không việc gì phải nói.

Nếu nó hung hăng báng chọi nhau

Con gầy sừng, con què chân, lủng bụng

Cho đến nó bị chết cũng mặc

Con nào bị thương thì chủ nó tự lo

Con nào bị thương nặng, bị chết

Chủ nó đem thui, đem xẻ thịt mà ăn

Không việc gì phải đem ra mà xử

Nếu con vật bị thương bị chết

Là tài sản của ông bà

Hoặc đổi chác, mua sắm

Bằng tài sản của ông bà để lại

Thì gia đình có con vật đó

Phải chịu tạ lỗi ông bà mình

Một heo 3 - 5 tay, 5 con gà và 3 ché rượu.

3. Trâu, bò bán húc người bị thương hoặc chết:

(Cuvau lamo tul vinũh urac vida tamã madũh matai)

+ Mũq Cơi tamãh pato ideq pađah pachhai

Ròc anãq khiãq apat noc nuai gai jamũng

Ròc hulut manãq poh ga khiãq caya va sàc jàc dahnòq

Ròc cuvau lamo vĩaq hmũ vraq sadiac taloi

sinhòc lươi dui lươi icaq

Hulut manãq tatlah po

Yũ cuvau lamo tloh vraq tla taloi

Cuvau lamo thoh vraq manãq tatla po

Urac hagiq soi hmũ cuvau lamo masãc

Lươi ga tloh tatlah taloi vraq ralah war anròq

Đuair trut tagùq vrùq tamã

Tul vinũh manuĩh unĩ, jroh dreh manuĩh dih

Pilih di traq si sidjuol vù vayar vù dlàiq

Inã manũq ròc inã jaròc masãq harũh hĩa

Vĩaq tũr ngãq ralo vroi patrai lãng tanãh paloi

ga bəc lùq

Cayua ga nhũ ngãq patũnq sũnq tũnq viyũnq

avìh til paloi sàc ràc huoiq amõiq

Vĩaq chhũnq dlàiq v्हãng vayar siop khat

picha tapai manũq

Madah caya masãq ngãq matai manuĩh paluiq

rai di manuĩh

Po nhũ vîq plãn tuvuh mũ ga màc darah uràc
limã voh chhar
di peq charanã pùq traq mãq sidjuol uràc
anīt ròc dlòc

drîp si paha paluoi uràc mãq ta sa madruh dua
Po vîq patol caya vamãi vhorn ga pavhìq ga
vhorn pùq vidhi vacar

Vîq mãq tlurq taq mãq sìq ranõng caya ròc hĩa
Vù luoi ga vhorn ngãq samõiq cacheq ga atou matai
Trâu, bò báng húc người bị thương hoặc chết:

Ông bà đã dạy đã khuyên

Nuôi con giữ gốc dòng họ

Nuôi kẻ ở đợ phải giữ của

Nuôi trâu bò phải có dây thừng

Đẩy tớ thoát chủ

Trâu bò sậy dây thừng

Ai có trâu bò hung dữ

Để bứt dây sống chuồng

Chạy đông chạy tây

Húc người này, báng người kia

Tuỳ theo nặng nhẹ mà bồi thường

Con vật hung dữ đó

Phải giết thịt cho làng ăn

Vì nó dám làm cả làng hoảng sợ

Phải phạt tạ vải xấp, rượu, gà.

Nếu nó hung dữ làm chết người

*Chủ nó phải thế mạng 5 mã la
Làng có thương được xử công minh
thì chỉ cho lấy 1 hoặc 2
Chủ phải góp của vào việc tang việc lễ
Phải giết thịt con vật
Mà làm lễ cho người chết.*

XI. HÔN NHÂN CUỐI XIN, NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH

A. NHỮNG QUAN NIỆM CHUNG

1. Con trai chủ động tìm hiểu:

- + Un duah danau, cuvau duah voq
- *Con heo đi tìm bùn, con trâu đi tìm sinh*
- + Cuvau duah voq
- oh sidjưq voq duah cuvau
- *Con trâu đi tìm sinh lấy
không bao giờ sinh lấy đi tìm trâu*
- + Lạcơi nău ma-ĩn cumơi,
- cumơi khiăng lạcơi
- *Đàn trai đi thăm chơi nơi đàn gái,
đàn gái ừng đàn trai*

Theo tập tục, dù người con gái có "thâm yêu trộm nhớ" chàng trai nào thì vẫn phải nén lòng giấu kín, nếu để lộ ra lập tức bị chê bai... Việc làm quen, tìm hiểu đều do con trai chủ động.

2. Con gái phải siêng năng chăm chỉ

+ Djũnq djũi sa dơi nhũ

srãnq tariac uãn paruıq ga vruãq apu

mũ sup tol sađah

mũ muguãh tol huruoi vahrou si wơq

- *Mãi miết làm việc chỉ một mình*

siêng năng công việc từ tinh mơ tới sáng

từ sáng sớm tới trưa đây bóng mới về

+ Tlau hah hah tlah gơr tagac

Tlau peq pưoi rugoi tangãn ngãq boc

- *Cười ha hả bôi trét cán chà gạo*

Cười mồm mồm giỏi tay làm ăn

3. Con gái phải thùy mị, không sỗ sàng

+ Lacoi khiuq je che mũc cumoi pahơ,

cumoi harac dari

- *Con trai chê bai khích bác người con gái ôn ào,*

(không chín chắn chính chuyên) bị coi là cô gái lẳng lơ, đàng điếm...

Những cô gái sỗ sàng, lười nhác thường bị con trai xa lánh khó bề kiếm được tấm chồng, nếu có thì cũng là một người chồng không đàng hoàng hoặc bệnh tật, già nua...

4. Trai gái cùng tìm hiểu, yêu thương nhau

+ Luhai nãu luhai mãi còh jac rapac tol urac lùq

Lacoi dòq soh cumoi dòq paluai mãi pãp gưq

sidjưq giq còh jac di urac vù hmũ si huoiq

Khuõn nhũ adãt si mãq gưq ngãq anãq sudiq

iou ùc vusac

- *Đi qua đi lại chẳng mắc mớ gì tới ai*
Trai còn tơ gái còn son họ đến gặp gỡ nhau
Có việc gì động chạm đến ai thì mới sợ
Chúng nó được phép bắt lấy nhau làm vợ chồng...

Tuy phong tục tập quán Raglai có đôi điều khắt khe đối với người nữ trong giao tiếp ứng xử song cơ bản về hôn nhân vẫn xuất phát từ sự tự do tìm hiểu của đôi trai-gái, trên cơ sở tình cảm yêu thương giữa hai người.

Tất nhiên trong quá trình "đi qua đi lại" đó, họ đều tranh thủ sự đồng tình của cha mẹ họ hàng bạn bè hai bên, sau đó hai gia đình tiến hành các lễ tục cho cuộc hôn nhân đàng hoàng vui vẻ.

5. Con gái cưới con trai về nhà mình:

+ Pah eh khiăng mabou
Tùq matou khiăng ma tica
- *Vợ trúng cái ỉa (phân) muốn mùi hôi*
Bắt con rể muốn được nhờ

Người con gái nào cũng mong muốn được người chồng tốt, yêu thương vợ con, chí thú làm ăn; Gia đình cũng muốn có *con rể (anaq matou)* tốt về gánh mọi công việc lớn nhỏ trong nhà, việc cưới chồng cho con gái hệ trọng không kém việc vào rừng tìm chọn gỗ tốt.

6. Con gái cưới chồng về làm trụ cột trong nhà

+ Taq cayou mũ caih pajior gưc sàc
Mãq gưq ràc pajior gưq dơi
- *Chặt cây trên rừng về biến thành cột nhà*
Bắt người ta về biến thành người của mình

Con trai được con gái cưới về làm chồng sẽ là người tiếp nối sự nghiệp của cha vợ (thành trụ cột trong nhà) góp phần duy trì bảo vệ phong tục và quản lý phát triển kinh tế gia đình.

7. Con theo họ mẹ

Con cái họ sanh ra theo họ người mẹ (pitiàt panah garah awoi). Phong tục tập quán Raglai coi trọng việc giữ gìn mối liên hệ họ tộc bền chặt qua nhiều thế hệ, từ bên trên 7 đời (*cơi mỏq tuyau tuyoc*-ông bà xưa méo mó) đến bên dưới 7 đời đều "*caya tãng apoc pitiàt*" (có tặng vật dòng họ) như mã la, ché, nôi... để biết dòng họ mà thương yêu đùm bọc lẫn nhau và tránh quan hệ hôn nhân với nhau.

B. TỤC CƯỚI RAGLAI

Như nhiều dân tộc khác, người Raglai coi việc cưới là mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành trong đời mỗi người. Ngày cưới không chỉ là ngày hội vui của đôi trai gái, của hai gia đình mà của cả họ hàng làng xóm. Theo phong tục Raglai, trong ngày cưới đôi trai gái còn phải tiến hành nhiều lễ tục từ khi người con trai bước tới chân cầu thang nhà gái cho tới kết thúc cuộc vui, người con gái "mang lửa" cùng chồng vào phòng ngủ... ở đây chỉ trình bày những việc có liên quan đến luật tục.

1. Người mai mối:

+ Manuĩh thour đờp, thour cadlai

Manuĩh thour phet, thour adãt

Thơ adãt panuãiq Mũq Cơi

Thơ pato anãq, pato cumuãn...

- *Người biết nói năng, biết chuyện trò*

Người biết phép tắc, biết lý lẽ

Biết luật tục của Tổ tiên Ông Bà

Biết dạy con, dạy cháu...

Người mai mối (*cơi janũq*) nếu có hai người thì được phân biệt "cơi janũq phut" (*ông mai gốc/chính*) và "cơi janũq la-o" (*ông mai ngọn/phụ*)

Trong thực tế thường là những người đứng tuổi, đời sống kinh tế cũng như việc gây dựng cho con cái trong gia đình được coi là mẫu mực, là người hiểu biết nhiều, có uy tín trong cộng đồng... được gia đình dang trai uỷ thác đảm nhiệm việc tác thành cho đôi lứa.

Vai trò người mai mối trong hôn nhân của người Raglai rất quan trọng, họ không chỉ chịu trách nhiệm mai mối đơn thuần cho đến lễ cưới hoàn thành mà còn phải chịu trách nhiệm về tư cách đạo đức của người chồng suốt cuộc sống vợ chồng về sau, nếu có vụ việc gì xảy ra liên quan đến cuộc hôn nhân phải đưa ra xử việc, người mai mối được gọi ra cùng tham gia quá trình phân xử.

2. Việc dạm hỏi

(*Vhõn puaiq tinhã*)

Việc dạm hỏi dịch từ "*vhõn puaiq tinhã*"- (*Puaiq* có nghĩa là nói năng, chuyện trò lý lẽ, gạ ước, dạm; *Tinhã* là hỏi). Lễ này cha mẹ của dang trai không trực tiếp tiến hành mà do người mai mối được gia đình uỷ thác dẫn

chàng trai và một người trong nhà - thường là người em gái - mang lễ vật đến nhà đàng gái. Lễ vật mang theo thường gồm lá trầu xanh một xấp, trái cau tơ một chùm... Bên đàng gái, ngoài mẹ cha cô gái còn có cậu, chú, những người già trong họ cùng tiếp khách. Đây là buổi gặp gỡ đầu tiên chủ yếu là tìm hiểu hoàn cảnh gia đình và đàm hỏi ý tứ gia đình.

Sau lễ đàm hỏi là lễ trao vòng

3. Lễ trao vòng:

+ Muvah sàc cumoi drũ bợc chadeq labàq
Muvah sàc cumoi drũ bợc chđeq pināng
Muvah sàc cumoi nhũ djùq chawàt tapai
jừ jưh tuc sàc cumoi nhũ tamāh lanēq
*- Cái miệng nhà gái chịu ăn miếng trầu
Cái miệng nhà gái chịu ăn miếng cau
Cái miệng nhà gái nó uống chén rượu
thì cái bụng nhà gái nó đã ưng*

4. Trao vòng, trao của "làm vật kỷ niệm"

+ Lạcoi cumoi yờ sidua caya còc "iaq khrũm tacai"
Su jấp ngāq yư hĩa
Buh coi miảq pāp mảq yờ sanrùc patũng jiorc payu
khư vanhrou phut hatũa yut tữ;
chur labàq... iờ còh anhũq pasinhòc, còc parabāt
jiorc sanuãi payu dadi viaq.
*- Trai gái trao của, cong "vật làm kỷ niệm"
Và chính lúc này
Có ông cậu chứng kiến cho đôi lứa kết thân*

*mới thực sự thành đôi bạn...
vôi trâu... sợi cườm hạt chuỗi, cái vòng
để bày tỏ tình yêu gắn bó.*

Lễ trao vòng người Raglai gọi là: "paleq anhũq còc, pãng vu tapai thoc sanrát": *trao cườm vòng, nắm bắt ý tứ (bên nhà gái về việc chuẩn bị) cơm, rượu, dao, giáo (cho lễ cưới xem có gì thay đổi) "*. Lần này ngoài trâu cau bên đàn trai còn mang theo "cườm bện cườm hạt chuỗi", vòng (đồng hay bạc)... để trao cho cô gái và xác định lại ngày cưới.

Trước kia, chàng trai còn trao cho cô gái cái túi đựng trâu, cô gái vui vẻ nhận lấy và tằm ba mươi bảy miếng trâu, bữa đủ ba mươi bảy miếng cau cho vào túi rồi trao lại cho chàng trai vừa là dịp thể hiện sự giỏi giang khéo léo của đôi tay vừa bộc lộ tình cảm của mình.

Hiện nay, hai lễ "Việc dạm hỏi" và "Lễ trao vòng" nhiều nơi chỉ dồn làm một thành "Vhõn puaiq tinhã payor vroi caya va paya ngãq sanuãi": *Việc dạm hỏi trao vòng - có người gọi là "chạm ngõ trao vòng "*

5. Việc dạm hỏi trao vòng

(Vhõn puaiq tinhã, payor vroi caya va paya ngãq sanuãi)

+ Uràc anãq lacơi, anãq cumơi

Tuc va yawa lanẽq ga gưq uãn vloh

Khuõn nhũ chhưq nãu ngãq jalàt lađap pajiáp

Khuõn nhũ khiãng wơq sa jalàt

Khuõn nhũ khiãng wơq sa galòc

Jừ vîq dèq iaq tuc hatai caya awoi amã
 Caya ai caya sa-ai caya adoi
 Madah saleq sa tuc hatai
 Jừ sàc gah lacoi vi pamuc ngãq
 Papual anhũq sinhòc còc rabât chur labàq sula chih
 nãu tinhã va puaiq
 Vîq poh acoq janũh jalàt phut
 Vîq jup coi janũh jalàt la-o
 Nũi manuĩh thòu bòc thòu cadlai
 Nũi manuĩh rugoi seq viài làiq asal
 Thòu voh adãt voh panuãiq Mũq Coi
 Thòu poh voh pachhai anãq cumuãn
 poh anãq pato cumuãn
 Thòu pamuc vhorn ghõng voh bẽn
 Sidua vroi ga awoi amã khuõn nhũ
 Padoc vamãi pahãn bòq mata amã awoi
 Vù nãu voh puaiq suaiq tinhã
 Gah ga lacoi hĩa vîq buh jòc anãq caya ràc sa-ai
 Hẽ anãq urac adoi nãu gãm ngãq cõt caduc đuc caya...
 Pual caya nãu puaiq suaiq tinhã vhiài nhũ còh:
 Labàq janãq suet sa janãq
 Pinãng voh amuc sa amuc
 Anhũq dac madruh anhũq acoq
 Anhũq suet, anhũq còc hẽ anhũq jùq
 Va jòc oh adãt si va dac anhũq,
 hẽ anhũq acoq mariah

Còc vuh tangã samũ mũ pariaq hẽ mũ suvat
 Didoi di ðòp cadlai, puaiq làiq, cadlai akhàt si gưq
 Madah muvah sap gah sàc cumoi
 Nhũ drũ padùq mãq muvah labàq
 Nhũ drũ chur pinãng àq labàq pinãng mumãh.
 Muvah vanah sàc cumoi nhũ ðùq chakhau sijau siyor
 jaluq alac chawàt tapai
 Muvah sàc cumoi drũ boc chadeh labàq
 Muvah sàc cumoi drũ boc chadeh pinãng
 Muvah sàc cumoi nhũ djùq chawàt tapai
 Jữ tuc hatai sàc cumoi nhũ patùq
 Jữ tuc sàc cumoi nhũ tamãh lanẽq
 Nhũ mãi tòm, nhũ drũ dungõm boc
 tùq savlah chhiau salau daq
 Nhũ drũ dua sàc nãu mãi paq gưq
 Nhũ oh iaq chrih chumrih chumràc giq wòq ta-oh,
 Nhũ tamãh drũ iaq ladap bòq mata gưq
 Jữ nhũ tamãh saleq si dùq drũ tùq khiãng
 vroi ga dua ràc gah lacoi gah cumoi
 Nãu mãi si gưq, nãu mãi paq gưq
 Pachac huruoi wòq rubúp pajoc tùq sa voh sàc
 Urac anàq lacoi catùq unĩ onĩ
 Buh midah payor acoq anhũq, dac anhũq
pasinhoc còc rabat
 Hẽ còc pawaq cawat paguaiq til samil
 Lacoi onĩ midah payor dac, taloi anhũq còc vuh

Ngãq vớì patùq vớì paleq pasrùc
vớì ngãq leq paya sunuāi si gưq
Madruh sa voh jin carah joh
Onĩ midah pariaq ngãq til.
Việc dạm hỏi trao vòng

- *Thằng con trai, đũa con gái Cái bụng nó đã ưng nhau hung. Chúng nó ưng đi cái đường quen. Chúng nó muốn về một đường, Chúng nó muốn về một ngõ, Thì phải dò cái bụng của mẹ của cha, Của anh, của chị, của em. Nếu cùng một bụng Thì nhà trai phải ngõ. Phải mời ông mối chính, Phải mời ông mối phụ Những người biết ăn, biết nói, Những người biết lý biết lẽ, Biết tục biết lệ ông bà, Biết dạy con, dạy cháu, Biết lo việc lớn, việc nhỏ Thay cho cha mẹ chúng nó Đừng ra thay mặt cha mặt mẹ Mà đi đến dạm hỏi. Thằng trai phải có con chị Hay con em đi mà mang lễ vật. Lễ vật chạm ngõ thường là: Trầu xanh một thiếp, Cau trái một chùm, Dây cườm hoặc đầu cườm Xanh, trắng hay màu đen, Không được đem dây cườm, Hay đầu cườm màu đỏ, Vòng đeo tay bằng bạc hay bằng đồng. Sau khi chuyện trò, lý lẽ với nhau Nếu cái miệng nhà gái Nó chịu ăn miếng trầu, Nó chịu nhai miếng cau. Miệng nhà gái nó chịu uống chén*

*cái bụng nhà gái nó đã ưng.
Nó chịu ngồi ăn một mâm,
Nó chịu hai nhà đi lại.
Nó không coi lạ nữa,
Nó đã chịu quen
Thì nó đã đồng ý*

Cho hai đứa trai gái
 Đi đi lại lại với nhau,
 Chờ ngày về chung một nhà
 Thằng trai bây giờ
 Có thể trao đầu cườm, dây cườm,
 Hay cái cong làm tin.
 Dù một cái tiền sứt, một cái nhẫn gãy
 Đây cũng là của làm tin

6. Việc trả của

(*Vhõn vayar caya ngãn*)

+ Rác lacoi rác cumoi hĩa hũ chhuh anĩt di gưq
 Còh cayua ga dòq di tuc hatai nhũ va chhuh anĩt
 jumãn di gưq
 Mủq coi buh poh patủq ðủq pakhiãng
 Awoi amã oh catủq chàwaq mãq pagap
 Khuõn nhũ si gưa tamãh payỏr vroi gaq voh
 còc voh cawat
 Dac anhũq, acoq anhũq ngãq til samil lươ
 ngãq voh cahnal gưq
 Ngãq gajỉq tở nhũ nãu duah plèt deq iaq gưq
 Yư inã hunĩ pỏr duah vungã gumraq pỏr duah vroi
 Yư un nãu duah pua danau
 Yư cuvau nãu iaq khãm
 Wa janũq ohbuhmãq pa iaq
 Wa jalàt oh buh ngãq mãq pamagap
 Khuõn như tamãh lacou phet adãt buh tở
 apoc tởl pitiãt

Mủq Cơi awoi amā dòq payơ cahnal va til

táp hĩa jũh

Unĩ tuc hatai nhũ tamāh tucot tamõ

Nhũ tamāh sidua còq mǎq jùq

Sidua huruoi pajơc malap wòq làiq

Nhũ khiāng si ngǎq vlưq roc chhoc licùq

tưq bòq yòp mata wòq làiq

Tangān bàq nhũ oh si jruān, tangān nhũ

oh mahāu si mǎq

si djùq ayaq mǎq tangān tacai

Iaq pavaq iaq lèq bòq mata gưq trà ta-oh pablư

Nhũ còq jơc dùq, luah dùq jơc còq

Nhũ huruoi jơc malap

Nhũ khiāng paveh pablư pawih roc wòq

Oh djàq tangān gưq

Oh iaq mata gưq jữ nhũ buh madueh

Nhũ buh madueh

Nhũ viq vida patõm gadi peq gadha charanā

Anǎq uràc lacoi nhũ sidua ruah tuc hatai

Jữ caya vroi patùq patui iaq yư vawơc

la dalap cròc ia

Khuq nhũ vùq drũ ngǎq v्हāng vayar

valou chur labàq amõh sugau

Nhũ drũ bợc dlàiq di apoc pitiàt uràc

Dlàiq pa wa janũq jalàt

Di ràc anǎq cumoi sidua muvah luah sap

Vawóc còc paròc anhũq oh vuh wòq
Parai anhũq acoq oh iaq pavaq
Khiãng ga vuh angũi trà ta-oh di nũi dac anhũq hĩa
Jừ nhũ còh manuĩh buh voh madueh biaoq
Nhũ vùq chhũnq vayar wòq caya,
caya sa lèq jòc dua mãiwòq
Nhũ vùq vayar dlàiq caya sa jòc dua
Nhũ drũ bòc dlàiq madueh dlàiq
Mủq Cơi, apoc pitiàt uràc bòc dlàiq
di sugau amõh valou chur keq àq labàq keq đlợp

Việc trả của

*- Trai gái nó thương nhau
Là do cái bụng nó ưng,
Ông bà không bắt,
Cha mẹ không ép.
Nó đã trao nhau cái công,
Dây cườm, đầu cườm làm tin.
Nó tự đi tìm nhau
Như con ong đi tìm hoa,
Như con heo đi tìm sinh,
Con trâu đi tìm lầy.
Ông mối, không buộc,
Ông mai không ép.
Nó đã xin phép dòng họ,
Ông bà, mẹ cha mà trao lòng tin.
Nay cái bụng nó đã khác,*

Nó đã đổi trắng thành đen,
Đổi ngày thành đêm.
Nó muốn quay cái lưng lại,
Tay nó không thềm nắm,
Mắt nó không thềm ngó mặt nhau
Thì nó là đứa có lỗi.
Nó phải bị xét xử theo tục lệ ông bà.
Thằng con trai nó đổi cái bụng
Thì của coi như bỏ xuống sông,
Nhưng nó phải chịu cúng tạ lỗi ông bà,
Nó chịu phạt cho họ hàng,
Cho ông mai ông mối.
Đứa con gái đổi miệng thay lời,
Không chịu đeo cái cong,
Không chịu mang cái đầu cườm,
Không chịu đeo dây cườm nữa,
Thì nó là đứa có lỗi.
Nó phải đền của một thành hai.
Nó chịu phạt tạ lỗi ông bà dòng họ.

Sau lễ trao vòng, nếu một trong hai bên đổi ý thì vẫn được bên kia chấp nhận nhưng phải tiến hành "việc trả của" (vhõn vayar caya ngãn). Tuy nhiên, việc làm này không được xã hội đồng tình, ai cũng biết rằng việc con trai con gái đến với nhau là do tự chúng nó đi tìm nhau và tự chúng nó thương nhau, mẹ cha không xúi dục, ông bà không bắt ép... đàn trai cậy mai mối đến nhà dạm hỏi,

đàng gái đã ưng và đã trao vòng trao của, đã cùng ăn cơm trên một mâm... bây giờ cái bụng nó khác trước, nó không giữ lời, nó đổi ý thì có quyền tiến hành "việc trả của" (Vhỡn vayar caya ngãn) nhưng nó có lỗi phải đưa ra xử việc.

8. Thằng con trai đã thay lòng đổi dạ

+ Pha nông, pha titua, pha ia, pha manõi

Patloh dap dara valou chur labàq

- *Khác cây gỗ, khác bước đi, khác nước, khác tắm*

Đàn trai bỏ đàng gái làm lơ làng thiệt thòi đàn gái

Nó đã làm cho đàn gái "valou chur labàq"

(nghĩa đen là *lơ làng / goá bụa trầu cau*) thì:

- của cải của nó coi như của bỏ đi

- làm lễ cúng tạ tội với ông bà ít nhất 5 tay heo một ché rượu

- tính công mỗi lái hai bên

- nó còn phải chịu phạt:

+ manũq tloh tacuai tapai tapuol

ganõm janũh tol sàc urac tol paloi...

- *gà đứt cổ rượu mở lá đậy*

bồi thường cho mai mỗi đến nhà, người ta tới làng...

Vì đã làm thiệt thòi đàng gái, mất mặt đầu khôn người già bên đàng gái...

9. Đứa con gái trở mặt:

+ Cumoi ngãq vưq ngãq paweh tũq bòq yòq mata

Tavlũq tuc rai hatai pamõ

Ngãq tuc ngãq hatai peq di muvah cadlai tubuai đờp

Sap poh voh pato, toh anhũq pasinhòc,

toh còc parabãt

Toh còc vuh toh anhũq chabaq
- Đứa con gái làm tráo trở, làm lãng tránh cái mặt
Cái mặt nó buồn, cái mắt nó sâu
Trở cái bụng bậy, lòng gan nó khác
Làm to bụng làm lớn gan...
mà ngắt từ cái miệng người răn
chối từ cái môi người nói người dạy bảo
Cởi bỏ cái sợi cườm đã khớp
Cởi bỏ cái vòng đeo tay không còn khớp chặt
Cởi vòng đeo tay, cởi sợi cườm choàng cổ
cũng bỏ đi...

+ Nhũ sidua còq jìoc jùq
Nhũ silih jùq jìoc còq
Nhũ pavlòq huruơi jìoc malap
Nhũ khiãng pawih roc wờq
Oh djàq tangãn gưq
Oh iaq mata gưq
Tuq bòq yòq mata tuviaq nãu

- Đứa con gái trở mặt
Nó đổi trắng thành đen
Nó thay đen thành trắng
Nó trở ngược ngày thành đêm
Nó muốn quay lưng ra đi
Không thèm bắt tay nhau
Không thèm nhìn mắt nhau

Trở mặt nghiêng mắt quay ngoắt bỏ đi

Nó là con người xấu, nó có lỗi phải đưa ra xử việc:

+ Nhũ vîq vayar dlàiq caya sa jîoc dua

- *Của người ta trao một nó phải đền bằng hai*

Theo người già, từ xưa, việc người con gái đổi ý thay lời rất hiếm - hết sức cá biệt vì xã hội vốn không đồng tình việc người con gái chủ động thổ lộ tình cảm của mình, họ rất sợ hãi việc bị chê bai khích bác nên người con gái Raglai đã khó tìm được người bạn đời càng hiếm có cơ hội để "chọn lựa" người bạn đời theo nguyện vọng... và các mức phạt đối với sự đổi ý của bên đảng gái bao giờ cũng bị chê trách nhiều hơn và chịu phạt cao hơn đảng trai.

10. Việc cưới phạt:

(Vhõn cacah richo -còn gọi Vuh mũa)

+Mañũh lacơi cumơi tamãh puaiq tinhã vloh

paleq anhũq còc gawơi huaq vu

Tamãh jòc asal si nãu mãi si gưq

Lươì ga thơu truh luhai tuc hatai gưq gưq wờq cah

Khưq oh oh-cah ngãq pahuaq vu

Ajòc panõq nhũ vîq thơu khiãng iaq

khiãq gãm panuãiq sasal mal mucal cadòp Mủq Cơi

Vìq khiãq iaq ga lacơi siàp cumơi lageh vơi ga nhũ

Vìq pìoh lacơi lageh cumơi siàp

Nhũ vù buh thơu khiãq iaq oh voh siàp lageh

Vù nhũ mahãudijuh ga gưq uãn

Yư àq langõh voh tasaq

Vrai canã cavup manũq cahcheh oh vrai

cah sroh sanroh dah vungã oh khũng cacheq

Jừ nhũ tamãh wớv viq cheq sap poh voh pato
 mữ Mủq Cơi
 Nhã wớv cheq sap uràc pato voh pa-ideq mữ wa
 poh janũq jup jalàt uràc
 Nhũ ngãq vroh ga amõh tichhưq vưq dalùq
 salỏp sapỏl
 djruc djãh Mủq Cơi
 Jừ nhũ oh si asah adãt si huaq vu chùq còc
 siàp lageh wòq
 Dòq siàp ta-oh coh dòq lageh siàp ta-oh
 soh paluai ta-oh.
 Jừ lacơi còq cumơi siàp
 Madah di dalap tuc hatai panõq khuõn nhũ
 doq chhưh ga gưq
 dòq sa dua khũng anĩt gưq
 Tuc hatai panõq khuõn nhũ chhưh khiãng si gưq
 Tuc hatai nhũ ruah sidua oh
 Jừ panõq lacơi cumơi khuõn nhũ vừq cacah
 richo vuh mũa
 cacah salỏp jớh vừ huaq vungãq sudiq
 vusàc si gưq
 Lavuq khuõn nhũ ngãq chhũnq pađua va pagỏp
 vừ chhũnq dlài cacah richo Mủq Cơi acoq
 tacuai uràc
 Viq tuah richo vro tiluh anõh salỏp tàq salỏp
 pỏl tàq Mủq Cơi

Didơi ơñi catừq havou mũa tapai mũa ia richo

Phiaq paranỏq awoi amã, ia tisou vilou

dada amã awoi

Nhũ oh jợc ngãq huaq vu ghõng prõng...

oh adãt asal oh phet adãt si urac oh

Lươi ga pasiàp hatai ma-ũm tuc apoc pitiat

Oh dòq jợc ngãq huaq vu su sumac ngãq

prõng ngãq ghõng

adãt asal si urac wỏq

Nhũ dòq di at malou djãh si malou

Cayua ga buh pua gãm adãt Mủq Cơi oh

Vhiài voh pateq djủq si patỏiq tahnãi

Vũ lươi ga lacơi cumơi dèq iaq hĩa

Vũ lươi pioh khiãq iaq gavar

Iaq hĩq jủh vũ iaq pha adãt

peq panuãiq peq asal Mủq Cơi

Oh ngãq djãh ngãq chhũq padua

va pagỏp amõh tichhủq vủq dalủq Mủq Cơi

awoi amã

yư lavuq khuõn nhũ

Việc cưới phật

- Trai gái đã chạm ngõ, trao vòng,

Đã được phép đi lại với nhau

Để biết cái bụng nhau hơn.

Nhưng chưa làm lễ cưới

Nên lũ nó phải biết giữ tục lệ ông bà,

Phải giữ cho trai trắng gái lành
Nếu nó không biết giữ cái trắng cái lành
Nó thèm nó khát
Thấy trái xanh nó muốn hái,
Bông chưa nở mà đã ngắt
Thì nó đã quên lời dạy của ông bà,
Nó quên lời khuyên của ông mối ông lái,
Nó làm cho ông bà bị ô ướ
Thì nó không được phép cười
Như trai trắng gái lành
Nếu cái bụng của chúng còn thương nhau,
Cái bụng chúng còn thích nhau,
Cái bụng chúng không thay đổi
Thì chúng nó phải chịu cười phạt.
Chúng nó phải làm lễ phạt,
Phải tẩy rửa ô ướ cho ông bà
Và lễ hầu tạ cho cha mẹ.
Nó không được làm lễ cười lớn
Để vui lòng mở bụng họ hàng,
Không được làm cười to cười lớn,
Nó phải chịu xấu hổ
Vì không theo tục lệ ông bà
Để trai gái coi đó mà giữ
Coi đó mà gìn tục lệ ông bà
Không phạm lỗi như chúng nó.

11. Bất phải cười nhau:

+ Ia tamã tục, lanuc tamã rùp vloh
Còh hayơu si ngãq wờq vlùp

Lacoi si cumoi nhũ yư hĩa vloh
Vũ khiãng su gưq, pahuaq padòq
Ngãq mũa ia richo ga nhũ ngãq sudiq
ngãq vusàc su gưq
*- Nước đã chui vào cái bụng,
con lươn đã chui vào người rồi
thì còn cách nào làm khác nữa đâu
Con trai với con gái nó đã như vậy rồi
Bắt chúng nó ưng nhau, cho được cười nhau
cho được ở với nhau
Làm đám cưới phạt tẩy rửa
cho nó làm vợ làm chồng với nhau thôi*

12. Chịu phạt với Ông Bà:

+ Cumoi lacoi dap dara tư si gưq
Oh djưh sudiq vusàc mãq gưq rai jòc oh
Còh mãq salòp sapòl amòh tichưq
vưq dalùq Mủq Cơi Awoi Amã
*- Con gái con trai trẻ trung chỉ được bạn bè với nhau
Không phải như vợ chồng mà bắt nhau bậy bạ được
Vậy là đã làm dơ dáy ô ướ như nước
đến nôn oẹ Tổ tiên Ông Bà Cha Mẹ*

Người Raglai quan niệm "có vợ có chồng là có sự sống giống nòi", nên coi hôn nhân không chỉ là việc riêng của đôi trai gái, của hai gia đình dòng họ mà còn là nghĩa vụ thiêng liêng của cả nòi giống nên phải theo tục lệ Tổ tiên ông bà từ xa xưa để lại.

Sau "lễ trao vòng", đôi trai gái có thể làm đám cưới ngay hoặc tiếp tục đi lại tìm hiểu, người con trai có thể về ở nhà vợ cùng sinh hoạt lao động... cho đến ngày làm *lễ cưới* (huaq vu) có mai mối, có hai bên gia đình, có dòng xa họ gần, có bà con xóm anh làng chị... Trước tiên mời ông bà chứng giám và tác hợp cho "*đôi trai trắng gái lành*", thú tự tiến hành đầy đủ mọi lễ tục... được ông bà "*cho ăn cho nằm*" (paloc padòq). Đó là lễ cưới dàng hoàng trân trọng, sau phần lễ là phần hội vui được hai gia đình, hai họ và cả xóm làng gần xa tham dự đông vui.

Nếu trước lễ cưới, đôi trai gái không giữ gìn được những "*điều kiêng cũ cấm kỵ*" (panuāiq Yàc gadha ukhit), đã "*vượt quá giới hạn*" mà chung đụng với nhau, hai người "*không còn trai trắng gái lành*" (*Wiq pìoh lacòi lageh cumơi siaq oh*), mà đã làm mất đi sự trong trắng tức là đã xúc phạm đến "*Ông chúa coi giữ sự trong trắng, Bà chúa coi giữ sự trinh bạch*" (Coi pu pucòq, Mỏq pu putih) - đây cũng là "*thần hồn của bắp lúa*" nơi thế giới thần linh, trông coi gìn giữ sự sanh tồn và phát triển giống bắp giống lúa, luôn tác động trực tiếp đến đời sống con người.

Đôi trai gái nào như vậy sẽ bị trừng phạt bằng những thảm họa không chỉ nguy hại cho bản thân, gia đình, họ hàng mà còn vạ lây đến cả xóm giềng làng nước...

Chúng nó đã vụng trộm làm cái việc xấu xa đó, đã phạm vào điều cấm kỵ nên không còn cách nào khác là "*bắt chúng nó phải ưng nhau*" và làm đám cưới - không phải đám cưới dàng hoàng (huaq vu) mà "*chịu phạt với Ông Bà*" (chhũt dlàiq Mỏq Còi):

- Đôi trai gái này chỉ được làm "*đám cưới tẩy rửa*" (cacah richo) hay còn gọi là *cưới phạt* - nói đầy đủ là cacah richo vro tuluh (hoặc cacah richo vro manđi amōh salop).

Theo quan niệm của người Raglai, ở thế giới bên kia, thế giới của thần linh, thế giới của ông bà có "*giấy tờ sổ sách*" (bacop bakiq bưq bāng), tồn tại một cách vô hình và có quan hệ mật thiết đến sự "*sống của con người trên đời với con cháu*" (kìq chanāng bāng madhir).

Với thế giới siêu nhân đó, người Raglai tự coi mình là "*trâu bò*" (cuvau lamo) của Tổ tiên và khi sống trên đời, con cháu phạm vào những điều kiêng kỵ là đã làm "*dơ dáy, ô uế, như nhuộm, nôn oẹ...*" (amōh tichhưq vưq daluq, salop sapol...), làm lem luốc giấy tờ sổ sách của ông bà, làm như nhuộm góm ghiếc đến đầu ông bà tổ tiên do đó phải chịu phạt bằng cách làm lễ cúng "*tẩy rửa sạch mọi ô uế*" (cacah richo vro tuluh) hay "*tẩy rửa sạch tất gọi sạch mọi dơ dáy như nhuộm*" (cacah richo vro manđi amōh salop) là để cầu xin ông bà tha thứ, xoá bỏ hết tội lỗi, tẩy rửa tất gọi để không còn dơ bẩn nữa, xin ông bà và thần linh không trừng phạt: làm dịch bệnh, làm hạn hán lụt lội, làm cháy lúa chết bắp... gây hiểm hoạ tai ương cho gia đình và làng xóm.

(Trước khi hành lễ, thầy cúng lấy đất trong ổ mỗi hoà nước gạo sạch lãng trong, cho vào chén đồng vừa làm nghi lễ cầu khẩn vừa vẩy nước lên người, xoa lên đầu người có tội... tượng trưng cho việc tẩy rửa xoá sạch tội lỗi - gọi là cacah richo vro manđi, vuh mũa ia richo. Một số lễ tục khác cũng dùng nước lãng từ tổ mối - ia mũa - để làm lễ, có người gọi là nước thần).

13. Lễ cưới phạt - tẩy rửa

+ Măq sudiq khiăng vusàc jơc huaq vu

Huaq vu su sumàc huaq vu chùq còc

Janūq tōl sàc uràc tōl paloi...

Vhăng ahùq tùq iơu asur Mủq Cơi awoi amă

Vlưq roc iaq vlưq anăq

Patôm lacou tùq anăq djật matou, tùq matou iaq parui

Madruh yư cacah richo vu mũa

Jơc buh chhũnq dlàiq v्हăng hou iơu lamah Mủq Cơi

Mủq tuha Ină palagar... iaq trau khau cuhnă...

Lễ cưới phạt - tẩy rửa

- Bất vợ ưng chồng được lễ cưới đàng hoàng trân trọng

Lễ cưới bày mâm cỗ lễ cưới đeo vòng

Có mai mới đưa chồng về tới nhà,

có người về tới làng...

Cầu khẩn mời thần hồn Ông Bà mẹ cha

Về trông nom phù hộ cho con cháu

Chứng giám việc cần con bắt rể,

cần rể được sui gia

Còn như cưới tẩy rửa là phạm vào phép tắc xưa

Phải chịu phạt cầu khẩn hầu tạ Ông Bà,

Bà Tổ già chúa xứ... được phù hộ độ trì...

Việc cưới phạt - cacah richo bị xã hội lên án, xóm giềng chê trách nên theo tục lệ thì chỉ tiến hành trong phạm vi gia đình dưới hình thức tạ tội với ông bà cha mẹ họ hàng và Nhang Giàng. Do có niềm tin như vậy cho nên từ trước

tới nay, đôi trai gái nào đã phạm phải đều tự giác khai báo và chấp nhận tội lỗi, không ai dám giấu diếm.

14. Quan niệm về hậu quả của việc giấu diếm quan hệ tình dục trước hôn nhân

+ Lạcoi cumoi ngãq voh amõh tíchhuq ngãq
vưq ngãq dalùq

Mủq Cơi Awoi Amã sàc dahnỏq kiq
chanãng băng madhir

Vũ akhàt oh, tól huruoi biaoq anãq didoi
pajoc ti voh ruaq mãq saliq tól hoq matai vrai chalah
Jờc uràc pahiuq padhic tuh màc pachhàc darah
Ajoc si hoq matai vrai chalah unĩ
còh cayua ga gadha paduh padol
còh padưq jưc di uràc manũih mĩh
còh padưq joc di mata Yàc atơ.

- *Trai gái làm cái việc như nước góm ghiếc
như nôn như ọ*

*làm dơ dáy đến Tổ tiên thân hồn cha mẹ,
nhà cửa giường bàn cửa nẻo tường thành
không chịu khai báo, tới ngày nay ngày mai về sau
sinh ra bệnh đau sốt đến chết chóc tán loạn
người ta sẽ đổ tội gán vạ, đổ thừa gây mạng máu
gây chết chóc thảm khốc tai ương này
là bởi giấu diếm che đậy sự vụ
là giấu kín với người đời thì có thể được
làm sao qua được mắt Nhang Giàng*

linh hồn (ông bà)

Trường hợp đôi trai gái đứng đắn, không đổi dạ thay lòng phải "trả của" hoặc vì lý do nào đó dẫn tới quan hệ tình dục trước hôn nhân thì tiến hành lễ cưới dàng hoàng gọi là huaq vu. Trong lễ cưới dàng hoàng có nhiều lễ tục như "rửa tay chân", "ăn chung một tô cơm một đuôi cá", nộp lễ vật "con dao bốn, cây giáo năm", "mang lửa về buồng/phòng", "đạp trấu"... và phần hội vui của cả cộng đồng nhưng không liên quan đến luật tục nên không trình bày ở đây.

X. TỘI VỀ TÌNH DỤC

1. Việc thông dâm

+ Cumoi lacoi dòq soh paluai

oh djúq sidiòc gưq yư sudiq vusàc jòc!

- *Con gái con trai không phải là vợ chồng
mà như hình với bóng là kỳ quặc!*

+ Nhũ drũ si gưq caya ãah nhũ hmũ ga gưq

Còh yư tluat cadùq jurup gađưc oh chùq

hayou si tahluaq acoq guvuaq si hmớh cadùq

guvuaq còh hmũ

- *Nó ứng ý nhau, của chúng nó muốn cho nhau
Là như cái đít cái lỗ kim rung không muốn cho râu
làm sao sợi chỉ râu qua được.*

Người Raglai dùng hình tượng trên để xác định Vhôn lacoi cumoi nhũ saleq si gưq ma-ĩn gưq rai (Việc con trai

con gái không phải vợ chồng mà quan hệ tình dục với nhau) là việc làm xấu xa mà cả hai người cùng cố ý thông đồng với nhau. Việc này cả hai bên cùng có lỗi, không nặng nhẹ bên nào.

2. Đàn bà goá dụ dỗ con trai mới lớn:

(Pataq palàiq lacoi vahrou ghōng oh-cah sudiq)

+ Tuc hatai tiat nhũ djrāh uān

Acoq dlo nhũ oh sidōr si sinīn

Nhũ pagrāh dijuh troc titroh voh duc cayou

Nhũ mahāu voh titai wai mit

Nhũ mahāu pagrāh amuc chumoc voh jrīh

Nhũ mahāu pagrāh gilo vahrou si wai charamūt

Nhũ dijuh majrāu di caya chrih caya chumrīh

chumrāc uān

Nhũ buh caya chumrīh nhũ tòc haròc

hoq ia muvah tavađah ia tubuai

Nhũ mahāu pagrāh tōl lanōr

Thou halòt halua gila bòq ta-oh

Bòq cra mata ariac oh thou pac malou

Nhũ pajeq lacoi ke hīq hlou

Nhũ ngāq đưq đưq, licùq licùq

Nhũ du pahuo, nhũ jàq pasiàp

Muvah nhũ đờp dòq manuīh mida,

mũ paruiq mũ pala-ām

Nhũ pahiāh mũ rùp, mũ dada caranac

Nhũ puch tuc, nhũ dui tangān

Nhũ apat tacai, nhũ djàq tangān
 Padu lacoi ke hĩa vanāu paq vrít paq cađap
 Padu anáq ràc lacoi nāu luaq cai luaq dlai
 Ngãq voh vòc djāh tichhưq marũq uān
 Ngãq du didiàc voh liloi pipoi
 Nhũ ngãq vroi vác ke anáq lacoi uràc
 oh dòq còq dòq siàp wòq
 Nhũ ngãq di lacoi ke uràc
 yư padai tasrōng trōng tavráp
 Nhũ vroi vingã tluoiq tahàq
 Yư voh gilo uràc ploq panỏq
 Nhũ còh di manuĩh uràc djāh ðuq tùq oh
 Manuĩh anáq cumoi mucal si mǎi
 buh uràc soi di tupưc đưc iaq
 Vù đưc dòq ia lacoi lùq
 Manuĩh anáq cumoi hĩa tlǎn lèq uràc
 soi ðiq cayư hơu ðèt plèt iaq anáq lacoi
 Vù dòq ðèq plèt, ðèq duah iaq anáq lacoi
 Anáq ràc cumoi hadu bac gui vrah duah iaq
 cữt vu riyu iaq
 Luoi ga nāu pua sibi anáq lacoi
 Yư hĩa vù nhũ ngãq joc du voh djāh djỏt uān du juān
 Yư hĩa vù nhũ dòq jiáp ngãq voh anōh tichhưq \
 vưq dalàq hĩa
 Nhũ ngãq avih mũ paloi luoi vùq djāh malou
 chĩp vāngsa

valac vãng tiông

Avih mũ chõm vîq djăh mata halua bòq cuoh

Nhũ ngăq ga Mũq Cơi blưq ruhùq

yư tloq mahăq craq cade caping capăn dân duh

Nhũ ngăq Putau Via amă awoi blưq tloq

yư ràc peq lithah sabrah plùp

Nhũ ngăq ga adoi ai vîq malou mata sidua ga nhũ

Gadha chhũnq nhũ ma-ảnq si dlàiq chhũnq

ga ràc traq

Paloi tanăh urac vîq pa charană ga nhũ

viaq dadi catùq akhar gadha traq

Luoì ga ngăq pachhac ga manuĩh tamõ

Nhũ vîq pavaq dara ga ràc anảq lacoi dăm

dara sa voh chhar

Nhũ vîq chhũnq dlàiq wó ga paloi tanăh

ga urac dua tol tloq chagap un

Tapai manũq năm tol salapat droi manũq,

tloq jro tapai

Nhũ vîq cacah richo vhuq amõh voh tichhuq

vũq dalùq

Mũq Cơi sàc lijoc gajiq nhũ

Đàn bà dụ dỗ con trai mới lớn

- *Cái bụng nó xấu xa.*

Cái đầu nó không biết nghĩ.

Nó thèm trái cà non trên cây.

Nó thèm trái mít non,

Nó thềm chòm sung xanh,
Nó thềm trái bắp mới ngâm sữa.
Nó thềm của ngon của lạ,
Nó thấy của lạ nó chảy nước miếng.
Nó thềm nó khát đến nổi
Mắt nó không biết xấu hổ,
Cái mặt nó không biết mắc cỡ.
Nó tìm cách gần thằng con trai,
Nó lén lén, lút lút,
Nó rủ rủ, rê rê.
Miệng nó nói ngọt, nói ngon.
Nó giơ cái ngực trần
Nó giơ cái bụng, nó kéo tay,
Nó nắm chân, nó nắm tay
Dụ thằng con trai vô bụi,
Dụ thằng con trai vô rừng
Làm cái điều xấu xa,
Làm cái điều bậy bạ.
Nó làm cho thằng con trai không còn trắng,
Nó làm cho thằng con trai như trái cà bị dập,
Như cái hoa bị nát,
Như trái bắp bị lột vỏ.
Nó là đứa xấu xa,
Đàn bà không ai leo lên gốc cây
mà dòm tìm con trai,
Đàn bà không ai leo lên cành cây

mà dòm, mà tìm con trai,
Đàn bà không ai còm gói, còm đùm
mà đi tìm con trai.
VẬY mà nó đã làm cái chuyện xấu xa đó.
mà nó đã làm cái chuyện ô uế đó.
Nó làm cho cả làng phải xấu hổ,
Cả xóm phải xấu hổ.
Nó làm cho ông bà giận,
Nó làm cho cha mẹ hờn,
Nó làm cho anh cho em phải mắc cỡ.
Tội nó đáng phạt nặng.
Làng phải xử nó thật nặng
Để làm gương cho người khác.
Nó phải đền cái trắng cho thằng con trai

1 mặt mã la.

Nó phải nộp cho làng 3-5 tay heo 6 - 9 con gà,

3 ché rượu

Nó phải cúng tẩy rửa ô uế cho ông bà nó.

Rõ ràng là trong quan hệ nam nữ trước hôn nhân, xã hội thừa nhận quyền được tự do tìm hiểu và quyết định của cả hai bên song phần chủ động thuộc về đàn trai, người con gái phải luôn kín đáo giữ gìn nữ tính. Người con gái bình thường có biểu hiện "thân mật quá mức" với con trai đã bị khinh khi thì người đàn bà goá chồng dụ dỗ đưa con trai chưa vợ - cumoi valou patah palaiq lacoi oh-cah sudiq - không chỉ là hành vi lối lãng quá quắt mà còn biểu

hiện sự đòi hỏi nhục dục của người đàn bà, hành vi này không chỉ vi phạm đạo đức, có tội với ông bà tức là phạm vào điều cấm kỵ đối với người phụ nữ trong chế độ mẫu hệ Raglai.

3. Việc cưỡng dâm

+ Lạcoi si cumoi ma-ĩn rai suvaq suvil casir
cahnãm,

jù miãq waq apoc pitiàt poh, chõm paloi bõc dlàiq:

Lacoi soh cumoi paluai jù mãq pakhiãng gưq.

Sudiq ràc vusàc gưq

jừ bõc dlàiq dua chhar,

sa droi un lumã chagàp

Việc cưỡng dâm

- *Trai với gái cưỡng dâm, hiếp dâm là xấu*

xa thú tính

thì cậu chú họ hàng đánh đập, xóm làng phạt lỗi:

Trai độc thân gái chưa chồng thì bắt phải cưới nhau

Vợ người ta chồng người ta

thì xử phạt hai mặt mã la,

một con heo năm tay.

4. Hiếp dâm gái vị thành niên

*(Jrõp ma-ĩn jràc hanruoi cumoi oh-cah pavaq dara,
cumoi dòq bẽn)*

+ Nhũ yư un tiyưh hlua lapa

Mata dèq buh hagiq caya giq khũng hunãng ràq

mãq pagrãh...

Nhũ yư củvau hanruoi
Păp hagiq giq khũng tul khũng vinũh
Acoq dlo nhũ buh thêu pac thêu sinĩn oh!
Lingĩa nhũ buh thêu si pãng pahmũq ta- oh
Bòq oh thêu halua, mata oh thêu halòt thêu
at malou oh

Nhũ mãq mahâu nău djuh
Nhũ oh dòq thêu paq voh djuh voh chhuah wòq
Nhũ oh dòq sanõng paq voh voh hanuãq iău
djuq chhuau
Buh vungã tayưq anãq ràc cumoi vù nhũ wìq
nhũ hanruoi

Oh buh thêu prõng thêu bẽn giq wòq
Vingã dòq atiac labuc prũh vingã mida
Voh wai tinhàc, voh vayàc dòq suet
Yư nũn vù nhũ dòq duah pateq paluo
paluo pavuq pavuq,
Pagila palua ràc cumoi vanãi dahnỏq tavàc
licuq manuĩh

Vamãi paq vrit rap cađap dũm cayou, vamãi
paq caih dlai
Vù ngãq voh djăh, voh vòc, voh uãn dijuãn paroc
Vù ngãq voh diac tichhuq narãc ngãq djrăh jràc
Lingĩa caih dlai jũh hmũ tamãh pahmũq
sanăp driauc camhau alũc caya uràc cumoi
Jiăp mata caih dlai tamãh buh

vhõn ngãq amõh tichhuq vuq daluq caya nhũ hĩa
Khrũm juaq vanuãq dòq tahlup tasrup joh
dlai matai ruq

Joh dlai matai thùt,

Hàq mũ au garau mũ awat toiq tuproiq
va tanhra

Cumoi urac dòq tavrapp rùp padìq droi gajìq
Ruhõnq bòq còq mata liaq suet mãq cunhìq
cayua ga huoiq pahi

dòq dungõm dih unũn

Nhũ buh camlah chura hmũ joc oh

Nhũ viq drũ chhũnq madueh vayar dlaiq
ga urac jòh

Paloi tanãh gah urac pùq gadha peq charanã
boc dhuiq traq viaq

Madah yu nhũ tamãh hmũ joc sudiq vloq
jũ viq drũ boc chhũnq dlaiq val vayar paviaoq dara
va valou sa voh chhar

Viq mãq cacah pavruah mũa tarah
amõh tichhuq salop sapol Mũq Cõi
tlou-limã chagap un,

nãm droi manũq, tlou jro tapai

Tlou-nãm droi manũq, tlou jro tapai

luoi ga cacah tuah mũa richo

ga voh salop sapol amõh dlùq Mũq Cõi urac

Nhũ viq chhũnq payaq mãq dlaiq ga paloi tanãh

cayua charanã

Su drũ dlàiq mũa richo amõh tichhưq

Mủq Cơi sàc dahnỏq anỏq sudiq

Madah nhũ coh lacơi soh paluai cah sudiq

oh cah buh sudiq jũ oh

Jũ nhũ drũ ga uràc bớc dlàiq madueh

Ga cumoi ga sudiq sa voh chhar pavaq si gưq siàp tuc,

Vìq buh jớc tlou tól limã chagàp un, tlou tól

nãm droi manũq,

Tlou jro tapai tuah richo vro manõi amõh

tichhưq vưq dalùq

Ga Mủq Cơi, ga sàc cumoi hĩa.

Nhũ vìq drũ vayar dlàiq jĩn ga uràc

Madruh un manũq tapai ga paloi tanãh uràc

Vìq drũ ròc chiap di ràc cumoi hĩa

Vroi tól di ghõng prõng jũ vìq mảq khiãng

ngãq sudiq,

Oh si jớc vù nẫu mảq nẫu khiãng cumoi tanõ

manũh tanõ

Madah nhũ oh pahmũq,

Jũ mảq nhũ vìq cumoi tuha, cumoi valou wờq

ngãq sudiq.

Hiếp dâm gái vị thành niên

- Nó như con heo đoi

Con mắt thấy thứ gì cũng thềm,

Nó như con trâu điên

Thấy gì cũng húc.
Cái đầu nó không biết nghĩ,
Cái tai nó không biết nghe
Mắt nó không biết xấu biết hổ.
Nó thèm nó khát,
Nó không còn biết cái đúng cái sai,
Nó không còn nghĩ cái phải cái trái.
Thấy bóng con gái mà điên mà cuồng
Không biết lớn biết nhỏ
Hoa còn búp non,
Trái trên cây còn xanh.
Vậy mà nó tìm cách dụ dụ dỗ dỗ,
Lừa đứa con gái vào chỗ vắng,
Vào bụi cây, vào rừng
Mà làm cái điều xấu xa,
Mà làm cái điều tồi tệ.
Cái tai của rừng đã nghe
Tiếng la khóc của đứa con gái,
Con mắt của rừng đã thấy
Việc làm ô uế của nó.
Dấu cỏ bị chà nát gãy dập,
Cành cây nhỏ bị gãy,
Cái áo con gái bị xé rách,
Đứa con gái mình còn đau,
Mặt còn tái xanh vì sợ hãi còn ngòai kia.
Nó không chối cãi được.

Nó phải chịu tội.
Làng xử tội nặng.
Nếu nó đã có vợ rồi
Thì phải đền cho đứa con gái một mặt mã la,
Phải cúng phạt 3-5 tay heo, 3-6 con gà 3 ché rượu
Để tẩy rửa ô uế cho ông bà người ta.
Nó phải nộp phạt cho làng
Và chịu phạt với gia đình vợ và vợ nó.
Nếu nó là trai chưa vợ
Thì nó phải chịu phạt
Đền cho đứa con gái một mặt mã la.
Phải có 3-5 tay heo, 3-6 con gà,
3 ché rượu mà tẩy rửa ô uế
Cho ông bà đứa con gái.
Nó phải chịu nộp phạt tiền
Hoặc heo gà rượu cho làng.
Phải nuôi nấng đứa con gái đó
Cho đến khi lớn thì nó phải lấy làm vợ,
Không được lấy người khác.
Nếu nó không nghe
Thì bắt nó phải lấy gái già, gái góa.

Cưỡng dâm/ hiếp dâm (Gruaq jràc) là hành vi đồi bại thú tính được luật tục Raglai đề cập đến từ xưa và mãi tới nay vẫn được mọi người tôn trọng.

Ngoài vật chất chịu phạt, còn phải tiến hành lễ cúng tẩy rửa ô uế (cacah richo amõh tíchhưq vưq dalùq Mủq

Cơi), nếu tái phạm, tùy theo vụ việc nặng nhẹ mà nhân lên. Tục lệ định như vậy nhưng trong thực tế, theo các già làng thì những vụ việc này rất ít khi xảy ra và cũng chưa có mấy trường hợp tái phạm.

XIII. TỘI LOẠN LUÂN

1. Tội loạn luân

(Arih agap)

+ Gưq lacơi gưq cumơi: amā anảq, awơi anảq,
miãq cumuãn, wa cumuãn, cơi ticho mỏq ticho
palơp raluc jaluh tadluh tapru...

arih atuàc gagàc chuàc cuđah langỉq lơt...

Vìq rali aluah ngãq vơi lơt palava ia palamĩn;
tơl Putau ia huruơi Cơi ia vilàt

ru-uh ru-õm grõm catàl,

Mủq Chawơi Cơi Vanữq vanữq dlòc ruvòc vi-àr,
aluah cơi cu mủq cua pacal tapeq lơt tadrữt
ralơp langỉq tasỉq juàt...

Rali aluah chhõng, patlah lacơi cumơi hĩa
nãu mảq cumơi khiãng lacơi tapleh chượq đadủq lagar;
còh oh ngãi oh vơi mảq gưq.

Huơiq arih agap, arih chuàc gac cuđah

Tội loạn luân

- *Con trai con gái là: anh em chị em, cha con
mẹ con, cậu cháu, chú cháu, ông cháu, bà cháu ruột*

*lấy nhau lộn là mối hiểm hoạ trời tru đất diệt
 vì tội loạn luân, trần gian nổi loạn, sụp trời lở đất...
 mối hiểm hoạ loạn luân gây ra là tận thế,
 biển dâng ngập tràn, sụp trời lở đất, hạn hán...
 Phải lập đàn cúng tế để đất nứt nẻ thì đất liền vào,
 làm cho nước hoà trộn cho dính liền lại...
 Tế lễ với Vua thần mặt trời, Chúa thần mặt trăng,
 Chúa thần sấm Bà thần sét, Bà thần riu
 Ông thần đập nước từ trên cao
 Thần mương máng chảy xuống dưới thấp,
 Chúa thần gió thần mưa tránh hiểm hoạ
 sụp trời lở đất sông biển dâng tràn...
 Tế lễ xong, phải tuyệt tình trai gái
 đàn ông đi bắt vợ khác, đàn bà ưng chồng khác
 khuất núi biệt xứ sở,
 Tuyệt đối không cho lấy nhau loại người như trên.*

2. Anh em ruột lấy nhau

(Ai sa-ai adoi pruaiq)

+ Adoi ai sa pruaiq mǎq khiǎng si gưq
 Adoi tiluiq pruiq diac luvac vruh mǎq ngǎq
khiǎng ga gưq
 Buh saduq makhrǎh mayac lanēq
 Yư vingǎ malih malia vingǎ rưq,
 saduq vingǎ malia maya vingǎ tulưc
 Raglai còh lưoi ga chòm Chap paloi Raglai
 Chap Raglai pleh lungiǎu

Luoi ga tapai joc si tui djùq
 Luoi ga buh vu boc
 Manuĩh urac adoi ai jap jiáp
 Joc pajàq padungõm mũ acoq chhiau hulau anēh
 Mũ acoq anēh, acoq salau vu la-ān pagām paq mǎq
 Djap jamān akhiām chheq peq cahia va atheq
 Tapai manuĩh avih diphut tapai avup manõng carõp
 Manuĩh urac viaq viài, manuĩh urac iaq pavaq
 biah biai hatai ralo
 Adoi ai gưq lacoi gưq cumoi adoi tiluiq
 tùq sa pruaiq diac, tùq sa luvac vruh
 Peq mũ bòq padòc mũ hatai vrut hã hlou vruet
cõu didoi
 Vruet cõu jumã vruet hã didoi
 Jừ oh si djưh manũq djưq asal pateq
 hagiq lèq hmũ joc mǎq khiāng gưq
 Lavuq khuõn nhũ vù achhõng mǎq khiāng gưq
 Coh arih agap paveq palìq ralõp tasiq
langìq tadrõt
 tapa tajru jacu cu cua
 Paveq mǎi raluc tapeq lot tarõt langìq
 Savuc savai awaq awor ngãi nǎu oh joc ngǎq
khiāng sugưq
 Madah chhuah chhuau di lavuq boc ãih su gưq
 Madah chhuah di lavup khuõn nhũ khiāng mǎq gưq
 ngǎq sudiq vusac

Còh acoq panōq khuōn nhū vichah darah capru
 Tloh tacuai pađuai darah
 Panōq khuōn nhū oh thōu sanōng
 Lavuq khuōn nhū buh thōu catuaq sidōr oh
 Acoq, dlo lavuq khuōn nhū
 Tamāh vida tahluaq vīq vida pàp hanruoi
 Ajōc panōq khuōn nhū tamāh du nūi voh vōc
djàh uān juān

 Du nūi voh tavlūq yul taruiq tasrōu
 Du nūi voh chuàq gàq, arih agap
 Panōq khuōn nhū tamāh ngāq Pu Vhūm chuq
dlai tanuāi ranōng

 Pu Vhūm tanāh, lagar char
 Pu Vhùp Vhūm tasìq langìq lawah lawor grōm vatal
 Chau huh chau ngōr paliq lalōp sīq lai anàq dūn cayua
 Ngāq ia òiq tasìq lìq panũq, tasìq pađìq langìq
 Tlūq luiq pamatai palai anàq ticho dūm ga adām
 dòq lūng dabra manàiq
 Panōq khuōn nhū tamāh hatai tiat jiáp ngāq
boh thōn

 oh buh urac sōi si jiáp ngāq
 Voh ga cōt ukhit pical pagac caya Mủq caya Cōi
 Panōq khuōn nhū tamāhngāq ga Mủq Cōi
 amōh tichhuq vūq dalùq salōp sapōl
 Panōq khuōn nhū tamāh ngāq panuāi gàq
di voh ukhit pical

Grōm cumlât chau hơr ngơr huh
 Ngãq grōm taq tlàq, cumlât taq vlah
 Ngãq ga chōm paloi dunsā panām dunsā rabāh
 Pađiđ tahu paròc pareh
 Ajơc ai sa-ai adoi pruaiq
 Sa pruaiq điàc sa luwàc tuviaq mǎi
 Vù ngãq mǎq khiǎng mǎq pagap gưq
 jư pachrāi padlàiq tuh ga duh dueh traq
 Buh chhūnq dlàiq traq viaq dadi
 Panōq khuōn nhū vìq vida peq charanā catuq
chhūnq dlàiq traq

 Mǎq panōq khuōn nhū hīq vìq
 Rali aluah tōl saluah dlòc, saluah ala Pu iaq luvàc
 Yàc pac madhir tōl acoq Pu jưq acoq Putau
 Cacah richo vro manōi tuah tasàiq amōh
 tichhưq vưq dalùq Mủq Cơi
 Mǎq panōq khuōn nhū vìq patloq payah si
gưq vroi khiǎnq oh

 Vìq peq luoi peq patloh voh sanōng hĩa
 Nūi du vhorn ngãq chhūc chhuau wau dlàiq
 Mũ patla panōq khuōn nhū di gưq
 pha chưq pha droi pha ia huruoi pha ticui
 Mǎq panōq khuōn nhū vìq rali aluah tlah vưq
muvah nàc

 jàc ia huruoi yư Pu Via amā aroi
 Mǎq khuōn nhū vhanq ahùq phāc tàq Mủq Cơi

Mǎq gai gadu srāh gai sanrh poh sayuaq
 lavuq khuõn nhũ
 Poh sayuaq va pachuh paluaq la war un
 Mǎq lavuq khuõn nhũ acoq joh cruai
 tacai joh muáh cacuh limã cuhnã tijuh
 mǎi di ruvòc tanàc
 Vù luoi ga khuõn nhũ hīq chabah bõc hlũq djap un
 Vloh hĩa mǎq gai hadu srah mǎq gai hawai sanrah
 poh sayuaq paruh paduh vruh pa aga
 Oh vroi lavuq nhũ vruh sa voh lac oh
 Vát ràc lacoi ruoi vruh bac hlõu jumã vloh
 Ràc anǎq cumoi ruoi tuviaq bac didoi
 Viq ngāq luoi ga khuõn lavuq nhũ halòt halua
 Malou boq còq mata cayua ga vhorn nhũ
 ngāq voh wìq pàq mǎq hanruoi
 Amõh salõp tichhũq djrũnq vù vùq cacah richo
 vro manõi di voh nhũ tamãh ngāq
 Lavuq khũ oh di chhuah tucõt hagiq yư inã un
 inã manũq asou, manũq ròc jaroc caih dlai
 Ajõc vahrou mĩ ngāq du nũi voh titai
 ma-ãnq si chathõp sanǎp vhap riya
 Ma-ãnq si dũn simalou, ma-ãnq si khiũq je du mũnq
 Vùq bõc chhũnq mǎq gadha dlaiq traq khuõn nhũ
 luoi ga ngāq vroi buh vroi chràq
 Luoi ga uràc soi oh wõr dalap hudiq
 rai rivou rai manuĩh

Oh jiap hatai tiat ngãq nũ di voh tichhưq
narãng dalap tamaror, amõh tichhưq vưq dalùq
salop sapol hĩa

Anh em ruột lấy nhau
Anh em ruột với nhau,
Em út ruột rà với nhau
Có đẹp có duyên dáng
Như bông hoa rừng cỏ dại
Là để cho xóm làng Chăm Raglai người bên ngoài,
Để có rượu theo mà uống,
Có cơm theo cùng ăn,
Người anh em ruột chín chắn
Được mời ngồi trên nền chiếu,
Trên đầu thêm, cơm ngon đem đến,
Có canh ngọt đem đến cho mà ăn
Có rượu ngon đem đến cho mà uống
Người ta quý, người ta trọng.
Anh em trai gái cùng một cái ruột,
Cùng một lỗ mà ra,
Cắt mặt xé lòng vụt người ra trước,
Vụt người ra sau
Thì không thể nào được bắt lấy nhau.
Chúng mà muốn bắt nhau lấy nhau
Là loạn luân khiến sạt trời lở trôi cuốn,
Khiến lở đất sập trời,

Tuyệt đôi không được bắt lấy nhau.
Nếu chúng lỡ ăn nằm với nhau,
Nếu chúng lỡ bắt nhau làm vợ làm chồng
Là cái đầu chúng nó vỡ,
Cái cổ chúng nó đứt.
Chúng nó không biết nghĩ,
Chúng nó không biết suy,
Cái đầu, cái óc chúng nó
Đã bị điên bị dại
Nên chúng đã làm cái chuyện xấu xa
Cái chuyện đảo ngược rồi loạn,
Cái việc chồng chéo, loạn luân.
Chúng đã làm cho thần núi,
Thần đất, thần xứ sở, Chúa thần biển trời không gian
Nổi giận gây ra hiểm họa, đại họa,
Làm nước dâng tràn lên cao
Huỷ diệt con cháu trần thế.
Chúng đã làm cái việc không ai dám làm
Điều tối kỵ của ông bà,
Chúng đã làm cho ông bà ô ւế,
Chúng đã phạm tục lệ ông bà,
Chúng đã phạm phép tắc của thần linh,
Của chúa thần trời không gian,
Thần mây gió, thần biển sông.
Chúng đã khiến cho
Thần linh trên mặt đất ngoảnh mặt quay lưng,

Chúng đã làm cho lật gốc cây đa,
Sút cán dao ra khỏi dao.
Thần linh sẽ giáng họa lớn
Sẽ rải độc, gieo rắc dịch bệnh, chết chóc,
Nước sông suối khô cạn,
Đất nứt nẻ, sụt lở,
Cây lô ô không mọc mọc măng,
Cây không mọc chồi búp lá,
Không ra hoa ra trái,
Lúa bắp sẽ chết khô
Chết cháy trên ruộng trên nương.
Thần mặt trời, thần mặt trăng,
Thần không gian, Thần sấm Thần sét tức giận
Làm sấm nổ, sét chập
Làm cho xóm làng khổ sở,
Đau đớn, thảm thương.
Cho nên anh chị em ruột
Một lỗ sinh ra mà bắt nhau là có tội nặng,
Có lỗi nặng thực sự.
Chúng nó phải bị xét xử nặng.
Bắt chúng nó phải
Cúng tổ chúa của thần linh,
Cúng tẩy rửa ô uế cho ông bà.
Bắt chúng phải cắt đứt,
Phải chấm dứt cái ý nghĩ,
Cái việc làm sai trái đó,

Bắt chúng phải ở cách xa nhau,
Bắt chúng nó phải tạ lỗi các thần linh,
Bắt chúng phải tạ lỗi ông bà.
Phải phạt chúng nó một con trâu trắng,
Một con gà trắng, quần áo trắng
Một xấp vải trắng, rượu ché trắng,
Gà trắng, rượu ché đỏ gà đỏ,
Rượu ché đen gà đen bằng đôi con.
Heo đặt cúng bên trái,
Trâu đặt cúng bên phải,
Vải đặt cúng đồ cúng có mâm,
Vải cho choàng, áo cho mặc vào
Để làng cúng tế lễ
Thay trời mà xử phạt
Tội lỗi chúng nó đã gây ra
Cho thần linh đất trời,
Không gian, sấm sét,
Cho tổ chúa thần linh,
Cho tổ tiên ông bà.
Phải bắt chúng nó bò như heo,
Lấy roi đánh quất chúng nó
Cho chui vào chuồng heo,
Bắt chúng nó cúi đầu vào máng
Mà tấp ăn cám heo,
Rồi dùng roi mà đánh lừa chúng ra ngoài,
Không cho chúng ra cùng một cửa.

Thằng con trai bò ra cửa trước,
 Đưa con gái bò ra cửa sau.
 Phải làm cho chúng trắng mắt,
 Trắng mắt vì cái việc làm điên cuồng,
 Như nhuộm mà chúng đã làm.
 Chúng nó không khác chi con heo,
 Con chó, con súc vật trong rừng
 Nên mới làm cái chuyện đáng nguyên rủa
 Đáng tui hổ, đáng chê trách
 Phải phạt nặng chúng để làm gương
 Để cho không ai trên đời
 Còn dám làm cái chuyện dơ bẩn ô uế đó.

3. Anh chị em cô cậu lấy nhau

(Ai sa-ai adoi awoi proc bẽn miãq wa mãq gưq)

+ Caduah si adoi ai sa-ai adoi

Dalap la apoc pitiat mãq khiãng si gưq còh

arìh agap

Còh arìh chuàq gàq cudah arìh atuàc

ukhit pical ga anãng tanãh ãah thu tapeq

tajru cucua

Ai sa-ai adoi mãq wòq bẽn proc mãq khiãng gưq

Dingõq di pitiat tanõ tucot vloh khũng oh jóc

ngãq khiãng gưq

Cayua ga sa phut vù tuvĩaq mãi

Lavuq khuõn nhũ oh hmũ jóc mãq khiãng su

gưq jóc hmũ oh

Madah khuõn nhũ vlāng dura sap anīt jumān
di gưq

Bơc đih su gưq

Khiāng ga saleq gưq ngāq mǎq ngāq khiāng
ngāq sudiq ngāq vusàc

Jừ khuõn nhũ tamāh ngāq arih ngāq agap
ngāq chàc cũaq lawah langỉq tasiq juat

Hatai tiàt gat muvlah adāt panuāiq asal arih
chuàq gàc cũaq

langỉq tasiq juat tapoq lot tadrũt langỉq
Hataigat muvlah adāt panuāiq caya Mủq Cơi
huruoi lot langỉq tasiq juat...

Khuõn nhũ ngāq Putau ia huruoi Cơi ia vilàt
Cơi Grõm Mủq Catal, Mủq Chawoi Cơi Vanũq,
Cơi Cu Mủq Cua

Cơi Ruvùq Mủq Taso, Cơi Rivùq Mủq Agàl
Vanũq dlòc Rivòc viàr

Vanũq dlòc Rivòc radàq

Tahnrot cabla huh hur, thoc chau đầu hluoq
Vlũq roc chhoc licùq pawih anāq siliac bòq,
Vũ yu thoc dịgơi visoi tanhru huh hur mur rahop
Thoc chhau đầu hluoq ngāq vroi tapeq lot

tadrũt langỉq
tapeq tajru jacu cua lot langỉq tasiq juat...

Loiq druc panũq tasiq điq riya tapeq tajru
jacu jacua

Thu tanãh ðah lagar char paloi
 Anãng atuac sanũh chuh matai harop
 Cayou tlua vungã puiq
 Cayou luiq voh titai wai ràq
 Harop padai matai gilo, padai vo gilo pèq
 Putau Ia huruoi
 Cõi Ia vilat huh ngor chau tahu
 Gilo padai harop matai chhai cro
 Gilo padai harop matai di apu di drap
 Thu tanãh ðah lagar
 Thu ia tava hual...
 Haru tavlùq... vinũq tavou tawoc phut pui ugha
 Vinũq di pũng panõng di vlòc tapui choh
joh haròq.
 Paleq voh djou crou pa-ua, ruaq padiq sakiq sarau
 Chruai charuai cheh ðeh dlõm mũ chõm paloi
 mũ tuq ala hmã lagar
 Paleq voh... jrũh cayou crou pa-ua mãq ruãq
hoq matai
 Yũ voh radah manuĩh urac va agal
 Crou pa-ua ti ia cròc dic icat matai crou sa-òq.
 ngãq vroi ga anãq urac manuĩh
 Mũ ca tol tuha ruaq papiap mãq crou pasaq palaiq
 Ke vahrou joc ðeh cheh vida mãq ruãq luca lukeh
 paluh jacu ralo culiq sadjap haroc di acoq di rùp
 Padiq sarau mãq pahu hia priaudriau sa-ừ...

Chôm paloi tanāh lagar buh sun jua oh.
 Panōq khuōn nhū pajoc tuviaq voh
 vhōn buh siàp lageh ga tanāh lagar oh
 Panōq khuōn nhū pajoc tuviaq vamāi chhit sanōh
 voh vida ga chōm paloi
 Panōq khuōn nhū vîq drū chhūnq dlàiq va vayar
 màc ga uràc
 Drū vroi vayar dlàiq gadi gadha dlàiq
 madueh cayua
 ga panōq khuōn nhū pajoc voh vamāi gadha
 Padueh vamāi duh rabah ga chōm paloi lagar
 char paloi
 Vîq peq vîq charanā catuq chhūnq bōc dlàiq
 di nhū
 Sa droi un còq mū tlou tol nām chagàp un
 Sa droi manūq còq luoi papor rali aluah
 langiq lawah
 Caduaq vi Putau ia huruoi Côi ia vilat,
 Hual gunām, Côi Ruvùq Mủq Taso, Vhūm churq,
 Tasìq juat, Vhūm tanāh Chai riya...
 Sa droi manūq àq hē manūq jùq
 Pol rali ga Pu Vhūm tanāh riya
 Sa au churupha còq
 Khat picha voc còq luoi chùq,
 Khat pabau au pachùq angūi
 Vù ngāq pol ukhit rali aluah ga lốt langiq
 tasìq juat

Crāng Putau pu Via Inā pajiōng,
Putau Via Inā rasaq lōt langiq tasiq juàt
Viq sìq tacuai manūq còq manūq àq
Tuh paduaiq di chòc di ruvòc vahnāq ia
lawa vruh

Ngāq vroi lōt pamida ia palamīn
Ngāq pa ia chrīh langoi rali pa lava
Rali aluah muvah nàc jàc ia huruoi
Samagrāh samagrūq rìq digoi juoi langiq
Iaq chac bac pajàc ia huruoi vilàt
Rali aluah Putau Ia huruoi Coi Ia vilàt
Putau Ia huruoi Coi ia pituq
Ru-uh Ru-ōm Grōm catal,
Coi Ru-uh Mòq Ru-ōm, Coi Ru-ōm Mòq Catal
Mòq Chawoi Coi Vanūq
Coi Ruvùq Mòq Taso
Coi Jacu Mủq Jacua
Vhānq ahùq tùq lacou iou cruai
Pu Vhūm churq, Vhūm tanāh chuah lagar
Pu tasiq langiq juàt lawah lawor car langiq
lưh luoi
Panòq lavuq khuōn nhū viq drữ chhūnq dlàiq
māq vayar madueh duh dlàiq
Vhānq ahùq cacah tuah amōh Mủq Coi mữ
un mữ manūq
Jro tapai luoi tuah manoi amōh salop

Du amõh tichhuq vua daluq Mủq Cơi
Lươi ga Mủq Cơi lữh dơi lươi jat pathã taluoi
vớih patla
Paluq paha lươi ga anủq ticho lamo cuvau
dalap sàc.

Anh chị em cô cậu lấy nhau

- Đối với anh em chị em

Trong họ hàng lấy nhau là loạn luân,

Là cần vướng điều cấm kỵ

Anh chị em cậu dì lấy nhau

Dù chỉ khác họ nhưng cũng không được

Vì cùng một gốc mà ra.

Chúng nó không được lấy nhau.

Nếu chúng cãi lời thương yêu nhau,

Ăn nằm với nhau,

Muốn cùng nhau bắt lấy làm vợ làm chồng

Thì chúng nó đã làm trái lý loạn luân,

Phá lệ, vướng mắc chồng chéo

Phạm vào phép tục của ông bà, trời đất.

Chúng nó làm chúa thần trời,

Ông thần mặt trăng,

Thần sấm thần sét, ông thần lụt,

Bà thần gió bão gió lốc,

Thần đập nước trên cao,

Thần mương mán dưới trôn

Giật nảy mà tức giận

Ngoảnh mặt quay lưng,
Mà như con dao nung đỏ,
Cây đao bén làm cho sạt lở đất sập trời,
Nước lớn sạt lở cuốn trôi,
Khô đất nứt lở xóm làng
Nắng hạn khô cháy.
Cây không ra được hoa,
Cây không ra được trái,
Lúa lép, bắp héo.
Thần ông mặt trời,
Thần ông mặt trăng tức giận,
Bắp lúa bị chết,
Lúa bắp bị đốt cháy trên rẫy trên nương,
Khô đất nứt lán xứ sở,
Khô nước lác mây.
Cây đa, gốc cây sung bật ngược,
Cây sung trên ngàn lật búng gốc đi.
Bệnh dịch, bệnh đau
Gieo rắc khắp làng khắp xóm.
Đổ họa cho trái độc cho người,
Thuốc độc cho cá suối cá sông chết dịch.
Làm cho con người
Từ trẻ đến già bệnh đau dịch họa.
Trẻ mới sinh bị độc lở thịt lở da
Lở loét trên đầu trên mình
Đau đớn khóc lóc thảm thiết,

Xóm làng hỗn loạn không yên.
Chúng nó đã gây ra việc không tốt cho làng,
Chúng nó đã gây ra tai hoạ cho làng.
Chúng nó phải chịu phạt
Chịu đền tội lỗi chúng đã gây ra
Cho xóm làng xứ sở.
Phải xử phạt nó:
Một con heo trắng từ 3 đến 5 gang tay
Một con gà trắng để cúng tạ lỗi
Đôi với thân mặt trời thân mặt trăng,
Thần mây, Thần gió, Thần núi, Thần biển,
Thần đất, Thần sông.
Một con gà đen hay gà quạ
Cúng cho thần chúa đất.
Một bộ áo quần màu trắng
Vải trắng để mặc, để choàng
Mà làm lễ cúng tạ trời đất để
Thần linh tổ chúa nài gióng,
Tổ thần số mệnh trời đất.
Phải cắt cổ gà trắng gà quạ
Nhỏ máu trên máng nước
Làm cho đất non nhuyễn,
Làm cho nước chan hoà trở lại,
Cúng tạ ông thần rồng
Người giữ cửa mặt trời,
Giữ cửa mặt trăng.

*Cúng tạ ông thần mặt trời, Thần mặt trăng, thần sao,
Thần sấm thần sét, Bà thần búa, ông thần đập,
Ông thần gió bão, bà thần gió xoáy,
Ông thần lụt, bà thần cuốn.
Cầu xin cho thần núi, thần đất xứ sở,
Chúa thần biển, thần trời không gian tha thứ.
Chúng nó phải chịu phạt
Tạ lỗi ông bà bằng heo gà,
Ché rượu để cúng tẩy rửa
Mọi sự ô uế cho ông bà,
Để ông bà tha thứ khoan dung
Rộng lượng cho con cháu trong nhà*

4. Giao cấu với súc vật

(Payor đươi / tui suvil inã jaròc còc paga)

+ Nhũ goc haràc, nhũ mahâu dijuh
voh gangãq vanah di dua ràc lacoi si cumoi
Nhũ oh buh doq khiãq iaq gavar hmũ jòc di
voh acoq dlo thòu si sinĩn pamãq pahmỏq trà-oh
Nhũ oh khiãq ngãq pioh iaq pajàc
jòc voh acoq dlo thòu bớc sinĩn
Nhũ buh pioh jòc oh di dloa coq vidòc
Djứq manũq panuãiq asl giq djứq hagiq chhual
Như vùq dòq yư manũq vù djứq voh
Ninoc ninòt yư un hanruoi jràc, yư asou diac vinãi
Vù nhũ dòq mumloc sadiar tavluq yul cul

acoq sro vát

Nhũ yư vavui un tatlah di tipuch
Tatla mũ war mũ anròt
Chruac chruac pavruh đuaìq
nâu paq caih yac paq caih dih
Yư vavui dlai, yư rusa
Yư cra anròp, yư inã dlai la cai la dlai la
Nhũ oh buh thৌ vithৌ gah hagiq wờq
Oh dòq thৌ peq rupha anãh dèq wờq hagiq
ga mata urar

Hata hapaq leq coh leq inã jaròc
Hata hapaq wờq lèq anảq manũh uràc
Nhũ nầu đươi hanruoi jàc si inã jaròc chapuol
manũq wờq

Nhũ ngãq v्हှ်n vờc tichhuq uãn djãh uãn,
tarasuet tarawe tichhuq djrũnq,
tichhuq narãc, oq dalừq djãh djỏt uãn lu,
Chhuah tapleh di sap poh voh,
voh pato caya Mủq Cơi awoi amã

Nhũ buh chhũnq dlàìq pa madueh traq,
Nhũ vìq drữ chhũnq dlàìq ga uràc
Nhũ vìq cùq acoq drữ ga dlàìq
Sa đươi un mũ tlou chagàp tol limã chagàp
Nãm đươi manũq ga uràc manuĩh ròc caya
manũq ròc
Nhũ vìq chhũnq dlàìq cacah amõh ga Mủq Cơi

*Góm ghiếc, ô nhục,
Trái lời dạy của ông bà cha mẹ.*

*Nó có lỗi nặng, nó phải bị phạt.
Nó phải cúi đầu chịu phạt
Một con heo 3 đến 5 tay,
Sáu con gà cho người chủ con súc vật.
Nó phải tạ lỗi cho ông bà nó.
Làng phạt nó phải lấy gái goá,
Gái xấu, gái lớn tuổi làm vợ.
Con súc vật bị nó làm xấu đó
Không được dùng vào việc cúng bái,
Chỉ để ăn thịt mà thôi.*

Loạn luân (madueh arih agap) là một tội nặng. Theo cách hiểu của hầu hết người Raglai thì

- Arih là *loạn*, là đang ở giữa ranh giới của sự sống và cái chết như đứng trên bờ vực thẳm, bên chảo dầu sôi, trên biển lửa...

- Agap là *luân thường đạo lý*, (theo từ vựng của Fr. Corentin Savary ghi là adhap/adham; có lẽ là phương ngữ Khánh Vĩnh hoặc vài địa phương nào khác).

Người phạm tội loạn luân là người không còn nghĩ gì đến tình máu mủ ruột rà, mất hết ý niệm về họ hàng dòng tộc nội ngoại; thậm chí không còn tính người, mà đã trở thành "loài heo, loài chó, loài khỉ... như con trâu, như con bò..." (nuãi un, nuãi asou, nuãi cra... yư cuvau, yư lamo...).

Người phạm tội loạn luân không chỉ tự giết chết mình mà còn gieo bao hiểm hoạ cho cả cộng đồng.

Cùng hành vi loạn luân nhưng tùy theo đối tượng phạm tội, tính theo dòng họ bầy đời có bảo vật lưu truyền mà xét xử.

Từ những sự tích về các họ (do loạn luân mà bị trời phạt và từ đó hình thành các họ) nên người Raglai tin rằng nếu loạn luân thì lại bị trời phạt trời đánh, tai hoạ ập xuống không biết lúc nào, họ sợ nhất:

+ Palơp paliq, raluc lơt tadrốt langi^q

- *Nước biển dâng tràn, sụt đất sập trời*

+ Tapeq tajru cu cua,

agĩn pa-ủq ruvùq pavơ,

agĩn prõng hujàt ghõng,

grõm taq cumlạt vlaq...

- *Sạt trôi gió cuốn,*

gió cuồng bão chướng,

gió to mưa lớn,

sét chặt sấm bở

+ Thu anãng đãng atuàc,

pađiaq pahnā thu ia tava hual,

thu tanāh dah lagar...

- *Nắng hanh khô hạn, nắng đổ lửa mây tản lạc*

khô cạn suối sông, đất đai khô cằn nứt nẻ xứ sở...

và từ đó kéo theo việc cháy lúa chết bắp xóm làng đói khát dịch bệnh lan tràn... giống nòi chịu bao thảm hoạ.

Tội loạn luân có hai mức độ khác nhau:

1. Arih agap là loạn luân với người ruột thịt - trực hệ gồm: cha con, mẹ con, anh em, chị em, ông cháu bà cháu ruột. Quan niệm rằng đây là tội gây đại loạn đại hoá: sụp trời lở đất, biển dâng ngập tràn, hạn hán dịch bệnh... xô đẩy cộng đồng vào vực thẳm, đến ngày tận thế...

Để tránh được mọi hiểm hoạ, những người phạm tội loạn luân phải chịu phạt nặng, trong đó có các nghi lễ cúng tế tạ tội cầu xin:

+ *Cacah richo Mũq Cơi*: cúng chịu phạt đối với Tổ tiên ông bà, ít nhất cũng phải có một ché rượu cần, một con heo từ 3-5 tay và một con gà (như lễ cúng tẩy rửa của những tội lỗi khác)

+ *Rali aluah arih agap Mũq Cơi*: lễ cúng làm lành các vị Tổ sanh của Tổ tiên ông bà; đây là lễ cúng đặc biệt mà những người phạm tội loạn luân buộc phải làm để cầu xin được tha thứ, trở lại cuộc sống bình yên.

+ *Pol rali aluah*: lễ tạ ơn cho những người đã đứng ra lập đàn cúng tế cho mình là Po paloi, Po chưq. Ngoài ché rượu cần và 3 con gà còn phải có một trong các vật quý: nồi đồng, mâm thau, ché...

+ *Rali aluah Yac arih agap*: lập đàn tế lễ đất trời là nghi lễ chính của hình phạt về tội loạn luân. Tạ tội với Thần mặt trời, Thần mặt trăng, ông Thần sấm bà Thần sét, ông Thần riu bà Thần đập nước ở trên cao, Thần máng nước chảy dưới thấp, Thần gió, Thần mưa... tránh cho mưa to gió lớn sóng biển dâng tràn sập trời lở đất... Tin rằng đất nứt nẻ thì đắp liền lại, làm cho nước hoà trộn gắn liền nhau lại... thoát mọi hiểm hoạ..

+ *Lễ vật phải lo đủ* gồm:

- Trâu trắng một con, heo "đầy nhảy qua" một con, gà đen một con... coi như con vật thế mạng cho người phạm tội (vì ngày xưa những người phạm tội loạn luân đều bị xử chết?).

Ở một số nơi như Thành Sơn giáp Ninh Thuận, các xã vùng sâu huyện Khánh Vĩnh thì lễ vật gồm trâu trắng, heo... như trên, riêng gà có hai con: một con màu trắng, một con màu đen coi đây là sứ giả của trời và đất, lập đàn tế lễ xong thì thả cho gà bay/chạy đi... "báo cho trời đất biết"

- Quần áo màu trắng cho Po paloi, Po chuq mặc "thay trời hành đạo", đóng vai Thần Sấm Thần Sét, tế bái đất trời, biến nạn nhân thành súc vật, giết chết những vật thế mạng cho máu chảy vào mương máng (đào sẵn rộng chừng một gang tay, dài hơn sải tay) cho "*chảy ra suối xuống sông ra biển*"...

+ *Hình phạt*: đóng một cái chuồng heo có hai ngăn trong đó có máng đồ sẵn cám heo, dùng roi đánh lừa hai người vào chuồng cùng ăn cám heo trong cái máng của mình... Sau đó đánh lừa ra, mỗi người chui riêng một cửa: con gái (đàn bà) ra cửa hướng mặt trời mọc (*ia huruoi vrùq*), con trai (đàn ông) ra cửa hướng mặt trời lặn (*ia huruoi tamã*). Hai người cùng lạy đất trời tạ tội:

+ Cacuh ia huruoi vrùq lumã

Cacuh ia huruoi tamã tijuh

- *Lạy hướng mặt trời mọc 5 lần*

Lạy hướng mặt trời lặn 7 lần

Tế lễ xong coi như tuyệt tình trai gái, đàn ông đi bắt vợ khác, đàn bà đi ưng chồng khác khuất núi biệt xứ, tuyệt đối không cho lấy nhau.

+ Patloh payah patlah pataiq di gưq

Pacuq pagac di gưq

yư rạc ia thu cu ia đuaiaq

- *Cắt đứt liên hệ tách rời ra cấm quan hệ với nhau*

Cấm đường bịt lối đi lại với nhau

như người ta gạn nước cho khô ngăn nước chảy

2. Gàq cudah: Cũng là tội loạn luân nhưng mức độ nhẹ hơn, nói đầy đủ là Arih chuac gàq cudah

+ Dalap apoc ata pitiat jeh

Apoc caweh pitiat cadiou

Pleq iãu nãu hanuãq

Loạn luân cần vương lộn xộn rối rắm

Trong dòng xa họ gần

Dòng dõi quanh co họ hàng rối rắm

Lệch lạc lung tung không phân biệt phải trái

Theo tục lệ, người Raglai luôn giữ mối liên hệ dòng dõi họ hàng qua bảy đời (có bảo vật lưu truyền làm "hạt giống") nhưng do không theo dõi, ít đi lại gần gũi nhau nên các đời sau như cậu cháu, chú cháu, dượng cháu, dì cháu, anh em con cô con cậu... không nhận ra mà "bắt vợ ưng chồng" lầm lẫn thành lộn xộn cần vương trong họ hàng, làm suy đồi nòi giống.

Arih chuac gàq cudah còn được hiểu là làm những điều phản nghịch trái ý trời đất thần linh ông bà cha mẹ, dòng dõi họ hàng...

Trường hợp này trong khi xử việc tùy từng đối tượng cụ thể mà có hình phạt phân minh nhưng dù gì đi nữa thì buộc người phạm tội phải lập đàn cúng tế và tiến hành các nghi lễ cầu cúng như tội arih agap ở trên.

+ Chuàt gàq cudah si apoc pitiàt
awàt havuoi pleh caweh cudeh cadiou

jừ mãq khiãng si gưq jợc oh

cờh arih chuàq arih agap

*- Cấn vươngng nghịch ngược với dòng tộc họ hàng
ngăn cách đoạn khoai đâm nhánh nảy mầm*

cho lấy nhau là không được

là loạn cấn vươngng là loạn luân

XIV. QUAN HỆ CHA MẸ CON CÁI

A. TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ ĐỐI VỚI CON CÁI (NGÃQ AMÃ AWƠI CADUAQ SI ANẢQ AVÌQ)

1. Con cái hư gây chuyện xấu

(Anảq avìq / anảq padai vlang la)

+ Chĩp jợc srũh anõm, vinủq jợc phutjợc ugha

Anảq manuĩh uràc jợc awoi jợc amã

Amã awoi pajợc deh choh acoq,

pajợc mata anảq tuvìaq mãi

Vìq thour pac si chiap ròc, poh còc ròc va pato

pachhai

Vìq pato ga anâq thour Guor Mûq Gilût Côi
Vìq pato ga anâq nhũ thour Mûq thour Côi
Vìq pato ga anâq thour adât asal chih panêq
thour panuâiq asal caya Mûq Côi
Vìq pato ga anâq thour voh ukhit mubar

pical payàc

côt pical caya chõm paloi lãng tanãh

Vìq pato ga lavuq khuõn nhũ

buh uràc prõng thour a tuha

thour pleh, thour yua cada ramã

thour anít padiùc di ke di dara lavuq

Vìq pato ga lavuq khuõn nhũ thour pleh yua

ga chõm paloi lãng tanãh

Thour palai mat mãq jumãn ar sa-uaq tanãh paloi...

Nhũ vìq thour: "*Chõm adoi paloi ai*"

"Chõm adoi paloi sa-ai"

Nhũ vìq thour: "*Apoc ata pitiàt jeq, Paloi tanãh*

jeq pheq phia"

Madah amã awoi oh thour pac si pato du anâq avìq

Oh jõe buq yuq dui tupaq nhũ mũ di dòq cunã

pruh timuh ruvuc

Luoi ga nhũ leq jõe crãm dade vloq, oh buq yuq

tapaq jõe wòq

Luoi ga nhũ nãu ngãq nũ du vhorn djãh vòc ga

chõm paloi tanãh

Luoi ga nhũ nãu ngãq nũ du voh padjãh adoi,

padjãh ai

"Aq di vhut gahlou, malou di phut turup"

Jừ awoi amā vìq dlàiq vroi

Madah ga nhũ nāu tleq

Madruh ngāq pichah tayah paròc chrai dueh

caya anān

Jacar ngān caya uràc tamō tucot

Jừ vìq drũ mǎq srūng, mǎq vayar joh lueh joh

yor joh dua

Madah nhũ rhuq pasahwàiq truq, wàiq anā

pakhrā inā ràc:

Ngāq djāh, ngāq ma malou mata uràc

Jừ vìq dlàiq catuq dua droi manũq, sa jro tapai

Madah nhũ ngāq nhũ toh uràc tól vida tamā

Madah nhũ ngāq toh uràc tól hoq darah bah culiq

Nhũ ngāq ga uràc catuaq asur

Nhũ ngāq ga uràc pòr vungāq

Jừ amā awoi vìq pajrāu luca tamā anhāng

sùp siap jaq

Vìq catuq dlàiq chhūng vroi mũ tlou tól limā

chagàp un,

dua droi manũq, sa jro tapai, sa siòp picha còq

lười ga pól puoi vungāq yawa asur palagar uràc

jawi woq mǎi po mala uràc.

Trách nhiệm cha mẹ với con cái

- Con chim có tổ, cây đa có gốc

Con người có mẹ có cha

Cha mẹ sinh đẻ con ra
Thì phải biết nuôi nấng, dạy dỗ.
Phải dạy cho con biết tổ biết tiên,
Phải dạy cho con biết ông bà
Phải dạy cho con biết phép tắc,
Biết lý lẽ của ông bà
Phải dạy cho con biết phong tục
Biết điều cấm kỵ của xóm làng
Phải dạy cho chúng nó
Biết kính trọng người già,
Biết yêu mến người trẻ
Phải dạy cho chúng biết tôn trọng xóm làng
Biết quý trọng tình làng nghĩa xóm
Nó phải biết: "Xóm em làng anh"
"Xóm em làng chị"
Nó phải biết "Bà con xa, láng giềng gần"
Nếu cha mẹ không biết dạy dỗ con cái,
Không uốn nắn nó từ khi còn lọt m襖
Để nó thành cây tre rồi không uốn được.
Để nó đi làm những việc xấu xóm xấu làng.
Để nó làm những việc xấu anh, xấu em
Xấu hổ với gốc trâm
Mắc cỡ với gốc Tô Hạp
Thì cha mẹ phải chịu lỗi.
Nếu nó đi ăn cắp
Hoặc làm hư hại của cải,

Tài sản của người khác
Thì phải chịu bồi thường gấp rưỡi, gấp đôi.
Nếu nó chửi rủa, mắng nhiết,
Làm xấu hổ người ta
Thì phải phạt 2 gà, 1 ché rượu.
Nếu nó đánh người ta bị thương,
Nếu nó đánh người ta chảy máu,
Nó làm cho người ta mất vía,
Nó làm cho người ta mất hồn
Thì cha mẹ phải chữa lành vết thương,
Phải chịu phạt từ 3 - 5 tay heo, 2 gà,
Một ché rượu và một xấp vải trắng
Để cúng gọi hồn vía người ta trở về.

2. Đối xử hà khắc với con cái

+ Vu suaq djap chaga,
Bơ sa muvah vu suap ruruap
Bơ sa muvah djap siều ririều
Poh patiàq pajhàt paruh
Poh anàq majai atơu

Đối xử hà khắc với con cái

- Cơm giành canh giết,
Ăn một miếng cơm bị quật bằng roi
Ăn một miếng canh bị giăng mắt
Đánh đuổi nguyên rủa xua đuổi
Đánh con kinh lộn với dẫu rể

3. Cha mẹ xúi con trộm cắp, làm chuyện xấu xa

(Awoi amã pathã anãq vîq, anãq pachhai ràq ngãq
vlang la; ngãq hatai tiêt phàq sawah)

+Tamãh ngãq ga amã, ngãq awoi

Oh thêu pac si pato pachai cai ideq voh lageh

Voh djuh ga anãq avìq

Vù làiq wòq dòq pachuh pajhar ga anãq avìq

Nãu ngãq vhorn titai liloi pupoi,

Nãu gãq tleq, nãu ngãq sawah,

Nãu ngãq nũ du voh djãh chõm, padjãh

ga paloi tanãh

Nãu ngãq nũ du voh malou catiou

Vù malou halòt si manuĩh urac awoi amã gưq,

paloi tanãh

Jũ amã awoi lavuq nhũ vîq drũ vayar chhũnq

vroi dlaiq

Vìq drũ catuq vayar vroi joh you

Nũ du voh caya, jacar ngãn vù nhũ tleq mãq,

Vù nhũ ngãq pichah tayah pareh paroc vrai vãm

Vìq catuq vaya voh chhũnq dlaiq madueh rabãh

di urac

Vù nhũ tamãh mãq manuĩh rac djãh malou

Nhũ vîq drũq ga chhũnq dlaiq ga paloi tanãh gah

Vìq chhũnq vroi dlaiq po manuĩh gưq chõm

paloi phia

Dalap la tlou thut luoì ga nhũ sidua tuc hatai

va ga siap lageh mĩh ãah lađap lađa nhũ hĩa.

Cha mẹ xúi con trộm cắp, làm chuyện xấu xa
- *Đã làm cha, làm mẹ*
Không biết dạy cái hay
Cái đúng cho con cái
Mà lại còn xúi dục con cái
Đi làm việc bậy bạ
Đi ăn trộm, ăn cắp,
Đi làm những việc xấu xóm, xấu làng,
Đi làm những việc mắc cỡ
Mà xấu hổ với bà con, làng xóm.
Thì cha mẹ chúng nó phải chịu tội.
Phải chịu bồi thường gấp đôi
Những vật, tài sản mà nó ăn cắp,
Mà nó làm hư hại.
Phải phạt cái tội
Mà nó đã làm người ta xấu hổ.
Nó phải chịu phạt cho làng
Phải phạt cho bà con xóm giềng
Trong 3 năm để nó thay đổi tính nết.

B. CON CÁI ĐỐI VỚI ÔNG BÀ CHA MẸ (ANÁQ AVÌQ CADUAQ SI MŨQ CÔI AWŌI AMĀ)

1- Con cái phải hiếu thảo với ông bà cha mẹ

+ Ngãq anáq ngãq avìq ngãq

Tùq cũng janũh choh acoq pajoc

Hmũ si drap prõng droi awoi pãng rùp
chiap ròc chagòc va caya mũ awoi mũ amã
Ngãq anãq vîq thêu cahnal:

"Amã pacheh pajòc awoi ðeh"

"Choh acoq pajòc droi choh thõih pajòc rùp"

"Chĩp jòc srũh anõm, vinũq jòc phut jòc ugha,

"Manũih jòc vijeh jaròc apoc pitiàt"

"Pajòc anãq luoi ga apat gai janãih vijeh noc

nuãih gai jamõng"

Ngãq anãq poh vîq nãu driaui vîq sadùq hmũq sap
bòc càc awoi amã

Vîq poh tui dui nãu cahnal apat iaq awoi amã

Vîq jòc buhgãq khiãq gavar sacap si awoi si amã

iaq iau khau cahnã còq ðòq di anãq

Djap pùq, vu rawai...

Con cái phải hiếu thảo với ông bà cha mẹ

- Làm con cái thì phải biết

Công ơn sinh thành nuôi nấng

của cha của mẹ

Phải biết: "cha sanh mẹ đẻ"

"Con chim có tổ, cây đa có gốc"

"Con người có giống có tông."

"Sanh con là để nối dõi tông đường"

Làm con phải biết vâng lời cha mẹ,

Phải hiếu thảo với cha mẹ,

Phải có bổn phận hầu hạ cha mẹ

Canh bưng, cơm dọn

3. Con hư không vâng lời cha mẹ

(Anảq aviq pahmũq sap mảq càc awoi amã oh)

+ Tamãh còh amã, tamãh còh awoi

Jừ awoi amã asal jóc mảq chaq

mảq poh sap poh voh pato

Poh ngãq ảiq, poh ngãq tikiq lanũiq di cacheh

tac vu lươi ga pato pachai

Madah poh chhuah tangãn matai

Khũng ta dlàiq vayar chhũng hàiq dlàiq

madueh vayar chhũng dlàiq dua voh chhar

sàc dahnōq

Su vìq ngãq pamuc pasic pavhìq,

ngãq vidhi ngãq car ngãq choh gưc rưc vidhi

Con hư không vâng lời cha mẹ

Đã là cha là mẹ

Thì cha mẹ có quyền trời đánh

Đánh nhiều, đánh ít để răn dạy.

Nhưng nếu đánh lỡ tay chết

Phải chịu phạt đền 2 mặt mã la cho gia đình

Và phải lo chu tất lễ chôn cất, bỏ mả.

4. Con bỏ cha mẹ đi ở làng khác

(Anảq aviq dlớp parah awoi amã nẫu dòq paloi tucot)

+ Ngãq amã ngãq awoi vìq

nẫu iou nhũ va wòq paq sàc

Madah nhũ oh wòq paq sàc

Jừ phah akhàt si lãng tanãh palơi gah
 su nãu mǎq nhũ va wơq mǎi
 Va nhũ wơq mǎi luoi ga poh
 ga pato ideq cacheq pachhai
 Madah nhũ thou chhau dlàiq, nhũ drũ patla đlop
 Nhũ oh nãu wờq jừ patla ga nhũ lacơu đroi
 Con bỏ cha mẹ đi ở làng khác
 - Cha mẹ phải đi kêu nó về.
 Nếu nó không chịu về
 Thì báo làng và đi bắt
 Dem nó về mà đánh, mà dạy.
 Nếu nó biết lỗi, nó hứa chừa bỏ
 Nó không đi nữa thì tha.

5. Con cháu không chăm sóc ông bà cha mẹ

(Anảq aviq iaq pavaq Mủq Cơi, awoi amã)

+ Cơi Mỏq Mủq Cơi tamãh poh pato

Awoi amã tamãh pajơc pacheq deh mǎi ga nhũ

Awoi amã tamãh poh do pachhai nhũ ghõng jãc

Yư hĩa vù voh acoq nhũ buhthou pac oh thou

sanõng oh

Acoq nhũ buh thou si cahnal sidơr oh

Prãn januh cững upah awoi nhũ gui traq

mǎq padìq

Amã nhũ leq vruh tagùq rùp va gulap

Nhũ ngãq vluq lơi sơi nuãh awoi amã nhũ pamuc

Nhũ ngãq didil pangìq pago la-ơt di amã awoi

nhũ jơh pamuc

Nhũ ruaq papiap awoi amã nhũ pamuc thưq
 ia chau
 pãđau ia lai vu ga đroi pitoi ga anãq
 Awoi amã nhũ jư unũn di at can ngãq rabãh
 Awoi amã nhũ at di duh anròc rabãh rabũp
 Awoi amã nhũ at di lapa at ditijoh hlua lavua
 Awoi amã nhũ huh ga anãq khiaq ga roc ganuah
 pachau iãu tanrõm
 Lươì ga nhũ jòc pãđau, jòc trơi
 Unĩ Mũq Cơi, awoi amã nhũ
 Dòq joh dòq cadãq wớq tangãn tamãh tuha
 Tangãn ra-ai tacai laduh di jùq di tuha
 Mũ tatoq gai rawai sùp ta-ùq pãđiq
 Oh dòq khãng jaghac uraq tangãn tacai
 tòi rui sròq pãđiq tasiac jòc wòq
 Mata chhùt vup si canap dòq iaq buh wòq
 Yư yớ mõng chruãi dhic djũh vavui wòq
 Yư rusa, chacuai anãq sòc wòq
 Tatoq gai jrũ lua gai catrêu gui ticui hoq gilo
 mũ muvah yòt dol ta-oh
 Gui padai, yòt gui pitoi khũng hĩa
 Buh yư hĩa vloh vù nhũ oh thừ anĩt
 Yư hĩa vù nhũ oh patòq đroi magoi acoq đit đãt oh
 Nhũ oh djũh dua, ia oh chhoq,
 Nhũ oh sãm ngãq pãp pamuc voh bợc djùq
 ga awoi amã

Du caya jacar ngãn caya mãn Mủq Cơi,
awoi amã luoi wờq làiq
Nhũ oh hmũ jợc pioh lùq sa mađã
Du caya caya ngãn jacar ngãn Mủq Cơi luoi wờq làiq
Pajou pajua ga cumuãn nhũ pioh pajac iaq...
Madah nhũ oh buh cumuãn
Jừ luoi ga cumuãn ticho roc pioh tica mẵq boc
Nhũ oh ma-ảnq mẵq pioh sa gadac ralac oh
Sa beq thoc avol oh rơi,
Sa beq amrả joh gờ oh rơi
Vỉq peq charanã nũ du yừ nhũ
hia viaq si traq mẵq si dadi
Luoi ga oh buh urac sỡ sraq
mẵq voh magru di anrui ladap lade
djah vờc màc tichhưq narac caya nhũ hĩa

Con cháu không chăm sóc ông bà cha mẹ

- Ông bà đã nuôi dạy

Cha mẹ đã sinh đẻ

Cha mẹ đã nuôi dạy nó lớn khôn

Vậy mà cái đầu nó không biết nghĩ

Cái đầu nó không nhớ

Công lao mẹ nó để đau,

Cha nó gùi mang nặng nhọc

Nó đói cha mẹ nó lo

Nó lạnh cha mẹ nó lo

Nó đau bệnh cha mẹ nó lo
Cha mẹ nó chịu khó chịu khổ
Cha mẹ nó chịu cực chịu nhọc
Cha mẹ nó chịu đói chịu khát
Cha mẹ nó chịu nóng chịu lạnh
Để cho nó được ấm được no
Bây giờ ông bà, cha mẹ nó,
Cái tay đã già,
Cái chân đã già,
Con mắt đã già
Cái tay không kéo được cái ná,
Con mắt không còn thấy rõ
Không bắn trúng con heo,
Con nai, con cheo, con mễnh
Cái lưng không mang nổi cái gùi bắp,
Cái gùi lúa, cái gùi chuối...
Vậy mà nó không thương.
Vậy mà nó không tưởng.
Nó không củi đội, nước múc,
Nó không lo cái ăn cho cha mẹ,
Nó không chia cái vật ngon
Cái của ngọt cho cha mẹ,
Nó để cha mẹ lúc đói lúc khát
Mà không lo lắng chi
Chỉ ham vui sướng thân mình.
Nó là đứa cháu hư,

Nó là đứa con hư.
Nó có lỗi, phải xử phạt nó.
Nó phải lo 2 con heo,
Một con tạ lỗi cha mẹ, ông bà.
Một con tạ lỗi cho làng.
Nó phải lo ché rượu,
Nó phải lo áo quần mới,
Khăn choàng mới
Để làm lễ báo đền công ơn cha mẹ.
Nếu nó không chịu làm,
Nếu nó không chịu nghe
Thì làng sẽ xử phạt nó
Tài sản ông bà, cha mẹ để lại
Nó không được hưởng phần.
Tài sản ông bà cha mẹ để lại
Giao cho cháu nó hưởng,
Nếu nó không có cháu
Thì giao cho cháu nuôi hưởng.
Nó không xứng đáng lấy một cọng tranh,
Một cái dao cùn, cái rựa gãy cán.
Phải xử những đứa như nó thật nặng
Để không ai dám học thói xấu của nó

6. Con rể bất kính với cha mẹ vợ

(An̄q mat̄ou apleh oh yua cađa ramã di oh inã tumaha)

+ Nhũ chhưh ga an̄q cumoi sàc uràc

Tuc nhũ va lawa nhũ lanēq an̄q cumoi sàc uràc

Nhũ tamãh tica poh janũq tól sàc uràc tól paloi
Nhũ tamãh tica poh janũq Jup jalàt janũq tól sàc
uràc tól paloi

Nhũ tamãh tica manuĩh seq viài rugoi
phet tai gai sro adãt asal uràc
Nhũ tamãh tica manuĩh trah pachruh phet
rugoi adãt asal

Nhũ tamãh tica manuĩh thour boc thour dờp thour
puoh rumiãq thour

Nãu palaiq, nãu tinhã sudiq mãq payu vroi ga nhũ
pajoc sàc ga nhũ

Tũq matou yư taq cayou mũ caih ngãq gọc sàc

Mãq gưq uràc pajoc gưq droi

Nhũ caq droi nãu boc si anãq,

Nhũ pavloi rùp mầu dòq si sudiq

Nhũ thour adãt panuãiq adãt vhiài Mũq Cơi

Vèq simãi nhũ vìq a tuva cađa ramã awoi amã
inã tamaha sudiq

Vèq si mãi nhũ vìq iaq pabluh đĩn ala,

iaq pavaq jeq gumiãm inã tamaha sudiq

Vèq si mãi nhũ vìq pahmũ sap awoi amã inã tamaha,
adoi ai sudiq

Yư hĩa vù nhũ ngãq brưq masãnq,

nhũ vlưq soi loi nũq tơ nhũ wòq

Nhũ chura camlah wòq di inã tamaha awoi

amã sudiq

Nhũ oh pāng pahmũq a tuva mũq coi awoi amã
 inã tamaha gah sudiq
 Nhũ còh ràc manuĩh buh madueh chhũnq
 Sàc dahnỏq rah gah ga nhũ buh chhũnq madueh
 Wa janũq, wa jalàt buh chhũnq madueh
 Sàc dahnỏq sudiq uràc hmũ voh hmũ asal
 pajàq iơu sàc dahnỏq ga lacoi vusàc
 Sàc dahnỏq sudiq buh hmũ asal hmũ mal tũq pajàq
 mãq iơu wa janũq phut la-o
 Iơu pajàq avih jũq manũh mãi tol sàc droi luoi
 ga vayar chhũnq
 mãq dlàiq chrãi madueh ga Mũq Cơi
 Luoi ga chhũnq dlàiq madueh pachrãi ga sap
 drũ mucal
 caya wa poh panũq jup jalàt
 Poh chhũnq vroi madueh dlàiq sa droi un mũ
 tlou tol limã chagàp
 Dua droi manũq, sa jro tapai, sa siơp picha
 Su anỏq matơu vòq drũ pasiàp sơu tuc hatai
 dichhũnq chhuau
 wau dlàiq vloh sadaq
 Oh si jiàp hatai gàq di muvah gadha dlàiq
 madueh wơq.

Con rể bắt kính với cha mẹ vợ

Nó thích con gái người ta

Bụng nó ưng con gái người ta

Nó đã nhờ ông mối, ông mai
Nó đã nhờ người biết phép tắc
Nó đã nhờ người biết lý lẽ
Nó đã nhờ người biết ăn nói
Đi dạm, đi hỏi vợ cho nó
Bắt rế như chặt cây trong rừng về làm nhà
Như bắt người ta về làm người mình
Nó về ăn ở nhà vợ
Nó biết tục lệ ông bà
Lẽ ra nó phải kính trọng cha mẹ vợ.
Lẽ ra nó phải hầu hạ, săn sóc cha mẹ vợ
Lẽ ra nó phải nghe lời cha mẹ, anh em vợ
Vậy mà nó hôn xược, nó xác láo
Nó cãi lại cha mẹ vợ
Nó không tôn trọng ông bà cha mẹ bên vợ
Nó là đứa có lỗi
Gia đình bên nó có lỗi
Ông mai, ông mối có lỗi
Gia đình vợ có quyền mời gia đình bên trai
Gia đình vợ có quyền mời ông mối chính, mối phụ
Mời tất cả tới nhà mình để phạt vạ cho ông bà
Để phạt vạ cho lời hứa ông mối, ông mai
Lẽ phạt 1 heo 3 - 5 tay,
Hai con gà, 1 ché rượu, 1 xấp vải
Và con rế phải hứa sửa chữa lỗi lầm,
Không dám phạm tội nữa

7. Xúc phạm người đầu tộc

(*Siol pa-awaq apoc prõng pitiàt ghõng*)

+ Ula sro va mũ rùp jùr ula hmũ mũ acoq
Vinủq chaq patou tichùt hmũ mũ ugha va paq phut
Phut prõng vhou cayou dợc vlòc
Cayou dợc vlòc cajap di bo manỡn
Jùr atiac timũh prũh thàt si prõng si viaq si khãng
Yư nũn viq thàt majrai nhũ drai pavàc ya phut
Nhũ oh đrũ khiãng lèq phut nhũ wỏq
còh nhũ madueh nhũ chhuah
Madah nhũ oh pãng pahmũq sap
Chura wỏq sap apoc prõng pitiàt ghõng
Jùr viq đrũ ga dlàiq chhũnq madueh di uràc
Sa dới manũq, sa jro tapai
Lươi ga nhũ cahnal voh chhũnq chhuau wau
dlàiq caya dới
Madah nhũ đờp padjãh apoc prõng pitiàt ghõng
Nhũ pakiuq pahiuq gadha ga apoc prõng
pitiàt ghõng
Jùr viq bợc dlàiq sa dới un, dua tởl limã chagàp
Sa jro tapai su sa dới manũq
lươi ga suaiq cal hal muvah suaiq dilah
cablah ma-ủq
Manũq iaq cạc valàc pachhàc tubuaiq nhũ
buh nhũ thour
Còh tuc hatai nhũ tupaq viaq dadi,

Dadi viaq tuc hatai nhũ pakhrāh sidua
 jũ apoc prõng pitiàt ghõng apoc pitiàt
patla patha luoi
 Su anĩt languãq anĩt jumãn tanõ pachhai
pato ga nhũ
 Madah cal dilah cablah ma-ủq manũq putau
 tuq manũq pahuớ ngũt ngãng dãng điờ
 Tuc hatai nhũ tupaq oh dòq vluq vlẽng lẽng lẽng
 ngãq mãq paròc crùt gavai
 Muvah nhũ drũ yư vhiài hatai dòq charuh
 Tuc hatai nhũ dòq duah voh pangãq di tucot
tamõ ruãq
 Muvah ðờp lèq nãu galòc vrùq
 Tacai wờq làiq viài yàq tĩng nãu tở paq galòc tamã
 Yư nũn còh nhũ khiãng ga taq chapoh tloh
vavuc sàc
 Nhũ coq crùt keq vai khiãng dròq vinủq marai
tacai paloi
 Nhũ achõng ga choh haròq tadiãng jahnãng
chưq dlai
 chưq cớ jahnãng pical
 Nhũ iaq pablư, tuh gadha djãh ga apoc prõng
pitiàt ghõng
 Urac soi si sãm pamuc cớ tavõm vruãq vhorn
 caya ga lãng tanãh gah paloi
 Urac soi si sãm pamuc cớ tavõm ga vruãq vhorn

ga apoc pitiàt apoc prõng pitiàt ghõng
 Uràc si si ngãq vớì apu àiq gilo gai,
 padai pờq gilo gai padai ratac
 Uràc soi si duah lacou ga cròc machai ia
 Uràc soi si ngãq vớì ga sanãp chic va dar
 Uràc soi si ngãq pa yawa chhar va pu-ưc,
 chìc arĩng rutlĩng rutlu
 Yư nũn vù nhũ jiap khĩn si iaq pablư
 Nhũ coh manuĩh uràc djah vờc paròc pa-iớp
 Nhũ yư inã rumõng masãnq
 Nhũ yư vavui re
 Nhũ yư ula va cavup vih ia vih vaq muvah
 Nhũ yư voh troc mãq tanõ pachàc parai
suàt manuĩh
 Nhũ buh dlàiq madueh traq
 Nhũ ma-ảnq si peq charanã pùq traq mãq catuq
 Madah nhũ oh drư, oh pahmũq sapjừ paduiq
suàt nhũ
 Paruh nhũ nãu luaq dlai hudìq yư ralo vavui
asừq dlai
 Hudìq matai màc nhũ
 Uràc soi caq thừu ngãq hudìq

Xúc phạm người đầu tộc

Con rắn có đầu

Cây đa có gốc

Gốc có to cây mới đứng vững
Cây có vững có lớn
Thì nhánh mới to mới khoẻ.
VẬY mà cái nhánh nó chê bai cái gốc,
Nó không chịu nhận cái gốc là nó sai
Nếu nó không biết nghe lời,
Cãi lời tộc trưởng
Thì phải chịu phạt
Một con gà, 1 ché rượu
Để nó nhớ cái lỗi của mình.
Nếu nó nói xấu tộc trưởng,
Nó đổ tội cho tộc trưởng
Thì phải phạt 1 heo 3 - 5 tay,
Một ché rượu và 1 con gà để xem lưỡi.
Nếu lưỡi gà nó cho biết
Là cái bụng nó thật thà,
Thật lòng sửa đổi thì tộc trưởng,
Họ hàng phải tha thứ
Và thương yêu chỉ bảo cho nó.
Nếu cái lưỡi gà nó mách.
Cái bụng dạ nó độc ác, thâm hiểm,
Miệng hứa một đàng,
Bụng tính một ngõ.
Bụng nói đi đàng đông,
Chân lại tính đi đàng tây.
VẬY là nó muốn chặt cái cột nhà chính,

Nó rắp tâm muốn chặt cây đa làng,
Nó muốn phát cái đỉnh núi cấm
Nó coi khinh, đổ tội xấu cho tộc trưởng
Ai chăm lo công việc của làng
Ai chăm lo cho công việc của họ tộc
Ai xin cho rẫy nhiều bắp, lắm lúa
Ai xin cho sông nhiều nước
Ai làm cho tiếng chiêng kêu xa
Ai làm cho tiếng mà la kêu gần
Vậy mà nó dám coi thường
Nó là đứa xấu xa ác độc
Nó như con cọp hung, con beo dữ
Nó như con rắn nọc độc đầy miệng
Nó như trái cà độc chỉ chờ hại người
Nó có tội nặng, nó đáng xử nặng
Nếu nó không chịu nghe thì từ nó
Đuổi nó vào rừng sống như con thú rừng
Sống chết mặc kệ nó,
Không ai cần biết làm chi.

8. Thương người làng ghét người nhà

(Anīṭ manūih palōi gaget manūih sàc)

+ Anīṭ manūih palōi gaget manūih sàc
madūiq yư anīṭ manūq dlai muvai manūq sàc
Bơc vu suaq bơc djap chaga,
Sa muvah vu sisuap riruap,
Sa muvah djap sisuau rirau

- Thương người làng ghét người nhà

Thương người làng ghét người nhà

giống như thương con gà rừng thù ghét con gà nhà

Ăn miếng cơm bị giành, ăn miếng canh bị giết

Một miếng cơm dùng roi quật

Một miếng canh dùng roi đánh

Đây là hành vi bị coi là hành vi tàn ác, như người Việt nói "Trời đánh còn tránh bữa ăn", nếu họ hàng khuyên ngăn không được thì đưa ra làng xử việc, nhẹ nhất là phải làm lễ cúng tẩy rửa.

XV. QUAN HỆ VỢ CHỒNG

1. Cấm vợ đập váy áo lên người chồng:

+ Sudiq si vusàc oh jòc mãq cachreh au

canã majai si vusàc vù sudiq poh cata acoq

- Vợ chồng không được lấy váy áo

khi đang kinh cãi với chồng mà vợ đập

những thứ ấy lên đầu chồng

Để ngăn chặn những hành vi vô lễ quá đáng loại này - thành điều kiêng cữ vì người Raglai xưa cho rằng làm như vậy không chỉ xúc phạm đến người chồng, người già mà

còn cho người ta "suy sụp thần hồn xú sở, làm mềm yếu đuối rã rời..." (dluh asur palagar car vungãq, lumot yawa laduh ra-ai...).

Ngược lại, người Raglai luôn cố giữ gìn tránh phạm phải những hành vi "thiếu văn hóa", quá đáng phải kiêng kỵ như trên:

2. Chông bỏ đi không chăm nom vợ con:

(Vusac dlòp nãu oh iaq pavaq paq sudiq anãq)

+ Nhũ oh thòu khiãq iaq di tuc hatai

Nhũ oh pa icaq pòc dol tacai yàt nhũ

Nhũ oh at dol di sàc ladap lađe chau khar cheq

Vù Mủq Còi tamãh vớì phet adãt ga nhũ

Nhũ nãu wớq paq sàc sãđaq

Nhũ ngãq vớì ga vusac sa lanũh, sudiq sa lanũh

Nhũ oh ãđìq pòq yòq iaq sàc wòq

Nhũ oh buh rawac drap khiãq apu wòq

Nhũ oh iaq pavaq ngãq sãm churoc tuho

pic cadòp padòp chacuai wòq

Nhũ oh iaq pavaq poh pabac djruah ralo wòq

Djruah casũa, vavui, rusa...

Nhũ luớì inã chĩp ralo doq matai la apu la grèc

Oh va pawớq chĩp ralo ga anãq ga sudiq wòq

Nhũ oh ùq duah ia lupa duah bớc giq wòq

dlòp luớì anãq, tlàq luớì sudiq...

Nhũ ngãq pagraq guraq panuãiq adãt mắq

asal Mủq Còi

Nhũ buh pahmũq sap wa janũq cahnal, sap wa
jalàt oh ngãi nãu

Nhũ buh dlàiq chhũnq di sàc sudiq
Awoi amã adoi ai nhũ viq padah pagac pato ideq
Viq mãq chhũnq dlàiq nhũ luoi ga nhũ
pakhrã voh ngãq chhũnq dlàiq,
Pakhrã voh chhuah voh liloi pupoi
Madah nhũ oh drũ pahmũq sap urac
Oh jawi wơq mãi jaq sudiq
Jũ paloi tamãh urac mãq chhũnq padòq di sàc
Viq vayar dlàiq joh dua - joh you...

Chồng bỏ đi không chăm nom vợ con

- Nó không biết giữ cái bụng,

Nó không khiến nổi cái chân.

Nó không chịu ở cái nhà quen

Mà ông bà đã cho phép nó.

Nó đi về nhà cũ.

Nó làm cho chồng một nơi, vợ một nơi.

Nó không lên cái chòi,

Nó không thăm cái rẫy.

Nó không thăm cái bầy con heo,

Nó không nhìn cái bầy con mang,

Con nhím, con heo, con nai.

Nó bỏ con thú chết trong bầy

Không đem về cho vợ cho con.

Nó không chịu kiếm cái ăn
Cái mặc cho vợ cho con.
Nó làm ngược lại tục lệ ông bà,
Nó không nghe lời ông mối ông lái.
Nó có tội với nhà vợ.
Cha mẹ anh em nó phải khuyên răn,
Phải phạt nó để nó sửa cái lỗi,
Sửa cái sai cái bậy.
Nếu nó không chịu nghe lời,
Không trở về với vợ
Thì làng phạt phải ở giá (goá),
Phải đền của gấp đôi.

3. Chồng bỏ vợ đi đâu lâu năm không ai biết

(Vusàc vawòc sudiq nãu hapaq suôi thut oh uràc thòu)

+ Manuĩh vusàc tamãh bợc si anảq dòq si sudiq
Bợc si sudiq, dòq si anảq
Jừ vìq iaq pavaq ròc sudiq ròc anảq
Chiap ròc chagòc va poh còc, ròc va anảq sudiq
Yư triac chre vìq coh prah wa
Yư ale, ade vìq coh prah wa
Vusàc vìq pỏq dar riap icaq
War icaq còc cadòc pawar
Apu taq tanrah wa panrah wa
Ngãq apu paq vruaq nãu jưq huruoi
Vìq iaq pamuc si gưq di canã ruaq sakìq padìq sarau

Vìq iaq pamuc di ưq hlua, lapa tijuḥ
Oh jōc dlōp vawōc luoi gưq oh
Ngãq manuĩḥ vusàc rìq dèq ngãq iaq pamuc
Prah wa draq apu luoi ga vila luoi ga tijuq
Vìq thōu ưq dua ia lapa duah viaq iaq thar
Djap drōng cudũt marũq, havuoi cachàc apheq liau
Vìq thōu ngãq sanũq còc gac pawar
Vìq thōu ngãq galòc, ngãq poh, ngãq pagac
Thōu ngãq chōc churoc jrũng chahōng ngãq
tơi va sida

Ngãq pìc ngãq siap jrũng churoc bōiq tuho
Ngãq vù buoi ga rusa, chacuai, maja...
Vù luoi ga ròc anảq iaq chiap chai sudiq
Yư voh urac đờp pa-idi urac mucal:
Apu sađuq cayua gah,
Chah sađuq cayua taloi,
Cumoi sađuq cayua anhũq vuh còc,
cayua ga cawat tacuai sa cap si dac anhũq.
Nhũ vìq thōu bōiq djruah, rusa, casua, maja,
inã catōng, inã rusa... luoi ròc anảq va sudiq nhũ
Nhũ vìq thōu si pateq ngãq iaq pavah dèt plèt
Awoi Amã, Inã tamaha Mủq Cơi sàc sudiq nhũ
Sàc dahnỏq coh sàc gah varah sàc sudiq
Buh jōc adāt peq panuãiq asal Mủq Cơi
Voh vhorn Yac ravac voh pól iơu sa-ùq
Viaq gadha Mủq Cơi mũ mucal tamãḥ pato

Yư hĩa vù nhũ ngãq alah padjũnq
 Nhũ tamãh dlợp tlàq anảq sudiq
 Dlợp lươì vloh nãu ata yư inã jaròc ralo dlai
 đuaiq nãu dlai tamõ
 Chãng còh nhũ tistrãh tisuãn va canhủq viq
apu sadaq
 Nhũ djuh, nhũ gagrãu mahãu nãu duah viq apu
vahrõu jah cayõu tamõ tucõt
 Duah chượ vù ngãq padai
 Duah dlai vù ngãq gilo vahrõu
 Nãu duah casõr panroh lidủnq lươì ga jah
apu tamõ
 Nhũ vawỏq tlàq anảq, nhũ dlợc parah sudiq
 Nãu hata hapaq oh uràc sỡi viq thõu gah
 Nhũ nãu paq lèq oh uràc sỡi thõu galòc
 Madah nhũ dlợp hapaq nãu
 Jữ sàc dahnỏq vanãh gah nhũ
 Ai, sa-ai, adõi... gah vanah nhũ viq duah iaq
 Viq iaq pua viq duah yờp tinhã
 Vù lươì ga paq wỏq vamãi nhũ jawi wỏq
 Madah vù duah pua oh buh jợc
 Jữ sudiq nhũ jợc asal mal uràc si
 Gãn catuq mảq wỏq làiq caya huaq vu chùq còc
patoq nhũ
 Bợc chhũnq catuq dlàiq chrãi ga amã awõi inã
tamaha Mủq Cõi

*Phải lo nhau lúc đói, lúc khát,
Không được bỏ nhau.
Thằng chồng phải chăm lo
Phát dọn cái rẫy mà tĩa mà trồng,
Phải biết tìm rau rịa
Rau ngót, củ sắn củ khoai.
Phải biết làm cái rào,
Phải biết làm lối chắn,
Biết làm bẫy chông nhọn,
Bẫy xiết mang cung, bẫy sập
Mà bẫy con nai, con cheo, con chồn
Mà nuôi vợ, nuôi con
Như câu nói người xưa:
Cái rẫy đẹp bởi đường ranh,
Cái bờ cap đẹp bởi có đàng dây
Cô gái, vợ đẹp bởi cái đeo vòng tay
Bởi cái vòng cổ đeo sợi dây cườm.
Nó phải biết cách bẫy con mang,
Con nai, con nhím, con chồn,
Con hươu... cho vợ con nó.
Nó phải biết cách quan tâm
Mẹ cha tổ tiên nhà vợ nó.
Nhà chủ là nhà bên vợ
Có phép tắc ông bà,
Việc nhang vàng cúng bái,
Sự việc ông bà từ xưa đã truyền dạy.*

Thế mà nó làm biếng,
Nó đã bỏ mặc vợ con
Bỏ đi xa như con thú chạy qua rừng khác.
Chắc là nó đã chán ngán cái rẫy cũ,
Nó tham, nó háms đi tìm cái rẫy mới,
Tìm núi mà làm lúa
Tìm rừng mà làm bắp mới
Tìm rẫy hồi phát dọn nên mới.
Nó quăng vợ, bỏ con
Đi đâu không ai biết đàng,
Nó đi đâu không ai hay lối.
Nếu nó bỏ đi đâu
Thì gia đình bên nó,
Anh chị em bên nó phải tìm
Phải xem phải dò hỏi
Mà đưa nó trở về.
Nếu mà tìm không được
Thì vợ nó được quyền
Đòi trả đồ cưới lễ
Phạt vạ cha mẹ ông bà
Ông mới ông lái xưa kia gấp đôi,
Đòi nhà chồng phải chịu nuôi nấng
Dẫn dắt con cái đến khi lớn khôn.
Nó phải có của phạt lỗi gồm:
Một đồng tiền xưa,
Một ché rượu hoặc một chai rượu trắng,

*Trứng gà và cây đèn sáp ong.
Sau khi kiện tụng xong
Nếu người vợ ưng có chồng khác
Thì nó có quyền bắt người khác làm chồng
Mà không ai được quyền ngăn cản,
Người chồng trước kia nếu có về
cũng không có quyền ngăn cản*

4. Việc vợ chồng để bỏ nhau (ly hôn)

(Vhõn sudiq vusàc patloh payah gưq)

+ Dlop gưq jừ oh adāt vừ Mủq Cơi blưh
Gãm ayùq gãm bưc jừ oh
Đou thua chaboh jừ oh jừ adāt asal dơi
Bỏ nhau thì không phải phép mà ông bà quở trách
- Vừa thổi vừa ăn thì không nên
lúc uống lúc táp thì không được
lý phép mình ở đâu.
Luoi gưq jừ mủq cơi vưq blưh
malou mưq cơi jừ dlaiq vroi mủq cơi
- Nếu bỏ nhau thì ông bà quở trách
mất mặt ông bà thì phải nộp phạt cho ông bà

5. Chồng để bỏ (ly dị) vợ.

(Vusàc patloh sudiq)

+... ..

Theo luật tục thì việc chồng bỏ vợ coi như cửa đổ xuống sông, anh ra khỏi nhà vợ với vài vật dụng cá nhân, không

những không được nhận sự đền bồi nào về của cải lễ vật khi chạm ngõ, trao vòng, lễ cưới... không được chia tài sản do công sức mình bỏ ra làm lưng tài tích lũy bao năm, tất cả đều thuộc về nhà vợ.

6. Vợ đẻ bỏ (li dị) chồng

(Sudiq patloh vusàc)

+.....

Ngược lại, luật tục quy định người vợ bỏ chồng phải chịu phạt đền bù cho người chồng 2 mặt mã la và có thể còn bị người chồng bắt các con về nhà mình nuôi nấng. Ngoài ra, còn phải nộp một con heo 6 tay, 6 con gà về việc "chhũnq dlài valou valàc"- *chịu phạt hầu tạ gây ra sự goá bụa* (cho người chồng), một vài địa phương trong khi xử việc bàn bạc có lý có tình và mức phạt thấp hơn. (Còn gọi là val haluh có nghĩa là làm thủng làm rách, làm mất trình tiết, huỷ hoại hạnh phúc... nên phải cúng tạ tội dâng của phạt).

7. Việc ngoại tình -1

+ Còh asũq ngãq ưcsúc lèq paq dơi paq uràc hmũ anãq
jũ paq dơi jaràc cu-àc,
paq uràc bợc sara jũ paq dơi đũa vai

- *Dại mà dấn thân vào, dại mà đem mình dính vào
người đã có con*

*mà tự mình giăng háng giăng đáy,
tận người ta ăn muối thì tận mình đội giỏ*

Người Raglai dùng cụm từ Vhõn khiãng gưq rai - nghĩa đen là *việc yêu đương nhau tách rời ra để chỉ việc ngoại tình*. Luật tục nêu nhiều trường hợp ngoại tình bị xã hội lên án cần phải đem ra xử việc

8. Bắt vợ nhau / ngoại tình - 2

(*mãq sudiq gưq*)

+ Manũih lacoi, manuĩh cumoi
tamã hmũ sudiq hmũ vusàc vloh
dòq soh paluai ta-oh
Vù unĩ ơnĩ bớc vu sàc unĩ
Pagi bớc djap sàc dih bớc nầu dòq anrài
Panõq nhũ dòq yư vavui crùt ralo dlai nầu
Dijuh mahầu mãq pagrãh ralo mũ chadeh
Voh acoq dlo nhũ buh thừ sinĩn sidor ta-oh sanũng
pavaq wờq
Sup mata lingĩa dờl, sup mata gila hatai dờl vuc
Voh uràc maya, sap djưq caya awoi amã mủq coi
Nhũ yư uràc jợc mata oh
Nhũ dòq yư manuĩh jợc lingĩa oh
Bòq halua mata malou oh thừ ga djãh vờc wờq
Lingĩa dờl tungõh joh pago cheq malou oh
Nhũ oh cahnal ãil til samil sap uràc poh,
voh uràc viài
pasidor caya ga poh janũq caya ga jup jalat wờq
Nhũ pavuớq palua padu gưq vanầu paq caih...

Nhũ catuc dui gưq vanău paq dũm
cadap vrit rap cadap sumpai đih pìq su gưq
Panōq nō ngăq du voh siâp oh jưh, buh voh tàiq
djuq manũq oh
Nhũ padưq, nhũ padhiac, nhũ camlah,
nhũ vlăngla chura hatai

Nhũ drũ hã oh buh vohnhũ tamăh ngăq
Voh titai djăh chôm djăh tanăh
Vòc tichhuq vưq dalùq salòp amôh
vòc mỏq vòc coi... vòc Mủq Cơi awoi amă
Kưh vù lingĩa mata paloi gah urac tamăh hmũq
Mata buh mũh crăn caya paloi gah urac vloh
Manuĩh urac dòq di paloi gah buh pòh nhũ nău đưq
Buh nhũ đuaiq pavruh yư djruah yư chacuai
Paloi tanăh tamăh mắq hmũ vlah khat au gajìq nhũ
Nhũ buh camlah chura hmũ oh
Nhũ lacou đroi táp hĩa vloh jưh

Anắq urac cumoi paroc jrăh gajìq gasuât vloh hĩa
Vìq đrũ chhũnq payaq mắq dlàiq ga urac
sa đroi cuvau vù sa voh chhar
Vroi ga vusac ga vanah sàc dahnỏq sàc vusac nhũ
Pavàt urac lacoi tano ma-ắnq si tichoi mata
chura bòq
Ma-ắnq si chreh anăh dih unũnq vìq đrũ
chhũnq dlàiq sa đroi cuvau

Sa voh chhar dlàiq ayar ga sudiq nhũ
Viq buh jóc un tlou tol nãm chagàp
Buh sa jro tapai luoi vjhũnq vayar
mãq chhũnq dlàiq ga vanah ga sàc sudiq
Dua ràc manuĩh hĩa viq payor madueh dlàiq
chhũnq ga paloi tanãh uràc
Cayua ga paloi gah tanãh paloi uràc
jóc mãi ga voh patõm gadha peq voh charanã

Việc ngoại tình - 2

*Đàn ông, đàn bà đã có vợ, có chồng
Mà nay ăn cơm nhà này,
Mai ăn canh nhà kia.
Chúng nó như con heo, con bò hoang
Thèm thuồng miếng mồi,
Cái đầu nó không biết nghĩ,
Cái tai nó không biết nghe
Lời hay, lời đúng của cha mẹ ông bà,
Nó như người không có mắt,
Nó như người không có tai.
Con mắt nó không biết xấu,
Cái tai nó không biết hổ,
Nó không nhớ lời dặn của ông mồi, ông mai.
Nó rủ rê nhau vô rừng,
Nó kéo nhau vô bụi mà ngủ với nhau.
Chúng nó làm cái điều không hay, không đúng.*

Nó dáu, nó che, nó chôi, nó cãi,
Nó không nhận đã làm
Cái chuyện xấu làng xấu xóm,
Xấu ông xấu bà, xấu cha xấu mẹ.
Nhưng cái tai của làng đã nghe,
Cái mắt của làng đã thấy.
Người làng đã thấy nó trốn
Thấy nó chạy như con mang con cheo.
Người làng đã bắt được cái áo của nó.
Nó không cãi được,
Nó thú nhận rồi.
Con đàn bà hư thân
Phải chịu phạt 1 trâu, 1 mặt mã la
Cho chồng và gia đình chồng
Thằng đàn ông đáng chê
Đáng trách kia phải đưa 1 trâu
Một mặt mã la đền cho vợ
Phải có heo 3 - 6 gang tay
Có chén rượu mà tạ lỗi bên nhà vợ
Hai đứa phải nộp phạt cho làng
Vì làng phải đứng ra xét xử

Mãq sudiq gưq - bắt vợ nhau là cách nói quen thuộc - thành ngữ - để chỉ việc người chồng ngoại tình với vợ người khác (chồng này vợ kia), chỉ việc ngoại tình của những người đang có vợ có chồng, có gia đình hẳn hoi.

9. Việc ngoại tình - 3

+ Dijuh ràq ruhǎng hanāng

Vũ nǎu anǎq phàq sudiq gưa

Yư mǎq sudiq uràc di dada

Tleq vra uràc di cadoh

Háo sǎc thềm thuồng chảy nước miếng nuốt ừng ực

Mà đi cướp con phá vợ nhau

Như bắt (cướp) vợ người ta trên ngực

Ăn cắp gạo người ta trong bầu

là kẻ có tội phải đem ra xét xử

- Người đàn ông phải chịu phạt một ché rượu cần, một con heo 5 tay, 3 đến 5 con gà cho người chồng của người đàn bà mà mình lén lút đi lại.

- Sau đó cả ba bên phải tự lo liệu việc cúng tẩy rửa đối với tổ tiên ông bà mình một ché rượu cần, một con heo ba tay và ba con gà.

Có địa phương mức phạt nặng hơn: Hai mặt mã la, một con heo sáu tay để hai vợ chồng hoà giải tiếp tục chung sống với nhau, nếu người chồng muốn "bắt thêm" người khác mà được vợ chấp thuận cho làm vợ lẽ thì được đưa về ăn ở chung vài ba năm, sau tách nhà ra ở riêng.

Theo phép tắc ông bà Raglai thì "vợ gốc / vợ cả" (sudiq phut) ở nhà chính, còn "vợ ngọn / vợ lẽ" (sudiq la-o) ở nhà rẫy.

10. Ngoại tình giữa những người có vợ có chồng

+ Sudiq ràc vusàc gưq:

Pađua amōh tíchhưq vưq dulùq di acoq hulơi

chhũng pađua va amõh tõi acoq ganrũh dlũh acoq gaval

Chrãi jhàt pahĩuq cayua hĩa

- Vợ người ta chồng (nhau) người ta

Tràng lên đầu sự dơ bẩn ô ứé góm ghiếc

đến nôn oẹ trên đầu thần linh

Phải chịu phạt tạ tội vì đã làm lặt đầu thần tài,

đổ đầu thần giỏi

Báo hại sẽ vương điều bất hạnh bởi các việc đó.

Những người đã có vợ có chồng mà ngoại tình với nhau những người đó không chỉ có tội với gia đình mà còn bị coi là xúc phạm đến Tổ tiên ông bà, xúc phạm đến thần linh. Sau khi xử việc, bên cạnh vật chất mà người có tội phải bồi thường, việc cúng tế tẩy rửa không chỉ phải làm gấp một lần mà "bằng mỗi năm, bằng ba năm, bảy năm"...

11. Giữ sự trong sạch với tổ tiên là giữ cho bản thân

+ *Du manũih Raglai: tuha dara lacoi cumõi*

ukhit uãn di ukhit viaq đõng ngãq salõp sapõl

catũq amõh tichũa vũq dalũq mũq coi...

vũ hloũ jumã gadha poh pakhiãq vớĩ gajĩq suát droĩ

cõh nũh pãp vida vřĩ, leg tasrãq vũ matai,

phau catũih nĩch matai

cõh cayua asur pah mata

tichuq oh iaq trau khan cuhnã droi trà-oh
còh soh oh vunqãq.

Giữ sự trong sạch với tổ tiên là giữ cho bản thân

- Mọi người Raglai: Già trẻ trai gái

không nhất kỵ nhất việc làm ô uế

như nhuộm góm ghiếc đến tổ tiên...

Mà trước hết là gìn giữ cho bản thân

Không gặp rủi ro trượt ngã mà chết

vì bị thần hồn tạt vào mặt

vì không giữ gìn trông chừng cho bản thân gì hết

là con người như xác không hồn.

Tin như vậy nên khi phạm lỗi, dù không ai tố giác cũng tự nguyện thú tội và chịu phạt. Mức phạt của các hành vi này thường chỉ "ché rượu một ché con gà ba con" vừa cúng Nhang cho chồng, xin lỗi người già và cúng tẩy rửa cho bản thân mình, gia đình hoà giải, xóm giềng xẻ chia thông cảm.

12. Người chồng có thói trăng hoa

+ Harãnq harác dòq yư asư lapa

dèq iaq chadeh ralo vangĩ

Di lacoi luet tarasuet taraluet tarave dèq paq cumoi

- Mắt hau háu như con chó đói

nhìn chăm chăm vào miếng thịt ngon

là người đàn ông háo sắc thèm thường nhìn con gái

+ Khiãq gavar diàr pasiàp bẽn bẽn prõng prõng
Cumoi uràc oh chhuh oh khũng chhuh
Cumoi uràc oh khiãng oh khũng khiãng
si droi ngãng dòq yư Salãng wah vư,
vư oh bợc wah khũng wah...

Người chồng có thói trăng hoa
- *Đeo đuổi tò te tiếng nhỏ tiếng lớn*
Con gái người ta không thích không thương
cũng ép thương ép thích
Cô gái người ta không ưng không vừa lòng
cũng bắt người ta ưng, làm người ta vừa lòng
Ngang tàng như ông Salãng câu cá lóc
cá lóc không cắn câu vẫn câu (cho tới khi cá cắn)...

13. Chồng ngoại tình với gái chưa chồng

+ Anảq rạc cumoi nhũ còh dòq siàp lageh
Nhũ yư vungã vayàc uràc dòq la caih cah ãah oh
Nhũ coh dòq yư rumuãi jumrũi padợc ia lahiac
ia hulợu
Yư hĩa vù nhũ dòq duq đượ licùq licùq
pavàc pavàc cadợl cadợl
Nhũ du du nhũ paluợ paluợ
Nhũ pahuợ vanãu anảq uràc nãu paq caweh cợc
garợc ia
Nhũ pasuaiq pa lungiãu nhũ vanãu gượ paq caih,

Nhũ paluơ pavuoq pagila ngãq vroi urac
 ohdòqsiap wòq
 Nhũ ngãq salơp sapol amōh baluq mủq coi
 urac su nhũ
 luaq sa-rùp avih lahiac hulou vingã vayac urac
 Ngãq vroi vungã hĩa diou cro
 Nhũ hĩq ma-ảnq chhũnq dlaiq vayar ga urac
 Nhũ via dlaiq chhũnq vayar vali valou sa voh chhar
 val dara anủq cumoi rac
 Nhũ viq chhũnq vayar vroi dlaiq sa droi
 un nãm chagap
 val pavaq dara ga urac
 Nhũ viq dlaiq sa jro tapai tuh manủq
 mảq iaq cạc pachhuc tubuaiq
 Gadha salơp amōh mủq coi v्हãnq richo cacah
 tuah salơp sapol mủq coi gajiq si acoq tacuai rac
 Nhũ viq vayar chhũnq dlaiq mũ un mũ manủq
 Vroi ga sàc dahnỏq gah vanah sudiq nhũ
 Nhũ viq drũ si urac patloh payah su val valou
 Oh tawoq nẫu mải, oh nẫu mải wòq laiq paq si
 cumoi hĩa
 Madah nhũ doq ngãq nẫu mải wòq laiq jũ
 Nhũ mĩh vida paloi tanh gah urac boc dlaiq
 mảq catuq joh dua you joh tlou

Chồng ngoại tình với gái chưa chồng

- Nó là gái lành,
Nó như cái hoa trong rừng chưa nở,
Nó như cái nhụy còn mật.
Vậy mà nó lén lén lút lút,
Nó dụ dụ dỗ dỗ,
Nó đưa người ta ra bờ suối,
Nó đưa ra bìa rừng,
Nó lừa gạt làm cho người ta không còn lành nữa.
Nó làm ô uest ông bà người ta,
Nó như con ong đã hút nhụy hoa,
Làm cho hoa héo úa.
Nó đáng tội phạt.
Nó phải chịu phạt một mặt mã la cho đứa con gái.
Nó phải chịu phạt heo 3 đến 6 gang tay,
Nó phải có ché rượu mà tạ tội
Tội làm ô uest ông bà người ta.
Nó phải chịu phạt heo, gà
Cho gia đình bên vợ.
Nó phải hứa cắt đứt,
Không lại, không đi với đứa con gái đó.
Nếu nó còn đi lại
Nó sẽ bị làng phạt gấp đôi, gấp ba.

14. Đàn bà lớn tuổi, bà goá dụ dỗ người có gia đình

(Panōq cumoi għōng daniōng mōq- cumoi valou patah
palaiq manuĩh buh sàc dahnōq)

+ Manuĩh uràc tamãh ga rubúp sa gưq sa salau
 Dòq su gưq tùq sa voh sàc vloh
 Yư amra tamãh talòp voh padòq gư
 Anıq gư tama tubòc jòc patlãp sula
 Gư amra jòc toq goq jòc chatlup
 Duc yòt tròt vanro jòc gùq
 anàq siap paq talòi jòc ganúp gùq jamũng
 Jòc còc anhũq jòc tangãn tacuai vuh
 Acoq anhũq, lac anhũq tamãh jòc manuĩh vuh
ateh pa angũi
 Yư nũn vù nhũ buh di uràc cap yư samũ
samùc si gưq
 vù nhũ pagrãh nhũ dijuh srãnq mã mahãu,
 Nhũ buh manuĩh uràc nãu su gưq dòq dòq
 jừ nhũ palai nhũ jumãn
 Nhũ luah galòc catừq licừq uràc sudiq
 vù nhũ mãi payeh payòp pahãn pahiãh
 Nhũ iaq nhũ jruãnnqãq vưi ga jumãn
 Nhũ pahiãh pahãn har dada cuhluh,
 Nhũ pahiãh muyeh mũ pha mũ leq tangãn tacai
 Nhũ ngãq ga manuĩh uràc chhưh jumãn
 uãn ga caya chumrĩh cumràc cày kiq
 Nhũ ngãq ga manuĩh uràc mahãu dijuh
 uãn cheq caya vahrou buh hĩa
 Manuĩh uràc pahmũq sap nhu du nhũ pavuq
 Ngãq du voh liloi papoi si nhũ

Ngãq voh titai Mủq Cơi khiuq pasah muvah je
 Nhũ ngãq ga pavàt uràc lacoi sup mata lingĩa dơi
 Nhũ ngãq ga uràc lacoi hĩa ràq gagrâu
 ga apu vahrou cayou tanõ
 Iaq paq apu sadaq drap lawiq
 yu khat pasah alah jabu thu alah sa rui
 Ngãq ga pavàt uràc lacoi
 Wờr anảq tlàq sudiq
 Wờr tadờr avih vohukhit ga lagar pical ga langiủq
 ukhit prõng pical ghõng mữ Mủq Cơi sadaq lawiq
 Nhũ ngãq vroi pavàt uràc lacoi
 Dlop di tữq taloi voh sadoh, taloi yòt
 Nhũ ngãq vroi vát uràc lacoi
 Khiãng ga anủq pha tibòc, jòc pha usar
 Nhũ khiãng sadoh mata anủq
 Nhũ ngãq ga uràc vát lacoi
 Amra pha toq goq pha tatuq oh hmữ tlup pavac
 va pasir
 Nhũ ngãq sudiq anảq uràc dòq rabảh va mữ
 duh anròq
 Nhũ ga anảq manuĩh ràc sũn di càq jua di chutq
 vủq sa-uaq majua
 Nhũ buh voh chhũnq, nhũ vủq drữ chhũnq
 vroi dlàiq,
 vủq luoi tanãh ga tồm gadha peq charanã
 Nhũ vủq chhũnq vayar dlàiq cacah

ga amēh tichhưq Mủq Cơi ràc
Nhũ vừq cacah tàq ga Mủq Cơi sàc gajìq nhũ
ga amã awoi, Mủq Cơi apoc pitiàt nhũ.

Đàn bà lớn tuổi, bà goá dụ dỗ người có gia đình

- *Người ta đã chung nhau một mâm,
ở chung một nhà,
Cái rựa đã tra cán,
Cái nỉ đã tra cán,
Cái nôi đã có nắp,
Cái gùi đã có quai,
Cái cong đã có tay đeo,
Đầu cườm, dây cườm đã có người đeo.
Vậy mà nó thấy người ta có đôi nó thèm,
Nó thấy người ta đi đi về về nó thích.
Nó lựa lúc vắng vợ người ta
Nó liếc nó ngó,
Nó dơ cái ngực trần,
Nó khoe cái đùi cái chân,
Nó làm cho người ta thích cái lạ,
Nó làm người ta thèm cái mới
Người ta nghe lời nó dụ dỗ
Làm cái chuyện bậy bạ với nó,
Làm cái chuyện ông bà chê trách với nó.
Nó làm cho thằng đàn ông mất đùi, tai điếc,
Nó làm cho thằng đàn ông ham cái rẫy mới*

*Muốn bỏ cái rẫy cũ.
Làm cho thẳng đàn ông
Quên vợ, quên con,
Quên điều cấm của ông bà,
Quên điều cấm kỵ cho xứ sở
điều kiêng to cỡ lớn
Nó làm cho thẳng đàn ông
Muốn tháo quai ra khỏi gùi
Nó làm cho thẳng đàn ông
Muốn tháo cán ra khỏi ní,
Nó làm cho thẳng đàn ông
Bỏ nắp nồi không đậy kín.
Nó làm cho vợ người ta phải khổ,
Nó làm cho con người ta phải buồn.
Nó có tội, nó phải chịu phép làng xử phạt.
Nó phải tạ lỗi ông bà người ta,
Nó phải tạ lỗi ông bà,
Cha mẹ, dòng họ nó.*

15. Hành vi trơ trẽn lối lẳng

+ Dloh lahnēq peq tisou cumơi uràc
Lacơi hĩq uãn di pahơr haràc
Uh yư samaniăng, catal yư lavua

- *Thọc nách bóp vú cô gái người ta
Thằng con trai đó quá ư là lối lẳng đàng điếm*

*Nóng như trứng phải hoa "gây nóng ngứa",
ngứa ngứa như đùng phải củ môn*

+ Bòq tavlưq yư bòq cra
Mata tavlưq yư mata anớp

- *Cái mặt biến dạng như cái mặt con khỉ
Con mắt biến dạng như con mắt con khỉ đột*

+ Bòq cra mata atơu, ruaq traq pađìq carơi

- *Mặt như mặt khỉ mắt như mắt xác chết,
như người bệnh hoạn đau bệnh khác thường*

+ Bòq dòq halờt halua
Mata dòq malơu catiơu

- *Bộ mặt thẹn thò trơ trẽn (mất thể diện)
Con mắt xấu hổ thẹn thùng*

Người đàn ông đã có vợ mà đi "ngoại tình với con gái chưa chồng" - khiãng rai si cumơi oh-càh vusàc là một lỗi nặng vì người Raglai rất trân trọng hạnh phúc gia đình và gìn giữ phong tục tập quán, luôn phê phán những thói hư tật xấu trong quan hệ nam nữ.

Những hành vi lối lảng bở ỏi của những thằng con trai đó đã bị lên án huống hồ là người đàn ông đã có vợ mà đi "ngoại tình với con gái chưa chồng" - khiãng rai si cumoi oh-càh vusac - thì rõ ràng là thằng đàn ông hư thân mất nết, người chồng hư hỏng, không chỉ có tội với gia đình vợ con mà còn làm cho đứa con gái không còn trong trắng, làm cho đời con gái lờ làng, làm cho Tổ tiên ông bà người ta nổi giận, làm ô uế xóm làng, nó có tội nặng phải đem ra xử việc.

- Nó phải chịu phạt một mặt mã la, một con trâu cho vợ nó; một ché rượu và con heo 6 tay tạ tội gia đình bên vợ.

- Nó phải đền sự mất mát trinh tiết cho đứa con gái (dlaiq vroi valou hay vayar valou) một mặt mã la, một con heo 3-6 tay và một ché rượu cần tạ tội ông bà và gia đình đứa con gái.

Nó phải chịu phạt cho làng và hứa không bao giờ phạm tội nữa, nếu nó không giữ lời hứa sẽ phạt bằng hai ba.

16. Đàn bà goá dụ dỗ chồng người ta:

+ Nhū khiãng tųq taloi yòt

Nhū khiãng sadoh mata aniq

- Nó muốn tháo quai ra khỏi gùi

Nó muốn tháo cán ra khỏi nỉ

Con đàn bà hư thân này có tội phải đem ra xử. Nó phải có ba ché rượu, 3 đến 6 tay heo, ba con gà để tạ tội cho ông bà người ta và tạ tội với ông bà nó.

17. Người vợ đang điếm hư thân

+ Cumơi còh anảq uràc,
manũih mĩh sa sudiq sa vusàc.
Vũ anảq cumơi wờq làiq khiãng àiq ùc àiq lacơi
còh hata luca ayuơiq vũ lươiq ga plùq chraq...

- *Con gái là con người,
là người cần một vợ một chồng.
Con gái mà muốn nhiều đàn ông
là con gái chứ đâu phải ghẻ lở
để cho con vất nó bu..*

- *Con đàn bà hư thân, con đàn bà mà trốn chồng mình
đàng điếm với chồng người ta là có tội, phải đem ra xử
việc: phải chịu phạt một mã la, một con trâu cho chồng và
cho gia đình chồng*

- *Thằng đàn ông đáng chê đáng trách phải chịu phạt
một mặt mã la và một trâu cho vợ nó. Phải chịu một heo
sáu tay và một ché rượu cần tạ tội bên nhà vợ.*

Nếu việc phải đưa ra làng phân xử, thằng đàn ông còn
phải chịu phạt cho làng.

18. Đàn bà con gái đàng điếm hư thân - 2

+ Cumơi buh điq tupưc iaq hươ iaq lacơi oh
Cumơi buh điq cayơu hươ iaq lacơi oh
Cumơi cữt anảq gah anảq plaq anảq gah roc
Cữt vrah rah duah iaq, cữt vu riyu iaq lacơi

Đàn bà con gái dàng điếm hư thân - 2
- Con gái chẳng ai trèo gốc cây nhòm ngó
tìm kiếm con trai
Con gái chẳng ai leo lên cây mà dòm ngó
tìm kiếm con trai
Con gái đàn bà bế con trên ngực, gùi con trên lưng
Xách gạo truy đuổi lang thang tìm kiếm,
cơm đùm cơm gói đi loanh quanh tìm con trai

19. Đàn bà con gái dàng điếm - 3

+ Hanruoi ia vilat poq anaq miâu duah iaq tano
Còh manũih adăt si hanruoi oh
Vũ hayou dòq tithuiq tithual si lacơi
Còh buh djưq oh malou ta-ơ!

Đàn bà con gái dàng điếm - 3
- Con mèo động đực vào mùa trăng khuyết
kêu gào đi tìm đực
Là con người không lý nào cũng kêu la động đực
Sao lại ra vẻ quẩn quít bên đàn ông con trai
Là việc tầm bậy rồi, phải biết xấu hổ chứ!

Việc người đàn bà goá dụ dỗ chồng người ta - người đàn ông đang có gia đình vợ con (Vhõn cumơi valou patah palaiq vusac urac, manũih buh sac danỏq) là việc bị xã hội lên án gay gắt, bị coi là hành động "phá vợ cướp chồng người ta", làm tan nát gia đình người khác

XVI. LUẬT TỤC VỀ LỜI ẢN TIẾNG NÓI

1. Nói năng bậy bạ xúc phạm người khác

+Đờp rusai cadlai rusân
đờp sãn cadlai srũh
đờp danhrũh cadlai cahnảq
ruc rai casin cahnảq...

*- Nói lung tung chuyện vật vãn
nói xằng xịt chuyện tầm phào
nói móc nói máy linh tinh
ầu tả bậy bạ...*

xúc phạm tới người khác thì phải chịu phạt

2. Nói lời vu khống:

+ Yaq tuh voh gadi pahi voh gadha
Yaq pachuaq đờp madùq pahiuq pakiuq

*- Đặt điều đổ thừa sự vụ đổ lỗi sự việc
Kiện tụng nói thêm vu khống*

3. Vì ghen tuông mà nói vô căn cứ - vu khống

+ Pachhùq paduah pasrah pahamriou
sudiq droi vusac rạc,sudiq rạc vusac gưq,
patleq soh pachoh lor... jù dlaiq

- Đa nghi ghen tuông vô cơ cố ý kết tội

*vợ mình (với) chồng người, vợ người (với) chồng bạn
kết luận bậy bạ nói xạo nói vu... thì phạt lỗi*

Cuộc xử việc vụ việc loại này gọi là "*charanā gadha pachhūq pahamriou*", ngoài các thành phần thông thường còn mời thêm mẹ cha, cậu chú, mối lái của hai bên để biện hộ phân xử.

Mức phạt thường phải "*hai ché rượu cần, heo 4-5 tay, 3-4 con gà để cúng người bị vu khống, tạ tội và nói lời cam đoan - rumảq tumal cal joh*"

4. Bới lại chuyện cũ:

+ Rượu sươ ngãq voh sadaq ralaq voh vanh rơu
- *Làm rồi rắm cả lên, chuyện cũ không chịu bỏ qua,
chuyện mới lại nhắc tới*

XVII. LUẬT TỤC VỀ HÀNH VI

1. Đến bữa phải cùng ngồi ăn một lúc:

+ *Dalap di canā pùq bơc,
canā bơc vu oh jơc sa salau vu
vù manūih bơc hlơu bơc didoi*

- *Đến bữa cơm phải cùng ngồi ăn
không được kẻ ăn trước người ăn sau*

Người Raglai tin rằng chính người ăn sau là "ăn xái" (*bơc tamā canrap*), đã ăn sau ăn xái thì sẽ phải đi ở đợ cho người ta (*nāu dòq hulut uràc*) mà một khi đã đi ở đợ - làm đầy tớ nhà người thì nhà mình rách nát (*nāu dòq hulut uràc - sàc tơiq*).

2. Tư thế ngồi:

+ Lạcoi dungõm chacunal
Cumoi dungõm johmuān gamuān dada

- *Con trai ngồi xếp bằng (vuông gối)*
Con gái ngồi xếp gối sang một bên
khoanh tay che ngực

3. Vị trí con gái đàn bà ngồi tiếp khách:

+ Anảq cumoi oh jơc dungõm
tõm thuāi dap lacoi sa grãq vara
đi acoq chhiau hulau anēh...

- *Con gái đàn bà không được ngồi*
ngang hàng tiếp khách đàn ông con trai
tại đầu chiếu đầu thêm

4. Vị trí ngồi của người khách là đàn bà con gái:

+ Manūih thuāi vù cumoi
oh jơc mǎi gajiq dungõm jù uān juān oh asal

*- Người khách lạ đàn bà con gái
không được tự ý vào ngôi trên đầu chiếu
đầu thêm là không được*

Đây là tục lệ mà từ xa xưa cho tới hiện nay bà con Raglai vẫn tôn trọng nhằm giúp cho con gái đàn bà giữ được sự kín đáo của nữ tính, chùng mực, lịch thiệp không số sòng quá đáng...

5. Cấm trai trẻ, con gái, đàn bà vịn vai bá cổ đàn ông, người già

+ Manũih dap dara, anảq cumoi
aga anảq ticho
oh jợc apat vara manũih lacoi,
coi tuha ghõng daniõng

*- Người trai trẻ, con gái đàn bà
ngoài con cháu
không được vịn vai bá cổ người đàn ông,
ông già người lớn tuổi*

6. Cấm con gái đàn bà vỗ vai vịn vai đàn ông, người già

+ Apat pah vara,
Cumoi pah vara lacoi oh sudiq vusàc,
ke pah grãq vara uràc tuha oh coi duat anảq cumuãn

còh tồr asur ganròh dlưh asur gaval
pờr vungãq catuaq asur...

Cấm con gái đàn bà võ vai vịn vai đàn ông, người già

- *Võ vai vịn vai,*

Đàn bà con gái đập vào vai đàn ông

không phải là vợ chồng

Trẻ nhỏ không phải là con cháu võ vai người già

là làm lung lay thần hồn suy sụp thần tài

bay hồn bạt vía...

Theo tín ngưỡng dân gian Raglai, mỗi con người đều có các "asur"-*thần hồn* và các "aluah"- *tổ sanh*. Mỗi thần hồn có một lãnh vực khác nhau ban ngày trông nom ban đêm canh giữ cho con người. Các thần hồn của người này không chấp nhận người khác nhất là đàn bà con gái đối với đàn ông không phải là vợ chồng, người trẻ với người già mà không phải là con cháu...

Ai vi phạm phải đem ra xử việc. .

7. Thấy người bị nạn không cứu

+ Langãq vîq mãq gưq,

langãq oh jraq padut

- *Thấy người gặp đuối phải cứu nhau*

Không phải thấy gặp đuối mà động thêm

Trường hợp này có nội dung gần với điều 102 Bộ Luật hình sự năm 1999 của nước ta hiện nay. Ai phạm phải đều bị đưa ra xử việc.

8. Dùng hung khí đe dọa người khác

+ Achõng ahõng tluq pamatai, dai atòc
Tluq taq mãq icu
Khop ralo sapo culiq urac

- *Hầm hè hòng đâm chết, tai đấm
Đâm chém vợ đười người ta
Đe dọa vào thịt nhằm vào da người ta*

9. Kinh cãi đánh nhau

+ Vhiài majai dai atòc
Chau vluc thoc đau
Chau tahu ruc rai vrai năm
Pickeh cadoh joh đit

Kinh cãi đánh nhau

- *Kinh cãi tai đấm
Nóng nảy vợ vàng vợ dao vác đao
Nóng nảy bức bối đánh vỡ tan thành sáu mảnh
Bể tan bầu rượu nát cần rượu*

10. Kinh cãi đâm chém nhau

+ Majai machoh gưq tởl tluq taq mãq icu,
Coh panāh vlah wac

*- Kinh cãi đánh lộn nhau tới đâm chém bắt đuôi,
Chặt, bắn, bỏ, bao vây*

11. Đánh đâm đâm chém gây thương tích

+ Poh majai dai atòc,
Gai tởi roc thoc tởi lingĩa

*- Đánh đập tai đâm
Roi tới lưng dao tới tai*

12. Hình phạt về tội gây thương tích

+ Dlàiq majai machoh toh
ngãq yàq acoq pichah darah capru tởi uràc
jừ dlàiq tapai tuh manũq mãq,
sa sớp khat, picha pười vungãq

*- Phạt lỗi kinh lộn đánh lộn
làm cho người ta đầu trặc máu phun
thì phạt rượu đổ nước gà giết thịt
vải vóc một xấp làm lễ cúng cầu hôn*

Những hành vi xâm hại đến thân thể người ta khi đem ra xử việc đều được xem xét nhiều mặt: vì bức xúc, vì lỗ tay... có thể được giảm nhẹ chỉ đến bù tài sản mà không phải cúng; trường hợp do uống rượu say thì ngoài việc đền bù còn phải chịu một số lễ vật (tùy mức lỗi nặng nhẹ) để làm lễ cúng tẩy rửa.

XVIII. VỀ NHỮNG TỘI NẶNG

1. Vụ mạng máu - 1

(gadha màc darah là vụ gây chết người)

+ Vhiài majai dai atòc

Chau vluc thoc đầu chau tahu

Ruc rai vrai năm

Pichah cadoh joh đit

- Hay kinh cāi đánh đấm

Nóng nảy bụng gươm dao đâm chém

Làm tan bầy lạc đàn

Làm bể bầu (đựng nước cốt rượu) nát cần rượu

2. Vụ mạng máu - 2

+ Tangrah tangsa paq ngõq sa beq pha,

paq ala sabeq le

- Tôi bồi tanh bành phía trên một cái đùi,

phía dưới một cái cẳng

3. Vụ mạng máu - 3

+ Tluq pamatai ràc khiăng wa khiăng ga jua

vù jua wa jiáp dơi

Khiăng ga bluaraq vù nhất atũng tuvơ

- Đâm giết chết người ta muốn dọn chỗ cho vắng

mà dọn quét vắng luôn cả người mình

Muốn cho lợi mà mắc (tre / nửa...) dày như bươu

Liên quan tới sự tích:

Ngày xưa, có một người vợ ngoại tình lập mưu cho người tình giết chồng mình khi người chồng trèo lên hái lá trầu... Bấy ngày sau, người em chồng đi xa về ngang qua nơi xảy ra sự vụ, thấy người bị nạn trong bông cây chính là anh ruột mình. Khi về nhà gạn hỏi thì người chị dâu khẳng khẳng rằng chính mắt mẹ ta thấy "chồng bị cọp bắt". Biết chuyện, cả họ đã vây bắt người tình của mẹ ta giết chết chẻ đôi làm quan tài chôn xác người bị nạn. Riêng mẹ ta đã cùng âm mưu giết chồng thì bị trời bỏ rùng bảy ngày bảy đêm mà không ai xét xử, thả cho họ nhà mẹ ta tự lo liệu... (Hỏi lại người già thì đây có thể là chuyện hư cấu để răn đe giáo dục người đời).

4. Làm chết người bằng bùa phép thư yểm

+ Ataq rai, ataq khai jai lumah

si putau mũa ula nàc, chĩng ta inã garai

- *Thư yểm, yểm bằng bùa phép bắt hồn người
đi hầu chủ mỗi chúa rấn rông,
nơi tôi tắm Tổ mãng xà*

Làm hại cho người ta chết bằng bùa, phép, thư yểm cũng được đem xét xử như vụ mạng máu.

5. Chết bất chợt

+ Cablưh ga pãp cablưq ga ngãq gadha
Khàq si hmũq tamãh lavuh,
khàq si buh tamãh tasràq leq yư tamã yư vida
oh hmũq hlơu oh thou jumã

Chết bất chợt

- *Bất chợt bất thành linh mà đã xảy ra sự việc*
Khi nghe thì đã ngã,
khi thấy thì đã bị té đập bị thương
không nghe trước đoán trước được.

Trong thực tế cuộc sống việc này vẫn xảy ra, có cái chết bất chợt, không rõ nguyên nhân, không rõ người gây tội... thân nhân người bị nạn nghi ngờ người nào đó kiện ra làng đòi xử việc thì phải thận trọng.

6. Tội cố ý giết người:

(Gadha ga thưq pamatai manuĩh - còn có các cách nói:

Thưq taq mãq icu, Poh panãh vlah wac manuĩh)

+ Manuĩh maruh masãnq ghơh ghỡn machĩ machiũ
chamĩt chamiõu achri achriũh

Yư inã rumõng bợc ralo manuĩh

Dòq gagõt gagìq, dòq cup achriũh

khiãng tiàq hàq keq lah pah cachợp gợq cheq

Hatai dungỉq dol didin ma-in hã,

drec catec magūt, didil khīn pa-âuq chagáp
Yư asou chaboh ruai
Yư vuhai chaboh icàt
Pateq vhiài nhu majai camlah
chura poh majai dui atòc gưq
Thoc chau dau hluoq tluq taq mǎq do
gai tởl roc thoc tởl culiq
Yư manūq hàq bợc voh choh bợc ảnq
Ngãq manūq tatlah anảq inã tatlah tapuol
Pichah cadoh joh đic, jaluq rai viluai pichah
Manuĩh araq ga harỏh ghỏh masảnq yư nũn
Gadha ga ghỏng viq peq charanã gadha patloh
bợc chhũnq
catuq dlàiq chhũnq hàiq dlàiq madueh
Nhũ viq drũ ga vayar mảc darah,
chhũnq madueh ga mảc darah
uràc ga ataq rai bợc mảc darah uràc
Pua ga adât vhiài Mủq Cơi gadha mảc darah
Limã voh chhar daq mũ acoq toq yaq
tacai gadha mảc bợc ga darah
Limã tol tijuh chagáp un bợc gadha mảc tũq
gadha ga darah
Manūq, tapai luoi ga chhũnq dlàiq catuq vayar
gadha mảc
Paluoi padlop vruảq prãn jaghaq vamãi paq hĩa
Ngãq đờu pasir pasiқ pavhìq sàiq ia cròc ngãq
vidhi car

tlou pluh tujuh aròq tapai pluh un gawàc chhōng
Vahrou joh mãq avih chhūng hàiq dlàiq madueh
caya di pavàt
usar mata vát nhū ngāq gadha hĩa.

*Tội cố ý giết người
Kẻ hung hăng dữ tợn
Như hổ ăn thịt người
Thù hận muốn giăng mắt
Gan lì, bướng, ngang tàng
Như chó đớp táp ruồi
Như rái cá đớp cá
Hay kinh cãi đánh nhau
Bụng gươm đao đâm chém
Như gà mổ trứng ăn thịt con
Làm tan bầy lạc mẹ
Bể bầu nát cần rượu
Kẻ hung ác như vậy
Tội lớn phải xử phạt
Nó phải chịu thường mạng
Theo tục lệ ông bà
Năm mặt mã la xưa
Năm đến bảy tay heo
Gà, rượu để cúng phạt
Bỏ của và công sức
Làm lễ bỏ mả xong
Mới hết tội của hắn*

7- Thư yếm chết người

(Ataq rai khai lumah cũng nói là:

Su salah vlah riya hay Iơp richo vòc tulũh)

+ Manũih hatai tuc vuc phỉnq, la-a guar pachrãi
paluiq suàt pachrãi mãq pajoh acoq janãi
Yư inã rumõng inã vavrui
Gudueh pateq nãu chũq ata ia caroi
Duah iaq ucap mãq, takial rưq mãq jrãu asũq,
mãq inã ruãq
Sraq mãq sraq magru ladap iơp vòc tòc lanãh,
ataq rai khai lumah uràc
Mủq Cơi oh buh pachhai padar oh
Atơu oh khiãnq si tũq, vinũq oh khiãng ga si wơq
tơ manuĩh jangãq voh
Labuq la-u su pinãng oh òp khũng khiãng gah vuh
manhãq bàq apiol ga nhũ
Patơu pariyac tac ganãng di Cơi Vhòp Mủq Tili
oh pabai pato khũng tơ manuĩh
Nũi du voh ngãq djãh ngãq vòc uãn juãn
Nũi du voh ngãq masãnq ngãq pachrãi parai
patuiq rai dai màc
Nũi voh didiàc pacưq pagàc ukhit pical
Yư nũn vù vát manuĩh hĩa huoiq oh
Ngãq bop ngãq tahnãu jrãu iơu camlai,
siơp rinãi dai sa-òp gưq, paluiq rai gưq

Vát nhũ hĩa iớp ga manũq roc djũq jrâu tahnâu
 mĩa ruĩa nhũ
 Vát nhũ ngĩa anĩa urac manũh padĩq ruaq papiap
 Vát nhũ hĩa ngĩa majĩn camlai sarui vungĩa
 mĩa asur rạc
 Vát nhũ hĩa ngĩa ga ke vare rạc matai
 Vát nhũ hĩa ngĩa ga urac wĩq pạp
 Vát nhũ hĩa ngĩa acoq dlo urac thৌ paq thৌ
 wĩq dlai oh
 Ngĩa di tuc hatai urac buh thৌ sãm pamuc ta-oh
 Urac dlợp apu vawợc drap
 Dlợp drap vruĩa sác bac sác lijợc
 Padĩq papiap tợl rợc reh chadệh dlợi rusut wac
 tulac guiহ
 Vhõn tợl lingĩa mata po palợi lãng tanãh gah
 Vhõn tợl lingĩa mata po charanã
 Lãng tanãh palợi ga urac hmũ pateq
 ngĩa gadha peq charaã ga vát nhũ
 Mĩa vát nhũ suvil hĩa wĩq akhàt jĩap
 Vát nhũ uhĩa wợih achõng đũaiq đũaiq
 weh tatlah
 Wợih achõng tica di tahnâu jrâu sanĩt
 hĩa vù iớu yac atৌ vijৌ camlai
 Tahnâu jrâu mĩa ruĩa hĩa oh, mĩa hmũ ravuĩa tuha
 đợc di palợi oh
 Prợq vijৌ iớu camlai mĩh ngĩa gũn ngĩa jrâu ata rai

su salah oh dluh dlòc di Mủq tuha Inā palagar
Mủq Cơi Putau Via amà awoi aluah pajōng rạc oh
Tahnāu rināi sa-ơp oh dluh Guơ Mủq Gilùt

Cơi dluh dlòc

tadluh di hĩa oh

Po paloi uràc thৌ pateq tadēt si charanā

Po chũq thৌ pateq galòc sipeq voh peq asal

Ravuāq tuha thৌ pateq galòc pasuaiq panuāiq

Madah vát nhũ oh thৌ sinīn paq hĩa

Oh tīng yàq bluaq pachrāi culiq gajiq nhũ

Vát nhũ vìq drũ ga tuh voh gadi padi voh gadha

chhũng hàiq dlàiq madueh di uràc

Vroi dingōq divát nhũ camlah mũ acoq paq tluat
pawih yư tluat atua

Tica lawa di rựq jrầu pròq vijou iou camlai

atou sàc yàc chrih atou muvhòc

Vát nhũ khũng oh đuaiq tlah yac

Di gadu manuĩh hlou jumā patoq

nhũ tamāh drũ cùq acoq vloh

Lingĩa mata nhũ hĩa khũng tamāh hmũq

Matal vát nhũ tamāh buh mũ tamāh crān

Mucal simāi oh-cah uràc soi manuĩh giq khĩn jiáp

si chagua tupa vlàq dluh

Voh panuāiq gadha va peq payah charanā uràc

Guơ Mủq Gilùt Cơi Putau Via amā awoi

Ajợc hĩa vát nhũ vìq drũ vù cùq acoq

Akhàt dõp ga gadha ngãq suvil jrãh pachrãi pajrãh
 ga geq mwai vanãi sa-òq
 Madah ngãq ga uràc pađiq sarau
 Jũ nhũ vïq ngãq vroi siàp vroi sùp sir lir
 wòq caya ngãn jacar anãn thit hoq jrũh
 Vhãq hou iou ga chhũnq madueh dlàiq
 ga Mũq Cõi awoi amã uràc
 Madah ngãq papiap pađiq matai
 Jũ vïq pa ataq màc bõc màc bõc darah
 tuh màc pachhàc darah ràc
 Pua gãm panuãiq tahnal adãt asal Mũq Cõi
 Vïq mãq nhũ patõt droi joh nãng peq jĩn
 joh duoh bïaq
 ngãq ta-oh pagi tumal
 Vïq patõt droi di mata di anãq lãng tanãh
 ràc toq ràc til
 Sapua ala patla dlòc vhum tanãh duah lagar
 ngãq dèt buh mũh crãn mata iaq vhaq vlaq
 Gadlòc hmũ Putau Ia huruoi lawah lawor dèt
 iaq pajap mata
 buh mãq crãn va toq pa achõp gadha
 Ga ala chũnq ta inã nàc Pu luvac yàc madhir,
 Langiq lawah cah car, Putau ia huruoi Cõi ia vilàt
 Madah ga nhũ oh tùq ga cahnal pioh khiãq
 sap sanãp
 jroh cruai tacai joh muãn oh

Langi^q lot mãq pohcapăn dẫn duh uh paq hác nhũ
palúc chrãi ga nhũ
Nhũ matai khũng oh ma-uc ga nhũ yư oh màc
Oh urác soi manuĩh giq sinĩng vroi oh ga nhũ hĩa.

Thư yếm chết người

- Kể lòng dạ hiểm độc

Như con cọp con beo

Hay đi vào rừng sâu

Tìm nhứa độc, ngãi độc

Học thói hư yếm người

Ông bà không bày biểu

Cây đa làng không mách

Cây cau làng không nói

Hòn đá thiêng không dạy

Những việc làm xấu xa

Những việc làm hung hiểm

Những điều đã cấm kỵ

Vậy mà hấn không sợ

Làm bùa phép yêu ma

Khán ngãi yếm bùa ngãi

Bất hôn vĩa người ta

Hấn nhòm nhà người này

Hấn ngó nhà người kia

Người có tiền có của

Người có nhiều heo gà

Có nhiều trâu nhiều bò

Bụng tham muốn chiếm lấy
Tìm cách xin mua rẻ
Ai mà bán cho hấn
Mua bán không nghĩ trước
Mua bán không nghĩ sau
Cây đa làng quả trách
Đầu khôn bụng không ứng
Không theo ý hấn muốn
Hấn thù ghét người ta
Muốn làm xóm làng sợ
Ai cũng phải sợ hấn
Hấn làm con vật trúng độc
Hấn làm con người đau bệnh
Hấn làm người ta mất hồn vía
Hấn làm cho trẻ em chết
Hấn làm cho người lớn chết
Hấn làm người ta điên khùng
Hấn làm cái đầu người ta không biết
Cái bụng người ta không còn lo
Người ta bỏ rẫy nương
Bỏ công việc nhà cửa
Đau bệnh đến khùng khiếp
Việc đến tai chủ làng
Việc đến tai chủ xứ
Làng có cách xử hấn
Bắt hấn phải khai rō

Hắn đừng hòng trốn tránh
Đừng hòng ỷ phép ma
Phép không bắt được già làng
Phép không cao hơn ông bà
Phép không cao hơn tổ tiên
Chủ làng biết cách xử
Chủ núi biết cách xử
Đâu khôn biết cách xử
Nếu hắn không biết nghĩ
Không suy xét thiệt hơn
Hắn phải chịu hình phạt
Cho dù hắn trốn tránh
Cho dù hắn chôi quanh
Ỗ bùa phép ma quý
Hắn cũng không thoát khỏi
Bao người trước đã chịu
Cái tai hắn đã nghe
Con mắt hắn đã thấy
Không ai dám vượt qua
Phép xử của tổ tiên
Cho nên hắn phải nhận
Tội ác đã làm nên
Nếu làm người ta đau
Thì phải làm lành lặn
Đền của cải thiệt mát
Tạ lỗi ông bà người ta

*Nếu làm bịnh đau chết
Thì phải chịu thường mạng
Theo tục lệ ông bà
Phải buộc nút chứng thê
Phải thê độc trước làng
Dưới có thần đất chứng
Trên có thần trời xem
Nếu nó không giữ lời
Trời đất hành phạt nó
Nó chết cũng mặc nó
Không ai phải bận tâm*

8 - Nhờ người thư yếm

(Tica yawa tùq iơu manuĩh mãi iơp)

+ Chõm paloi tanãh gahvhiài thit caya

di manuĩh tleq

Di thit padai dalap galãng

Catùq jừ thit un, thit cuvau, thit lamo,

Thit goq cãng suvat, chhar khũng thit...

Pac salau casoq pariaq khũng thit

Cheh jro sãđaq mucal khũng thit

Với dingõq oh uràc soi manuĩh

Giq uràc buh thơu pac oh thơu gah dlai oh

uràc lèq jờc sithơu oh

Khư jurup đuc pòq lười suor nãu khũng ta tabe

blo acoq chhuẽn tuviaq paq aga

Vaguaq tloh duq jurup jrũh leq di lot iaq miõt
 khũng va buh
 Khrũm tacai ðu caya va pahãn tamãh buh
 dòq tãp hĩa
 Mata buh mãq crãn caya jacar khrũm tacai
 chãdeh tleh ngãq
 di rùp tla caca tahluaq
 Caduc talõi vraq dòq yaq sàc nhũ
 Manũq asũq vát nhũ luah buh dòq urác ngãq
 pajap mãq pajiãp
 tãp di mata pabah pahãn wòq
 Jro sađah mucal jõe hmũ khrũm apat cadjap
 cucõu caya po urác sađaq
 Vát nhũ oh mĩh si camlah padol pawil padar wòq jõe
 Vát nhũ oh mĩh si camlah rai pai jõe
 Madah vát nhũ oh khiãng si drũ ga dlàiq
 madueh di voh hĩa
 Vát nhũ vòq patõt droi palõi sap ngãq sap
 toq voh apat
 mãq pajiãp di palõi tanãh yac atõu
 Vroi mãq pahãn paq aga caya gãn di nhũ hĩa
 pioh rumiãq
 Ngãq pòq asal vhiài iõp ataq rai khai lumah
 su salah vlah riya
 Madah nhũ oh tleq oh nãq
 Jũ soh mĩh buh hagiq chrãi ga nhũ oh

Madah còh nhũ tleq vù padưa padhiac
 Jữ vạt nhũ vùq sùp si drữ ga matai
 Vạt nhũ matai oh ma-ưc oh mào tai ga pavat
nhũ matai
 Oh urac soi manuĩh hagiq bợc mào ga vạt nhũ
hĩa wợq oh ngãi
 Oh v्हõn hagiq urac vùq pamuc vroi
 Caya ngãn jacar anãn dòq di sàc vạt nhũ
 Vùq vamãi putol pasamũ ga manuĩh vida thit caya.

Nhờ người thư yếm

- Làng xóm thường mất trộm
Khi mất lúa trong kho
Lúc mất heo, trâu, bò
Nồi đồng, mã la cũng mất
Cái mâm thau cũng mất
Cái ché xưa cũng mất
Cho dù không ai hay ai biết
Nhưng kim bọc giẻ lâu cũng lòi ra
Kim rút xuống đất tìm mãi cũng thấy
Vật chứng đã có đó
Tang chứng ai cũng thấy
Cái túi dây thừng ở nhà hẳn
Cái vật hẳn đổi có người chứng
Cái ché xưa có dấu của người chủ cũ
Hẳn không thể chối quanh

Hắn không thể cãi bừa
Nếu hắn không nhận tội
Hắn phải thề trước làng
Cho lấy vật hắn dùng
Làm các phép thử yếm
Nếu hắn không trộm cắp
Thì sẽ không bị gì
Nếu là kẻ gian dối,
Thì hắn phải chịu chết
Hắn chết mặc kệ hắn
Không ai phải thương mạng
Không việc gì phải lo
Của cải ở nhà hắn
Đem bù cho người bị mất của

9. Đi săn đi bán vô ý làm chết người

(*Nāu lua nāu panāh dòq doq soh ngāq pamatai manuĩh*)

+ Manuĩh urac nāu luaq caih luaq dlai

Panāh chĩp panāh ralo

Khiāng ga panāh chĩp

Jừ vĩa dèq iaq jiáp buh chĩp

Khiāng ga panāh inā ralo

Jừ vĩa dèq plèt iaq jiáp buh inā ralo

Vahnāq galòc unĩ panāh chĩp oh buh chĩp

Avih lèq vu yư hĩa jưh hã panāh vaq hlou caih

jưq wal gal dlai

Avih lèq hã panãh đơu gal wal dlai pōng panōng riyā
Phut triac tuv hac cayōu vah rōu hmũ ralo havar
Yư hĩa còh hã oh panãh chĩp
Hã oh panãh inã ralo
Vũ hã panãh vamãi paq anãq ràc manuĩh
Hã panãh mãi paq manuĩh ràc vloh
Hã panãh matai manuĩh ràc vloh
Jũ hã vĩa đrũ ga vayar mác sidua ranōng
manuĩh hĩa
Hã vĩa đrũ ga vayar gadha bợc mác pachhac darah
urac pataq mác pachhac darah

Đi săn đi bắn vô ý làm chết người

*- Người ta đi vô rừng
Bắn con chim, con thịt
Muốn bắn con chim
Thì phải nhìn thấy con chim
Muốn bắn con thịt
Thì phải nhìn thấy con thịt
Đang này bắn chim không có chim
Bắn thịt không có thịt
Chẳng lẽ mày bắn khắp rừng
Chẳng lẽ mày bắn khắp rú
Góc lô ô, bườu cây mới có thịt
Vây là mày không bắn con chim
Mây không bắn con thịt*

Mà mây bán vào con người
Mây bán vào người ta rồi
Mây bán chết người rồi
Thì mây phải chịu thế lại người
Mây phải chịu thường mạng

10. Vương bầy chết người

(Tawaq jamareq djuq boiq poh pabac churoc tuho teq saluc)

+ Diac jamaroiq boiq tuho poh tuwaq cuaiq
saluc jrũnq churoc

Chiuq taloi boiq pic jrũnq boiq saluc tuh
churoc tahluaq

Viq boiq jrũnq di pot galòc inã ralo nhũ nãu
pateq nhũ nãu va pot

Viq boiq jamreq di pot pateq inã ralo pateq nãu mãi
Tamãh boiq tuho jrũnq jrũ churoc chahõng

tamãh thàt teq sida

Oh khiãng boiq jrũ thàt ta-oh viq yah boiq suaiq
chur churoc sida

Oh boiq ta-oh viq suaiq churoc toi q sida sũa

Madah wõr viq wõr dlai thit oh dòq sidõr cahnal
giq wõq

Madah ngãq luoi pateq galòc ia huruoi vrùq
đuah pateq galòc ia huruoi tamã

Luoi ga urac manuĩh ràc tawaq tuvaq
jamreq tuvaq bac churoc

Dluh sũa churoc ti ala suã ti dlòc
 Poh pabac sanũq sũq churoc chahõng
 Tet sida chuho chahmãng pla panãh
 Jũ vĩa vida drũ cùq gadlàiq madueh chhũnq hàiq
 Madah manuĩh uràc vida papiap ruaq traq
 Madah manuĩh uràc vida tamã papiap sidjuol
 Jũ vĩa cùq acoq ga drũ chhũnq vayar srũng
dlàiq hàiq madueh
 Madah manuĩh uràc vida tamã ruaq papiap matai
 Jũ vĩa drũ cùq acoq ga sidua ga gadha màc
darah uràc
 uràc pataq màc pachhàc darah
 Vhõn còh adãt jucal adar cadòp nhũ yur nũn
 Cơ ga pua gãm uha vù luoi ngãq
 Oh voh hagiq vĩa viài camlah òp cadlai
 Uràc soi manuĩh giq da pahmũq oh,
 Uràc soi manuĩh hagiq da drũ oh.
 Chõm tanãh paloi gah mĩh charanã gadha
ga cùq acoq
 dlàiq madueh chhũnq srũnq ga uràc traq.

- Cái bẫy mang cung, cái bẫy hàm chông
Cái bẫy dây, cái bẫy chông sập
Phải cài trên đường con thú đi
Phải cài trên đường con mồi qua lại
Đã cài chông, đã cắm chông

*Không bầy nữa thì phải tháo bầy
Không bầy nữa thì phải tháo chông
Nếu quên mất không còn nhớ
Nếu để đảng đông tìm đảng tây
Để người khác vướng bầy
Thì phải chịu tội
Nếu người bị bệnh nặng
Nếu người bị bệnh nhẹ
Thì phải chịu phạt đền
Nếu người bị bệnh chết
Thì phải chịu thế mạng
Việc từ xưa đã vậy
Cứ theo đó mà làm
Không việc gì bàn cãi
Ai không nghe, không chịu
Làng sẽ xử phạt nặng*

11. Chặt cây rừng đê chết người

(Choh taq cayou dlai catitq joh lavuh cayuq matai manuĩh)

+ Nău choh taq cayou dalap caih dlai

Chapoh cayou bẽn đơu voh patih

Choh dròq cayou ghõng prõng đơu muvah duc

yòt tròq vanro

Khũng vìq thour pac pateq vhiài uràc taq chapoh

choh dròq

Khũng thour paq si dèt jumã tila ga didoi

Uràc sơi manuĩh hagiq leq manuĩh ghõng,
manuĩh bẽn,
manuĩh prõng, manuĩh anẽh
Khũng vìq vithõu ga vroi thõu
Oh sidjưq ngãq nãu ngàq pa-ảnq pachakhõr
pacõr nãu jưh

Manuĩh uràc nãu dalap caih dlai
Manuĩh uràc joh ruvuc đứnq
Manuĩh uràc nãu suwàc nãu paruh vavui ralo
Hĩa còh chúiq akhàt đờp ga vhõn uràc
Caih dlai oh vìq caih dlai pacứq cõt pagàc
pacal ga nãu oh vù nãu
Caih dlai oh vìq caya gajìq tở gajìq sa po
ga uràc sơi manuĩh hagiq
Madah droi taq chapoh choh dròp cayõu
Vìq vithõu vìq đờp ga po sàđaq nhũ
pathõu jưh vù paq hĩq lùq oh
Pavithõu ga uràc thõu thõu vìq thõu pac
lươi ga manuĩh rạc weh ga uràc tah
Madah oh pavithõu đờp pajiảp
voh paganhít pahmũq pajiảp
Patla tubít tubiõh di hĩa
vù cayõu joh catứq ngãq matai manuĩh
Jữ vìq cuq acoq đrũ chhũnq traq dlàiq dlàiq traq
Vhõn hĩa uràc sơi manuĩh giq khũng tathõu
Oh pacaq hagiq vìq đờp cadlai wòq

- Đi chặt cây trong rừng
Cây nhỏ bằng bắp chân
Cây to như miệng gùi
Cũng phải biết cách chặt
Cũng ngó trước nhìn sau
Ai người lớn người nhỏ
Cũng phải báo cho biết
Không làm ẩu làm càn
Người ta đi trong rừng
Người ta bẻ ngọn măng
Người ta hái cái nấm
Người ta rình con mồi
Đó là chuyện người ta
Rừng không phải rừng cấm
Rừng không phải riêng ai
Nếu mình chặt cái cây
Phải nói cho người ta biết
Báo cho người ta hay
Để người ta tránh đỡ
Nếu không chịu báo rõ
Rủi cây đẽ chết người
Thì phải chịu thường mạng
Việc đó ai cũng biết
Không cần gì phải nói.

12. Cầm dao, giáo rủi đâm trúng người:

(Djàq thoc, padhõng trĩng sanrát talla di tangãn
pachrai mãi jrũng tluq djuh manuĩh djutq uràc)

+ Nāu paq apu, nāu luaq caih dlai
 Apu drap caya uràc sơi manuĩh giq
 jù manuĩh po apu drap hĩa nāu
 Vhõn uràc si po hĩa manuĩh hĩa ngãq
 Buh pacaq vù ga đờp cadlai oh
 Khuq madah saleq si gưq nāu
 Buh vhõn caq saleq si gưq ngãq
 Saleq si gưq sa tacai si gưq nāu luaq caih luaq dlai
 Tamãh nāu luaq caih dlai jù vùq
 Djàq thoc, padhõng tĩng apat sanrət djàq apat
di tangãn
 Patla di pãp ula mĩa ruãq choh varah
caqmatai cõn iaq
 Patla di pãp rumõng gaha ula gahõm lumãn
 gavai vavui ra tamã vida
 Jù caya inã hĩa si dũh si chamròp biao
 Vhõn hĩa uràc sơi manuĩh giq khũng vhiài uràc
patoiq si ngãq
 Manuĩh ghõng prõng bẽn anẽh khũng thơu
 Mủq Cơi awoi amã mucal cadòp khũng tamãh
pato pachhai
 pabai ideq pato nhũ yu hĩa
 Nāu jumã vùq gahdidoi
 Weh di didoi trah gah jumã nāu si ngãq yòp si yùq
 Nāu gah hanuãq trah iaq gah iãu nāu galòc vràq
 Dèt tanã tila gah vrùq

Thoc oh jor taq valiq
Thoc oh jor tlyq pitar
Tla tla tatla di hĩa vuq tlyq tasràq
ngãq caplãc djurq manuĩh tucot tanõ
Jũ vĩa cùq acoq ga drũ vayar màc darah
gadha chhũnq màc madueh duh dueh ga gadha màc

*Đi vào rẫy, vào rừng
Rẫy ai người đó đi
Việc ai người đó làm
Không can chi phải nói
Nhưng nếu cùng nhau đi
Có việc cùng làm chung
Cùng đi vào trong rừng
Đã vào rừng thì phải
Có dao, giáo cầm tay
Lỡ có con rắn độc
Lỡ có con thú dữ
Thì có cái chõng đỡ
Việc đó ai không biết
Việc đó ai không làm
Lớn nhỏ ai cũng biết
Ông bà xưa đã dạy
Đi trước phải ngó sau
Đi sau phải ngó trước
Ngó đông nhìn sang tây*

*Ngó tây nhìn sang đông
Dao không được chém bừa
Giáo không được đâm ầu
Rủi trúng chết người khác
Thì phải chịu đền mạng*

13. Trẻ nhỏ chơi giỡn nhau rủi ro bị chết

*(Ke bẽn ma-ĩn blet si gưq tasràq vida pasũp pasrũnq
pachrai gamàc darah nhũ vida matai)*

+ Ke bẽn oh đờp pua gacumơi hẽ lacơ
Srãnq ga ma-ĩn siol blet luet
Chhũh chhai gagrâu ma-ĩn si-ol
blet tarasuet ma-in pavil
Cũh tilũh poh chah cũh tuvaq gưq
Tiàt gưq jadrũq dadõng catũq leq lavreh
Mãq gai sòq jraq lacaq do dut poh poh vavơc gưq
Hẽ coh cadlơc camla chura poh majai,
dai aloc toh vavơc
Vhõn hĩq pacaq pato pachhai
Awoi amã pato pachhai nhũ
Ai sa-ai gưq cumơi proc cachua ai hlũc cadlai dĩrau ga nhũ
Oh jơc ma-ĩn blet uãn si-ol casir uãn juãn
Madah lươi ga nhũ ma-ĩn si-ol luet tarasuet
Tatla di tangãn ngãq matai manũih

Jù awoi amā buh voh chhūnq mǎq madueh
 gadha dlàiq màc darah
 Sa-ai ai gưq cumoi sa-ai proc buh chhūnq buh di dlàiq
 Viq vayar màc darah manuĩh matai
 Madah ke oh joc awoi amā wớq acho aruoiq
 Oh buh joc ai, oh buh gưq cumoi ai proc cachua
 Jừq viq cùq acoq drữ ga nǎu dòq hulut mǎnq raq
cade ga uràc

Vroi ga awoi amā uràc thit ràc anǎq
 Vhôn mucal cadòp tamāh yư hĩa
 Hmũ anǎq viq poh pato yư bưq, yư yuớq patupaq ga nhũ
 Pato beq di cutùq mũ dòq bẽn hĩa hmũ si joc
 Yư uràc go ganủq srǎq rabǎh rabǎq nhũ
 hmũ joc srah gađai vroi gađac
 Pato anǎq yư ràc uh wớq bớq hmũ si srah trah nhũ
 Ganủq srǎq doq si tupaq gajìq nhũ oh
 Cunủh wah oh hmũ si srah gajìq cayua ga uràc manuĩh
 uràc po ngǎq vroi
 Ke hayou si pato vroi jǎc ghoh ganruh gaval
 srǎq joc hayou si panāh chĩp joc viq ngǎq ga nhũ
 Yư ganủq wah hmũ si tica wah icàt anǎq manuĩh
 jư hmũ si pachhai pađar
 Uràc soi manuĩh giq oh drữ si ngǎq
 vhôn hĩa còh adāt oh nhũ pajoc mamāi tanõ wớq
 Jừ mĩh vida madũ gadha dlàiq mũ awoi amā
 gadha tahroi ga nhũ hmũ joc pajoc mǎi yư nũn

Trẻ nhỏ không kể gái hay trai
Ham chơi đùa, nghịch ngợm
Xô đẩy đấm đá nhau
Rượt nhau ðề té ngã
Cậy gậy giả đánh nhau
Hay cãi lộn, đánh lộn
Việc đó cần dạy bảo
Cha mẹ dạy bảo nó
Anh chị la rầy nó
Không được giỡn quá đáng
Nếu ðể nó chơi giỡn
Lỡ tay làm chết người
Thì cha mẹ có lỗi
Anh chị nó có lỗi
Phải ðền mạng người chết
Nếu trẻ không cha mẹ
Không có anh có chị
Thì phải chịu ở ðợ
Cho cha mẹ người mất con
Việc xưa ðã như vậy
Có con phải uốn nắn
Ngay từ lúc còn nhỏ
Như người ta uốn cung
Như người ta uốn cần câu
Cây cung nó không cong
Cái cần nó không ðẻo

Làm sao bắn được chim
Làm sao câu con cá
Ai không chịu làm việc đó
Thì sẽ bị phân lỗi

14. Vợ chồng giận giữ gây lộn dẫn đến bị thương hoặc chết

(Sudiq vusàc chamarau majai pajoc mãi tól lanor vida amã madruh tól matai)

+ Sudiq vusàc buh anĩt languãq sa-uaq majua
anĩt jumãn gưq vahrou hmũ mãq gưq
Sudiq vusàc buh lanẽq bòq mata,
tuc va lawa lanẽq gưq
vahrou drũ dòq si gưq
khiãng va gưq ngãq sudiq vusàc
Sudiq vusàc jừ: tangãn pa-ũm, mi-ãng padòq
Siãp lageh hmũ prãn lawa duh rabãh saleq
gãm su gưq
Ruaq papiap mãq padiq jừ duah pamua, duah
pròq ròq jrãu
Lumãn buh pàq beq tacai vù dòq chah catah
tuvãq lavuh,
Jaluq chawàt tùq đoi khũng magròt pagiq
sudiq vusàc...
Ajoc buh mũ catuõq tuq chau iãn camlah
chura di gưq

Buh di tuq ca-ùq ca-ãn chau iãn oh bəc vu rubúp wòq
 Oh mahâu si nâu drap apu saleq sa rubúp wòq
 Vloh khũng ngãq va pasiàp su gưq lageh si-òp
 wòq làiq ma-ữ
 Vloh khũng avih voh chau voh iãn hĩa voh cữp
 hĩa vhiài nhũ
 Oh jọc poh gưq jat gưq toq vavəc gưq
 Đờp ngãq wòq paq djàq gai tuloq khuc cayơu,
 djàq gai hawai sanrah,
 Djàq thoc chhuãn canrih tluq ngãq di gưq
 Sudiq đrơi nhũ coh hapa vùq lèq
 inã asừq manữq uràc rọc, inã asơu timiyơu oh!
 Vù djàq tuloq cayơu, djàq gai vù poh ngãq di gưq
 sudiq vusàc
 Paleq mữ Mỏq padòq mữ Cơi
 tamãh poh pa-ideq pacheq pato pacứq pajàc vloh
 Di malap rasiơu nhũ sudiq đrơi
 Di hurơi nhũ còh manuĩh uràc apoc pitiàt ràc
 gưq tucốt tanõ
 Vhõn va huaq vu chùq còc mucal
 buh jọc poh janữq jup jalàt janữq phut janữq la-o
 Jọc hmữ awoi amã ravuãq tuha apoc pitiàt
 vanah gah sudiq ga vusàc
 Hapa buh leq dòq gajìq tở gajìq mãi tởl
 buh cumơi lacơi vù lèq si gưq oh
 Di voh acoq oh dòq thơu sinĩng paq hĩa wơq

Di tuc vuc hatai oh thoi si sãm pamuc paq gưq wưq
 Chau gila yư asou wưq, asou mấq cruaq hanruoi
 Djạq tuloq cayou, mấq thoc yoc amra pahi pahuoiq
 si viaq vù ngấq toh mấq thưq gưq
 Tha tangãn matai manuĩh vưq vayac màc
 dlaiq ga màc urac boc màc pachhac darah
 Sanãp djãh boc valoiq vloĩ anãn dòq đoi sa rivou
 rai manuĩh
 Voh djãh pagui patraq gãm apoc pitiat inã janoc

Vợ chồng giận giữ gây lộn dẫn đến bị thương hoặc chết

*Vợ chồng có thương nhau mới lấy nhau
 Vợ chồng có ưng nhau mới chịu ở với nhau
 Vợ chồng thì tay ấp, má kề
 Sướng khổ cùng có nhau
 No đói cùng có nhau
 Đau ốm thì lo tìm thầy tìm thuốc
 Con voi có bốn chân mà còn vấp ngã
 Chén tô dùng mãi cũng mẻ hướng chi vợ chồng
 Nên có những lúc giận dữ kình cãi
 Có khi buồn không ăn chung
 Không thèm đi rầy chung
 Rồi cũng làm lành lại với nhau
 Rồi cũng hết cái hờn cái giận
 Không được đánh đập nhau*

Nói gì tới cầm khúc cây, cầm cái gậy
Cầm con dao nhọn mà đâm đánh nhau!
Vợ mình đâu phải con vật, con chó
Mà cầm cây, cầm gậy mà đánh
Ông bà xưa đã dạy đã răn
Ban đêm nó là vợ mình
Ban ngày nó là người của họ hàng
Việc cưới có mối chính, mối phụ
Có cha mẹ họ hàng bên chồng bên vợ
Đâu phải tự nhiên đến ở với nhau
Khi cái đầu không còn biết nghĩ
Cái bụng không biết lo
Giận như con chó điên, chó dại
Cầm cây, lấy vật hung mà đánh nhau
Lỡ chết người thì phải đền mạng
Tiếng xấu mang cả đời
Tiếng xấu mang cả họ hàng

15. Đánh người không lý do

(Poh nãq di manuĩh buh hmũ voh atoc caya giq giq oh,
thơu ga dlai oh si hmũ ngãq)

+ Masãq bruh vù dòq yư ula choh voh varah

mãq matai

Masãq bruh chakhờ vù dòq yư inã rumõng

gaha ula gahõm

Oh thơu pãng voh djuq

Dingõq tanõ vida tamã sidjuol
Khũng vìq ngãq tuah vanriac duc valah
gap vìq ngãq tuah manõi vroi tasìq vanãu
Madah poh toh ngãq di manuĩh chrãu aga
urac vida tamã

Tanõ tacuah chareh gah aga culiq
Urac vìq mĩh padìq pachuat wòq lèq joh tulac vloh
Khũng vìq cùq acoq drũ ga dlaiq vayar jĩn caya
ga urac

Buh urac soi puaiq padoc chhoc vroi
ga manuĩh masãq bruh oh
Nhũ ga ngãq ga poh vavoc urac
Jũ nhũ cùq acoq ga chhũnqga vayar dadi traq
Viq peq gadha charanã voh ga nhũ đơu viaq
mãq đơu dadi nãu
Lươì ga pacuq pagal mãq cọt ga manuĩh tucọt
tanõ haviq

Oh ajoc pioh rumiãq iaq pajac ladap lađe
ga voh ladap masãq bruh hĩa

Đánh người không lý do
Hung hăng như con rắn độc
Hung hăng như con cọp trên rừng
Không biết nghe cái đúng
Không nhớ lời dạy của ông bà
Con rắn đâu biết ai quen ai lạ

Nó thích cắn ai mổ ai nó cứ làm
Con cọp thấy ai cũng vô
Thấy ai cũng cắn xé
Nó là người trong xóm trong làng
Mà không biết xóm anh làng em
Mà không biết xóm em làng chị
Chuyện không đâu cũng đánh người
Việc không ra gì cũng cắn xé nhau
Tự ý đánh người bị thương
Thì phải lo tìm thuốc tìm thầy mà chữa
Tự ý đánh chết người ta
Thì phải chịu thường mạng
Nếu đánh anh em chị em
Dù chỉ bị thương nhẹ
Cũng phải làm phép tẩy rửa
Nếu đánh người ngoài bị thương
Chỉ trầy sướt ngoài da
Người ta nói bị gãy xương
Cũng phải chịu đền tiền của
Không ai bênh người hung người dữ
Nó làm thì nó chịu.
Phải phạt nó thật nặng
Phải xử nó thật nghiêm
Để ngăn ngừa kẻ khác
Không nên giữ thói hung hăng.

16. Say rượu đánh người

(Mavuoq maviol poh toh ngãq poh vavoc gưq manuĩh urac)

+ Gah gat ia jừ vừq pasah tacai

Djùq tapai jừq muvaq mata

Mavuoq mata oh sidjơq hagiq vừ mavuoq gãm

hatai tiat

Urac manuĩh sơi mavuoq maviol vừ wàiq trùq

pasaq palai

rùq inã pakhrãh awoi khưq sanãp

Manuĩh lèq mavuoq maviol vừ poh vavoc

toh manuĩh tamõ madueh

Vat urac hĩa còh manuĩh buh chhũnq

Madah manuĩh urac tanõ vida tamã

Jừ vat nhũ vừq pamuc duah pròq ròq vijou,

duah rùp pajrau duah jrâu tuwâu ga pajrâu

Vida tamã traq cheq jừ vừq dlàiq mũ un tól un

Vừq hmũ dlàiq mũ voc khat picha còq vahrou

lươi puoi vungãq waq asur urac vamãi wơq làiq

Madah tatla tangãn poh toh vavoc wac dalap

mãq matai

Jừ vừq cùq acoq ga drũ vayar mác darah urac

pataq mác pachhac darah

Vừq cùq acoq drũ ga vayar vruãq vhorn lãng tanãh

paloi ga urac peq gadha charanã voh

Urac hagiq dòq soh vừ nãu ngãq vhorn gadha

caya gưq manuĩh tucot tamõ

Peq charanā khūng dlah dlar rabāh rabāq
Yu khūng dloh radeh joh ga voh upah māq ujai
ga djūng djui apui bōc ralac padiac lih radeh tayah
Viq thit palai sap cadlai tubuai đōp, thuoq palai
di avih ia movah tavađah ia tubuai
Ga chhūng srūng payaq sidjuol
jũ mũ sa pac salau suvat bẽn ga po charanā
Chhūng sūng payaq vūq movah cəc ga traq
Jũ sapaç salau ghōng gawoi sa voh chhar

*** Anáq vù poh toh majai vavơc awoi amā:**

Amā còh lèq ia huruoi dlòe
Awoi còh ia vilat - jũ du urac gadlòc soh
Cheh đeh di rəc anáq
jũ luoi ga apoc janoc ga jaròc vijeh vamāi gui jamōng
Ngāq amā ngāq awoi còh urac mũ dlòc poh ngāq
toh vavơc anáq ngāq anáq ala viq at drũ
Ngāq amā ngāq awoi khu droi ngāq anáq
viq pha poh dui tui nāu -
pha poh pha tui pha dui pha nāu
Ngāq anáq ga ala urac vù camlah chura wòq di
awoi amā
Oh hayou chhuah di manũq pha anáq inā pha voh
Yu manũq pha anáq yư amràq pha tipuol
Manũq tla inā amràq tla tipuol
Pap javuơq pah, ngāq calac chagòc

Matai anǎq yư rusa bưc padai
Matai sudiq yư apui bưc sàc
Matai awoi amǎ yư tadlơh langīq padlơh raluc lốt
Manuĩh poh jat ngǎq di awoi, poh jat ngǎq di amǎ
oh apat cumar jar goq
Còh manuĩh oh khiãng hudiq.
Viq chhũnq viq catuq viq dlàiq đảnq catuqđảnq traq
Viq chhũnq dlàiq di nhũ viaq dadi malap malau oh.

*Lội nước thì phải ướt chân
Uống rượu cần thì say mắt
Say mắt chứ không say lòng
Kẻ nào say sưa mà chưởi rửa
Kẻ nào say sưa mà đánh đập kẻ khác
Hắn ta là kẻ có lỗi
Nếu người ta chỉ bị thương
Thì hắn phải lo tìm thầy, tìm thuốc
Bị thương nặng thì phải phạt tới heo
Phải có vải trắng gọi hồn vía người ta lại
Nếu lỡ đánh người ta chết
Thì phải chịu đền mạng
Phải chịu trả công làng đứng ra xét xử
Ai đâu ở không mà đi làm việc người khác
Xét xử cũng vất vả như chiếc xe chở nặng
Chở hoài thì xe mau hư
Phải tốn lời nói, tốn nước miếng người ta*

*Phạt nhẹ thì một mâm đồng nhỏ
Phạt nặng thì một mâm đồng lớn*

*** Con đánh cha mẹ:**

*Cha là mặt trời
Mẹ là mặt trăng
Sanh con là để nối dòng
Cha mẹ đánh con phải chịu
Cha mẹ kéo con phải đi theo
Làm con mà cãi cha cãi mẹ
Khác chi gà con lạc mẹ
Như con công lạc đàn
Gà con lạc mẹ, con công lạc đàn
Gặp điều điều bất, gặp ó ó tha
Chết con như nai ăn lúa
Chết vợ như lửa cháy nhà
Chết mẹ cha như long trời lở đất
Kẻ đánh mẹ, đánh cha
Là kẻ không muốn sống
Phải phạt nó thật nặng
Phải phạt nó thật nghiêm
Để không ai dám làm như thế.*

17. Con rể đánh cha mẹ vợ

(Matou lacoi ngãq di inã tamaha amã awoi vanah gah sudiq)

+ Tùq matou iou anãq, tùq anãq gajaq matou

Yur taq cayơu mũ caih pajơc ga gơc sàc-
 mảq gưq mũ ràc pajơc gưq ga dơi.
 Tùq matơu luoi ga jơ yư tica va ga padar
 Tùq matơu khiăng ga tica va padar
 Matơu vlăng la yưròc cra luoi ga chuh sàc
 Anảq matơu va jat poh toh majai
 inả tamaha awoi amả gah sudiq
 Gadha chhũnq madueh traq dluh di
 majai poh toh jat awoi amả deh pajơc wờq
 Dlảiq chhũnq mũ patil pata va suvat,sa
pac salau suvat
 Luoi ga apoc pitiàt vanah gah sudiq patla paha
wờq sa bẻn
 Viq dlai ga srung chhũnq payaq dlảiq ga vưq
muvah càc uràc
 po charanả ga lảng tanảh palơi gah uràc.

Bắt rẻ như chặt cây trong rừng về làm cột nhà
Bắt rẻ là để được nhờ
Rẻ phản bội như nuôi khỉ đốt nhà
Con rẻ mà đánh cha mẹ vợ
Tội nặng hơn đánh cha mẹ đẻ
Phạt chén đồng, mâm đồng
Để họ hàng bên vợ tha thứ
Phải trả công xử cho làng.

18. Người điên gây ra thiệt hại

(Manuĩh vĩa pàp mãq hanruoi ngãq ga vamãi voh padueh paròc)

+ Uràc soi ròc asou masàq
vù oh carưq pioh jàc pioh khiãq iaq
Luoi ga nhũ đũaiq nãu dhai keq djuh manuĩh uràc
Po ròc nhũ vĩa cùq acoq drũ ga chhũnq vayar
dlàiq di uràc
Amã awoi adoi ai caya di manuĩh wìq cunĩ onĩ
Vĩa mãq ngãq carưq pajàc khiãq ga nhũ wòq làiq
Vĩa iaq dèq ròc chiap iaq pavaq ga nhũ
Oh uràc soi manuĩh lèq khiưq pasah dlah dalùq
di nhũ oh
Nhũ buh madueh di Putau Ia huruoi
di Vhũm tanãh
pangãq pavaq ga nhũ nhũ lacou oh
Madrũh ga nhũ vida di manuĩh djah ngãq jrãh
ngãq chrãi
ga nhũ nhũ khiãng yư hĩa
Oh jóc si khiưq pasah dlah dalùq di nhũ,
payah patlau ga nhũ
Oh uràc soi manuĩh giq nãu hla va yòp
ga didoi manuĩh uràc vada wìq
Luoi vù driaui aluc ga ma-ĩn si-ol ma-ĩn ma-ảiq
Oh manuĩh giq uràc soi jóc toh poh vavoc di
cata acoq nhũ

Cayua ga vroi làiq coh lèq acoq nhũ mũ gila pitòq
 Khiuq ga ruh jũ buh ruh pãp anãq
 Khiuq ba luca jũ bàq luca wòq paq anãq
 Manuĩh vùq nãu paq aga chõm paloi churq
paloi gah aga dih

Madah tala tangãn nhũ toh ngãq di urac soi
 manuĩh giq vida tamã
 Madah nhũ tla tangãn toh ngãq di urac soi
manuĩh giq vida matai

Jũ jiãp amã awoi adoi ai nhũ buh chhũnq
hàiq dlàiq

madueh vroi đĩn ala ga nhũ
 Amã awoi adoi ai vùq cùq acoq drũ payaq
ga vayar màc urac

bõc màc pachhac ga darah
 Buh asaq urac mãq paq tiluiq
 Oh urac soi manuĩh giq buh mĩh đah
 camlah pajoi padol joc oh gadha hĩa
 Oh urac manuĩh giq buh mĩh đah weh tah joc oh
voh gadha hĩa

Manuĩh giq urac soi oh pua oh pahmũq gãm
si gadha hĩa

Lãng tanãh paloi gahurac charanã chhũnq
dlàiq hàiq

madueh traq uãn wòq.

- Ai nuôi chó dại mà không nhốt giữ
Để nó chạy rong cần phải người
Chủ nuôi nó phải chịu lỗi.
Cha mẹ anh em của người điên
Phải nhốt giữ nó lại
Phải trông coi chăm sóc nó
Không ai được khinh chê nó
Nó có lỗi thần trời thần đất phạt
Hoặc nó bị kẻ xấu làm hại
Không được chê bai, chọc ghẹo
Không ai đi theo sau người điên
Để mà la giỡn làm vui
Không ai được đánh trên đầu nó
Vì cho là đầu nó ngu dại
Chê cùi thấy cùi tận mặt
Chê ghẻ lây ghẻ tận mắt
Người điên đi ra ngoài xóm làng
Nếu nó lỡ đánh ai bị thương
Nếu nó lỡ đánh ai bị chết
Thì cha mẹ, anh em nó có lỗi
Cha mẹ, anh em nó phải chịu bồi thường
Thấy khói người ta bắt tận củi
Không ai có thể chối cãi
Không ai có thể trốn tránh
Kẻ nào không nghe theo
Làng có cách xử phạt

19. Đây tớ làm việc cho chủ rủi bị chết

(Hulut manãq craq cade urac ngãq vhorn ga po chruoi vida matai)

+ Manuĩh cusot cadãq saleq si cãn gãm si
duh rabãh uãn

Nãu dòq ngãq hulut manãq craq cade ga urac
ga manuĩh

Ngãq po vìq thour anĩt jumãn languãq cuaq

Oh joc asal mal si poh sawaq toh vavoc

Oh joc majai pasah khiuq je, paduh padãn uãn

Oh joc mãq ngãq vhorn uãn di prãn jaghaq

Madah mãq catuq nhũ ngãq vhorn traq rabãh

Mãq nhũ ngãq nũi vhorn ahiuq ahiài ajiq

tubĩt soh nãu

Dòq chruoi vida tamã, vida chruoi matai

Po sàc còh manuĩh buh dlaiq payaq chhũnq madueh

ga chhuah ga chhuau

Madah po oh pachhai pangãq pabai pachrai

padar nhũ vu gajiq

Manuĩh dòq hulut manãq hĩa tở gajiq nhũ

vida tamã

Po khũng vìq pamuc iaq ga vijou, pamuc duah

iaq rưq pajrãu ga jrãu tuwãu

Madah ga chruoi matai di vri nhũ matai

Po vìq pamuc vhorn dờ pasiq tởl vidhi

madah nhũ joc sàc amã awoi oh

Oh utac soi manuĩ giq tah weh
đượ lieuq vluq vlãng joc gadha hĩa

Đầy tớ làm việc cho chủ rủi bị chết
Kẻ nghèo cùng khó khổ
Đi ở đợ cho người
Chủ phải biết thương yêu
Không được phép đánh đập
Không được chửi bới, hành hạ
Không bắt làm việc quá sức
Nếu bắt nó làm việc nặng nhọc
Bắt làm những việc nguy hiểm
Rủi ro bị thương, bị chết
Chủ nhà là kẻ có lỗi
Nếu chủ không cố tình
Kẻ ở đợ vô ý bị thương
Chủ cũng phải lo thầy lo thuốc
Nếu rủi ro nó chết
Chủ phải lo việc tang
Không ai được trốn tránh.

20. Anh em trong nhà đánh nhau

(Ađoi ai la dalap sác toh vavoc poh majai gưq) + Ađoi
ai saleq sa tuc awoi

Ađoi ai saleq sa roc amã

Vìq anĩt jumãn pòq đuc

Vìq dèq pavaq iaq pamuc ga chiap ròc gưq siap
Di ruaq padiq saleq du gưq duah pateq rưq jrâu
pajrâu siàp
Di lapa saleq su gưq duah djap tlar viaq sula
hlàq casôm

Oh jóc poh majai gưq

Madah masânq haruh bruh ngör

Jữ lavuq khuôn nhũ buh dlàiq madueh

chhũnq hàiq dlàiq srũnq

Madah tamãh nãu matou ga pah janãh jah apu

dòq sàc cumoi bęc si anàq dòq si sudiq

Còh tamãh wòq paq sac tamõ tucot vloh

Vìq vida cayua ga khiuq asah muvah uràc pa-êq

Lingĩa jalàt vrùq, mata galòc tamã

Vù chau rumãu poh jat ngãq atòc va

voh choh majai paq adoi ai

Manuĩh hĩa buh chhũnq dlàiq traq

Vìq pùq patil mũq tuah richo vro manõi

valah vanriac

Vù chhũnq payaq chhũnq si manuĩh adoi ai siàp jat

Vhõn hĩa djãh malou uãn malou di caq mãq

di àr cajĩa droi

Uràc soi manuĩh lèq vù vida yư nũn

Dadi jưh ma-ãnq si khiuq ma-ãnq ruiq droi

lươi ga uràc pasah

Khuq nhũ tamãhcùq acoq drũ lươi ga uràc pasah

Khư nhũ tamãh cùq acoq drư ga pùq patil
mũa srah tuaq
Payơr vơi manuĩh nhũ tamãh toh vavơc sap
voh poh majai
Coh tuc vuc hatai tiàt nhũ tamãh thơu pac
ga malou djãh uãn vloh
Nhũ pajap pajiáp ga oh ngãq yư mũn wờq
Apoc pitiàt vìq anĩt di nhũ
Adoi ai vìq anĩt di nhũ
Dlơp lươì vlàq ga hĩa
Oh pasidơ bớp chrớp wờq paq voh hĩa
Voh hĩa djãh malou nhũ tamãh ngãq

*Anh em cùng một bụng mẹ
Anh em cùng một lưng cha
Phải thương yêu đùm bọc
Phải lo lắng cho nhau
Khi đau cùng tìm thuốc
Khi đói cùng tìm rau
Không được chưởi đánh nhau
Nếu hung hăng đánh nhau
Thì chúng nó có lỗi
Nếu đã đi ở rể
Là đã về nhà khác
Mà vì bị khích bác
Tai đàng đông, mắt đàng tây*

Mà giận đánh anh em
Kẻ đó có lỗi nặng
Phải bưng chén nước ở môi
Mà tạ lỗi người anh em
Việc đó xấu hổ lắm
Ai mà bị như thế
Thật đáng chê đáng trách
Nhưng nó đã chịu bưng
Đưa cho người nó đánh đập
Là bụng nó đã biết xấu
Nó hứa không làm vậy nữa
Họ hàng phải thương nó
Anh em phải thương nó
Bỏ qua không nhắc lại
Việc xấu nó đã làm.

21. Tội cường bức người khác

(Gadha ga gruaq chapaq m̄aq catuq dadruq b̄oc rai ur̄ac tam̄o)

+ Manūih giq ur̄ac s̄oi tuc vuc hatai tīat
buh lageh oh dj̄ah ūan
Lua bluaq manūih ur̄ac dadi dadoc sīap lageh
Pachh̄uc pahamriou padjah pagui gadha va pajac
ga ur̄ac manūih ur̄ac sīap
Achōng malōng ga nḡaq harūth nḡaq jr̄ac jr̄ah
va chh̄unq nḡaq pa dl̄aiq ur̄ac

Buh manuĩh ràc jòc hmũ caya ngãn
 Khiãng ga duah galòc pateq bòc catuq
 Ngãq bluaq paluaq catuq canap sùp
 Duah pa gila catuq oh uràc sòi thòu
 Va caya tichhưq narac dlòp mãi
 Dlop vamãi paq caya pùq bòc vloh
 Tuh ga dha va pahưq ga po sàc ràc
 Panòq voh ga khiãng madueh cayua uràc
 pacheh pa-op droi
 Lươì ga pa icaq sariap uràc viq dlàiq vìq,
 madueh ga nhũ lươì nhũ bòc
 Mãq gát manuĩh ràc manũq tapai tamò vroi ga nhũ
 bòc sòi bòc jua
 Gát manuĩh ràc chagàp un
 Padjáh padlàiq ga manuĩh ràc
 Vhòn hĩa lãng tanãh paloi gah peq charanã
 Vìq tanha vroi ga tuviaq voh titai
 Vìq mãq hmũ caya manũq giq mãq
 ngãq iaq ngãq pajiáp
 Vìq duah iaq duah tinhã ga thòu vroi jap
 vroi pajiáp buh ganhĩt di mata lingĩa
 Jiáp di mata anhĩt di lingĩa vloh vahrou pùq voh gadi
 gadha tamò hmũ si gadha va peq voh charanã
 Madah djưq yư vát nhũ phàq vlah bòc catuq
 hìp parişp
 Tuh gadha ga manuĩh tupaq siàp lageh vát nhũ
 mĩh ãah vida

dlàiq chhūnq madueh traq
Dlàiq ga manuīh gadha tuh pahiuq bōc dlàiq
catuq ga manuīh lageh siàp
Chhūnq vayar dlàiq vruāq samū du gưq
lāng tanāh palōi pa peq charanā
Chōm palōi uràc tlau pasah khiuq je che mữq
ga vát nhũ
Apoc pitiàt uràc iaq paq vát nhũ yư khat
pasah alah jabu thu alah sarui
Vát nhũ hĩa ma-ảnq vida yư hĩa

*Kẻ nào bụng không tốt
Lợi dụng người thật thà
Phao vạ cho người ta
Cố làm tình làm tội
Thấy người ta có của
Muốn tìm cách ăn vạ
Lợi dụng lúc tối tăm
Lừa lúc không ai biết
Dem vật dơ vật bẩn
Bỏ vào trong thức ăn
Đổ cho người ta bỏ
Phao vạ người khinh mình
Để buộc phải chuộc vạ
Đòi người ta gà rượu
Đòi người ta tay heo*

*Gieo tiếng xấu cho người
Việc đó làng phải xử
Phải hỏi cho ra lẽ
Phải có tang vật chứng
Phải tìm hiểu thật rõ
Mới tổ chức xét xử
Nếu đúng hẳn cưỡng bức
Đồ tội cho người ngay
Hắn sẽ bị phạt nặng
Phạt việc đổ lỗi cho người
Phạt công làng xét xử
Làng xóm cười chê hẳn
Họ hàng coi thường hẳn
Hắn đáng bị như vậy.*

22. Ghen tuông mà làm hại vợ

*(Pachhùq paduah pachruah pahamriou vù ngãq paròc
pachrai ga sudiq)*

+ Manũih urac get muvai mũ vungãq mũ angĩn
Mata buh manũq tavlũq silũq jòc calac jòc javuòq
Mata buh inã miãu djrac nhũ ãah lèq
rumông sapua
Lih sinĩng-padjãh ga sudiq
Madah toh vavòc poh majai dai atòc sudiq
vida tamã
Jừ vìq ga tũnq pròq ròq vijou, duah rũq pajrãu
gajrãu tuwãu

Viq chhūnq dlàiq ga chhūnq payaq vñhñq
ahùq ga Mủq Cơi
Madah uãn ga get muvai pachhùq pahamriou
hatai rưq bòq lahioc rai pai
Duah paloiq chrai ahiuq tubit tibioh paluiq suat
màc sudiq droi
Cuaiq saluc boiq tuho jrũng churoc luoi
sudiq djưq matai vida tamã
Vida tamã hẽ vada matai
Vat nhũ hĩa vida chhũnq dlàiq uãn traq
Vat nhũ viq cùq acoq ga dlàiq vayar si dua màc darah
Pataq màc pachhac darah viq vayar màc urac.

*Kẻ ghen bóng ghen gió .
Thấy gà hoá diều ó
Thấy mèo tưởng cọp beo
Nghĩ xấu cho vợ mình
Nếu đánh vợ bị thương
Thì phải tìm thầy, tìm thuốc
Phải tạ lỗi cha mẹ
Phải tạ lỗi ông bà
Nếu quá ghen cuồng bậy*

*Tìm cách hại vợ mình
Cài bẫy để vợ vướng
Bị thương hay bị chết
Hắn bị tội rất nặng
Hắn phải chịu thường mạng*

CHƯƠNG BỐN

LUẬT TỤC RAGLAI NGÀY NAY VÀ QUY ƯỚC VĂN HOÁ

1. Hiện trạng sinh hoạt luật pháp và luật tục ở Ba Cùm Bắc

Năm 1975, sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ và thống nhất đất nước hoàn toàn thắng lợi. Vùng Ba Cùm Bắc, khi đó thuộc huyện Cam Ranh, ngoài người Raglai, còn dần được bổ sung một số cán bộ nhà nước, những người buôn bán nhỏ, công nhân lâm nghiệp và công nhân làm đường. Từ năm 1985, khi Ba Cùm Bắc tách khỏi huyện Cam Ranh, trở thành một xã của huyện Khánh Sơn, thị trấn Tô Hạp được thành lập và trở thành trung tâm huyện lỵ, thì số người mới đến Ba Cùm Bắc tăng lên nhanh chóng. Theo số liệu chính thức của UBND huyện Khánh Sơn công bố, hiện nay người Việt ở Ba Cùm Bắc gồm 94 hộ với 352 người trên tổng dân số của xã là 3.332 người, chỉ chiếm tỉ lệ 10,5%. Đó là một tỉ lệ không cao so với các vùng miền núi khác.

Sự có mặt của người Việt, trên thực tế, đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển trên nhiều bình diện kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Đó là mặt tích cực không

ai có thể phủ nhận. Đồng bào Raglai ghi nhớ sự hy sinh to lớn của những cán bộ, chiến sĩ cách mạng người Việt đã sát cánh cùng đồng bào Raglai trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong cuộc xây dựng một đời sống mới trên quê hương của họ. Nhiều người thuộc các tộc người khác nhau, cư trú ở nhiều địa phương khác nhau, với nhiều phong tục tập quán khác nhau, đã đến Ba Cùm Bắc sinh sống.

Trong số những người mới đến Ba Cùm Bắc làm ăn, cũng có một số gia đình sống xen kẽ với đồng bào tại chỗ. Việc xét xử những vụ việc vi phạm luật tục, những vụ tranh chấp giữa người Raglai và những người mới đến thuộc các tộc người khác không thể áp dụng luật tục mà phải áp dụng luật pháp Nhà nước. Tuy vậy, trong phạm vi các *Paloi* của người Raglai, *Luật tục truyền thống* của đồng bào vẫn tiếp tục tồn tại và phát huy hiệu lực trong đời sống nhân dân. Những hình thức xét xử, những *hình thức phạt* truyền thống đã được các *tổ hoà giải* vận dụng một cách có hiệu quả để điều hoà các mối quan hệ xã hội vừa phù hợp với phong tục tập quán riêng của dân tộc, vừa tuân thủ các quy định của luật pháp nhà nước.

Trong quá trình xét xử, các *tổ hoà giải* thường vẫn cố gắng vận dụng kết hợp luật pháp Nhà nước và hình thức xét xử theo luật tục truyền thống. Hình thức xét xử kết hợp này chỉ xuất hiện khi xảy ra vụ việc giữa những người Raglai với nhau. Trong các cuộc xét xử thường có mặt trưởng ban tư pháp xã (thay mặt các *Po Charanā*, người đứng đầu các vụ xét xử theo luật tục truyền thống), *tổ*

trưởng và thư ký các tổ hoà giải, bên *nguyên*, bên *bị*, già làng đại diện cho dòng họ hai bên (*ravūaq tuha*). Trình tự những cuộc xét xử theo hình thức này như sau: Mở đầu cuộc xét xử, trưởng ban tư pháp xã đọc phần văn bản luật pháp nhà nước liên quan đến vụ việc được đưa ra xét xử. Tiếp đó, bên *nguyên* trình bày vụ việc. Sau đó, bên *bị* trình bày lại sự việc theo quan điểm riêng của mình. Sau khi hai bên đã trình bày xong, mỗi bên trở về khu vực của những người trong gia đình, dòng họ mình để hội ý. Tiếp đó, họ trở lại nơi xét xử để đối đáp, tranh luận. Trong những vụ án gay go, phức tạp, những cuộc đối đáp, tranh luận có thể kéo dài trong nhiều ngày. Sau khi hai bên đã trình bày đầy đủ mọi lý lẽ của mình, tổ trưởng tổ hoà giải đưa ra những ý kiến phân tích đúng sai, hoà giải hai bên. Cuối cùng, trưởng ban tư pháp xã căn cứ vào luật pháp nhà nước, có vận dụng phong tục tập quán truyền thống của đồng bào, kết luận và đưa ra hình thức và mức độ xử phạt bên sai theo quyền hạn của mình (các vụ trọng án thuộc quyền xét xử của toà án nhà nước). Bên *thua kiện* có thể sẽ thương lượng với bên kia và với những người xét xử về mức độ của hình phạt mà họ phải chịu. Khi cả hai bên đều chấp nhận mức *án*, vụ xét xử được coi như kết thúc. Theo tập quán truyền thống, bên *thua kiện* thường cột một chum rượu (*jro tapai*) để cúng tạ lỗi thần linh và làm một bữa cơm mời những người xét xử và bên *được* cùng ăn. Trong khi ăn, hai bên hứa sẽ đoàn kết với nhau, không nhắc lại vụ việc đã xảy ra. Bên *thua kiện* cam đoan sẽ không để vụ việc tái diễn.

Đây là hình thức xét xử vừa kết hợp những yếu tố của

cách xét xử truyền thống vừa mang những yếu tố đương đại. Song, hình thức này chỉ phù hợp với những vụ việc xảy ra giữa hai bên đều là người Raglai. Với những vụ tranh chấp xảy ra giữa người Raglai và những người thuộc các tộc người khác, thường phải xử theo luật pháp nhà nước.

1.1. *Hiện trạng sinh hoạt luật tục trong việc xét xử những vụ vi phạm, tranh chấp đất đai, nhà cửa, vườn rẫy.*

Quan niệm truyền thống của người Raglai coi đất đai là tài sản cố định của một dòng họ, không được mua đi bán lại. Bởi thế, có thể nói rằng, trước đây, ở Ba Cùm Bắc, hầu như không có hiện tượng vi phạm quyền sở hữu đất đai, vườn rẫy. Những vụ việc vi phạm quyền sở hữu đất đai, vườn rẫy ngày càng tăng lên kể từ năm 1985, khi số người mới đến vùng này làm ăn, sinh sống ngày một đông, nhất là sau khi thị trấn Tô Hạp được thành lập và dần trở nên sầm uất. Một số kẻ xấu trong số đó đã lợi dụng sự khó khăn, túng thiếu, sự ít hiểu biết về việc buôn bán của người Raglai, để xâm phạm đất đai của đồng bào, phá rừng lấy gỗ quý, huỷ hoại rừng đầu nguồn, không tôn trọng những qui định của luật tục Raglai về quyền sở hữu đất đai, vườn rẫy, mua rẻ đất ở và đất sản xuất của đồng bào. Theo lời ông Pināng Ralit Ladhời (thường gọi là ông Pināng Quới), 76 tuổi, hiện ở Paloi Dhuc Labàq (làng Dốc Trâu), từ nhỏ, ông đã không thấy bất cứ một vụ xét xử về việc vi phạm rừng núi, đất đai nào của người Raglai. Ông Chamaliaq Mu Koi, hiện khoảng 85- 90 tuổi, ở Paloi Dhuc Labàq, trước đây là *Po chúq*, nghĩa là Chủ Núi của các

làng Ba Cùm Bắc, cũng cung cấp một thông tin tương tự như vậy. Từ sau năm 1985, số người từ các nơi đến Ba Cùm Bắc làm ăn sinh sống ngày một đông. Khánh Sơn dần trở nên đông đúc, sầm uất hơn. Một số người lén lút vào rừng khai thác gỗ trái phép. Đất đai có giá, khiến người ta thường mua đi bán lại để tìm chỗ ở hoặc kiếm lời. Thấy đất có giá, người Raglai cũng bán đất, bán vườn hoặc xâm phạm vào đất đai, vườn rẫy của nhau, vi phạm những kiêng kỵ (*ukhit*) của phong tục tập quán, điều trước đây rất hiếm khi xảy ra.

Theo Pupur Mu Ai ở Paloi Dhuc Labaq, phụ trách tư pháp xã Ba Cùm Bắc, hiện ở xã còn lưu lại 16 vụ vi phạm đất đai của nhau, nhưng chưa xử được, trong đó, có những vụ xảy ra giữa người Raglai với người Raglai, giữa người thiểu số tại chỗ với những người mới đến cư trú và giữa những người từ nơi khác mới đến đây sinh sống. Những vụ vi phạm tiêu biểu trong thời kỳ gần đây như sau:

Vụ thứ nhất: Vụ này xảy ra năm 1999. Đây là vụ tranh chấp đất đai giữa một bên là V., 35 tuổi, đã có vợ, ba con nhỏ. Gia đình thuộc diện chính sách (có bố hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ) và bên kia là K., 40 tuổi, có bốn con. K. kiện V. lấn chiếm 1000m² đất vườn của ông K. và trồng xoài lên đó. Buổi xét xử tổ chức nửa theo hình thức xét xử truyền thống nửa theo hình thức xét xử mới. Những người đứng ra xét xử vụ việc gồm, trưởng ban tư pháp xã, trưởng ban địa chính xã Ba Cùm Bắc và tổ trưởng tổ hoà giải tổ 4. Bà con hai bên cũng đến dự. Trưởng ban tư pháp xã đọc những điều trong bộ *luật đất đai* của Nhà nước. Họ

hàng hai bên hỏi. Sau đó, đại diện của hai bên (*Ravūaq tuha*) thương lượng với nhau. Cuối cùng, họ đi đến thống nhất như sau: Ông V. là người sai vì đã xâm phạm vào quyền sở hữu đất đai của ông K. Bởi vậy, ông V. phải trả lại đất cho ông K., không được trồng xoài trên đất đó. Ông V. phải nộp 150.000 đồng tiền phạt hành chính cho Ban tư pháp xã. Ông V. đã thương lượng với ông K. để xin ông K. miếng đất đó. Ông K. bằng lòng. Ông V. đề nghị được giảm số tiền phạt hành chính. Ban tư pháp xã đồng ý, giảm xuống 50.000 đồng.

Theo phong tục cổ truyền, ông V. cột một ché rượu (*jro tapai*) và làm cơm, mời ông K. và những người xét xử ở lại ăn uống. Khi bắt đầu uống rượu, ông V. và ông K. cùng cam đoan sau khi xét xử, sẽ không nhắc lại chuyện này. Ông V. cam đoan sẽ tôn trọng quyền sở hữu đất của ông K. và ông K. cũng cam đoan giữ lời hứa cho ông V. 1.000 m² đất. Ai vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và luật tục. Mọi người ăn uống vui vẻ. Buổi xử kiện giữa hai gia đình kết thúc trong không khí đoàn kết, tình cảm.

Vụ thứ hai:

Vụ này xảy ra khoảng những năm 1998-1999. Đây là vụ tranh chấp giữa G. và M. G. lấy đất của M. bán cho người Kinh trồng cà phê. Việc tranh chấp giữa ông G. và ông M. cũng phải đưa ra xét xử theo luật pháp Nhà nước. Khi hai bên đưa giấy tờ về quyền sở hữu đất thì trên giấy tờ mua bán đất của M. và G. đều có chữ ký và dấu của B., chủ tịch UBND xã. Do đó, vụ việc không được giải quyết. Nếu vụ việc này xét xử theo luật tục thì không gặp khó

khăn gì, bởi đất đai của M. đã được tổ tiên (*Mục Cơi*) của dòng họ này quản lý và giữ gìn. G. phải lấy đất trả lại cho M., dẫu người ta đã trồng cà phê trên đó. Đến nay, vụ tranh chấp này vẫn được coi như một vụ tồn đọng trong hồ sơ của *Ban Tư pháp* xã.

Vụ thứ ba:

K. là người di dân tự do, có một vợ hai con, hiện đang tạm trú tại Paloi Dhuc Labaq. Ông này đã chiếm hữu hai sào vườn của K. năm 1998. Đến nay, vụ việc vẫn chưa giải quyết được...

Các vụ chưa giải quyết được hoặc không còn khả năng giải quyết nữa, cũng tồn đọng khá nhiều. Đặc biệt là các vụ một số người lợi dụng việc đồng bào dân tộc không hiểu về giá cả đất đai, nên đã mua rẻ đất đai của họ (các vụ mua bán đất chỉ rộ lên khoảng bốn năm nay, từ năm 1995).

- Vụ một người tên là P. S., đổi ba lô đất của Ki., lấy một xe đạp phượng hoàng và một bao gạo. P. S. bán lại cho S. Vừa qua, giá đất lên cao. S. chỉ bán một lô đất cho U., đã thu được 3,5 cây vàng.

- C. đổi 1000m² đất vườn nhà chỉ lấy một T.V màu đã sử dụng.

- L. bán 1500m² đất vườn của gia đình cho một người tên là H. với giá 700.000 đồng. Chưa đầy 3 năm sau, H. chỉ bán 80m² cho C. đã thu được 1,2 cây vàng.

Việc mua đất của đồng bào với giá rẻ ở ngay thị trấn Tô Hạp đang diễn ra rất gay gắt. Bà A. mua năm sào đất của K., để làm quán, chỉ với giá hai xị rượu. Vừa qua, bà

A. đã bán một phần tư số đất đó cho một người khác, đã thu được mười một cây vàng. R., cũng bán đất cho một người tên là S., để lùi vào sâu hơn, ở bên kia suối. M., một người lặn lội với phong trào cách mạng, cha để mất trong nhà tù của Pháp, có diện tích rẫy trải rộng trên gần như toàn bộ thị trấn Tô Hạp, nay đã mất dần đất đai, chỉ giữ lại một căn nhà nhỏ. Ông đã mất năm 1998 trong cảnh nghèo khổ.

Ở tập đoàn 8 vùng Ba Cùm Bắc, rất nhiều nhà dân đã bán hết vườn rẫy với giá rẻ, chỉ giữ lại cho mình một ngôi nhà để ở.

Đó là những hiện tượng hiện khá phổ biến ở Ba Cùm Bắc, có ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình xã hội hiện nay cũng như lâu dài trên địa bàn này, ảnh hưởng tiêu cực tới việc củng cố tình đoàn kết giữa người Raglai anh em với các tộc người khác, tới sự phát triển bền vững và lâu dài của khu vực này. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng này là những người mua bán đất đai để sử dụng hoặc mua đi bán lại kiếm lời đó không hiểu biết luật tục, phong tục tập quán của đồng bào bản địa, đã lợi dụng sự không hiểu biết của đồng bào về giá trị của đất đai, về giá cả, mua rẻ bán đắt đất đai của đồng bào để kiếm lời. Khi xảy ra tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, nhà cửa, vườn rẫy trong nhân dân, đặc biệt là những vụ tranh chấp, khiếu kiện giữa đồng bào tại chỗ và những người mới đến, việc xét xử trở nên hết sức phức tạp. Đúng ra ngoài việc căn cứ vào những điều khoản quy định của luật pháp nhà nước về việc mua bán đất đai, những người xét xử còn cần

phải chú ý tới trình độ dân trí, tới đặc điểm của luật tục truyền thống và phong tục tập quán đặc thù của đồng bào tại chỗ, để *khuyến can* đồng bào đừng nên bán đất một cách quá rẻ so với mặt bằng giá đất tại địa phương trong thời điểm đó, góp phần bênh vực quyền lợi chính đáng của đồng bào, không để đồng bào bị bọn bất lương bịp bợm, lừa đảo. Nhận thức được điều bất cập này, đã có nhiều ý kiến thử đưa ra những giải pháp như cho đồng bào vay tiền chuộc lại số đất đai, vườn rẫy đã bị bán với giá không hợp lý. Song, ý kiến này khó có thể được thực hiện được đối với những vụ đã xảy ra, bởi người đã mua được đất khó có thể trả lại số đất đã mua được với giá rẻ hoặc họ sẽ đòi chủ đất, chủ vườn một số tiền chuộc lớn đến mức đồng bào không thể có được.

1. 2. *Hiện trạng sinh hoạt luật tục trong việc xét xử những vụ vi phạm, phá hoại môi trường sinh thái.*

Theo quan niệm truyền thống của người Raglai, môi trường tự nhiên, một cách cụ thể hơn, rừng núi, sông suối, thuộc quyền sở hữu của cộng đồng *palơi* mà người Raglai cho là được sự bảo hộ của vị thần Núi (*yàc Chưq*) cai quản ngọn núi cao nhất trong vùng (ở Ba Cùm Bắc, đó là các thần Núi Tre- *yàc Dade*, thần Núi Suối Ngọt-*yàc Chưq Ia Mân*, và đặc biệt là bà Mu Bion, thần Núi Xoài-*yàc Chư Pu Oh*, *mở Mu Bion*). Ở Ba Cùm Bắc, việc vi phạm những quy định của luật tục về việc chặt cây, đốt rừng đầu nguồn làm rẫy, săn bắt các loài thú quý hiếm, thuốc suối để bắt cá một cách bừa bãi, đều bị coi là xúc phạm đến thần Núi, nếu không làm lễ cúng tạ, sẽ bị thần Núi trừng phạt. Nhẹ,

cũng bị các vị thần làm cho ốm đau. Nặng, các thần có thể gây nên hạn hán, lũ lụt, động đất, chết người. Bởi thế, ngay cả hiện nay, trong điều kiện bình thường, người Raglai thường không dám vi phạm các điều cấm kỵ đó. Sự vi phạm các luật tục về việc bảo vệ các khu rừng đầu nguồn, rừng đỉnh núi, thường do những người mới đến Ba Cùm Bắc khởi xướng hoặc chủ trì. Họ thường tổ chức chặt gỗ bất kỳ ở đâu, đặc biệt là các loài gỗ quý. Hiện ở Ba Cùm Bắc có tới vài chục nhóm khai thác gỗ trái phép, đều do một vài người trong số những người di dân tự do, điều khiển. Một số người Raglai tham gia làm thuê cho họ. Những người Raglai này, do thiếu thốn về kinh tế, ít hiểu biết về văn hoá, vô tình đã vừa vi phạm luật nhà nước về việc bảo vệ tài nguyên quốc gia, vừa vi phạm những quy định của luật tục truyền thống của chính mình. Những vụ vi phạm môi trường, rừng núi, sông suối... không được xét xử theo luật tục truyền thống, đã không phát huy được truyền thống bảo vệ thiên nhiên của cộng đồng làng (*paloi*), vốn đã được đồng bào Raglai hình thành từ ngàn xưa và trở thành luật tục từ lâu đời. Chính những luật tục đó, từ ngàn xưa, đã góp phần bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn cư trú của họ. Việc chỉ sử dụng luật pháp nhà nước để xét xử những vụ vi phạm môi trường sinh thái trên địa bàn cư trú của người Raglai, đã hạn chế khá lớn ý thức bảo vệ môi trường sinh thái của đồng bào, ý thức đã được những người dân bản địa hình thành nên trong quá trình phát triển tộc người.

Một số người xấu trong bộ phận di dân tự do, trong đó có cả những kẻ tội phạm đang trốn tránh pháp luật trà

trộn, đã ngang nhiên phá rừng, lấy gỗ, bán đất kinh doanh thu lời bất chính, săn bắn và bắt các loài thú quý hiếm, dùng điện đánh cá trên các dòng suối... Những người này đang trực tiếp phá hoại môi trường sinh thái, không gian sinh tồn đặc biệt quan trọng của người Raglai, cũng như của các tộc người mà cuộc sống vẫn có những mối quan hệ trực tiếp và gần gũi với thiên nhiên. Song, với những đối tượng này, luật tục hầu như hoàn toàn không có hiệu lực. Những người dân bản địa đành bất lực nhìn cảnh môi trường sinh thái bị tàn phá, những vị thần thiêng trong đời sống tâm linh của họ bị xúc phạm.

Việc phá rừng lấy gỗ, chiếm đất, đã đem lại sự giàu có cho những kẻ vi phạm. Những thanh, thiếu niên người Raglai, vốn chưa am hiểu về luật tục truyền thống của cha ông, lại bị những lợi ích vật chất trước mắt lôi kéo, đã trở thành những người làm thuê, tham gia vào việc phá hoại thiên nhiên, phá hoại môi trường sinh thái mà trước đây, cha ông họ không bao giờ dám vi phạm vì bị ràng buộc bởi luật tục và e sợ thần linh trừng phạt. Những vụ việc vi phạm môi trường sinh thái, nếu chưa đến mức phải truy tố trước pháp luật thì hầu như không bị dư luận nhân dân phản đối, lên án. Phải chăng đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến các vụ phá rừng, săn bắn chim chóc, thú rừng, dùng điện, thuốc đánh bắt cá tại các sông, suối, đầm hồ... ngày một gia tăng khiến môi trường sinh thái ở Ba Cùm Bắc cũng như ở các vùng rừng núi khác đang ở trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng.

Đây là một vấn đề bức xúc hiện đang đặt ra trong đời

sống pháp luật và luật tục ở Ba Cùm Bắc. Phải chăng với việc khoán rừng đến từng hộ gia đình, chúng ta phải trở lại áp dụng những quy định của luật tục Raglai về việc bảo vệ rừng núi, đất đai, sông suối..., phát huy ý thức bảo vệ môi trường sinh thái vốn hết sức quen thuộc và từ lâu đời đã trở thành phong tục tập quán của đồng bào.

1. 3. *Hiện trạng sinh hoạt luật tục trong việc xét xử những vụ việc trong phạm vi hôn nhân và gia đình.*

Có thể nói rằng, những vụ việc trong phạm vi hôn nhân và gia đình, đặc biệt là trong quan hệ nam nữ, vợ chồng... là những vụ việc khá phổ biến trong đời sống của đồng bào Raglai ở Ba Cùm Bắc trong thời kỳ gần đây. Đó cũng là phạm vi mà luật tục còn có hiệu lực nhiều hơn cả, và vẫn được đồng bào áp dụng để xét xử những vụ việc đã xảy ra. Chúng tôi xin đơn cử một số vụ việc tiêu biểu:

Vụ thứ nhất:

Vụ cãi lộn giữa vợ chồng (theo lời kể của ông Cator Diễn, tên Raglai là Cator Mu Đơn, nguyên phó chủ tịch huyện Khánh Sơn, nguyên phó ban tuyên giáo huyện uỷ huyện Cam Ranh, nguyên phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện Khánh Sơn, nay là chủ tịch MTTQ xã Ba Cùm Bắc, quê quán ở Paloi Tà Nía, núi Barà, nay thuộc xã Sơn Trung)

Vụ việc xảy ra vào năm 1993, tại *Paloi Cròc Patou* (làng Suối đá), giữa hai vợ chồng, chồng tên là A., vợ tên là R., do ông đứng ra xét xử. Hai vợ chồng này lấy nhau nhưng chồng không ở bên gia đình vợ như thông lệ phong tục tập quán Raglai đã quy định, mà R. lại về ở bên chồng,

bởi A. là con một. Song, do nhiều lý do, trong đó có lẽ cũng có lý do vì việc con gái về ở nhà chồng là hiện tượng ngược với phong tục tập quán, nên tạo ra những mặc cảm của cả cô dâu mới lẫn những người bên gia đình chồng. Từ sự mâu thuẫn giữa gia đình người chồng và người vợ dẫn đến việc hai vợ chồng thường xảy ra chuyện bất hoà. Chín năm sau, khi hai vợ chồng đã có ba con với nhau (một trai hai gái, và người con đầu của họ đã lên chín tuổi), sự mâu thuẫn giữa họ ngày càng tăng đến mức người chồng đòi bỏ vợ. Người vợ bỏ về ở nhà mẹ đẻ. Người chồng nhân vậy, đòi bỏ luôn vợ. Vụ việc phải đưa ra xét xử. Thành phần tham gia xét xử gồm chủ tịch UBND xã, đại diện Hội phụ nữ xã, đại diện Đoàn thanh niên xã, đại diện Hội nông dân xã, cha mẹ người chồng, mẹ và hai anh trai của người vợ, hai bên đương sự. Đại diện MTTQ xã, tuyên bố lý do. Tiếp đó, người vợ trình bày vụ việc. Người vợ trình bày xong, đến lượt người chồng. Sau đó, hai bên gia đình trình bày ý kiến, bênh vực cho người của bên mình. Cuộc tranh luận diễn ra khá gay gắt. Sau khi nghe hai bên đưa ra những ý kiến của mình, ông thay mặt MTTQ, chính quyền và các tổ chức trong khối dân vận của xã, kết luận, trong vụ việc này, cả hai bên đều có những thiếu sót của mình trong việc ứng xử với nhau và ứng xử với hai bên gia đình họ hàng. Song, việc người chồng đòi bỏ vợ là sai với tập tục truyền thống. Việc làm đó sẽ bị ông bà tổ tiên quở trách (*mũq cơi bluh* hoặc *voh lahùq*). Bởi vậy, người chồng không được bỏ vợ, hai người từ nay trở đi phải sống hoà hợp với nhau. Bên gia đình người chồng phải làm một lễ tạ tổ tiên của hai bên, lễ vật gồm một con heo ba tay (*un tlow chagàq*),

hai con gà (*manũg*), một ché rượu cần (*sa jro tapai*), và mười chai rượu trắng. Sau khi cúng, hai bên gia đình, những người đứng ra xét xử, cùng mọi người tham dự buổi xét xử cùng ngồi ăn uống với nhau vui vẻ. Hai vợ chồng hứa sẽ không để chuyện bất hoà tái diễn. Buổi xét xử kết thúc. Hai gia đình đều đồng tình với việc xét xử. Từ đó, hai vợ chồng về sống với nhau hoà thuận cho đến nay không có chuyện gì xảy ra nữa.

Vụ thứ hai:

Chồng đòi ly hôn vì không có con.

Vụ việc xảy ra vào năm 1992, tại giữa hai vợ chồng ông C. (50 tuổi) và bà G. (45 tuổi). Hai vợ chồng lấy nhau gần 30 năm, vẫn chưa có con. Ông C. muốn ly hôn với vợ. Buổi xét xử có ông C. chủ tịch xã chủ trì. Theo phong tục tập quán, người ta còn mời bà con, anh em bên ông C. và bên bà G. tham gia buổi xét xử. Ông chủ tịch xã, nói rõ lý do của buổi xét xử. Lúc đó bà G. mới biết việc chồng bà đòi ly hôn. Bà thuận cho ông C. được ly hôn với bà, nhưng đòi ông C. phải bồi thường lại cho bà một ché rượu (*sa jro tapai*), một heo bốn tay (*sa un paq chagàq*) để làm lễ ở goá (*boc chi valou*) (trước đây, ông C. có lúc đã định tự xử một mình, đền cho bà một con bò (*sa mô*), một nồi bẫy, hai *mật mã la* (Dua chhar) nhỏ, một heo năm tay, nhưng bà không chấp nhận).

Sau khi hai bên đã trao đổi, thoả thuận với nhau xong, ông kết luận, việc ly hôn do ông C. chủ động, nên ông C. phải chịu trách nhiệm đền bù cho bà G. mọi tài sản như bà yêu cầu (sau khi cân nhắc thấy số tài sản bà G. yêu cầu là

hợp lý và điều kiện kinh tế của ông C. có thể đáp ứng được). Ngoài ra, ông C. phải để lại mọi tài sản hai vợ chồng đã làm ra cho bà G.. Những gì bà G. và gia đình đã bỏ ra để cưới ông C. như một con heo ba tay (*sa un tlou chagàq*), rượu cần và ba lít rượu trắng, ông C. phải trả lại cho bà G.. Ông C. chấp nhận việc đền bù. Ông C. và bà G. ly hôn.

Vụ thứ ba:

Chồng không chịu nhận con của mình

Vụ việc xảy ra, vào năm 1971 (trước giải phóng); trong một gia đình có hai vợ chồng mới cưới. Hai vợ chồng mới lấy nhau một thời gian thì người chồng phát hiện người vợ đã có mang. Người chồng cho rằng cái thai không phải là của mình nên không chịu nhận. Người vợ kiện chồng và đòi xử theo luật tục. Hai bên gia đình cãi nhau, không ai chịu ai. Vì không có chứng cứ, những cuộc tranh luận kéo dài tới bốn ngày, bốn đêm vẫn không ngã ngũ. Cuối cùng, chủ xử kiện quyết định dùng cách thử chì (*tumràq*). Người ta đập chì thành những cục nhỏ rồi bỏ vào trong chảo rồi lấy đước đốt dưới đáy chảo. Hai vợ chồng thề (*cachah*) trước ông bà, tổ tiên, nếu chì chảy về phía ai, người đó sẽ là người có tội. Sau ba lần thử, chì nóng chảy đều chảy về phía người chồng. Người chồng bị kết tội là đã bịa đặt việc đứa con trong bụng vợ không phải là con của mình. Anh ta, ngoài số lễ vật cúng cho gia đình nhà vợ, cho đứa con, còn phải chuẩn bị một số lễ vật cho những người xét xử. Mỗi người xét xử được biếu một chiếc ché, một chiếc nôi. Trong vụ việc này, có bảy người xét xử, nên người chồng phải lo bảy chiếc ché, bảy chiếc nôi. Nếu người phạm tội

không có điều kiện nộp phạt, người đứng đầu dòng họ (tính theo họ mẹ), người Raglai gọi là *hang apoc pitiàt*, sẽ có trách nhiệm lo liệu đầy đủ.

Vụ thứ tư:

Ghen tuông vô cớ (Pasūq)

Vụ việc xảy ra vào năm 1996. Vụ việc như sau: S. có vợ là L. khá xinh đẹp. Một hôm, L. có việc, phải đi cùng H. S. ghen, cho là vợ mình có tình ý với H.. Thực ra, hai người chỉ có quan hệ bình thường với nhau. Vì quá ghen, S. đã gây chuyện, cãi lộn với H. Vụ việc phải đưa ra xét xử. Người xử kiện (*po charanā*) là ông C.. Sau khi nghe hai bên tranh cãi, C. kết luận rằng, L. và H. không có quan hệ bất chính với nhau, bởi thế họ không có lỗi. Người có lỗi trong việc này chính là S. S. đã phạm tội vu khống người khác (*malou mata*: làm xấu mặt). Anh phải chịu một lễ cúng tạ lỗi vợ mình và H. Lễ cúng gồm một con heo hai tay (*sa droi un dua chagàq*), một con gà (*sa droi manūq*), một ché rượu (*sa jro tapai*). S. cũng phải hứa trước những người tham dự xét xử sẽ không bao giờ tái phạm. Sau vụ xét xử, hai vợ chồng S. và L. lại sống thuận hoà như xưa. Quan hệ của họ với H. cũng trở nên bình thường, không có chuyện gì xảy ra nữa.

Vụ thứ năm: Loạn luân

Mặc dù vai trò của luật tục không còn mạnh mẽ như trước đây, song, theo quan niệm của người Raglai tại Ba Cùm Bắc, loạn luân vẫn bị coi là một trọng tội và vẫn bị xét xử một cách nghiêm khắc theo luật tục truyền thống. Có một số vụ loạn luân, tuy không phổ biến, đã xảy ra trên

địa bàn xã Ba Cùm Bắc. Đó là vụ loạn luân xảy ra vào năm 1983, giữa hai anh em ruột. Khi bị phát hiện, hai người đã bị đưa ra xét xử trước gia đình, dòng họ, bà con trong *paloi*. Trước mặt mọi người, hai người phạm lỗi phải làm lễ cúng tạ lỗi với trời đất, tổ tiên, ông bà, với lễ vật gồm một con trâu trắng, bảy con heo trắng, mười hai con gà trắng, năm chum rượu (*sa cuvau còq, tijuh un còq, pluh dua manũq còq, limã jro tapai*), trong đó có chum thứ nhất cúng trời đất, chum thứ hai cúng ông bà, tổ tiên, chum thứ ba cúng các vị thần linh, chum thứ tư cúng hồn vía người đứng đầu gia đình làm nhiệm vụ giữ gìn của cải cho gia đình, chum thứ năm cúng linh hồn người làm mối lái đã khuất. Sau khi làm lễ cúng, hai người phải thực hiện việc "ăn chung trong máng" như súc vật (*paluaq war un*). Hai người này là anh em ruột, có quan hệ trai gái với nhau, khi vào chuồng, họ vào bằng hai cửa khác nhau, khi ra chuồng, họ ra bằng hai cửa khác nhau. Cách bố trí như vậy, biểu thị rằng, cộng đồng không chấp nhận cho hai người chung sống với nhau, mặc dầu họ đã thực hiện đầy đủ mọi hình phạt theo luật tục.

Vụ thứ sáu: Loạn luân

Đó là vụ loạn luân giữa, anh trai, có quan hệ với em gái ruột của mình (cùng cha cùng mẹ). Vụ việc xảy ra vào năm 1999. Cô gái, sau khi có hành động bất chính, đã báo cáo lại với những người có trách nhiệm của *paloi*. Làng lập hội đồng xét xử (*charanã*). Mặc dù cô gái là người tố cáo vụ việc, qua lời khai của hai bên, người ta vẫn xác định đây là một vụ loạn luân, có sự thông đồng của cả người anh và cô

em. Bởi vậy, người anh phải làm lễ cúng một con trâu (*sa droi cuvau*) cho dân làng tổ chức lễ tạ lỗi trước thần linh, ông bà tổ tiên. Sau đó, họ phải làm lễ "ăn chung một máng", như một con vật.

Vụ thứ bảy: Loạn luân.

Vào năm 1982, đã xảy ra một vụ loạn luân giữa chú (chồng của dì) với cháu. Hai vợ chồng đã có năm con với nhau. Một lần, khi đi làm về, bà dì phát hiện ra, chồng mình đang làm việc đồi bại với cháu gái của bà. Bị lộ, ông chồng bỏ chạy, bị dân quân bắt. Vụ việc được đưa ra xử trước hội đồng xét xử (xét xử theo luật tục) có khoảng một trăm người dự. Các bên tham gia tranh luận trong ba ngày, ba đêm, nhưng bên người chồng vẫn không chịu nhận tội. Hội đồng xét xử quyết định dùng cách thả nước. Người ta nấu một nồi bẫy nước, để sôi trong mười lăm phút, sau đó thả vào nồi hai chiếc kim khâu. Hai bên, ông chồng và cô cháu, mỗi người ôm một con gà trống, rồi khấn (*thơq yac*) trước ông bà, tổ tiên. Khấn xong, hai người thả gà xuống. Lạ thay, hai con gà đang sống khoẻ mạnh, từ tay hai người thả xuống đất liền lăn ra chết. Sau đó, hai người phải thò tay vào nồi nước sôi để lấy hai chiếc kim ra. Nếu, họ vô tội, họ sẽ lấy được hai chiếc kim lên mà không bị bỏng (!). Tiếc rằng hai người đều bị bỏng, chứng tỏ họ đều phạm tội.

Hai người phạm tội phải nộp một con heo bốn tay hai (bốn gang tay hai ngón tay: *pàq chagàq, dua boh suã*), sáu cặp gà (hai con cúng trời, hai con cúng đất, hai con cúng ông bà, tổ tiên), làm lễ cúng tạ lỗi các vị thần linh.

Cúng xong, hai người cũng phải làm lễ chui vào chuồng heo, ăn trong máng heo. Người đàn ông bị gọi là *heo đực*, người đàn bà bị gọi là *heo cái*. Một người trong số những người xét xử cầm roi khua những người phạm tội, bắt họ phải bò trong chuồng và vục đầu xuống máng ăn. Khi đi ra khỏi chuồng heo, hai người phải đi bằng hai cửa khác nhau. Chiu xong những hình phạt đó, hai người phải thề với trời đất, tổ tiên rằng sẽ không bao giờ tái phạm. Điều đáng ngạc nhiên là, khi hai người vừa thề xong, trời liền trút xuống một trận mưa lớn, kéo dài trong khoảng ba tiếng đồng hồ.

1. 4. *Hiện trạng sinh hoạt luật tục trong việc xét xử những vụ vi phạm quyền sở hữu tài sản của người khác*

Tội trộm cắp (gadha tlě)

Đối với người Raglai, tội ăn cắp, ăn trộm là một trọng tội. Với những kẻ phạm tội ăn cắp, ăn trộm, luật tục Raglai dành cho những hình phạt hết sức nặng nề.

2. Một số hình thức vận dụng luật tục trong đời sống đồng bào Raglai ở Ba Cùm Bắc hiện nay.

2. 1. *Hình thức "tổ hoà giải"*

Có thể nói rằng, trong thời kỳ gần đây, cùng với những thay đổi của xã hội, *luật tục* không còn giữ vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào Raglai ở Ba Cùm Bắc như trước kia. Tuy vậy, trong quá trình nghiên cứu điền dã trên địa bàn cư trú của người Raglai ở Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà, chúng tôi nhận thấy, dẫu vậy, *luật tục* vẫn không mất đi mà chúng vẫn tồn tại trong tâm thức nhân dân, vẫn hiện diện trong những phong tục tập quán mà

người Raglai vẫn áp dụng trong đời sống hàng ngày. Không những thế, khi có sự quan tâm của các cấp Đảng, chính quyền, *luật tục*, ở hình thức này hay hình thức khác, ở những mức độ khác nhau, một số điều khoản của luật tục vẫn tham gia một cách tích cực vào đời sống xã hội, vào việc điều hoà các mối quan hệ xã hội trong các *paloi* dưới hình thức một số những quy định của các *tổ hoà giải*.

Như đã nói ở trên, một số hình thức xét xử, một số *hình thức phạt* truyền thống đã được các *tổ hoà giải* vận dụng một cách có hiệu quả để điều hoà các mối quan hệ xã hội vừa phù hợp với phong tục tập quán riêng của dân tộc, vừa tuân thủ các quy định của luật pháp nhà nước.

Theo điều tra điền dã của chúng tôi thực hiện năm 1999, hiện ở xã Ba Cùm Bắc có bảy *tổ hoà giải*. Cả bảy *tổ* đều do người Raglai làm *tổ trưởng* và thư ký. Bảy *tổ hoà giải* đó là:

Tổ 1 (Paloi Dhuc Labàq) do Pināng Tư làm *tổ trưởng*, Pināng Chánh làm thư ký.

Tổ 2 (Paloi Dhuc Labàq) do Pināng Quối làm *tổ trưởng*, Pupur Sinh làm thư ký.

Tổ 3 (Paloi Dhuc Labàq) do Pupur La Tư làm *tổ trưởng*, Chamaliaq Rông làm thư ký.

Tổ 4 (Paloi Chưq Labàq) do Cator Đơn làm *tổ trưởng*, Pināng Dương làm thư ký.

Tổ 5 (Paloi Chưq Labàq) do Chamaliaq Lượng làm *tổ trưởng* và Chamaliaq Sỏ làm thư ký.

Tổ 6 (Paloi Chưq Labàq) do Cator Nhìn làm *tổ trưởng*, Pupur Bang làm thư ký.

Tổ 7 (*Paloi Chuq Labàq*) do Pināng Ván làm tổ trưởng, Cator Vương làm thư ký.

(Theo ghi chép của chúng tôi vào tháng 10 năm 1999).

Như chúng tôi đã trình bày ở phần *Thực trạng* (phần 1), các tổ hoà giải, trong quá trình thực hiện vai trò của mình là một công cụ của cộng đồng *paloi* hoặc của cộng đồng dân cư, đã vận dụng một số quy định của luật tục, kết hợp với pháp luật nhà nước trong quyền hạn cho phép, để *điều hoà các mối quan hệ xã hội* trong phạm vi *paloi* hoặc cộng đồng dân cư đó.

Trên thực tế, các *tổ hoà giải* đã chủ yếu vận dụng *luật tục* trong việc giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong phạm vi các quan hệ dân sự, kinh tế, trong đó đặc biệt là các quan hệ *hôn nhân và gia đình*... Trong phạm vi các quan hệ này, việc vận dụng *luật tục* của các *tổ hoà giải* tỏ ra hết sức có hiệu quả. Nhiều vụ việc xảy ra trong các gia đình, giữa các cặp vợ chồng, trong các quan hệ bố mẹ và con cái, anh em, họ hàng... đã được giải quyết tốt đẹp. Hạnh phúc gia đình được hàn gắn. Những mâu thuẫn được xoá bỏ. Tình đoàn kết trong cộng đồng gia đình, tộc họ, cộng đồng *paloi*... được củng cố, trở thành nhân tố tích cực cho sự phát triển bền vững xã hội.

Việc vận dụng *luật tục truyền thống* trong hoạt động của các *tổ hoà giải* ở Ba Cùm Bắc đã phát huy sức mạnh vốn có của *luật tục truyền thống*.

2. 2. *Việc hình thành những "Quy ước Paloi văn hoá" tại Ba Cùm Bắc hiện nay*

Việc vận dụng *luật tục truyền thống* để xây dựng một

đời sống luật tục tiến bộ, lành mạnh trong xã hội Raglai hiện nay, góp phân tích cực vào việc hình thành các *Paloi văn hoá*, đã dựa trên những nhận thức của các nhà khoa học về giá trị văn hoá của *luật tục*, những giá trị văn hoá mà chúng ta phải kế thừa, nếu chúng ta muốn xây dựng trên địa bàn cư trú của người Raglai một đời sống văn hoá *tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc*.

Chúng tôi cho rằng, *luật tục* là một hệ thống những quy định về phương thức ứng xử của con người với thiên nhiên, với môi trường sinh thái, với cộng đồng xã hội, đã được người Raglai hình thành từ xa xưa dưới dạng lời nói vần, và lưu truyền bằng cách truyền miệng, *luật tục truyền thống* luôn phản ánh kinh nghiệm tích lũy trong suốt nhiều thế kỷ tồn tại và phát triển của một cộng đồng tộc người. Do đó, luật tục truyền thống của người Raglai (tương tự luật tục truyền thống của các tộc người thiểu số khác) cũng mang những *ưu điểm* cần phải phát huy trong giai đoạn hiện nay:

- Về cơ bản, hệ thống luật tục truyền thống Raglai, sản phẩm văn hoá đặc biệt của người Raglai đã được hình thành từ lâu đời trên cơ sở những kinh nghiệm của cuộc sống, được đúc kết từ quá trình tồn tại và phát triển của cộng đồng tộc người, và lưu truyền từ đời này sang đời khác, bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố hợp lý, phù hợp với cuộc sống. Và về cơ bản, cũng rất phù hợp với mục tiêu của luật pháp nhà nước, *bảo đảm cuộc sống cộng đồng ổn định, lành mạnh, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, thuần phong mỹ tục, bản*

sắc văn hoá dân tộc hình thành trong lịch sử lâu dài xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam,... thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh (trích Lời nói đầu của Bộ Luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb CTQG, Hà Nội, 1995).

Có thể nói rằng, mục đích cơ bản được thể hiện trong hầu hết các quy định của luật tục là nhằm điều chỉnh các hành vi của các thành viên trong cộng đồng, để củng cố, phát triển mối quan hệ cộng đồng, bảo vệ lợi ích cộng đồng, góp phần làm cho cộng đồng ngày một lớn mạnh. Điều này cũng chính là mục tiêu của các *quy ước nông thôn mới*, theo Nghị định vừa được Chính phủ ban hành.

- Luật tục Raglai cũng bao gồm những quy định của cộng đồng Raglai về sự ứng xử của con người đối với môi trường tự nhiên, trong đó nổi bật lên ý thức tôn trọng tự nhiên, môi trường sinh thái, quan niệm sự tồn tại của con người không thể tách rời sự phát triển ổn định của môi trường sinh thái, lên án mọi hành động huỷ hoại môi trường sinh thái.

Về phương diện này, luật tục Raglai cũng rất phù hợp với những tư duy hiện đại nhất về môi trường: cuộc sống của con người chỉ có thể tồn tại một cách bền vững trên sự phát triển hài hoà với môi trường sinh thái. Do đó luật tục Raglai cũng hoàn toàn thống nhất với *Luật bảo vệ môi trường*, một bộ phận của luật pháp nhà nước.

- Luật tục Raglai trong quá trình xử lý những vụ việc vi phạm các quy định theo phong tục tập quán của cộng đồng, không chỉ vận dụng một cách đơn thuần các điều

luật, mà còn vận dụng đồng bộ cả sức mạnh của dư luận cộng đồng, khiến cho việc xét xử đạt hiệu quả rất cao, những sự phán xử có hiệu lực ngay, việc thi hành án được chấp hành nghiêm chỉnh, được các bên tuân thủ một cách tự nguyện và hầu như không xảy ra các vụ tái phạm.

Các quy định của luật tục Raglai được cấu tạo thành những câu văn vắn, dễ nhớ, dễ thuộc, và được lưu truyền theo phương thức truyền miệng, nên được phổ biến hết sức sâu rộng trong nhân dân, chúng ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân, trở thành *văn hoá ứng xử* và *chuẩn mực đạo đức* của cộng đồng, được cộng đồng chấp thuận một cách tự nguyện.

Các quy định của *luật tục* cũng hàm chứa các giá trị văn hoá, những phong tục tập quán vốn rất gần gũi với cách cảm cách nghĩ riêng của một tộc người, nên được cộng đồng dễ dàng tiếp nhận. Việc thực thi luật tục sẽ góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá của tộc người ấy.

Do hình thành từ lâu đời, luật tục truyền thống cũng chứa đựng những yếu tố bất cập, lạc hậu, không phù hợp với cuộc sống hiện tại. Những *nhược điểm* đó khiến việc thực thi luật tục sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của cộng đồng và của mỗi thành viên của cộng đồng đó:

- Mức độ xử phạt của luật tục, nhất là mức độ xử phạt bằng kinh tế không phù hợp với tình hình thực tế trong giai đoạn hiện nay. Một số hình phạt đã vi phạm quyền cá nhân của con người (chúng ràng buộc cá nhân với gia đình lớn, với dòng họ, không quan tâm đến quyền tự do cá nhân của con người). Một số hình phạt lại chà đạp lên nhân

phẩm của con người (hình phạt cho tội *loạn luân*). Một số hình thức xét xử của luật tục không chuẩn xác vì không dựa trên cơ sở khoa học mà chỉ dựa trên những yếu tố thần bí như phân biệt kẻ có tội và người vô tội bằng cách thử đồ chì, lặn nước, nhúng tay vào nước sôi...

Loại bỏ những yếu tố lạc hậu, bất cập, phát huy những yếu tố lành mạnh, tích cực của luật tục Raglai, đưa luật tục Raglai, sau khi đã điều chỉnh cho phù hợp với đời sống hiện tại của người Raglai, trở về vị trí của chúng trong đời sống của cộng đồng, khiến luật tục đóng một vai trò tích cực trong việc điều chỉnh sự ứng xử của con người đối với tự nhiên, với gia đình, dòng họ và cộng đồng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, duy trì sự ổn định và phát triển của đời sống văn hoá- xã hội, trên thực tế, chính là sự phát huy hiệu lực của luật pháp nhà nước Xã hội chủ nghĩa trên địa bàn của người Raglai. Trong đời sống luật pháp trên địa bàn cư trú của người Raglai, cũng như của các tộc người thiểu số khác, việc tồn tại của luật tục từ lâu đời đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân, trở thành *văn hoá, nếp sống*, thành *chuẩn mực đạo đức* của cộng đồng dân cư và lưu truyền từ đời này sang đời khác. Luật tục, nếu biết phát huy những yếu tố lành mạnh, tích cực, sẽ không những không cản trở luật pháp nhà nước, mà ngược lại, còn góp phần tăng cường sức mạnh của luật pháp nhà nước, sẽ *nói dài cánh tay* của luật pháp nhà nước!

Kết luận

1. Có thể nói rằng, nếu coi *Luật tục* (hoặc còn gọi là *Tập quán pháp*) với ý nghĩa là một *hệ thống quy tắc, quy*

chuẩn của một cộng đồng về những *hành vi*, những *xử sự*, *ứng xử* của các thành viên trong cộng đồng với tự nhiên và với các thành viên khác trong cộng đồng ấy, thì cũng có thể coi *luật tục Raglai truyền thống* là hình thức *pháp luật sơ khai* (hoặc có người cho rằng, đó là hình thức *tiền pháp luật*) của người Raglai, do đồng bào hình thành nên và tự nguyện chấp hành, được cộng đồng Raglai sử dụng để quản lý cộng đồng, nhằm để cộng đồng có thể phát triển trong ổn định và bền vững. *Luật tục Raglai* xuất hiện từ lâu đời và trên thực tế, nhiều *điều quy định* của *luật tục* ấy còn tồn tại, và vẫn có hiệu lực đến tận ngày nay.

Trong quá trình xây dựng đời sống luật pháp trên địa bàn cư trú của người Raglai, việc vận dụng những yếu tố tích cực và hợp lý của *luật tục Raglai* không những là điều nên làm mà còn là điều *cần thiết phải làm*, được pháp luật nhà nước thừa nhận khi những quy định của *luật tục truyền thống* không mâu thuẫn với luật pháp nhà nước.

Tình hình thực tế trên địa bàn các xã Ba Cùm Bắc, Sơn Trung... trong nhiều năm vừa qua cho chúng ta thấy, tại đây, trong khi quản lý và điều chỉnh các mối quan hệ dân sự cũng như hình sự trong khu vực cư trú của đồng bào, những người làm công tác quản lý nhà nước, công tác quản lý pháp luật và cả công tác quản lý văn hoá đều nhận thấy sự hiện diện của luật tục trong đời sống của nhân dân.

Chính *luật tục truyền thống* là một nhân tố quan trọng giúp cộng đồng Raglai ở Ba cùm Bắc, Sơn trung, cũng như ở các nơi khác, tồn tại và phát triển.

2. Một trong những đặc thù cơ bản của sinh hoạt luật tục ở người Raglai (cũng như ở các cộng đồng tộc người thiểu số khác) là người ta tạo ra sự gắn bó giữa luật tục và thế giới thần linh. Mọi quy định của luật tục nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, với cộng đồng, đều chịu sự chi phối của tổ tiên (*mủq coi*), hoặc các thần linh (*yac*). Theo quan niệm truyền thống của người Raglai, mối quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên (rừng núi, đất đai, sông suối) nằm dưới sự cai quản của một vị thần của ngọn núi cao nhất trong khu vực đó (*yac Chưq*), và đại diện của vị thần này trong *paloi* là *po chưq* (Chủ núi). Chủ Núi là người quản lý rừng núi, sông suối trong khu vực sở hữu của *paloi*, đồng thời cũng là người giữ gìn những phong tục tập quán, những kiêng cử liên quan đến các vị thần linh, đặc biệt đến thần Núi, như tội loạn luân (*arih chor*). Chủ Núi cũng là người phải có mặt trong các buổi xét xử luật tục những vụ xâm phạm rừng núi, sông suối, hoặc những vụ vi phạm phong tục tập quán, xúc phạm tới thần linh.

Nếu rừng núi, sông suối, theo quan niệm của người Raglai ở Ba Cùm Bắc, thuộc quyền sở hữu của cộng đồng, thì nhà cửa, rẫy vườn lại thuộc quyền sở hữu của các vị tổ tiên của một gia tộc cùng cư trú trong một nhà dài thị tộc mẫu hệ. Những quy định của luật tục truyền thống Raglai vùng Ba Cùm Bắc nhằm khẳng định quyền sở hữu của dòng họ đối với đất đai, rẫy vườn mà người Raglai cho rằng được đặt dưới sự bảo trợ của ông bà, tổ tiên (*mủq coi*) của một dòng họ. Không một ai có quyền xâm phạm tới đất đai, nhà cửa, rẫy vườn thuộc một dòng họ có một tổ tiên

khác. Mọi sự vi phạm quyền tư hữu dòng họ về đất đai, nhà cửa đều phải đưa ra xét xử trước *toà án luật tục*, và kẻ vi phạm phải làm lễ tạ lỗi trước tổ tiên dòng họ có đất đai bị vi phạm. Với những quy định chặt chẽ như vậy, có thể nói rằng, trước đây, tại địa bàn Ba Cùm Bắc, hầu như có rất ít vụ vi phạm quyền sở hữu đất đai của người khác.

Bởi vậy, những kẻ vi phạm luật tục cũng đồng nghĩa với sự xúc phạm thần linh. Một trong những thủ tục mà kẻ phạm lỗi phải thực hiện đầu tiên ngay sau khi kết thúc buổi xét xử ít nhất là cột một chum rượu, nặng hơn là phải cúng những con vật hiến sinh, để cúng tạ lỗi các vị thần linh. Sự hiện diện của các thần linh trong sinh hoạt luật tục truyền thống như đã trình bày trên là niềm tin của đồng bào, *chưa hẳn đã là hiện thực*. Nhưng điều chúng tôi muốn nêu lên là niềm tin này đã tạo nên sức mạnh tinh thần của luật tục. Đó cũng là nhân tố quan trọng khiến luật tục được nhân dân thực thi một cách tự nguyện và nhanh chóng.

Người Raglai ở Ba Cùm Bắc coi *Yàc Chưq* (thần núi) ở địa phương là vị thần quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của cộng đồng. Cụ thể là người Raglai ở Ba Cùm Bắc thờ bà *Mu Bươn*, vị nữ thần cai quản Núi Xoài (*Chưq Pu Oh*). Trước đây, cứ bảy năm một lần, đồng bào tổ chức lễ *Duh Chưq*, cúng bà *Mu Bươn*. Lễ cúng này từ năm 1961, do chiến tranh, đã không còn được tổ chức. Người Raglai ở Ba Cùm Bắc làm lễ "đưa thần về trời" (*Lok Yàc*) và hứa sau này sẽ làm lễ tạ. Nay, nguyện vọng của nhân dân muốn tổ chức lại lễ *Duh Chưq*, nhưng vẫn chưa hội đủ

điều kiện, không tìm ra thầy cúng (*Po Pajâu*) có thể đảm đương được công việc trọng đại này.

Yang Chưq (thần Núi), cụ thể hơn là *Yang Chưq Pu Oh*, thần Núi Xoài, chính là chỗ dựa tinh thần của người Raglai ở Ba Cùm Bắc. Đó cũng là chỗ dựa của cộng đồng Raglai trong cuộc sống, đặc biệt là trong việc thực thi luật tục truyền thống trong cộng đồng của họ. Đó cũng là lực lượng siêu nhiên, kiểm soát mọi hành vi của con người, giúp con người có thái độ đúng mực trong việc ứng xử với thiên nhiên và xã hội. Nay, một số người, do không am hiểu phong tục tập quán của đồng bào, do hám lời bất chính, đã trở thành những kẻ khai thác rừng bừa bãi, trong đó có cả việc chặt phá, xâm phạm rừng đầu nguồn, rừng đỉnh núi, là những nơi người Raglai từ ngàn xưa đã coi là linh thiêng, bất khả xâm phạm. Những kẻ này đã không biết sợ thần Núi Xoài linh thiêng, vi phạm những kiêng cữ, luật tục của đồng bào đã nhiều đời truyền lại, khiến rừng đầu nguồn ở Khánh Sơn cũng như ở Ba Cùm Bắc ngày một suy kiệt, khiến đồng bào bị đe dọa bởi lũ lụt, hạn hán... Tiếc thay, do chưa hiểu rõ những qui định của luật tục cha ông, ở Ba Cùm Bắc đã có hàng trăm thanh niên Raglai đi làm thuê cho những bọn chủ phá rừng. Họ không hiểu rằng, việc làm của họ đã vi phạm luật tục của cộng đồng Raglai. Nếu như trước đây, việc làm của họ sẽ bị xét xử, trừng phạt khá nặng. Việc thanh niên Raglai làm thuê cho bọn phá rừng khá phổ biến ở Ba Cùm Bắc như trường hợp tên T, đã thành lập những nhóm phá rừng gồm hàng chục thanh niên Raglai. Cuối năm 1998, tên T đã bị bắt vì vi phạm luật bảo vệ rừng của Nhà nước. Song,

những nhóm tương tự vẫn tiếp tục hoạt động. Việc vi phạm luật tục truyền thống của người Raglai, đồng thời cũng là sự vi phạm luật pháp Nhà nước về việc bảo vệ rừng ở Ba Cùm Bắc vẫn còn khá phổ biến...

Luật tục- những qui định từ ngàn xưa của cộng đồng Raglai đã được hình thành để duy trì mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với cộng đồng tộc người, chính là cơ sở để xã hội Raglai phát triển trong bền vững.

3. Cần phải phân biệt một cách rõ ràng *pháp luật nhà nước* và *luật tục*. Nếu *Pháp luật nhà nước* là những quy định về các mối quan hệ *dân sự, kinh tế, hình sự...* phổ biến trên phạm vi quốc gia, là pháp luật bắt buộc mọi công dân đều phải tuân thủ, thì *luật tục* không thuộc phạm vi của pháp luật. Đó là những quy ước của một bộ phận dân cư, vận dụng cả những phong tục tập quán đã tồn tại từ xa xưa trong cộng đồng dân cư đó nhưng *không trái với pháp luật nhà nước*, được toàn thể cộng đồng dân cư đó nhất trí tán thành và cũng chỉ được áp dụng trong phạm vi một cộng đồng dân cư nhất định.

Việc áp dụng luật tục thường nghiêng về phía vận động, khuyến nủ, hoà giải... trong khi việc áp dụng luật pháp nhà nước lại mang tính bắt buộc, cưỡng chế. Tuy vậy, luật tục được hình thành trên cơ sở *phong tục tập quán* của nhân dân, nên rất gần gũi với nhân dân, được các thành viên trong cộng đồng tự giác thi hành. Đó chính là sức mạnh của luật tục, khiến luật tục có thể có những đóng góp rất lớn vào việc hỗ trợ pháp lý cho việc thực hiện

pháp luật nhà nước trên địa bàn các tộc người thiểu số hoặc nói một cách hình ảnh, *luật tục* sẽ góp phần *nối dài cánh tay của luật pháp nhà nước*, tăng cường tác dụng, hiệu quả của luật pháp nhà nước trên địa bàn của đồng bào các tộc người thiểu số có nhiều phong tục tập quán đặc thù mà người thi hành pháp luật cần phải chú ý khi thi hành pháp luật nhà nước.

4. Luật tục với những quy định được hình thành trên cơ sở những phong tục tập quán của một nhóm dân cư, một cộng đồng tộc người, nên nó chỉ có thể phát huy tác dụng trong phạm vi của một nhóm dân cư hay một cộng đồng tộc người nhất định. Hiện nay, ở Ba Cùm Bắc không chỉ có đồng bào Raglai tại chỗ mà còn có những người mới đến làm ăn sinh sống. Giữa các cộng đồng tộc người, các nhóm dân cư đó còn tồn tại nhiều sự khác nhau về phong tục tập quán và những thói quen khác trong sinh hoạt. Khi đồng bào các dân tộc cư trú ở Ba Cùm Bắc còn chưa có chung một mặt bằng về văn hoá, kinh tế, xã hội thì, người ta khó có thể chỉ áp dụng một cách cứng nhắc một loại hình luật tục. Đó là điều khó khăn cho việc phát huy vai trò của *luật tục truyền thống Raglai* trên địa bàn huyện Khánh Sơn hiện nay.

Song, theo chúng tôi, khi sống trên địa bàn cư trú của các tộc người bản địa, những người mới đến thuộc các tộc người khác, với phong tục tập quán, truyền thống văn hoá khác, cần phải có sự hiểu biết, tôn trọng văn hoá, trong đó có luật tục, phong tục tập quán của những người vốn từ xưa đã là chủ nhân của địa bàn họ đang sống. Người Việt

có câu "Nhập gia tùy tục". Chỉ có thể tạo nên một mối quan hệ đoàn kết, tương thân tương ái giữa các cộng đồng tộc người ở Ba Cùm Bắc cũng như ở huyện Khánh Sơn (và cũng là giữa các cộng đồng tộc người ở các nơi khác), trên cơ sở hiểu biết, tôn trọng những đặc thù về văn hoá, tín ngưỡng, phong tục tập quán của nhau. Điều này, chắc chắn cũng sẽ góp phần không nhỏ vào việc tăng cường tình đoàn kết giữa các tộc người anh em trên địa bàn huyện Khánh Sơn nói riêng và trên địa bàn có nhiều tộc người cùng chung sống nói chung. Có như vậy, chúng ta mới có thể phát triển nông thôn miền núi một cách nhanh chóng, bền vững, lâu dài.

Trên cơ sở đó, trong thời gian vừa qua, chương trình xây dựng một văn bản *Quy ước Paloi văn hoá* do Gs.TSKH. Phan Đăng Nhật làm chủ nhiệm đề tài nhánh với sự cộng tác của Th.s Tô Đông Hải và Chamaleh Tiến hình thành tại xã Sơn Trung, một trong những trung tâm cư trú quan trọng của người Raglai ở huyện Khánh Sơn, đã được Hội nghị các Già làng và đại biểu các hộ ở Sơn Trung hoàn toàn nhất trí tán thành, được Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Khánh Sơn ủng hộ và giúp đỡ.

Đây là một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao vai trò của *luật tục truyền thống* trong đời sống đồng bào Raglai ở Sơn Trung, Ba Cùm Bắc nói riêng và ở Khánh Sơn nói chung. Ở đây, trong văn bản *Quy ước Paloi văn hoá* xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, *luật tục truyền thống* không chỉ đã được tập hợp, điều chỉnh, vận dụng

những quy định trong luật tục truyền thống về những vấn đề chung của quá trình xét xử theo luật tục, về việc tôn trọng phong tục tập quán của nhân dân, về việc vi phạm tài sản của người khác, về việc giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội, về việc xây dựng, bảo vệ quan hệ cộng đồng, giữ gìn tình làng nghĩa xóm, về việc bảo vệ môi trường sinh thái, về hôn nhân và về gia đình... , mà còn được bổ sung những quy định mới phù hợp với sự phát triển của xã hội Raglai hôm nay. Văn bản *Quy ước Paloi văn hoá xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hoà*, sau khi được toàn thể nhân dân ở xã Sơn Trung nhất trí thông qua và được Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Khánh Sơn công nhận (Quyết định công nhận số 201/QĐUB, ký ngày 17 tháng 4 năm 2001), ngoài phần Mở đầu, gồm 8 chương, 50 điều, như sau:

Chương I: Những Quy định chung (10 điều)

Chương II: Giữ gìn Phong tục- Tập quán truyền thống (4 điều)

Chương III: Về việc Trộm cắp tài sản (5 điều)

Chương IV: Giữ gìn An ninh trật tự và An toàn xã hội (9 điều)

Chương V: Xây dựng- Bảo vệ quan hệ cộng đồng, Giữ gìn tình làng nghĩa xóm (5 điều)

Chương VI: Bảo vệ Môi trường sinh thái (4 điều)

Chương VII: Hôn nhân (7 điều)

Chương VIII: Gia đình (6 điều)

Văn bản *Quy ước Paloi văn hoá* đã loại bỏ trong *luật tục truyền thống* những điều lạc hậu, bất cập với đời sống

hiện nay, những điều không phù hợp với luật pháp nhà nước, nhằm phát huy mặt tích cực, góp phần vào việc xây dựng một *paloi văn hoá* có đời sống vật chất và tinh thần ngày một nâng cao và vẫn giữ gìn được bản sắc văn hoá của mình.

Điều đáng chú ý là Văn bản *Quy ước Paloi văn hoá* ở Sơn Trung vẫn bảo lưu hình thức *lời nói vần (đờp pacăp)*, một hình thức ngôn ngữ giàu hình ảnh, có vần, có điệu, mà *luật tục truyền thống* thường sử dụng, dễ lưu truyền, phổ biến trong nhân dân.

Trên đây là một vài suy nghĩ của chúng tôi, sau khi nghiên cứu *thực trạng sinh hoạt luật tục và luật pháp* trên địa bàn các xã Ba Cùm Bắc, Sơn Trung và một số xã lân cận của huyện Khánh Sơn. Có thể nói rằng, *luật tục truyền thống Raglai*, ở mỗi địa phương, với những mức độ đậm nhạt khác nhau, vẫn hiện diện trong mọi mặt của đời sống xã hội, khi thì dưới dạng phong tục tập quán, những quy ước bất thành văn nhưng được cộng đồng Raglai tự nguyện chấp nhận.

Không thể không thừa nhận rằng, trên thực tế, sinh hoạt *luật tục truyền thống* một cách hoàn chỉnh như trước đây không còn nữa, song những yếu tố của *luật tục truyền thống* vẫn hiện diện ở nhiều góc độ khác nhau trong xã hội Raglai và trong tâm thức của đồng bào Raglai.

Duy trì và phát huy những yếu tố tích cực của *luật tục truyền thống* không chỉ là việc cần thiết phải làm mà còn là một công việc có ý nghĩa quan trọng để có thể hình thành những *paloi văn hoá*, cơ sở để phát triển nông thôn miền núi trên địa bàn cư trú của người Raglai hôm nay.

CHƯƠNG NĂM

QUY ƯỚC VĂN HOÁ PALOI VĂN HOÁ THÔN 1

+ Thực hiện Chỉ thị số 24/1998 CT-TTg ngày 19/6/1998 của Thủ Tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện Hương ước, quy ước của Làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư;

+ Thực hiện Thông tư Liên tịch số 03/2000/TTLT/BTP – BVHTT – BTTUBTW MTTQVN ngày 30/03/2000 của Bộ Tư Pháp, Bộ Văn hoá Thông tin, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư;

+ Thực hiện Công văn số 530/UB ngày 12/4/1996 của UBND Tỉnh Khánh Hoà về việc tổ chức chỉ đạo xây dựng quy ước của Làng Văn hoá trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà,

Ngày 23 tháng 3 năm 2001 Hội nghị chủ hộ và già làng Paloi Văn hoá Thôn 1 xã Sơn Trung đã tiến hành họp và thông qua **Quy ước Paloi Văn hoá** gồm 8 chương 50 điều:

MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: Những quy định chung (10 điều)

**CHƯƠNG II: Giữ gìn phong tục - tập quán
truyền thống (4 điều)**

CHƯƠNG III: Về việc trộm cắp tài sản (5 điều)

**CHƯƠNG IV: Giữ gìn an ninh trật tự và an toàn
xã hội (9 điều)**

**CHƯƠNG V: Xây dựng - Bảo vệ quan hệ cộng đồng
gìn giữ tình làng nghĩa xóm (5 điều)**

CHƯƠNG VI: Bảo vệ môi trường sinh thái (4 điều)

CHƯƠNG VII: Hôn nhân (7 điều)

CHƯƠNG VIII: Gia đình (6 điều)

Nội dung Quy ước Paloi Văn hoá Thôn 1 xã Sơn Trung
cụ thể như sau:

MỞ ĐẦU

- Pa loi Thôn 1 là một Paloi cổ, đã được hình thành từ lâu đời. Bắc giáp Thôn 2 xã Sơn Trung huyện Khánh Sơn, Nam giáp suối Tô Hạp, Đông giáp núi Ô Kha, Tây giáp núi Hòn Dung.

- Paloi Thôn 1 nằm trên một vùng đất trù phú, với diện tích đất tự nhiên khoảng 1225 ha, đất rừng chiếm 995,5 ha, đất canh tác 202 ha, đất thổ cư 27,5 ha.

- Về dân số, toàn thể Paloi gồm có 134 hộ 665 nhân khẩu, trong đó 91 hộ dân tộc Raglai. Toàn Paloi có 331 nam và 334 nữ, trong đó trẻ em dưới 14 tuổi có 172 người, 42 cụ trên 60 tuổi.

- Về tín ngưỡng, Paloi Thôn 1 hiện có 3 hộ (15 người) người Kinh theo Thiên Chúa giáo.

- Toàn Paloi có 37 Đảng viên, 07 Liệt sĩ, 05 Thương binh, 01 anh hùng LLVT (Anh hùng Bo Bo Tới), 37 gia đình được Nhà nước tặng thưởng huân chương.

- Trong quá trình kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước và ngày nay trong công cuộc đổi mới, nhằm xây dựng một Paloi giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, toàn dân trong Paloi một lòng đi theo Đảng, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hoá, phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông, luôn yêu thương giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau, tuân thủ luật pháp Nhà nước, xây dựng Paloi an ninh, trật tự, tích cực lao động sản xuất, xây dựng đời sống ấm no, con cái mạnh giỏi, vợ chồng hoà thuận, gia đình hạnh phúc.

BẢN CHỮ QUỐC NGỮ

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

(10 điều)

Điều 1:

Luật tục của ông bà xưa để lại

Luật pháp của Nhà nước, chính sách của Đảng

Đều mong cho người Raglai

Mọi người đều ấm no

Mọi người đều hạnh phúc

Vợ chồng giỏi giang hoà thuận như đôi chim *Valic - Chawoi*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Valic – Chawoi là đôi chim được người Raglai rất yêu quý và coi đó là một biểu tượng cho một gia đình gương mẫu. Con chim đực gọi là chim Valic, có cái đuôi hình chiếc kim gấp sắt, có tiếng kêu giống tiếng bễ lò rèn, được hình dung là người thợ rèn chuyên cần. Con chim cái gọi là Chawoi, mỏ giống hình chiếc rựa, được hình dung là người vợ tảo tần. Đôi chim này xuất hiện rất sớm, đi ngủ rất muộn. Được hình dung là đôi vợ chồng chăm chỉ làm ăn, thức khuya dậy sớm. Hình tượng chim Valic thường xuất hiện trên ngọn cột nêu cúng trong lễ có nghi thức đâm trâu của người Raglai. Người Raglai có lời nói vẫn (dòp pacap):

Hỏi tài, hỏi bà Chawoi

Hỏi giỏi, hỏi ông Valic

Điều 2:

Khi trong Paloi có vụ to việc nhỏ

Có vụ việc vi phạm truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của nhân dân⁽¹⁾

Dân làng Paloi sẽ phải họp để xét xử

Vụ xét xử gọi là *Charanā Gadha*

Người xét xử là *Po Charanā*

Bên nguyên, bên bị là *Po ngāq Gadha, manuĩh Gadha*

Mỗi bên được quyền một người già có hiểu biết, biết ăn nói, biết xử trí trong những tình huống khó khăn, gọi là *Ravuāq Tuha*⁽²⁾ để đại diện cho mình.

Điều 3:

Các vụ việc nếu chưa đến mức đưa ra xử lý theo pháp luật, sẽ được đưa ra Hội đồng Paloi xét xử nhằm góp phần hỗ trợ chính quyền cơ sở trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phát huy truyền thống tốt đẹp của người Raglai về lòng yêu

⁽¹⁾ Vụ to việc lớn

Vụ thần linh, việc kiêng cũ

⁽²⁾ Một số “thuật ngữ” dùng trong hệ thống xét xử các vụ việc vi phạm luật tục của người Raglai:

- Gadhi Gadha: Các vụ việc phải đưa ra xét xử (hoặc *Charanā Gadha*)
- Po Charanā: Người đứng ra xét xử.
- Po ngāq gadha, manuĩh Gadha: Bên nguyên, bên bị
- Charanā: Vụ xét xử theo luật truyền thống
- Dòp pacap gadha: Lời nói vãn luật tục
- Ravuāq tuha (dầu khôn người già): Người già đại diện cho mỗi bên trong các vụ xét xử theo luật tục.

nước, tình làng nghĩa xóm.

Người Raglai ta

Xóm làng anh em

Chiều gọi nhau, xẩm tối nhớ nhau

Lúc anh thiếu thì anh xin tôi

Khi tôi thiếu thì tôi hỏi anh⁽¹⁾

Làng xóm thuận hoà

Không có vụ to, việc lớn

Mọi người trong Paloi

Đều yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

Điều 4:

Việc xét xử công khai, đảm bảo công bằng.

Nơi xét xử được làm ở một khu đất rộng ai cũng có thể tham dự.

Mọi người phải chuẩn bị chu đáo, ăn uống đầy đủ để có thể tham dự từ đầu đến cuối⁽²⁾.

Hai bên có quyền trình bày ý kiến của mình

Ý kiến của mỗi bên đều do các *avuaq Tuha* đưa ra

⁽¹⁾ Chôm paloi adoi ai

Tlap iou rasiou bop

Thiơq di hã jừ lacou di cưu

Thiơq di cưu jừ lacou di hã

⁽²⁾ Bọc trời, caloi catuaiq

lumãq pruaiq cadlai gadha

Nghĩa là:

Ăn cho no để đi đào tổ mối

Ăn cho đầy để đi xử kiện

sau khi tham khảo ý kiến của mọi người.

Vụ xét xử sẽ kéo dài cho đến khi hai bên đi đến thống nhất.

Điều 5:

Việc xét xử phải công bằng, đúng người, đúng lỗi.

Người có chức vụ cao, càng phải gương mẫu

Người dân thường phải có nghĩa vụ chấp hành.

Con khóc không biết cha mẹ đói

Việc xét xử không cần biết nhà không có chiêng, sa⁽¹⁾.

Điều 6:

Với những ai phạm lỗi lần đầu, lại biết nhận lỗi.

Người Raglai có truyền thống nhân ái, khoan dung

Nhấc đá để dọn lá rác⁽²⁾

Việc đặt cao nhưng xử thấp

Việc đặt nặng mà xử nhẹ⁽³⁾

(1) Anāq hĩa oh thour awoi amā lapa

Ngāq gadha oh thour jơ chic char oh

Nghĩa là:

Con khóc không biết cha mẹ đói

Xử tội không có chiêng, sa.

(Chiêng, sa được người Raglai quan niệm là các tài sản có giá trị cao. Câu này ý nói rằng việc xử phải công bằng, không vì anh giàu hay nghèo mà xử thiên lệch).

(2) Pùq patơu, rơu sula siaq

Nghĩa là: Nhấc đá, dọn lá rác

(3) Pùq dlộc dòq viar

Pùq traq mậq sidiuol

Rắn góc đầu qua vai

Nhưng lại chỉ mổ vào chân⁽¹⁾

Việc xử phạt chỉ cốt giúp cho họ thấy được lỗi lầm

Là mặt nước trong, giúp người soi thấy trên mặt
mình vết bẩn.

Đâu chỉ để bắt phạt nặng người ta

*Phạt quá mức lỗi của người ta, người xét xử cũng sẽ
bị phạt nặng⁽²⁾.*

Điều 7:

Kẻ có lỗi mà còn lời cãi, miệng bảo thủ

Sẽ càng bị phạt nặng

Đền thuộc bên anh, bồi thuộc bên anh

Anh sẽ phải mời mọi người đến làm lễ tạ lỗi⁽³⁾.

Điều 8:

Người có lỗi đã làm lễ tạ

Đã cột ché rượu tạ lỗi với mọi người

Họ là anh em chung một mái nhà

Là bà con trong một Paloi

Cùng đi nhặt măng trong một khu rừng

⁽¹⁾ Ula pùq sato dluh grăq vara paq palat tacai

Nghĩa là: *Rắn góc đầu qua vai nhưng lại mổ vào chân*

⁽²⁾ Chhôt tupa chagua dluh, dlai prông.

Nghĩa là: *Phạt quá mức lỗi của người ta, kẻ xử phạt cũng sẽ bị phạt nặng.*

⁽³⁾ Chap dôi hă Raglai dôi di hă

Apoc tơi sác wrac tơi paloi

Cùng tắm chung một giòng suối
Không ai được nhắc lại chuyện cũ
Ai nhắc lại, cũng sẽ bị phạt bằng mức người phạm
lỗi bị phạt trước đây

Điều 9:

Nếu trong Paloi có người Kinh hoặc các dân tộc khác đang chung sống,

Mọi người cũng vẫn thân ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau

Không phân biệt cây tre hoặc cây lồ ô, không phân biệt lúa tẻ hay lúa nếp.

Người dân tộc này tôn trọng phong tục, tập quán của dân tộc kia

Nếu có *việc này, việc nọ*

Trong Paloi dàn xếp với nhau

Hội đồng làng xét xử công bằng, không thiên vị.

Ai có lỗi phải nhận lỗi với người kia

Và cột một ché rượu

Để tạ lỗi với nhau

Và mọi người cùng đoàn kết,

Không phân biệt người Raglai hay đồng bào các dân tộc khác.

Điều 10:

Như con suối phải có nguồn

Như cái cây phải có gốc

Pa loi cũng bầu ra Hội đồng Paloi của mình.

Đó là các già làng đáng kính

Là các *miãq, wa* đại diện cho các gia đình

Là những người đại diện cho Mặt trận, Hội Nông dân,

Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... trong Paloi

Hội đồng Paloi có trách nhiệm tổ chức, quản lý, giám sát việc thực hiện quy ước này.

Biểu dương những người, những gia đình gương mẫu chấp hành tốt những điều Quy ước đã quy định.

Xử lý những cá nhân, gia đình vi phạm.

Hội đồng Paloi không được đưa ra những hình phạt vượt quá quyền hạn của mình, hoặc trái với pháp luật của Nhà nước.

Hội đồng Paloi thực hiện những điều quy định trong Quy ước sau khi được Hội nghị đại diện các hộ trong Paloi nhất trí thông qua.

Hội đồng Paloi có trách nhiệm quản lý quỹ chung của Paloi. Mọi khoản thu chi đều được ghi chép rõ ràng, đầy đủ, có đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ. Cứ 6 tháng một lần, người chịu trách nhiệm quản lý quỹ của Paloi phải báo cáo tình hình thu chi trước Hội đồng Paloi.

Hai năm một lần, Hội đồng Paloi do hội nghị đại biểu các hộ trong Paloi bầu ra và khi có nhiều sai sót trong hoạt động, cũng do Hội nghị đại biểu của các hộ bãi nhiệm.

CHƯƠNG II

GÌN GIỮ PHONG TỤC TẬP QUÁN TRUYỀN THỐNG (04 điều)

Điều 1:

Người Raglai ta
Từ xa xưa, sống trên mảnh đất này
Lao động, làm ăn, sinh sống
Được nhờ đất đai, tổ tiên, ông bà, núi rừng,
sông suối chở che.

Con cháu lớn khôn

Phải gìn giữ phong tục truyền thống cha ông
Nghe lời Đảng
Biết phát huy bản sắc tốt đẹp của dân tộc mình.
Khi được mùa, phải cúng *mừng lúa mới*⁽¹⁾
Để mừng kết quả lao động của mình
Để cảm tạ ông bà tổ tiên, đất trời phù hộ.
Khi con cái ra ở riêng
Phải làm lễ *Đền ơn đáp nghĩa mẹ cha*⁽²⁾
Khi sinh con phải làm lễ tạ ơn bà đỡ

(1) Bơc padai chnual: *Tục ăn lúa mới*

(2) Ia tisou vilou dada:Nghĩa đen: *Nước sữa mẹ, lòng ngực cha* (ý nói con cái phải biết nhớ công ơn của mẹ cha)

Khi kết hôn phải làm lễ *Chạm ngô trao vòng*⁽¹⁾

Trước khi tổ chức *lễ cưới*

Bắt đầu năm mới

Phải làm lễ *Bọc Cakiq*⁽²⁾

Những phong tục hay, tập quán đẹp hãy gìn giữ lấy

Để Paloi ta thêm rộn ràng, vui vẻ

Tiếng chiêng, sa, thêm ấm lòng người già

Tiếng hát, hò làm rực rỡ khuôn mặt trai gái, trẻ em

Mọi người thêm gắn bó, đoàn kết.

Điều 2:

Lễ được tổ chức theo đúng phong tục tập quán

Con gái mặc *váy áo đẹp*⁽³⁾

Khăn đóng cho cha⁽⁴⁾

Khăn vấn⁽⁵⁾ cho mẹ

Vòng đồng đeo cổ tay, dây cườm quàng trên cổ⁽⁶⁾

Mọi người cố gắng gìn giữ nét đẹp, nét riêng của truyền thống Raglai.

(1) Paleq anhũq còc pang: *Lễ chạm ngô, trao vòng. Lễ mang ý nghĩa hứa hẹn của trai gái Raglai.*

(2) Lễ lớn của người Raglai, thường được tổ chức vào khoảng từ ngày 10 đến 15 tháng giêng, mừng năm mới, mọi người làm ăn khoẻ mạnh.

(3) Váy của các cô gái Raglai, gọi là Cachreh, rất đẹp. Song hiện nay người Raglai không còn mặc

(4) Uơc

(5) Cachhiuq

(6) Còc (*vòng đồng*), anhũq (*dây cườm*): Là những đồ trang sức quen thuộc của người Raglai.

Để ai đến Paloi cũng rạng rỡ sắc màu
Ai đến Paloi cũng thấy tung bừng náo nhiệt
Tiếng chiêng, sa⁽¹⁾ rộn ràng
Hoà trong tiếng hát *Si ri, Jucal, Manhi, Sa ngoi*⁽²⁾
Làm vừa lòng người già,
Làm nức lòng con trẻ
Làm Paloi vui vẻ, đoàn kết, giàu có hơn xưa.

Điều 3:

Lễ hội tổ chức đúng theo phong tục tập quán
Và tùy theo kinh tế của mọi người, mọi nhà.
Tránh làm lớn quá, hao tiền tốn của
Tránh làm to quá, xa hoa, lãng phí
Lễ hội cốt phải vui vẻ
Giết nhiều heo, nhiều gà
Tốn nhiều rượu, nhiều gạo...
Khi thiếu biết lấy gì dùng
Khi đói biết lấy gì ăn...
Tang lễ không để người chết trong nhà nhiều ngày
Sẽ mất vệ sinh, sẽ làm làng lây dịch bệnh
Những việc mê tín, dị đoan

⁽¹⁾ Chic (chiêng): Loại chiêng có núm.

Chhar (sa): Loại chiêng bằng, không núm (một bộ 6 hay 7,9, 12 chiếc: Sadanuc) người Raglai gọi là m̄la

⁽²⁾ Các làn điệu dân ca của người Raglai thường dùng để hát trong các lễ hội truyền thống của mình.

Bói toán nhảm nhí

Không để xảy ra

Ảnh hưởng đến sức khoẻ, tài sản của mọi người.

Điều 4:

Ai vi phạm những quy định này

Sẽ phải đưa ra trước Hội đồng Paloi xét xử

Ai đến gia đình người ta

Không chịu kiêng cử

Làm ô uế bàn thờ

Làm đổ cây nêu, làm vỡ ché rượu

Phải làm lễ tạ tổ tiên, thần linh nhà họ

Phải đưa ra trước Hội đồng làng xét xử

Và cúng tạ một ché rượu cho dân làng.

CHƯƠNG III

VỀ VIỆC TRỘM CẮP TÀI SẢN (05 điều)

Điều 1:

Xóm làng anh em

Chiều gọi nhau

Nếu anh thiếu thì anh xin tôi

Khi tôi thiếu thì tôi hỏi anh

Việc gì phải lấy cắp, lấy trộm của người ta

Muốn ăn măng không chịu đi đào

Muốn ăn cá không chịu giăng lưới

Muốn ăn trái bắp, trái bí không chịu làm rẫy

Muốn uống rượu không chịu ủ gạo

Nó là kẻ biếng lười

Ngủ quên mất

Lấy quen tay⁽¹⁾

Nó đã quen lấy cắp, lấy trộm của người khác

Nó sẽ bị đưa ra xét xử trước dân làng.

⁽¹⁾ Sa tuq pìq lađap mata
sa tuq mãq lađap tangan

Điều 2:

Ăn cắp ăn trộm của người ta

Chính là phá phách tài sản, hại người khác⁽¹⁾

Ăn cắp, ăn trộm, làm hư hại tài sản của người ta

là việc làm không tốt

Như vậy sẽ không còn là anh em, là bà con cùng làng

cùng xóm⁽²⁾

Bởi thế nó sẽ được đưa ra xét xử

Theo luật tục truyền thống của người Raglai

Kẻ nào lấy một, sẽ phải đền ba⁽³⁾

Để nó phải chừa

Không bao giờ dám trộm cắp nữa.

Điều 3:

Có những người không phải là kẻ biếng lười

Cũng không phải là người chuyên trộm cắp

Chỉ vì gặp lúc không may

Chỉ vì gặp lúc cơ nhỡ

Cây lúa trên rẫy đang xanh tốt

⁽¹⁾ Tlèq ràq phàq sawah (ăn cắp ăn trộm của người ta)

Tèq ràq phàq rupoh gúp (chính là phá phách tài sản của người khác)

⁽²⁾ Lageh oh boh tlòq ràq sawah caya gúp (ăn cắp ăn trộm tài sản của người ta là việc làm không tốt)

Tlèq vù têu sớm Paloi, adoi ai di gúp (Như vậy sẽ không còn là người anh em, là bà con cùng làng cùng xóm)

⁽³⁾ Caya sa dlàiq tloù (Lấy một đền ba)

Hạt lúa trên rẫy đang chín vàng, bị vệt, khỉ phá hoại
Con cái họ đói, họ không còn gì cho lũ trẻ ăn
Bố mẹ họ ốm, họ không còn gì để nấu cho bố cho mẹ
Trong cơn túng quẫn họ phải làm liều
Tay họ xúc hạt thóc trong vựa người khác
Tay họ lấy tấm chăn trong gùi người khác
Vì thế họ là người có tội
Song, xét hoàn cảnh của họ thật đáng thương
Họ lấy trộm, để cho con cái họ khỏi đói
Họ lấy trộm, để cho con cái họ khỏi rét
Bởi vậy, không bắt họ lấy một trả ba
Chỉ bắt họ trả những thứ họ lấy trộm
Và hứa sẽ không bao giờ phạm lỗi này.

Điều 4:

Những đồ đạc vật dụng của người khác, mượn dùng xong phải mang trả tử tế.

Không được làm gãy, làm hỏng, làm mất...

Nếu trót lỡ làm gãy, làm cháy

Nếu làm hỏng, làm mất

Người mượn phải bồi, phải đền

Người đó sẽ là người phạm lỗi

Và sẽ phải đưa ra xét xử.

Đồ đạc, của cải người ta đáng giá bao nhiêu

Anh sẽ phải hoàn trả lại như vậy

Và cột thêm một ché rượu để tạ lỗi với dân làng.

Điều 5:

Nghe lời ngon người ta hứa

Nghe miệng ngọt người ta gạt⁽¹⁾

Người ta mất tiền , mất của cải

Kẻ lấy lời ngon ngọt, lừa gạt người khác

Làm cuộc sống người ta không yên

Làm gia đình người ta vì mất của cải mà lâm

vào cảnh khốn đốn.

Kẻ lừa gạt người khác để kiếm lợi cho nó

Là kẻ ác, kẻ xấu

Sẽ bị đưa ra trước dân làng xét xử

Hình phạt dành cho kẻ lừa gạt cũng tương tự như hình phạt dành cho những kẻ trộm cắp

Lừa gạt của người ta một, sẽ phải đền lại ba.

⁽¹⁾ Hmũq sap vangĩ, sap urac patah
Hmũq muvah jamãn, muvah urac palaiq

CHƯƠNG IV

GIỮ GÌN AN NINH TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XÃ HỘI

(9 điều)

Điều 1: Về việc giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội

Mọi người trong Paloi phải có trách nhiệm gìn giữ
Paloi được yên vui, hạnh phúc

Đường nở đầy hoa

Suối reo róc rách

Chim tíu tíu trên cành, không sợ rắn độc rình mò

Nai nhớn nhơ ngoài bãi, không sợ hổ, cáo đuổi bắt

Mọi người vui vẻ làm ăn

Không phải lo bọn xấu phá hoại

Mọi người không chứa chấp trộm cắp, mãi dâm

Không hút chích ma túy, không rượu chè, cờ bạc

Mọi người trong Paloi không làm việc sai với pháp luật
của Nhà nước

Nếu thấy kẻ nào cố tình vi phạm luật pháp

Mọi người có trách nhiệm báo cho Công an hoặc Thôn trưởng

Đều là anh em
Phải yêu thương, đùm bọc lẫn nhau
Buổi sáng chào nhau
Buổi chiều hỏi nhau
Gặp chuyện gì không phải, không hay
Ta sang nhà nhau, nhẹ nhàng bàn bạc
Có gì phải chửi thề
Tại sao phải đánh lộn
Chửi thề, đánh lộn đâu có phải người cùng một Paloi
Chửi thề, đánh lộn đâu có phải anh em ruột thịt
Những người chửi thề, đánh lộn đều là những kẻ sai trái...
Đều phải chung nhau một vò rượu để tạ lỗi nhau
Và tạ lỗi cả bà con trong Paloi nữa.

Điều 4: Về những kẻ say rượu:

Uống rượu vừa phải làm cho mọi người thêm vui vẻ ,
đoàn kết

Uống nhiều rượu thành ra rượu nó uống mình
Nó làm mất mình không biết nhìn
Cái tai mình không biết nghe
Cái đầu mình không biết nghĩ
Cái miệng mình nói ra những lời nhảm nhí
Cái miệng mình chửi người
Cái tay mình đánh người
Chửi người, đánh người thì còn bà con, anh em gì nữa
Chửi người, đánh người làm mất trị an trong thôn xóm

Kẻ chủ người, đánh người do say rượu, sẽ bị đưa ra xét xử

Và cột một vò rượu tạ lỗi với bà con trong Paloi

Đánh người bị thương phải bồi thường tùy theo mức độ
thương tật của người ta

Còn bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 5: Về tham gia chứa hay chơi cờ bạc:

Cờ bạc làm hao tiền tổn của

Làm mất tình nghĩa bà con xóm giềng sớm tối có nhau

Người được thì mừng

Người thua thì bực

Người ta buồn, mình làm sao vui được nữa

Cờ bạc là điều xấu trong xã hội

Là vi phạm luật pháp Nhà nước

Kẻ chơi hay chứa cờ bạc phải nhận lỗi trước bà con

Phải bị đưa ra trước buôn làng xét xử

Tiền bạc thu được phải đưa vào công quỹ

Và người tham gia vào việc cờ bạc phải buộc một chum
rượu để nhận lỗi trước mọi người.

Điều 6: Về những kẻ nghiện ma túy:

Nghiện ngập ma túy hết sức nguy hiểm

Nó làm con người ốm yếu bạc nhược

Xấu như chim Cú

Ủ rủ như chim Sot⁽¹⁾

Người già lúc nào cũng mệt mỏi

Như gái già, chó lười⁽²⁾

Bởi thế những kẻ tiêm chích, hút ma túy

Nếu ai biết được

Phải báo ngay cho bố mẹ nó, cho Công an hoặc Thôn trưởng

Phải cách ly với bọn xấu

Nó phải nhận lỗi trước dân làng

Phải làm lễ tạ một chum rượu và hứa

Sẽ cai nghiện để trở thành người lương thiện.

Điều 7: Về những kẻ phao tin nhằm gây chia rẽ, hoang mang, mất đoàn kết:

Nó là kẻ xấu

Bụng nó nói một đường, miệng nó nói một đường

Người ta ở trước mặt nó nịnh nọt, khen ngợi

Người ta vừa quay lưng, nó đặt điều nói xấu

Lười nó như lười con rắn độc

Nó thì thâm những điều thất thiệt vào tai người này, người nọ

Nó làm cho xóm làng hoang mang, anh em chia rẽ

Phải đưa nó ra xét xử

Phải làm cho dân làng thấy được sự độc ác, nham hiểm của nó

⁽¹⁾ Cadjāh yư chip pucau

Cadjāh yư chip sot

⁽²⁾ Cumơi valơi, valơi asơ alah

Để mọi người không bị nó rủ rê, mua chuộc
Để xóm làng ta lại đoàn kết như xưa
Chiều gọi nhau, xắm tối nhớ nhau
Nếu nó không bỏ sẽ bị xử lý bằng pháp luật Nhà nước.

Điều 8: Về những kẻ cưỡng dâm trẻ em vị thành niên:

Trẻ em tuổi còn ngây thơ trong trắng
Như nụ hoa, như mầm cây
Còn yếu ớt, còn non nớt
Ai cũng phải có trách nhiệm bảo vệ, dạy dỗ.
VẬY MÀ NÓ NHƯ CON HEO ĐỐI, NHƯ CON CHÓ ĐIÊN
Nó bẻ hoa khi còn là nụ
Nó hái quả lúc quả còn xanh
Nó dụ dỗ các bé gái vào bóng tối, vào trong rừng để làm
điều tồi tệ
Nó phải bị phạt rất nặng trước toàn thể dân làng
Trước gia đình có bé gái mà nó phạm tội
Nó phải chiêng trả nhĩn đên⁽¹⁾
Phải làm lễ cúng tạ lớn để làm gương cho kẻ khác
Trước khi bị đưa ra xét xử trước toà án Nhà nước.

Điều 9: Về những kẻ không tôn trọng già làng, người
đại diện chính quyền:

Con suốt phải có nguồn

⁽¹⁾ Chích upah carah tùq (Câu nói trong luật tục của người Raglai)

Cái cây phải có gốc
Con suối không có nguồn, lấy nước đâu để chảy
Cái cây không có gốc, làm sao có thể mọc
Làng xóm muốn được bình yên
Phải có già làng, chính quyền
Vậy mà nó muốn chặn nguồn làm cho suối cạn
Vậy mà nó muốn chặt gốc làm cho cây chết
Nó xúc phạm tới già làng
Nó không tôn trọng người đại diện chính quyền
Luật lệ của Paloi, của bố mẹ, bà con nó coi thường
Pháp luật của Nhà nước nó coi thường
Nó làm rối loạn kỷ cương Paloi, phép nước
Nó hành hung già làng
Nó thoá mạ chính quyền
Phải đưa nó ra xét xử trước dân làng
Với hình phạt thật nặng
Lỗi của nó, nó phải đền
Lỗi của nó, nó phải bồi
Chiêng được gùi đi, của cái được mang đi⁽¹⁾
Đó là điều nó phải chịu bởi lỗi của nó
Khiến nó không bao giờ mắc lại lỗi lầm này nữa.

⁽¹⁾ Chhũq hadu dòq di hã, dlaiq hadu dòq di hã

Chic pacut hulút paluvàq (*chiêng được gùi đi, nô lệ được dắt đi*) -
Lỗi nói vắn của người Raglai mô tả cảnh người phạm lỗi trước đây phải nộp phạt theo luật tục. Nay hiện tượng nô lệ không còn nữa, nên thay bằng của cái.

CHƯƠNG V

XÂY DỰNG BẢO VỆ QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG GIỮ GÌN TÌNH LÀNG NGHĨA XÓM (5 điều)

Điều 1:

Người Raglai ta từ ngàn xưa

Đã gìn giữ mối quan hệ anh em, họ hàng, bà con làng xóm

Mọi người thân ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau

Xóm làng anh em

Chiều tối nhớ nhau, xẩm tối nhớ nhau

Khi anh thiếu thì anh xin

Khi tôi thiếu thì xin anh

Chúng ta như con nai sống thành bầy

Như con hoẵng sống thành đàn

Một cây mọc lẻ loi, gió lớn dễ bị đổ

Nhiều cây mọc thành bụi, giông bão chẳng thể lay

Khi nhà hàng xóm cháy

Mọi người phải cùng sang dập lửa

Khi con hàng xóm đau
Mọi người phải chia nhau đi mời thầy, tìm thuốc
Như thế mới là anh em
Mới là bà con láng giềng, tắt lửa tối đèn có nhau
Mới là xóm em làng anh, xóm em làng chị⁽¹⁾
Mới là bà con xa, láng giềng gần⁽²⁾
Vẫn cố tình làm ngơ
Kể khi bà con láng giềng đau ốm
Vẫn quay lưng mặc kệ
Kể đó không bằng con thú
Kể đó không phải bà con cùng một Paloi
Kể đó chỉ là người xa lạ
Kể đó sẽ bị mọi người tránh xa như tránh con thú dữ
Kể đó chỉ có thể ở trong rừng, xa cách mọi người
Không ai muốn sống gần những kẻ hung ác
Xấu hổ với gốc trâm
Mắc cỡ với cây tô hạp⁽³⁾

Điều 2:

Mọi người sống trong cùng Paloi
Phải tuân thủ theo luật lệ, quy định chung

⁽¹⁾ Chhõm adoi paloi ai
Chhõm adoi paloi sa-ai

⁽²⁾ Apoc ata tiat jeq

⁽³⁾ Ap di phũn galou
Malou di phũn turuq

Đường rẫy bờ ruộng

Do tổ tiên thống nhất khi làm ruộng, cuốc đất⁽¹⁾

Là tài sản riêng của mỗi gia đình, tộc họ

Không ai được xâm phạm, lấn chiếm

Rẫy cũ của ông bà, cha mẹ để lại

Rẫy mới cũng của ông bà, cha mẹ để lại⁽²⁾

Cháu con phải có trách nhiệm gìn giữ

Không ai được quyền lấn chiếm, khai thác bừa bãi trên
ruộng rẫy, đất đai người khác

Phải đưa ra xét xử trước bà con

Người sai phải trả lại đất đai, ruộng rẫy cho người ta

Và cọt một chum rượu

Cúng tạ dân làng và gia đình, họ hàng người bị xúc phạm

Điều 3:

Phải có ý thức gìn giữ trật tự, vệ sinh chung

Không xả rác bần, nước bần xuống mương rãnh, sông suối

Đường đi lối lại được quét dọn sạch sẽ, vệ sinh ngăn nắp

Không làm chuồng trại gia súc, khu vệ sinh

Gần nguồn nước sinh hoạt, gần trường học, chợ búa

Không vứt xả rác thải, xác súc vật rạ ngoài đường, ở
nơi công cộng

⁽¹⁾ Apu chuàc humā gah

Pava mảq cơi ngāq humā tanāh

⁽²⁾ Paroh mủq cơi

Casơ mủq cơi

Nếu súc vật chết vì dịch bệnh, phải chôn sâu và rắc thuốc khử trùng

Không thả rông trâu, bò, dê, heo, gà

Vừa làm mất vệ sinh môi trường, vừa phá hoại vườn rẫy người khác

Người chết không được để nhiều ngày trong nhà

Nghĩa trang không để gần đầu nguồn suối, sát cạnh sông

Các gia đình nên có giếng nước, hầm cầu, hố đổ rác, chuồng trại chăn nuôi gia súc cách biệt nơi ở của người

Thực hiện tốt việc ăn chín, uống sôi, diệt ruồi, diệt muỗi, diệt gián, diệt chuột

Đêm ngủ phải có mùng màn

Chấp hành quy định của cơ quan y tế về tiêm phòng dịch bệnh, việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón

Tiêm phòng dại cho chó, mèo.

Hàng tháng, Paloi tổ chức một ngày lao động công ích để dọn vệ sinh toàn Paloi.

Mọi gia đình đều phải cử người tham gia không được trốn tránh.

Mỗi người phải có ý thức gìn giữ

Paloi mới trở thành một làng xanh, sạch, đẹp.

Đường hoa nước lành

Chúng ta không còn lo ốm đau dịch bệnh

Mọi người đều khoẻ mạnh vui tươi

Những ai không tuân thủ điều này

Sẽ phạm tội mời thần ác vào nhà

Rước thần dịch bệnh vào cửa

Sẽ phải gánh hậu quả nặng nề do ăn ở mất vệ sinh gây ra

Sẽ phải phạt nặng

Tuỳ theo mức độ tác hại việc làm của nó gây ra.

Điều 4:

Việc sử dụng xe máy, xe công nông, xe máy cày

Phải tuân thủ những quy định của pháp luật

Không để trẻ em vị thành niên điều khiển xe gắn máy

Đường làng ngõ xóm

Là đường đi chung của mọi người

Không được biến thành sân phơi cà phê, đậu, bắp

Các gia đình không để trẻ em chơi đùa đá bóng trên đường

Ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông của làng xóm

Xảy ra tai nạn đáng tiếc

Ai vi phạm điều này sẽ bị xử phạt tuỳ theo hậu quả, mức độ thiệt hại do những vi phạm đó gây nên

Điều 5:

Mọi người trong Paloi tích cực hưởng ứng cuộc vận động của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và đoàn thể quần chúng

Thanh niên đến tuổi, tích cực tham gia nghĩa vụ quân sự

Tích cực tham gia lao động công ích

Tích cực đóng góp công sức, tiền của để xây dựng các công trình công cộng như điện, đường, trường, trạm...

Khi có lũ lụt phải tích cực tham gia đắp đê phòng lũ.

Khi có hoả hoạn, phải tích cực tham gia việc cứu hoả, dập lửa.

Khi có trộm cướp, phải tham gia việc truy bắt kẻ gian tuỳ theo khả năng của mình.

Phải có trách nhiệm bảo vệ tài sản quốc gia, tài sản tập thể, tài sản của thôn, Paloi và coi đó như tài sản của chính mình.

CHƯƠNG VI

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

(4 điều)

Điều 1: Bảo vệ rừng

Rừng là mái nhà thiên nhiên

Rừng che chở ta, bảo vệ ta

Không có rừng, lấy đâu ra măng, ra nấm.

Không có rừng lấy đâu ra dây để buộc, tre để đan.

Nếu hết rừng, lấy gì ngăn lũ cuốn, đất lở.

*Cây to nơi đầu núi, đỉnh đồi, đầu nguồn là chiếc đập
ngăn nước*

*Không được chặt cây đã lâu năm, dây leo cuốn, cây
sung thân*

Không được làm rẫy, làm nhà⁽¹⁾

Đầu núi chân làng, núi to bãi hoang

Nơi ở của Thần Núi, Thần Rừng

⁽¹⁾ Cayou prông dòq acop chutq acop tanuāi
Danor hulou ia dada vanũq vinuq riya cha-ua cha-utor
Cat jua hara valou
Oh joc coh janāh jah apu, ngāq sàc

Không được làm nhà ở

Không được phát nương làm rẫy bừa bãi⁽¹⁾

Người xưa tin rằng

Đỉnh núi, đỉnh đồi

Rừng đầu nguồn, rừng nguyên sinh

Là nơi thần linh trú ngụ

Chặt phá rừng đầu nguồn, xúc phạm thần linh

Sẽ bị các thần gây ra sạt núi, lũ lụt

Ông bà ta đã bảo rằng

Nghiêm cấm làm nhà nơi đỉnh núi, đỉnh đồi

Bởi đó là đường đi của Thần Núi⁽²⁾

Núi rừng có khoang Thần ác

Ông Ác, Bà Đá tặng

Nên không được làm nhà ở, không được làm rẫy

Việc tự ý du canh nơi rừng rậm, đất mới

Cũng bị nghiêm cấm

Bởi cũng tại vùng núi xa lạ đó

Có Thần Đất, Thần Rừng

Thần Ác, Thần Dữ trên núi bắt⁽³⁾

⁽¹⁾ Acop tanuāi tacai paloi, churq prōng ranōng vanhĩm Cuang Puvia

Oh j̄oc tamā ngāq s̄ac, dahnōq dòq

Oh j̄oc poh janāh jah apu

⁽²⁾ Paānq ngāq s̄ac dòq di bo tanuāi

Còh jalāt Pu v̄hũm churq

Churq dlai paduc salah vhoq

Yac Cơi v̄hòp Mũq Ti li Oh ngāq dahnōq dòq, oh ngāq apu...

⁽³⁾ Oh gajìq tamā dlai matah tanah tamō

Thần Rừng , Thần Núi

Thần Ác, Thần Dữ

Chỉ là hình thức người xưa sử dụng

Để khuyên dạy con người không được tàn phá núi rừng

Không được huỷ hoại thiên nhiên

Bởi đó là môi trường sinh thái của con người

Biết tôn trọng môi trường sinh thái

Biết kết bạn với thiên nhiên

Con người sẽ được thiên nhiên đem lại nhiều điều tốt đẹp.

Hãy tìm trâu cau

Hãy cầu xin với Thần Rừng, Thần Núi

Xin cho chim, cho heo, cho gà

Xin cho nhiều lúa, nhiều bắp

Xin cho mọi sự đầy đủ

Chiêng đánh, vòng đeo, nhiều ơn nhiều lộc⁽¹⁾

Những kẻ huỷ hoại môi trường thiên nhiên

Sẽ tự huỷ hoại cuộc sống của hần và của xóm làng

Kẻ đó phải chịu trừng phạt nặng nề

Cho xứng với lỗi của hần gây ra

Chiêng được gửi đi

Của cải được mang đi

⁽¹⁾ Kudah lanũh pināng

Vhāng v̄hāng di pu chũq dlai

Chĩp tro ralo pāp

Gilo mǎi padai j̄oc

Boc hmũ riyu t̄ol

Chic at̄oc c̄oc vuh hhuc waq, payaq pad̄op

Trâu trả, nhần đên

Nếu không chừa sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 2: Về việc làm cháy rừng

Ông bà, tổ tiên người Raglai ta, từ xưa đã dạy

Cấm không được làm cháy nơi thờ Thần Rừng, Thần Núi.

Việc đốt rừng không được làm ở những nơi khu rừng rậm

Rừng nguyên sinh, hoặc rừng đầu nguồn

Vì đó là nơi Thần Núi, Thần Rừng cư ngụ

Đó là cách nói của người xưa

Để răn đe con người không được làm cháy rừng

Làm cháy rừng có nghĩa là làm huỷ hoại môi trường sinh thái vào hàng quan trọng nhất của người Raglai.

Ngọn lửa đốt rừng sẽ làm tàn phá xứ sở

Cháy rừng, người Raglai không còn chỗ lấy măng, lấy nấm

Cháy rừng, người Raglai không còn nơi đào củ, hái rau

Suối cạn kiệt, con cá, con rùa, tôm cua sẽ không còn nơi sinh sống

Cháy rừng, con thỏ, con sóc, con cáo càng sẽ chẳng còn chỗ ẩn nấp.

Mọi vật hoặc sẽ cháy cùng với rừng

Hoặc hoảng sợ mà bỏ đi nơi khác

Khu rừng đang đẹp đẽ, xanh tốt

Biến thành rừng hoang, rừng chết.

Kẻ đốt lửa làm Thần linh bị nóng, bị bỏng

Kẻ đó đã xúc phạm tới Thần linh⁽¹⁾

Bởi thế nó phạm phải một lỗi rất nghiêm trọng

Cần phải đưa ra xét xử

Với hình phạt nặng nề để làm gương cho kẻ khác

Điều 3: Bảo vệ nguồn nước

Nguồn nước là nguồn sống của người Raglai

Nước làm cho cây cối trên rẫy tốt tươi

Nước là nơi sinh sống của muôn loài tôm cá

Hủy hoại nguồn nước

Là hủy hoại cuộc sống của cả Paloi

Không có nước

Cả làng phải rời bỏ nơi ở cũ để đi đến nơi ở mới

Bởi thế, người Raglai từ xa xưa đã có luật

*Nghiêm cấm làm nhà nơi nguồn nước, nơi có mạch
ngâm phun*

Ỉa đái làm ngập hang cua, hang cá lóc⁽²⁾

Làm ô uế các nguồn nước sạch

Sẽ khiến thần linh nổi giận

Thần Đất ở nơi bờ hồ, bờ ao

Sẽ làm cho con người bị

Phù thũng to bụng, tả lỵ bụng beo⁽³⁾

⁽¹⁾ Huh har par caduq

Droi patla di chhūq madueh

⁽²⁾ Pacuq ngāq sàc dòq danr ia , hulou ia, vusaq ia yawa lawa vruh

Eh ma-iāq tajch tajap luvàc vư ariac, yàc.

⁽³⁾ Yàc lageh jhàq

Varah variu nūq voq tuc

Eh charoh poh jahàq, eh darah matah cunhīq

Từ xa xưa người Raglai đã quy định
Các gia đình dùng một con sông, một dòng suối, một
nguồn nước

Chỉ được dùng một phía

Tắm giặt, rửa ráy ở một bên,

Ăn uống ở bên khác

Nếu sử dụng cả hai bên bờ sông suối là xúc phạm với tổ
tiên ông bà

Sẽ bị ông bà bắt phạt, gây nên dịch bệnh, làm chết người⁽¹⁾

Bởi đồng bào e rằng

Làm như vậy, dịch bệnh sẽ lây lan theo dòng nước chảy

Vợ con, đàn bà vừa sinh nở, trẻ con

Không được tắm giặt ngoài sông, ngoài suối

Mà chỉ được tắm nơi máng nước chảy về nhà⁽²⁾

Tránh cho nguồn nước sạch khỏi bị ô nhiễm

Sông, suối còn là nơi sinh sống của bao loài rùa, ba ba,
tôm cua, cá

Là nơi cung cấp thức ăn từ bao đời

Nếu muốn ăn cá, anh có thể đi câu

Nếu muốn ăn tôm, có thể đi vớt

Rùa, ba ba... đang có nguy cơ tuyệt chủng

⁽¹⁾ Djùq ia tųq di gųq còh tųq Mũq Cơi

Mũq Cơi mǎq dalaq anǎq ticho sàc dahnỏq nhũ

⁽²⁾ Sumlah sanỏh catųq vungǎq lawa chỏm palỏi

... Sanỏh dlul sanẻq vida

Pu saganǎ ganuar mǎq

Chiculit tųq vlųq vlǎq sadỏh sumlah mũq Cơi

Đừng nên săn bắt bừa bãi

Nay có người già rả cây độc thả xuống sông, xuống suối
để bắt cá, bắt tôm⁽¹⁾

Nay có người dùng điện ,dĩ xuống sông, suối để tôm cá
nổi lên

Dòng sông, dòng suối đó trở thành dòng nước chết

Chết cá mẹ, chết cả cá con

Trứng cá bị ung , không sao nở được

Không một loài tôm cá nào sống sót

Con cháu chúng ta thêm cua, suối không còn một con

Mẹ già ta thêm cá, sông không còn cá

Sông suối trong lành ngày xưa

Đã bị kẻ xấu phá huỷ hoại

Kẻ vi phạm sẽ phải đưa ra xét xử trước dân làng

Để răn đe kẻ khác.

Điều 4: Bảo vệ các loài động vật quý hiếm

Rừng núi là của chung của mọi người

Thú rừng là của chung của mọi người

Ai cũng phải có trách nhiệm bảo vệ

Để ngăn cản những người không hiểu biết vào phá
rừng, săn bắn thú rừng bừa bãi.

⁽¹⁾ Người Raglai có nhiều cách “thuốc” cá, chủ yếu bằng cách đốt hoặc đập dập các loại vỏ cây, củ, rễ, dây rồi thả xuống nước (Rễ cây Diak, vỏ cây Apar, rễ cây Djrê...) làm cho cá say hoặc chết, người ta chỉ việc nhặt về.

Người Raglai nói với nhau rằng:
Rừng núi là nơi cư ngụ của thần linh
Thú rừng là gia súc do thần linh chăn dắt
Nai, mang, heo rừng, trâu rừng được coi là heo chăn gà
nuôi của thần

Nếu thiếu thốn có thể xin thần một vài con
Nếu xin nhiều thần linh sẽ không ưng thuận

Hãy tằm trâu cau

Hãy cầu xin với Thần Rừng, Thần Núi

Xin Thần cho được bắn con chim, xin con heo, con gà

Cấm tham lam, săn bắt quá mức⁽¹⁾

Kẻ săn bắt quá mức

Sẽ làm cho thần linh nổi giận

Sẽ làm cho môi trường sinh thái huỷ hoại, khô kiệt

Chim thú bỏ sang rừng khác

Con ta đói không thể đặt bẫy nhỏ, bẫy to

Mẹ ta thèm không tìm đâu ra thịt chim, thịt thú

Kẻ đó sẽ bị đưa ra trước dân làng

Và phạt nặng để làm gương cho kẻ khác.

⁽¹⁾ Pacủq lua panãh lih lam

CHƯƠNG VII

HÔN NHÂN

(7 điều)

Điều 1: Tự do yêu đương

Trai gái đến tuổi lấy vợ, lấy chồng

Không phải cùng một dây, không phải là anh em

Không cùng một dòng máu

Cớ sao lại ngăn cản họ thành vợ thành chồng

Cớ sao lại không để họ về cùng một đường, một ngõ

Không cho họ sống chung dưới một mái nhà.

Họ muốn thành đôi chim sống trong cùng một tổ

Họ muốn thành một đôi nai sống cùng một khu rừng

Đôi trai gái yêu nhau thành vợ, thành chồng.

Họ xây dựng tổ ấm rồi sinh con đẻ cái

Đời nối tiếp đời

Người Raglai từ xa xưa vẫn thế

Con nối tiếp cha, cháu nối tiếp ông

Trai gái Raglai có quyền tự do yêu đương

Và kết hôn với người ở dân tộc khác

Mọi người trên tổ quốc Việt Nam

Đều là anh em

Họ có quyền trở thành vợ thành chồng, không ai ngăn cản.

Điều 2: Từ hôn

Việc ăn hỏi, cưới xin tránh xa hoa, tốn kém

Theo đúng tục lệ xưa

Nhà trai phải mời ông mối là người biết ăn nói, biết tục lệ ông bà

Sang nhà gái dạm hỏi

Nếu gia đình bên gái ưng chàng trai

Họ mới chịu ăn trầu, uống rượu

Chàng trai mới được phép trao vòng, trao chuỗi hạt cườm

Cô gái nhận

Nghĩa là hai bên đã hứa hôn để thành vợ thành chồng

Nay họ nghe người xui kẻ giục

Họ như con hươu đứng núi này trông núi khác

Họ bẻ cái vòng, họ quên lời thề

Trước ông mối, trước ông cậu, ông bác thay mặt bố mẹ

Họ phải bị đưa ra trước bà con, họ hàng xét xử

Họ phải đền bù danh dự cho người họ đã hứa sẽ chung sống suốt đời

Họ phải đền công ông mối nói năng đi lại

Và đền bù cho họ hàng, gia đình bố mẹ người kia

Nếu cô gái thay đổi

Cô phải đền gấp đôi

Bởi cô đã nhận lễ vật của người ta
Cô phải chịu tạ lỗi trước hai bên dòng họ
Để làm gương cho các đôi khác
Hãy cân nhắc đắn đo
Để đến khi đã nhận lời hứa hôn
Sẽ không còn thay đổi nữa.

Điều 3: Có con trước khi cưới

Đằng nào rồi họ cũng có con có cái
Vì sao phải vội phải vàng
Hai vợ chồng lấy nhau, hãy chuẩn bị làm ăn
Để dành của cải nuôi con lúc nó ra đời
Vội vàng có con
Lấy gì nuôi con khi người mẹ nằm yên một chỗ
Lấy gì nuôi con khi nó ốm đau bệnh tật
Lấy gì nuôi con khi gặp những chuyện chẳng ngờ
Bởi thế người Raglai cho rằng:
Trai gái chưa cưới mà đã ăn nằm với nhau
Trai gái chưa cưới mà bụng người mẹ đã to, con đã lớn
Hai người phải sớm tổ chức lễ cưới
Để thành vợ thành chồng
Để hai vợ chồng có trách nhiệm nuôi dạy con khôn lớn
Nếu thấy người phụ nữ có mang
Người con trai không chịu cưới
Anh ta sẽ bị đưa ra trước Hội đồng làng
Để làm lễ tạ lỗi với thần linh

Tạ lỗi với cô gái, với gia đình, họ hàng nhà cô
Và phải sớm lấy cô gái về làm vợ.

Điều 4: Tình cảm vợ chồng

Hai vợ chồng có thương nhau mới đến chung sống với nhau⁽¹⁾

Hai vợ chồng phải cùng nhau làm việc,

Cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc

Hai vợ chồng phải cần cù như đôi chim *Valiq - Chawoi*

Vợ tảo tần, chăm sóc chồng và con cái

Chồng chịu khó, gánh vác phần nặng nhọc cho vợ

Thế với nhau

Sống ôm cổ

Chết ôm mình⁽²⁾

Vợ chết, chồng lòi

Chồng chết, vợ kéo⁽³⁾

Bởi thế

Nếu họ có cãi lộn nhau

Thì hãy bày cách cho họ sum họp trở lại⁽³⁾

Vợ chồng có thương yêu nhau thì mới đến ở với nhau

Nếu bỏ nhau thì ông bà quả trách

⁽¹⁾ Sudiq vusàc vòq dòq

⁽²⁾ Drũ gưq

Hudiq cuar tacuai matai cuar rùp

⁽³⁾ Matai sudiq vusàc hua

Matai vusàc sudiq hua

⁽³⁾ Buh choh majai

Dai chalah jũ pasuaiq lageh

Làm mất mặt ông bà thì phải làm lễ cúng ông bà⁽¹⁾

Điều 5: Ly hôn

Song, tô chén dùng hoài cũng vỡ mẻ nữa là vợ chồng⁽²⁾

Hai người không còn yêu thương nhau

Thì chỉ còn cách để họ sống xa nhau

Người ta không thương mình đâu

Việc gì mình phải sống ôm cổ

Chết ôm đầu⁽³⁾

Ai chủ động ly hôn

Phải nộp phạt cho người kia

Chia cho người kia của cải, gia tài

Đền bù cho người kia, cho gia đình người kia danh dự

Vì mình đã không thể sống chung với họ suốt đời

Mình đã không giữ lời thề

Đã bẻ vòng đồng mà hai người đã trao nhau hôm cưới.

Điều 6: Ngoại tình

Đàn ông, đàn bà có vợ, có chồng

Như con chim đã có tổ

Như con ngựa đã mang yên cương

Cớ sao anh hay chị lại đứng núi này trông núi khác

⁽¹⁾ Madah dơi gưq jừ mủq coi buh

Bloq malup mủq coi jừ dlaiq vớiq mủq coi

⁽²⁾ Jaluq chawát tùq dơi khũng magrút paq giq sudiq vusàc

⁽³⁾ Ràc anit di dơi oh buh dơi

Hudiq cuar ta quai

Matai cuar acoq

Nay ăn cơm nhà này, mai ăn cơm nhà kia
 Trai có vợ, gái có chồng
 Như cái rựa đã tra cán
 Cái nôi đã có nắp
 Cái gùi đã có quai
 Cái vòng đã đeo vào tay
 Cái dây cườm đã quàng vào cổ
 Vậy mà một trong hai người
Nghe lời ngon người ta hứa
Nghe miệng ngọt người ta gạt⁽¹⁾
 Lại ham rẫy mới bỏ rẫy cũ
 Muốn tháo quai ra khỏi gùi, tháo cán ra khỏi rựa
 Những con người đó làm con mình mất cha, mất mẹ
 Họ đã làm cho người kia
 Bỗng nhiên rơi vào cảnh goá bụa
 Họ phải đền lỗi của họ gây ra
 Bằng những của cải cuối cùng của họ
 Cha ông ta đã nói:
Một đồng tiền rách, một chiếc nhẫn gãy
Cũng phải đền cho sự goá bụa
 Vở sò, chiêng, trâu
Cũng phải đền cho sự goá bụa⁽²⁾

⁽¹⁾ Hmũq saq vangĩ, sap urac patah
 Hmũq muvah jaman, mubah urac palaiq

⁽²⁾ Sa voh jĩh bah carah joh
 Khũng buh val valou valac

Tội ngoại tình xưa nay vẫn bị coi là tội nặng
Minh cũng là vợ chồng
Người ta cũng vợ chồng
Không phải heo chó
Gặp đâu lấy đó⁽¹⁾
Bắt vợ người, cướp chồng người
Thì tên bay, nửa đâm⁽²⁾
Kẻ bắt vợ người, cướp chồng người
Sẽ bị đưa ra trước dân làng xét xử
Và chịu mức phạt nặng làm gương cho kẻ khác
Nếu không chấm dứt quan hệ bất chính
Thì chuyển chính quyền giải quyết.

Điều 7: Lấy vợ, lấy chồng khi chưa đến tuổi thành niên (Tảo hôn)

Những đứa trẻ chưa đến tuổi thành niên
Còn tuổi chơi, tuổi học
Còn chỉ là cây măng, chưa thành cây tre, cây lồ ô
Không ai có quyền bắt những đứa trẻ trai phải lấy vợ sớm

Càc amro, chìc duh cuvau valou

Khũng buh val valou valàc

⁽¹⁾ Droi khũng sudiq vusàc

Uràc khũng jóc sudiq vusàc

Oh viq un asou

Pũq hata màc tahĩa

⁽²⁾ Mãq sudiq ràc vusàc gũq

Jũ brop wâu djrau pơ

Không ai được bắt những đứa trẻ gái phải lấy chồng sớm

Cha mẹ nào, gia đình nào làm như vậy

Sẽ phải đưa ra trước Hội đồng làng để xét xử

Đám cưới khi cô dâu hoặc chú rể còn chưa đến tuổi thành niên

Sẽ không được mọi người và luật pháp công nhận

Và đám cưới không có giá trị gì

Người vi phạm sẽ phải cật một vò rượu

Tạ lỗi với đứa trẻ

Tạ lỗi với gia đình, họ hàng, mọi người trong làng

Để không còn mắc lại lỗi lầm này nữa.

CHƯƠNG VIII

GIA ĐÌNH

(6 điều)

Điều 1: Trách nhiệm nuôi dạy con cái của bố mẹ:

Cha sinh, mẹ đẻ⁽¹⁾

Sinh con để nối dõi dòng họ, gia đình⁽²⁾

Bởi thế, sinh con ra cha mẹ phải có trách nhiệm dạy dỗ con cái

Đứa trẻ được dạy dỗ mới nên người

Chiêng sa không kêu phải lấy dao cạo

Dao rựa không sắc phải lấy đá mài⁽³⁾

Cha mẹ sinh con ra

Không chịu dạy dỗ để nó thành người hư hỏng

Cha mẹ phải bị đưa ra xét xử trước dân làng

Phải cột một vò rượu làm lễ tạ trước tổ tiên, dòng họ.

⁽¹⁾ Amā cheh awoi deh

⁽²⁾ Jioc anāq còh lưoi acoq danāi gai ja mǔng

⁽³⁾ Chhar chic oh manhī mǎq thoc to vù cuah
Thoc to oh hluoq , mǎq patou vù asah

Điều 2: Quyền được học, được chơi của trẻ

Trẻ em như chiếc măng non, như cái mầm cây

Được cha mẹ, ông bà, cô dì, chú bác che chở

Phải cho các em học hành

Các em có quyền được chơi

Không được bắt các em nghỉ học

Không được bắt các em làm các việc nặng như chặt gỗ,
vác củi...

Nếu gia đình quá khó khăn, ít người

Trẻ em cũng phải làm việc giúp gia đình

Nhưng các em vẫn được chơi

Các em vẫn được hàng ngày tới lớp

Ai bắt các em làm việc nặng nề vất vả

Ai bắt các em không được đến trường, đến lớp

Sẽ bị đưa ra trước Hội đồng làng xét xử.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của Phụ nữ:

Người phụ nữ trong ngôi nhà của mẹ

Được quyền quản lý tài sản trong nhà

Phụ nữ như cái mái nhà

Như cái nắp gùi

Giữ gìn tài sản để không bao giờ bị thiếu

Song, người phụ nữ yếu ớt lại sinh con, đẻ cái

Người đàn ông phải gánh phần nặng

Phải góp phần vào việc chăm sóc gia đình

Dạy dỗ con cái

Như thế, gia đình mới hạnh phúc

Làng xóm mới yên vui

Mọi người mới thấy ngôi nhà đó là ngôi nhà văn hoá.

Điều 4: Con cái phải có trách nhiệm chăm sóc Ông bà, bố mẹ:

Ông bà, bố mẹ đã sinh đẻ, nuôi dạy con cái

Ông bà chịu khốn khổ, đói rét

Bố mẹ chịu vất vả, thiếu thốn

Nuôi con cháu khôn lớn

Khi ông bà, cha mẹ

Đôi tay đã già yếu

Đôi chân đã run

Đôi mắt đã mờ

Đôi tai đã điếc

Tay không còn giương được cung, giương được ná

Lưng không còn cõng nổi gùi sắn, gùi bắp

Nó bỏ mặc cho ông bà nó đói

Nó bỏ mặc cho bố mẹ nó rét

Nó không nghĩ đến công cha sinh mẹ đẻ

Xấu như con chim cú

Ư rử như con chim sọt

Nó không biết *canh bưng cơm dọn*⁽¹⁾

Nó phải bị đưa ra xét xử trước dân làng

Để làm gương cho những kẻ làm con mà không có trách nhiệm với ông bà, cha mẹ già.

Điều 5: Anh em phải yêu thương nhau

Anh em là những người cùng *cha sinh mẹ đẻ*

Phải yêu thương nhau

⁽¹⁾ Djap pùq bu rawai

Gia đình nghèo khó anh em phải nhường nhịn nhau
Con một ngàn, vú một cái
Cũng không tranh nhau, giành nhau
Như thế mới là con cái ngoan ngoãn
Như thế mới là anh em thuận hoà
Anh em cùng một mẹ sinh ra
Cùng bú một bầu vú
Mà tranh giành nhau
Đánh lộn nhau
Sẽ bị người ta chê cười
Xấu hổ với góc trâm
Mắc cỡ với cây tô hạp
Sẽ bị đưa ra xét xử trước bà con làng xóm.

Điều 6: Tội loạn luân

Loạn luân là tội nặng
Cùng dòng họ, cùng dòng máu không thể lấy nhau
Làm ô ւế tổ tiên ông bà
Phải lấy chén đồng mức nước làm lễ tạ lỗi với thần linh
Xưa kia người ta làm chuồng
Bắt hai kẻ loạn luân chui vào ăn trong máng như con
heo, con bò
Nay họ phải nhận lỗi trước bà con, họ hàng dòng tộc
Cúng tạ lỗi thần linh
Tạ lỗi ông bà tổ tiên
Tạ lỗi với gia đình hai bên
Và hứa trước mặt mọi người
Không làm điều xấu xa bất chính ấy nữa.

BẢN CHỮ RAGLAI

CATIŢ TALŌI I:

NŪI DU VOH URÀC PATUPŪC PAPANUĂI VOH RIYA GADHA (10 VHŌN)

Vhŏn 1:

Adāt panuaĩq caya coi mŏq mucal luoi wŏq làiq

Adāt riya luật pháp Nhà nước caya sàc ia , chính sách caya Đảng

Điour khiãng vroi ga manũih Raglai

Abih tih du manũih điour ga troi pađau

Du avih tih điour troi khiãng ga yaq yòp rùp dai hmũ yawa dada ga droi

Sudiq vusàc jãnq lageh siàp yur cap chĩp *valic-chawoi*⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tinhã sit di mŏq Chawoi Tinhã mgoi di coi valic

Vhõn 2:

Di gãm dalap la palõi vuh jõi gadha prõng, gadi bẽn oh

Buh gadha vhõn pa awaq oh vi phạm adãt asal sadaq lawiç rugõi ravuãq mũ mucal si ranĩ vãn hoá adãt panuãiq asal voh urac ra adãt adar jucal cadõp ngãq ga manuĩh urac viç du mũ urac caya manuĩh vuol vila droi⁽¹⁾.

Vuol vila manuĩh palõi vù tãm gưq laiç toũq gưq laiç luoi ga peq ga charanã gãm. Gadha peq puaiç charanã iou ganũn cõh charanã gadha Manuĩh puaiç manuĩh charanã hiã gadi puaiç payah gadha patloh iou ganũn lèq po charanã Po manuĩh di jiãp jap, vanah ga vida gadha iou lèq po ngãq gadha manuĩh po gadha.

Sa di gah manuĩh hiã jõe asal si iou tũq sa sàc urac tuha buh di thõu pac si đõp, thõu pa si pangãq voh papeh pavlũq nũi di voh cãu samãn vãn khũng charanã jõe , iou ganũn cõh lèq Ramãq Tuha luoi pabuh bõq cheq ga tãm gah ga droi.

Vhõn 3:

Jũq avih gadha cadlai charanã luoi ga chruh voh padoc gadha sa mudã ga padoc vroi ga chính quyền dalap thun xã la vhõn patãm guõn si voh ngãq jũq avih chủ trương caya Đãng su pháp luật Nhà nước. Adãt adar jucal cadõp mũ mũq mũ coi luoi ga droi lageh siãp ga manuĩh urac Raglai ga tuc hatai anĩt jumãn di tanãh riya ia djuh droi,

⁽¹⁾ Gadhi prong gadha gõng
Gadi yac gadha ukhit

anīt languāq māq voh jumān di Palōi di tanāh droi.
Manuīh Raglai uràc droi laiḡChōm Palōi adōi aiTlap iaq
gōq, rasiou iou gūqThoh di hā jư lacou di cōu Tloh mư cōu
nāu lacou paq hā Lāng tanāh chōm Palōi siàp tuc siàp
hatai Oh buh paduch māi cūq ga gadha prōng, vhōn ghong
duq du manuīh la paloi.

Điou anīt jumān cual duc padòc padōn gām si gūq.

Vhōn 4:

Vhōn cadlai gadha charanā akhàt òp, pachāc pachìq
rìq dor samū hmū du gūq

Lanūh dahnòq phōn charanā jōc ngāq di lot di humā
uràc hagiḡ manuīh lèq manuīh hiā vù tōm gadha juh.Mū
du manuīh vìq ga patung vroi avih jưq voh,vroi djùq.

Tol lưoi ga voh tōm voh pa hmūq mư phut tol la –o mư
acoq toq tluat. Dua gah mư vanah cunī hmū asal voh siđ
voh ga du mư manuīh uràc òp.Gadha ga puaiḡ ga cadlai
charanā la-ūh suoi tol di dua gah mư vanāh nāu tol saleq
sa hatai si gūq.

Vhōn 5:

Vhōn ga puaiḡ cadlai peq charanā vìq mư samū du
gūq, djưq manuīh, djưq jưq voh gadha.

Manuīh ngāq jōc acoq prōng anēh, uhā biao juh ngāq
pasraq va padōm.Manuīh vuol ngāi, vìq hmū pahmūq
ngāq gām

Anàq hia buh thoi awoi amā lapa oh

Vhõn ngãq gadha si uràc uràc oh buh thõu hã hmũ
chìc chahar hã hmũ oh jac paq uràc vù dlàiq hmũ hã si
suaiq vayar.

Vhõn 6:

Di nũ uràc hagiq soi gadha chhũc pat eq tanĩ juh, wòq
ga laìq juh nhũ thõu drah ga lacõu droi cheq.

Uràc Raglai hamũ adãt si chèq tư pùq patõu rõu sula
siaq ngãi

Vhõn ga catuq traq ga mãq sidjuol cuh nhũ coh lèq
charanã voh ga pùq dlòc mãq viar dòq di biah.

Ula vù pùq sato paq grãt vara khàt si choh paq palàt
tacai ma-ũ nhũ.

Vhõn ga catuq mãq ga chhũc haiq dlàq madueh vù tanĩ
padoc ga khuõn nhũ buh di mata juh gadha vù droi ngãq
dlàiq ngãq madueh ngãq chhuau juh coh nhũ.

Còh laìq mata ia mata tực langar di blac, padoc ga ràc
manuĩh pachhac buh ga mata droi dòq magap voq magap
chhuai magap.

Hata hapaq wòq vù dòq khur bõc catuq dlàiq madruh
vìq hmũ di uràc.

Chìc jau cuvau su pùq vuh pùq pajau ga uràc cheq oh adãt.

Ngãq ga chìc vìq va, ngãq ga caya ngãn vìq gui va nãu
cheq oh si djũq hanuãq voh hiã.

Catuq bõc gadha di uãn di juãn dlàiq di anãq uràc, po di
manuĩh hiã uràc charanã cadlai wòq biaoq nhũ tavluq voh
chhũc dlàiq vayar vamãi traq nãu wòq laìq traq ga nhũ.

Vhôn 7:

Manuĩh timũh leq voh gadha vù muvah nhũ dòq camalah dòq padol, sap ngãq camlah muvah ngãq padol didil hiã.

Iaq wõiħ biaq hã vida dlatq traq wõq cah biaq.

Vanah hã hã dlatq, hã madueh dlatq chhũc ga cou wõq.

Hã viq jõe tũq lơi lacou padòq du mũ manuĩh urac mãi ngãq yac tuvuh ga acoq cou cayua gadha hã.

Vhôn 8:

Manuĩh hmũ tadhuh ga dlatq ga madueh vù rabãh pol puoi vĩa ahũq yac ga urac wõq.

Tamãh ga jro tapai icaq di vavuc tapai pũq jaluq manũq iaq cac tapai langõi vù tuh vù tara ga ravuãq tuha ga manuĩh ga urac.

Ngãq vroi tara pasiãp sa tuc sa hatai si gũq dòq yũ cah nhũ si droi coh adroi ai rubũp wõq miãq wa coi duat adroi sa-ai sa palõi si gũq wõq vlũq.

Huruoi huruoi khũng saleq su gũq nãu joh ruvuc gũq dũnq ta sa lavuq dlai

Biaq ughah ughah gah khũng ta manõi si gũq tũq ta sa garoc cròc ia

Oh buh urac hagiq paq huruoi anãq didoi ðop mũ voh sadap ralaq paq voh vahrou trà ta-oh.

Vhôn 9:

Si gũq tangan tacai lageh yũ chur labàq avih dòq si gũq mãq tagãn apaq tacai si gũq paup pagòp padoc padon gũq

Oh anāh rupha ga nhū cayou hē triac ale hē cram

Oh anāh rupha padai vra hē padai tliq.

Manūih apoc ia unī si apoc ia urac tucot iaq pavaq

Pamāq ga adāt adar mucal cadòp yac ravac, panuaĩq
gadha caya manuĩh apoc ia manuĩh dih.

Madah buh vñon unī vñon tucot.

Dalap la paloi seq viài pa rubúp patòm pa-anēh ru pha
si gưq.

Su du mū manuĩh saleq gưq patòm yư chur labàq

Māq tangān ayaq tacai si gưq saleq pạp pagòp

Oh rupha anāh manuĩh Raglai hē manuĩh sa voh vuc tuc
hatai sajoc mū voh matiàt jưq du apoc ia urac tucot tamō.

Vhōn 10:

Yư garòc ia vìq hmū danor phut hulou nhū

Yư joc cayou vìq hmū phut ugha

Paloi khūng pùq vunāi patòm pajup manūik paloi pa-ranah
ga rah droi

Uhiā coh jưq tuha còh ravuāq tuha ma-ảnq si pioh
sanac dăc dirai ga droi.

voh sàc dahnỏq.

Còh nū manuĩh Đại diện ga Mặt trận, Hội Nông Dân,
Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên... dalap la paloi.

Hội Đồng Làng pua voh pajau ga droi patom parubúp,
quản lý, giám sát vñon ngăq Quy Ước unī.

Mayòp nū manuĩh, nū sàc dahnỏq nău acoq jalat yư
cruh yư pachhac lageh gương mẩu lageh.

Nũi điều Quy ước đã quy định urac pajoc yư hiã su
ngãq pa khrã iaq nuĩ du gajiq manuĩh, sàc dahnỏq papuq
pa awaq ngãq lageh oh.

Hội đồng làng oh jóc vamãi nũi voh mãq dlaiq vlàq di
asal mal rài vroi ga droi, madruh chhuah dluh di pháp
luật Nhà nước.

Hội đồng làng pabuh bòq ga paloi, ngãq nuĩ du voh
Bản Quy ước unĩ tamãh quy định pa tupuc voh vloh didoi
di jóc Hội nghị pabuh bòq ga cán bộ dalap la paloi samũ sa
hatai si gưq vloh thông qua.

Hội đồng Làng hmũ pajau voh ngãq pioh rumiãq quỹ
chung caya paloi. Jưq du khoản thu chi đieu jóc waq chep
tuah pioh jiap ga nhĩt, vaq tol, hmũ tol hoá đơn , chúng từ
hợp lệ.

Cư năm vilat sa tuq, madruh pajau voh ngãq unĩ
sumiãq pioh ga puiq caya paluig.

Viq pah akhàt pa-vithon hanũaq ga thu chi hlou huoiq
ga ngãq làiq uỏq sa tuq

Du thut, huoiq ga ngãq uỏq làiq cayua ga huoiq ngãy
biap jưq dahnỏq dalar la paluiq va su vanãu di buh aĩq
chhuah malbol dalap magưq nhũ ngãq kchũng cayua ga

Huoiq ngãy vithou jưq dahnỏq va gũa ngãq.

CATIŢ TALŌI II:

PIOH KHIĀQ IAQ PAJÀC DALAP LA ADĀT PARUĀIQ GADHA UKHIT

(04 VHŌN)

Vhŏn 1:

Manuĩh Raglai urac droi

Mũ ata jumã mucal cadđop yòp

Hudiq di vhum lot lagar unĩ

Ngãq vruãq magoi, ngãq pajoc angũi, cheh đeh hudiq

Joc tica ga lot riya, guor mũq gilùq coi, mũq coi churq
caih rivou dlai.

Cròc garòc chroh hmør pasir pavac padiac padon

Anãq ticho jãc ghoh ravuãq jãc prong ghong

Viq ploh khiãq iaq pajar panuãiq riya mũ adãt adar
jucar cadđop awoi amã mũq coi.

Pahmũq ga sanãp pato caya Đãng.

Thou ga ngãq ga pasrãc ranong panuãiq asal lageh
siãp caya ga Raglai droi mũ mucal simãi.

Di gilo padai joc hmũ boc di thut vilat payat viq thou
caciq vanĩh aling tũq usar mata gilo padai vahrou ngãq vu
huaq tapai hluc ga nhũ.

Luoi ga uot droi paluoi sap ga vruãq ga hmũ bœc voh titai voh vhorn vruãq magoi ga tãdiac cucõau tanrou tangan droi ngãq vruãq apu.

Luoi ga hluc huaq waq payaq mũq coi guor mũq giluc coi, lot tanãh via riya pu saganã via lawah, saganã via lùc lawah lawor grõm catal nhũ iaq putau khau cuhnã ga droi.

Di anãq aviq anãq matou tlah sàc dòq tở dòq gajiq

Viq ngãq tloh panẽq riya havou muã ia richo ia tisou vilou dada ga awoi amã

Di ãh apui gui anãq can buot viq ngãq ga yàc gru buai gru saluai buai sawaq urac

Viq vavruh va tuviah paceq lingiã payua anãn akhãq.

Hlou di ngãq yàc pahuaq vu, ngãq yàc cacah richo salou mũq coi.

Nũ du adãt adar jucal cadõp ãuq lageh makhrã , adãt asal lageh siãp

Viq mãq pajar ga tica pioh ngãq khiãq pajar luoi.

Luoi ga la paloi rãc droi õnĩ dòq tol dòq jœc sanãq masriau pa-maũm cuoq ranõng vila cajac ratuh cahnuõq.

Sanãp chic, va dar yawa chhar va puyuc chhar arĩng ching ruthu pahmũq pađau di hatai tiat vuc tuc urac tuha.

Sanãq adoh manhĩ siri alou majiong ritu ngãq um sadah bõq mata dap dara lacoi cumoi, ce adoi.

Mũ du manuĩh patol mãi pajup ga jeq phia si gũq yur rãc tlah yur rãc ãuc, patol chur labãq caduc cual cahnual ãuc si gũq anĩt jamãn di gũq ãoan kêt.

Vhõn 2:

Ngãq ranong voh manũq ngãq du mucal panuaĩq yàc gadha ukhit gadi

Gadha asal jucar urac cumoi chũq au muboiq cachreh saduq mayac lageh makhrã.

I caq ucõn ga amã.

Angõm salac chhèq ga awoi

Cawat vuh bacuai cõc vuh tangan, dac anhũq paguaiq di tacuai

Srou surai si sanãp manhĩ, ri ri, jucal, manhĩ, sangõi...

Ngãq pa samũ hatai manuĩh urac tuha

Ngãq pa dađah hatai mpq ce anãq cumoi, ngãq ga paloi um crãm cahnãp pajoh, pajup pabũp si gũq, gahnãp mada dluh mũ mucal.

Vhõn 3:

Ngãq asal adãt tũuq patõm pol tanuaĩq voh yac gadha ukhit ranong adãt panuaĩq mucal cadõp.

Su pua pilih gam valai si hmũ caya angũi gilo padai hadu si hmũ caya du mũ sac vijeh va caya padar drap va caya angũi hmũ du mũ sac, du mũ manuĩh.

Patlah paweh ga ngãq prong ghõng uan, parõc jin parai avih caya.

Ting yac ga ngãq prong uãn, parõc parai liq lai, paliq palai.

Ngãq yac ngãq manũq panuaĩq gadha vhoõn patõm patũuq di phut adhaq nhũ viq um sun lageh.

Pa matai tluq aıq un aıq manũq

Pa palai aıq alac tapai, pa palai aıq vra apiac...

Di buh tıiq thiutq coh ha paq asuq caya wòq vù pioh cahia

Di hlua tiyuh anãq hagiq vù hmũ si boc...

Pasiq pavhiq ga matai atou oh luoi suoi la sàc aıq huruoi

Vıq ngãq tichhıq djrũc mãq ruaq ruaq papiap, ngãq pabàq tahluaq tamã voh vida ruaq papiap.

Mũi vhorn druĩ ngũi ga papuq yàc ra vác uãn, proh pamõng cati ralac tubac, catih duah buah tinhã oh ngãq loiq loi pupoi oh.

Oh luoi pajoc patla ga nhũ ngãq ngãq oh

Paduh rumuc sadu magrũt tol pran jaghaq khac yawa oh, caya anãn jacar ngan mũ du manuĩh urac.

Vhorn 4:

mãi paq sàc dahnòq urac tucot sàc urac

Oh thou ga ukhit ga lagar pical riya

Ngãq amoh tichhıq vıq daluq kiqu chanãng ga daq tahnãi

Ngãq pa lavuh pùq gırc padoc vui sapuh ala patlah dlòc yàc ravac urac, ngãq patuh pichah tavlah tahaq cheh jro jro tapai.

Vıq ngãq yàc vhaç ahùq guor mủq gilùq coi ga urac, yàc ravac ga sàc urac.

Vıq mãq vamãi pãp di mata hlou di bòq urac paloi puaiq gadha charanã vroi

Su ngãq yàc tara paduh pùq ga manuĩh tanãh paloi sa jro tapai.

CATIŢ TALŌI III:

GADHA TLEQ RÀQ PHAQ
SAWAH TLEQ RÀQ PHÀP BŌM
(05 VHŌN)

Vhŏn 1:

Chŏm palŏi adŏi ai su gŭq

Tlap rasiŭ su gŭq (... hã nãu caih nãu dlai hiã oi!...)

Malap pãp gŭq

Madruh ga ai thiŭq cheq lacŭu di cŭu

Cŭu vù buh ta hliuh ngãi va lacŭu di hã

(Ō cŭu buh thiŭq

Ta-hliuh jadi cŭu lacŭu di hã oi)

Vù ngãq hagiq khiãng ga nãu tleq hiã, dalap ga nãu
ngãq tleq ngãq licùq di caya manuĩh uràc ?

Khiãng ga bŏc sa canŏh awèt ruvuc oh ga khiãng si
nãu iaq

Khiãng hmũ bŏc sa droi icàt oh si chhuh ga nãu padac
si nhual

Khiãng ga hmũ bŏc voh gilo, pluoĩ diduq oh ga khiãng
jah drap ngãq apu.

Khiāng ga dungōm djùq tapai dai alac djüc djũi apui
bơc ralàc dòq yư uràc khiāq catrōu bơc luvàc padai oh si
khiāng ga jrōu lasoi.

U hiā jũh coh manuĩh hiā vù alah matah nāu.

Sa tuq pìq ladap mata

Sa tuq mǎq ladap tangān

Nhũ ladap si mǎq tleq mǎq ràq, nhũ ladap si mǎq
phàq mǎq

Sawah di caya ngān manuĩh uràc tucōt tamō

Nhũ hiā mĩh biaq vida jũh biaq vamaĩ ga gadha dlatq
ga voh charanā ngāq gadha jũh hiā, patōm lāng tanāh seq
viai cadlai charanā jũh.

Vhōn 2:

Mǎq bơc tleq bơc ràq di caya uràc gưq tucōt tamō

Di jiǎp uhiā jũh ngāq rupoh rumuc caya anān jacar
ngān, padueh ga paròc gưq tamō manuĩh tucōt

Bơc tleq, bơc ràq, ngāq patuh pichah tavlah tahàq caya
anān jacar ngān manuĩh caya ràc v्हōn ga nhũ ngāq yư
hiā buh lageh oh.

Ngāq yư nũn vloh buh dòq ta_oh leq adoi ai si gưq, buh jōc
trà ta-oh coi duat miāq wa adoi sa-ai sa chōm sa paloi si gưq.

Cayua ga nhũ unũn jũh vìq mǎq vamāi vù ngāq gadha
charanā ga madueh voh nhũ.

Ngāq hiā duh ga madueh gadha adāt panuaĩq mũ
jucar asai cadòp yòp mỏq akhàt lươi coi akhàt pìoh lươi ga
charanā mũ voh Raglai droi.

Uràc giq manuĩh sơi si tleq nhũ mǎq khư sa, oh hã vayar chhũc mǎq dlaiq tlou wih di caya hiã wòq biaq khũng adāt

Lươi ga nhũ rumǎq tǎq cal tumal cal joh thit si tleq ràq cheq nhũ , nhũ lueh mã lươi cheq nhũ nhũ tleq ta-oh.

Lươi ga biap jagi oh mĩh buh nhũ ngǎq khĩn ngǎq hatai tiàt hadu tuq bac tleq ràq trà ta-oh.

Lươi ga thit sa tuq nhũ hnõn sa tlon nhũ gòt cheq.

Vhõn 3:

Buh nuĩ pulih di manuĩh buh alah atàq oh mĩn juh

Oh buh djưq manuĩh hiã padueh ga nǎu tleq nǎu ràq oh

Coh nhũ cayua ga ãh malaiq samǎq samǎi oh juh nhũ.

Cayua ga pǎp di catuõq chhuah tatla di tangǎn tacai

Tapleh tasràq còh hadu bac lèq tlah yac ngǎi cheq

Padai voh dòq di apu di janǎh canǎ suet canǎ joc lageh

Padai voh dòq rilõi dòq tisap dòq cunhiq dòq, nhũ vida ga dat tata, ga cra rupoh bưc ngǎq vroi luiq anǎq avìq nhũ lapa hlua tiyưh dadi juh, nhũ buh buh caya ngǎn si vroi ngǎq pamuc papuq tipuõl anǎq ce mã bưc ta-oh

Amã awoi khươn nhũ ruap papiap lavuh khõi h , khươn nhũ oh buh dòq hagiq lươi ga situq riaq tanǎq lai paròc ga amã awoi bưc.

Dòq di la gul rabǎh rabǎq yư hiã sawic sawac yư hiã chir walir, nhũ viq ngǎq tleq yư capĩnq mata asou pichah acoq.

Ngǎq tangǎn ngǎq tacai vù pùq tangǎn chhoc padai yư poq bac mǎq padai ruoh suai mǎq icàt ràc dadi.

Tangān nhū sawai mǎq caya uràc tamō dalap yòt

Cayua ga uhiã jũh khuõn nhū vu jóc manuĩh ga
madueh dlaiq duh rabāh di uràc làiq

Chhõng vloh, khũng pua iaq ga seq viài pua iaq ga nhū
khũng di rabāh dunsā vroi unun wòq dadi

Nhū lèq mǎq tleq, luoi ga anǎq avìq nhū tlah di lapa

Nhū mǎq tleq, khiāng ga anǎq avìq nhū tlah di toiq di
casot di.

Cayua unūn jũh hiã, oh mǎq eq catuq dlaiq di nhū
pajóc caya sa dlaiq vayar tlou wòq

Khur tamō ga mǎq nhū hiã vayar khur hagiq caya nhū
mǎq tleq dũq cunĩ

Chhõng vù mã nhū lacou droi si drũ mĩh buh satuq
sawāc sa bac tra duh ga madueh unĩ trà ta-oh.

Vhõn 4:

Nuĩ du ðu ngān caya paðuq voh khiāng manuĩh ràc
tucót tamō, tùq ga mǎq paðuq chhõng vloh vùq vayar wòq
vroi siàp.

Oh hmũ si ngāq joh, ngāq taya, ngāq thit...

Madah chhuah ga ngāq joh, ngāq apui boc

Vù manuĩh ngāq tùq di gũq cunĩ vùq ngāq vayar, vùq
vroi pa samũ caya hiã wòq.

Madah manuĩh tùq khiāng ga mǎq paðuq oh si khiāng
ngāq vayar oh chhuah vroi samũ mũ caya hiã

Manuĩh hiã jũh co manuĩh ngāq ma rabāh gajìq dlaiq
nhū jũh su vamaĩ ga ga ràc pùq voh ga charanā pangāq
gadha anĩt ràc ròc dlòc ràc chĩp...

Du jacar, caya ngān còh caya ràc ma- ảnq si pùq traq hadu

Hã vìq duah avìh vìq vayar wòq laiq ranōng hiã

Su icaq ngāi di vavuc sàc sa jro tapai luoi ga ngāq yàc upah tacai manuĩh paloi ràc biap.

Vhōn 5:

Cayua ga tùq tùq cah sa gah pahmũq sap uràc papuaiq paro dòq di lageh uãn uràc drũ uràc vroi biaq co hmũq sap uràc patah movah uràc palòc.

Sap lageh sap uràc patah movah vangĩ movah uràc palaiq

Manuĩh ràc ga thit jin pariaq, thit nũi caya nũi ngān nũi caya manuĩh hiã juh mãq sap nhũ mumĩh jamãn, luoi ga paluơ pavuơq gưq tamō tucot.

Ngāq ga rivou ga hudìq manuĩh uràc oh si jòc gadoc tupuc wòq

Ngāq ga sàc dahnỏq uràc uràc ganũn ajoc mã thit caya ngān vù paciuh vamāi jòc duh jòc wòq.

Manuĩh hĩa juh pavuơq manuĩh ràc tucot tamō luoi ga duah caq bluaq ga nhũ.

Manuĩh hiã juh ngāq pa-rabāh, ngāq djāh vroi ga gưq

Manuĩh hiã uràc mãq vamāi dalap ga manuĩh uràc vuol paloi tom ngāq gadha pùq padlài iaq ga nhũ vìq charanā

Peq vroi dlaiq tư ga manuĩh pavuơq pa-gila uràc khũng ranōng chung peq vroi dlaiq chhũc vayar pioh ga gadha manuĩh dlaiq di tleq ràq hiã nhũ juh.

Pavuơq pa gila caya uràc du di sa, mãq nhũ duah mãi patol vayar joh ga tlou.

CATIŢ TALŢI IV:

PAJÀC PAKHIÀQ AN NINH TRẬT TỰ SU DÒQ
DI GAĐOC SUN CRÁP GA MANŪIH URÀC
VUŢL VILA TANÃH PALŢI
(09 VHŢN)

VhŃn 1:

Du du manuĩh la palŃi iaq pua ngãq gãm khiãq ga
pajàc palŃi hmũ sun lageh um siàp, hmũ pran yawa lageh
siàp lùq.

Nãu sibi jalàt buh đah buh vungã

Cròc ia đuaiq đuaiq gahroc đuaiq gahrac.

Chĩp gubual mupal pagŃp pŃr gap di thàt di ridja voh
tũm cayŃu

Oh huŃiq ula mãq choh voh varah duah didrùq nhũ oh

Rusa đuaiq nãu tư valư pua gah ranŃng tanrŃq oh
huŃiq di rimŃng asuq đjràc sapua inã capuih jrŃp pah tiàq
hua mãq bŃc nhũ oh.

Mũ du manuĩh uràc sun cráp gađoc si ngãq pajoc angũ

Buh buh pamuc ga huŃiq di manuĩh djãh paranah
palai paluiq gưq oh

Paloi droi, nãu sibi gah jalat buh đah buh vungã cròc
ia duaiq gahnoc gahrac

Oh ngãi luoi manuĩh djãh rupoh rupau pajuèt cheq

Mũ du sàc du manuĩh oh pioh paduh tòuq du manuĩh
tleq ràq phàq sawah, manuĩh ngãq voh suvil hanruoi lacoi
cumoi.

Oh djùq saràq tlùq nũi jurup mũ tim ma tuý a-piỏq

Oh sa gah gaga ga alac tapai nhũq nhur oh, poh bai
(tùq, lakho) oh

Mũ du manuĩh la paloi droi oh ngãq vhoi chhuau đi
Pháp luật Nhà nước.

Madah buh manuĩh giq leq acoq danãi giq urac soi nhũ
si ngãq pa awaq ga vi phạm luật pháp urac mãq.

Mũ du manuĩh jóc ga droi ngãq du voh Phạm pháp,
ngãq thit sun gadoc Trật tự trị an dalap chõm paloi droi.

Urac giq khiãng ga pa awaq voh unĩ, vù vida ràc ràc
maq vanãu ga tòm gadha puaiq charanã.

Su ngãq yac lumah upah urac manuĩh paloi du caloq
alac jro tapai prong bẽn pua gam gadlàiq traq sidjuol.

Vhõn 2:

Du manuĩh hiã vù nhũ dòq yư ula voh mãq, dòq đưq
dòq cadàp dalap sùp la malap.

Nhũ yư rimõng yư asuq, dòq duah cadàp sa matãh
dayuq malap.

Nhũ hiã manuĩh djãh, khiãng ga pa rupoh payah cheq
caya urac dòq lageh dòq sun cráp caya hudiq sàc dahnỏq
la paloi.

Nhũ oh khiãng ga dèq iaq buh hmũ du manuĩh um lageh tòm wic tòm dar gah ga ít apui.

Yư manuĩh ga nãu lua paruh nãu panãh, buh di khrum tacai inã asuq, wơq mãi vìq vithou ga po ngãq chom paloi

Mũ du manuĩh dalap paloi, buh manuĩh hiã siàp oh thou

Si crãn oh, vìq pa vithou ga cung an madah ga pa vithou ga pua iaq gah paloi droi.

Sàc dahnỏq leq hagiq paduq dưh manuĩh luoi ga ãih pìq malap di sàc droi vìq maq ãang ký ga ãih malap hiã si cung an xã.

Po giq urac soi si ngãq oh voh hiã

Cư luoi ga manuĩh tleq mãq rãq pa-rupoh pa-payah

Caya anãn jacar padar di sàc manuĩh vuol vila paloi droi

Anãq ga manuĩh hiã cayua ga nhũ lùq tawaq paq nhũ vìq ngãq ga urac gãm nhũ lùq hiã.

Đu caya jacar paduq vida thit urac ma-ãnq si pùq hadu, vìq gãm nhũ dlaiq vayar ranõng hiã.

Su sa cheh sa sa you tapai alac luoi ga ngãq yac lumah lacou ga dlaiq va vayar si coi duat miãq wa adoi ai rac.

Vhõn 3:

Mũ du manuĩh la paloi

Du adoi ai su gưq soh

Vìq ga anit languãq cuaq majua, caduc vroi cual cahnuai

Si duc si gưq yư sa muvah chur labàq padoc padon ga gưq

Tagùq muguãh tinhã ramõng gưq hatưu si nãu
 Di rasiou iou pahoih driaou òq ga ga gưq hamũ mũ wọq
 Ga gabap voh gưq nãu paq sàc gưq, luoi ga sidjuol
 Voh si viài sidòp ga iòp ga sidjuol khũng jọc.
 Cabluh hagiq khũng chamarau rumãu cadlai òp mũ
 Pa vưq mũ pahiac puaiq ravuãq satap tluat djưq oh
 Cayua ga hagiq vưq poh majai dai atòc gưq
 Òp nũ patot droi peq jĩn joh duoh adãt oh, poh majai
 dai atòc hapaq buh djưq si lèq adoi ai sa pruaiq sa diac
 Nũ du manuĩh ngãq sa bẽn patot droi poh rumãu, poh
 majai dai atòc đư du manuĩh chhuau ga hã chhuah...
 Đu du vưq pajup gưq di nhũ sa jro tapai vıc alac luoi ga
 lumah pasiàp hatai gưq wòq gadha tu gưq parali
 Su lumah upah uchhai di gadha droi si coi duat miãq
 wa adoi ai la paloi wòq laiòq.

Vhôn 4:

Djùq alac tapai ta gãp ngãq ga mũ du manuĩh pathĩm
 ga um cráp lageh sa tuc sa hatai si gưq
 Djùq alac tapai aiq tavluq mãi alac tapai nhũ djùq droi
 wòq
 Nhũ ngãq ga anãq mata droi thou pac si dèt iaq ta-oh
 Lingiã droi oh hmũq ta-oh, acoq dlo droi buh thou si
 sinĩn ta-oh sup mata lingiã dól dól vuc đuc hatai
 Di movah droi pasah pasuaiq mãi nũ sap srũh voh
 djãh soh

Di muvah dơi pasah khiuq manuĩh urac dòq rirai pupai dòq riròp vuvòp.

Di tangãn dơi poh jat manuĩh jù dòq coi duat

Miãq wa, adoi ai hagiq lèq wòq buh dòq ta-oh

Pasah urac, poh ngãq di manuĩh hiã juh ngãq thit ga trậ tậ trậ an la chõm paloi lang tanãh rạc

Manuĩh ga khiuq pasah rạc, poh toh ngãq di manuĩh

Cayua ga mavuq maviol alac tapai, mĩh ga rạc

Mãq vanâu paq tũa urac charanã ganĩ pháp luật.

vù vayar

Su icap padoc di vavuc sàc sa jro tapai lươi ga hơu lumah gadha dlaiq duh si coi duat miãq wa adoi ai dalap la paloi

Vhõn 5:

Poh bai tùq lakho mãq jĩn ngãq mã avih jĩn thit caya

Ngãq thit avih anĩt languãq cuaq majua di-ar cajĩa

Mỏq awoi coi duat adoi ai jeq pheq phía sùp rasiou dòq si gưq buh gưq dòq tiãng

Ngãq và manuĩh hmũ unĩ và ươt dơi paloi jat

Ngãq di gưq tatla lawũh hmũ oh cunĩ cù chau rumãu uh ur lavua adũq.

Manuĩh gưq ca-ùq, jù dơi hayou si crấp siàp ùm jợc

Poh bai tùq lakho bợc jin pariap còh hagiq lèq wợq

Voh ngãq djãh dalap xã hội dalap manuĩh urac paloi lapar

Còh ngãq pa-awaq pamuc tợl luật pháp Nhà nước.

Manuĩh ma-in poh bai mǎq jĩn v̄iq drũ ga lac̄ou droi

Ga d̄laiq droi di mata coi duat miǎq wa addi ai

V̄iq mǎq vamaĩ di mata manuĩh lagar paloi suaiq viài
peq charanā gadha d̄laiq nhũ.

Jĩn pariaq duot sarui mǎq hmũ v̄iq vamãĩ patol ga
cōng quỹ.

Su manuĩh tamā ngǎq lùq poh bai ga boc̄ jĩn hiã v̄iq
mǎq pa-icap padoc̄ sa jro tapai caloq alac, luoi ga drũ lac̄ou
droi ga voh nhũ ngǎq gadha d̄laiq duh dueh ga nhũ di
mata mũ du manuĩh.

Vhõn 6:

Cathuĩh langǎq ga ma tuý aphiõq avih si ahiuq tibĩt

Nhũ voh anǎq manuĩh lih ruaq papiap, lumot luhmaĩq

Cadjǎh yũ chĩp puc̄au

Cadjǎu yũ chĩp sot

Di rùp manuĩh hiã ugha tuq giq khũng ta dleh dlar yũ
cumoi tuha va valou asou alah

Cayua ga unũn nũi du manuĩh ngǎq tluq ngǎq tĩm,
djùq sariq ma tuý.

Madah buh urac̄ thõu manuĩh hiã nhũ cathuĩh langǎq

V̄iq ga pavithõu cheq ga awoi amã nhũ, vithõu ga cung
an madruh manuĩh po paloi prong anẽh r̄ac̄...

V̄iq patlah pataĩq di panõq r̄ac̄ djǎh...

Nhũ v̄iq lac̄ou droi di bõq mata vuol paloi manuĩh urac̄

V̄iq ngǎq mã chhũnq hõu caya d̄laiq droi sa cheh tapai
caloq alac su lac̄ou droi drũ juh

Unĩ biał patlah va pical di langãq di srãc mahãu
Nãu dijuh ga ma tuý aphiỏq hiã luoi ga đroi tavluq
manuĩh yư vhiài wỏq.

Vhỏn 7:

Nhũ cỏh manuĩh đượcãh

Tuc hatai nhũ sinĩn mãi sa jalàt, muvah sap nhũ đờp
sa galỏc

Uràc dòq di anãq, hã iaq nhũ pabluh yư sapuh yư
gajai, nhũ mayỏp bờp bờp dòp buỏt dòq brỏ.

Uràc khĩa si vluq roc nãu, nhũ pamỏh voh ga đờp djãh

Muvah dilah nhũ yư griãng yư danuĩq pajhàq varah mãq

Nhũ laiq nhũ masrẻh nuĩ du voh magriãh muvai
vamaĩ ruãq la lingiã manuĩh unĩ uràc tucỏt

Nhũ ngãq ga chỏm paloi buh gadỏc hatai lủq

Nhũ ngãq ga adỏi ai chalah chalaỉq rupha ugha gủq

Manuĩh unĩ vủq vanãu nhũ peq charanã gadha nhũ

Vủq ngãq ga manuĩh paloi buh viap jủp gadha ga mãq
ruãq rupoh parai, paluiq rai caya nhũ

Luoi ga mũ manuĩh oh vida ga nhũ jàq varuiq,

Tuvuh chruh hatai vủi tuvuh nãu ngãq voh djãh si
nhũ luoi chỏm paloi đroi.

Tamã wỏq anĩt languãq cuaq majua gủq yư jabac
mucal tlap rasiỏu iỏu gủq, malap sủp cahnal gủq.

Vhỏn 8:

Ce adỏi thut danỏng dòq di ben maluh, hulỏu lagar
siàp lageh yư vủc pruh vungã, yư tuvhiac atiac cayỏu.

Dòq di patih mida pha miliơ

Uràc hagiq khũng ga ngãq iaq pavaq chakhaq iaq pajàc luoi ga pato pachhai pabluh pavhuãn duh pahou.

Yư hiã vù nhũ manuĩh vù yư un hlua lapa, yư asou haruh hanruoi

Nhũ changáp ga viq vungã dòq cavup dòq prũh

Nhũ peq voh hiã anã dòq suet dòq mida

Nhũ paluơ nhũ padu jưq ce cumoi mãi paq canap, mãi paq caih dalap luoi ga nhũ ngãq voh tichhuq tisiãm amõh tichhuq vưq daluq.

Nhũ viq vida poh pa rumáp gadha caduaq dalap anãq bõq mata avih di manuĩh vuol paloi

Di mata di anãq sàc dahnỏq ce cumoi ràc dòq ben

Vù nhũ ngãq hiã juh tadluh ga chhũng dlaiq haiq madueh

Voh gadha charanã nhũ tũq ganũh di ula ngãq gadha ruai ganũh vuh ga rùp tũq gadha va gadroi

Nhũ viq hmũ jõc dlaiq ga ràc mũ chìc patrah carah pachrap ga urac

Viq ngãq cacah pavruah dlaiq tàq ga mủq coi luoi ga ngãq cruh ngãq pachhac ga gưq manuĩh tucot tamõ.

Hlơu di vida mãy vanãu luoi ga ràc peq charanã gadha dlaiq madueh pa awaq tol Toà án Nhà nước.

Vhõn 9:

Vinủq cajap caya ugha

Ia cajap caya ga danơ

Cròc oh danør ia thu , vinủq oh ugha vinủq
Matai asủq mãq mãq hata luoi ga ia đuaìq
Phut cayou oh jõe ugha, hayou si ngãq nhũ jõe timũh
Pruh guor mida chanãq sula hlàq lamòc
Chôm paloi khiãng ga hmũ jõe jua cráp gadøc chãc sun
Viq hmũ tuha paloi ravuãq tuha, chính quyền
Yư hiã vù nhũ khiãng ga nãu cươc nãu pavươc mũ danør
Luoi ga cròc garòc unũn thu ia cheq
Unũn vù nhũ khiãng ga taq choch chapoh dròq phut
cayou ngãq ga cayou matai.

Nhũ ngãq hatai tiat gagaq pa awaq tol tuha paloi
Nhũ oh pa rumiãq papẽn manuĩh pabuh anãq chính quyền
Adãt rabãt caya paloi, caya amã caya awoi, coi mỏq
Mủq duat adoi ai lãng tanãh vù nhũ iaq pavaq dadi oh
Iaq yư asou mũ ala vù nhũ tavlsruq dlòc wòq
Pháp luật caya sàc ia Pháp luật Nhà nước, nhũ iaq
pamãq oh nhũ iaq dòq yư vhiài.

Nhũ ngãq patasrou parai adãt asal paloi phép nước
Nhũ ngãq bruh hatai si tuha paloi si ruvuãq tuha ràc
Nhũ ngãq chừq chura hatai si chính quyền.
Viq vamaĩ nhũ ga urac pavuh gadha peq charanã
Paduh chhũnq chhũc mãq dlaiq di gadha nhũ hiã
Di anãq di mata manuĩh vuol vila urac paloi
Si canõh dlaiq duh dueh lavuh pahaiq ganhũ dadi si traq.
Madueh dlaiq caya nhũ, nhũ viq chhũc viq vayar
Dlàiq di rabãh nhũ cayua ga nhũ hmĩ si dlàiq nhũ viq

tuq chapag uòq ga maduch chhūng uòq uòq ga vayar.

Chhūng chhūng hadu di ha u dlàiq dlàiq di hayư di hayư ga dlàiq.

Chōc pacùq hulut pa-hulut.

U hĩa còh voh hĩa vòq mǎq traq sidjuol di hĩa ching.

Ga roc dua vara cayua ga maduch gadha caya nhũ.

Paveq pachol ga nhũ oh si nǎu mǎq ra lay uòq madueh gadha chhūng dlàiq unĩ uòq.

CATIŢ TALŖI V:

DAQ PAGUÇ CAWÀC IAQ DROI URÀC RÀC SIDROI RUBÚP SIGUÇ – KHIĀNG IAQ PAJÀC AVNĪT JUMĀN MANUĪH PALŖI CHOM (05 VHŖN)

VhŖn 1:

ManuĪh Raglai droi mũ rivou rai mucal cadòp si mũi
tamāh khiāq pioh iaq ngāq boc pajoc angui si gưq lageh

Adoi ai apoc titat, mũq awoi coi duat ravuāq tuha

Adoi ai dơ vanrùq chõm paloi droi

Mũ du manuĪh đoiu yư si gưq jưh anit jumān buh

Sa-uaq languāq cuaq majua, pajup tangān tacai padoc
ngāq padùq gưq saleq saleq si gưq

Chom paloi adoi ai

Tlap rasiou iou gưq malap canap pāp gưq

Di hā thiưq jừ lacou di cou

Buh lèq cou thiưq đuaiq lacou paq hā

Lavuq droi yư rusa hudiq joc đau joc chriah

Yư djruah yư catōng hudiq joc tipuol joc jỏi chapuol

Lòc còc paga juaq rưq matai dlai aga

Sa beq cayou timũh joc vlòc gapìq, angĩn pa-uãq ngãq

Cayou tavlùq di buot si lavuh si tavlùq

Aìq cayou timũh joc dũm vrit cadap rap supai, taso
angĩn pa-ủq rivùq pa-uãq oh buh magoi riyat

Di vù sàc chom paloi ròq bua apui bợc

Mũ du manuĩh vùq saleq si gưq đuaìq mãi vù poh apui
pa padap apui.

Di anãq ce manuĩh paloi ruaq padìq

Mũ du manuĩh vùq rupha gưq nãu tũnq pròq ròq vijou
duah rưq pajrãu duah jrãu tahnãu

Yư nun juh vahrou còh adoi ai

Vahrou coh coi duat miãq wa adoi ai dòq jeq pheq phia
su gưq, chup di diat padap di apui buh mata gưq

Vahrou còh chom adoi paloi ai chom adoi paloi sa-ai

Vahrou còh apoc ata pi tiat jeq

Buh unũn changáp dòq ngãq tư valư djưq oh

Manuĩh di buh coi duat miãq wa adoi ai dòq jeq

Pheq phia su gưq ruaq papiap oh buh

Changáp ga vlưq roc nãu, dlợp lưoi gưq di mata yư buh
oh ma-ưc buh yư buh oh.

Manuĩh hiã nhũ oh du oh samũ inã asưq inã

Rimõng ưla chana vuol ngãi jat

Manuĩh hiã oh djưq coh coi duat miãq wa adoi ai si
droi oh dòq sa paloi si gưq oh.

Manuĩh hiã tanõ còh manuĩh thou crãn oh dòq chrĩh
dòq ata dòq...

Manuĩh hiã mĩh vida mũ du asuq di rimong masãc ralo
vai inã gre ganre re tamã vida

Manuĩh hiã mĩh tanõ buh mĩn dah hudıq la caih dlai
jũ hmũ, ata tadoh du mũ manuĩh mũ mũ urac

Oh urac sõi si khiãng ga hudıq jeq nũ si manuĩh bruh rai
Aq di phũn gahou
Malou di phũn turum

Vhõn 2:

Mũ du manuĩh hudıq la dalap sa palõi si guq

Vıq pua gãm adãt asal nhũ pa-pateq paloc rac pa-
tupuc voh rubũp nhũ.

Jalãt apu gah humã apu chuãq humã gah

Cayua ga mũq coi guor gamũp droi di ngãq humã,
choh pha la-ua madõi

Coh caya anãn jacar ngãn pu sac caya pajoc mũ dù sac
dahnoc, apoc pitiãt inã janoc apoc jaroc coc vijch

Oh urac sõi joc pagaq vlãq pa-awaq papuq, auq chaga
apu sadap apu casor caya mũq coi awõi amã luoi woc laiq
apu janãh jah vahrou khũng caya mũq coi, awõi amã luoi
woc laiq

Anãq cumuan vıq buh vu ngãq rumiãq iaq pajac

Khiãq pioh ga nhũ ma magõi boc droi juh

Buh urac sõi ngãq asal mal pa-amiaq chaga, choh wa
hatai tiãt gajiq nhũ joc oh dalap la drap apu humã, lot
dloc caya guq tamõ tucot vu po urac doc tu

Vıq mãq vamã suiãq viãi peq charanã di boc mata di

anãq manuĩh coi duat miãq wa adoi ai

Manuĩh ngãq chhau ngãq padlaiq cunĩ vïq vayar wòq
lòt dhòc tanãh chuah urac , humã apu mũ ràc vroi vayar
ga ràc wòq

Su ngãq sa droi un v्हãq vayar, sa jro tapai icaq
vavuc ngãq yac hơu lumah v्हãq asàq ga vuol paloi su sàc
dahnỏq, apoc pitiat manuĩh ràc hã ngãq pa-awaq mã hmũ
si dlaiq.

Vhõn 3:

Vïq hmũ si thơu pac giũ gìn trật tự, vệ sinh chung

Oh tuh danrũh sùq djãh tichhưq, ia djãh tichhưq dalap
la ruvòc garòc tanac, cròc chroh ia

Jalàt nãu galòc mãi jòc sapuh rawai goh v्हuc vệ sinh
prah wa jìq rumiãq

Oh ngãq war paga war còc un cuvau lamo vuve di rah
pic dahnỏq vệ sinh

Jeq danơr garòc ia vingũn tilup ia bəc djùq , dahnỏq
chữq daràq sàc lanũh ranõng ce sraq

Oh dlòp saiq cuh tilũh djrủc sùq ma-ĩh aru hanãi

Djãh tichưq, un manũq matai oh dlòp parah pua jalàt

Di jeq pic paloi dahnỏq dòq

Madah ga un manũq hagiq matai caya ga jit crơu

Mãq ra-õ vïq đơr dalap la lòt su chruai jrãu pa matai
inã vi trùng

Oh patla rai cuvau lamo, vuve, aseh, un manũq gãm ga
ngãq vệ sinh môi trường, gãm roh rupuaq vơn cayơu voh
vungã apu drap humã tanãh manuĩh tamõ

Manuĩh matai oh j̄oc luoi suoi huruoi di s̄ac

Van̄eq at̄ou hul̄ou ȳac jeq acoq hul̄ou dan̄or gar̄oc h̄āq
di pic vahn̄aq cr̄oc iaoh.

Vh̄on 4:

Vh̄on khīang radeh amur. Radeh công nông, radeh
amur la-ua madoi viq nḡaq ḡam oh cah ran̄ong ur̄ac pato
pateq caya Pháp luật.

Oh luoi ga ce adoi oh cah prong th̄ou pac nḡaq po
chaph̄u ga radeh amur

jal̄at pal̄oi gal̄oc chom.

Còh pal̄at ur̄ac ur̄ac kh̄ung n̄au ta hīa m̄u du manuĩh
kh̄ung ta n̄au

Oh j̄oc tadar j̄oc l̄at jabu ca p̄e, rat̄aq, gilo

J̄uq du s̄ac dahn̄oq oh luoi ga ce adoi ma-in blet, pat̄ou
poh b̄onq di jal̄at

Maluq maw̄ol tol tr̄at t̄y radeh amur n̄au di jal̄at caya
pal̄oi chom

Paj̄oc m̄ai ga tai nạn ma-̄anq si calih oh m̄aq hm̄u

Ur̄ac nḡaq pa awaq voh un̄i viq vida madueh d̄laiq

Hatūa gam didoi di voh hīa, hatūa gr̄at vanūaq thit rai
cayua ga nḡaq pa-awaq hīa paj̄oc m̄ai.

Vh̄on 5:

M̄u du manuĩh la dalap pal̄oi par̄uq m̄u pr̄an yawa
nḡaq j̄uq

Du voh ur̄ac maruc pachhai caya Đ̄ang, Nhà nước,

chính quyền lột lagar galòc dahnỏq dòq su jưq đoàn thể
rubủp du vuỏi vila dơi

Dap dara cumỏi lacỏi tỏi thut sanrúc daniông, parủq
pagop yawa va prăn ngãq nghĩa vụ quân sự

Va prăn va yawa ngãq magỏi vruãq ga công ích ga
bluaq ga hmũ.

Va prăn va yawa pajup mãi mũ bòq mata prăn jaghaq,
sắc lanũh sraq ce cumỏi, dahnỏq padủh jrâu pajrâu ga
ruaq papiap...

Di buh halip hujàt lỏiq drúc, vủq chahmaq chahmar
sucar anũh mãi ga ngãq vhorn vủq vanũq chòc ruvòc

Vanũq cứq ruvòc đọp tumũh đuh ga liq drúc lỏiq lia

Di buh tleq tủq vanuãq juaq khrũm mãq manũh calỏp

Cajiã pua gãm hậdu si gặp si dơi ngãq pua sibi dơi

Vủq hmũ voh pajau ga nhũ ngãq rumiãq iaq pavàc

Caya anãn jacar ngãq quốc gia, caya ngãq tập thể

Caya anãn jacar ngãq caya palỏi, palỏi lagar su iaq hiã
yư caya anãn jacar ngãq jủp di po dơi.

CATIĤ TALŌI VI:

IAQ PAJÀC GA CHUŤ TANUÃI CAYŌU PATŌU TANÃĤ RIYA IA DJUH (04 VHŌN)

VhŌn 1: Iaq pajàc ga caiĤ dlai

Caih dlai coh voh sàc dòq di caya lawah langiq tasiq
riya ia cròc

Caih dlai pavàc pa-layũq ga droi, nhũ iaq pajàc ga droi

Oh buĤ caiĤ dlai, hata nãu joh hmũ ruvuc dùnq, hata
si chu vunãu

Oh buĤ caiĤ dlai, hata si nãu mãq talŌi hureq luŌi ga
icaq, hata triac crãm dade ale la-a luŌi ga droi pilac luŌi ga
droi ma manhãm duc yòt tròq vanro achuc capàc

Madah ga avih caiĤ dlai, su mãq lèq pajac ga lŌiq liq
điđ druc, pachãc ga lot jaluh tajru tapeq tajru cu cua

Cayou prŏng dòq mũ đoc vlòc dòq mũ bo vanon, dòq mũ
acoq tanuãi dòq mũ tacai chuq, acoq ia dada vanũq.

Oh jŏc taq joh choh dròq di vinũq leq daniŏng daniã hara
đoc di vangun nhũ suor thut vloĤ, hureq sro culumo paq

Cat jua hara valou oh djũq si ngãq apu

Acoq chũq tacai paloi, dlai tuha inã mũm chũq prong
ranõng adhaq nhũ.

Dahnỏq dòq caya yàc chũq, yàc dlai

Oh djuq jởc ngãq sàc dòq dahnỏq ãih

Oh jởc poh panãh jah apu tư gajìq sa droi sa jaq

Manuĩh mucal cadờp uràc til dadi còh

Acoq chũq tacai tanuãi

Caih dlai mũ acoq ia dada vanũq , chũq manàiq dlai
la-utq jaluc vlòc bo vanõn dlai pũng panũng riya

Coh sàc yàc dòq dahnỏq yàc pu via quang tanãh riya ia
djuh dahnỏq uràc dũh uràc tòuq

Taq rupoh choh haròq acoq danỏr ia dada vanũq, còh
masũh si yàc chũq rupoh vlah palah si yàc jũ nhũ vìq
pacheq ga droi.

Mĩh vida du yàc yàc tac patou cayou triac patcheq paveq

Patol pachỏl panam tapeq chũq tajru paluh jacu loiq
druc mủq coi droi poh pacai pachhai ideq coh

Pacủq pagàc ngãq sàc dòq dahnỏq ãih dahnỏq acoq
chũq, di bo di tanuãi.

Cayua ga hiã còh jalàt nãu pu vhum chũq chuah
tanãh lagar

Chũq dlai padoc vhòp padòq salah

Salah coi vhòp mỏq tili vhum vhòp chòq aciaq

Ajởc si ngãq sàc dòq dahnỏq ãih oh ajởc si poh janãh
jah apu oh

Vhõn ga tư gajìq sa ràc sa droi hã dingỏq hã duah

Chu đũq layủq cadàq dahnỏq caih dlai vrit rap cadap
supai dahnỏq lot matah tanãh tamõ

Khũng vida uràc pacuq pagal mãq voh mubar pical ga voh
Ukhit cõt ga lagar pical ga langiq tasiq juat lät lagar
Cayua ga churq ata ia caroi dlai natah tanãh vahrou
huang adhaq riya tamã vhum nhũ

Hmũ ga vhum ga tanãh, yac dlai yac ranong

Yac majin camlai vhum riya

Yac vhoq salah vhuq craiq, majin di dlai camlai di
churq paduh vhoq padòq salah

Yac lageh jhaq cat jua hara valou atou tuq vinuq yuoc
via churq via riya

Tanõ ga aga pagaloc manuĩh muq coi mucal pioh
akhiãm ga ngãq padah ngãq pachhai dut mũ dicar dar mũ
cadõp mũ muq akhat luoi coi akhat pioh

Luoi ga patah pato cacheq idep sap poh voh pato ga
anãq manuĩh urac oh djuq ngãq vroi choh ruvo ròq

Asaq di caih dlai tanuãi ranong acoq ia dada vanuq

Churq vhoç bo vanõn dlai pung panong riya oh

Oh djuq si paluiq parai churq dlai tanuãi ranong vhum
riya ia djuh

Cayua ga hiã coh yawa triac patou cayou churq dlai dil

Cap inã mũm dlai pung panong adhaq ga nhũ luoi dòq
gajiq nhũ joc nhũ ròc ga màc manuĩh droi wòq, ngãq patou
pajac tac ganang vinuq gamiã daniã akhiõ

Thou ga iaq pavap yawa lot yawa langiq droi viq dèq
pavap iaq pajiãp ga nhũ

Thou mãq caih dlai tanuãi ranong churq lagar vhum
riya unĩ ngãq mayuq ngãq thu si droi

Anáq uràc manuĩh mĩh hmũ jóc vhmũ riya churq lagar
vamãi wòq laiç aĩq ga voh titai tahnãi akhar mũ nhũ
lageh siàp

Vìq chih chur pagul lanũq cudah lanũq diurq sula
Vìq cudah lanũq piãng vhmãq asaç vhmãq ahùq iou laiç
Lacou di đòp đou hulou lagar churq dlai tanuãi ranong
Lacou ga chĩp mupal voh djou cayou majrai, lacou ga
un chiap manũq chai

Vhãng lacou ga gilo mãi padai jóc
Lacou ga bõc hmũ riyu tol
Lacou ga chìc atòc còc vuh
Lacou ga iaç patau khau cuhnã, pùq padoc chhoc vroi
Nũi manuĩh paròc parai choh ruvo haròq asaç di churq
dlai tacai langĩq

Uhiã jur gadha nhũ ngãq paluiq rai di rivou rai anãq
ticho nhũ su caya avih tih chõm paloi

Manuĩh hiã vìq chiùq ga chhũnq haiq dlatq madueh
vhãng vayar vìq traq vìq pagui

Vroi ga nhũ ma-õn ngãi rangãi di hatai drát di tuc si.
gadha chhũnq vayar dlatq upah chhũnq vayar dlatq

Cayua ga vát nhũ hiã timũh voh padueh vamãi

Chìc pacut hulut pagui chìc jau cuvau su

Cuvau trah vraç pachrap carah

Vhõn 2:

Ga duh madueh chhũnq ga ngãq apui bõc caih

Guor mũq, gilùq coi manuĩh Raglai droi adãt adar
jucal cadòp tamã pato.

Jahnāng chũq dlai duai janāng apu drap chanāng
Duh anòc ga pu vhum chũq oh ngāq apui bớc chanāng
Chũq dlai yàc chũq dlai, tanuāi ranōng dlai tar war
cuvau

Vhơn ga chuh caih oh jớc di nũ lavuq vrit rap cadap
supai dlai sanũh chanũh ralàc

Dlai pung panōng riya cayou vlòc bo manón acoq ia
dada vanũq

Cayua ga hiã coh padòq ga pu vhum chũq chuah tanāh
lagar tanāh riya ia djuh chu juh lanũh tòuq ga cuāng pu-
via amã awoi ràc.

Uhiã jũh còh pateq poh va pato caya manuĩh mucal

Luoĩ ga pacũq ga pagan mǎq voh mubar pical mũ voh

Ukhit luoi ga cacheq lu-o luoi ga pacai paghaq anǎq
manuĩh oh jớc ngāq apui bớc caih dlai oh.

Ngāq apui bớc caih , ar ga nhũ còh ngāq vroi roh haròq

Paròq pa ruhuh parai pa avih sa ga yawa lốt tanāh
langiǎq lawah caih dlai ngāq vroi triac djou cayou huh
cayou

Mũq coi Raglai.

Dilah apui chuh caih mĩh ngāq paluiq rai luiq lawah

Chũq lagar char paloi di chũq chiar lagar droi

Apui bớc caih dlai, manuĩh Raglai oh dahnỏq si joh
ruvuc gũq dũnq wỏq, hǎng voh hǎng vu nǎu lacuah cu cun,
hǎng pināng sapuh hawai oh thỡu si duah si rawỏq wỏq

Raglai oh dòq dahnỏq dahnỏq giq jraq caloi patuòq
havuoi caloi

Yò cachàc vlàc capuc

Duah viaq iaq tlar ùq duah ia lapa duah bəc

Cròc chroh hmør thu ia tava langiq thu tanãh ðah lagar

Anãq icàt, anãq cura, hudàc ariac mĩh oh dòq dahnòq

Vù cheh vu hudiq wòq

Apui bəc caih, tarapai, pròq canròc djràc oh hagiq dòq dahnòq đưq dòq tùq cadàp wòq

Mũ du inã chĩp pròq catòq vidhur madruh ga matai

Saleq si apui bəc caih dlai avih

Madrũh ga nhũ huoiq vù dlòp nãu lagar dahnòq tucòt

Iavuq caih dlai canã dòq lageh dòq siàp suet manør dòq jòc, tavluc lèt mariah chuah pitih jưq si chưq huang dlai adhãng adhaq, caih dlai matai di chuh huh haròq avih.

Manũh chuh mũ apui tamã ròq bua caih dlai hiã tamãh ngãq vroi yàc chưq dlai yàc chrĩh vai thuãi uràc.

Yàc calic yàc cajiã vida huh cadưq huh har par vlua, nhũ sot nhũ lòq jừ nhũ paleq ga voh djou crou pa-ua ga đroi làiq juh

Manũh hiã ngãq rupoh pa-awaq đưq di yàc ravàc

Cayua ga unũn, nhũ viq sa catuõq juh dlaiq va madueh pa pachrãi ga gadha nhũ ðòc đior si viap nãu

Pacaq mãq vamãi ga tòm gadi va yah gadha vatloh joh puaiq charanã ga gadha nhũ

Di chhũnq vayar upah hou iou ruhùq ga nhũ gadha

Traq luoi ga ngãq cruh ngãq pachhac vroi ga gãm manuĩh tucòt tamõ.

Vhõn 3:

Iaq pajàc ga danõr ia acoq chũq hulõu ia

Danõr ia, hulõu ia cõh danõr hudìq caya anáq ràc manuĩh

Ia ngãq ga cayõu patõu triac cayõu cayõu catàc la apu lageh vanõr lahmõng la-iõc savi savõr

Ia cõh dahnõq jõc hudìq caya juq chapuõl jarõc manuq roc chapuõl jarõc cõc vijeh icàt ti ia rusa ti chũq

Rupoh parõc pajùet paluiq rai janãi inã nhũ

Coh parai rupoh parõc ga rivõu rai hudìq caya palõi vloh

Oh hmũ ia

Avih tih avih vhùc palõi vìq tadõh ata dlõp luõl lanũh dahnõq sadaq palõi sadap nãu paq lanũh dòq vahrou

Cayua ga unũn, manuĩh Raglai nũi rivõu rai mucal dih chih jumã tamãh hmũ adãt panuãiq

Ukhit pical pagal pagàc ga ngãq sàc dòq dahnõq ãih lanũh dahnõq danõr ia acoq chũq hulõu ia, lanũh dahnõq buh vusaq ia yawa pruh yàc lageh jhàq ngãq tajeh luvàc ia tamã luvàc garai eh ma-iãq tajiap luvàc ariac, luvàc võ

Ngãq djrũc tichhũq juq du danõr ia chrĩh langõi srĩh siri ia langar

Mĩh paveq ga mũ yàc ravàc thoc chau dau hluõq

Yàc lageh jhàq vhùp riya tamã garai gah crõc vungũn danau ajuaq ia vusaq tõt pu tlong nong garai long ca inã gadir

Mĩh ngãq vroi anáq uràc manuĩh lavuh vida

Ngãq varah mãq variu joh sarau cau tayuõq eh charoh

Voh pahàq luwàc luweh cadjêh cadjâu

Mũ mucal jal jucar cadòp manuĩh Raglai tamāh
patupuc

Voh gadi pađiq voh gadha pangāq ga nhũ yư hiã jưq
sàc dahnòq tùq sa vingũn ia sa garòc cròc sa garòc chroh
.Sa danør ia mũ acoq chưq hulou paloi

Vù tanò jưq djùq sa gah tùq sa vanah droi taloi

Angũi gui traq mãq padùq pu drap va caya pajoc

Manõi rinhã voh khat jat au, goh rinhã rau vòc khũng
tùq sa gah droi taloi angũi

Ia boc djùq tùq hudiq mũ ga vanah tamõ

Madah pioh ngaq dua vanah mũ gah ia cròc chroh
hmør còh tuq sapoh joh cajĩa va calic. Sumlah tuq rupoh
chaga di mủq coi matoi ðet guor mủq gilut coi

Mĩh biaq vida paveq patol pachol panam

Saganã mủq coi mãq tuq di voh sadoh di gơ

Pajoc si leq mãi lavuh ruaq mãq pađiq, paleq calic
cajĩa va sanõh sanẽq ceq vida, matai di gơ di hol.

Cayua ga vuol riya anảq manuĩh urac huoiq ga còh

Ngāq yư hiã paleq ga voh djou crou pa-ua mãq ruaq

Şaciq pađiq nhũ lap putau khai cuhnã ta-oh nhũ vưq
roc chhoc tiàq

Anảq sudiq cumoi mãq matiàt va muvoh chhong vloh
nhũ ðeh apui gui anảq

Ce maluh ce mida vahrou coh vusaq va vruh

Oh joc manõi rinhã voh khat jat au paq gah cròc, gah
chroh vù tanò hmũ joc manõi voh jat rinhã di ia tanac

đuaiq pađuaiq pa tanàc vamãi pa atuođ diriah sàc tanàc
ia mãi paq sàc hmũ si voh si manõi

Weh luoi ga danõr ia tichih ia lagar tlah cumluc chacol
eh un cuvau tichhuq narãc vuq daluq mãq ruaq papiap
cayua di djrũc cròc djrũc danõr

Cròc, còh lanũh dahnỏq pajỏc hudiq caya vijeh cura
tupa hudàc ariac icàt...

Còh lanũh danỏq pajỏc vroi caya boc nũi hadu rai
madah khiãng ga hmũ boc icàt hã vù nãu wah duol khiãng
ga hmũ boc hudàc, hã nãu chhoc nãu yoi mãq druc mãq
saluc dỏq vamãi

Cura, tupa... canã dòq tubĩt tibiũh luiq rai vijeh nuã
nhũ juèt jrạp thit sun jua ia chuq thit vijeh luiq janoc nhũ.

Oh ajỏc duah lua mãq duot sapuỏq vhuè lùc goh vroi
roh vroi tasaìq

Unĩ buh manuĩh poh voh tloh soc voh hureq the voh teh
chuh sadiac voh apar voh jalac catỏq hureq djrẽ ngãq vù

Crõu yoi sadàp tuh pa-ua di garòc di cròc chroh hmỏr
mãq icàt, tuah hudàc

Unĩ buh manuĩh mãq mũ điệu, chuh tut icàt dalap cròc
chroh luoi ga hudàc icàt viđuc padlòc

Garòc cròc, garòc chroh ia hiã tavluq mãi garòc charuh
ia matai

Matai icàt inã, matai gãm icàt anỏq icàt voh icàt vu
icàt vùp

Voh icàt vida tacỏp, oh cheh jỏc wỏq nhũ matai chalai
guđai avih buh ðeh cheh ta-oh

Oh sa vijeh jaròc nuāi hudàc icàt hagiq wòq mã hmũ si
buh jarawi jarawòt ta-oh vù buh vungãq wòq anãq
cumuãn anãq ticho droi mahãu ariac oh buh ariac lawòh,
cròc ia dòq cadòc sa droi

Ia cròc ia chroh langar blac langar lac langar langar
siàp mucal

Unĩ vida di yàc vùq cròu yòu sadàq vù cròu

Tanàc ngãq voh ngãq mãq, yàc paluiq parai vijeh janoc
nuāi guor jaròc nhũ.

Manuĩh soi pa-ngãq pa-awaq ga voh hiã viq mãq
vamã patom gadha ga peq ga charanã tupaq di bòq mata
di anãq vuol manuĩh paloi lagar

Khũng ta ngãq chìc jau cuvau su

Luoĩ ga parumãq, rumãq tãq cal tumal cal joh ga
manuĩh tamò tucòt lùq.

Vhõn 4:

Iaq pajàc khiãq chakhaq jũq vijeh jaròc vijet

Inã tamò tucòt mat buh oh ticìq uãn casot uãn

Caih dlai chũq ranong còh ãu caya jacar anãn rubũp
du jũh manuĩh uràc

Vijeh inã dlai còh caya rubũp du manuĩh mũ du
manuĩh

Manuĩh hagiq uràc ãp su gũq lèq coh

Caih dlai, chũq dlai còh dahnòq jũh lanũh tòiũq pu via
inã riya pu vhum chũq chuah tanãh layar vhum vhoũp chòq
aciaq patou tac ariac tili

Inã caih vavui rusa cra anròp cuat hawa inã mupal
còh manũq ròc un chiap manũq chai caya chũq tanãh gah
tasiq langiq siq juat pajau luoi

Ga vhum chũq pajac iaq

Madah manuĩh urac droi thioq , jũ cudah lanũq pinang
chur labàq lacou vhanq bop buon di vhum di lagar

Di vhum chũq vhum riya unĩ dua tlou droi hmũ vroi juh

Madah ga lacou mũ lanũq pinang aiq cu riju.

Uãn nhũ khũng pasiq , cayua ga yac drũ vroi

Oh nhũ khiang vroi oh

Viq cudah lanũq pinang vhanq lacou

Viq vhanq lacou di vhum chũq vhum lagar tanãh riya
ia djuh

Lacou vhanq yac hmũ vroi mãq chip, anaq un anaq manũq
pacuq ga urac nãu, lua panãh tluq pamatai cu riju uãn

Manuĩh ga lua panãh tluq pa matai duot mãq uãn juãn

Viaq si yac urac pasiq pasanẽq nhũ mãq nhũ pajau
cayua nhũ thoc chau đầu hluoq

Viaq nhũ ngãq ga huh har par vlua juarasah

Mãq ravo sun ala jua chũq nãu đuaiq, anang đac thu capoc

Chip inã vavui rusa đuaiq nãu chũq dlai tamõ tucot
anãq gajiq droi lapa tiyuh thioq di chip ralo , oh vaq srãq
đjq joq hmũ wõq boiq nong catac pic sanũq ben prong
hmũ trà ta-oh.

Avoi droi mahãu ralo ahar, oh hapaq vù duah talèq
hmũ ralo boc varui rusa

Manuĩh hiã mĩh viaq vida mãq vamãi di bõq mata vuol
vila manuĩh paloi

Sũ dlaiq gadha madueh chhũq traq luoi ga pa rumãq
gũq tamõ tucot.

CATIΗ TALOI VII:

PAJOC SUDIQ VUSAC SAC DAHNOC (07 VHON)

Vhōn 1:

Tư gajiq māq dara va payu

Lacoi cumoi lacoi dap cumoi dara tol sanruc daniong
tùq ùc khiāng lacoi māq cumoi vloī sudiq māq dara va
payu vloīh

Oh vīq ga tùq sa dac taloi, cumoi lacoi oh ga tùq sa
phīq prān mǎn darah oh djuq

Buh hayou si pacuq māq pagac joc urac sileq vusac va
sudiq khiāng ùc tùq lacoi māq cumoi vloī dara

Hagiq mīh khūng luoi ga sudiq vusac mǎi tùq sa jalāt
va sa galoc

Oh si djuq vū hudīq rubūq vusac joc sac dahnoc oh
khuon nhū khiāng ga sa you sa cap yū chīp hudīq

Dalap saleq su voh srūh paleq anōm padōm srūh

Paleq voh pajoh thāq pajoc anāq sudiq pūq lijoc khuon
nhū khiāng ga leq joc yū rusa hudīq tùq sa voh dlai

You cap dap dara lacoi cumoi va dara va payu

Ngãq sanuãi si gưq ploh languãq cuaq majua bòq
Va yawa lanêq đĩ gưq leq jợc sudiq leq jợc vusàe
Khuõn nhũ pagợc daq papoh anợm padợm srũh pavàc
angĩn pakhĩn hujàt cheh chai rai anảq

Vivou rai tet dut di rivou rai hudiq manuĩh
Manuĩh Raglai mũ mucal cađợp khũng yư nun
Anảq chadug tubuaq mãq anrui di anảq ticho
Tet tadug tubuaq mãq anrui di coi mỏq
Lacoi cumoi Raglai buh hmũ asal mal gajìq languãq
dap mãq dara va dara payu sanuãi

Su pajợc anĩt jumãn va dara si manuĩh dòq jưq apoc
riya ia manuĩh uràc tucợt tamõ

Mũ du manuĩh dalap gadlợc tanãh riya ia Tỏ quốc Việt
Nam samũ ai adoi

Khuõn nhũ leq jợc vuràc pagal buh uràc soi si pacug
pagal oh.

Vhõn 2:

Drũ si uràc dara va payu sanuãi

Vhõn ga puaiq tinhã, v्हãnq lacou ga huaq vu chùq cợc
huaq vu su diup su sumàc weh di lacoi cumoi mumil sidợc
gưq uãn leq vilou mata.

Dleh rabãh ga caya anãn đuaìq ga chhũq yàc gãm
panuãiq adãt mucal adat mủq coi mucal

Sàc lacoi vừq poh janũq jup jalàt va janũq nãu tợl sàc
uràc tợl paloi paq sàc cumoi, manuĩh hiã thou puaiq laiq
cadlai đờp

Thou panuãiq asal adar adāt mũ mũq coi vroi nãu paq
sàc cumoi luoi ga puaiq tinhã cumoi hiã awoi sa-ai cumoi
coi duat awoi miãq caya adoi sàc ai matou sàc ai pũq

Va payua patuq mũ chih lanũq diorq sula caduc cual
cahnual đuc va caya payua caya ga sàc dahnỏq cumoi
anỏq ce matou: sa danãq labàq suet padac, sa amuc
pinang, sa dac anhũq sa voh còc còc suvat còc pariaq.

Madah buh ce cumoi hiã tuc va yawa lanẽq ga lacoi hiã
nhũ chhuh nhũ khiãng ga lacoi hiã

Tangãn nhũ paduq mãq muvah mumãh labàq hũa
caya poh patuq đũq pakhiãng su gũq

Tangãn cumoi hmũ si chhuh đũq mãq đũq vuh tangãn
còc suvat còc pariaq

Dua gah tamãh drũ sap mãq janũq luoi ga huruoi anỏq
biaq didoi leq joc sudiq leq joc vusac

Muvah labàq hlàq lanũq lacoi buh đũq manũq si drũ
cunĩ vù cumoi tamãh boc joh

Khuõn nhũ anhũq patrah carah pachraq ga gũq ti di
mata miãq wa coi duat adoi ai mỏq awoi vloh

Khuõn nhũ dòq tanõ ga patung vroi ayat huruoi ticoi
gõn leq sudiq vusac pajoc sàc dahnỏq ùc vusac sudiq vusac
nhũ chhõng

Unĩ ga gah pahmũq manuĩh drũ sap pajiaq ga yư nĩ
yư tucot

Khuõn nhũ yư rusa va galoc chũq unĩ dèt chũq dih
tucot si tucot tamõ si tamõ.

Khuõn nhũ parah geh còc paloc sap drũ wơr viq thit

tang di bòq di mata janũq tol sàc uràc tol paloi di mata coi
duat adoi ai nhũ, ga manuĩh pabuh bòq amã awoi

Khuõn nhũ hiã vïq mãq vamãi di bòq mata coi duat
miãq wa adoi ai

Dua gah apoc putiàt iaq pamãq si saq viài peq charanã
nhũ.

Khuõn nhũ vïq vñhãq vayar malou bòq còq mata ga
janũq jalat ga sap uràc cadlai tubuai uràc ðòp vih rai tacai
luvàq

Su vayar vroi ga apoc pitiàt sàc dahnòq amã awoi gưq
dih valou ga chur ga labàq ngãq chur ceq àq labàq ceq ðlop

Madah ga cumoi hĩa silih tuc luah sidua hatai cumoi
hiã vïq vayar chhũq joh dua cayua ga cumoi hiã tamãh
drũ mãq caya lacoi

Vloh unĩ sap camlah muvah padol vù mãq paq caya
gưq dih

Cumoi vïq chiùq dlaiq madueh di lacoi sadaq dara nhũ
sadaq puaiq tinhã vloh chhũq dlaiq di anãq dua pitiàt ,
pitiàt lacoi pitiàt cumoi hiã

Lroi joc ga pa-rumãq tãq cal tumal cal joh lroi biaoq joc
sa tuq hnõn sa tlon gòt ga gưq tamõ

Vïq sanĩn wòq pajãq tĩng jumã yàq didoi lroi ga tamãh
di drũ mãq sap ga mãq ga khiãng huaq vu chùq còc buaq
vu su sumac pajoc sudiq

Vusac paleq anõm pajõm srũh vloh, viaq si luah hatai
tavluq bòq joc ta-oh.

Vhõn 3:

Hmũ anảq hlou di huaq vu jóc mãi ga cach richo

Galòc giq khũng ta hmũ anảq hmũ avìq

Cayua ga hagiq vu dòq tữq tữq gờ gờ gagrâu

Paruiq cheq si hmũ cheq

Dua sudiq vusàc khiãng mãq su gưq, vìq patũng vớì
ga ngảq bớc pajìoc angũi

Lươi ga pioh pajup jìoh akhiãm ticìq caya anãn

Ga ròc anảq catuớq hiã nhũ tuvìaq nhũ ðeh

Paruiq gagrâu vù lươi ga hmũ anảq.

Mãq hagiq lươi ròc anảq di manuĩh awoi ðìh jarop ga
ðợc sa dahnỏq

Mãq hagiq lươi ròc anảq di nhũ ruaq papiap, ruaq joh

Mãq hagiq lươi ròc anảq di pãp nũi voh akhàt oh thớu hlou

Cayua ga unũn manuĩh Raglai vớì lèq coh

Cumớì lacớì cah buh huaq vu chùq còc huaq vu su

Sumàc vù tamãh bớc ðìh su gưq yư sudiq si vusàc

Cumớì lacớì oh cah buh huaq vu chùq còc huaq vu su sumàc

Vu tuc manuĩh awoi tamãh prong, anảq ðờh rùq vloh

Dua uràc khuõn nhũ ðìớu vamãi ga ràc pa gadha
charanã ga voh yàc gadha ukhit

Su ðuaiq ga un manũq vu tapai jũh lươi v्हãq

Hớu iớu di-a cacah pavruah amõh salỏp di mủq cớì

Awoi amã miãq wa dalap sac lacớì cumớì nhũ

Lacớu dớì di dua gah mũ sàc dahnỏq, mỏq duat cớì

Awoi miãq wa ađoi ai

Dua uràc lacôi cumôi vîq drah pah akhàt luôi cacah pavruah

Vuh muā cacah richo pajáp sudiq leq vusàc

Luôi ga dua sudiq vusàc jòc

Voh ngāq ròc pato anàq jác ghòh ravuāq ghòng

Madah buh uràc cumôi tamāh gui vaq māq muvoh tawaq matiàt

Lacôi oh khiāng ga cacah pabòc padòq si gưq leq sudiq usàc oh

Lacôi nhū hiā mīh vida gadha

Vamāi ga palôi luôi ga pasuaiq

Voh chhūnq madueh ga cacah richo ga

Panuāiq yàc gadha ukhit madueh ga po ràc suaiq viai palôi vroi dlaìq

Gadha si cumôi, si sàc dahnòq apoc pitiàt vanah variau gah cumôi su drah khiāng cumôi ngāq sudiq.

Vhõn 4:

Anīt jumān ga sudiq vusàc

Dua sudiq si vusàc buh di anīt jumān buh languāq

Iaq majua leq di tuc va di hatai si gưq, vahrou ga mǎi pagop tangān pajùq rùp rubúp hudìq si gưq

Dua sudiq vusàc vîq sa tangān saleq gưq

Ngāq vruāq, saleq sa hatai si gưq

Daq pajòc ga hudìq rai sàc pa-sanõng ga ngāq yư yư chĩp Valic- chawoi.

Su tichuh ti chiuluh, ròc dèt iaq pamāq ga vusàc su
anāq aviq

Vusàc paruiq ngāq can buot, gulap gui vaq va anòc mudā

Voh traq māq sidjuol ga sudiq

pachac pađuān si gưq juh

Hudiq cuar tacuai si gưq

Matai cuar acoq cuar rùp si gưq

Sudiq matai, vusàc hua

Vusàc matai, sudiq hua

Cayua ga unūn

Madah yư khuõn nhũ buh majai masrũh gưq

Jữ vìq pachhai pateq ga khuõn nhũ seq viai vhiài

Pasiàp pa lageh hudiq rubúp si gưq wòq laiq juh

Sudiq si vusàc buh anīt languāq pāq majua di gưq

Vù hmũ ga mãi bợc dòq si gưq khiāng ga gưq

Vhānq ruhùq pajùq patôm di mỏq coi ngāq aluah chual
bùq ðùq ganō grũ sudiq vusàc

Madah ga dlợp parah gưq mủq coi hoh mủq coi

Blưq paveq patol pachol panām yàc vớu atou ruhùq
wot laiq

Ngāq blưq vlưq suraq va-ar di mủq coi ngāq yàc
vớu atou

Hoh yàc vớu atou ruhùq mũ patoq leq jợc sudiq

Vusàc khũng cayua mủq coi pabợc padòq pabợc dahnỏq
padòq anēh sula jợc sudiq va vusàc jợc anēh dahỏq thit
blưq mata mủq coi jữ vìq ngāq

Vhãñq ruhùq tùq hơu iơu patloh di mủq cơi
Vhãñq dlàiq ga mủq cơi.

Vhõn 5:

Patloh patàiq luoi jưq yàc patloh payah sudiq vusàc
giq awàq chawàt jaluq pioh đơi magơi miốt khũng ta
magrũt sađu khũng beh bah wòq cah tởl lè ngãq sudiq
vusàc si gưq

Dua rạc buh anĩt jumãn di gưq ta-oh

Jừ tanõ dòq di pateq luoi ga khuõn nhũ hudiq ata di gưq

Uràc buh anĩt di cơi tra ta-oh ơi

Ma-ưc sức lèq vừ cơi dòq hudiq vừq cuar tacuai si gưq

Matai dòq cuar acoq si gưq wòq hagiq

Vanah gah ga lèq uràc sơi si pa-acoq patoq

Jumã si patloh sudiq vusàc payah cheq nhũ vừq dlàiq
vayar ga gưq dih

Rupha vớih ga manuĩh ga dih caya anãn jcuar hagiq
mada hagiq si hmũ

Vhãñq dlàiq ga gah ga dih manuĩh dih ga sàc danỏq
caya manuĩh dih hiã cayua halòt mata hlua bìq malou bòq
còq mata

Cayua ga đơi tamãh oh si hmũ hudiq jợc rubủq

Si khuõn nhũ tởl luiq di rivơu rai janãi hudiq oh

Đơi tamãh iaq pioh khiaq pajàc wỏq sap pachãñq
sanãp paduah si gưq mu hlou jumã nhũ

Tamãh ngãq joh cộc pariaq jaq luoi cộc wong đơi
patùq patui ga gưq mữ huaq vu đơi mucal nhũ.

Vhõn 6:

Mãq gưq rai

Ùc lacoi anảq sudiq, lacoi hmũ cumoi, cumoi hmũ vusàc

Yư chĩp jợc hmũ srũh

Yư aseh tamãh icaq ỡn khùc waq vraq taloi

Vũ hayou ai vũ sa-ai wỏq laiỏq đợc chượq unĩ

Tilư ga chượq dih chượq tamõ

Unĩ bợc vu sàc unĩ, pagi bợc vu sàc dih

Lacoi hmũ sudiq, cumoi hmũ ùc vusàc

Yư amra tamãh ngảq gờ toq

Yư goq tamãh hmũ tatlup

Yư duc jợc taloi gui awaq cadờc

Yư còc tamãh vuh voh tangãn

Anhũq pasinhòc còc parabãt

Unũn yư hĩa vu sa dalap la dua ràc ỡnĩ

Pahmũq sap vungĩ sap uràc patah

Pahmũq muvah jamãn muvah manuĩh ràc palaiỏq

Wỏq ga nhũ dijuh ga apu janãh parah luoi apu casờr

Khiãng ga tượq di voh , sadoh di gờ

Nũi di manuĩh hiã ngảq ga đroi thit amã, thit awoi

Khuõn nhũ tamãh ngảq ga manuĩh dih

Dihỏl di tahnrớt nãu galòc valou valàc

Nhũ viq vayar dlaiỏq caya nhũ pacasuết vamãi du nũi

Đu caya caya anãn jacar ngãn caya khuõn nhũ

Mủq coi đroi mucal tamãh đờp

Sa voh jĩn bah , sa voh carah joh

Oh uràc soi hmũ pheq adât mãq asal ga mãq di vù vùq
khiang ma-in lacoi drah

Awoi amã uràc lèq hagiq sàc dahông lèq hagiq ngãq yư hiã

Vìq viaq si vamãi di bòq mata manuĩh paloi luoi ga
charanã gadha hiã

Huaq vù cacah mua di mãq matou madruh ga matou canã

Samũ thut danông prong dara va dap oh

Mĩh oh jợc du jưq manuĩh uràc si pháp luật công nhận
uràc pháp luật đrũ oh.

Su huaq vu cacah richo hiã sudiq vusàc hiã buh uràc
iaq oh

Uràc khiãng oh vùq dlop vawợc

Manuĩh pasuaiq pa-awaq gadha hiã vùq icaq sa jro
tapai

Vhãnq madueh di ce hiã

Su chhũnq vayar madueh gadha di sàc dahnỏq apoc
pitiàt

Jưq du manuĩh dalap la paloi

Luoi ga pa-rumỏq tỏq cal tumal cal joh ngãq gadha hiã
ta-oh sa tuq trà.

Khūng ta vayar val ga valou valàc càc jamūq ga uràc
Chadeh cràc tulàc amro, chìc , cuvau
Khūng ta vayar valou ga uràc valou valàc
Gadha ga mǎq rai ma-in rai
Mucal ranī changǎq ga iaq gadha unī vida gadha
tra dlaiq prong

Droi khūng jōc sudiq vusàc
Manuīh gưq ràc khūng hmū sudiq jōc vusàc
Oh si djưq yư un yư asou
Pǎp ta nūn vù mǎq gưq tahiã juh
Mǎq sudiq ràc, tleq vusàc gưq
Jư jōc si brop wǎu djrau pōr
Mīh viaq ga uràc mǎq vamāi ga lang tanāh
Uràc pa gadha tōm peq mǎq charanā dlaiq
Su drū lacou droi ga hatuã grāt si chhūng
Madueh di uràc lưoi ga parumǎq tǎq cal
Pa tumal cal jōh đơ gưq tucot tamō.

Vhōn 7:

Lacoi mǎq sudiq khiāng vusàc ma-in lacoi cumoi di oh
tōl sanrùc daniōng avih dara va dap oh tǎo hōn.

Nuī du manuīh ce dòq oh cah tōl daniōng sanrùc si
prong dap sap dara

Dòq canā vanrùq ma-in vanrùq sraq

Dòq canā labuc vanuc mida, oh cah tuha cram jrām ale
triac beq jōc catưc

CATIH TALŌI VIII:

SÀC DAHNỎQ

(06 VHŌN)

Vhŏn 1:

Ngãq pajau vroi awoi amã sap poh voh pato mũ awoi amã
Amã cheh pajoc awoi deh joc
Joc amãq luoi ga chaduq apoc inã pitiat janoc sàc dahnỏq
Cayua ga unũn anãq joc mãi ngãq pajau mũ awoi
Mũ amã pato ideq anãq avìq
Di ràc anãq hiã hmũ joc pato du cacheq ideq
Vahrõu ga nhũ joc urac jac guar
Chic chhar oh manhĩ mãq thoc garau
Đau oh joc hluoq vu mãq patou asah vù asah
Amã awoi deh pajoc ga anãq
Oh khuq ga pato du nhũ luoi ga nhũ jawi si joc
Giq vù giq tayah djãh khũng si drũ joc oh
Di amã awoi nhũ khũng vida di urac mãq vamãi ma
ngãq gadha di lãng tanãh urac
Vìq pagoc icaq tapai jro di vavuc sàc luoi ga upah

payaq ngãq dlaìq vñhãq ahùq di mùq di coi guor inã,
apoc pitiàt.

Vhõn 2:

Ce adoi yư timũh ruvuc chanãq labuc labai

Prũh labuc vanuc ruvuc mida, yư atiac mida chanãq
guor sula hlàq lamòc vinủq canã hoc ghuor hàq mida hara
canã chanãq ghuor sula la mòc

Jợc awoi amã mỏq tuha coi duat, miãq wa awoi adoi
proc ghong coi duat urac pasir pavac padiac padom

Viq luoi ga jưq lavuq ce adoi sraq ngãq vuar

Du ce adoi hmũ asal si jợc ma-in siol

Oh jợc mãq pa icaq du ce adoi vi padoi luoi sraq suraq
va-ar luoi ga nũu ngãq duah jin pariaq

Oh jợc mãq pa icaq du ce adoi ngãq jưq du vñhõn traq
yư taq dròq cayou inã cayou prong gulap djuh

Madah ga sàc dahnỏq uan di can saman, ticìq manuĩh urac

Ce adoi khung gaga ga ngãq vñhõn padoc padop sàc
dahnỏq

Khư vù du ce adoi khũng jợc ma-in siol

Khư vù du ce adoi jưq du huruoi lior du huruoi mãi pa
lanũh lớp sraq nhũ nhũ sraq nhũ mayru

Urac soi si mãq du ce adoi padueh voh ngãq traq teng
ngãi paruiq mũ dleh lumot

Urac soi si mãq du ce adoi oh vroi mãi tol lanũh sraq
lớp lanũh radap sraq trường sraq ho magru - oh (không
hoc không hành)

Mih si viaq vamāi paq anāq bòq mata lang tanāh palōi
urac peq charanā

Vhōn 3:

Asal rāc su oh ngāq caya manuīh urac cumōi

Manuīh urac cumōi dòq la sàc mū awoi

Juc asal rumiāq pavaq iaq dòq đu caya caya anan jacar
ngān la sàc rāc anāq cumōi yư rupưq voh pưq voh sàc

Yư tutuq tlup yòt duc tròq vanrò

Dèq khiāq apat pajac lưoi ga buh thiưq cusot oh

Chhōng vloh manuīh urac cumōi laduh lumot wòq ga
đeh cheh anāq rāq aviq

Manuīh urac ùc lacōi viq gui traq gulap ia ga pa piap

Viq patol sa mū ga vhoi iaq pavaq ga sàc dahnòq, pato
padu anāq aviq

Viq yư hiā sàc dahnòq varou si ngāq hmū rùp dai yeh
droi paluoi saq

Lang tanāh palōi lagar chom vahrou gadoc sun cráp
lageh siap

Mū du manuīh vahrou si buh voh pưq lijoc sàc dahnòq
hiā còh

Di voh sàc dahnòq pưq lijoc di ngāq vhiài mucal là ngōi
nhà văn hoá voh sàc rugoi ravūaq.

Vhōn 4:

Anāq aviq viq ngāq pajau ga iaq pavaq ròc awoi anā ,
cōi mòq

Cơi mỏq awoi amã tamãh pajoc ga droi, pato pachhai
anãq avìq

Awoi amã drũ ga duh rabãh, òq lapa hlua casot

Awoi amã drũ ga ngãq dleh dlar rabãh rabãq thioq lapa

Khiãng ga ròc anãq ra vuãq ghong

Di mủq cơi, awoi amã

Tangan tacai tamãh tuha laduh

Tacai tu-ùq tatũh layah vloh

Mata sùp vùp

Lingiã dol tungõh vloh

Tangãn oh mong, padhìc joc srãq wòq

Roc oh dòq gui havuoi huvlo dol ta-oh gui gilo dol oh

Nhũ vù luoi ga cơi ga mỏq nhũ vù dòq hlua lapa dòq

Nhũ vù luoi ga awoi amã dòq hlua dòq tiyũh dòq

Oh sinĩn pa ia tisou vilou dada ga awoi ga amã nhũ wòq

Cadjãh yũ chĩp pucau

Caddjãu yũ chĩp sot

Nhũ oh cahnal ga djap pùq vu rawai wòq

Nhũ vìq vida ga urac mãq vamãi ga ngãq gadha

Ga peq charanã di bòq mata vuol paloi lãng tanãh

Luoi ga ngãq parumãq tãq cal tumal cal joh du manuĩh

Ngãq anãq vù buh jac rapac paq nhũ ta-oh si cơi mỏq,
awoi amã nhũ tuha.

Vhõn 5:

Adoi ai coh nũi du manuĩh saleq sa awoi sa amã deh pajoc

Vìq anĩt jumãn ga, gũq

Anáq sa rivou tistou savoh
 Oh buh poh caya poh pa-amiaq di gưq
 Yư hiã oh còh anáq avìq pahmũq sap awoi
 Amã gãm si awoi amã nhũ jãc ravuãq anáq rãc jãc ravuãq
 Yư nũn nhũ joh vahrou coh adoi ai sa hatai
 Si gưq bợc siàp dòq lageh
 Adoi ai saleq tuc awoi jợc ðeh
 Sa saleq si sa tistou vù mam
 Vù dòq poh chaga ngãq pa-amiaq di gưq poh majai gưq
 Mĩh viaq vida manuĩh urãc khişq je chemũc
 Urãc pasah urãc tlau
 Aq di phun gahlou
 Malou di phun turum
 Viq mãq vamãi vù pùq gadha si chhũnq
 Madueh di bợq di mata urãc vuol paloi
 Mỏq awoi coi duat adoi ai paloi chom.

Vhõn 6:

Gadha chhũnq madueh ga arih agap chuàq cudah
 Arih agap còh gadha chhũnq madueh dlaiq prong
 Dalap saleq apoc pitiat, dalap adoi ai pruaiq hatai
 Prãn darah vù ngãq mãq gưq coh jợc oh ngãi savuc
 savai awa q awor savoc putau coh tacuai
 Ngãq arih agap su amĩh pichhưq vưq daluq tol mũq coi
 matoĩ ðec
 Viq mãq patil ia padoc ia ngãq yãc rali aluah

Patloh gadha tol grôm catal pu via saganã waq mucal cadòp
Uràc paluaq la war un

Mãq dua ràc arih agap hiã poh paluaq la war ùn pa
chuh pa suwàc paluaq war bôc vu di vòc un yư un lamo

Unĩ nhũ ngãq dlàiq ga gadha madueh chhũc di mata
côi duat miãq wa adôi ai ravuãq tuha apoc pitiàt apoc

prong pitiàt ghong

Ngãq yàc cacah richo mủq côi ngãq yàc rali aluah di pu
aluah grôm catal lawah lawôr samũ lamo, vuve, ada

Khuôn nhũ chhũnq dlaiq panuãiq yàc gadha ukhit

gưor mủq gilùq côi.

Madueh dlaiq ga sàc dahnỏq dua gah lucôi cumôi hiã .

Vù drũ lacou droi di bôq di mata mũ du manuĩh ràc

Oh khĩn ngãq voh djãh ata va tichhuq mũ

Arih agap mũ chuàc mũ cudah mũ wòq sa tuq salòp
savil uan voh hiã khĩn ngãq ta-oh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách

1. Phan Xuân Biên (cùng nhóm tác giả), Người Chăm ở Thuận Hải, Sở VH TT Thuận Hải, 1989.
2. Phan Xuân Biên (cùng nhóm tác giả), Văn hóa Chăm, Nxb KHXH - 1991.
3. Lê Ngọc Canh, Nghệ thuật múa Chăm, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1978.
4. Lê Ngọc Canh - Tô Đông Hải, Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội - 1995.
5. Dohamide - Dorohim, Dân tộc Chăm lược sử, Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam Xb, Sài gòn - 1965.
6. Ngô Văn Doanh, Tháp Chăm sự thật và huyền thoại, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội - 1994.
7. Ngô Văn Doanh, Văn hóa Chăm, Hà Nội - 1994.
8. Lê Xuân Diễm - Vũ Kim Lộc, Cổ vật Champa, Nxb VHDT, Hà Nội - 1996.
9. Bé Viêt Đẳng (cùng nhóm tác giả), Dân tộc Ê Đê, Mơ Nông ở Đaklak (Phần Luật tục), Nxb KHXH, Hà Nội - 1982.
10. Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục (tập III), Nxb Sử học, Hà Nội - 1964.
11. Bế Xuân Hồ, Truyền thuyết các tháp Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội - 1995.
12. Inrasara, Văn học Chăm, tập I, Nxb VHDT, Hà Nội - 1994.
13. Inrasara, Văn học Chăm, tập II, Nxb VHDT, Hà Nội - 1996.

14. Inrasara, Ca dao, Tục ngữ Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội 1995.
15. Nguyễn Văn Luận, Người Chăm Hồi giáo ở miền tây nam phần, Sài Gòn - 1965.
16. Tùng Lâm - Quảng Đại Cường, Truyện thơ Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội - 1983.
17. Lê Hữu Nghĩa (Cùng nhóm tác giả), Nhà Nước và Pháp luật... (giáo trình) Tập 1-5, Học Viện hành chính quốc gia, Hà Nội - 1997.
18. Nguyễn Khắc Ngữ, Mẫu hệ Chăm, Nxb Trình Bày, Sài Gòn - 1967.
19. Cao Xuân Phổ, Điêu khắc Chăm, Nxb KHXH, Hà Nội - 1995.
20. Trần Kỳ Phương, Điêu khắc Chăm ở Bảo tàng Đà Nẵng, Nxb Ngoại Văn, Hà Nội - 1987.
21. Trần Kỳ Phương, Cham Ruins, Thế Giới publishers, Hanoi - 1993.
22. Ngô Đức Thịnh, Văn hóa dân gian Ê đê (Phần Luật tục), Sở VH TT ĐakLak- 1995.
23. Phạm Xuân Thông (cùng nhóm tác giả), Truyện cổ Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội - 1978.
24. Lưu Trần Tiêu (cùng các tác giả), Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hóa Chăm, Nxb VHDT, Hà Nội - 2000.
25. Nguyễn Đình Tư, Non nước Ninh Thuận, Nxb Sống Mới, Sài Gòn - 1974.
26. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên), Tuyển tập văn học các dân tộc ít người ở Việt Nam (quyển thứ nhất - phần luật tục), Nxb KHXH, Hà Nội - 1992.

II. Sách kinh điển:

1. K. Mác - Anghen, Toàn tập, Nxb Sự Thật, Hà Nội - 1960.

2. Bộ luật dân sự Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà nội - 1997.

3. Luật Hôn nhân và gia đình và những văn bản thi hành, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 1998.

III. Tài liệu nước ngoài:

1. Aymonier, Légendes historiques des Chams, Excursions et Reconnaissances XIV - 32, 1980, pp.5-20

2. Aymonier, Les Tchames et leurs religions, Revue d Histoire des Religions, 1981.

3. Cabaton, A, Nouvelles Recherches sur les cultes et liconographie, Pari, 1963.

4. Collins.J, Chamie, Malay, and acehnese. The Malay World and Malayic Languages trong Le Campa et le Monde Malais, Pari -1991.

5. Majumdar R.C, The Insription of Champa, Gian Publishing house, 1927.

6. Maspero G, Le Royaume de Champa, Van Dest, Pari - 1928 (Bản dịch tiếng Việt của Bảo Tàng Lịch Sử Việt Nam)

7. Parmentier, Caractères généraux de l'architecture Cham, BEFEO.I, 1901.

8. Pierre-Yves Manguin, The Introduction of Champa Into Campa, Tom LXVI, 1979, B.E. F.E.O (Translated English y Robert Nicholl).

9. Sharma, Temples of Champa in Vietnam, Nxb KHXH, Hà Nội - 1992.

IV. Tạp chí, báo:

1. Phan Xuân Biên, Tính đa dạng trong văn hóa Chăm, Tạp chí KHXH, số 4/1990.

2. Thiên Sanh Cảnh, Đám ma Chăm, Nội san, Phan Rang, số 2/1972.

3. Ngô Văn Doanh, Ấn Độ và văn hóa Chăm, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 4/1994.
4. Nguyễn Tấn Đắc, Từ truyện Kaya và Halak của người Chăm đến truyện Tấm Cám ở Đông Nam Á, Tạp chí VHDG số 3/1994.
5. Thanh La, Lệ làng hay Pháp luật, Nguyệt san pháp luật, số 28,4/1999.
6. Nguyễn Văn Lý, Pháp luật với việc gìn giữ và phát huy giá trị đạo đức văn hóa, Tạp chí sinh hoạt lí luận, Số 6.1998.
7. Nguyễn Xuân Lý, Văn hóa Chăm và những khám phá về chất liệu kiến trúc, Tạp chí KCH, 12/1992.
8. Văn Món, Lễ Rija Nugar của người Chăm... Tạp chí DTH, Số 3/1994.
9. Văn Món, Một loại hình tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo, Tạp chí DTH, số 2/1996.
10. Văn Món, Lễ Rija Pruang - Một tín ngưỡng Hồi giáo của người Chăm Ninh Thuận, Tạp chí VHDG, số 3/1996.
11. Văn Món, Hệ thống lễ Rija của người Chăm - Một số vấn đề cần minh định và làm sáng tỏ, Tạp chí VHDG, số 4 (06), 1997.
12. Văn Món, Phát hiện mới về tượng Phật ở Ninh Thuận, Tạp chí VHNT, Số 2/1998.
13. Văn Món, Luật tục Chăm và Luật pháp nhà nước trong vấn đề Hôn nhân và Gia đình hiện nay, Tạp chí VHDG, Số 1/2000.
14. Văn Món, Luật tục Chăm và Luật pháp nhà nước trong vấn đề Hôn nhân và Gia đình, Thần thoại các dân tộc thiểu số Việt Nam - Truyện cổ dân tộc Chăm "(tiếng Nhật), Nxb Akashi Shoten, Japan - 2000.
15. Văn Món, Thực trạng Tôn giáo, tín ngưỡng của

người Chăm Ninh Thuận, Tạp chí Tôn Giáo số 4/2000.

16. Văn Món, Lễ Hội katê Chăm, Sách "Chào năm 2000", Nxb Đà Nẵng, năm 2000.

17. Phan Đăng Nhật, Luật tục Chăm ngày nay, Báo Nhân Dân số ra ngày 27-6-1999.

18. Phan Đăng Nhật, Phát hiện mới về Ariya Chăm - Bini, Báo Nhân Dân, Số ra ngày 4-8-1998.

19. Phan Đăng Nhật, Thử xác định loại hình tác phẩm Dewa Munô Chăm, Tạp chí VHNT, Số 4/1997.

20. Phan Đăng Nhật, Luật tục Tây Nguyên xưa và nay, Tạp chí VHĐG, Số 1/2000.

21. Phan Đăng Nhật, Tìm hiểu luật tục Jơrai trong mối quan hệ luật tục Bana ở Việt Nam, Tư liệu đánh máy.

22. Phan Đăng Nhật, Cơ chế xét xử và ngăn ngừa tội phạm trong luật tục Bana ở Việt nam, Tư liệu đánh máy.

23. Phan Đăng Nhật, Bài học Indônêxia, Phát huy luật tục truyền thống và bảo vệ môi trường, tư liệu đánh máy.

24. Thành Phần, Một vài suy nghĩ về thực trạng tín ngưỡng - tôn giáo người Chăm hiện nay, Tư liệu đánh máy.

25. Lê Minh Thông, Hoàn thiện Hiến pháp về quyền con người trong việc phát huy dân chủ ở nước ta hiện nay, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 12 (128)/1998.

26. Trần Thanh Thu, Hôn nhân và gia đình trong Luật Hồng Đức, Nguyệt san Pháp số 28,4/1977.

27. Phan Lạc Tuyên, Góp phần tìm hiểu người Kinh Cựu ở Thuận Hải, Tạp chí DTH, Số 4/1977.

28. Tạp chí Đông Nam Á, số 2 (11)/1993 (chuyên đề về Chăm).

29. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Số 8/1998 (chuyên đề về Chăm).

30. Tạp chí Bách khoa Chăm, Hiệp hội Hồi giáo (1965-1974).

31. Trần Quốc Vương, Từ một cái nhìn thánh địa Mỹ Sơn, Tạp chí VHNT, Số 7/1998.

V. Bài tham luận các tác giả liên quan đến luật tục:

1. Bó Xuân Hồ, Văn hóa gia đình của người Chăm Bình Thuận, Hội thảo về "Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Chăm", Bộ VHNT và Sở VHNT Ninh Thuận tổ chức, Phan Rang - tháng 10/2000.

2. Văn Món, Thực trạng Tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm Ninh Thuận, Hội thảo về "Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Chăm Bộ VHNT và Sở VHNT Ninh Thuận tổ chức, Phan Rang - tháng 10/2000.

3. Văn Món, Luật tục Chăm và Luật pháp Nhà nước trong vấn đề Hôn nhân và Gia đình hiện nay. Hội thảo quốc tế "Về Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam", Ban Mê Thuật - 11/1999.

4. Phan Đăng Nhật, Nguồn gốc và bản chất của luật tục Êđê, Hội thảo quốc tế về "Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam", Ban Mê Thuật - 11/1999.

5. Phan Đăng Nhật, Một vài nét văn hóa truyền thống của người Chăm - Bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn nước, Hội thảo về "Bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm", Bộ VHNT và Sở VHNT Ninh Thuận tổ chức, Phan Rang - tháng 10/2000.

6. Phan Đăng Nhật, Mối quan hệ giữa Luật tục Raglai và Luật tục Chăm, Hội thảo quốc tế lần II về "Văn hóa và ngôn ngữ Raglai", T/p Hồ Chí Minh - tháng 12/2000.

7. Thành Phần, Luật tục Chăm và vấn đề văn hóa, Hội thảo quốc tế về Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam", Ban Mê Thuật - 11/1999.

8. Thành phần, Văn hóa paley Chăm. Hội thảo về "Bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm, Bộ VH TT và Sở VH TT Ninh Thuận tổ chức, Phan Rang - tháng 10/2000.

9. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về "Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam", Ban Mê Thuột - 11/1999.

10. Kỷ yếu Hội thảo về "Bảo tồn và phát huy văn hóa Chăm", Bộ VH TT và Sở VH TT Ninh Thuận tổ chức, Phan Rang tháng 10/2000.

11. Kỷ yếu Hội thảo về di tích Mỹ Sơn, Quảng Nam - 9/1998.

12. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần II về "Văn hóa và ngôn ngữ Raglai", T/p Hồ Chí Minh tháng 12/2000.

VI. Luận án PTS:

1. PTS. Phan Văn Dớp, Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam, Viện KHXH tại T/p Hồ Chí Minh - 1993.

2. PTS. Phạm Hữu Mỹ, Điêu khắc đá Champa, Viện KHXH tại T/p Hồ Chí Minh - 1995.

3. PTS. Võ Công Nguyên, Nghệ thủ công truyền thống Champa, Viện KHXH tại T/p Hồ Chí Minh - 1996.

4. PTS Thành Phần, Nhà cửa người Chăm, Liên Xô - 1990.

5. PTS. Bá Trung Phụ, Hôn nhân và Gia đình người Chăm ở Việt Nam, Viện KHXH tại T/p Hồ Chí Minh - 1997.

VI. Từ điển:

1. Aymonier-Cabaton, Dictionnaire Căm-Francais, Pari - 1905.

2. Bùi Khánh Thế (chủ biên), Từ điển Chăm - Việt, Nxb KHXH - 1996.

3. Bùi Khánh Thế (chủ biên), Từ điển Việt - Chăm, Nxb KHXH - 1996.

4. Charlotte Seymour-Smith, Macmillan Dictionary of Anthropology, Macmillan Press Ltd, 1986.

5. Moussay G, (chủ biên), Dictionnaire Căm-Vietnamese-Francais, Trung tâm văn hóa Chăm Phan Rang - 1971.c

6. Moussay G, Dictionnaire Minangkabaw, Indonesien-Francais, volume I, II, edition 1, Hamattan, 5-7, Rue 1. Ecole polytechnique 75005 - Pari.

VII. Tư liệu cổ bằng chữ Chăm (akhar thrah):

1. Truyện cổ Chăm (Dalikal), Bộ sưu tầm tài liệu của Moussay, Số lượng 10 tập.

2. Những điều kiêng cữ (Danak âm mưam), Tập sách chữ Chăm của cụ Hứa Cú, Phước Nhơn - Ninh Thuận, Số lượng 01 tập.

3. Các bài thơ cổ Chăm, bài gia huấn ca, ca dao, tục ngữ (Ariya klăng Anak, pato Adat kamey, uk Thruk paley, Adat Likey, panuoc padip, panuoc yaw...), Số lượng 50 tập.

4. Các bài hát lễ của các thầy Kadhar, Mư Duôn, (Danak doh kadhar, Mưduon...), Số lượng 5 tập.

Tất cả những tư liệu trên, một số tư liệu riêng của các tác giả và một số là tư liệu trong bộ sưu tầm của Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm Ninh Thuận.

MỤC LỤC

Trang

| | |
|----------------------------------|---|
| Lời giới thiệu | 5 |
| Lời nhóm biên soạn | 7 |
| Luật tục Chăm và luật tục Raglai | 9 |

LUẬT TỤC CHĂM - ADAT CHĂM

Phần thứ nhất

| | |
|---|----|
| Khái quát về người Chăm và văn hóa Chăm | 41 |
|---|----|

Phần thứ hai

| | |
|---------------------------|----|
| Luật tục Chăm - Adat Chăm | 73 |
|---------------------------|----|

Chương I

| | |
|---|----|
| Cách phân xử và phạt vạ trong Adat Chăm | 73 |
|---|----|

Chương II

| | |
|-------------------------------|----|
| Những điều luật của Adat Chăm | 91 |
|-------------------------------|----|

Phần thứ ba

| | |
|------------------------|-----|
| Luật tục Chăm ngày nay | 167 |
|------------------------|-----|

Phần thứ tư

| | |
|---|-----|
| Kế thừa luật tục Chăm xây dựng quy ước làng văn hóa đoàn kết, yên vui, ấm no, hạnh phúc. | 195 |
|---|-----|

Phần thứ Năm

| | |
|---|-----|
| Văn bản ứng dụng luật tục ở Bình Nghĩa - Ninh Thuận | 204 |
|---|-----|

Phần thứ sáu

| | |
|----------------|-----|
| Phụ lục | 252 |
|----------------|-----|

I. Một số hình ảnh sinh hoạt về luật tục Chăm

II. Một số tư liệu liên quan đến luật tục Chăm

1. Bài tham luận về luật tục Chăm
2. Dự thảo bộ luật Chăm của cụ Dương Tấn Phát
3. Truyện cổ Chăm liên quan đến luật tục
4. Các bài gia huấn ca liên quan đến luật tục

LUẬT TỤC RAGLAI

Chương một

| | |
|-------------------------|-----|
| Sơ lược về người Raglai | 383 |
|-------------------------|-----|

Chương hai

| | |
|----------------------------|-----|
| Giới thiệu luật tục Raglai | 393 |
|----------------------------|-----|

Chương ba

| | |
|---------------------------------------|-----|
| Nội dung luật tục Truyền thống Raglai | 422 |
|---------------------------------------|-----|

Chương bốn

| | |
|---|-----|
| Luật tục Raglai ngày nay và quy ước văn hóa | 685 |
|---|-----|

Chương năm

| | |
|--------------------------------------|-----|
| Quy ước văn hóa paloi văn hóa thôn 1 | 719 |
|--------------------------------------|-----|

LUẬT TỤC CHĂM VÀ RAGLAI

GS. TSKH Phan Đăng Nhật (chủ biên)

TH.S Tô Đông Hải - Cử nhân Sakaya - Cử nhân Trần Vũ
Chamaliaq Riya Tiếng

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19. Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội, Tel: 04.9434239

7. Nguyễn Thị Minh Khai, Q1. Tp Hồ Chí Minh

Tel: 08.8222895

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập:

HOÀNG TUẤN CƯ

Trình bày

TUẤN DŨNG

Bìa:

QUỐC THẮNG

Sửa bìa

L.H VĂN MÓN

In tại: Công ty in Thương Mại Hà Nội.

Số lượng: 500 cuốn. Khuôn khổ: 14.5 x 20.5

Giấy phép xuất bản số: 29 - 469/XB-QLXB.

Giấy trích ngang KHXB: 904 /XBĐT-GP, cấp ngày: 19/11/2003

In xong và nộp lưu chiểu: 12/2003.

